



**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI**

VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ TOÀN TẬP

12
(1980 - 1982)

ST

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

**VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ
TOÀN TẬP**

12

(1980 - 1982)

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI**

**VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ
TOÀN TẬP
12
(1980 – 1982)**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2016**

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

NGUYỄN VĂN VINH	Chủ tịch Hội đồng
DOÃN VĂN HƯỞNG	Phó chủ tịch Hội đồng
PHẠM VĂN CƯỜNG	Ủy viên Hội đồng
CAO ĐỨC HẢI	Ủy viên Hội đồng
TẠ ĐÌNH BẢNG	Ủy viên Hội đồng
NGUYỄN VĂN HÒA	Ủy viên Hội đồng
NGUYỄN THANH DƯƠNG	Ủy viên Hội đồng
ĐẶNG PHI VÂN	Ủy viên Hội đồng
MAI ĐÌNH ĐỊNH	Ủy viên Hội đồng
LÝ SEO DÌN	Ủy viên Hội đồng
ĐINH TIẾN QUÂN	Ủy viên Hội đồng
NGUYỄN HỮU THỂ	Ủy viên Hội đồng
HẦU A LÊNH	Ủy viên Hội đồng
HÀ THỊ NGÀ	Ủy viên Hội đồng

CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

NGUYỄN VĂN VINH	Bí thư Tỉnh ủy
HÀ THỊ NGÀ	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
ĐẶNG XUÂN PHONG	Phó Bí thư Tỉnh ủy

BAN XÂY DỰNG BẢN THẢO

ĐỖ TRƯỜNG SƠN	Trưởng ban
NGUYỄN VĂN PHÚC	Phó Trưởng ban Thường trực
ĐỖ VĂN LƯỢC	Phó Trưởng ban
NGUYỄN THỊ NGUYỄN	Thư ký
ĐẶNG PHI VÂN	Thành viên
LÝ SEO DÌN	Thành viên
CAO ĐỨC HẢI	Thành viên
LÝ THỊ VINH	Thành viên
TRẦN VĂN TỎ	Thành viên
NGUYỄN THỊ HẢI ANH	Thành viên
NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Thành viên
ĐÀO DUY THẮNG	Thành viên
ĐỖ VIẾT LỢI	Thành viên
ĐOÀN NGỌC TUYẾN	Thành viên
NGUYỄN THỊ LOAN	Thành viên
HOÀNG THỊ THANH THU	Thành viên
NGUYỄN THỊ MINH	Thành viên
NGUYỄN THÀNH NAM	Thành viên
PHẠM THÀNH LONG	Thành viên
NGUYỄN CAO SỸ	Thành viên
ĐÀO ANH TUẤN	Thành viên

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Bộ sách ***Văn kiện Đảng bộ toàn tập*** của Đảng bộ tỉnh Lào Cai được thực hiện theo Kế hoạch số 71- KH/TU, ngày 22-12-2013 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc xây dựng Văn kiện Đảng bộ tỉnh Lào Cai toàn tập từ khóa I đến khóa XIV. Ban Xây dựng bản thảo Văn kiện Đảng bộ tỉnh Lào Cai toàn tập từ khóa I đến khóa XIV phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật tiến hành sưu tầm, xây dựng và xuất bản bộ sách ***Văn kiện Đảng bộ toàn tập*** của Đảng bộ tỉnh Lào Cai. Đây là một bộ tài liệu có ý nghĩa chính trị và giá trị khoa học, thực tiễn đánh dấu sự phát triển của Đảng bộ tỉnh Lào Cai. Bộ sách giúp các nhà nghiên cứu, cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là các nhà lãnh đạo tiếp cận nguồn thông tin, tư liệu mang tính hệ thống, toàn diện về văn kiện của Đảng bộ tỉnh Lào Cai, phục vụ cho việc nghiên cứu, tổng kết lý luận và thực tiễn, biên soạn lịch sử Đảng bộ tỉnh Lào Cai, đảng bộ cơ sở, lịch sử địa phương, ban, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh; góp phần giáo dục lịch sử địa phương trong các trường phổ thông, các trung tâm bồi dưỡng chính trị, các chi bộ, đảng bộ; thấy rõ sự sáng tạo, nhạy bén, kịp thời và toàn diện trong lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Lào Cai qua các giai đoạn cách mạng, qua đó củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Văn kiện Đảng bộ toàn tập, tập 12 (1980 - 1982) tập hợp các văn kiện do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai ban hành từ năm 1980 đến năm 1982 và được sắp xếp theo thời gian ban hành.

Mặc dù đã hết sức cố gắng trong quá trình biên tập nhưng cuốn sách khó tránh khỏi thiếu sót và khiếm khuyết. Chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để hoàn thiện cuốn sách trong lần xuất bản sau.

Xin giới thiệu cuốn sách với các đồng chí và các bạn.

Tháng 4 năm 2016

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

LỜI GIỚI THIỆU

Văn kiện Đảng bộ toàn tập, tập 12 phản ánh hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ từ năm 1980 đến năm 1982. Trong thời gian này, tỉnh Hoàng Liên Sơn đứng trước những khó khăn to lớn: Sản xuất phát triển chậm, trì trệ, năng suất lao động và hiệu quả kinh tế thấp, các mặt của đời sống xã hội mất cân đối nghiêm trọng; sự rối loạn của thị trường, giá cả, sự thiếu hụt lương thực, thực phẩm đã ảnh hưởng lớn đến đời sống của nhân dân, nhất là những người làm công ăn lương.

Khó khăn, thách thức đòi hỏi Đảng bộ phải tăng cường sự lãnh đạo và quản lý kinh tế, tạo cho được bước chuyển biến mạnh mẽ về kinh tế - xã hội, đồng thời nâng cao cảnh giác, quyết tâm bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ.

Đảng bộ đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, tập trung vào các vấn đề ổn định tình hình, khắc phục hậu quả chiến tranh, đề cao cảnh giác, củng cố cấp huyện, xã; xây dựng tuyến phòng thủ biên giới; tập trung giải quyết nhiệm vụ cấp bách về kinh tế, xã hội; tiến hành Đại hội Đảng bộ lần thứ II, lần thứ III; xây dựng các tổ chức đảng; cải thiện một bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là giải quyết vấn đề lương thực; thực hiện Chỉ thị số 100-CT/TW về cải tiến công tác khoán, mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động” trong hợp tác xã nông nghiệp.

Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân quán triệt, quyết tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, phấn đấu tháo gỡ khó khăn nhằm thúc đẩy sản xuất, thực hành tiết kiệm, cải tiến phân

phối lưu thông, tổ chức lại sản xuất, giải quyết vấn đề lương thực, ổn định đời sống nhân dân.

Văn kiện Đảng bộ toàn tập, tập 12 bao gồm các báo cáo, nghị quyết, chỉ thị, thông tri, thông báo... của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Mặc dù Ban Xây dựng bản thảo và Hội đồng Xuất bản đã hết sức cố gắng nhưng khó tránh khỏi thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 7 năm 2015

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

số 1417-QN/TU, ngày 1-9-1980

Về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng

- Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ công tác hiện tại;
- Xét đề nghị của Huyện ủy Bắc Hà ngày 25-7-1980;
- Căn cứ vào Điều 11 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y sáp nhập Chi bộ cơ sở Lâm trường Si Ma Cai vào Đảng ủy cơ sở Lâm trường Lùng Phình thành 1 đảng bộ cơ sở lấy tên là Đảng bộ Lâm trường Lùng Phình trực thuộc Huyện ủy Bắc Hà.

Huyện ủy Bắc Hà có nhiệm vụ chỉ đạo chặt chẽ việc sáp nhập cơ sở, củng cố để sớm ổn định tổ chức cơ sở đảng.

2. Huyện ủy Bắc Hà, Đảng ủy Lâm trường Lùng Phình và Chi bộ Lâm trường Si Ma Cai căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 1418-QN/TU, ngày 1-9-1980

Về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng

- Căn cứ vào nhiệm vụ lãnh đạo chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu;
- Xét đề nghị của Huyện ủy Sa Pa ngày 25-6-1980;
- Căn cứ vào Điều 11 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y sáp nhập Đảng ủy D7 Bộ đội biên phòng huyện Sa Pa và Đảng ủy Ban chỉ huy Quân sự huyện Sa Pa thành một đảng ủy cơ sở, lấy tên là Đảng ủy Ban chỉ huy Quân sự huyện Sa Pa. Đặt trực thuộc Huyện ủy Sa Pa.

Huyện ủy Sa Pa có nhiệm vụ chỉ đạo việc sáp nhập cơ sở sớm ổn định và thực hiện đúng nguyên tắc đó quy định.

2. Huyện ủy Sa Pa, Đảng ủy Ban chỉ huy Quân sự Sa Pa và Đảng ủy D7 Bộ đội biên phòng Sa Pa căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 75-TT/TU, ngày 10- 9-1980

Hướng dẫn thảo luận báo cáo về tình hình và nhiệm vụ của Đảng bộ tỉnh tại Đại hội tỉnh lần thứ II

Để đạt chất lượng cao về nội dung Đại hội tỉnh và bớt thời gian tập trung họp ở tỉnh, các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc họp trừ bị theo đoàn đại biểu của mình để nghiên cứu, thảo luận và tham gia ý kiến vào bản báo cáo của Tỉnh ủy về tình hình và phương hướng nhiệm vụ của Đảng bộ tỉnh tại Đại hội tỉnh.

Thời gian họp hội nghị trừ bị ở huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc là 2 ngày (17 và 18-9-1980). Sau đó, cử đồng chí Thường trực cấp ủy đem biên bản báo cáo về Tỉnh ủy để phản ánh trực tiếp. Đoàn đại biểu cũng thu xếp để đi ngay về tỉnh họp Đại hội.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy hướng dẫn mục đích, yêu cầu và nội dung cần tập trung thảo luận trong bản báo cáo của Tỉnh ủy như sau:

1. Về mục đích yêu cầu: Phải trên cơ sở nắm vững tinh thần của các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và của Tỉnh ủy, cụ thể là các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4, 5, 6 và Nghị quyết 26 của Trung ương, Nghị quyết Đại hội tỉnh lần thứ I để đánh giá đầy đủ, đúng mức những thắng lợi đã đạt được trong mấy năm qua của Đảng bộ tỉnh ta, trên cơ sở thấy rõ các khó khăn (...), đồng thời, cần nghiêm túc thấy hết những khuyết điểm, nhược điểm tồn tại và nguyên nhân để tiếp tục sửa chữa và khắc phục. Trong các nguyên nhân tồn tại, chủ yếu

là kiểm điểm rõ nhận thức, tư tưởng, quan điểm, trách nhiệm của các cấp, các ngành (tỉnh, huyện, cơ sở) trước hết là của cấp mình, ngành mình trong việc quán triệt các nghị quyết, trong việc cụ thể hóa ở từng cấp từng ngành, đồng thời thẳng thắn, xây dựng, phê bình cấp trên, phê bình Tỉnh ủy.

Trên cơ sở đó, nâng cao nhận thức và đóng góp xây dựng phương hướng nhiệm vụ của Đảng bộ tỉnh các năm 1980-1981-1982 của Tỉnh ủy dự thảo.

2. Những nội dung trọng tâm cần chú ý thảo luận và góp ý kiến: Báo cáo của Tỉnh ủy gồm ba phần và nêu toàn diện các lĩnh vực công tác, nhưng cần tập trung vào những vấn đề trọng tâm và xoay vào ba nhiệm vụ chủ yếu là: sản xuất và đời sống; sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, bảo vệ trị an; xây dựng củng cố Đảng, chính quyền các đoàn thể quần chúng và công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Cần tập trung vào những điểm sau:

- Về sản xuất đời sống, trọng tâm là sản xuất lương thực - thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, lưu thông phân phối (tiền hàng) công tác tổ chức và bảo đảm đời sống đi đối với hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu và Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị. Chú ý các mục tiêu phấn đấu và các biện pháp về chỉ đạo, tổ chức quản lý và thực hiện các chính sách, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

- Về chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ trị an, trọng tâm là: Nhận thức về âm mưu địch, về kẻ thù nguy hiểm (...), về cảnh giác cách mạng, tư tưởng tiến công và quyết thắng đối với mọi âm mưu địch. Trong nhiệm vụ, chú ý các công tác củng cố cơ sở vùng biên giới, xây dựng củng cố lực lượng vũ trang và an ninh, xây dựng các thế trận chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân, phục vụ hậu cần tuyến I, công tác bảo vệ biên giới, nội địa, phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng các làng xã chiến đấu, huyện thành pháo đài chiến tranh nhân dân, công tác chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp, loại trừ bạo loạn, công tác đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực...

- Xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, các đoàn thể, nhất là hàng ngũ đảng viên, các bộ cốt cán cơ sở, trọng yếu là vùng cao, biên giới, các trọng điểm khác trong tỉnh. Chú ý vấn đề xây dựng và phân cấp cho huyện, vấn đề tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, những tư tưởng lệch lạc trong cán bộ, đảng viên, quần chúng cần khắc phục.

3. Phương pháp thảo luận và bổ sung ý kiến: Đọc toàn bộ văn bản dự thảo báo cáo của Tỉnh ủy, sau đó nêu các điểm trọng tâm để thảo luận, lấy ý kiến bổ sung, không nên đi vào các vấn đề vụn vặt, chi tiết và những vấn đề không đúng với yêu cầu nhiệm vụ của Đại hội tỉnh quyết định.

Phải căn cứ vào nội dung đã dự thảo trong báo cáo của Tỉnh ủy để thảo luận. Những vấn đề gì đã nhất trí với dự thảo báo cáo rồi thì không cần phân tích nhiều; chủ yếu chỉ bổ sung những vấn đề mà trong báo cáo chưa đề ra hoặc đề ra chưa rõ, chưa đúng, nói chung nên có sự thảo luận, trao đổi đi đến nhất trí chung, nhưng cũng không gò bó và cần tôn trọng các ý kiến của từng đồng chí phát biểu trong thảo luận.

Các ý kiến bổ sung báo cáo cần ghi rõ vào biên bản báo cáo, ghi rõ số người tham gia ý kiến, mỗi ý kiến bổ sung đó là của mấy đồng chí góp vào. Biên bản này, ngày 19-9-1980 đồng chí Trưởng đoàn sẽ đem lên Tỉnh ủy báo cáo phản ánh trực tiếp để Tỉnh ủy tổng hợp và chỉnh lý lại bản báo cáo chính thức của Tỉnh ủy trước Đại hội tỉnh.

4. Cần chuẩn bị khí thế cho Đại hội ngay từ cuộc họp trừ bị này với nhiệm vụ là đoàn kết, quyết thắng trong mọi tình hình, trên mọi nhiệm vụ của Đảng bộ.

Căn cứ nội dung hướng dẫn trên các huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc nghiên cứu thực hiện và bảo đảm thời gian như đã quy định trên.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 1428-QN/TU, ngày 11-9-1980

Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra huyện Bát Xát

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI của Điều lệ Đảng;
- Căn cứ vào Báo cáo số 01- BC, ngày 31-3-1980 của Ủy ban Kiểm tra huyện Bát Xát và căn cứ đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy về việc chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bát Xát,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bát Xát gồm 5 đồng chí:

- Vũ Ngọc Trưởng, Trưởng ban
- Trương Hùng, Phó ban
- Vũ Ngọc Quang, Ủy viên
- Nguyễn Đình Tửu, Ủy viên
- Nguyễn Thanh Xuân, Ủy viên.

2. Ban Thường vụ Huyện ủy Bát Xát, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 1430-QN/TU, ngày 12-9-1980

Về việc chuyển giao đại biểu đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II

- Căn cứ vào Điều 14 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định về việc bầu cử đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ các cấp của Đảng;

- Do yêu cầu công tác tỉnh điều động cán bộ từ cơ quan, đơn vị này sang cơ quan, đơn vị khác;

- Căn cứ vào Công văn số 1257-TC/TW, ngày 17-7-1980 của Ban Tổ chức Trung ương Đảng trả lời Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn về một số vấn đề tư cách đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuyển đồng chí Hà Viên, nguyên Chính trị viên Huyện đội Văn Chấn, hiện nay là Chính trị viên Huyện đội Bát Xát, đã được Đại hội Đảng bộ huyện Văn Chấn bầu làm đại biểu chính thức trong đoàn đại biểu Văn Chấn đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II, nay chuyển sang đoàn đại biểu của Đảng bộ huyện Bát Xát làm đại biểu chính thức đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II.

2. Huyện ủy Văn Chấn có trách nhiệm bàn giao, Huyện ủy Bát Xát tiếp nhận đại biểu có tên trên đây, số đại biểu của đoàn Văn Chấn giảm đi, nhưng không phải bầu thêm.

3. Đảng bộ huyện Văn Chấn, huyện Bát Xát và đồng chí Hà Viên chiếu Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 1430-QN/TU, ngày 12-9-1980

**Về việc hợp nhất hai đoàn đại biểu
Đảng bộ Công an vũ trang (cũ)
và Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh thành một đoàn đại biểu
đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II**

- Căn cứ vào Điều 14 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định về việc bầu cử đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ các cấp của Đảng;

- Căn cứ Quyết định của Trung ương, sáp nhập lực lượng Công an nhân dân vũ trang với lực lượng Quân đội nhân dân Việt Nam;

- Căn cứ vào Công văn số 1257-TC/TW, ngày 17-7-1980 của Ban Tổ chức Trung ương Đảng trả lời Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn về một số vấn đề tư cách đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Hợp nhất hai đoàn đại biểu Đảng bộ Công an nhân dân vũ trang (cũ) (trừ các đồng chí đại biểu đã chuyển đi đảng bộ khác) với đoàn đại biểu Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Hoàng Liên Sơn thành đoàn đại biểu “Đảng bộ Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh” đi dự Đại hội Đảng tỉnh lần thứ II.

2. Các đại biểu được Đại hội đại biểu Đảng bộ Công an nhân dân vũ trang (cũ) và Đại hội đại biểu Đảng bộ Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh bầu ra để đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh (cả đại biểu chính thức và dự khuyết) đều là thành viên trong đoàn đại biểu Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II.

3. Đảng bộ Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh và các đồng chí đại biểu của Đảng bộ Công an nhân dân vũ trang (cũ), các đồng chí đại biểu Đảng bộ Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh chiếu Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

KẾ HOẠCH CỦA TỈNH ỦY

Số 08-KH/TU, ngày 19- 9-1980

Tiến hành đợt sinh hoạt chính trị quán triệt thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ II

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ II trong khí thế đoàn kết tin tưởng đã thành công rực rỡ, Đại hội đã kiểm điểm tình hình mọi mặt trong tỉnh từ Đại hội lần thứ I tháng 4 - 1977 tới nay và quyết định phương hướng nhiệm vụ của tỉnh từ nay đến năm 1982. Đại hội đã bầu cử ra Ban Chấp hành mới của Tỉnh Đảng bộ.

Tin tưởng, phấn khởi trước thành công rực rỡ của Đại hội chúng ta tiến hành một đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng từ trong Đảng ra ngoài nhân dân, theo kế hoạch sau đây:

I. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA CỦA ĐỢT SINH HOẠT CHÍNH TRỊ

- Làm cho toàn Đảng bộ và quân dân các dân tộc trong tỉnh quán triệt sâu sắc nội dung nghị quyết Đại hội. Dân chủ thảo luận và đi tới nhất trí cao với Đại hội về đánh giá tình hình từ Đại hội lần thứ I tháng 4 - 1977 đến nay và phương án nhiệm vụ của tỉnh từ nay đến năm 1982.

- Tạo nên khí thế phấn khởi, hồ hởi, tin tưởng và quyết tâm tìm mọi biện pháp phấn đấu hoàn thành thắng lợi nghị quyết Đại hội, có

kế hoạch cụ thể từng bước, từng thời gian triển khai thực hiện nghị quyết trở thành hiện thực sinh động.

- Phát động các đợt thi đua sôi nổi hoàn thành tốt những nhiệm vụ quý IV năm 1980 và đông - xuân năm 1980-1981 để chào mừng thắng lợi của Đại hội.

II. NỘI DUNG ĐỢT SINH HOẠT CHÍNH TRỊ

1. Quán triệt nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ II (Dựa theo đề cương tuyên truyền về nội dung của Đại hội do Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn biên soạn gửi tới các cơ sở trong toàn tỉnh).

- Nghe giới thiệu và trao đổi thảo luận để quán triệt những nội dung sau đây:

a) *Thấy rõ thuận lợi, khó khăn những thành tích và nguyên nhân thắng lợi của Đảng bộ và quân dân các dân tộc trong tỉnh từ năm 1977 đến nay trên các mặt: Những thành tích trong sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa, bảo đảm đời sống nhân dân, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tăng cường lực lượng quốc phòng, an ninh (...). Những thành tích trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng và củng cố chính quyền, các đoàn thể quần chúng, xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân các dân tộc.*

b) *Thấy rõ những khuyết điểm, nhược điểm của phong trào chung trong tỉnh trên các mặt: Kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể. Nguyên nhân những tồn tại khuyết điểm đó.*

c) *Nhận rõ phương hướng nhiệm vụ năm 1980 và hai năm 1981-1982, cụ thể là:*

- Hiểu rõ những đặc điểm tình hình cách mạng hiện nay trong cả nước, trên thế giới và những đặc điểm tình hình cụ thể của tỉnh nhà hiện nay.

- Hiểu rõ phương hướng nhiệm vụ của tỉnh Hoàng Liên Sơn trong năm 1980 và các năm 1981-1982.

- Đặc biệt là quán triệt sâu sắc về những chỉ tiêu chủ yếu, những chủ trương, biện pháp lớn trên các mặt hoạt động.

2. Trên tinh thần nghị quyết Đại hội, vận dụng vào tình hình cụ thể của địa phương, ngành, thảo luận, bàn bạc cụ thể những nhiệm vụ của địa phương, ngành trong những năm tới và những nhiệm vụ trước mắt của địa phương, ngành, biện pháp để thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội trong nhiệm vụ của địa phương, của ngành.

3. Phát động một đợt thi đua ngắn từ nay đến hết năm 1980 hoàn thành tốt những nhiệm vụ quý IV và cả năm 1980 chuẩn bị đông - xuân 1981 và kế hoạch quý I năm 1981 để thiết thực chào mừng thắng lợi của Đại hội.

III. CÁCH TIẾN HÀNH ĐỢT SINH HOẠT CHÍNH TRỊ

Các đoàn đại biểu của các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh, sau khi dự Đại hội tỉnh về tổ chức ngay mítting ở cơ sở huyện thị, và các ngành để chào mừng thành công của Đại hội và tổ chức báo cáo kết quả Đại hội, bồi dưỡng báo cáo viên để triển khai đợt sinh hoạt chính trị tại các cơ sở.

Bố trí báo cáo viên, cán bộ tăng cường xuống các cơ sở, phân phối nhanh tài liệu sinh hoạt chính trị cho các cơ sở.

Ở các cơ sở:

- Chuẩn bị chu đáo cho các đợt sinh hoạt chính trị, cụ thể là:

+ Căn cứ vào nghị quyết Đại hội, vận dụng vào tình hình cụ thể của địa phương, cơ sở mình đề ra những nhiệm vụ từ nay đến hết năm 1980; họp Thường vụ để thông qua và phân công các đồng chí trong cấp ủy chuẩn bị các mặt cho đợt sinh hoạt chính trị.

+ Bàn kế hoạch triển khai đợt sinh hoạt chính trị ở cơ sở.

- Trình tự tiến hành đợt sinh hoạt chính trị ở cơ sở:

+ Sinh hoạt chính trị trong chi bộ trước. Sau khi tiến hành sinh

hoạt chính trị trong chi bộ xong, thì phân công đảng viên tuyên truyền cho quần chúng nghị quyết Đại hội và nghị quyết của các cấp ủy địa phương về chương trình hành động chào mừng Đại hội trong cán bộ xã, trong các hợp tác xã, các thôn, bản, trong các đoàn thể.

+ Tổ chức sinh hoạt chính trị trong nhân dân tiến hành theo đơn vị đội sản xuất. Tiến hành trong 4 buổi:

+ Nghe giới thiệu nghị quyết Đại hội (1 buổi).

Thảo luận 2 buổi (1 buổi thảo luận phân tích đánh giá tình hình, 1 buổi thảo luận phân phương hướng nhiệm vụ).

+ Bàn nhiệm vụ cụ thể và phát động thi đua (1 buổi).

Đợt sinh hoạt chính trị này tiến hành từ đầu tháng 10-1980 đến hết tháng 10-1980.

Các huyện, thị, các Đảng ủy trực thuộc tỉnh báo cáo kết quả đợt sinh hoạt chính trị về Ban Tuyên giáo Tỉnh, để Ban Tuyên giáo Tỉnh tổng hợp báo cáo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC

Của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II

- Thời gian họp chính thức: 3 ngày (từ ngày 22 đến 24-9-1980).

- Họp trừ bị chung: 1/2 ngày (chiều 21-9-1980)

Chiều 21-9-1980: Họp trừ bị chung, tiến hành các việc:

1. Cử Đoàn Chủ tịch.

2. Cử đoàn thư ký.

3. Cử Ban thẩm tra tư cách đại biểu.

4. Thông qua chương trình làm việc của Đại hội.

5. Ban thẩm tra tư cách đại biểu báo cáo về nhân sự đại biểu

Đại hội.

6. Phổ biến nội quy Đại hội.

7. Sau hội nghị trừ bị chung, Đoàn Chủ tịch hội ý công việc lãnh đạo hội nghị.

Tối: Chiếu phim.

Ngày 22-9-1980:

+ Sáng khai mạc Đại hội:

- Chào cờ (có Quốc tế ca, Quốc ca, lãnh tụ ca).

- Mặc niệm (cử nhạc mặc niệm).

- Tuyên bố lý do và giới thiệu Đại hội (đồng chí Nguyễn Ngọc Hồ, Phó Bí thư Tỉnh ủy).

- Đọc lời khai mạc Đại hội (đồng chí Dương Việt Tiến, Bí thư Tỉnh ủy).

- Đồng chí đại diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương phát biểu ý kiến chỉ thị cho Đại hội.

- Đoàn Chủ tịch đáp từ (đồng chí Dương Việt Tiến, Bí thư Tỉnh ủy).

+ *Chiều:*

- Đọc báo cáo của Tỉnh ủy về tình hình và phương hướng nhiệm vụ của Đảng bộ (đồng chí Dương Việt Tiến, Bí thư Tỉnh ủy).

- Các đại biểu Đảng bộ phát biểu ý kiến chào mừng Đại hội.

- Đoàn Chủ tịch đáp từ các Đảng bộ bạn (đồng chí Dương Việt Tiến).

+ *Tối:* Xem biểu diễn văn nghệ.

Ngày 23-9-1980:

+ *Sáng:* Phát biểu ý kiến tại Hội trường.

+ *Chiều:* Đọc thông qua và phát biểu Nghị quyết của Đại hội (đồng chí Nguyễn Ngọc Hồ, thay mặt Đoàn Chủ tịch đọc).

- Báo cáo tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, nguyên tắc bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa II (đồng chí Nguyễn Ngọc Hồ, thay mặt Đoàn Chủ tịch báo cáo).

- Biểu quyết số lượng Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa II.

- Từng đoàn đại biểu trao đổi mạn đàm.

+ *Tối:* Tiếp tục trao đổi mạn đàm.

Ngày 24-9-1980:

+ *Sáng:*

- Tiến hành bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa II.

- Ứng cử, đề cử giới thiệu danh sách bầu cử.

- Cử Ban kiểm phiếu và báo cáo nguyên tắc thể lệ bầu cử.

- Bỏ phiếu kín.

+ *Chiều:*

- Bầu tiếp vòng 2 (số ủy viên dự khuyết), nếu chưa xong buổi sáng và công bố kết quả bầu cử.

- Thông qua điện văn của Đại hội gửi Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Đọc lời bế mạc Đại hội (đồng chí Dương Việt Tiến thay mặt Đoàn Chủ tịch).

- Chào cờ kết thúc Đại hội.

Thời gian làm việc hằng ngày

+ Buổi sáng: Từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ đến 17 giờ.

+ Buổi tối: Từ 19 giờ 30 đến 21 giờ 30.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**DIỄN VĂN KHAI MẠC ĐẠI HỘI
ĐẠI BIỂU LẦN THỨ II
ĐẢNG BỘ TỈNH HOÀNG LIÊN SƠN**

Từ ngày 22-9-1980 đến 24-9-1980

(Do đồng chí Dương Việt Tiến, Bí thư Tỉnh ủy đọc)

Kính thưa đồng chí Lê Thanh Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng,

Kính thưa đồng chí Vũ Lập, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Quân khu ủy, Tư lệnh Quân khu II,

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo và chuyên viên các Ban Trung ương Đảng,

Kính thưa các đồng chí đại biểu Đảng bộ bạn và tỉnh bạn,

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Thưa toàn thể Đại hội!

Thực hiện Điều lệ của Đảng và thi hành Chỉ thị 55 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, chúng ta đã tiến hành đợt sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng bộ: mở Đại hội ba cấp.

Hôm nay, được sự đồng ý của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng bộ tỉnh ta chính thức khai mạc.

Trong giờ phút trọng thể, với niềm hân hoan, phấn khởi, toàn thể Đại hội chúng ta nhiệt liệt chào mừng đồng chí Lê Thanh Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ về dự và trực tiếp chỉ đạo Đại hội (vỗ tay).

Nhân dịp này, chúng ta xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc và niềm tin tưởng tuyệt đối của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Hoàng Liên Sơn đối với sự lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết của Ban Chấp hành Trung ương, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn kính mến (vỗ tay).

Đại hội chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh sự có mặt của đồng chí Vũ Lập, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Quân khu ủy, Tư lệnh Quân khu II tới dự.

Chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh các đồng chí đại diện các ban Tổ chức, Ban Tuyên huấn, Kiểm tra, Dân tộc Trung ương về dự, theo dõi, giúp đỡ và cổ vũ Đại hội.

Chúng ta vui mừng được đón tiếp đại biểu Đảng bộ tỉnh bạn là đồng chí Hoàng Quy, Bí thư tỉnh Vĩnh Phú, người cùng chung nhiệm vụ và trách nhiệm đã từng chi viện, giúp đỡ cả về người và của đối với Đảng bộ chúng ta.

Chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh đại diện Binh đoàn bộ đội chủ lực, do đồng chí Đặng Hữu Lộc, Bí thư Đảng ủy, Phó Tư lệnh đã dự Đại hội với chúng ta.

Chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh sự có mặt đông đủ các đồng chí đại biểu của tất cả các Đảng bộ trong tỉnh về dự Đại hội.

Thưa các đồng chí đại biểu!

Thưa toàn thể Đại hội!

Từ sau Đại hội Đảng bộ lần thứ I tới nay, trên phạm vi cả nước, cũng như riêng tỉnh ta đã diễn ra nhiều sự kiện quan trọng. Đảng bộ tỉnh ta là một trong những Đảng bộ đứng ở tuyến đầu Tổ quốc (...). Chúng ta có trách nhiệm vừa sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, vừa đẩy mạnh nhịp độ xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Dưới ánh sáng các nghị quyết của Trung ương Đảng, tập trung sức thực hiện tốt ba nhiệm vụ: Đẩy mạnh sản xuất, ổn định và bảo đảm đời sống của nhân dân; tăng cường quốc phòng và an ninh, sẵn sàng chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc; kiên quyết đấu tranh khắc phục những mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội; sản xuất nhiều hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, làm tốt công tác lưu

thông phân phối, tại Đại hội này, chúng ta sẽ kiểm điểm, đánh giá một cách nghiêm túc về những công việc đã làm từ năm 1977 đến nay. Từ đó, rút ra những ưu điểm, khuyết điểm, tìm ra nguyên nhân thắng lợi để phát huy, kiên quyết khắc phục nhược, khuyết điểm, nhất là những nguyên nhân thuộc về chủ quan của chúng ta.

Đối với phương hướng và nhiệm vụ năm 1980 và 2 năm 1981-1982 chúng ta chú ý toàn diện, cân đối. Song, đặc biệt cần quan tâm đến ba nhiệm vụ chủ yếu gắn bó với nhau là: Đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm đời sống, gắn chặt với sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ trị an, với xây dựng, củng cố Đảng và các tổ chức trong sạch, vững mạnh. Trong nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, chúng ta cần chú ý đến công tác xây dựng tuyến phòng thủ thật vững chắc; xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân, toàn diện, xây dựng lực lượng và sẵn sàng chiến đấu thắng lợi, coi trọng xây dựng cả ba thứ quân, nhất là bộ đội địa phương, dân quân tự vệ và lực lượng an ninh nhân dân, đồng thời bảo đảm đoàn kết mỗi lực lượng, đoàn kết quân dân, giữ gìn bí mật, nêu cao cảnh giác, chống chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp của địch. Về kinh tế, chúng ta chú ý tập trung đến ý kiến đóng góp vào việc xây dựng nền kinh tế công - nông - lâm nghiệp của tỉnh ta một cách toàn diện, với các mục tiêu kế hoạch tiên tiến và vững chắc. Trong công tác bảo đảm đời sống nhân dân, trọng tâm trước hết là làm thế nào để có nhiều lương thực, thực phẩm. Quá trình đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, chúng ta phải coi trọng việc khai thác, phát huy khả năng lao động và đất đai tài nguyên sẵn có cùng những tiềm năng của địa phương, biến nguồn nguyên liệu giàu có và phong phú trở thành hàng hóa có giá trị kinh tế cao, đáp ứng yêu cầu địa phương và góp phần vào việc cung cấp cho nền kinh tế chung. Biết phát huy thế mạnh của địa phương, trong quản lý, biết nắm vững chuyên chính vô sản, kết hợp sinh động các biện pháp giáo dục hành chính và kinh tế, vận dụng ba lợi ích, đi sâu cụ thể, có sáng tạo, lại được sự lãnh đạo, chỉ đạo giúp đỡ của Trung ương, sự hỗ trợ của tỉnh bạn, chúng

ta tin tưởng rằng nhất định từng bước sẽ đưa Hoàng Liên Sơn trở thành một tỉnh giàu mạnh.

Trong công tác củng cố cơ sở, trước hết cần tập trung vào các biện pháp xây dựng chi bộ, đảng bộ trong sạch và vững mạnh, đủ sức lãnh đạo toàn diện và thắng lợi mọi nhiệm vụ ở cơ sở. Đồng thời chúng ta cần củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, xây dựng đội ngũ cán bộ và lực lượng nòng cốt đủ sức biến mỗi thôn, bản, làng, xã của chúng ta thành pháo đài xây dựng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Tổ quốc vững mạnh.

Thưa các đồng chí đại biểu!

Thưa toàn thể Đại hội!

Các đồng chí đại biểu về dự Đại hội là những người tiêu biểu, đại diện cho các Đảng bộ trong tỉnh. Với thời gian hết sức khẩn trương, chúng tôi tin rằng các đồng chí sẽ dồn hết tâm trí, tinh thần và nghị lực vào việc bàn bạc, đề xuất và quyết định các vấn đề trọng đại với tinh thần đoàn kết, nhất trí cao, quyết giành thắng lợi cho Đại hội. Nhất định mỗi đại biểu của Đại hội sẽ làm việc thật xứng đáng với sự tín nhiệm của toàn thể cán bộ, đảng viên nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Với niềm tin tưởng vào sự lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt của Trung ương, sự giúp đỡ hướng dẫn của các Ban Trung ương và của Quân ủy Quân khu II, với niềm tin hướng về Đại hội của quân – dân trong toàn tỉnh, Đại hội chúng ta nhất định sẽ hoàn thành trọng trách của mình một cách tốt đẹp.

Tôi xin tuyên bố khai mạc Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BIÊN BẢN

Ngày 24-9-1980

Bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Hoàng Liên Sơn lần thứ II

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ II họp từ ngày 22 đến 24-9-1980.

Ngày 24-9-1980 Đại hội đã tiến hành bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa II.

1- Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo mọi mặt công tác của tỉnh trong thời gian tới, Đại hội đã nghiên cứu kỹ tiêu chuẩn cơ cấu, Tỉnh ủy theo tinh thần Chỉ thị số 55 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Đại hội đã nhất trí biểu quyết số lượng cấp ủy viên trong Ban Chấp hành mới của Đảng bộ, là 45 đồng chí trong đó có 43 ủy viên chính thức, 2 ủy viên dự khuyết.

Sau khi quyết định số lượng Ban Chấp hành Tỉnh ủy, tại hội trường, đã tiến hành ứng cử, đề cử các đồng chí vào Ban Chấp hành Tỉnh ủy khóa II, gồm:

- | | |
|---------------------|----------------------|
| 1. Bùi Hữu Bình | 6. Hoàng Chúng |
| 2. Đỗ Khắc Cường | 7. Nguyễn Đình Dương |
| 3. Dương Xuân Cường | 8. Hoàng Hồng Dương |
| 4. Lê Văn Cung | 9. Hán Văn Đô |
| 5. Lê Cư | 10. Nguyễn Quý Đăng |

- | | |
|-----------------------|----------------------|
| 11. Sa Văn Đá | 33. Kiều Việt Nguyên |
| 12. Lương Quyết Định | 34. Bùi Năng |
| 13. Phan Văn Giới | 35. Phạm Đình Nhượng |
| 14. Hà Thiết Hùng | 36. Hoàng Kim Phấn |
| 15. Nguyễn Ngọc Hồ | 37. Tráng A Pao |
| 16. Hà Hữu Hồ | 38. Giàng A Páo |
| 17. Bàn A Hàn | 39. Lương Phú |
| 18. Vi Thị Hóa | 40. Hoàng Đình Quốc |
| 19. Bùi Mạnh Hùng | 41. Lê Như Sửu |
| 20. Lê Huy Hợp | 42. Đỗ Viết Sính |
| 21. Trần Văn Hào | 43. Vũ Văn Sửu |
| 22. Phàn Thi Hoa | 44. Giàng Sáy Sinh |
| 23. Tiêu Đức Hội | 45. Dương Việt Tiến |
| 24. Nông Thị Kim Hồng | 46. Lê Đình Tịch |
| 25. Phạm Kham | 47. Nguyễn Đình Túc |
| 26. Lê Khay | 48. Nguyễn Xuân Tư |
| 27. Vũ Gia Khoa | 49. Lý Trung Thuộc |
| Ngô Đình Kính | 50. Nguyễn Văn Tung |
| 28. Hà Đình Khiêm | 51. Đỗ Văn Tuất |
| 29. Nguyễn Văn Kỷ | 52. Nông Văn Thín |
| 30. Trần Lục | 53. Nguyễn Đức Thắng |
| 31. Lê Lưu Lộc | 54. Nguyễn Ngọc Xá |
| 32. Trần Đức Minh | 55. Nguyễn Đức Xuyên |

Căn cứ vào số lượng tiêu chuẩn, cơ cấu tại Đại hội đã phát huy dân chủ để lựa chọn bầu cử đồng chí đủ đức tài vào Ban Chấp hành của Đảng bộ.

Tiến hành bầu cử:

1. Phạm Kiểm	Làm Trưởng ban
2. Hà Phú An	Ủy viên
3. Nguyễn Văn Thùy	Ủy viên
4. Nguyễn Văn Ca	Ủy viên
5. Trần Quốc Túy	Ủy viên
6. Vũ Đăng Khoa	Ủy viên
7. Trần Văn Luân	Ủy viên
8. Nguyễn Quang Chiêu	Ủy viên
9. Lương Xuân Màu	Ủy viên
10. Trần Ngọc Tín	Ủy viên
11. Đinh Nhân	Ủy viên
12. Tạ Gia Thoại	Ủy viên
13. Hoàng Minh Sách	Ủy viên
14. Trần Hữu Súc	Ủy viên
15. Nguyễn Hữu Tác	Ủy viên
16. Nguyễn Hối	Ủy viên
17. Hoàng Hà	Ủy viên
18. Nguyễn Văn Tích	Ủy viên
19. Phạm Xuân Thành	Ủy viên

Ban Kiểm phiếu đã hướng dẫn các nguyên tắc, thủ tục và cách tiến hành bầu cử trong Đảng.

Đại hội đã tiến hành bỏ phiếu bầu cử 43 ủy viên chính thức của Ban Chấp hành.

- Tổng số đại biểu chính thức lúc bầu	301 đại biểu
- Tổng số phiếu bầu phát ra	301 phiếu
- Tổng số phiếu bầu thu về	301 phiếu
Trong đó: Phiếu hợp lệ	293 phiếu
Phiếu không hợp lệ	8 phiếu

Kết quả phiếu bầu cho từng đồng chí như sau:

Bùi Hữu Bình	286 phiếu	Hà Đình Khiêm	264 phiếu
Đỗ Khắc Cường	288 phiếu	Nguyễn Văn Kỷ	275 phiếu
Dương Xuân Cường	264 phiếu	Trần Lục	286 phiếu
Lê Văn Cung	268 phiếu	Lê Lưu Lộc	67 phiếu
Lê Cư	81 phiếu	Trần Đức Minh	287 phiếu
Hoàng Chúng	120 phiếu	Kiều Việt Nguyên	237 phiếu
Nguyễn Đình Dương	287 phiếu	Bùi Năng	107 phiếu
Hoàng Hồng Dương	229 phiếu	Phạm Đình Nhượng	66 phiếu
Hán Văn Đô	253 phiếu	Hoàng Kim Phấn	277 phiếu
Nguyễn Quý Đăng	279 phiếu	Tráng A Pao	292 phiếu
Sa Văn Đá	118 phiếu	Giàng A Páo	283 phiếu
Lương Quyết Định	274 phiếu	Lương Phú	89 phiếu
Phạm Văn Giới	25 phiếu	Hoàng Đình Quốc	275 phiếu
Hà Thiết Hùng	292 phiếu	Lê Như Sửu	283 phiếu
Nguyễn Ngọc Hồ	285 phiếu	Đỗ Viết Sính	287 phiếu
Hà Hữu Hổ	252 phiếu	Vũ Văn Sửu	227 phiếu
Bàn A Hàn	286 phiếu	Giàng Sáy Sinh	244 phiếu
Vì Thị Hóa	280 phiếu	Dương Việt Tiến	270 phiếu
Bùi Mạnh Hùng	207 phiếu	Lê Đình Tịch	279 phiếu
Lê Huy Hợp	238 phiếu	Nguyễn Đình Túc	264 phiếu
Trần Văn Hào	177 phiếu	Nguyễn Xuân Tư	273 phiếu
Phàn Thị Hoa	28 phiếu	Lý Trung Thuộc	245 phiếu
Tiêu Đức Hội	62 phiếu	Nguyễn Văn Tung	282 phiếu
Nông Thị Kim Hồng	133 phiếu	Đỗ Văn Tuế	171 phiếu
Phạm Kham	286 phiếu	Nông Văn Thín	250 phiếu
Lê Khay	293 phiếu	Nguyễn Đức Thăng	37 phiếu
Vũ Gia Khoa	264 phiếu	Nguyễn Ngọc Xá	284 phiếu
Ngô Đình Kính	265 phiếu	Nguyễn Đức Xuyên	278 phiếu

Căn cứ Điều 13 Điều lệ Đảng quy định và căn cứ vào Điểm B phần II tại Quy định số 12 ngày 12-4-1978 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, căn cứ vào quyết định số phiếu bầu cho từng người trong danh sách thì các đồng chí có tên sau đây đã trúng cử viên chính thức Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa II:

- | | |
|----------------------|----------------------|
| 1. Bùi Hữu Bình | 23. Nguyễn Văn Kỷ |
| 2. Đỗ Khắc Cường | 24. Trần Lục |
| 3. Dương Xuân Cường | 25. Trần Đức Minh |
| 4. Lê Văn Cung | 26. Kiều Việt Nguyên |
| 5. Nguyễn Đình Dương | 27. Hoàng Kim Phần |
| 6. Hán Văn Đô | 28. Tráng A Pao |
| 7. Hoàng Hồng Dương | 29. Giàng A Páo |
| 8. Nguyễn Quý Đăng | 30. Hoàng Đình Quốc |
| 9. Lương Quyết Định | 31. Lê Như Sửu |
| 10. Hà Thiết Hùng | 32. Đỗ Viết Sính |
| 11. Nguyễn Ngọc Hồ | 33. Vũ Văn Sửu |
| 12. Hà Hữu Hổ | 34. Giàng Sáy Sinh |
| 13. Bàn A Hàn | 35. Dương Việt Tiến |
| 14. Vi Thị Hóa | 36. Lê Đình Tịch |
| 15. Bùi Mạnh Hùng | 37. Nguyễn Đình Túc |
| 16. Lê Huy Hợp | 38. Nguyễn Xuân Tư |
| 17. Trần Văn Hào | 39. Nguyễn Văn Tung |
| 18. Phạm Kham | 40. Nông Văn Thìn |
| 19. Vũ Gia Khoa | 41. Nguyễn Ngọc Xá |
| 20. Lê Khay | 42. Nguyễn Đức Xuyên |
| 21. Ngô Đình Kính | 43. Lý Trung Thuộc. |
| 22. Hà Đình Khiêm | |

2- Sau khi bầu Tỉnh ủy viên chính thức, Đại hội tiến hành bầu 2 Tỉnh ủy viên dự khuyết của Ban Chấp hành.

Danh sách bầu cử còn lại gồm:

- | | |
|----------------------|----------------------|
| 1. Lê Cư | 8. Lê Lưu Lộc |
| 2. Hoàng Chúng | 9. Bùi Năng |
| 3. Sa Văn Đá | 10. Phạm Đình Nhương |
| 4. Phạm Văn Giới | 11. Lương Phú |
| 5. Phan Thị Hoa | 12. Đỗ Văn Tuất |
| 6. Tiêu Đức Hội | 13. Nguyễn Đức Thắng |
| 7. Nông Thị Kim Hồng | |

Đại hội tiếp tục thảo luận và tiến hành bầu cử kết quả như sau:

Tổng số đại biểu chính thức có mặt lúc bầu	301 đại biểu
Số phiếu bầu phát ra	301 phiếu
Số phiếu bầu thu về	301 phiếu
Trong đó phiếu hợp lệ	298 phiếu
Phiếu không hợp lệ	3 phiếu

Kết quả phiếu bầu cho từng đồng chí:

1. Lê Cư	3 phiếu	8. Lê Lưu Lộc	4 phiếu
2. Hoàng Chúng	1 phiếu	9. Bùi Năng	18 phiếu
3. Sa Văn Đá	31 phiếu	10. Phạm Đình Nhương	4 phiếu
4. Phạm Văn Giới	4 phiếu	11. Lương Phú	1 phiếu
5. Phan Thị Hoa	1 phiếu	12. Đỗ Văn Tuất	271 phiếu
6. Tiêu Đức Hội	0 phiếu	13. Nguyễn Đức Thắng	0 phiếu
7. Nông Thị Kim Hồng	258 phiếu		

Căn cứ vào nguyên tắc bầu cử trong Đảng, các đồng chí sau đây đã trúng cử làm Ủy viên dự khuyết của Ban Chấp hành Đảng bộ

1. Nông Thị Kim Hồng
2. Đỗ Văn Tuất

3- Kết quả Đại hội đã lựa chọn bầu được 45 đồng chí vào Ban Chấp hành Tỉnh ủy khóa II gồm các đồng chí có tên sau đây:

Các ủy viên chính thức:

- | | |
|----------------------|----------------------|
| 1. Bùi Hữu Bình | 23. Nguyễn Văn Kỷ |
| 2. Đỗ Khắc Cường | 24. Trần Lục |
| 3. Dương Xuân Cường | 25. Trần Đức Minh |
| 4. Lê Văn Cung | 26. Kiều Việt Nguyên |
| 5. Nguyễn Đình Dương | 27. Hoàng Kim Phấn |
| 6. Hán Văn Đô | 28. Tráng A Pao |
| 7. Hoàng Hồng Dương | 29. Giàng A Páo |
| 8. Nguyễn Quý Đăng | 30. Hoàng Đình Quốc |
| 9. Lương Quyết Định | 31. Lê Như Sửu |
| 10. Hà Thiết Hùng | 32. Đỗ Việt Sính |
| 11. Nguyễn Ngọc Hồ | 33. Vũ Văn Sửu |
| 12. Hà Hữu Hổ | 34. Giàng Sáy Sinh |
| 13. Bàn A Hàn | 35. Dương Việt Tiến |
| 14. Vi Thị Hóa | 36. Lê Đình Tịch |
| 15. Bùi Mạnh Hùng | 37. Nguyễn Đình Túc |
| 16. Lê Huy Hợp | 38. Nguyễn Xuân Tư |
| 17. Trần Văn Hào | 39. Nguyễn Văn Tung |
| 18. Phạm Kham | 40. Nông Văn Thìn |
| 19. Lê Khay | 41. Nguyễn Ngọc Xá |
| 20. Vũ Gia Khoa | 42. Nguyễn Đức Xuyên |
| 21. Ngô Đình Kính | 43. Lý Trung Thuộc |
| 22. Hà Đình Khiêm | |

Ủy viên dự khuyết:

1. Nông Thị Kim Hồng
2. Vũ Văn Tuất

Việc bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn tại Đại hội đại biểu lần thứ II đã tiến hành thật dân chủ bảo đảm đúng nguyên tắc của Đảng quy định và kết quả tốt đẹp.

Biên bản này làm thành 7 bản và đã được thông qua tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II.

T/M CHỦ TỊCH ĐOÀN ĐẠI HỘI

DƯƠNG VIỆT TIẾN

T/M BAN KIỂM PHIẾU

TRƯỞNG BAN
PHẠM KIỂM

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BIÊN BẢN

Ngày 24-9-1980

Đại hội Đảng bộ Hoàng Liên Sơn lần thứ II (Từ ngày 22-9-1980 đến 24-9-1980)

Được sự đồng ý của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đại hội đại biểu lần thứ II Đảng bộ Hoàng Liên Sơn đã họp từ ngày 22-9 đến 24-9-1980. Trước khi họp chính thức, Đại hội đã họp phiên trừ bị chiều ngày 21-9-1980.

Số lượng đại biểu chính thức được triệu tập là 342 đồng chí (320 chính thức, 22 dự khuyết).

Kết quả về dự Đại hội có 308 đồng chí (289 đại biểu chính thức, 19 đại biểu dự khuyết); vắng 31 đại biểu chính thức, 1 đại biểu dự khuyết. Ngày 23-9-1980, Đại hội đã chính thức đưa 12 đại biểu dự khuyết lên chính thức. Như vậy, Đại hội có 301 đại biểu chính thức và 7 đại biểu dự khuyết (có danh sách kèm theo).

Đại hội có 14 đồng chí là đại biểu dự thỉnh do Tỉnh ủy mời dự (có danh sách kèm theo).

I. PHẦN HỌP TRỪ BỊ

Chiều ngày 21-9-1980, Đại hội phiên trừ bị để cử Đoàn Chủ tịch, Đoàn thư ký và Ban thẩm tra tư cách đại biểu. Đại hội nhất trí biểu quyết cử 11 đồng chí sau đây vào Đoàn Chủ tịch:

1. Đồng chí Dương Việt Tiến

Bí thư Tỉnh ủy

- | | |
|------------------------------|--|
| 2. Đồng chí Hà Thiết Hùng | Phó Bí thư Tỉnh ủy |
| 3. Đồng chí Nguyễn Ngọc Hồ | Phó Bí thư Tỉnh ủy |
| 4. Đồng chí Đỗ Khắc Cường | Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy |
| 5. Đồng chí Phạm Kham | Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy |
| 6. Đồng chí Giàng A Páo | Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy |
| 7. Đồng chí Lê Khay | Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy |
| 8. Đồng chí Vũ Văn Sửu | Bí thư Tỉnh Đoàn Thanh niên. |
| 9. Đồng chí Vi Thị Hóa | Tỉnh ủy viên, Hội trưởng
Hội Phụ nữ |
| 10. Đồng chí Nguyễn Văn Tung | Bí thư Huyện ủy Mường Khương |
| 11. Đồng chí Nông Trọng Chi | Bí thư Đảng ủy xã Đông Cuông |

Đại hội nhất trí thông qua danh sách Đoàn thư ký gồm 5 đồng chí:

- | | | |
|---------------------|------------------------------------|-------------|
| 1. Nguyễn Nhân Trí | Phó Văn phòng Tỉnh ủy | Trưởng đoàn |
| 2. Nguyễn Ngọc Bích | Phó ban Tuyên giáo Tỉnh ủy | Trong đoàn |
| 3. Lê Quốc Chấn | Phó Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy | Trong đoàn |
| 4. Trần Hào | Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh | Trong đoàn |
| 5. Nguyễn Quý Đăng | Giám đốc Sở Nông nghiệp | Trong đoàn |

Đại hội nhất trí biểu quyết danh sách Ban thẩm tra tư cách đại biểu gồm 3 đồng chí:

- | | | |
|---------------------------|------------------------------------|------------|
| 1. Đồng chí Trần Lục | Trưởng ban Kiểm tra Đảng | Trưởng ban |
| 2. Đồng chí Bàn A Hàn | Chủ tịch Hội đồng Nông dân tập thể | Trong đoàn |
| 3. Đồng chí Hà Đình Khiêm | Phó ban Tổ chức Tỉnh ủy | Trong đoàn |

II. PHẦN CHÍNH THỨC ĐẠI HỘI

Ngày 22-9-1980:

Buổi sáng:

A. Khai mạc Đại hội

1- Chào cờ (có cử nhạc Quốc ca, Quốc tế ca).

2- Tuyên bố lý do và giới thiệu các đại biểu dự Đại hội: Đồng chí Nguyễn Ngọc Hồ, Phó Bí thư Tỉnh ủy, thay mặt Chủ tịch Đoàn tuyên bố và giới thiệu.

a) *Đại biểu cấp trên và các ban, ngành Trung ương dự:*

1. Đồng chí Lê Thanh Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương, Phó Thủ tướng Chính phủ.

2. Đồng chí Vũ Lập, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Quân khu ủy, Trung tướng Tư lệnh Quân Khu II.

3. Đồng chí Nhị Quý, Phó Trưởng ban Dân tộc Trung ương.

4. Đồng chí Bình Phương, Phó ban Tổ chức Trung ương.

5. Đồng chí Nguyễn Chánh, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng.

6. Đồng chí Nguyễn Chính, chuyên viên Văn phòng Trung ương Đảng.

7. Đồng chí Đoàn Đắc Hải, Vụ phó vụ 1 Ban Tổ chức Trung ương.

8. Đồng chí Lê Dự, Vụ trưởng Ban Tuyên huấn Trung ương.

Và 1 số đồng chí chuyên viên các ban Tổ chức, Kiểm tra, Tuyên huấn, Dân tộc Trung ương.

b) *Đảng bộ bạn:*

1. Đồng chí Hoàng Quy, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phú.

2. Đồng chí Nguyễn Đức, Bí thư Tỉnh ủy Hà Tuyên.

3. Đồng chí Đặng Hữu Lộc, Bí thư Đảng ủy, Phó Tư lệnh Quân đoàn 29 đóng tại địa phương.

3- Khai mạc Đại hội:

Đồng chí Dương Việt Tiến, Bí thư Tỉnh ủy, thay mặt Đoàn Chủ tịch long trọng đọc lời khai mạc Đại hội (có văn bản kèm theo).

4- Đồng chí Lê Thanh Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương đã phát biểu, chỉ thị cho Đại hội Đảng bộ (có bài phát biểu riêng).

Đồng chí Dương Việt Tiến thay mặt Đoàn Chủ tịch và Đại hội đáp từ, hứa trước đồng chí Lê Thanh Nghị, quyết tâm thực hiện những nhiệm vụ của Trung ương chỉ thị.

B. Đọc báo cáo Tỉnh ủy trước Đại hội

Đồng chí Dương Việt Tiến, Bí thư Tỉnh ủy đọc báo cáo của Tỉnh ủy về kiểm điểm, đánh giá tình hình mọi mặt công tác và sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy từ Đại hội Đảng bộ lần thứ I (4-1977) đến nay và phương hướng nhiệm vụ trong 3 năm tới 1980-1982.

Buổi chiều: Các đại biểu sau đây phát biểu chào mừng Đại hội:

- Đồng chí Vũ Lập, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Quân khu ủy, Trung tướng tư lệnh Quân khu II.
- Đồng chí Hoàng Quy, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phú.
- Đồng chí Đặng Hữu Lộc, Bí thư Đảng ủy, Phó Tư lệnh Quân đoàn 29.

Ngày 23-9-1980:

Buổi sáng:

1. Phát biểu ý kiến tại Hội trường:

Các đoàn đại biểu lần lượt phát biểu, gồm các đồng chí:

Đồng chí Nguyễn Ngọc Xá, Đảng bộ Sa Pa.

Đồng chí Nguyễn Văn Tịch, Đảng bộ Văn Bàn (Bí thư xã Tân An).

Đồng chí Đỗ Khắc Cương, Đảng bộ Văn Chấn.

Đồng chí Nguyễn Đình Túc, Đảng bộ thị xã Yên Bái.

Đồng chí Nguyễn Đức Xuyên, Đảng bộ Bảo Thắng.

Đồng chí Lê Khay, Đảng bộ Quân sự.

Đồng chí Phạm Quang Minh, Đảng bộ Bát Xát.

Đồng chí Nguyễn Lang, Đảng bộ Apatít Lào Cai.

Đồng chí Cù Văn Ngân, Đảng bộ Lục Yên.

Đồng chí Nguyễn Văn Tung, Đảng bộ Mường Khương.

Đồng chí Nông Văn Thín, Đảng bộ Bảo Yên.

Sau phần phát biểu tại Hội trường, bổ sung báo cáo, đề án, Đại hội đã thông qua Nghị quyết do Đoàn thư ký dự thảo (có bản riêng)

2. Thông qua và biểu quyết Nghị quyết của Đại hội:

Đồng chí Nguyễn Nhân Trí, Trưởng đoàn thư ký đã đọc toàn văn bản dự thảo Nghị quyết của Đại hội, sau khi các đoàn, các đại biểu đã bổ sung ý kiến và đã được Đoàn Chủ tịch tiếp thu, chính lý bản dự thảo ban đầu.

Đại hội đã biểu quyết 100% nhất trí với bản dự thảo Nghị quyết trên.

Chiều 23-9-1980:

Phân bầu cử Ban Chấp hành mới của Đảng bộ tỉnh:

1 - Đồng chí Nguyễn Ngọc Hồ, thay mặt Đoàn Chủ tịch, báo cáo tiêu chuẩn, số lượng, thành phần, cơ cấu Ban Chấp hành mới của Đảng bộ.

Về số lượng Ban Chấp hành: Đại hội biểu quyết 100% nhất trí về số lượng là 45 đồng chí, trong đó 43 ủy viên chính thức, 2 ủy viên dự khuyết, và nhất trí với hướng dẫn về tiêu chuẩn cơ cấu Tỉnh ủy do Ban Chấp hành cũ đã chuẩn bị.

2 - Tiến hành cuộc bầu cử: Đại hội đã tiến hành bầu cử (phần này có biên bản riêng).

Ngày 24-9-1980:

Buổi sáng: Đại hội tiếp tục bầu cử 2 đồng chí ủy viên dự khuyết.

Buổi chiều: Bế mạc Đại hội:

1. Ban Chấp hành mới của Đảng bộ ra mắt và đồng chí Dương Việt Tiến, thay mặt, hứa quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Đồng chí Bình Phương, Phó ban Tổ chức Trung ương, phát biểu ý kiến với Đại hội.

3. Thông qua Điện văn của Đại hội gửi Ban Chấp hành Trung ương Đảng (đồng chí Vũ Ngọc Bích, trong Đoàn thư ký đọc).

4. Đọc lời bế mạc Đại hội (đồng chí Dương Việt Tiến, thay mặt Đoàn Chủ tịch đọc và tuyên bố bế mạc).

5. Chào cờ kết thúc Đại hội, hồi 16 giờ ngày 24-9-1980.

T/M ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI

DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DANH SÁCH ĐẠI BIỂU DỰ THÍNH

(kèm theo biên bản Đại hội)

1. Kiều Việt Nguyên, Tỉnh ủy viên, nguyên Bí thư huyện Văn Yên.
2. Hoàng Ngọc, Tỉnh ủy viên, nguyên Chính ủy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh.
3. Kiều Đức Hạnh, Trưởng ban Tổ chức Ủy ban tỉnh.
4. Lê Cam, Viện trưởng Viện Kiểm sát tỉnh.
5. Hoàng Hồng Dương, Chủ nhiệm Công ty Thủy sản.
6. Nguyễn Hữu Đáp, Chủ nhiệm Công ty Than.
7. Lê Văn Ghênh, Chủ nhiệm Công ty Ngoại thương.
8. Lương Huy Hương, Giám đốc Sở Bưu điện.
9. Trần Bộc, Giám đốc Sở Hải quan.
10. Trần Nam, Phó Trưởng ty Văn hóa thông tin.
11. Nguyễn Duyên, Phó Trưởng ban Lịch sử Đảng (thuộc Tỉnh ủy).
12. Phan Tất Mạnh, Phó ty Công an, Bí thư Đảng ủy.
13. Phan Trinh, Giám đốc Sở Y tế - Thể dục thể thao.
14. Trần Đình Phê, Phó Trưởng ty Lao động.

BIÊN BẢN
Hội nghị lần thứ I
Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa II

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa II, chiều ngày 24-9-1980 và sáng ngày 25-9-1980 đã họp phiên toàn thể kỳ thứ I để bầu bí thư, các phó bí thư Tỉnh ủy, các ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đồng thời phân công phụ trách các nhiệm vụ công tác.

Tổng số các đồng chí trong Tỉnh ủy là 45 đồng chí (43 chính thức, 2 dự khuyết). Trong mục bầu bí thư và các phó bí thư, có mặt 42 đồng chí (42 chính thức, 1 dự khuyết), vắng 3 đồng chí (2 chính thức: đồng chí Cung, đồng chí Hợp ở xa chưa về kịp; 1 dự khuyết: đồng chí Hồng (nữ) đi công tác xa, không về được).

Trong mục bầu các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, toàn Ban Chấp hành đều có mặt đủ 45 đồng chí (43 chính thức, 2 dự khuyết).

Dự Hội nghị Tỉnh ủy, còn có các đồng chí:

1. Bình Phương, Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương Đảng.
2. Đoàn Đắc Hải, Vụ phó vụ I Ban Tổ chức Trung ương Đảng.
3. Nguyễn Chính, Chuyên viên Văn phòng Trung ương Đảng.
4. Nguyễn Văn Tình, Chuyên viên của Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng.

PHẦN THỨ I
BẦU BÍ THƯ, CÁC PHÓ BÍ THƯ TỈNH ỦY
(chiều 24-9-1980)

1. Cử chủ tọa, thư ký hội nghị: Hội nghị nhất trí cử các đồng chí:
 - Dương Việt Tiến, chủ tọa hội nghị.
 - Hà Đình Khiêm, thư ký hội nghị.
2. Về số lượng: Sau khi nghiên cứu quán triệt các tiêu chuẩn và theo sự chỉ đạo hướng dẫn của Trung ương, toàn Ban Chấp hành nhất trí bầu 1 đồng chí bí thư và 2 đồng chí phó bí thư.
3. Ứng cử, đề cử:
 - Về bầu bí thư: Đồng chí Dương Việt Tiến, ứng cử. Không có đồng chí nào đề cử thêm.
 - Về 2 phó bí thư: + Không có đồng chí nào ứng cử.
+ 2 đồng chí được đề cử là: Nguyễn Ngọc Hồ
Hà Thiết Hùng
4. Cử Ban kiểm phiếu: Hội nghị nhất trí cử 3 đồng chí sau đây vào Ban kiểm phiếu:
 - Hoàng Hồng Dương.
 - Kiều Việt Nguyên.
 - Đỗ Văn Tuất.
5. Bầu cử: Hội nghị bỏ phiếu kín, kết quả 41 phiếu bầu của 41 đồng chí ủy viên chính thức đều hợp lệ như sau:
 - Bí thư: đồng chí Dương Việt Tiến, 41 phiếu, đạt 100% phiếu bầu.
 - 2 phó bí thư: + Đồng chí Nguyễn Ngọc Hồ, 41 phiếu, đạt 100% phiếu bầu.
+ Đồng chí Hà Thiết Hùng, 41 phiếu, đạt 100% phiếu bầu.

PHẦN THỨ II
BẦU CÁC ĐỒNG CHÍ ỦY VIÊN
BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY (ngày 25-9-1980)

1. Chủ tọa và thư ký hội nghị: Vẫn như phần bầu bí thư, 2 phó bí thư.

2. Trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương về tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa này, hội nghị đã phân nhóm trao đổi, phân tích kỹ các vấn đề số lượng Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa này là 13 đồng chí; trong đó có bí thư và 2 phó bí thư đã bầu buổi chiều 24-9-1980;

3. Ứng cử, đề cử:

- a) Ứng cử: Gồm 4 đồng chí: - Lê Khay
- Phạm Kham
- Bùi Hữu Bình
- Trần Đức Minh

b) Đề cử: 9 đồng chí sau đây được đề cử:

- | | |
|-------------------|---------------------|
| 1. Hoàng Kim Phấn | 6. Đỗ Khắc Cường |
| 2. Lê Đình Tịch | 7. Dương Xuân Cường |
| 3. Tráng A Pao | 8. Hà Đình Khiêm |
| 4. Giàng A Páo | 9. Hà Hữu Hổ |
| 5. Trần Lục | |

c) Như vậy danh sách để bầu của các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí ghi ở phần ứng cử, đề cử như trên.

4. Cử Ban kiểm phiếu: Hội nghị nhất trí cử 3 đồng chí trong Ban kiểm phiếu phần bầu bí thư, 2 phó bí thư (chiều 24-9-1980) tiếp tục làm nhiệm vụ.

5. Tiến hành bầu cử bằng cách bỏ phiếu kín: Có đủ 43 đồng chí Ủy viên chính thức có mặt đã bỏ phiếu và đều là phiếu hợp lệ kết quả như sau:

1. Lê Khay	42 phiếu	8. Giàng A Páo	43 phiếu
2. Phạm Kham	43 phiếu	9. Đỗ Khắc Cường	41 phiếu
3. Bùi Hữu Bình	43 phiếu	10. Dương Xuân Cường	15 phiếu
4. Trần Đức Minh	41 phiếu	11. Trần Lục	22 phiếu
5. Hoàng Kim Phấn	40 phiếu	12. Hà Đình Khiêm	8 phiếu
6. Lê Đình Tịch	40 phiếu	13. Hà Hữu Hổ	11 phiếu
7. Tráng A Pao	41 phiếu		

Như vậy 10 đồng chí sau đây trúng cử Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

1. Lê Khay	6. Hoàng Kim Phấn
2. Phạm Kham	7. Tráng A Pao
3. Bùi Hữu Bình	8. Giàng A Páo
4. Trần Đức Minh	9. Trần Lục
5. Lê Đình Tịch	

Hội nghị kỳ thứ I của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa II, kết thúc cuộc bầu cử bí thư, các phó bí thư và các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ, hồi 11 giờ ngày 25-9-1980.

Biên bản này gồm 8 bản, kính gửi Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương Đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng, để báo cáo và đề nghị chuẩn y, 1 bản lưu hồ sơ Ban Tổ chức Tỉnh ủy; 2 bản lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

THƯ KÝ HỘI NGHỊ
HÀ ĐÌNH KHIÊM

CHỦ TỌA HỘI NGHỊ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DIỄN VĂN BẾ MẠC ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ II CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH HOÀNG LIÊN SƠN

Kính thưa Đoàn Chủ tịch!

Kính thưa các đồng chí đại biểu!

Thưa toàn thể Đại hội!

Với tinh thần nghiêm túc và khẩn trương, sau 3 ngày làm việc Đại hội chúng ta đã hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ được đề ra trong chương trình nghị sự (vỗ tay).

Theo quy định cho phép, trong Đại hội này, chúng ta có 322 đại biểu chính thức và 20 đại biểu dự khuyết. Số đại biểu về dự là 308 đồng chí và đông đủ các đại biểu được mới đã có mặt.

Những công việc: Thông qua báo cáo kiểm điểm đánh giá tình hình từ năm 1977 đến nay và phương hướng nhiệm vụ 3 năm 1980-1982. Kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành khóa I. Bầu Ban Chấp hành khóa mới, kết quả rất tốt đẹp.

Chúng ta hoàn toàn nhất trí với bản báo cáo kiểm điểm, đánh giá tình hình từ năm 1977 đến nay và phương hướng nhiệm vụ của Đảng bộ tỉnh trong 3 năm 1980-1982 của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa I báo cáo trước Đại hội.

Đối với Nghị quyết Đại hội lần thứ I, cũng như quá trình lãnh đạo, chỉ đạo các nhiệm vụ do sự phát triển của tình hình, chúng ta đã kiểm điểm nghiêm khắc, đánh giá đúng mức, khẳng định những ưu điểm, tồn tại trên tất cả các nhiệm vụ của nghị quyết và thực tiễn

cách mạng đề ra. Điều đáng quý là các đại biểu đã tìm ra nguyên nhân thuộc về chủ quan của cấp ủy các cấp, đề ra những biện pháp khắc phục. Đó là cách làm thiết thực, cụ thể giúp ta nhanh chóng sửa chữa thiếu sót để tiến lên (vỗ tay).

Các đại biểu đã dành thời giờ thích đáng, tập trung suy nghĩ, thảo luận và thống nhất cao trong nghị quyết của Đại hội về chỉ tiêu, biện pháp của các năm 1980-1981-1982 bao gồm nhiệm vụ, xây dựng, phát triển kinh tế văn hóa, phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch nhà nước hằng năm, trong đó lấy việc phát triển lương thực và thực phẩm làm trọng tâm; đồng thời ra sức khai thác mọi tiềm năng kinh tế của địa phương, sản xuất thật nhiều hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, cải tiến công tác lưu thông phân phối, bảo đảm đời sống nhân dân trong tỉnh, bảo đảm hậu cần tại chỗ và đóng góp chung với cả nước. Nhiệm vụ xây dựng tỉnh thành đơn vị chiến lược, xây dựng pháo đài quân sự huyện, xây dựng lực lượng, tổ chức chiến đấu và bảo đảm chiến đấu thắng lợi. Chúng ta coi trọng việc xây dựng lực lượng, kết hợp kinh tế với quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, phòng, chống bạo loạn, chống chiến tranh tâm lý và chiến tranh gián tiếp của địch, giữ gìn bí mật Nhà nước, kiên quyết chặn đứng, đẩy lùi và phải xóa bỏ các hiện tượng tiêu cực. Nhiệm vụ củng cố cơ sở: củng cố tốt quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, xây dựng chi, đảng bộ trong sạch, vững mạnh, làm tốt công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở, đặc biệt chú ý tới đội ngũ cốt cán thuộc các dân tộc ít người.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành tỉnh khóa mới. Những đồng chí trúng cử Tỉnh ủy khóa này đều bảo đảm tiêu chuẩn, đủ tín nhiệm của Đảng bộ, có đầy đủ phẩm chất đạo đức và tài năng để thay mặt Đảng bộ giữ những trọng trách trong việc tổ chức, chỉ đạo và quyết định trong việc thực hiện nghị quyết Đại hội, trong các công việc của Đảng bộ.

Thông qua các hoạt động của Đại hội đã thể hiện Đại hội của chúng ta thật sự dân chủ, tập trung thống nhất, phấn khởi, Đoàn kết và thắng lợi (vỗ tay)

Có được tinh thần làm việc và kết quả của Đại hội như thế này là nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Ban Bí thư Trung ương, sự giúp đỡ của Ban Trung ương, tinh thần hưởng ứng ủng hộ của đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh luôn luôn hướng về Đảng, hướng về Đại hội. Đặc biệt là các đại biểu về dự Đại hội đã dồn hết tâm trí, tinh thần và nghị lực để bàn bạc và quyết nghị các vấn đề thuộc nhiệm vụ Đại hội, tinh thần phục vụ của các ngành, ban giúp cho Đại hội tiến hành thuận lợi, thành công của Đại hội còn là tất yếu của một quá trình tiến hành Đại hội từ cơ sở đến huyện, thị và Đại hội cấp tỉnh theo tinh thần Chỉ thị 55 của Ban Bí thư Trung ương. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần này rất tin tưởng vào chủ nghĩa anh hùng cách mạng và lòng yêu nước sâu sắc và niềm tin tưởng tuyệt đối đối với Ban Chấp hành Trung ương; thay mặt cho toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, chúng ta hứa với ban Chấp hành Trung ương và thực hiện nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Trung ương Đảng và Chính phủ.

Thưa các đồng chí đại biểu!

Thưa toàn thể Đại hội!

Nhiệm vụ của Đại hội đến đây cơ bản đã hoàn thành. Chúng ta đã thông qua nghị quyết của Đại hội một nghị quyết có tính chất chiến đấu cao được Đại hội nhất trí thông qua. Đề ra được nghị quyết đã khó nhưng thực hiện nghị quyết còn khó khăn hơn gấp nhiều lần. Họa xâm lược, thiên tai, các thói hư tật xấu khác vẫn còn là trở lực lớn để thách thức ý chí, nghị lực, óc thông minh và lòng dũng cảm của chúng ta. Trong cuộc đấu tranh này, chúng ta sẽ thắng. Nhất định các chỉ tiêu nghị quyết Đại hội sẽ trở thành hiện thực sinh động trong quá trình phấn đấu bền bỉ với tinh thần cách mạng tiến công sôi nổi, liên tục của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh chúng ta (vỗ tay).

Sau đại hội này, chúng ta sẽ tổ chức triển khai nghị quyết theo kế hoạch hướng dẫn. Đồng thời, toàn Đảng bộ, toàn dân, đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng, kiên quyết phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch nhà nước trong từng ngày, từng tháng

cuối năm này, nhất là về chỉ tiêu sản xuất và thu mua lương thực thực phẩm. Trong nông nghiệp, tích cực chăm sóc cây trồng và chăn nuôi, thực hiện tốt việc thâm canh để đạt năng suất cao vụ mùa; chuẩn bị tốt cho vụ đông và vụ xuân; thực hiện tốt các chỉ tiêu về sản xuất công nghiệp và lâm nghiệp, về xây dựng cơ bản, từng bước triển khai thực hiện Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị về công tác lưu thông phân phối, thực hiện với chất lượng cao, các công tác văn hóa - xã hội; chăm lo đời sống nhân dân về mọi mặt.

Nâng cao chất lượng mọi mặt sẵn sàng chiến đấu, nêu cao cảnh giác cách mạng, chủ động trong mọi tình thế, loại trừ yếu tố gây bạo loạn, kiên quyết thực hiện thắng lợi khẩu hiệu: “Địch vào là biết, địch đến là diệt”. Kiên quyết chống chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp, bảo vệ cơ sở, bảo vệ dân, bảo vệ các cơ sở chính trị, kinh tế quốc phòng quan trọng.

Trong công tác củng cố cơ sở cần gắn với việc phát triển đảng viên, xây dựng chi bộ Đảng trong sạch, vững mạnh bảo vệ nội bộ Đảng, chống các hiện tượng tiêu cực.

Chúng ta vừa coi trọng công tác tư tưởng, tổ chức, song chúng ta đã rất coi trọng phương án lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, tập trung, phát huy sức mạnh tổng hợp để dứt điểm các nhiệm vụ có tính chất trọng tâm, trọng điểm, nhất định chúng ta sẽ tạo ra sự chuyển biến lớn làm đà hoàn thành các mục tiêu mà Đại hội đã đề ra.

Chúng ta tin tưởng rằng mỗi đại biểu ở đây ra về sẽ là những hạt nhân, vừa là động lực thúc đẩy phong trào thi đua của từng đơn vị, từng địa phương (vỗ tay).

Thay mặt Đại hội, tôi xin gửi lời cảm ơn đến tất cả đơn vị và cá nhân đã thể hiện tình cảm trong sáng và cao đẹp đối với Đảng với Đại hội, giúp Đại hội thành công tốt đẹp (vỗ tay).

Tôi xin tuyên bố bế mạc Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DIỆN VĂN

CỦA ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ II

ĐẢNG BỘ HOÀNG LIÊN SƠN

Kính gửi: Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam

Chúng tôi gồm 308 đại biểu của Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn họp Đại hội đại biểu lần thứ II, từ ngày 22-9-1980 đến 24-9-1980 xin gửi tới Ban Chấp Trung ương Đảng sự kính trọng, lòng biết ơn và tin tưởng tuyệt đối của Đảng và nhân dân các dân tộc Hoàng Liên Sơn.

Trong những năm qua, mặc dù thiên tai, địch họa và những khó khăn khách quan trong quá trình tiến lên của cách mạng, nhưng dưới sự lãnh đạo trực tiếp sáng suốt của Trung ương, sự nghiệp cách mạng của cả nước nói chung, của tỉnh Hoàng Liên Sơn nói riêng, vẫn liên tiếp giành được thắng lợi quan trọng.

Dưới ánh sáng của các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và của Bộ Chính trị, được sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Bí thư, Đại hội chúng tôi đã được kiểm điểm, đánh giá ưu khuyết điểm trong thời gian qua, đề ra các biện pháp tích cực khắc phục khuyết điểm đồng thời đã đề ra phương hướng nhiệm vụ, mục tiêu phấn đấu của các năm 1980-1982. Đại hội đã lựa chọn và bầu ra Ban Chấp hành mới của Đảng bộ tỉnh. Đại hội chúng tôi đã tiến hành làm việc nghiêm túc, khẩn trương, với tinh thần trách nhiệm cao, tập trung trí tuệ, dân chủ thảo luận, nên đã thành công tốt đẹp.

Thay mặt Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh Hoàng Liên Sơn, Đại hội chúng tôi xin hứa với Ban Chấp hành Trung ương:

1. Tuyệt đối trung thành và tin tưởng vào đường lối của Đảng vào sự lãnh đạo sáng suốt của Ban Chấp hành Trung ương đứng đầu là đồng chí Lê Duẩn kính mến, tăng cường đoàn kết trong nội bộ Đảng, đoàn kết các dân tộc, đoàn kết dân quân, đoàn kết các lực lượng vũ trang, tiếp tục xây dựng và bảo vệ vững chắc địa phương, góp phần xứng đáng cùng cả nước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tăng cường công tác quản lý kinh tế và xã hội, kiên quyết chặn đứng, đẩy lùi và xóa bỏ các hiện tượng tiêu cực, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh sản xuất, gắn chặt với sẵn sàng chiến đấu, lấy sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp làm trọng tâm, trong đó lương thực, thực phẩm là hàng đầu, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, thực hiện tốt công tác lưu thông phân phối, tổ chức tốt đời sống của nhân dân, nhất là ở biên giới, vùng cao; đồng thời nâng cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, chủ động tiến công, quyết tâm đánh bại mọi âm mưu và thủ đoạn của địch, trước hết kiên quyết chống chiến tranh gián điệp và chiến tranh tâm lý của địch.

3. Tiếp tục củng cố cơ sở đảng thật trong sạch, vững mạnh đồng thời tiếp tục đẩy mạnh xây dựng củng cố chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trên cơ sở đó, nâng cao sức chiến đấu và chất lượng lãnh đạo của Đảng, đáp ứng đủ nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới.

4. Trước mắt, từ nay đến hết năm 1980, chúng tôi tập trung sức chăm sóc, thu hoạch tốt vụ mùa, đẩy mạnh vụ đông, thực hiện tốt vụ đông - xuân, đẩy mạnh chế biến màu, chế biến nông, lâm sản, làm nhiều hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Trên cơ sở đó phấn đấu tổng sản lượng lương thực cao nhất, thu mua nông, lâm sản, thực phẩm được nhiều nhất so với từ trước đến nay và đào tạo một bước chuyển biến mới trong lưu thông, phân phối.

Đại hội chúng tôi xin kính chúc các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương dồi dào sức khỏe để lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân

xây dựng thành công xã hội chủ nghĩa, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, góp phần to lớn vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

HOÀNG LIÊN SƠN, NGÀY 24-9-1980

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ II
ĐẢNG BỘ TỈNH HOÀNG LIÊN SƠN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 01-QN/TU, ngày 29-9-1980

Về việc tách và nâng cấp cơ sở đảng

- Xét yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu ở cơ sở;
- Xét đề nghị của Đảng ủy Quân sự tỉnh Hoàng Liên Sơn ngày 20-8-1980;
- Căn cứ vào Điều 11 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y tách 12 đảng viên đang sinh hoạt tại Đảng ủy Phòng Tham mưu - thành lập chi bộ cơ sở lấy tên là Chi bộ Phòng Động viên, đặt trực thuộc Đảng ủy Quân sự tỉnh Hoàng Liên Sơn.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức cơ sở căn cứ vào Điều 35, 36, 37 Chương V của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam để thực hiện.

- Đảng ủy Quân sự tỉnh có nhiệm vụ chỉ đạo chặt chẽ việc củng cố cán lãnh đạo và sớm ổn định tổ chức, làm đúng nguyên tắc đã quy định.

3. Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Phòng Tham mưu và Chi bộ
Phòng Động viên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 02-QN/TU, ngày 29-9-1980

Về việc tách và nâng cấp cơ sở đảng

- Căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất kinh doanh ở cơ sở;
- Xét đề nghị của Huyện ủy Lục Yên ngày 10-8-1980;
- Căn cứ vào Điều 11 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y tách 10 đảng viên đang sinh hoạt tại Chi bộ cơ sở Công ty Thương nghiệp Lục Yên. Thành lập chi bộ cơ sở lấy tên là Chi bộ Ban Quản lý hợp tác xã mua bán huyện Lục Yên, đặt trực thuộc Huyện ủy Lục Yên.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức cơ sở căn cứ vào Điều 35, 36, 37 Chương V của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam để thực hiện.

- Huyện ủy Lục Yên có nhiệm vụ chỉ đạo chặt chẽ việc thành lập chi bộ cơ sở, củng cố cán lãnh đạo, làm đúng nguyên tắc đã quy định.

3- Huyện ủy Lục Yên, Chi bộ Ty Thương nghiệp Lục Yên, Chi bộ Ban Quản lý hợp tác xã mua bán Lục Yên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Ngày 4-10-1980

Về chức năng nhiệm vụ, chế độ công tác và lễ lối làm việc của Tỉnh ủy

Cấp tỉnh vừa là một đơn vị hành chính, đồng thời là một đơn vị kinh tế, đơn vị kế hoạch, đơn vị ngân sách, đơn vị hậu cần và quốc phòng ở địa phương, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Trung ương. Vì vậy, cấp tỉnh là một địa bàn kinh tế công-nông-lâm nghiệp thành một cơ cấu; kết hợp kinh tế Trung ương với kinh tế địa phương thành một cơ cấu kinh tế thống nhất trong cả nước; kết hợp kinh tế với quốc phòng; kết hợp quản lý kinh tế theo ngành với quản lý kinh tế theo địa phương và vùng lãnh thổ.

Theo vị trí của cấp tỉnh như trên, dựa vào Điều lệ Đảng đã quy định, dựa vào các văn bản hướng dẫn của Trung ương, Tỉnh ủy quyết định chức năng, nhiệm vụ, chế độ công tác và lễ lối làm việc của Tỉnh ủy như sau:

I. CHỨC NĂNG CỦA TỈNH ỦY, BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY VÀ ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH TỈNH

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (gọi tắt là Tỉnh ủy) là cơ quan lãnh đạo cao nhất của tỉnh giữa hai kỳ Đại hội đại biểu. Có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện toàn diện và thống nhất mọi mặt công tác ở địa phương. Sự lãnh đạo của Tỉnh ủy chủ yếu thể

hiện bằng việc thực hiện chế độ sinh hoạt tập thể. Trên cơ sở quán triệt và vận dụng thi hành đường lối, chủ trương, chính sách của Trung ương mà đề ra phương hướng nhiệm vụ, chủ trương, biện pháp sát đúng của tỉnh, thông qua hệ thống tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng và các đồng chí trong Tỉnh ủy để chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Vì vậy những vấn đề dưới đây do tập thể Ban Chấp hành thảo luận và quyết định:

a) Về kinh tế - văn hóa:

- Phương hướng nhiệm vụ, chỉ tiêu, biện pháp lớn đối với kế hoạch dài hạn và các quy hoạch dài hạn như: sản xuất nông - lâm - công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, thành phố, thị xã, thị trấn, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, và công nhân kỹ thuật, những vấn đề lớn về củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất, về tổ chức sản xuất, cải tiến quản lý kinh tế.

- Các nhiệm vụ, chỉ tiêu, mục tiêu, và biện pháp chủ yếu trong kinh tế - văn hóa hằng năm, phương hướng và chỉ tiêu chủ yếu về phân bổ ngân sách, về vốn đầu tư xây dựng cơ bản, phương hướng tập trung lực lượng giải quyết các trọng tâm, trọng điểm của nhiệm vụ kế hoạch, các công trình trọng điểm trong xây dựng cơ bản, phương hướng và chỉ tiêu chủ yếu về lưu thông phân phối, giá cả phục vụ đời sống và các quy định về vận dụng các chính sách kinh tế trong tỉnh.

- Điều chỉnh những chỉ tiêu, biện pháp chủ yếu đối với kế hoạch năm (nếu có).

b) Phương hướng nhiệm vụ xây dựng lực lượng quân sự, an ninh địa phương và nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu bảo vệ biên giới, bảo vệ trật tự an ninh trong tỉnh.

c) Phương hướng nhiệm vụ, chủ trương và các biện pháp lớn về công tác tư tưởng, tổ chức, xây dựng Đảng, công tác cán bộ, phân công nhiệm vụ các đồng chí trong Ban Chấp hành.

d) Phương hướng nhiệm vụ, biện pháp lớn về công tác vận động quần chúng, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng.

d) *Quán triệt và bàn việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng và các chỉ thị, nghị quyết quan trọng của Chính phủ.*

e) *Sơ kết 6 tháng, tổng kết công tác hằng năm, rút kinh nghiệm về lãnh đạo, đề ra nhiệm vụ và chương trình công tác 6 tháng, hằng năm của Đảng bộ, trên cơ sở nghị quyết của Đại hội Đảng bộ và vận dụng thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương.*

g) *Những vấn đề mà Điều lệ Đảng quy định phải do toàn thể Ban Chấp hành quyết định và những vấn đề có tầm quan trọng lớn mà Ban Thường vụ và số đông cấp ủy viên xét cần đưa ra tập thể Tỉnh ủy thảo luận quyết định.*

h) *Các báo cáo, đề án chuẩn bị cho Đại hội đại biểu tỉnh.*

2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Ban Thường vụ Tỉnh ủy là cơ quan thay mặt Ban Chấp hành lãnh đạo, chỉ đạo mọi công tác của Đảng bộ giữa hai kỳ hội nghị toàn thể Ban Chấp hành, trên cơ sở các nghị quyết của Ban Chấp hành và các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương. Vì vậy tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy thảo luận và quyết định những vấn đề sau đây:

a) *Tổ chức và chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, các chỉ thị, nghị quyết quan trọng của Chính phủ, các nghị quyết của Ban Chấp hành trên các mặt.*

- Làm thấu suốt và cụ thể hóa các chủ trương của tỉnh cho các cấp ủy Đảng trực thuộc, các ban, Đảng đoàn và đảng viên phụ trách các ngành; chỉ rõ phương hướng, mục tiêu, biện pháp phấn đấu cho các cấp, các ngành.

- Quyết định việc thành lập, giải thể, chức năng, nhiệm vụ, biên chế chung và bộ máy lãnh đạo các cấp, các ngành trong tỉnh, thay mặt Ban Chấp hành xét duyệt, bố trí, đề bạt, điều động, lương bậc, thi hành kỷ luật đối với những cán bộ là trưởng, phó các ty, ngành, ban, huyện, và từ cán sự 6 trở lên thuộc diện tỉnh quản lý.

- Kiểm tra việc tổ chức thực hiện chỉ thị, nghị quyết ở các cấp, các ngành, kịp thời uốn nắn sửa đổi những lệch lạc, bổ sung những

vấn đề cần thiết theo đúng nghị quyết của Ban Chấp hành và đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đề xuất kiến nghị những vấn đề về đường lối, chính sách đối với Trung ương.

- Lãnh đạo và chỉ đạo việc làm thử những vấn đề lớn và mới.

- Giữ vững, bảo đảm tốt mối quan hệ công tác giữa tỉnh với các ngành của Trung ương, theo nguyên tắc của Trung ương Đảng và Nhà nước đã quy định (kể cả các đơn vị của Trung ương đóng tại địa phương).

- Chỉ đạo sự phối hợp, kết hợp công tác một cách chặt chẽ giữa các ban của Đảng, các đoàn thể và giữa các cơ quan Đảng với các ngành chính quyền trong tỉnh để tổ chức thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của tỉnh.

b) Chuẩn bị tốt nội dung và bảo đảm nền nếp các kỳ sinh hoạt thường lệ của Ban Thường vụ và Ban Chấp hành.

c) Bảo đảm chế độ báo cáo, thỉnh thị lên Ban Bí thư, hằng tháng thông báo tình hình cho các đồng chí trong Ban Chấp hành, 3 tháng 1 lần thông báo tình hình cho cấp dưới và một năm 1 lần thông báo tình hình và nêu vấn đề cần thiết cho cấp dưới đề bạt ý kiến.

d) Đối với những vấn đề lớn, thuộc quyền quyết định của Ban Chấp hành, nhưng vì là việc cấp bách không thể kịp họp Ban Chấp hành được thì tập thể Ban Thường vụ bàn bạc, quyết định và báo cáo lên Ban Chấp hành trong kỳ họp gần nhất.

đ) Trong khi chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành và các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên, Ban Thường vụ được ra những nghị quyết chuyên đề, chỉ thị, thông tri cho cấp dưới thi hành.

e) Xét duyệt phương hướng nhiệm vụ, quy hoạch kinh tế và nội dung về nhân sự đại hội của các huyện, thị, Đảng bộ trực thuộc.

g) Việc phân công công tác cho các ủy viên trong Ban Chấp hành là do tập thể Ban Chấp hành quyết định, nhưng khi gặp trường hợp cấp bách đột xuất thì Ban Thường vụ quyết định và báo cáo lại Ban Chấp hành trong kỳ họp gần nhất.

3. Trách nhiệm chung của các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy (gồm Bí thư và các phó bí thư), Thường trực Tỉnh ủy không phải là

một cấp trong Thường vụ, không ra những chỉ thị, thông tri, nghị quyết riêng của Thường trực những chỉ thị, nghị quyết do Bí thư, Phó Bí thư Thường trực ký, vẫn phải danh nghĩa thay mặt Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Thường trực điều hành giải quyết công việc hằng ngày của Đảng. Tổ chức kiểm tra việc chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Để phát huy được vai trò, nhiệm vụ đã được quy định, các đồng chí Thường trực cần thường xuyên trao đổi, hội ý để nắm chắc tình hình và điều hành các công việc hằng ngày, theo nghị quyết của Ban Thường vụ và Ban Chấp hành. Khi có vấn đề cần thiết hằng ngày mà chưa đến kỳ họp và chưa đến mức đưa ra Ban Thường vụ quyết định thì Bí thư và các Phó Bí thư bàn bạc giải quyết (như vấn đề tổ chức, cán bộ, vấn đề sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu...) nhằm bảo đảm cho công tác được giải quyết một cách kịp thời, không bị chậm trễ, ứ đọng như: xét duyệt, sắp xếp tổ chức bộ máy công ty, phòng của ty trở xuống, sắp xếp, đề bạt, điều động, lương bậc, kỷ luật cán bộ thuộc loại trưởng, phó phòng, trưởng, phó công ty trở xuống, cán sự từ bậc 5 hoặc tương đương trở xuống, rồi báo cáo lại với Ban Thường vụ. Trách nhiệm riêng của từng đồng chí như sau:

a) *Bí thư Tỉnh ủy*: Là người đứng đầu Ban Chấp hành, giữ trọng trách lớn nhất của Đảng bộ, đồng thời cũng là một thành viên trong Ban Chấp hành có nhiệm vụ:

- Quán xuyến toàn bộ công việc chung của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ; nắm vững nhiệm vụ trọng tâm, những vấn đề mấu chốt trên các mặt kinh tế, chính trị, an ninh, quân sự, v.v. để chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện của các cấp, các ngành, trực tiếp nắm những vấn đề cơ mật về quân sự, chính trị, công tác tư tưởng, tổ chức cán bộ và công tác đối ngoại.

- Nắm vững và bảo đảm việc vận dụng đúng đắn đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng vào thực tiễn địa phương, đề xuất các vấn đề trọng yếu về phương hướng, chủ trương biện pháp lớn đối với các mặt công tác quan trọng của tỉnh; chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu

và đưa ra ban Thường vụ hoặc Ban Chấp hành thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng.

- Thường xuyên nắm vững công tác xây dựng Đảng, nhất là công tác tư tưởng, tổ chức, công tác cán bộ, chăm lo xây dựng giữ gìn, làm trung tâm đoàn kết nội bộ của cấp ủy và toàn Đảng bộ.

- Chuẩn bị hoặc chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung và chỉ thị các hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy và hội nghị Tỉnh ủy. Duy trì đều đặn và nâng cao chất lượng các định kỳ sinh hoạt tập thể, bảo đảm dân chủ trong thảo luận và quyết định các vấn đề của cấp ủy và Ban Thường vụ.

- Chỉ đạo việc sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm những vấn đề trọng yếu trên các mặt công tác, nhất là về lãnh đạo và chỉ đạo của cấp ủy, phụ trách việc chỉ đạo các trọng điểm, việc làm thử những vấn đề lớn và mới mà Ban Thường vụ đã quyết định.

- Chỉ đạo việc lập chương trình công tác và lịch sinh hoạt của Ban Thường vụ, của Tỉnh ủy và chủ trì quản lý việc thực hiện chương trình ấy. Thực hiện việc báo cáo theo định kỳ và đột xuất lên Ban Bí thư và thông báo tình hình với các cấp ủy viên và cấp dưới.

- Giải quyết những việc quan trọng và cấp thiết khi chưa có điều kiện họp Ban Thường vụ hoặc Tỉnh ủy, sau đó báo cáo lại với tập thể trong kỳ họp gần nhất.

b) Phó Bí thư Thường trực Đảng: Vừa là người cộng tác đặc lực với Bí thư, thay mặt Bí thư giải quyết công việc hằng ngày của cấp ủy và Ban Thường vụ trong phạm vi đã có nguyên tắc, chủ trương và theo sự phân công, ủy nhiệm của Bí thư, vừa thực hiện nhiệm vụ công tác được phân công, cụ thể là:

- Tổ chức việc truyền đạt và theo dõi kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ, kịp thời phát hiện những điển hình tốt và những biểu hiện lệch lạc để động viên và uốn nắn các cấp, các ngành thi hành đúng chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của trên và của Tỉnh ủy, đồng thời thường xuyên trao đổi tình hình và đề xuất với Bí thư và Ban Thường vụ những vấn đề mới cần có chủ trương, biện pháp giải quyết.

- Thường xuyên chỉ đạo công tác các ban của Tỉnh ủy, công tác xây dựng Đảng cơ sở và các đoàn thể quần chúng, cùng với đồng chí Phó Bí thư là Chủ tịch hoặc đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất chương trình công tác hằng tuần, hằng tháng, nhằm bảo đảm sự ăn khớp giữa sự lãnh đạo của Đảng và chỉ đạo thực hiện của chính quyền.

- Cùng với Bí thư chuẩn bị hoặc chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung các kỳ sinh hoạt của Ban Thường vụ, của Tỉnh ủy, giúp Bí thư xây dựng và quản lý việc thực hiện chương trình công tác, lịch sinh hoạt của tập thể, chế độ thông báo lên trên, thông báo tình hình với các cấp ủy viên và cấp dưới theo định kỳ.

- Giải quyết những đề nghị của các cấp, các ngành và vấn đề khiếu tố của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Những vấn đề khác với chủ trương, nguyên tắc đã có, vượt quá phạm vi giải quyết của mình thì phải xin ý kiến Bí thư, hoặc đưa ra cuộc họp Thường trực, Ban Thường vụ hoặc Tỉnh ủy quyết định.

- Cùng với đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ phụ trách từng khối duy trì chế độ sinh hoạt, báo cáo, thỉnh thị, sinh hoạt các ban và các đoàn thể, thay mặt ban Thường vụ, giải quyết một số trường hợp về điều động, lương bậc, điều chỉnh, sắp xếp cán bộ thuộc diện Thường trực Tỉnh ủy giải quyết theo đúng chủ trương phương hướng của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ đã có, xét duyệt biên chế, tổ chức cụ thể của các ngành, ban thuộc hệ dân, Đảng, thông qua và xét duyệt dự toán, quyết toán, tài chính Đảng một năm và 6 tháng.

c) *Phó Bí thư là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh* là người đứng đầu bộ máy nhà nước ở địa phương, cùng các đồng chí trong Đảng đoàn chính quyền tỉnh là một tập thể chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy và Ban Thường vụ cụ thể hóa và tổ chức chỉ đạo, thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh và Ban Thường vụ về mặt quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, văn hóa, quản lý xã hội và đời sống theo hệ thống chính quyền, bảo đảm và phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao

động, đồng thời bảo đảm chủ trì và thống nhất mọi mặt hoạt động của bộ máy chính quyền trong tỉnh, cụ thể là:

- Nắm vững và tổ chức triển khai, chăm lo sơ kết, tổng kết làm quán triệt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy trên mọi mặt công tác trong các cơ quan chính quyền, biến thành các chủ trương biện pháp, quy định cụ thể của chính quyền và chỉ đạo, hướng dẫn các ngành, các cấp thuộc Nhà nước thực hiện.

- Chủ trì việc điều hành các ngành thuộc hệ thống chính quyền hoạt động đều đặn, nền nếp, tập trung phục vụ đắc lực, kịp thời đối với các công tác trọng tâm, đột xuất và hoàn thành tốt kế hoạch nhà nước, các nhiệm vụ chuyên môn của mỗi ngành. Giải quyết điều hòa tốt các mối quan hệ hợp tác giữa các ngành với nhau và giữa ngành với các huyện, thị trong tỉnh, các đơn vị Trung ương đóng tại tỉnh.

- Chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo, thỉnh thị theo quy định về các mặt công tác của chính quyền, nhất là tình hình chấp hành luật pháp, thực hiện kế hoạch nhà nước, công tác quản lý kinh tế, quản lý cán bộ với bộ phận Thường trực và với Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đề xuất với cấp ủy và Ban Thường vụ, những vấn đề về chủ trương biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với cơ quan chính quyền, đề xuất với Bí thư những vấn đề cần đưa ra Ban Thường vụ hoặc Tỉnh ủy thảo luận và quyết định.

d) Các cấp ủy viên khác: (kể cả Ủy viên Thường vụ được phân công trực tiếp làm trưởng phó ban, trưởng phó ty, bí thư, phó bí thư huyện, thị hoặc phụ trách cơ sở trọng yếu) có trách nhiệm chính là:

- Tham gia bàn bạc và quyết định những công việc của Đảng bộ trong các hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và sau khi đã trở thành nghị quyết rồi thì nghiêm chỉnh chấp hành, không được tuyên truyền hoặc làm theo ý riêng của mình.

- Cùng các đồng chí trong cấp ủy cấp mình, trong Đảng đoàn, trong Ban cán sự và đồng chí phụ trách đơn vị, bảo đảm thấu suốt và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nghị quyết của cấp trên, của

Tỉnh ủy và Ban Thường vụ trong ngành, đơn vị và địa phương mình. Trong khi thực hiện nhiệm vụ cần theo đúng cương vị chức trách về chính quyền được phân công, không lấy danh nghĩa Tỉnh ủy viên, ủy viên Thường vụ để giải quyết công việc của đơn vị, trừ khi được Tỉnh ủy hoặc Ban Thường vụ ủy nhiệm cụ thể, khi có những vấn đề cần uốn nắn, cần đề xuất thì thông qua cấp ủy Đảng hoặc Đảng đoàn để bàn bạc, kiến nghị về chuyên môn, không lấy danh nghĩa cấp ủy viên để quyết định.

- Các đồng chí Thường vụ phụ trách khối, ngoài chức trách cụ thể của một ngành, một bộ phận còn phải nắm vững tình hình trong khối, tổ chức kịp thời triển khai, giải quyết những mắc mớ và đôn đốc, kiểm tra, kết hợp, phối hợp chặt chẽ các ngành trong khối thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ một cách nhịp nhàng, ăn khớp, qua đó phát hiện tình hình trong khối, đề xuất chủ trương công tác của khối lên Tỉnh ủy, sau khi có quyết định của Ban Thường vụ (hoặc Thường trực) thì triển khai thực hiện chủ trương đó. Các ngành trong khối trước khi làm việc với Tỉnh ủy để xin chủ trương công tác, phải báo cáo và xin ý kiến của đồng chí Thường vụ phụ trách khối trước. Khi Thường trực Tỉnh ủy làm việc với các ngành thì đồng chí Thường vụ phụ trách khối đó cần tham dự để cùng nghe và bàn bạc giải quyết công việc.

- Các cấp ủy viên hoạt động ở đơn vị nào phải cùng Ban cán sự hoặc Đảng đoàn nơi đó chăm lo công tác xây dựng Đảng, công tác cán bộ, giữ gìn đoàn kết nội bộ, gương mẫu trong công tác và sinh hoạt, tổ chức thực hiện tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Trên cương vị công tác của mình phụ trách, từng cấp ủy viên có trách nhiệm suy nghĩ, nghiên cứu, đề xuất với các đồng chí bí thư, phó bí thư hoặc phát biểu trong các hội nghị Ban Chấp hành và Ban Thường vụ về chủ trương, biện pháp cải tiến công tác lãnh đạo của cấp ủy. Những vấn đề xét thấy cần phải đưa ra tập thể thảo luận và quyết định thì đề xuất với Bí thư, Phó Bí thư Thường trực.

II. MỘT SỐ CHẾ ĐỘ CÔNG TÁC CỦA TỈNH ỦY

Để cải tiến và nâng cao chất lượng hoạt động của Tỉnh ủy, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, nay quy định một số chế độ công tác của Tỉnh ủy như sau:

1. Chế độ hội nghị của Tỉnh ủy

a) Giữ vững sinh hoạt định kỳ:

- Tỉnh ủy 3 tháng họp một lần vào tuần đầu, tháng đầu mỗi quý trong năm (tháng 1, 4, 7, 10).

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy 1 tháng họp 2 lần, lần 1 vào trên dưới ngày 5 và lần 2 vào trên dưới ngày 20 trong tháng, mỗi lần không quá 2 ngày.

- Bí thư và các phó bí thư hội ý thường lệ mỗi tuần 1 lần vào sáng thứ hai hằng tuần.

- Trường hợp có việc trọng yếu, đột xuất, Ban Thường vụ có thể quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành bất thường, Bí thư trao đổi với các phó bí thư quyết định họp Ban Thường vụ bất thường.

- Sáu tháng và 1 năm Thường trực Tỉnh ủy nghe báo cáo các ngành, huyện, thị, 3 tháng nghe báo cáo các ban và đoàn thể 1 lần.

b) Chuẩn bị tốt nội dung các kỳ họp:

- Nội dung hội nghị của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ là để thảo luận và quyết định những vấn đề đã được quy định ở mục 1 phần trên, do đó việc lựa chọn vấn đề đưa ra hội nghị phải chu đáo, đúng phạm vi chức trách, đúng lúc và phải được chuẩn bị kỹ càng. Ngoài các vấn đề chung như kiểm điểm, đánh giá, sơ kết, tổng kết tình hình và nghị quyết về phương hướng nhiệm vụ chung các mặt công tác của hằng quý, 6 tháng, 1 năm, v.v.. Hội nghị Tỉnh ủy có thể bàn chuyên đề những vấn đề lớn, quan trọng, nhằm thực hiện chỉ thị, nghị quyết lớn của Trung ương Đảng, của Chính phủ, nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh. Riêng hội nghị Ban Thường vụ, nội dung chủ yếu là bàn và quyết định chương trình công tác của quý, tháng, nhằm thi hành nghị quyết của Tỉnh ủy, chỉ thị của Trung ương Đảng, Chính phủ.

- Nội dung hội nghị Ban Thường vụ, do Bí thư, Phó Bí thư chuẩn bị, hội nghị Tỉnh ủy do Ban Thường vụ chuẩn bị, Đại hội Đảng bộ do Ban Chấp hành chuẩn bị. Trên cơ sở chỉ đạo, sử dụng các ban, ngành của tỉnh nghiên cứu và dự thảo báo cáo, đề án, văn bản, nghị quyết, thông tri, chỉ thị, v.v.. Tất cả những vấn đề đưa ra hội nghị Tỉnh ủy và hội nghị Thường vụ thảo luận phải có văn bản dự thảo (báo cáo, đề án, nghị quyết, kế hoạch, chỉ thị, v.v.) do các ban, ngành giúp Ban Thường vụ hoặc Thường trực chuẩn bị và phải được Bí thư và Phó Bí thư Thường trực nghe trước, để chuẩn bị ý kiến nêu vấn đề cần thảo luận. Các văn bản chính, dự thảo cần nêu rõ vấn đề, rõ chủ trương, biện pháp cần giải quyết và phải gửi tới các ủy viên Thường vụ trước 3 ngày (nếu là họp Thường vụ), gửi tới các ủy viên chấp hành trước 7 ngày (nếu là họp Tỉnh ủy). Nếu cần thì có báo cáo chi tiết, thống kê số liệu, v.v. làm phụ bản kèm theo để làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu bàn bạc và quyết định văn bản chính.

Những văn bản dự thảo gửi tới các đồng chí cấp ủy, mỗi đồng chí cấp ủy cần chuẩn bị ý kiến phát biểu, cho rõ, đồng ý, không đồng ý, bổ sung ý kiến mới, những vấn đề đã được thảo luận, nếu có ý kiến gì sửa đổi, bổ sung thì ghi ngay vào đoạn văn đó trong bản dự thảo đã gửi đến rồi gửi về Văn phòng Tỉnh ủy để tổng hợp. Các văn bản dự thảo gửi đến các cấp ủy viên, quá thời hạn rồi mà không có ý kiến gì gửi về Văn phòng Tỉnh ủy thì coi như đồng chí đó đã nhất trí.

Các báo cáo và đề án của các ngành và địa phương sẽ đưa ra trình bày trong cuộc họp Ban Thường vụ hoặc Tỉnh ủy, các ngành phải lấy ý kiến tham gia và phải gửi cho các ban của Đảng có liên quan để các ban có trách nhiệm nghiên cứu, chuẩn bị ý kiến chính thức của ban mình về vấn đề đó để cấp ủy quyết định.

Trong các kỳ sinh hoạt, cấp ủy viên nào vắng mặt phải có lý do chính đáng, báo về đồng chí Bí thư để báo cáo hội nghị biết.

Nội dung hội ý hàng tuần của Thường trực (Bí thư, các phó bí thư) là để nghe tình hình tuần trước, định chương trình và lịch công tác tuần sau, do Đảng đoàn chính quyền tỉnh, Văn phòng Ủy

ban và Văn phòng Tỉnh ủy tổng hợp trình bày. Trên cơ sở lịch công tác trong tuần, Thường trực Tỉnh ủy nghe và giải quyết tập thể những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của bộ phận Thường trực theo lịch hằng ngày trong tuần. Các ban, ngành được mời đến làm việc với Thường trực Tỉnh ủy về những vấn đề đã đăng ký trước cũng phải có văn bản báo cáo kèm theo, tránh tình trạng chỉ đến báo cáo bằng miệng.

c) Bảo đảm trình tự tiến hành hội nghị:

Khi họp cần kiểm số đồng chí tham dự, công bố chương trình hội nghị. Chủ tọa điều khiển hội nghị Ban Thường vụ và Tỉnh ủy là đồng chí Bí thư. Chuyên đề thuộc khối nào thì đồng chí ủy viên Thường vụ phụ trách khối đó chủ trì nội dung và trình bày những vấn đề và đề xuất những ý kiến cần thảo luận. Kết luận Hội nghị Tỉnh ủy, do tập thể Ban Thường vụ chuẩn bị, do đồng chí Bí thư (hoặc Phó Bí thư, nếu đồng chí Bí thư đi vắng) tóm tắt để Tỉnh ủy biểu quyết và quyết định. Hội nghị Ban Thường vụ do Bí thư kết luận.

Trong hội nghị những vấn đề đã có tài liệu gửi trước, nói chung không đọc lại, người thuyết trình cần báo cáo gọn, rõ những vấn đề trọng tâm, vấn đề mới, gợi ý các vấn đề có quan điểm khác nhau cần đề nghị thảo luận để nhất trí, những chỉ tiêu chủ yếu, những biện pháp chính về tổ chức thực hiện cần phải quyết định.

Mỗi cuộc họp cần để ít nhất 2/3 thời gian thảo luận. Ý kiến phát biểu cần tập trung ngắn, gọn đi thẳng vào vấn đề, tránh trùng lặp, tránh phát biểu chung chung và không đề ra ý kiến gì giải quyết. Những vấn đề đưa ra thảo luận phải có kết luận và cần biểu quyết về những vấn đề có ý kiến khác nhau.

d) Tăng cường sự trao đổi giữa các cấp ủy viên.

Quá trình chỉ đạo công việc hằng ngày, đồng chí Phó Bí thư Thường trực Đảng và đồng chí Phó Bí thư phụ trách chính quyền cần liên hệ chặt chẽ với nhau, nếu cần có thể hội ý liên tịch và báo cáo Bí thư để bàn biện pháp thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Tỉnh ủy, của Ban Thường vụ.

Các tỉnh ủy viên trong mỗi khối, mỗi địa phương cần tăng cường sự liên hệ trao đổi, giải quyết công việc giữa đồng chí Thường vụ phụ trách khối, ban với các tỉnh ủy viên trong khối hoặc thuộc ban theo dõi.

Đồng chí Bí thư cần giành thời gian gặp gỡ, làm việc trực tiếp với các đồng chí Thường vụ, các cấp ủy viên để trao đổi công việc chung và riêng, giúp cho từng đồng chí hoàn thành nhiệm vụ.

2. Chế độ lập chương trình công tác

Tỉnh ủy thông qua chương trình công tác và lịch sinh hoạt của Ban Chấp hành 6 tháng và 1 năm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua chương trình công tác và lịch sinh hoạt hằng tháng, hằng quý, chương trình công tác phải được thông báo cho các cấp ủy viên, các bí thư cấp ủy trực thuộc, bí thư Đảng đoàn, Ban cán sự hoặc đồng chí phụ trách các ngành.

Các đồng chí cấp ủy viên, bí thư cấp ủy trực thuộc và các đồng chí phụ trách các ban, ngành... Dựa vào chương trình chung của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ để xây dựng chương trình công tác hằng tuần hằng tháng của địa phương, đơn vị mình gửi về Ban Thường vụ Tỉnh ủy phải chuẩn bị trước nội dung và đăng ký báo trước (trừ việc đột xuất, khẩn cấp) để việc sắp xếp chương trình hằng tuần được chặt chẽ tránh bị động.

Trường hợp có việc đột xuất, cần thay đổi chương trình công tác và sinh hoạt thì đồng chí Bí thư hoặc Phó Bí thư Thường trực Đảng thông báo cho các cấp ủy viên biết để điều chỉnh.

3. Chế độ báo cáo, thông báo tình hình

a) Trong các kỳ họp thường lệ của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ (trực tiếp là Bí thư hoặc Phó Bí thư) báo cáo trước Ban Chấp hành và trong các kỳ họp Thường vụ, Bí thư hoặc Phó Bí thư báo cáo trước Ban Thường vụ về tình hình mọi mặt công tác từ hội nghị lần trước đến lần này. Nếu trong các kỳ họp thường lệ phải thay đổi thời gian thì đồng

chí Bí thư hoặc Phó Bí thư Thường trực thông báo tình hình chung tới các cấp ủy viên biết.

Ngoài các kỳ họp thường lệ, hằng tháng hoặc khi có vấn đề cần thiết, các tỉnh ủy viên, ủy viên Thường vụ có thể trực tiếp báo cáo tình hình và đề xuất ý kiến (bằng miệng) hoặc bằng giấy với Bí thư hoặc Ban Thường vụ.

b) Đồng chí Bí thư và Phó Bí thư Thường trực thay mặt Tỉnh ủy, báo cáo tình hình hằng tháng, hằng quý, 6 tháng, hằng năm và báo cáo chuyên đề về công tác đã làm ở địa phương lên Ban Bí thư Trung ương Đảng, giao cho Văn phòng Tỉnh ủy chịu trách nhiệm và do đồng chí Phó Bí thư Thường trực duyệt ký.

c) Các ban, Đảng đoàn, Ban cán sự các ngành và các cấp ủy trực thuộc báo cáo với Tỉnh ủy theo đúng chế độ và những nội dung đã được quy định trong Thông tri số 22-TT/TU, ngày 16-8-1977 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

d) Sau mỗi kỳ họp hoặc trực tiếp với Ban Thường vụ, với các ban, ngành đều có ghi biên bản và tùy theo nội dung có thông báo gửi đến các ban, ngành có liên quan để thực hiện cho thống nhất.

4. Chế độ kiểm tra, chỉ đạo riêng và sơ, tổng kết kinh nghiệm

a) Trong chương trình công tác 3 tháng, 6 tháng của Ban Thường vụ sẽ định một số việc, một số địa phương, đơn vị cần tiến hành kiểm tra và giao cho các ban có trách nhiệm tiến hành, sau đó báo cáo kết quả với Ban Thường vụ. Tùy từng việc Ban Thường vụ sẽ thông báo cho các tỉnh ủy viên biết kết quả kiểm tra.

Từng thời gian, tập thể Ban Thường vụ hoặc đồng chí Bí thư, Phó Bí thư cần trực tiếp nghe từng địa phương đơn vị báo cáo hoặc đi kiểm tra đơn vị nhận xét tình hình và cho chủ trương công tác.

Các tỉnh ủy viên hằng tháng phải đi kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch nhà nước, chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy ở một điểm kết hợp với kiểm tra diện, thuộc phạm vi mình phụ trách và khi đột xuất tham gia đi kiểm tra các công tác trọng tâm của tỉnh khi cần thiết.

b) Về chỉ đạo riêng: Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ phân công phụ trách chỉ đạo riêng một huyện biên giới vùng cao, một huyện vùng thấp, một xí nghiệp công nghiệp trong từng thời gian để rút kinh nghiệm.

Cần phân công một số đồng chí Thường vụ phụ trách chỉ đạo một hoặc hai vùng kinh tế trọng điểm, phụ trách bộ phận chỉ đạo vùng tuyến I biên giới, bảo đảm công việc trước mắt và nghiên cứu lâu dài. Từng đồng chí Tỉnh ủy viên phải có điểm chỉ đạo trong phạm vi địa phương hoặc ngành mình phụ trách.

Các huyện ủy phải có điểm chỉ đạo, do tập thể huyện ủy quyết định, các ngành phải có điểm chỉ đạo ở cơ sở như xã, huyện, xí nghiệp, cửa hàng, bệnh viện, trường học.

Đối với những vấn đề lớn và mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cần chỉ đạo các ban, ngành liên quan làm thử và khi được tập thể kết luận, mới mở rộng ra diện.

c) Về sơ kết, tổng kết công tác, thực hiện phê bình, tự phê bình.

Việc tổng kết, sơ kết phải được coi trọng thực hiện hằng quý, hằng năm, nhất là sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết lớn, các chuyên đề quan trọng và mới, vì vậy:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua các báo cáo sơ kết, tổng kết những vấn đề mới, có vị trí trọng yếu và quan hệ đến nhiều mặt công tác. Các đồng chí bí thư, phó bí thư và ủy viên Thường vụ phụ trách ban, khối thông qua báo cáo sơ kết, tổng kết 6 tháng, hằng năm của từng ban, ngành, thuộc khối mình phụ trách.

- Tỉnh ủy thực hiện tự phê bình và phê bình chung về lãnh đạo và cá nhân mỗi năm 1 lần vào dịp tổng kết công tác năm. Ban Thường vụ Tỉnh ủy tự phê bình chung sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác 6 tháng một lần của Ban Thường vụ.

5. Chế độ đi xuống cơ sở

Các ủy viên phải phải tham dự đều sinh hoạt với tổ chức cơ sở đảng và tổ chức quần chúng nơi mình công tác, gương mẫu thực hiện chính sách, gương mẫu tự phê bình và phê bình, giữ gìn đoàn kết,

giữ gìn đạo đức phẩm chất, lối sống cách mạng. Cần lắng nghe và có ý kiến phê bình, từ đó kiểm tra lại mình, tích cực phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm.

Từng đồng chí ủy viên mỗi quý phải dành một thời gian (ít nhất một tuần) xuống cơ sở (đơn vị trực tiếp sản xuất, kinh doanh, đơn vị địa phương mình phụ trách) để nghiên cứu, kiểm tra tình hình rút kinh nghiệm chỉ đạo, đồng thời qua thực tiễn đóng góp vào các chủ trương công tác, vào sự lãnh đạo và chỉ đạo chung của Tỉnh ủy.

Để gắn bó giữa lãnh đạo và quần chúng, 6 tháng hoặc 1 năm 1 lần, từng đồng chí Tỉnh ủy viên cần tổ chức buổi gặp gỡ, tiếp xúc với đảng viên và quần chúng, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng và tiếp thu ý kiến phê bình của quần chúng, góp phần cải tiến công tác lãnh đạo.

6. Chế độ học tập

Mỗi đồng chí Tỉnh ủy viên cần xây dựng kế hoạch học tập cụ thể của mình, định rõ yêu cầu, mục đích phấn đấu, thời gian hoàn thành và báo cáo với tập thể. Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và kiểm tra việc học tập đó.

Hướng phấn đấu chung là: Các đồng chí cấp ủy viên dưới 50 tuổi nếu chưa hết cấp II, cấp III, chưa qua Trường Nguyễn Ái Quốc và đại học thì cần học văn hóa và học xong chương trình đại học tại chức. Trước hết phải học lớp lý luận Nguyễn Ái Quốc Trung ương. Một số đồng chí sẽ theo học lớp quản lý kinh tế cao cấp do Viện Quản lý kinh tế Trung ương mở. Các đồng chí trên 50 tuổi chưa hết lớp 10 và đại học thì tùy điều kiện theo học các lớp bổ túc ngắn hạn tại trường và tại chức.

III. QUAN HỆ VÀ CÁCH LÀM VIỆC GIỮA TỈNH ỦY VỚI CÁC CẤP, CÁC NGÀNH

A. Quan hệ giữa Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh

Nghị quyết 23 của Trung ương xác định Đảng lãnh đạo Nhà nước là: “Đảng lãnh đạo Nhà nước một cách toàn diện; quyết định các kế

hoạch, các chủ trương, chính sách và biện pháp chủ yếu, quyết định những vấn đề quan trọng về tổ chức bộ máy, bố trí cán bộ, kiểm tra về mọi mặt của bộ máy nhà nước, giáo dục quần chúng hăng hái tham gia xây dựng chính quyền, chấp hành pháp luật, thực hiện kế hoạch nhà nước”.

Quan hệ giữa Tỉnh ủy với Ủy ban nhân dân tỉnh là quan hệ lãnh đạo. Vì vậy, sau khi Tỉnh ủy đã quyết định về mặt chủ trương, phương hướng nhiệm vụ, chỉ tiêu và biện pháp lớn thì các đồng chí Đảng đoàn chính quyền tỉnh có trách nhiệm cụ thể hóa bằng văn bản theo thủ tục pháp chế về mặt nhà nước chỉ đạo và tổ chức thực hiện, đồng thời thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nắm tình hình, tổng hợp, sơ kết, tổng kết và báo cáo đều đặn, kịp thời với Ban Thường vụ và đồng chí Bí thư về kết quả công tác và đề xuất chủ trương, biện pháp cần thiết.

Để thực hiện đúng chức năng của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh, bảo đảm công tác chỉ đạo hàng ngày được ăn khớp, không trùng chéo cần:

1. Phân biệt rõ những công việc thuộc trách nhiệm giải quyết của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh. Cơ sở để phân biệt chủ yếu là căn cứ vào tính chất công việc (quan trọng nhiều hay ít, mới hay cũ, cấp thiết hay bình thường...) phạm vi ảnh hưởng của công việc đó (rộng hay hẹp) mà phân công giải quyết.

a) Những loại công việc sau đây phải được Tỉnh ủy hoặc Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định, trước khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành:

- Những vấn đề về phương hướng nhiệm vụ, chỉ tiêu chủ yếu và toàn diện của kế hoạch kinh tế - văn hóa của tỉnh (các chỉ tiêu sản xuất, xây dựng cơ bản, thu mua, phân phối, đời sống, tài chính, ngân sách, cân đối vật tư quan trọng, cân đối lao động cơ bản...), 6 tháng, hằng năm, dài hạn và những chủ trương, biện pháp lớn của các kế hoạch ấy. Còn các chỉ tiêu cụ thể của từng ngành, từng huyện thì do Ủy ban nhân dân tỉnh duyệt.

- Những vấn đề thuộc nhiệm vụ mới, chủ trương, chính sách mới

do Chính phủ mới ra nghị quyết, thông tư, chỉ thị..., cần báo cáo và xin ý kiến về kế hoạch, nội dung vận dụng thi hành trước khi tổ chức triển khai thực hiện và ban hành văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Những nhiệm vụ trọng tâm, những khâu cơ bản, những vấn đề đột xuất..., có quan hệ và có tác dụng thúc đẩy các mặt công tác của địa phương như nhiệm vụ kế hoạch sản xuất từng vụ, thu mua, phân phối lương thực, trị an, quốc phòng, biên giới, tổ chức bộ máy và cán bộ.

- Việc phân vùng quy hoạch sản xuất chuyên canh, thâm canh trong nông nghiệp, quy hoạch sản xuất trong công nghiệp, quy hoạch xây dựng thành phố, thị xã, thị trấn huyện lỵ và khu công nghiệp.

- Phương hướng xây dựng và phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản hằng năm, thông qua danh mục và địa điểm, quy mô xây dựng, thông qua chỉ tiêu chủ yếu về phân bổ vật tư kỹ thuật chủ yếu cho các công trình trọng điểm, thông qua nhiệm vụ thiết kế các công trình có mức vốn đầu tư từ 500.000 đồng (công trình dân dụng), 1 triệu đồng (công trình sản xuất) trở lên và các công trình mang tính chất quan trọng về chính trị, quốc phòng, văn hóa, khoa học - kỹ thuật. Dưới định mức trên thì Ủy ban nhân dân tỉnh duyệt rồi báo cáo lại với Thường vụ và Ban Thường vụ.

- Tỷ lệ, tỷ trọng ngân sách địa phương hằng năm phân bổ cho các ngành, các khối, phương hướng sử dụng vốn dự trữ, kết dư của tỉnh.

- Các vấn đề quy định thuộc về vận dụng thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật, nhất là những vấn đề về đòn bẩy kinh tế (giá cả, tín dụng, lợi nhuận, tiền lương...), chính sách cán bộ và những vấn đề mới đặt ra có quan hệ, ảnh hưởng rộng rãi đến nhân dân và cán bộ, công nhân viên.

- Các vấn đề về củng cố và xây dựng các tổ chức bộ máy của chính quyền đoàn thể, Đảng như giải thể hoặc thành lập, hoặc sáp nhập các ty, công ty, các phòng, ban, các đảng bộ, các tổ chức mới, v.v. bố trí các cơ sở sản xuất, kinh doanh quan trọng và phương hướng nhiệm vụ chính của các cơ sở đó.

- Về công tác cán bộ, nguyên tắc chung là thống nhất sự lãnh đạo và quản lý cán bộ vào Tỉnh ủy, trực tiếp là Ban Thường vụ Tỉnh

ủy, theo sự phân công phân cấp quản lý cụ thể, đã được Trung ương hướng dẫn và Tỉnh ủy quyết định trong Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 10-4-1976 của Tỉnh ủy.

b) Những vấn đề do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định rồi báo cáo với Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

Những vấn đề đã có chủ trương của cấp ủy, có nguyên tắc, chế độ, thể lệ cụ thể của Nhà nước, những vấn đề chỉ đạo chuyên môn, nghiệp vụ, những công tác thường xuyên đã có nền nếp không có gì thay đổi về chủ trương, chính sách thì Ủy ban nhân dân tỉnh bàn và quyết định các chủ trương, biện pháp thực hiện rồi báo cáo kết quả với Tỉnh ủy và Ban Thường vụ. Khi Ủy ban nhân dân tỉnh bàn và quyết định những vấn đề có liên quan đến việc theo dõi, đề xuất của các ban của Tỉnh ủy thì phải mời các ban tham gia, quá trình nghiên cứu, chuẩn bị và dự họp để tham gia ý kiến, nhất là những vấn đề sẽ xin ý kiến của Tỉnh ủy hoặc Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Trên đây chỉ nêu một số công việc làm căn cứ phân biệt, trong chỉ đạo cụ thể và thực tế hằng ngày, Đảng đoàn, chính quyền tỉnh nhất là đồng chí Chủ tịch cần xem xét lựa chọn những vấn đề cần thiết, phải đưa ra Ban Thường vụ hoặc Tỉnh ủy bàn và đề xuất với Bí thư hoặc xin ý kiến Bí thư trước khi đưa ra thực hiện. Cần tránh tình trạng việc gì cũng đưa ra cấp ủy, chờ ý kiến của cấp ủy, hoặc ngược lại tùy tiện giải quyết quá phạm vi quyền hạn của tập thể.

2. Về chỉ đạo việc hằng ngày theo hệ thống tổ chức

Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo công tác hằng ngày thông qua hệ thống Đảng, bao gồm các cấp ủy trực thuộc, Văn phòng Tỉnh ủy và các ban của Đảng, các đảng viên, các Ban cán sự và các đồng chí phụ trách ngành (nơi chưa lập Ban cán sự và Đảng đoàn). Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh thì Ban Thường vụ chỉ đạo công việc qua Đảng đoàn chính quyền.

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo theo hệ thống của cơ quan nhà nước. Trong công việc hằng ngày, các ty với cơ quan chuyên môn của chính quyền đều trực tiếp báo cáo, xin ý kiến của Ủy ban nhân

dân. Dù là vấn đề cần phải xin ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cũng phải có ý kiến trước của Ủy ban nhân dân và các ban liên quan của Đảng.

Đối với vấn đề trọng yếu và cần thiết của các ngành, ban, Thường vụ hoặc Bí thư có thể trực tiếp nghe và cho ý kiến theo hệ thống Đảng đoàn, Ban cán sự và đồng chí phụ trách ở Ủy ban không được dự thì đồng chí phụ trách ngành, ban đó cần báo cáo lại ý kiến với Ủy ban nhân dân trước khi tổ chức thực hiện, để bảo đảm cho lãnh đạo của Đảng và chỉ đạo thực hiện của Ủy ban nhân dân được thống nhất.

B. Quan hệ giữa Tỉnh ủy với Văn phòng Tỉnh ủy và các ban, các đảng đoàn

- Văn phòng Tỉnh ủy là cơ quan chuyên môn trực tiếp giúp việc cấp ủy về các mặt: Thông tin tổng hợp, tổ chức các mối quan hệ làm việc với cấp ủy, biên tập, chỉnh lý và phát hành văn kiện, quản lý hành chính, lưu trữ, cơ yếu và bảo vệ cơ quan Tỉnh ủy. Các công việc hằng ngày của Văn phòng Tỉnh ủy chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Bí thư và Phó Bí thư Thường trực. Văn phòng cùng với các ban của Tỉnh ủy có mối quan hệ hữu cơ, chặt chẽ với nhau, và thành một cơ cấu tham mưu tổng hợp của Tỉnh ủy. Nhưng Văn phòng Tỉnh ủy là cơ quan tổng hợp của tổng hợp chung nhất, còn các ban thì tùy theo chức năng từng ban mà làm nhiệm vụ tham mưu, theo dõi nghiên cứu và tổng hợp cụ thể từng mặt công tác cho Tỉnh ủy.

Để văn phòng và các ban thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ cần kiện toàn tổ chức và cán bộ, tăng cường chỉ đạo chặt chẽ nội dung công tác để sử dụng tốt các cơ quan trong đó việc làm tham mưu, nghiên cứu, kiểm tra, đôn đốc các mặt công tác theo yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Tỉnh ủy.

Các công tác về chuyên đề thuộc ban nào thì ban ấy có nhiệm vụ nghiên cứu, dự thảo và hoàn chỉnh các loại văn bản cho Tỉnh ủy hoặc cho Ban Thường vụ trước khi đưa về Văn phòng Tỉnh ủy chỉnh lý trình Thường trực Tỉnh ủy thông qua. Dựa vào văn bản đã ban hành sẽ có cơ quan trách nhiệm chính giúp cấp ủy tổ chức triển khai

và hướng dẫn thực hiện, theo dõi, tổng hợp và báo cáo tình hình cụ thể và đề xuất chủ trương bổ khuyết từ khi bắt đầu đến khi tổng kết công tác đó.

Những vấn đề do các ngành nghiên cứu để đưa ra báo cáo với Tỉnh ủy hoặc Ban Thường vụ, các ban có nhiệm vụ theo dõi quá trình nghiên cứu và tham gia ý kiến. Khi vấn đề đưa ra hội nghị Tỉnh ủy hoặc Thường vụ, thì ban phải báo cáo với cấp ủy về những ý kiến khác nhau và phát biểu ý kiến chính thức của ban mình đối với vấn đề đó. Chế độ làm việc của văn phòng và các ban là chế độ thủ trưởng, do đó các đồng chí cấp trưởng phải đề cao trách nhiệm để quyết đáp những công việc cho kịp thời, tránh chậm trễ, trên cơ sở phát huy dân chủ và vai trò tập thể các đồng chí cấp phó.

Những vấn đề do các ngành nghiên cứu để trình với Ủy ban nhân dân, các ngành cần chủ động trao đổi với các ban liên quan và các ban có trách nhiệm theo dõi, góp ý vào việc chuẩn bị. Khi vấn đề được chính thức quyết định, ban phải theo dõi thực hiện và báo cáo lên Tỉnh ủy những vấn đề thấy cần thiết và kiến nghị biện pháp giải quyết.

Những vấn đề có quan hệ nhiều ngành, nhiều mặt, ban nào được giao chủ trì nghiên cứu, làm thủ hoặc tổng kết thì ban đó có thể được trung tập thêm một số cán bộ của các ngành liên quan để tiến hành.

Căn cứ vào chương trình công tác của Tỉnh ủy vào sự hướng dẫn của các ban ở Trung ương, từng ban phải xây dựng chương trình công tác hàng năm, hàng quý, hàng tháng và báo cáo lên Ban Thường vụ Tỉnh ủy đều đặn theo đúng chế độ quy định.

Dưới sự chỉ đạo và điều hòa, phối hợp công tác của Ban Thường vụ, trực tiếp là của Bí thư và Phó Bí thư Thường trực, các ban cần tăng cường mối quan hệ hợp tác với nhau và với cơ quan chính quyền, tránh mọi biểu hiện cục bộ, bản vị, đùn đẩy thiếu trách nhiệm.

Từ 3 đến 6 tháng Thường trực Tỉnh ủy nghe các ban báo cáo công tác và cho ý kiến chỉ đạo. Đối với hàng tháng thì đồng chí Bí thư, Phó Bí thư Thường trực nắm tình hình chỉ đạo các ban qua các báo cáo bằng văn bản, qua làm việc định kỳ với từng ban, hàng tuần cứ vào

thứ 6 các ban có hội ý, phản ánh về Văn phòng Tỉnh ủy công việc tuần đó, công việc tuần tới và xin đăng ký làm việc với Thường trực Tỉnh ủy (trừ công việc khẩn cấp, bất thường).

Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đồng chí Bí thư, Phó Bí thư khi làm việc với các ngành, hoặc các hội nghị của Ban Thường vụ, của Ban Chấp hành nếu bàn nội dung có quan hệ đến nhiệm vụ công tác của ban nào thì nơi đồng chí lãnh đạo ban đó đến dự để nghe và nếu cần thiết thì báo cáo cung cấp tình hình để giúp Tỉnh ủy và Ban Thường vụ có thêm căn cứ quyết định, để làm nhiệm vụ tổ chức triển khai và bàn định theo dõi, kiểm tra việc thực hiện.

C. Quan hệ với các đảng đoàn, Ban cán sự các ngành và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đảng đoàn Ban cán sự và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là tổ chức do cấp ủy chỉ định, chịu trách nhiệm trước cấp ủy về lãnh đạo đơn vị thực hiện tốt công tác chuyên môn và công tác cán bộ theo đúng chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy và của cấp trên.

Theo định kỳ (hàng tháng 3 tháng, 6 tháng và hàng năm) và khi có việc đột xuất, các đảng đoàn, các ban cán sự các ngành và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phải báo cáo tình hình công tác và kiến nghị của đơn vị mình với Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Tùy tình hình cụ thể tập thể Ban Thường vụ sẽ nghe báo cáo và cho ý kiến chỉ đạo cụ thể.

D. Quan hệ giữa Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh với các đoàn thể quần chúng

Các đoàn thể chịu sự lãnh đạo và chỉ đạo của Tỉnh ủy, trực tiếp là Ban Thường vụ Tỉnh ủy, định kỳ (6 tháng, 1 năm), Ban Thường vụ sẽ trực tiếp nghe các đoàn thể báo cáo và cho ý kiến chỉ đạo. Hằng ngày và khi có công việc cần thiết các đoàn thể làm việc với Ban Dân vận và Mặt trận, và mời đồng chí cấp ủy phụ trách dân vận trước khi xin ý kiến quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Các cấp ủy viên phụ trách các đoàn thể phải phát huy vai trò lãnh đạo của mình để giúp Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác vận động quần chúng trong từng thời gian một cách thiết thực có hiệu quả.

Quan hệ giữa Ủy ban nhân dân và các đoàn thể là quan hệ hợp tác, phối hợp, bình đẳng. Các đoàn thể phải tăng cường giáo dục cho đoàn viên, hội viên và những người thuộc giới mình hiểu rõ và thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, kết hợp với cơ quan nhà nước, động viên đoàn viên, hội viên và quần chúng giới mình phát huy vai trò làm chủ tập thể, tích cực tham gia phong trào thi đua sản xuất, xây dựng và bảo vệ đất nước, xây dựng nếp sống mới, con người mới, hăng hái tham gia quản lý nhà nước, bảo vệ chính quyền.

Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan nhà nước cần dựa vào các đoàn thể, tổ chức động viên quần chúng thực hiện các nhiệm vụ xây dựng và quản lý kinh tế, quản lý nhà nước quy định như sau:

- Đối với các chủ trương, biện pháp có quan hệ đến sản xuất và đời sống quần chúng và cần tổ chức động viên nhân dân tham gia, thì Ủy ban nhân dân tỉnh phải lấy ý kiến các đoàn thể trước khi quyết định. Khi đã có quyết định rồi Ủy ban nhân dân tỉnh mời các đoàn thể cùng hợp để phổ biến và bàn bạc kế hoạch thi hành, phân công rõ trách nhiệm giữa Ủy ban nhân dân tỉnh và trách nhiệm của mỗi đoàn thể trong việc tổ chức và động viên nhân dân.

- Ủy ban nhân dân cần tạo những điều kiện thuận lợi, giải quyết kinh phí và phương tiện cần thiết để các đoàn thể quần chúng hoạt động.

- Từ nay mỗi khi họp kiểm điểm thực hiện kế hoạch nhà nước, các cuộc vận động, thi đua... cần mời các đoàn thể tham dự để kiểm điểm việc động viên quần chúng thực hiện kế hoạch và tham gia quản lý nhà nước. Các hội nghị của đoàn thể tổng kết công tác năm và quyết định đề án công tác mới cũng mời đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh đến dự.

D. Quan hệ với các ban, Đảng đoàn ngành dọc trên Trung ương

Tỉnh ủy tăng cường thường xuyên với các ngành, ban ở Trung ương nhằm thống nhất giữa ngành dọc Trung ương với địa phương về những chủ trương công tác. Đối với các cơ sở của Trung ương đóng tại

địa phương (kể cả đơn vị kinh tế và an ninh, quốc phòng...). Tỉnh ủy thông qua các đảng ủy ở các cơ sở đó để nắm tình hình, nhiệm vụ và kế hoạch nhà nước, đồng thời cùng ngành dọc thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch, các chính sách, pháp luật, chế độ Nhà nước và các mặt ở các đơn vị đó, theo nguyên tắc quản lý theo ngành, kết hợp với quản lý theo lãnh thổ và địa phương. Các cơ sở Trung ương đóng tại địa phương khi báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ và kế hoạch hằng tháng, hằng quý, hằng năm... phải đồng gửi cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy một bản để theo dõi thực hiện của cơ sở.

Nghị quyết này thể hiện được nguyên tắc “Tập trung dân chủ của Đảng”, phát huy chế độ làm việc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách đồng thời vận dụng và quán triệt từng bước nội dung “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, các đoàn thể vận động quần chúng thực hiện, tôn trọng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động”. Thực hiện tốt Nghị quyết trên sẽ phát huy được sức mạnh tổng hợp của các tổ chức và toàn thể Đảng bộ, khắc phục được những khuyết, nhược điểm về các bệnh như: thiếu ý thức trách nhiệm, thiếu tôn trọng quyền làm chủ tập thể của quần chúng, bản vị, cục bộ, quan liêu, tự do, tùy tiện, v.v..

Căn cứ vào những quy định trên đây, các đồng chí tỉnh ủy viên, các cấp, các ngành cần xây dựng kế hoạch làm việc cụ thể của địa phương và đơn vị mình để thực hiện cho có kết quả.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 06-TB/TU, ngày 10-10-1980

Về vấn đề cải tiến chế độ khoán trong các hợp tác xã nông nghiệp

Ngày 6 và 7-10-1980 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp phiên thường lệ. Tại cuộc họp này Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghe Đảng đoàn chính quyền tỉnh báo cáo về vấn đề cải tiến chế độ khoán trong các hợp tác xã nông nghiệp, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nhất trí một số vấn đề như sau:

1- Phong trào hợp tác xã nông nghiệp của tỉnh ta trong các năm qua đã từng bước được củng cố và phát triển; trên 30% hợp tác xã nông nghiệp của toàn tỉnh thuộc loại tiên tiến, khá.

Tuy nhiên, nhìn chung công tác quản lý hợp tác xã nông nghiệp hiện nay, nhất là quản lý sản xuất, lao động phân phối, trong đó có vấn đề khoán chưa được cải tiến. Trình độ khoán trong hợp tác xã còn thấp, thiếu yếu tố khuyến khích người lao động, chưa phát huy được quyền làm chủ của xã viên, nếu sản xuất phát triển chậm, xã viên thiếu phấn khởi. Một số khá lớn hợp tác xã nông nghiệp còn ở tình trạng chậm tiến, dậm chân tại chỗ, trì trệ, không phát huy tính ưu việt của lối làm ăn tập thể xã hội chủ nghĩa.

2- Để vận dụng đúng đắn việc kết hợp ba lợi ích trong vấn đề quản lý hợp tác xã, trong đó nổi lên trước mắt là công tác khoán, nhằm củng cố hợp tác xã và phát triển sản xuất nông nghiệp (lợi ích

của Nhà nước, lợi ích của hợp tác xã, lợi ích của xã viên), Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương cho cải tiến cách khoán trong hợp tác xã nông nghiệp. Tinh thần cơ bản của cải tiến chế độ khoán là phải trên cơ sở: bảo đảm quyền sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất chủ yếu, nắm chắc sản phẩm để thực hiện phân phối chúng, tùy theo từng loại cây trồng và công việc hợp tác xã và đội cần giao khoán cho từng nhóm, từng người lao động, từng khâu hoặc nhiều khâu với những hình thức thích hợp, gắn trách nhiệm của từng người lao động với sản phẩm cuối cùng. Quá trình tiến hành phải vừa coi trọng công tác chính trị tư tưởng, vừa thực hiện chính sách khoán hợp lý, làm cho mỗi người quan tâm tới kết quả lao động của mình, khuyến khích mọi người làm hết sức mình góp phần tăng cường kinh tế tập thể. Phải tổ chức hợp lý các tổ đội phục vụ sản xuất như: thủy lợi, xây dựng cơ bản, vận chuyển, sửa chữa, với quy mô tương xứng với điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật và trình độ quản lý. Các tổ, đội phục vụ này cũng phải gắn liền với đội sản xuất và kết quả sản phẩm cuối cùng.

Phải nắm vững vấn đề cải tiến chế độ khoán là nhằm: Tận dụng được mọi lao động của gia đình xã viên đi vào sản xuất tập thể; thống nhất quản lý và điều hành lao động trong hợp tác xã; không ngừng đẩy mạnh tăng năng suất lao động và chất lượng lao động; đẩy mạnh sản xuất phát triển; hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước giao cho hợp tác xã và hợp tác xã giao cho đội sản xuất. Trong khi khoán, phải bảo đảm khoán đồng bộ các khâu trong quá trình sản xuất và đề cao trách nhiệm của người lao động ở từng khâu nhận khoán.

Tiến hành cải tiến chế độ khoán phải chú ý không được phân tán tư liệu sản xuất chủ yếu của hợp tác xã, như: ruộng đất, trâu, bò, nông cụ, phân bón, v.v.. Hợp tác xã và đội sản xuất phải trực tiếp quản lý tư liệu sản xuất của tập thể, tổ chức sản xuất theo phương hướng, theo kế hoạch và quy trình sản xuất của hợp tác xã. Phải nghiêm cấm việc chia ruộng đất và các tư liệu sản xuất của hợp tác xã cho xã viên tùy ý sử dụng, dưới bất cứ hình thức nào. Các cơ sở vật chất - kỹ thuật

đã có trong hợp tác xã như: sân phơi, nhà kho, cơ sở giống, chuồng trại chăn nuôi... phải được củng cố và phát triển, không được làm hư hỏng. Hợp tác xã và đội sản xuất phải thống nhất điều hành các công việc tập trung phù hợp với đặc điểm của từng loại cây trồng và vào những khâu chủ yếu trong quy trình sản xuất, đặc biệt là các công việc như cày bừa, giống, sâu bệnh, nước. Những công việc khoán cho xã viên phải theo đúng kế hoạch sản xuất, quy trình kỹ thuật và định mức của hợp tác xã. Xã viên nhận khoán phải tuân theo sự quản lý và điều hành lao động của hợp tác xã, của đội sản xuất, không được gây trở ngại cho lao động tập thể. Hợp tác xã và đội sản xuất phải thường xuyên giúp đỡ, kiểm tra trong quá trình sản xuất, tuyệt đối không được khoán trắng cho xã viên. Hợp tác xã phải quản lý được khối lượng sản phẩm thu về cho tập thể và phải thực hiện được sự phân phối thống nhất, đúng chế độ chính sách trong hợp tác xã, bảo đảm yêu cầu của kế hoạch nhà nước, vấn đề định mức công điểm để khoán sản phẩm cuối cùng cũng phải bảo đảm tính thống nhất chung của hợp tác xã, không để thiệt cho người lao động hoặc cho tập thể.

3- Việc thực hiện cải tiến chế độ khoán trong các hợp tác xã nông nghiệp là vấn đề mới và phức tạp, do đó đòi hỏi cấp ủy Đảng và chính quyền phải có sự chỉ đạo chặt chẽ, tiến hành phải tích cực nhưng phải chắc chắn, cụ thể, không đại khái, khoán trắng cho ngành chuyên môn. Từng cấp phải có chỉ đạo điểm, tạo ra những mẫu điển hình để rút kinh nghiệm, rồi mới mở rộng diện. Phải thường xuyên kiểm tra kịp thời uốn nắn các lệch lạc thiếu sót khuyết điểm trong việc khoán.

Ở tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao trách nhiệm cho Đảng đoàn chính quyền tỉnh chỉ đạo thống nhất với sự tham mưu vạch kế hoạch thực hiện cụ thể của Ban Nông nghiệp, của ngành nông nghiệp và các ngành hữu quan để tiến hành làm thí điểm và hướng dẫn các huyện, thị thực hiện (dựa vào tinh thần, thông báo này và bản dự thảo nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cải tiến chế độ khoán, để vạch nội dung và kế hoạch chỉ đạo thí điểm). Trên cơ sở sơ kết, rút kinh nghiệm qua thí điểm, sẽ từng bước dần dần mở rộng diện ra các hợp

tác xã có điều kiện. Ở huyện, thị cũng phải tổ chức chỉ đạo một hai điểm, ngay trong vụ đông và đông - xuân 1980-1981 này.

4- Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy có trách nhiệm cùng ngành nông nghiệp chỉ đạo cụ thể và giúp Tỉnh ủy theo dõi chung việc thực hiện thông báo này.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo chung về công tác tuyên truyền về vấn đề này. Các ngành báo chí, đài địa phương cần có những mục, bài giới thiệu những hợp tác xã tốt, người tốt, việc tốt trong vấn đề cải tiến chế độ khoán.

Quá trình tiến hành, yêu cầu các cấp, các ngành phải thường xuyên và kịp thời báo cáo phản ảnh về Ban Thường vụ Tỉnh ủy biết tình hình kết quả thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH TỈNH ỦY

Ngày 10-10-1980

Về công tác quản lý tổ chức và cán bộ

Qua hơn 4 năm thực hiện Nghị quyết số 02, các cấp, các ngành trong tỉnh đã có nhiều cố gắng thực hiện các khâu của công tác tổ chức và cán bộ, và tích cực xây dựng đội ngũ cán bộ, kiện toàn tổ chức, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của cơ quan đơn vị mình, góp phần quan trọng vào thành tích sản xuất, chiến đấu, công tác và mọi hoạt động của địa phương.

Tuy nhiên bên cạnh những cố gắng và ưu điểm, việc thực hiện nghị quyết phân cấp quản lý cán bộ ở một số cơ quan, đơn vị còn một số khuyết điểm, nhược điểm tồn tại như: Chưa tích cực chăm lo, xây dựng đội ngũ và từng người cán bộ, nhất là việc chấp hành nguyên tắc về quản lý cán bộ như nghị quyết đã đề ra, có mặt chưa chấp hành triệt để, do đó làm cho công tác tổ chức và cán bộ ở một số nơi có lúc bị lỏng lẻo, chưa đáp ứng được nhiệm vụ chính trị.

Để khắc phục những khuyết điểm tồn tại trên và đưa công tác cán bộ đi vào nền nếp với yêu cầu chặt chẽ, đạt chất lượng cao, nhằm đáp ứng tình hình và nhiệm vụ mới, ban Chấp hành Tỉnh ủy đã đề ra những nguyên tắc và nội dung cụ thể trong quản lý tổ chức và cán bộ như sau:

A. VỀ NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ TỔ CHỨC VÀ CÁN BỘ

1. Công tác quản lý tổ chức và cán bộ phải tập trung thống nhất vào cấp ủy Đảng, mọi vấn đề quan trọng về công tác tổ chức và cán bộ đều phải có Tỉnh ủy quyết định. Các cấp, các ngành có trách nhiệm nghiên cứu, chuẩn bị và đề xuất với Tỉnh ủy xem xét quyết định.

2. Công tác tổ chức và cán bộ phải theo đúng đường lối, chính sách cán bộ của Đảng. Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của các cấp ủy Đảng và cơ quan lãnh đạo của Đảng ở các ngành, đồng thời tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và các đoàn thể quần chúng, trên cơ sở đó phân công, phân cấp quản lý tổ chức và cán bộ cho phù hợp, bảo đảm cho tổ chức và cán bộ thuộc quyền cấp trên quản lý thống nhất, chặt chẽ những tổ chức và cán bộ thuộc quyền cấp trên quản lý; đồng thời tăng cường trách nhiệm, quyền hạn cho cấp dưới.

3. Công tác quản lý tổ chức và cán bộ phải bảo đảm dân chủ tập thể dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và cơ quan lãnh đạo cấp trên của Đảng. Những vấn đề quan trọng như đánh giá, lựa chọn, quy hoạch, đề bạt, xếp lương, kỷ luật cán bộ... đều phải được tập thể bàn bạc, quyết định và phải lấy ý kiến tham gia của cán bộ, đảng viên và quần chúng như các văn bản Trung ương đã quy định.

4. Những tổ chức cán bộ được Tỉnh ủy phân cấp, phân công cho các cấp, các ngành trực tiếp quản lý và quyết định một số vấn đề trong từng khâu của công tác cán bộ... Trước khi giải quyết phải xem xét, cân nhắc kỹ lưỡng và để bảo đảm chính sách chung cần phải được cơ quan quản lý cán bộ và cấp ủy thống nhất ý kiến mới được quyết định, cơ quan quản lý cấp ủy phải thường xuyên hướng dẫn, giúp đỡ và kiểm tra, phát hiện những vấn đề thuộc quyền quyết định của các ngành, các cấp. Các ngành, các cấp phải thường xuyên báo cáo cơ quan chức năng về công tác tổ chức và cán bộ của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh để làm tốt công tác quản lý tổ chức và cán bộ.

B. NỘI DUNG QUẢN LÝ VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ TỔ CHỨC VÀ CÁN BỘ

I. VỀ QUẢN LÝ TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

Sau khi Đảng đã đề ra chủ trương, chính sách và nhiệm vụ, chính trị cho từng thời kỳ, từng giai đoạn chung và cho từng ngành, từng địa phương thì công tác tổ chức, chỉ đạo thực hiện là khâu then chốt, có ý nghĩa quyết định bảo đảm cho đường lối, chính sách và mọi nhiệm vụ được thực hiện thắng lợi. Do đó việc xác định để thành lập, sáp nhập hoặc giải thể một tổ chức nào đó là yêu cầu khách quan hết sức cần thiết và phải được quản lý thống nhất, chặt chẽ theo những quy định sau:

1. Về tổ chức bộ máy: Tỉnh ủy trực tiếp xét duyệt, quyết định thành lập, sáp nhập hoặc giải thể các tổ chức bộ máy dưới đây:

- Các ban, sở, ty, ngành, các trường và đơn vị tương đương trực thuộc Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân.

- Các công ty, xí nghiệp, trạm, trại, công, nông, lâm trường và các đơn vị tương đương (kể cả khu vực sản xuất vật chất và khu vực không sản xuất vật chất) trực thuộc các sở, ty, ban, ngành tỉnh.

- Các trường phổ thông trung học vừa học vừa làm, trường thanh thiếu niên vùng cao, trường kỹ thuật, dạy nghề, các trường chuyên môn, nghiệp vụ và đơn vị tương đương thuộc các sở ty, ban, ngành tỉnh.

- Các ban cán sự Đảng đoàn, các ban huyện ủy, thị ủy và Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

- Các ban hoặc phòng chuyên môn và đơn vị tương đương thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã.

- Các công ty, xí nghiệp quốc doanh, nông, lâm trường các trạm, đồn kiểm soát, bệnh viện và đơn vị tương đương thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị.

Khi xem xét, giải quyết các tổ chức bộ máy nói trên thuộc hệ thống quản lý của Nhà nước thì thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh

báo cáo với Tỉnh ủy để xét duyệt và quyết định, Tỉnh ủy giao trách nhiệm cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy (đối với các tổ chức thuộc Khối Dân - Đảng ở tỉnh và huyện) và Ban Tổ chức chính quyền tỉnh (đối với các tổ chức trong hệ thống quản lý của Nhà nước ở hai khu vực hành chính sự nghiệp và sản xuất kinh doanh) nghiên cứu, tổng hợp tham mưu cho Tỉnh ủy duyệt. Trước khi báo cáo, đề xuất với Tỉnh ủy, hai ban tổ chức phải bàn bạc thống nhất với nhau và phải trao đổi, thống nhất với các ngành có liên quan để làm tốt công tác này.

Ngoài các bộ máy tổ chức như đã quy định ở trên thuộc quyền Tỉnh ủy xét và quyết định, các sở ty, ban, ngành và huyện, thị xã được quyền xem xét, quyết định việc thành lập, sáp nhập hoặc giải thể các tổ chức bộ máy nằm trong các công ty, xí nghiệp nông, lâm trường chuyên môn, kỹ thuật... trực thuộc sở, ty, ban, ngành và huyện, thị như cửa hàng, phân xưởng, tổ, đội ca kíp, phòng, ban, trường phổ thông cơ sở... theo đúng các quy định về thể lệ hiện hành.

2. Về biên chế: Việc quản lý và phân bổ chỉ tiêu biên chế đều cho tỉnh xét, quyết định, các ngành, các cấp có trách nhiệm chuẩn bị, xây dựng và báo cáo với tỉnh xét duyệt. Sau khi đã được tỉnh phê chuẩn phân bổ, phải sử dụng hợp lý, đúng đắn và tiết kiệm, có hiệu quả cao.

Tỉnh ủy đã trực tiếp xét duyệt phân bổ biên chế thuộc các cơ quan hành chính sự nghiệp và đơn vị sản xuất kinh doanh. Ban Tổ chức chính quyền (đối với khu vực hành chính) và Ty Lao động (đối với khu vực sản xuất - kinh doanh) cơ quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, kiểm tra việc sử dụng và dự kiến phân bổ biên chế để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xét duyệt

II. VỀ QUẢN LÝ CÁN BỘ

Công tác quản lý cán bộ bao gồm hai mặt: Quản lý đội ngũ và quản lý từng người cán bộ.

- Nội dung quản lý đội ngũ cán bộ là tổ chức nắm vững tình hình về số lượng, chất lượng từng loại cán bộ trong từng ngành, từng cấp, từng lĩnh vực như cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học -

kỹ thuật, nghiệp vụ. Nắm vững về số lượng, chất lượng của đội ngũ còn là nắm vững về cơ cấu, tính đồng bộ, phân tích, đánh giá mặt mạnh, mặt yếu của từng loại cán bộ. Muốn quản lý tốt đội ngũ phải thông qua và làm tốt việc quản lý từng người cán bộ.

- Nội dung quản lý từng người cán bộ là đi sâu tìm hiểu toàn diện về người cán bộ đó. Quản lý tốt từng người cán bộ phải nắm được quá khứ, hiện tại và dự kiến được triển vọng của người cán bộ. Phải kết hợp và thông qua quản lý tốt đội ngũ để đánh giá, nhận xét, bồi dưỡng, đào tạo và gắn người cán bộ đó trong hoạt động của đội ngũ cán bộ của tổ chức.

Quản lý tốt cán bộ không phải là yêu cầu của nhiệm vụ chính trị đòi hỏi mà còn là yêu cầu khách quan của bản thân công tác cán bộ và từng người cán bộ. Nó đòi hỏi rất công phu, tỉ mỉ và mang tính nghệ thuật và khoa học cách mạng. Thực hiện tốt công tác quản lý đội ngũ cán bộ và từng người cán bộ mới có cơ sở để lập quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Mới đáp ứng yêu cầu chính trị của từng giai đoạn.

III. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TỔ CHỨC VÀ CÁN BỘ

1. Diện cán bộ thuộc Tỉnh ủy quản lý

Ngoài diện cán bộ thuộc Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương quản lý như Thông báo số 11-TB, ngày 18-4-1975 của Ban Bí thư Trung ương quy định, Tỉnh ủy trực tiếp quản lý các loại cán bộ như sau:

a) Trong cơ quan của Đảng:

Trưởng và phó ban các ban của Đảng, Chánh và Phó Văn phòng Tỉnh ủy, Giám đốc và Phó Giám đốc Trường Đảng tỉnh, Tổng Biên tập, Phó Tổng Biên tập, và Ủy viên Ban Biên tập báo Hoàng Liên Sơn, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng cấp tỉnh.

Các đồng chí Huyện ủy viên, thị ủy viên, Đảng ủy viên Đảng ủy trực thuộc: Các đồng chí ủy viên Đảng đoàn, Ban cán sự của cơ quan nhà nước và đoàn thể nhân dân ở cấp tỉnh, các đồng chí bí thư đảng

nông, lâm trường, công ty, xí nghiệp trực thuộc các sở, ty, ban, ngành tỉnh (Ban Tổ chức sẽ hướng dẫn danh mục cụ thể).

Chánh và phó văn phòng; trưởng và phó phòng thuộc các ban của Tỉnh ủy, trưởng và phó khoa thuộc Trường Đảng tỉnh và các chức vụ tương đương khác.

Trưởng ban và ban của huyện, thị ủy và Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, và Giám đốc Trường Đảng huyện.

b) Trong cơ quan nhà nước.

Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, giám đốc và phó giám đốc các sở, trưởng và phó ty, ban, ngành tỉnh, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm và ủy viên Ủy ban: Ủy ban Kế hoạch, Thanh tra, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng trọng tài kinh tế tỉnh, Viện trưởng, Viện phó và kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Chánh án, Phó Chánh án và Ủy viên Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh; hiệu trưởng và hiệu phó các Trường Kinh tế - kỹ thuật tỉnh, Chánh và Phó Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các chức vụ tương đương khác.

Trưởng và phó ban, phòng. Viện trưởng, viện phó các viện nghiên cứu kinh tế kỹ thuật; chủ nhiệm và phó chủ nhiệm các công ty quốc doanh; giám đốc và phó giám đốc các xí nghiệp, nhà máy, nông, lâm trường, trưởng và phó các trạm, trại lớn hạch toán kinh tế độc lập và những chức vụ tương đương trong các sở, ty, ngành tỉnh.

Giám đốc, Phó Giám đốc và Trưởng khoa các chuyên khoa thuộc Bệnh viện tỉnh, Viện trưởng và Viện phó Viện Điều dưỡng cán bộ: Trạm trưởng và các trạm phó các trạm nghiên cứu thuộc Sở Y tế - thể dục thể thao; hiệu trưởng và hiệu phó các trường phổ thông trung học, trường sư phạm các loại, Trường phổ thông Lao động tỉnh, trường thanh thiếu niên vùng cao, trường vừa học vừa làm, trường y tế và các trường công nhân kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý trực thuộc các cơ sở, ty, ban ngành tỉnh.

Chủ tịch, phó chủ tịch và ủy viên thư ký Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, trưởng ban và chức vụ tương đương ban chuyên môn, kỹ thuật nghiệp vụ quản lý trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã.

c) Trong các đoàn thể nhân dân.

Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh. Hội trưởng và Hội phó Hội Phụ nữ tỉnh. Bí thư và Phó Bí thư Tỉnh đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Chánh và Phó Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh và các đồng chí ủy viên thường trực của các đoàn thể nói trên.

Trưởng và phó ban, tiểu ban; chánh và phó văn phòng thuộc các cơ quan đoàn thể ở tỉnh.

d) Ở huyện, thị:

Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, thư ký công đoàn, bí thư Thanh niên, Hội trưởng Hội Phụ nữ, Chủ tịch Hội liên hiệp Nông dân tập thể và các chức vụ tương đương khác.

Ngoài diện quy định ở điểm 1, 2, 3 đối với các loại cán bộ khác công tác trong cơ quan của Đảng, Nhà nước đoàn thể nhân dân ở tỉnh, huyện và cơ sở, Tỉnh ủy quản lý như sau:

Cán sự bậc 4 (bốn) trở lên, công nhân kỹ thuật các loại có tay nghề từ bậc 6 trở lên, cán bộ khoa học - kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ từ bậc 1 trở lên.

Các Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động.

Các cán bộ dân tộc ít người và cán bộ nữ từ cán sự bậc 3 trở lên.

2. Những quy định cụ thể trong từng khâu của công tác cán bộ và phân công trách nhiệm từng việc quản lý tổ chức và cán bộ

Nguyên tắc chung là diện cán bộ thuộc cấp nào quản lý thì cấp ấy có quyền quyết định thực hiện công tác cán bộ như: Đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, điều động, xếp lương, khen thưởng, kỷ luật... Đối với cán bộ thuộc cấp mình quản lý theo đúng đường lối, chính sách cán bộ của Đảng và quyết định của Nhà nước cấp trên có quyền kiểm tra, theo dõi, nếu phát hiện có sai lầm, khuyết điểm thì yêu cầu cấp dưới kịp thời sửa chữa hoặc bãi bỏ những vấn đề làm trái quan điểm, nguyên tắc, chính sách cán bộ của Đảng.

Tuy vậy, các ngành, các cấp vẫn có trách nhiệm trong việc xây dựng; quản lý, sử dụng cán bộ theo sự phân công của Tỉnh ủy. Để bảo đảm chặt chẽ trong công tác này, Tỉnh ủy quy định cụ thể từng khâu của công tác cán bộ và phân công trách nhiệm giải quyết như sau:

- Về quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo lập quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý cho các chức vụ, chức danh; Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh ủy, trưởng và phó ty, ban, ngành và chức vụ tương đương ở tỉnh, Ban Thường vụ Huyện ủy và Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

Ngoài các chức danh, chức vụ trên, các đảng đoàn, Ban cán sự, các huyện, thị ủy và thủ trưởng các sở, ty, ban, ngành có trách nhiệm trực tiếp xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ theo sự hướng dẫn, kiểm tra của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

- Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Tỉnh ủy trực tiếp xét duyệt các đối tượng cán bộ đi học các trường lớp sau đây:

+ Cán bộ đi học các lớp bồi dưỡng và đào tạo tại Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc Trung ương.

+ Các đồng chí trưởng và phó sở, ban, ngành tỉnh và bí thư, phó bí thư huyện, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc và chủ tịch, phó chủ tịch huyện, thị xã đi học các trường lớp nói chung từ 3 tháng trở lên.

+ Các loại cán bộ khác thuộc diện tỉnh quản lý nếu cử đi học dài hạn.

+ Các học sinh, nghiên cứu sinh, công nhân kỹ thuật đi học nước ngoài, các huyện, thị, Đảng ủy Trực thuộc căn cứ vào quy hoạch cán bộ để quyết định cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng theo đúng đối tượng tiêu chuẩn chỉ tiêu chiêu sinh và các quy định của Đảng và Nhà nước. Đối với cán bộ thuộc Tỉnh ủy quản lý, khi các ban, ngành, huyện, thị cử đi học thì phải báo cáo cho tỉnh biết (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy).

3. Đề bạt cán bộ

a) Tỉnh ủy trực tiếp xét duyệt và quyết định đề bạt cán bộ giữ các chức vụ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý như đã quy định ở Điểm a, b, c

trong Mục 1. Nếu đề bạt vào các chức vụ của cơ quan nhà nước (chức vụ thuộc tỉnh quản lý), thì sau khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy có thông báo cho Đảng đoàn chính quyền tỉnh thì Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định về mặt nhà nước hoặc tiến hành thủ tục đề nghị ngành dọc Trung ương chính thức bổ nhiệm theo đúng quy định trong Nghị định 24-CP của Hội đồng Chính phủ.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy có trách nhiệm căn cứ vào đề nghị của các cấp, các ngành để nghiên cứu, làm tham mưu cho Tỉnh ủy về toàn bộ công tác đề bạt vào các chức vụ thuộc Tỉnh ủy quản lý. Quá trình nghiên cứu đó cần phối hợp các ban khác của Tỉnh ủy có liên quan trước khi báo cáo lên Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét định. Nếu đề bạt vào các chức vụ thuộc cơ quan nhà nước thì cần trao đổi và phối hợp chặt chẽ với Ban Tổ chức chính quyền tỉnh để nghiên cứu, đề xuất với Tỉnh ủy xét duyệt.

b) Các sở, ty, ban, ngành tỉnh và các huyện, thị ủy, Đảng ủy có trách nhiệm xem xét, quyết định đề bạt các chức vụ không thuộc diện tỉnh quản lý. Trước khi ra quyết định cần trao đổi ý kiến với ngành dọc cấp trên ở tỉnh (nếu có) trao đổi với Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ban Tổ chức chính quyền và phải theo đúng quan điểm, chính sách, nguyên tắc và thủ tục đề bạt cán bộ.

4. Điều động và tiếp nhận cán bộ

a) Tỉnh ủy xem xét, quyết định điều động các cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý, cụ thể là:

- Thay đổi chức vụ, lĩnh vực hoạt động của cán bộ giữ các chức vụ thuộc diện tỉnh quản lý như từ phòng này sang phòng khác, từ ngành này sang ngành khác, từ tỉnh xuống huyện, thị và ngược lại.

- Điều động từ ngành này sang ngành khác, từ tỉnh xuống huyện thị và ngược lại đối với các loại cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý diện cán sự thuộc tỉnh quản.

- Tiếp nhận và điều động các cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý ở ngoài tỉnh và quân đội về Hoàng Liên Sơn công tác.

+ Xét và quyết định cho cán bộ thuộc diện tỉnh quản lý cán bộ (...) vùng về cơ quan Trung ương và tỉnh bạn công tác.

b) Về điều động, tiếp nhận các cán bộ không thuộc diện Tỉnh ủy quản lý như trên, Tỉnh ủy giao trách nhiệm cho các sở, ty, ban, ngành tỉnh và huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc có quyền xem xét, quyết định như sau:

- Điều động trong nội bộ ngành, huyện, thị và điều động từ ngành này sang ngành khác, từ tỉnh xuống huyện, thị và ngược lại.

- Tiếp nhận và bố trí công việc cho cán bộ, công nhân viên không thuộc diện Tỉnh ủy quản lý ở ngoài tỉnh và quân đội, chuyển về Hoàng Liên Sơn công tác.

- Xem xét và quyết định cho cán bộ, công nhân viên không thuộc diện Tỉnh ủy quản lý chuyển vùng về cơ quan Trung ương và tỉnh bạn công tác theo đúng chế độ, chính sách của Đảng, Nhà nước và quy định của Tỉnh ủy.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy có trách nhiệm phối hợp với Ban Tổ chức chính quyền tỉnh theo dõi, kiểm tra hướng dẫn việc thực hiện công tác điều động cán bộ và nghiên cứu làm tham mưu cho Tỉnh ủy xét duyệt điều động, tiếp nhận diện cán bộ thuộc Tỉnh ủy quản lý.

5. Tuyển dụng cán bộ

- Tỉnh ủy có trách nhiệm cho các ban, ngành tỉnh và huyện, thị xã được quyền xét duyệt và quyết định việc tạm tuyển và tuyển dụng chính thức cán bộ, công nhân, viên chức vào làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và đoàn thể nhân dân, theo đúng chỉ tiêu biên chế và chính sách tiến hành cụ thể là:

- Tuyển dụng chính thức đối với các loại cán bộ đại học, trung học và sơ học, chuyên nghiệp, chuyên nghiệp sau khi đã hết thời gian tập sự kể cả việc kéo dài hoặc rút ngắn thời gian tập sự của học sinh.

- Tạm tuyển và tuyển dụng chính thức cán bộ, nhân viên và công nhân sản xuất theo đúng luật lệ chính sách và chỉ tiêu lao động. Riêng việc tuyển dụng cán bộ, nhân viên vào làm việc trong Khối Dân,

Đảng và cơ quan hành chính sự nghiệp của Nhà nước, trước khi các ban, ngành, huyện, thị xã ra quyết định phải trao đổi ý kiến thống nhất với Ban Tổ chức chính quyền tỉnh theo hệ thống giúp Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý cán bộ.

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh và Ty Lao động có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra chặt chẽ việc tuyển dụng và bố trí sử dụng cán bộ, công nhân ở các ngành, các đơn vị, kịp thời điều chỉnh cán bộ, công nhân viên ở những nơi dồi thừa sang nơi thiếu hoặc có nhu cầu cần hơn.

6. Về nghỉ hưu trí, mất sức và cho thôi việc vì việc riêng:

a) Hưu trí, mất sức:

- Đi đôi với các loại cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý thì do Tỉnh ủy xét duyệt cho nghỉ hưu trí và mất sức.

- Số cán bộ còn lại không thuộc diện Tỉnh ủy quản lý thì các ngành, các huyện, thị xã căn cứ vào tiêu chuẩn và mọi quy định trong chính sách hiện hành để xét duyệt và quyết định cho cán bộ được nghỉ hưu trí và mất sức.

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh và Ty Thương binh - xã hội cần hướng dẫn thủ tục và kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện công tác này.

- Tùy vào hoàn cảnh và điều kiện thực hiện hàng năm, Tỉnh ủy sẽ tổ chức họp mặt với một số cán bộ hoạt động trước Cách mạng Tháng 8, gia đình có công với cách mạng, Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động và một số cán bộ về nghỉ hưu trí.

- Các huyện, thị xã cũng cần tổ chức họp mặt với một số cán bộ về nghỉ hưu trí để phổ biến đường lối, chính sách của Đảng và động viên các đồng chí do giữ gìn tốt phẩm chất đạo đức của người cán bộ, đảng viên và tùy theo điều kiện sức khỏe để tham gia công tác với địa phương.

- Ty Thương binh - xã hội cần có kế hoạch chỉ đạo các phòng Thương binh - xã hội các huyện, thị xã quản lý và thực hiện tốt chính sách, chế độ đối với cán bộ về nghỉ hưu trí, mất sức.

b) Cho thôi việc vì việc riêng:

- Đối với các loại cán bộ thuộc Tỉnh ủy quản lý thì do Tỉnh ủy quyết định, số cán bộ còn lại không thuộc diện Tỉnh ủy quản lý thì để các ban, ngành tỉnh và huyện, thị quyết định theo đúng chính sách và chế độ hiện hành.

7. Vấn đề xếp lương và phân hạng loại công ty, xí nghiệp

a) Xếp lương:

- Tỉnh ủy trực tiếp xét duyệt xếp lương (gồm nâng bậc, xếp lương, đề bạt, điều chỉnh...) cho cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý.

- Các ban, ngành tỉnh và huyện, thị xã xem xét và quyết định việc nâng bậc lương, xếp lương cho cán bộ không thuộc diện Tỉnh ủy quản lý, cụ thể theo cách dưới đây:

+ Nâng bậc lương cho cán bộ, viên chức hằng năm phải bảo đảm đúng đối tượng, tiêu chuẩn và theo đúng các quy định của tỉnh và Trung ương.

+ Xếp lương, đề bạt vào các chức vụ không thuộc diện Tỉnh ủy quản lý thì chỉ được xếp đúng thang bảng lương của chức vụ, ngành nghề đó chỉ được phép xếp lương vào bậc khởi điểm. Nếu đã có mức lương chính vượt qua bậc khởi điểm thì chỉ được xếp vào bậc liền kề và không được xếp vượt bậc lương theo chính sách hiện hành.

+ Việc thi tay nghề, nâng cấp, nâng bậc cho công nhân và nhân viên kỹ thuật phải theo đúng luật lệ của Nhà nước và các quy định của tỉnh, Ty Lao động có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra theo dõi và xét duyệt để cấp giấy chứng nhận tay nghề quy định của Nhà nước.

Việc xếp lương hằng năm, các ngành, các cấp phải trao đổi, tham khảo ý kiến của Ban Lương cùng cấp.

+ Đối với những ngành trực thuộc quỹ lương Trung ương, chưa được phân cấp toàn diện cho địa phương thì trước khi đề nghị với ngành chủ quản quyết định phải báo cáo Tỉnh ủy xét duyệt đối với những cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý (kể cả xếp lương, đề bạt, điều động và nâng bậc).

b) Phân xếp hạng, loại công ty, xí nghiệp.

- Tỉnh ủy xét duyệt phân loại, xếp hạng các công ty, xí nghiệp sản xuất, kinh doanh, nằm trong hệ thống tổ chức bộ máy thuộc diện Tỉnh ủy quản lý.

- Ty Lao động có trách nhiệm hướng dẫn, nghiên cứu tổng hợp báo cáo để tỉnh xét duyệt. Trước báo cáo với Tỉnh ủy, Ty Lao động cần tranh thủ ý kiến của các ngành có liên quan và thường xuyên kiểm tra, theo dõi thực hiện tốt vấn đề này. Sau khi đã có quyết định của tỉnh phân hạng loại công ty, xí nghiệp, việc điều chỉnh lương cho cán bộ quản lý của các công ty, xí nghiệp đó sẽ do Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ban Tổ chức chính quyền tỉnh trực tiếp nghiên cứu và có sự trao đổi với Ty Lao động trước khi báo cáo Tỉnh ủy xét, quyết định.

8. Về kỷ luật

a) Kỷ luật trong Đảng: Tỉnh ủy xét duyệt án kỷ luật đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý theo đúng Điều lệ của Đảng quy định. Ủy ban Kiểm tra của Tỉnh ủy có trách nhiệm nghiên cứu, làm tham mưu cho Tỉnh ủy về công tác kỷ luật trong Đảng.

b) Kỷ luật về mặt chính quyền: Tỉnh ủy xét duyệt, quyết định mức án kỷ luật đối với các chức vụ là cán bộ thuộc diện Tỉnh quản lý theo đúng quy định cụ thể sau đây:

- Kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên đối với các chức vụ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của ban, ngành tỉnh và huyện, thị xã cụ thể là:

- Trưởng và phó ban, sở, ty, ngành tỉnh.

- Chủ tịch, phó chủ tịch và ủy viên thư ký Ủy ban nhân dân huyện, thị xã.

- Từ hình thức cách chức, hạ cấp bậc kỹ thuật trở lên đối với các chức vụ còn lại và cán bộ khác thuộc diện Tỉnh ủy quản lý.

- Khi xem xét, quyết định án kỷ luật trong Đảng sẽ đồng thời, xét duyệt mức án kỷ luật về mặt chính quyền, ngoài các hình thức kỷ luật trên đây áp dụng cho từng loại cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quyết định. Tỉnh ủy giao trách nhiệm cho các ban, ngành tỉnh và huyện, thị quyết định các hình thức kỷ luật cho các đối tượng cán bộ sau đây:

+ Xét và quyết định từ hình thức cảnh cáo trở xuống đối với các cán bộ giữ các chức vụ trưởng và phó phòng ban, công ty, xí nghiệp và những chức vụ tương đương và cán sự, cán bộ quản lý.

Xét và quyết định từ hình thức khiển trách đến buộc thôi việc đối với số cán bộ không thuộc diện Tỉnh ủy quản lý.

9. Điều dưỡng và tham quan ở trong nước và nước ngoài

a) Tỉnh ủy xét, quyết định cho cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý (kể cả cán bộ đã nghỉ hưu trí) đi điều dưỡng trong và ngoài tỉnh và xét duyệt cho cán bộ đi an dưỡng, nghỉ mát, chữa bệnh, tham quan, nghỉ mát ở nước ngoài đối với tất cả cán bộ, công nhân viên nói chung. Ban Tổ chức Tỉnh ủy có trách nhiệm phối hợp với các ngành có liên quan để tập hợp, nghiên cứu, báo cáo Tỉnh ủy xét duyệt.

b) Các sở, ty, ban, ngành tỉnh và huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc có trách nhiệm xem xét, giải quyết cho cán bộ, công nhân viên không thuộc diện Tỉnh ủy quản lý đi an dưỡng, nghỉ mát, tham quan trong nước theo đúng đối tượng, tiêu chuẩn và bảo đảm các thủ tục do các cơ quan có trách nhiệm hướng dẫn, quy định.

10. Về quản lý hồ sơ, lý lịch cán bộ

Theo nguyên tắc chung là cán bộ thuộc cấp nào quản lý thì cấp ấy có quyền quản lý hồ sơ, lý lịch gốc và các ban nhận xét, định kỳ hằng năm. Cơ quan trực tiếp sử dụng cán bộ chỉ được quản lý sơ yếu lý lịch và có thể trích sao những vấn đề cần thiết, bởi vậy những cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý thì phần hồ sơ cán bộ phải tập trung và quản lý thống nhất với Ban Tổ chức Tỉnh ủy. Hằng năm các cơ quan, các ngành phải kịp thời bổ sung những diễn biến mới vào hồ sơ lý lịch cán bộ theo đúng quy định quản lý hồ sơ. Số cán bộ không thuộc diện Tỉnh ủy quản lý thì do các huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc và Đảng đoàn, Ban cán sự trực tiếp quản lý theo quy định và hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

11. Về công tác bảo vệ Đảng

Đối với tất cả cán bộ, đảng viên thuộc diện Tỉnh ủy quản lý nếu có vấn đề lịch sử chính trị, phức tạp đều do Tỉnh ủy xem xét, kết luận và xử trí.

Bộ phận bảo vệ Đảng của Ban Tổ chức Tỉnh ủy có trách nhiệm làm tham mưu cho Tỉnh ủy công tác này và cần phối hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan để nghiên cứu, thẩm tra, để Tỉnh ủy kết luận xử trí được đúng đắn, chặt chẽ.

- Số cán bộ không thuộc diện Tỉnh ủy quản lý sẽ do Đảng đoàn, Ban cán sự hoặc cấp ủy trực tiếp Tỉnh ủy quản lý, xem xét kết luận theo sự hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy. Trong quá trình xem xét kết luận phải báo cáo đầy đủ cho Tỉnh ủy biết và xét trường hợp cần thiết Tỉnh ủy có thể xét duyệt.

12. Vấn đề truy tố, bắt giam cán bộ

- Việc truy tố bắt giam cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý đều do Tỉnh ủy xét duyệt trước khi truy tố, bắt giam (trừ trường hợp phạm pháp quả tang, thì ngay sau khi bắt giam phải báo cáo Tỉnh ủy).

- Việc xét xử Tỉnh ủy trực tiếp xét duyệt các vụ trọng án đối với tất cả cán bộ, công nhân viên nói chung. Còn các vụ thông thường, thì Tòa án nhân dân tỉnh và huyện, thị xã xét xử theo quyền hạn của mình đã được quy định, nhưng trước khi xét xử, cần báo cáo với đồng chí cấp ủy phụ trách Khối Nội chính.

IV. CHẾ ĐỘ XÉT CÁN BỘ

Theo quy định của Ban Bí thư Trung ương thì cứ 2 năm một lần các cấp, các ngành phải trực tiếp nhận xét cán bộ. Để thực hiện tốt quy định trên, Tỉnh ủy phân công trách nhiệm nhận xét cán bộ như sau:

1. Tỉnh ủy trực tiếp nhận xét các cán bộ lãnh đạo quản lý chủ chốt của các ban, ngành, huyện, thị như: Trưởng và phó ban, ty, ngành, giám đốc và phó giám đốc các sở, Đài Phát thanh tỉnh,

Trường Đảng tỉnh, Chủ nhiệm và Phó Chủ nhiệm và Ủy viên Ủy ban Kế hoạch, Ủy ban Thanh tra... và những chức vụ tương đương thuộc các ngành ở tỉnh, bí thư và phó bí thư huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc và chủ tịch, phó chủ tịch huyện, thị xã.

2. Đảng đoàn hoặc Ban cán sự cùng thống nhất phối hợp với thủ trưởng cơ quan trực tiếp nhận xét các chức vụ còn lại thuộc diện Tỉnh ủy quản lý như: Trưởng và phó phòng, ban, giám đốc và phó giám đốc, chủ nhiệm và phó chủ nhiệm các công ty, xí nghiệp và những chức vụ tương đương nằm trong cơ cấu tổ chức trực thuộc sở, ty, ban, ngành huyện, thị xã.

3. Số cán bộ còn lại, do các phòng, ban, công ty, xí nghiệp nông lâm trường trực... tiếp nhận xét sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng đoàn, Ban cán sự và thủ trưởng cơ quan.

V. MỐI QUAN HỆ VÀ LỀ LỐI LÀM VIỆC

1. Giữa Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh

Mối quan hệ giữa Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh là mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo Nhà nước quản lý. Theo nguyên tắc đó, công tác tổ chức cán bộ là một mặt trong sự lãnh đạo của mình và phải được tập trung, thống nhất vào Tỉnh ủy xem xét, quyết định. Những vấn đề lớn về công tác tổ chức cán bộ thuộc hệ thống quản lý của Nhà nước thì Ủy ban nhân dân tỉnh cùng thống nhất với Tỉnh ủy để giải quyết và sau khi đã có nghị quyết của Tỉnh ủy thì Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của mình để thể chế hóa về mặt nhà nước.

Ngoài những quy định cụ thể để giải quyết từng khâu của công tác tổ chức cán bộ như đã quy định ở các phần trên, Tỉnh ủy giao trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết:

a) *Thường trực Tỉnh ủy sẽ bàn bạc với Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh* trước khi Tỉnh ủy xét duyệt đề bạt, điều động, kỷ luật... Những cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý đang công tác trong cơ quan

nhà nước, nhất là các đồng chí cán bộ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt của các ngành và huyện, thị xã.

b) Những vấn đề thuộc về công tác tổ chức, cán bộ và những vấn đề khác thuộc quyền Tỉnh ủy quyết định, thì sau khi Tỉnh ủy xét duyệt và thông báo cho Đảng đoàn chính quyền tỉnh thì Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành các thủ tục để hợp thức hóa về mặt nhà nước.

c) Quản lý chung và theo dõi đội ngũ cán bộ dân cử như Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, xã. Đồng thời trực tiếp xây dựng và chuẩn bị nhân sự đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã để tỉnh xét duyệt.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và uốn nắn việc chấp hành và thực hiện chủ trương, chính sách cán bộ của Đảng với cán bộ, công nhân viên đang công tác trong các cơ quan nhà nước.

đ) Quản lý, xét duyệt phân bổ chỉ tiêu biên chế thuộc cả khu vực hành chính sự nghiệp và sản xuất kinh doanh.

e) Thực hiện tuyển sinh đi học các trường lớp chuyên nghiệp và công nhân kỹ thuật theo đúng Điều lệ và chính sách hiện hành. Đồng thời quản lý, theo dõi hệ thống các trường lớp do thuộc quyền quản lý của địa phương.

2. Giữa Đảng đoàn, Ban cán sự và thủ trưởng cơ quan là quan hệ bình đẳng, cùng tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau để đề cao trách nhiệm trong việc xây dựng, quản lý tổ chức và đội ngũ cán bộ khi xem xét, giải quyết công việc thuộc về những vấn đề trên phải theo đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình để giải quyết công việc, nhưng vẫn phải bảo đảm nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện, triệt để cụ thể là:

- Những vấn đề quan trọng như quy hoạch cán bộ, đề bạt điều động, xếp lương, kỷ luật hoặc xác định cơ cấu tổ chức, đều phải do tập thể bàn bạc, quyết định. Những vấn đề chưa được thống nhất thì đồng chí bí thư Đảng đoàn hoặc trưởng ban cán sự trực tiếp báo cáo với Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

- Những cơ quan không lập Ban cán sự hoặc Đảng đoàn thì đồng chí được Đảng giao nhiệm vụ phụ trách đưa ra tập thể các đồng chí lãnh đạo cơ quan chịu trách xem xét, giải quyết mọi vấn đề theo đúng chức năng, quyền hạn của mình.

3. Giữa Tỉnh ủy và Đảng bộ Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh

Đảng ủy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh là tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy và chịu sự lãnh đạo về mọi mặt của Tỉnh ủy. Nhưng do tính chất hoạt động và nhiệm vụ, công tác của lực lượng vũ trang nói chung, nên việc giải quyết một số vấn đề công tác cán bộ cũng được vận dụng cho phù hợp. Bởi vậy Tỉnh ủy quy định như sau:

- Việc xét xử kỷ luật đảng viên, Tỉnh ủy chỉ xét duyệt các hình thức kỷ luật theo như Điều lệ của Đảng quy định đối với các cán bộ có quân hàm từ cấp thượng úy trở lên thuộc Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh.

- Việc đề bạt cán bộ có quân hàm từ cấp thượng úy trở lên trước khi báo cáo cấp trên thuộc hệ thống quân đội quyết định phải báo cáo xin ý kiến Tỉnh ủy (trừ trường hợp đặc biệt do cấp trên tự quyết định).

- Việc điều động các chức vụ cấp trưởng của huyện, thị đội và điều động các đồng chí là huyện ủy viên, thị ủy viên, trước khi Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quyết định cần bàn bạc thống nhất với huyện, thị ủy và phải được Tỉnh ủy đồng ý mới được giải quyết.

4. Trách nhiệm của tổ chức cơ sở đảng và đoàn thể nhân dân trong việc xây dựng và quản lý tổ chức cán bộ

- Đảng ủy, chi ủy cơ quan có trách nhiệm tham gia ý kiến về nhiệm vụ phương hướng, kế hoạch chung và xây dựng cơ cấu tổ chức và cơ cấu lãnh đạo, quản lý của cơ quan, đơn vị mình và thường xuyên tham gia ý kiến để xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng.

- Trước khi xem xét đề bạt, kỷ luật, xếp lương... cho cán bộ thì Ban cán sự hoặc đảng viên và thủ trưởng cơ quan phải tranh thủ ý kiến của Đảng ủy, chi ủy cơ quan Đảng ủy, chi ủy cơ quan phải đề cao trách

nhiệm trong sự lãnh đạo của mình để tham gia ý kiến vào việc xây dựng tổ chức và cán bộ, đảng viên.

- Các tổ chức quần chúng phải nắm vững và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và vai trò của mình để góp phần xây dựng và quản lý cán bộ, theo dõi động viên mọi phong trào thi đua của cơ quan, đơn vị.

5. Trách nhiệm của Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ban Tổ chức chính quyền tỉnh là cơ quan tham mưu giúp Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quản lý tổ chức và cán bộ.

Ngoài những quy định cụ thể trong việc giải quyết từng khâu của công tác tổ chức và cán bộ như trên đây, Ban Tổ chức Tỉnh ủy cần phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh để nghiên cứu tổng hợp những vấn đề xây dựng cơ cấu tổ chức, đề bạt, điều động, xếp lương, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ... thuộc hệ thống cơ quan Đảng, của Nhà nước để báo cáo Tỉnh ủy xét duyệt; đồng thời đi sâu nắm vững kiểm tra, hướng dẫn và đôn đốc các ngành thực hiện tốt các chính sách và quy định của Đảng và Nhà nước về công tác tổ chức và cán bộ.

VI. TỔ CHỨC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Các cấp ủy Đảng và các ngành cần nghiên cứu, quán triệt và có kế hoạch cụ thể để thực hiện tốt Nghị quyết này.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy có trách nhiệm hướng dẫn theo dõi, bảo đảm thực hiện đúng Nghị quyết này.

3. Đảng đoàn chính quyền có trách nhiệm ra quyết định về mặt nhà nước thực hiện đúng Nghị quyết này.

4. Những quy định trước đây về quản lý và phân cấp quản lý cán bộ trái với Nghị quyết này đều không có hiệu lực thi hành.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 19-QN/TU, ngày 14-10-1980

Về thành lập chi bộ cơ sở

- Xét tính chất nhiệm vụ và đề nghị của Ban Nội chính Tỉnh ủy ngày 25-9-1980;
- Căn cứ Điều 11 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y thành lập Chi bộ cơ sở Ban Nội chính Tỉnh ủy lấy tên là Chi bộ Ban Nội chính đặt trực thuộc Thị ủy Yên Bái.
- 2- Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức cơ sở căn cứ vào Điều 35, 36, 37 Chương V của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam để thực hiện.
 - Thị ủy Yên Bái có nhiệm vụ chỉ đạo chặt chẽ việc củng cố cơ sở, sớm ổn định tổ chức, làm đúng nguyên tắc đã quy định.
3. Thị ủy Yên Bái, Chi bộ Ban Nội chính Tỉnh ủy căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 02-NQ/TU, ngày 20-10-1980

Về nhiệm vụ và chương trình công tác quý IV năm 1980

**(Đã thảo luận và thông qua Hội nghị
từ ngày 14 đến ngày 16-10-1980)**

Căn cứ vào tình hình, kết quả công tác 9 tháng và để hoàn thành kế hoạch năm 1980, thực hiện từng bước Nghị quyết Đại hội lần thứ II của Đảng bộ tỉnh, Tỉnh ủy đề ra những nhiệm vụ, công tác chủ yếu và chương trình hành động phải tập trung thực hiện trong quý IV năm 1980 như sau:

I. CÁC NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CHỦ YẾU

Nhiệm vụ năm 1980 do tỉnh đã đề ra và Đại hội lần thứ II của Đảng bộ tỉnh đã quyết định bao gồm toàn diện các mặt công tác, mỗi cấp, mỗi ban, ngành và từng cơ sở phải trên cơ sở kiểm điểm từng việc đã thực hiện 9 tháng qua, đối chiếu với kế hoạch năm 1980 và nghị quyết Đại hội tỉnh, các chỉ thị, nghị quyết của tỉnh để đề ra nhiệm vụ trọng tâm của quý IV, có kế hoạch, có biện pháp cụ thể đối với từng việc, nhất là các biện pháp khắc phục khó khăn, nhằm thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch cả năm 1980, chuẩn bị tốt cho năm 1981.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ quý IV phải quán triệt và thực hiện tốt ba nhiệm vụ quan trọng của toàn tỉnh hiện nay, mà tất cả các cấp, các ngành đều phải thực hiện và phục vụ là:

1. Đẩy mạnh lao động sản xuất, tiết kiệm, phấn đấu giành kết quả tốt về lưu thông, phân phối, bảo đảm đời sống nhân dân, gắn liền với tích cực củng cố quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Về sản xuất, lưu thông, phân phối phải tìm biện pháp hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch một cách toàn diện, nhất là các chỉ tiêu cơ bản thiết thực (kể cả nông, lâm nghiệp, công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, thu mua, phân phối, thu, chi tài chính và ngân hàng, văn hóa xã hội). Trong đó hàng đầu là thu hoạch, thu thuế, thu nợ và thu mua, phân phối tốt vụ mùa (tập trung quản lý thu mua thóc, chế biến và thu mua sắn, lợn, cá, rau...), bắt tay làm tốt vụ đông - xuân, đồng thời phải đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, thực hiện tốt công tác xây dựng cơ bản.

Về tổ chức quản lý và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, phải tập trung vào việc củng cố xây dựng các nông, lâm trường quốc doanh, các xí nghiệp, các hợp tác xã nông nghiệp và thủ công nghiệp, cải tạo công thương nghiệp và quản lý thị trường, giá cả, chấn chỉnh các khâu công tác quản lý và thực hiện chế độ, nguyên tắc đã quyết định đi vào quy củ, nền nếp, tích cực chấm dứt các hiện tượng tiêu cực, trong sản xuất, phân phối, quản lý kinh tế, trong các ngành công tác đều phải coi trọng chống tiêu cực.

2. Tiếp tục tăng cường công tác an ninh quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu chủ động tiến công địch, chống địch xâm nhập, ở vùng biên giới, chống chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp và các yếu tố gây bạo loạn của địch một cách nhanh nhạy, sắc bén, có hiệu quả, giữ vững an ninh trật tự nội địa, biên giới, bảo vệ tốt các mặt và sẵn sàng đánh bại kẻ địch với bất kỳ khả năng nào.

3. Tập trung chỉ đạo công tác xây dựng, củng cố Đảng, các tổ chức chính quyền và đoàn thể quần chúng, theo yêu cầu trong sạch, vững mạnh. Cải tiến mạnh mẽ và sửa đổi tác phong, phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện cụ thể của các cấp, các ngành, thực hiện tốt nghị quyết về chức năng, lề lối làm việc, nghị quyết về công tác quản lý cán bộ của Tỉnh ủy.

Ba nhiệm vụ trên gắn bó chặt chẽ với nhau, lấy nhiệm vụ thu hoạch và thu mua, phân phối vụ mùa, sản xuất đông - xuân làm trung tâm, xây dựng Đảng và củng cố cơ sở làm động lực, thúc đẩy phong trào quần chúng thi đua thực hiện.

II. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC CỤ THỂ TRONG QUÝ

1. Tổ chức đợt quán triệt và xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ II của Đảng bộ tỉnh trong từng cấp, từng ngành từ tỉnh đến cơ sở. Trên cơ sở đó, sơ kết tình hình công tác 9 tháng qua và đề ra nhiệm vụ quý IV, có kế hoạch và biện pháp thực hiện cụ thể, nhằm hoàn thành kế hoạch năm 1980 và các nhiệm vụ do nghị quyết Đại hội tỉnh đề ra (làm xong gửi báo cáo về Tỉnh ủy trong tháng 10-1980).

2. Tập trung lao động, vật tư kỹ thuật (giống, vốn, phân bón, thủy lợi, cung cấp nông cụ, v.v.) để đẩy mạnh chăm sóc và thu hoạch vụ mùa, thực hiện kế hoạch vụ đông xuân 1980-1981, thực hiện bằng được sản lượng lương thực và các mục tiêu khác của năm 1980 đã đề ra. Trong đó chú ý mấy công tác sau đây:

- Duyệt phương án quy hoạch và đi vào thực hiện mạnh mẽ kế hoạch đối với vùng vành đai thực phẩm trọng điểm thị xã Yên Bái, đồng thời đẩy mạnh một bước sản xuất ở các vùng thực phẩm tập trung khác trong tỉnh.

- Chuẩn bị và cung cấp đủ giống, đẩy mạnh trồng một số cây công nghiệp (chè, trầu, sô...), một số cây thuốc và trồng cây gây rừng, cây nguyên liệu, cây công nghiệp trong vụ đông - xuân.

- Tổ chức tốt việc điều tra thống kê tổng kết diện tích gieo cấy cả năm, gặt, thống kê và đánh giá năng suất, sản lượng vụ mùa, thống kê chăn nuôi 1-10, v.v.. Trên cơ sở đó tổng kết nông, lâm nghiệp cả năm 1980 và đẩy mạnh sản xuất vụ đông và đông - xuân 1980-1981 (do Ban Nông nghiệp chỉ đạo, các ngành nông, lâm nghiệp, kế hoạch, thống kê tiến hành).

3. Hoàn thành việc tổng kết xây dựng cấp huyện Văn Chấn, tiếp tục xây dựng và phân cấp quản lý cho các huyện, nghiên cứu phân cấp

cho thị, đồng thời hoàn thành việc tổng kết và đẩy mạnh xây dựng, củng cố hợp tác xã (cả vùng thấp, vùng cao), thực hiện các chế độ cải cách quản lý trong hợp tác xã, điều chỉnh hoặc ổn định quy mô hợp tác xã, quy mô đội sản xuất, chế độ khoán (thí điểm và chỉ đạo mở rộng từng bước chặt chẽ), chế độ 5 công khai, phân phối theo lao động).

Quy hoạch xong các nông, lâm trường, trạm trại, cơ sở sản xuất nông-lâm nghiệp và củng cố, kiện toàn một bước và đẩy mạnh sản xuất của các cơ sở đó (trước hết là vùng biên giới).

4. Trong sản xuất công nghiệp phải tổ chức kiểm tra, rà soát các chỉ tiêu, sản xuất của các xí nghiệp để hoàn thành kế hoạch cả năm 1980. Hướng sản xuất phải tập trung vào chế biến sắn, màu, nông lâm sản, chế biến thuốc, sản xuất công cụ và vật liệu xây dựng. Qua sản xuất, đẩy mạnh xây dựng củng cố các hợp tác xã thủ công nghiệp (kể cả thủ công nghiệp trong hợp tác xã nông nghiệp), sắp xếp, củng cố các xí nghiệp, các đơn vị sản xuất quốc doanh. Các cơ sở sản xuất của Trung ương tại địa phương phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất năm 1980, có kế hoạch về các yêu cầu do địa phương phục vụ và kế hoạch của xí nghiệp giúp đỡ và phục vụ kinh tế địa phương phát triển (báo cáo lên tỉnh thông qua để thực hiện).

5. Hoàn thành căn bản việc ổn định nghĩa vụ lương thực và giao mức vụ mùa cho các huyện, thị. Đồng thời, trong tháng 10-1980, các cơ sở phải triển khai phổ biến và đi vào thực hiện các chính sách mới về lưu thông phân phối. Trước mắt phải có phương án chi tiết, cụ thể để tổ chức thực hiện kế hoạch thu mua chế biến sắn, bảo đảm đạt mức 30.000 tấn sắn quy tươi năm nay. Trên cơ sở đó và căn cứ hợp đồng hai chiều, phải giáo dục vận động thực hiện nghĩa vụ, nắm nguồn hàng tận cơ sở, tổ chức tốt mạng lưới thương nghiệp, hợp tác xã mua bán để bảo đảm thu mua được nhiều nhất các mặt hàng nông, lâm đặc sản, dược liệu... theo kế hoạch năm 1980, nhất là lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, hàng gia công tại địa phương. Tổ chức vận tải, tiếp nhận tốt nguồn hàng Trung ương cấp. Trên cơ sở thu mua tại địa phương và tiếp nhận hàng Trung ương,

phải bảo đảm phân phối tốt lương thực, thực phẩm, hàng hóa tiêu dùng, vật tư kỹ thuật cho sản xuất và đời sống, nhất là các hàng theo tiêu chuẩn, định lượng của cán bộ, công nhân viên, bộ đội, ưu tiên vận chuyển cung cấp cho tuyến I, cố gắng đáp ứng cho yêu cầu trước mắt và có phân dự trữ.

6. Hoàn thiện việc đăng ký công thương nghiệp tư nhân và hợp tác xã, quản lý tốt sau khi cấp đăng ký, đồng thời tăng cường quản lý thị trường và giá cả, thực hiện tốt chính sách mới quyết định của Chính phủ về hàng hóa, giá cả, v.v..

7. Tập trung vốn, nguyên vật liệu, lao động để đẩy mạnh tốc độ xây dựng cơ bản mùa khô, tập trung làm dứt, làm gọn một số công trình trọng điểm của tỉnh và của từng ngành, từng địa phương (như một số xí nghiệp công nghiệp, một số đoạn đường giao thông, một số công trình trường học, bệnh viện, cửa hàng, kho tàng... đã ghi trong kế hoạch điều chỉnh cuối năm). Duy tu bảo dưỡng nhanh đường sá, cầu, cống, phà, thuyền và bảo đảm tốt giao thông, vận tải, xây dựng và củng cố tốt hệ thống thông tin liên lạc vô tuyến điện, điện thoại, đường thư (kể cả hệ thường và hệ đặc biệt), bảo đảm liên lạc kịp thời, chính xác, bí mật lúc thường cũng như lúc có chiến sự xảy ra.

8. Từ sản xuất, lưu thông phân phối tốt, đẩy mạnh việc khai thác các nguồn thu, tăng thu ngân sách và tiền mặt trong tỉnh, tiết kiệm chi và giảm bội chi tiền mặt, quản lý chi chặt chẽ. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hệ thống kế toán, tài vụ, thống kê cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh nhà nước và hợp tác xã.

9. Hoàn thành tốt cuộc tổng kiểm kê tài sản trong khu vực kinh tế nhà nước theo chỉ thị của Chính phủ

10. Đẩy mạnh các công tác về văn hóa - xã hội, trong đó chú trọng chỉ đạo tốt phong trào giáo dục phổ thông, mẫu giáo, thanh toán nạn mù chữ, bổ túc văn hóa, các trường lớp văn hóa, chuyên môn tại chức và tập trung, phong trào gia đình văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa, phong trào vệ sinh phòng bệnh, thực hiện “5 dứt điểm”, phong trào văn hóa, văn nghệ, thông tin, báo chí, truyền thanh, khoa

học - kỹ thuật, v.v.. Tất cả đều nhằm phục vụ sắc bén, kịp thời đối với các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh đề ra.

11. Tích cực đẩy mạnh công tác sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an ninh trật tự địa phương, trọng tâm là:

- Xây dựng, củng cố tốt cơ sở và lực lượng chính trị, an ninh, vũ trang vùng biên giới và địa bàn trọng điểm, địa bàn xung yếu.

- Hoàn thành việc sắp xếp lại các xã và tổ chức sản xuất, tổ chức dân cư, bàn giao nhanh số dân cư di chuyển đi liền với xây dựng, củng cố quan hệ sản xuất mới thích hợp ở vùng biên giới. Tiếp tục xây dựng hành lang bảo vệ biên giới theo kế hoạch và quy hoạch đã có.

- Đẩy mạnh các mặt công tác về chống chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý của địch. Làm tốt công tác nắm và phân đoán tình hình địch một cách nhanh nhạy, chính xác. Từ đó chủ động tiến công địch về mọi phương diện, chống địch lén lút, xâm nhập biệt kích, thám báo và phá hoại các mặt.

- Kiểm tra rà soát lại và bổ sung các phương án, luôn luôn sẵn sàng về mọi mặt (kể cả về hậu phương phục vụ chiến đấu, thông tin liên lạc, phòng không, phòng pháo).

- Hoàn thành tốt công tác tuyển quân các đợt, làm tốt công tác về quân đào ngũ, như chỉ thị của Tỉnh ủy đã ra.

- Tăng cường hoạt động chỉ đạo của Ban chỉ đạo tuyến I của tỉnh đối với các mặt công tác ở vùng biên giới.

- Sơ kết và chỉ đạo chặt chẽ, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống các tiêu cực trong kinh tế, trong các ngành và trong xã hội. Tiến hành xử lý các vụ việc và xét xử các vụ án một cách kịp thời và kiên quyết để phục vụ tốt cho cuộc vận động.

12. Chỉ đạo tốt việc tổ chức quán triệt Hiến pháp mới của Nhà nước, do Quốc hội thông qua. Có kế hoạch thực hiện Hiến pháp và từng bước kiện toàn các cơ quan, chính quyền các cấp đi vào hoạt động có hiệu lực.

13. Tập trung chỉ đạo công tác xây dựng Đảng và các tổ chức chính quyền, quần chúng theo yêu cầu trong sạch, vững mạnh. Sơ kết

tốt các đợt đã qua, làm tốt đợt phát thẻ đảng viên sắp tới. Tổng kết đợt vận động “Bảo vệ an ninh Tổ quốc”. Tiến hành cuộc vận động xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh trong Đảng bộ. Tiếp tục chỉ đạo tốt đợt phát triển đảng viên.

Công nhận bình xét đợt đầu về Đảng bộ cơ sở và huyện trong sạch, vững mạnh; và tiến hành tốt đợt phê bình, tự phê bình trong Đảng và quần chúng phê bình đảng viên trong dịp tổng kết cuối năm.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tổ chức cán bộ, sắp xếp kiện toàn bộ máy lãnh đạo và biên chế các sở, ty, ban, ngành cần thiết của tỉnh và các huyện. Hoàn thành việc lập quy hoạch cán bộ của từng cấp, từng ngành, từng loại cán bộ, tích cực đào tạo cán bộ nhất là cán bộ quản lý, cán bộ cơ sở.

14. Tổng kết các mặt công tác năm 1980, xây dựng kế hoạch nhà nước và nhiệm vụ năm 1981, chú trọng cải tiến việc xây dựng kế hoạch. Tổng kết một số chuyên đề: xây dựng cấp huyện, công tác xây dựng, củng cố hợp tác xã, quốc phòng, công tác dân vận, dân tộc, công tác xây dựng Đảng...

15. Dựa vào các nhiệm vụ và chương trình công tác của Tỉnh ủy, từng cấp, từng khối, từng ban, ngành có đề án và kế hoạch cụ thể chi tiết để thực hiện từng nhiệm vụ và từng việc nói trên thuộc ban, ngành, địa phương mình phụ trách. Đảng đoàn chính quyền tỉnh thống nhất chỉ đạo và tập trung một số cán bộ các ngành xuống huyện và cơ sở, mở một đợt vận động thực hiện nhiệm vụ quý IV, trọng tâm là thu hoạch, thu thuế, thu nợ, thu mua, phân phối vụ mùa, sản xuất vụ đông và đông - xuân, chống tiêu cực bảo vệ trị an và sẵn sàng chiến đấu, tiếp tục xây dựng và củng cố cơ sở.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH TỈNH ỦY

Số 05-TB/TU, ngày 21-10-1980

Về kỳ họp thứ hai của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa II)

Đảng bộ tỉnh khóa II đã họp Hội nghị lần thứ hai trong các ngày 14, 15, 16-10-1980.

Hội nghị đã thông qua báo cáo tình hình và kiểm điểm mọi mặt công tác 9 tháng đầu năm 1980 và nghị quyết về nhiệm vụ của Đảng bộ trong quý IV, nghị quyết về chức năng, nhiệm vụ, chế độ công tác và lễ lối làm việc của Tỉnh ủy, nghị quyết về công tác quản lý cán bộ của tỉnh.

Với tinh thần trách nhiệm cao, hội nghị đã bàn bạc thảo luận với nhiều ý kiến hết sức thiết thực và đi sâu vào từng mặt công tác, thể hiện sự đoàn kết nhất trí cao, có tính chiến đấu mạnh mẽ và tính Đảng hết sức sâu sắc.

1. Về đánh giá tình hình 9 tháng qua: Hội nghị nhất trí nhận định rằng: thời gian qua, tỉnh ta gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ như: (...) thiên tai, dịch bệnh xảy ra liên tiếp, tình hình thiếu tiền vốn, vật tư, nhiên liệu, nguyên liệu vẫn tiếp diễn, có nơi, có chỗ tới mức nghiêm trọng; hàng hóa khan hiếm, thực phẩm thiếu thốn, đời sống cán bộ, công nhân viên gặp nhiều khó khăn; tiêu cực trong xã hội nảy sinh nhiều phức tạp... Nhưng, với sự nỗ lực của toàn Đảng bộ, cán bộ, công nhân viên và nhân dân các dân tộc trong

tỉnh, được tinh thần Nghị quyết Hội Nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị chỉ đạo, gần đây lại có Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II, nên chúng ta đã giành được những thành tích to lớn trên các mặt: sản xuất, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, củng cố cơ sở đảng ngày càng trong sạch và vững mạnh.

Tuy nhiên, do có khó khăn khách quan, cộng với công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành (kể cả tỉnh) còn có những khuyết điểm, thiếu sót, nên đã làm hạn chế thắng lợi. Đó là công tác quản lý xã hội, quản lý nhà nước, quản lý kinh tế... còn lúng túng, lơ lửng, bị động. Việc tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết chưa tập trung, chưa kiên quyết, có việc còn thiếu trách nhiệm trong thực hiện. Có nơi, có lúc còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại, ngại khó, ngại khổ. Có việc còn tách rời, cục bộ. Các ngành, các cấp chưa thật sự chung tay, hiệp tác thực hiện công việc chung. Có việc, lúc mới triển khai thì rầm rộ, sau đó lắng dần, không có sơ kết, tổng kết.

2. Về nhiệm vụ quý IV năm 1980: Hội nghị nhất trí tập trung mọi lực lượng, khả năng của tỉnh để làm tốt ba nhiệm vụ lớn, vừa là cấp bách trước mắt, vừa là bước đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội tỉnh lần thứ II. Cụ thể là:

a) Đẩy mạnh sản xuất, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước 1980, chuẩn bị đầy đủ để triển khai nhanh kế hoạch nhà nước 1981, nhất là tập trung sức thu hoạch, thu thuế, thu nợ, thu mua gắn liền với làm tốt vụ đông, vụ đông - xuân, bảo đảm đời sống nhân dân, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, nhằm thực hiện tốt hơn nữa Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 81 của Ban Bí thư...

b) Tiếp tục đẩy mạnh công tác an ninh, quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu, chủ động tiến công địch. Phải kiên quyết làm tốt cuộc đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn chiến tranh gián điệp, chiến tranh

tâm lý của địch, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Vùng biên giới, giải quyết tốt vấn đề hành lang bảo vệ, tổ chức dân cư, sản xuất và xây dựng củng cố các lực lượng.

c) Tập trung chỉ đạo tốt công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh theo yêu cầu như các chỉ thị đã ra và Chỉ thị 01 mới đây của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đồng thời củng cố tổ chức chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

Ba nhiệm vụ trên có mối quan hệ mật thiết với nhau, bổ sung hỗ trợ cho nhau, trong đó lấy nhiệm vụ thu hoạch, thu mua, phân phối tốt vụ mùa, làm tốt vụ đông và đông - xuân làm trọng tâm, công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền và các đoàn thể làm động lực.

3. Về nghị quyết về chức năng, nhiệm vụ, lề lối làm việc của Tỉnh ủy và nghị quyết về quản lý cán bộ: Căn cứ ý kiến đã thảo luận tại hội nghị và các ý kiến tiếp tục tham gia của các đồng chí trong Tỉnh ủy, của bản dự thảo sẽ được chỉnh lý bổ sung thành nghị quyết chính thức vào đầu 11-1980.

Tỉnh ủy tin tưởng vào chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, nhất định bằng tài năng và trí tuệ của mình, chúng ta sẽ khai thác tốt nhất những thuận lợi đã có, sử dụng tốt sức lao động, biến đất đai, tài nguyên thiên nhiên phong phú của tỉnh nhà để phát triển sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân.

4. Những việc chính cần triển khai ngay sau cuộc hội nghị Tỉnh ủy:

a) Tổ chức, phổ biến và triển khai nhanh nghị quyết Đại hội tỉnh, nghị quyết Tỉnh ủy, có biện pháp thực hiện ngay những việc cụ thể, tạo ra phong trào hành động cách mạng của quần chúng thật sôi nổi, liên tục từ nay đến hết năm 1980.

b) Sơ kết 9 tháng, qua đó rà soát và có biện pháp cụ thể thực hiện bằng được các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch nhà nước 1980, nhất là về thu hoạch vụ mùa, gắn liền với thu thuế, thu nợ, thu mua cả năm 1980 càng nhanh, càng gọn càng tốt. Đi đôi với thu mua lương thực, cần đẩy mạnh thu mua đạt chỉ tiêu về thịt lợn và các hàng nông, lâm

sản, hàng xuất khẩu; ổn định nghĩa vụ và thực hiện cân đối ngay ở hợp tác xã. Đồng thời triển khai, phổ biến và thực hiện các chính sách mới trong kinh tế về phân phối, lưu thông, giá cả...

c) Mở chiến dịch toàn tỉnh đào rõ, quản lý thị trường, thu mua, chế biến sản toàn tỉnh.

d) Triển khai và thực hiện tốt các nhiệm vụ về quân sự, an ninh, sẵn sàng chiến đấu; chống ăn cắp, hối lộ, úc hiếp quần chúng, đẩy mạnh xây dựng Đảng.

đ) Cải tiến công tác lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh và các cấp, các ngành, các đoàn thể. Phải nắm vững và nghiêm túc thi hành các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và của tỉnh, bám chỉ tiêu kế hoạch nhà nước và có chương trình hành động theo từng thời gian nhất định, nhằm tập trung, dứt điểm những công việc có tính chất trọng tâm của từng khâu, từng thời kỳ. Chuẩn bị và tổng kết tốt các công tác năm 1980, trong đó chú ý các khâu mũi nhọn, chỉ đạo thí điểm, công tác phân cấp huyện, công tác kế hoạch...

Căn cứ thông báo này và nghị quyết về nhiệm vụ công tác quý IV của Tỉnh ủy đề ra, các cấp, các ngành, ban cần quán triệt và có kế hoạch thực hiện đạt kết quả.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA TỈNH ỦY

Số 07-TB/TU, ngày 29-10-1980

**Quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương
Đảng về chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ và Bí thư,
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn**

Ngày 23-10-1980 Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Quyết định số 1249 chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn, cùng ngày Bộ Chính trị Trung ương Đảng cũng ra Quyết định số 1250 chuẩn y Bí thư Tỉnh ủy và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh như kết quả bầu cử trong kỳ Đại hội đại biểu lần thứ II của tỉnh.

Tỉnh ủy thông báo để các ngành các cấp biết.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**CHÁNH VĂN PHÒNG
LÊ QUANG NGHIỆP**

Lưu tại Kho lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 02-CT/TU, ngày 31-10-1980

Về lãnh đạo thực hiện tốt công tác động viên tuyển quân đợt 2 năm 1980

Trong mấy năm nay tỉnh ta đã có nhiều cố gắng làm tốt công tác tuyển quân, góp phần tích cực vào việc xây dựng quân đội thường trực vững mạnh, củng cố quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu.

Đợt 1 năm 1980, nhiều huyện, thị xã và cơ quan, xí nghiệp đã hoàn thành vượt chỉ tiêu trên giao, bảo đảm tốt chất lượng và chính sách. Nhiều địa phương, đơn vị đã quan tâm đúng mức đến công tác hậu phương quân đội, thiết thực góp phần động viên thanh niên hăng hái, yên tâm, phấn khởi hoàn thành nghĩa vụ quân sự.

Song, chất lượng tuyển quân chưa cao; chính sách công bằng, hợp lý chưa thực hiện được tốt; số quân bổ ngũ còn nhiều. Nguyên nhân chủ yếu là do: cấp ủy chính quyền, đoàn thể các cấp, nhất là ở cơ sở chưa lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc chặt chẽ, chưa làm tốt công tác giáo dục tư tưởng và thực hiện chính sách chế độ nghĩa vụ quân sự. Khối cơ quan, xí nghiệp nhà nước, cấp ủy và thủ trưởng chưa quan tâm đúng mức, chưa đích thân chỉ đạo thực hiện. Cơ quan quân sự các cấp nắm chưa chắc quân dự bị. Một số cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự. Việc giải quyết xử lý đối với số thanh niên trốn tránh, chống lệnh nghĩa vụ quân sự chưa nghiêm minh.

Trước âm mưu của bọn đế quốc (...), đòi hỏi chúng ta phải không ngừng nâng cao cảnh giác, xây dựng lực lượng vũ trang thường trực vững mạnh, bảo đảm luôn luôn sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Quyết định của Chính phủ số 333-CP, ngày 10-10-1980 về công tác tuyển quân đợt 2 năm 1980, đã chỉ rõ: “Từ đợt 2 năm 1980 trở đi, nam công dân ở tất cả các khu vực nông thôn, đường phố, cơ quan, xí nghiệp nhà nước và các trường chuyên nghiệp (từ sơ cấp đến đại học) dù ở cương vị công tác nào, đủ tiêu chuẩn tuyển quân, theo kế hoạch tuyển quân hằng năm của Nhà nước, đều phải phục vụ tại ngũ theo thời hạn quy định của luật nghĩa vụ quân sự”.

Ở tỉnh ta, đợt 2 này chủ yếu tuyển ở khu vực cơ quan, xí nghiệp nhà nước (kể cả cơ quan xí nghiệp Trung ương đóng tại địa phương) và học sinh tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp (từ sơ cấp đến đại học) ra trường năm 1980 và các năm trước đây chờ sắp xếp công tác và có tuyển một số nữ (theo tiêu chuẩn quy định) chủ yếu ở đường phố và nông thôn.

Để bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các đồng chí thực hiện tốt những việc sau đây:

1- Tiến hành sâu rộng đợt giáo dục về tình hình nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, chế độ nghĩa vụ quân sự trong tổ chức đảng, toàn thể quần chúng, đặc biệt trong Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, nhằm nâng cao tinh thần và ý thức của tập thể, tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, ý thức quốc phòng toàn dân cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Phát động thành phong trào sôi nổi trong thanh niên xung phong tình nguyện đi làm nghĩa vụ quân sự, bảo vệ Tổ quốc. Mỗi cơ quan, đơn vị, khối phố... phải liên hệ kiểm điểm sâu sắc tình hình thực hiện nghĩa vụ quân sự. Đối với cán bộ, đảng viên, bất kể ở cấp nào không cho con, em đi làm nghĩa vụ quân sự hoặc hối lộ hoặc bao che cho người trốn tránh nghĩa vụ quân sự đều phải xem xét tư cách đảng viên theo Chỉ thị 72 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

2- Các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân ở đơn vị mình, đi sâu giáo dục thanh niên tự giác làm nghĩa vụ quân sự, bảo đảm chính sách công bằng, hợp lý, thật sự nghiêm túc. Phải chú trọng giáo dục những thanh niên còn có thói hư, chậm tiến, chưa đủ điều kiện đi bộ đội đợt này, trở thành người tốt, để tuyển chọn vào đợt tới. Cơ quan quân sự các cấp phải làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong việc nắm chắc và quản lý chặt chẽ lực lượng dự bị động viên, đưa công tác đăng ký, thống kê quân dự bị vào nền nếp thường xuyên.

3- Thực hiện tốt chính sách thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng và quan tâm đúng mức các gia đình có chồng, con, em đi bộ đội, chính quyền, cơ quan thương binh xã hội, cơ quan quân sự các cấp cần thường xuyên kiểm tra việc chấp hành chế độ chính sách hậu phương quân đội ở cơ sở, phát hiện sai sót, khuyết điểm để kịp thời sửa chữa. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào toàn dân chăm sóc, giúp đỡ thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình bộ đội, quân nhân phục viên, giúp đỡ các đơn vị bộ đội đóng tại địa phương, phải thực hiện thật tốt công tác dân vận, cùng dân quân tự vệ, công an ở đó làm tốt công tác an ninh chính trị, trật tự xã hội.

Đảng đoàn chính quyền, Đảng ủy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Ty Công an, Ban Tuyên giáo, các đoàn thể và các cơ quan thông tin, đài, báo, v.v. theo chức năng của mình có kế hoạch thực hiện tốt Chỉ thị này.

T/M BAN CHẤP HÀNH TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 10-TB/TU, ngày 4-11-1980

Về cuộc họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 25-10-1980

Trong phiên họp thường kỳ ngày 25-10-1980, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghe Đảng đoàn chính quyền tỉnh báo cáo về các vấn đề: Phương án tổ chức vành đai thực phẩm thị xã tỉnh lỵ; Điều lệ quản lý nhà đất và một số chủ trương về vận dụng chính sách giải quyết khó khăn về nhà ở cho cán bộ, công nhân viên và nhân dân ở khu vực thị xã tỉnh lỵ.

Căn cứ vào phương án dự kiến của các ngành, ban và Đảng đoàn chính quyền tỉnh trình bày, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và nhất trí quyết nghị như sau:

I. VỀ TỔ CHỨC VÀNH ĐAI THỰC PHẨM THỊ XÃ TỈNH LỊ

Do yêu cầu cấp thiết trước mắt, cũng như lâu dài của việc cung cấp thực phẩm cho cán bộ, công nhân viên và nhân dân trong tỉnh nói chung, nhất là khu vực tập trung cán bộ, công nhân và nhân dân phi sản xuất nông nghiệp (như các thị xã, thị trấn) nói riêng, nên việc xây dựng vùng sản xuất thực phẩm tập trung, thành vành đai vững chắc phải được tích cực đẩy mạnh thực hiện ngay trong vụ đông và đông - xuân 1980-1981 này.

Đối với vùng thực phẩm thuộc khu vực thị xã tỉnh lỵ, là trọng điểm trước mắt, phải tập trung vốn đầu tư, lao động và cả vật tư cần

thiết để phát triển thật mạnh sản xuất rau, lợn, cá, gia cầm, v.v. ở cả 3 khu vực quốc doanh, tập thể, gia đình nhân dân và cán bộ, công nhân viên. Trên cơ sở đó, phấn đấu đạt được các yêu cầu và mục tiêu sau đây:

1. Về thịt

a) Khu vực quốc doanh: Ngoài các cơ sở chăn nuôi hiện có, cần phát triển thêm ở 2 nông trường Văn Hưng và Bảo Ái để hằng năm xuất chuồng từ 400-500 tấn thịt/năm. Đồng thời phải tổ chức thêm hai cơ sở ở hai khu vực Yên Bình và Trấn Yên để chăn nuôi lợn và đại gia súc (trâu, bò đàn). Riêng thương nghiệp cũng phải có thêm những cơ sở nhỏ để chăn nuôi vỗ béo (5-6 chục con 1 cơ sở), nhằm chủ động được lực lượng thịt để cung cấp.

b) Khu vực tập thể: Cần phát triển từ 4-5 trại chăn nuôi lợn thịt tập trung từ 500-1.000 đầu lợn mỗi trại và cần có 1 cơ sở giống và thụ tinh nhân tạo lợn lai kinh tế, đồng thời phải tổ chức cụ thể ngay việc khoanh đất trồng thức ăn cho gia súc (cả thức ăn tinh và thô). Trên cơ sở đó, căn bản tự túc được lợn con giống và thức ăn cho gia súc, bảo đảm cung cấp cho Nhà nước từ 200 tấn thịt/năm trở lên. Các cơ sở chăn nuôi tập trung cần vừa làm nhiệm vụ chăn nuôi lợn vừa làm nhiệm vụ trồng trọt rau, màu và thả cá hồ ao.

c) Đối với hộ gia đình nhân dân và cán bộ, công nhân viên: Cần khuyến khích mọi người phát triển chăn nuôi, do đó phải có những chính sách thật cụ thể, bảo đảm được lợi ích của cả Nhà nước và người chăn nuôi.

d) Về vấn đề quản lý và phân phối cám, và thức ăn cho gia súc: Cần thống nhất và tập trung cám và các phụ phẩm lương thực của ngành lương thực, giao cho ngành nông nghiệp và thương nghiệp phân phối cho cơ sở sản xuất thức ăn gia súc của tỉnh, cung cấp hỗ trợ cho các cơ sở chăn nuôi quốc doanh và hợp tác xã và chủ yếu là cấp cho cơ sở nuôi lợn giống và gia công cho những hộ gia đình không phải làm nghĩa vụ thịt lợn để chăn nuôi lợn, giao nộp thực phẩm cho Nhà nước.

2. Về rau

Tiếp tục tập trung đẩy nhanh và mạnh công tác xây dựng cơ bản nhằm hoàn thiện vùng rau Tuy Lộc trong năm 1980, để những năm tới đi sâu vào công tác phát triển sản xuất, nâng cao số lượng và chất lượng rau xanh. Ngoài ra, ở khu vực thị xã, cả hợp tác xã và gia đình nhân dân và cán bộ, công nhân viên Nhà nước, cần tận dụng đất đai không trồng cây lương thực và cây công nghiệp để sản xuất rau xanh, bảo đảm tự túc một phần rau ăn trong gia đình.

Đảng đoàn chính quyền tỉnh căn cứ tinh thần các vấn đề trên để cụ thể hóa vào phương án và ban hành thực hiện.

II. VỀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI NHÀ CỬA TRONG THỊ XÃ

Những năm qua, công tác quản lý đất đai, nhà cửa trong thị xã còn quá lỏng lẻo, chưa có sự phân cấp quản lý giữa tỉnh và thị xã. Vì vậy, có nhiều hiện tượng sử dụng, mua bán đất đai và làm nhà trái phép, trong khi đó việc theo dõi, kiểm tra, quản lý không có cơ quan nào chịu trách nhiệm cụ thể.

Để bảo đảm cho đúng pháp chế của Nhà nước về quyền sở hữu và quản lý đất đai, bảo đảm việc xây dựng thị xã theo đúng quy hoạch đã duyệt, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhất trí thông qua các quy định do Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo. Để thực hiện các quy định đó, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định tạm thời và giao trách nhiệm cho ngành xây dựng tỉnh và thị xã Yên Bái tổ chức thực hiện.

Về mặt quản lý và quyền cấp đất cần vận dụng thi hành đúng các quy định tại các văn bản về nhà đất và Quyết định số 201-CP, ngày 1-7-1980 của Chính phủ mới ban hành.

Phải nghiêm cấm việc mua bán đất đai dưới bất cứ hình thức nào. Đất đai được Nhà nước cấp, chỉ được quyền sử dụng chứ không được quyền sở hữu, không được mua bán đổi chác, khi Nhà nước cần phải trả lại, không được gây khó khăn.

Ngành xây dựng tỉnh và thị xã cần tiến hành nhanh việc quy định cụ thể từng khu, từng cụm, từng điểm để cơ quan nhà nước cũng như nhân dân thuận tiện cho việc xây dựng.

III. VỀ GIẢI QUYẾT NHÀ Ở THUỘC KHU VỰC THỊ XÃ TỈNH LÝ

Nhà ở hiện nay là một vấn đề cần thiết, cấp bách. Để từng bước khắc phục một phần khó khăn trong việc giải quyết nhà ở cho cán bộ công, nhân viên và nhân dân, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhất trí với những quy định vận dụng chế độ, chính sách do Đảng đoàn chính quyền tỉnh dự thảo, với tinh thần là:

- Hằng năm, dành ra một phần vốn xây dựng cơ bản trong ngân sách của Nhà nước và huy động thêm một số vốn tín dụng ngân hàng để đầu tư xây dựng dần dần những khu nhà ở tập thể cho hộ các gia đình cán bộ, công nhân viên Nhà nước hiện đang còn công tác và cho cán bộ, công nhân viên về nghỉ hưu trí, mất sức, mỗi năm độ một, hai ngàn mét vuông. Tất cả những công trình đó sẽ được phân theo từng đối tượng các hộ gia đình cán bộ, công nhân viên thuê, hoặc mua trả tiền dần, hoặc bán theo những phương thức thích hợp.

Ngoài ra Nhà nước khuyến khích cán bộ, công nhân, viên chức có gia đình riêng, hiện đang công tác hoặc đã về hưu, được làm nhà riêng, Nhà nước cấp đất đai theo tiêu chuẩn quy định và tùy từng đối tượng mà Nhà nước bán vật liệu cần thiết để làm nhà, trên cơ sở tùy theo khả năng quỹ vật liệu của Nhà nước và theo kế hoạch hằng năm của tỉnh.

Đối với nhân dân thị xã cũng được Nhà nước khuyến khích xây dựng nhà của theo quy hoạch mới và được Nhà nước bán vật liệu tùy theo khả năng quỹ vật liệu theo giá thỏa thuận, hoặc trao đổi hàng hai chiều.

Căn cứ Thông báo này, Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung chỉnh lý lại các bản quy định để ban hành và giao cho các ngành có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn việc thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 45-NQ/TU, ngày 5-11-1980

Công nhận Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra Thị ủy của Ban Chấp hành thị ủy Lào Cai ngày 24- 3-1980;
- Xét báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Nay chuẩn y Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai gồm các đồng chí có tên dưới đây:

- | | |
|-----------------------------|----------------|
| 1- Đồng chí Hoàng Mậu | Trưởng ban |
| 2- Đồng chí Trần Quý Ty | Phó Trưởng ban |
| 3- Đồng chí Nguyễn Văn Tích | Ủy viên |
| 4- Đồng chí Đào Minh Khoa | Ủy viên |
| 5- Đồng chí Phạm Văn Sơn | Ủy viên |

2. Ban Thường vụ Thị ủy, Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 56-QN/TU, ngày 10-11-1980

Chuẩn y chỉ tiêu huấn luyện năm 1981 của Trường Đảng tỉnh

- Căn cứ vào tình hình nhiệm vụ mới hiện nay và Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Hoàng Liên Sơn lần thứ II và các nghị quyết của Tỉnh ủy về đào tạo, bồi dưỡng trình độ cho cán bộ, đảng viên;

- Căn cứ vào khả năng, nhiệm vụ mở lớp do Ban Giám đốc Trường Đảng tỉnh xây dựng và đề nghị trong Báo cáo số 08, ngày 5-11-1981,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Nay chuẩn y chỉ tiêu mở lớp đào tạo, bồi dưỡng của Trường Đảng tỉnh Hoàng Liên Sơn năm 1981 là 950 học viên, học chương trình lý luận chính trị trung cấp và sơ cấp, được phân chia cụ thể như sau:

Số lớp mở	Đối tượng triệu tập	Số lượng	Thời gian tập trung	Kinh phí đài thọ	Lương thực và thực phẩm
Sơ cấp: - Khóa 8 - Khóa 9	Cán bộ chủ Xã toàn tỉnh	120 80	3-1981 7-1981	Ngân sách Đảng cấp	Cung cấp hoàn toàn 100%

Trung cấp - Tập trung (đào tạo)	xã và huyện (A2)	150	7-1981	Ngân sách cấp 100 ng	Cung cấp 100 ng hoàn toàn
- Tập trung (đào tạo)	(A1)	92	(chuyển của năm 1980 sang, tiếp tục cấp cho đến tháng 7-1981 bế giảng)		
Tại chức: - Lớp 2	Cán bộ các ngành của tỉnh	106	Chuyển của năm 1980 sang, tháng 6-1980 kết thúc) (Chuyển của năm 1980 sang)		
- Lớp 3	Cán bộ khoa	140			
- Lớp 4	học, kỹ thuật	150			
- Lớp 5	Cán bộ các ngành	150			

2. Chế độ đối với cán bộ cơ sở xã, Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết cùng các ngành có liên quan, ghi vào chỉ tiêu kế hoạch năm 1981, bảo đảm cung cấp lương thực và thực phẩm theo số lượng học viên của các lớp sơ cấp và lớp đào tạo giảng viên và cán bộ tuyên huấn cấp huyện của tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ban Tài chính - quản trị, Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Giám đốc Trường Đảng tỉnh và các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**CÔNG VĂN
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 92-CV/TU, ngày 12-11-1980

Kính gửi: Ban Bí thư Trung ương Đảng

Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ II; ngày 16-10-1980, Ban Chấp hành Tỉnh ủy đã họp phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ và các đồng chí Tỉnh ủy viên.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn xin báo cáo việc phân công nói trên để Ban Bí thư biết.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 54-QN/TU, ngày 12-11-1980

Về việc thành lập Hội chữ thập đỏ tỉnh Hoàng Liên Sơn

- Căn cứ vào Điều lệ Hội chữ thập đỏ Việt Nam và căn cứ vào tình hình, nhiệm vụ của tỉnh Hoàng Liên Sơn;

- Xét đề nghị của Ban cán sự Sở Y tế - Thể dục thể thao,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Cho phép thành lập Hội chữ thập đỏ tỉnh Hoàng Liên Sơn có hệ thống tổ chức hoạt động từ tỉnh đến cơ sở theo đúng tôn chỉ, mục đích và nhiệm vụ như Điều lệ của Hội đã quy định.

2. Trong khi chưa họp đại hội để cử ra Ban Chấp hành chính thức của Hội, Tỉnh ủy chỉ định Ban Chấp hành lâm thời của Hội gồm các đồng chí có tên sau đây:

- Tráng A Pao, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ tịch Hội.

- Vũ Đức, Phó Giám đốc Sở Y tế - Thể dục thể thao làm Phó Chủ tịch thường trực Hội.

- Lương Quyết Định, Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh ủy, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc tỉnh làm Phó Chủ tịch.

- Trần Văn Phúc, Phó Trưởng ty Giáo dục làm Phó Chủ tịch.

- Nguyễn Tiến Đạt, Phó Trưởng ty Thương binh - Xã hội làm Ủy viên.

- Nguyễn Thị Đình, Phó Bí thư Tỉnh Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm Ủy viên.

- Trần Nam, Phó Trưởng ty Văn hóa - Thông tin làm Ủy viên.

- Bác sĩ Vũ Ngọc Thụ, Trạm trưởng Trạm vệ sinh dịch tễ thuộc Sở Y tế - Thể dục thể thao làm Ủy viên thư ký trong Ban thường trực Hội.

- Bác sĩ Nguyễn Văn Thi, Trưởng ban Y tế - Thể dục thể thao, thị xã Yên Bái làm Ủy viên.

- Bác sĩ Trương Văn Ký, Trưởng ban Y tế - Thể dục thể thao, thị xã Lào Cai làm Ủy viên.

- Bác sĩ Nguyễn Văn Dục, Trưởng ban Y tế - Thể dục thể thao huyện Trấn Yên làm Ủy viên.

3. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Y tế - Thể dục thể thao, Hội chữ thập đỏ tỉnh và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành. Đảng đoàn chính quyền tỉnh có trách nhiệm tiến hành các thủ tục về phương diện nhà nước.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 55-QN/TU, ngày 12-11-1980

Về việc sáp nhập Ban Nghiên cứu lịch sử Tỉnh ủy vào Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng của Tỉnh ủy;
- Để cải tiến tổ chức và tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy đối với công tác tuyên truyền, giáo dục của Đảng, phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Sáp nhập Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy vào Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.
2. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng là một bộ phận của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy do một đồng chí phó trưởng ban trực tiếp phụ trách hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ về công tác nghiên cứu lịch sử Đảng đã được Trung ương quy định.
3. Đồng chí Trần Đức Minh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy có trách nhiệm chính trong việc sáp nhập tổ chức trên và cùng đồng chí Nguyễn Duyên, Phó Trưởng ban Nghiên cứu lịch sử Đảng bàn bạc, sắp xếp cán bộ và tiến hành bàn giao mọi cơ sở vật chất sang cơ quan mới bảo đảm đúng đắn, nhanh, gọn và sớm đi vào hoạt động.

4. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 57-QN/TU, ngày 13-11-1980

**Về việc hợp nhất Ban Dân vận - Mặt trận, Ban Dân tộc
và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh thành Ban Dân vận
và Mặt trận tỉnh Hoàng Liên Sơn**

Căn cứ hướng dẫn của Ban Dân vận - Mặt trận Trung ương về việc thực hiện Nghị quyết 249-NQ/TW, ngày 29-3-1976 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng;

Để cải tiến tổ chức cho phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương và tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy đối với công tác Dân vận và Mặt trận,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Hợp nhất Ban Dân vận - Mặt trận Tỉnh ủy, Ban Dân tộc Tỉnh ủy và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh thành Ban Dân vận và Mặt trận trực thuộc Ban Chấp hành Tỉnh ủy, lấy tên là Ban Dân vận và Mặt trận tỉnh.

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trách nhiệm và tổ chức bộ máy của Ban căn cứ vào Nghị quyết 249-NQ/TW của Bộ Chính trị và các văn bản hướng dẫn của Ban Dân vận - Mặt trận Trung ương để thực hiện.

3. Nguồn kinh phí và quỹ tiền lương của Ban Dân vận và Mặt trận tỉnh sẽ do Nhà nước cấp phát.

4. Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao trách nhiệm cho đồng chí Giàng A Páo, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân tộc chịu trách nhiệm chính trong việc hợp nhất các tổ chức trên và cùng thống nhất, bàn bạc với đồng chí Lương Quyết Định, Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và đồng chí Trần Văn Sầu, Trưởng ban Dân vận - Mặt trận Tỉnh ủy dự kiến, sắp xếp tổ chức, cán bộ bảo đảm đưa tổ chức mới vào hoạt động tốt.

5. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Dân tộc, Ban Dân vận và Mặt trận Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết nghị này. Ban Tài chính - quản trị Tỉnh ủy cùng với các tổ chức được hợp nhất trên có trách nhiệm kiểm kê tài sản và bàn giao tài sản sang cơ quan mới được nhanh gọn.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 60-QN/TU, ngày 15-11-1980

Về việc chỉ định Ban Dân vận và Mặt trận tỉnh

- Căn cứ vào Quyết nghị số 57-QN/TU, ngày 13-11-1980 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc hợp nhất Ban Dân vận- Mặt trận Tỉnh ủy, Ban Dân tộc Tỉnh ủy và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh thành Ban Dân vận và Mặt trận tỉnh;

- Căn cứ vào Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong phiên họp ngày 6-11-1980 về công tác tổ chức và cán bộ,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chỉ định các đồng chí có tên dưới đây vào Ban Dân vận và Mặt trận tỉnh:

- Giàng A Páo, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nguyên Trưởng ban Dân tộc làm Trưởng ban.

- Lương Quyết Định, Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh làm Phó Trưởng ban.

- Trần Văn Sầu, nguyên Trưởng ban Dân vận - Mặt trận tỉnh làm Phó Trưởng ban.

- Bàn A Hàn, Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Hoàng Liên Sơn tham gia Phó Trưởng ban.

2. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Dân vận và Mặt trận tỉnh và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 01-TT/TU, ngày 18-11-1980

Tiến hành tổng kết công tác xây dựng Đảng

Mấy năm gần đây công tác xây dựng Đảng đã tiến hành thực hiện được nhiều việc và liên tục, đáp ứng được sự lãnh đạo của Đảng ở các cấp trên mọi lĩnh vực, thúc đẩy mạnh mẽ hoàn thành nhiệm vụ chính trị.

Nhưng chưa được tổ chức tổng kết đầy đủ và sâu rộng, các cấp cũng chưa đánh giá một cách đầy đủ những mặt mạnh mặt yếu của công tác xây dựng Đảng, trong chỉ đạo còn chấp vá, chưa tập trung vào những mặt chủ yếu nên yêu cầu xây dựng Đảng “vững mạnh trong sạch” chưa toàn diện.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương tiến hành tổng kết thật sâu công tác xây dựng Đảng trong những năm qua, chủ yếu đi vào đánh giá trong 2 năm 1979-1980 trên cơ sở thực hiện các nghị quyết và chỉ thị Trung ương nhất là Nghị quyết Trung ương lần thứ tư, Chỉ thị 53, 55, 72, 83 của Trung ương Đảng, Nghị quyết 20 của Tỉnh ủy. Tập trung vào đánh giá những mặt chủ yếu như: củng cố tổ chức cơ sở đảng, xây dựng tổ chức cơ sở thật sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức; công tác giáo dục rèn luyện nâng cao chất lượng đảng viên, xây dựng đội ngũ đảng viên bảo đảm yêu cầu trong sạch và vững mạnh. Xây dựng, củng cố kiện toàn đội ngũ cốt cán cơ sở nhất là những cương vị chủ chốt bảo đảm vững mạnh hoàn

thành mọi nhiệm vụ. Việc xây dựng cấp huyện, kiện toàn sự lãnh đạo của cấp ủy huyện, nhất là những cương vị chủ chốt của huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc.

Cần đánh giá cho được những mặt nào đã đạt được, mặt nào còn yếu theo yêu cầu xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh. Từ đó xem xét biểu dương huyện, thị, Đảng ủy cơ sở đảng như Chỉ thị 01, ngày 11-10-1980 của Tỉnh ủy. Đồng thời thông qua việc tổng kết bằng mọi cách đẩy mạnh việc thực hiện hoàn thành mọi chỉ tiêu kế hoạch năm 1980 còn lại cụ thể là thu hoạch mùa phân phối, ăn chia làm nghĩa vụ nhanh gọn, chế biến sẵn, chuẩn bị cho sản xuất đông - xuân 1980-1981, v.v..

Việc tổng kết công tác xây dựng Đảng là một yêu cầu quan trọng trong sự lãnh đạo của cấp ủy các cấp và phải được tiến hành từ cơ sở lên, thống nhất trong một thời gian từ nay đến trung tuần tháng 12-1980 xong ở huyện và cơ sở, chuẩn bị cho hội nghị tổng kết cuối tháng 12-1980.

Các ban Tổ chức, Kiểm tra, Tuyên giáo tỉnh, huyện với chức năng của mình giúp cấp ủy tiến hành tốt việc tổng kết công tác xây dựng Đảng ở cấp mình.

Công việc cuối năm khẩn trương và nhiều việc phải phấn đấu với tinh thần rất cao để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch còn lại, đồng thời phải tiến hành tổng kết công tác xây dựng Đảng.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 02-TT/TU, ngày 25-11-1980

Triệu tập hội nghị nghiên cứu cải cách giáo dục

Để triển khai kịp thời và đầy đủ tinh thần Nghị quyết 14-TW và 24-TU về cải cách giáo dục.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định triệu tập hội nghị nghiên cứu và quán triệt nghị quyết nói trên.

Thời gian: Hội nghị trong 3 ngày từ ngày 17-12 đến 19-12-1980.

Địa điểm: Tại Hội trường của tỉnh.

Thành phần hội nghị:

Ở tỉnh: - Các đồng chí Tỉnh ủy viên.

- Đồng chí Trưởng ban cán sự các sở, ty, ban, ngành đoàn thể trực thuộc tỉnh (nếu trưởng đi vắng thì phó đi thay).

- Ban Tuyên giáo, Ty Giáo dục, Văn phòng Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh được cử thêm một số cán bộ nghiệp vụ.

- Bí thư chi, đảng bộ cơ sở của các trường dạy nghề, chuyên nghiệp và phổ thông cấp III trong tỉnh.

- Các Đảng ủy trực thuộc.

Ở các huyện, thị:

- Trưởng ban Tuyên giáo.

- Đồng chí Phó Chủ tịch hoặc Ủy viên Thư ký phụ trách Khối Văn xã.

- Trưởng ban Giáo dục.

Hội nghị nghiên cứu Nghị quyết về cải cách giáo dục của Bộ Chính trị và của Tỉnh ủy, yêu cầu không cơ sở nào vắng mặt, cần đi đúng số lượng và thành phần triệu tập.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 03-TT/TU, ngày 2-12-1980

Về việc tổng kết công tác năm 1980

Năm 1980 sắp kết thúc và chuẩn bị bước sang năm 1981. Hiện nay các cấp, các ngành đang đẩy mạnh phong trào thi đua phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ và chuẩn bị tổng kết công tác cả năm 1980, đồng thời chuẩn bị bước vào thực hiện nhiệm vụ năm 1981.

Để việc kiểm điểm, tổng kết năm 1980 và chuẩn bị nhiệm vụ năm 1981 đạt được yêu cầu, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhắc các cấp, các ngành chú ý một số điểm dưới đây:

1. Về yêu cầu và nội dung

Việc tổng kết và làm báo cáo tổng kết năm nay phải kiểm điểm đánh giá đúng mức thắng lợi, tồn tại và nguyên nhân trong việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của tỉnh đã đề ra, trọng tâm là Nghị quyết hội nghị lần thứ sáu của Trung ương Đảng, Chỉ thị 81, Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị và các chính sách mới về kinh tế, về lưu thông - phân phối của Chính phủ, công tác biên giới, nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II, cùng các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành; trên cơ sở kiểm điểm, đánh giá đó, đề ra phương hướng nhiệm vụ công tác và các chỉ tiêu chủ yếu của năm 1981 của mỗi cấp, mỗi ngành, trước mắt là nhiệm vụ và chỉ tiêu chủ yếu của quý I năm 1981.

Nội dung tổng kết và báo cáo xoay quanh những nhiệm vụ công tác sau đây:

a) *Những chuyển biến, tiến bộ và các biểu hiện chưa tốt, lệch lạc, cùng nguyên nhân trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện về xây dựng và phát triển kinh tế, phát triển sản xuất, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, về quản lý kinh tế, thực hiện các chính sách về kinh tế (sản xuất, lưu thông, phân phối...), về đời sống nhân dân.* Trong sản xuất, cần nêu rõ vấn đề thâm canh, tăng vụ, tăng diện tích, thực hiện quy hoạch vùng chuyên canh, trồng cây gây rừng, sản xuất công nghiệp hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, tổ chức và cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp, thủ công nghiệp, hợp tác xã mua bán, tín dụng, xây dựng và tăng cường cấp huyện, v.v. chú ý nêu rõ từng vùng.

b) *Về công tác an ninh - quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ biên giới, chống địch quấy rối, phá hoại, chống chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý, xây dựng và củng cố cơ sở làm trong sạch vùng biên giới, xây dựng lực lượng vũ trang và an ninh địa phương, công tác bảo vệ an ninh trật tự xã hội, công tác chống tiêu cực theo Chỉ thị 81 của Ban Bí thư, v.v. cần nêu rõ kết quả đã làm được, chưa làm được, biểu hiện tốt, xấu và nguyên nhân?*

c) *Công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, công tác dân vận, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, vấn đề đoàn kết dân tộc, đoàn kết quân dân, v.v. có những ưu khuyết điểm, thắng lợi, tồn tại gì? (chú ý đánh giá cấp cơ sở).*

d) *Công tác xây dựng Đảng, tổ chức - cán bộ, nhất là việc củng cố tổ chức cơ sở, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, công tác bảo vệ Đảng, phát triển đảng viên, v.v. cần có sự phân loại cụ thể, theo yêu cầu của tỉnh đã có.*

đ) *Những ưu khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và lề lối làm việc của Huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy, Ban cán sự, Đảng đoàn, v.v. các cấp, các ngành.*

e) Phương hướng nhiệm vụ, chỉ tiêu, mục tiêu phấn đấu chủ yếu của địa phương, ban, ngành năm 1981, trước mắt là quý I năm 1981, cùng các đề nghị cần thiết với tỉnh, với Trung ương.

2. Về phương pháp tiến hành

Các cấp, các ngành nghiên cứu kỹ yêu cầu, nội dung Thông tri này rồi bố trí chương trình thực hiện, một mặt vừa bảo đảm các công tác để hoàn thành nhiệm vụ và chỉ tiêu năm 1980, vừa tiến hành tổng kết từ cơ sở, vừa phân công người phụ trách tổng hợp và viết dự thảo báo cáo tổng kết năm 1980. Về số liệu cần lấy hết tháng 11 cộng với ước tính tháng 12-1980. Tỉnh sẽ bố trí nghe báo cáo tóm tắt sơ bộ của các ban, ngành ở tỉnh theo từng khối trong khoảng thời gian từ ngày 10 đến 15-12-1980. Lịch cụ thể do Văn phòng Ủy ban và Văn phòng Tỉnh ủy thông báo.

Báo cáo kiểm điểm tổng kết năm 1980 phải được tập thể cấp ủy, Ban cán sự, Đảng đoàn thảo luận thông qua. Nhưng để bảo đảm thời gian cho tỉnh làm báo cáo lên Trung ương, các huyện, thị, ban, ngành cần gửi bản dự thảo (đã được đồng chí thường trực và thủ trưởng thông qua) lên Văn phòng Tỉnh ủy trước ngày 20-12-1980.

Sau khi tập thể lãnh đạo thông qua báo cáo năm 1980 và phương hướng nhiệm vụ năm 1981, các cấp, các ngành mở các cuộc họp tổng kết năm theo nguyên tắc thường lệ, nhưng chú ý tránh phô trương, hình thức, lãng phí liên hoan chè chén tốn kém.

Nhận được Thông tri này, các cấp, các ngành cần có kế hoạch thực hiện, bảo đảm đúng nội dung, yêu cầu về thời gian. Các ban, ngành tổng hợp ở tỉnh theo nhiệm vụ, chức năng của mình cũng phải làm báo cáo và thống kê số liệu gửi về Tỉnh ủy theo thời hạn đã quy định.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ
HÀ THIẾT HÙNG**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 05-TT/TU, ngày 25-12-1980

Về kiểm điểm việc thực hiện chính sách dân tộc và tổng kết phong trào hợp tác xã tiên tiến vùng cao

Sắp tới Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ triệu tập hội nghị kiểm điểm việc thực hiện chính sách dân tộc và tổng kết phong trào hợp tác xã tiên tiến vùng cao trong những năm thực hiện Nghị quyết 4 Đại hội Đảng toàn quốc. Việc kiểm điểm này sẽ tiến hành từ tỉnh đến cơ sở. Vì vậy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp, các ngành cần làm tốt một số công việc cụ thể sau đây:

1- Các huyện, thị ủy các ngành cần hoàn chỉnh tốt hơn nữa báo cáo kiểm điểm việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng theo tinh thần Thông tri 69 của Tỉnh ủy. Riêng các huyện vùng cao cần chuẩn bị sâu thêm báo cáo tổng kết phong trào hợp tác xã tiên tiến vùng cao, để sau hội nghị tỉnh về có thể mở hội nghị được ngay.

2- Các huyện, thị ủy, các ngành cần chuẩn bị đại biểu đi hội nghị tỉnh khi có thông tri triệu tập. Nhưng ngay từ bây giờ mỗi địa phương cần lựa chọn ba xã có thành tích tốt nhất về thực hiện chính sách dân tộc và có hợp tác xã tiên tiến để báo cáo trong hội nghị của tỉnh. Các ban, ngành trên tỉnh mỗi nơi một đồng chí thủ trưởng hoặc thủ phó.

3- Hội nghị ở các huyện thị, các ngành sẽ tiến hành như nội dung và phương pháp của tỉnh. Ở huyện, thị sẽ triệu tập đến các bí thư, chủ nhiệm hợp tác xã và các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, Mặt trận nhưng số lượng không quá 100 đại biểu. Các ngành mở hội nghị có các bộ môn giúp việc trên tỉnh, và các phòng chuyên môn của ngành ở các huyện, thị và các cán bộ là người dân tộc ít người. Trong hội nghị các huyện, thị ủy cần chú ý bồi dưỡng các đơn vị có thành tích toàn diện hoặc từng mặt để báo cáo trong hội nghị. Việc lựa chọn các báo cáo cần cố gắng bảo đảm thực hiện sự bình đẳng và tăng cường đoàn kết các dân tộc cùng học tập lẫn nhau để cùng tiến bộ.

Nội dung báo cáo cần tập trung vào các mặt: Đoàn kết dân tộc, thực hiện quyền bình đẳng các dân tộc, củng cố tốt hợp tác xã phát triển sản xuất, giáo dục, văn hóa, bảo vệ trị an, quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu.

4- Tổ chức hội nghị ở cấp xã, kết hợp chặt chẽ với việc tiến hành đợt sinh hoạt chính trị đang được tiến hành. Trên cơ sở đó phát động phong trào lao động sản xuất, xây dựng củng cố hợp tác xã, thi đua thực hiện kế hoạch vụ đông - xuân 1980-1981, hoàn thành dứt điểm công tác 3 thu vụ mùa. Các ngành, cơ quan tổ chức thi đua hoàn thành kế hoạch nhà nước năm 1980 và quý I năm 1981.

5- Để chỉ đạo tốt đợt sinh hoạt chính trị lần này, mỗi huyện, thị cần chọn từ 1 đến 2 xã (có xã vùng cao và thấp) để chỉ đạo điểm, có lãnh đạo huyện thị trực tiếp phụ trách và tăng cường cán bộ có năng lực về giúp đỡ cán bộ xã để rút kinh nghiệm nhất là kinh nghiệm vận động quần chúng đoàn kết sản xuất, củng cố hợp tác xã hoàn thành 3 thu, tổ chức sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự xã hội, tinh thần chủ yếu là động viên các cấp, các ngành, quân dân các dân tộc thi đua lập thành tích kỷ niệm ngày thành lập Đảng 3-2-1981 thật sôi nổi, đều khắp và có hiệu quả tốt.

Căn cứ Thông tri này các cấp, các ngành cần tập thể bàn bạc phân công trách nhiệm và tổ chức thực hiện tốt Thông tri này.

Ban Dân vận - Mặt trận, Dân tộc, Ban Nông nghiệp có trách nhiệm hướng dẫn theo dõi và báo cáo kết quả lên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 24-TB/TU, ngày 26-12-1980

Về kết quả làm việc giữa Ban Thường vụ và Ban chỉ đạo tỉnh với Đảng ủy Mỏ apatít

Ngày 25-12-1980 Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban chỉ đạo đợt vận động “Bảo vệ an ninh Tổ quốc” Tỉnh ủy, sau khi nghe Đảng ủy Mỏ apatít báo cáo kết quả bước đầu việc tổ chức thực hiện kế hoạch số 09-KH/TU, ngày 8-12-1980 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đã nhất trí duyệt Ban chỉ đạo và địa bàn trọng điểm làm đợt 1 ở Đảng ủy Mỏ apatít cụ thể như sau:

1. Ban chỉ đạo đợt vận động Bảo vệ an ninh Tổ quốc

1- Đồng chí Nguyễn Văn Lang, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc làm Trưởng ban

2- Đồng chí Nguyễn Huy Ứng, Phó Giám đốc làm Phó ban

3- Đồng chí Trần Đình Tiến, Thường vụ Đảng ủy, Phó ban

4- Đồng chí Tạ Gia Thoại, Phó Bí thư Đảng ủy, Phó ban thường trực

5- Vũ Tràn Tại, Thường vụ làm Ủy viên

6- Nguyễn Kế, Phó Giám đốc làm Ủy viên

7- Trần Tử Trí, Trưởng kiểm tra làm Ủy viên

2. Địa bàn trọng điểm tập trung chỉ đạo đợt 1

- 1- Chi bộ Tổ chức cán bộ
- 2- Chi bộ Phòng Bảo vệ
- 3- Chi bộ Tham mưu
- 4- Chi bộ Dân Đảng
- 5- Chi bộ Đời sống
- 6- Chi bộ Xây lắp và sửa chữa cơ điện
- 7- Chi bộ Vận tải, vật tư thuộc Đảng ủy Xí nghiệp xây lắp
- 8- Chi bộ Sửa chữa ô tô.

Vậy Thông báo để các đồng chí biết để tổ chức thực hiện theo kế hoạch đã duyệt.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 30-TB/TU, ngày 29-12-1980

Về việc phân công các đồng chí trong Ban chỉ đạo phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc phụ trách từng khu vực

Ngày 27-12-1980 Ban chỉ đạo phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc Tỉnh ủy họp nghe báo cáo kết quả bước đầu việc chuẩn bị, triển khai Kế hoạch số 09-KH/TU, ngày 6-12-1980 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và phân công các đồng chí trong Ban chỉ đạo phụ trách theo dõi kiểm tra, đôn đốc từng khu vực cụ thể như sau:

Khu vực I:

- Gồm các huyện, thị:

- 1- Huyện Bát Xát
- 2- Huyện Sa Pa
- 3- Thị xã Lào Cai
- 4- Đảng ủy Mỏ apatít

do các đồng chí: Lê Khay, Trần Trọng Vỹ phụ trách.

Khu vực II: Gồm các huyện:

- 1- Huyện Mường Khương
- 2- Huyện Bảo Thắng
- 3- Huyện Bắc Hà
- 4- Huyện Bảo Yên
- 5- Huyện Lục Yên

do các đồng chí: Phạm Kham, Tráng A Pao, Hà Đình Khiêm, Tổng
Chư phụ trách.

Khu vực III: Gồm các huyện:

- 1- Huyện Than Uyên
- 2- Huyện Mù Cang Chải
- 3- Huyện Trạm Tấu
- 4- Huyện Văn Chấn
- 5- Đảng ủy Liên hiệp các xí nghiệp chè Hoàng
Liên Sơn.

do các đồng chí: Nguyễn Ngọc Hồ, Trần Lục phụ trách.

Khu vực IV: Gồm các huyện:

- 1- Huyện Trấn Yên
- 2- Huyện Yên Bình
- 3- Huyện Văn Yên

do các đồng chí: Dương Việt Tiến, Trần Đức Minh phụ trách.

Khu vực V: Gồm: thị xã Yên Bái và các sở, ty, ban, ngành. Do
đồng chí Hà Thiết Hùng, Phạm Kiểm phụ trách.

Thường trực Ban chỉ đạo bảo vệ an ninh Tổ quốc Tỉnh ủy do
đồng chí Nguyễn Ngọc Hồ phụ trách, trong suốt thời gian đồng chí
Nguyễn Ngọc Hồ đi vắng, do đồng chí Phạm Kiểm tạm thời thay thế
thường trực.

Vậy Thông báo để các cơ quan, đơn vị biết

T/M BAN CHỈ ĐẠO

TRƯỞNG BAN
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 182-QN/TU, ngày 31-12-1980

Về việc thành lập tổ chức cơ sở đảng

- Xét tính chất nhiệm vụ sản xuất và kinh doanh ở cơ sở và đề nghị của Ban cán sự Ty Xây dựng tỉnh Hoàng Liên Sơn;
- Căn cứ vào Điều 11 Chương II của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y cho thành lập Chi bộ cơ sở Xí nghiệp xi măng Phú Thịnh gồm 8 đảng viên, lấy tên là Chi bộ Xi măng Phú Thịnh Hoàng Liên Sơn trực thuộc Huyện ủy Yên Bình.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức cơ sở đảng căn cứ vào Điều 35, 36, 37 Chương V Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam để thực hiện.

Huyện ủy Yên Bình, Ban cán sự Ty Xây dựng Hoàng Liên Sơn có trách nhiệm phối hợp chỉ đạo chặt chẽ việc củng cố ổn định tổ chức cơ sở và thực hiện đúng các nguyên tắc đã quy định.

3. Huyện ủy Yên Bình, Ban cán sự Ty Xây dựng và chi bộ cơ sở nói trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 183-QN/TU, ngày 31-12-1980

Tách và thành lập tổ chức cơ sở đảng

- Căn cứ vào Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và đề nghị của Ban cán sự Ty thương nghiệp về việc thành lập Công ty Xây dựng thương nghiệp Hoàng Liên Sơn;

- Căn cứ vào Điều 11 Chương II của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1- Chuẩn y tách và nâng cấp chi bộ nhỏ Công ty Xây dựng thương nghiệp gồm 19 đảng viên đang sinh hoạt thuộc Đảng ủy cơ quan Văn phòng Ty Thương nghiệp, thành chi bộ cơ sở, lấy tên là Chi bộ Công ty Xây dựng thương nghiệp trực thuộc Thị ủy Yên Bái.

2-Quyền hạn và nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng căn cứ vào Điều 35, 36, 37 Chương V Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam để thực hiện.

Thị ủy Yên Bái, Ban cán sự Ty Thương nghiệp có nhiệm vụ chỉ đạo chặt chẽ việc củng cố ổn định tổ chức và chấp hành đúng những nguyên tắc, thủ tục đã quy định.

3. Thị ủy Yên Bái, Ban cán sự Ty Thương nghiệp và chi bộ Công ty Xây dựng thương nghiệp căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 184-QN/TU, ngày 31-12-1980

Tách và thành lập tổ chức cơ sở đảng huyện Mường Khương

- Căn cứ vào Quyết định số 828, ngày 3-7-1979 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn về việc bố trí tổ chức lại bộ máy huyện Mường Khương cho phù hợp với quy định của Hội đồng Chính phủ;
- Xét đề nghị của Huyện ủy Mường Khương ngày 17-11-1980 về việc thành lập các cơ sở đảng theo các ban chuyên môn mới thành lập;
- Căn cứ vào Điều 11 Chương II của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y cho thành lập các chi bộ cơ sở trực thuộc sự lãnh đạo của Huyện ủy Mường Khương.

- Chi bộ Ban Công nghiệp.
- Chi bộ Ban Kinh tế huyện.
- Chi bộ Ban Nông - Lâm nghiệp huyện.
- Chi bộ Ban Tài chính giá cả huyện.
- Chi bộ Ban Thương nghiệp huyện.
- Chi bộ Ban Văn hóa - giáo dục huyện.
- Chi bộ Ban Y tế - Thể dục thể thao huyện.

- Chi bộ Ban Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện kể cả ba đảng viên ở đơn vị Thanh niên xung phong huyện.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức cơ sở đảng căn cứ vào Điều 35, 36, 37 Chương V Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam để thực hiện.

Huyện ủy Mường Khương có trách nhiệm chỉ đạo chặt chẽ việc củng cố ổn định tổ chức cơ sở và chấp hành đúng những nguyên tắc đã quy định.

3. Huyện ủy Mường Khương, các chi bộ cơ sở có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA TỈNH ỦY

Số 05- BC/TU, ngày 4-1-1981

Tổng kết công tác kiện toàn tổ chức cấp huyện, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và củng cố cơ sở đảng theo tiêu chuẩn trong sạch và vững mạnh của huyện Văn Chấn

Văn Chấn là một huyện miền núi, diện tích 1.253 km², nằm ở phía tây - nam tỉnh Hoàng Liên Sơn, dân số trên 11 vạn, mật độ dân số 90 người/km², có trên 10 dân tộc. Kinh 41,8%, Thái 21%, Tày 16,4%, Mường 7%, Dao 6,7%, H Mông 4,7% và 2,1% là các dân tộc khác. Huyện có 3 thị trấn và 31 xã (trong đó có 10 xã vùng cao).

Huyện Văn Chấn là nơi có cơ sở cách mạng từ những năm trước cách mạng (1944) và chia thành ba vùng lớn (vùng cao, vùng trong và vùng ngoài). Tới nay toàn huyện có 85 đảng bộ cơ sở, gồm 4 ngàn đảng viên. Đảng bộ Văn Chấn đã trải qua nhiều đợt vận động củng cố xây dựng Đảng và thường là nơi chỉ đạo thí điểm các công tác lớn của tỉnh như tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện, thí điểm việc xây dựng cấp huyện... Trong quá trình tổ chức và xây dựng, huyện Văn Chấn đã có một đội ngũ cán bộ trưởng thành và tương đối đồng bộ đã và đang nỗ lực vươn lên để quản lý và tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị Đảng bộ đề ra.

Dưới đây là những kết quả bước đầu trong việc kiện toàn tổ chức cấp huyện, cải tiến phương thức lãnh đạo, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, xây dựng củng cố cơ sở đảng theo yêu cầu “Trong sạch và vững mạnh”

trong quá trình phấn đấu thực hiện phương án phát triển kinh tế và tổ chức lại sản xuất, xây dựng cấp huyện theo Chỉ thị 33, Nghị quyết 33 và Nghị quyết 61-CP.

I- XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC LẠI SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

Từ nhận thức và phương thức lãnh đạo theo lối hành chính bao cấp đã kéo dài nhiều năm chuyển sang xác định rõ vị trí cấp huyện là đơn vị hành chính - kinh tế, có kế hoạch phát triển kinh tế toàn diện, có ngân sách hạch toán kinh tế là một thay đổi sâu sắc trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy và cấp ủy cơ sở. Muốn chuyển biến được nhận thức và tổ chức lại sản xuất theo hướng sản xuất lớn, xã hội chủ nghĩa trên địa bàn huyện, trước hết phải có sự chuyển biến mạnh mẽ về tư tưởng và tổ chức, đẩy mạnh các mặt sản xuất phát triển làm cho huyện có cơ cấu kinh tế nông, lâm, công nghiệp trên địa bàn huyện là một thay đổi to lớn.

Ban Huyện ủy Văn Chấn đã nhiều lần nghiên cứu Chỉ thị 208 của Ban Bí thư, Chỉ thị 33 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Nghị quyết 61-CP của Hội đồng Chính phủ... và các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy, lấy những nghị quyết, chỉ thị trên đây soi chiếu, xác định và đề ra mục tiêu phấn đấu và tiến hành tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện.

Trên các mặt sản xuất, huyện đã xác định quy hoạch đến năm 1985 tập trung mọi biện pháp kỹ thuật để thâm canh trên 4 ngàn ha ruộng nước, phấn đấu đạt trên 34 ngàn tấn lương thực, trong đó riêng thóc là 22.273 tấn. Phấn đấu trồng 5.200 ha chè, năng suất 56,8 tạ/ha và đạt tổng sản lượng chè 28.000 tấn/năm. Trồng 15 ngàn ha rừng và khai thác 30 ngàn mét khối gỗ. Đẩy mạnh chăn nuôi đại, tiểu gia súc, bao gồm 21 ngàn con trâu, bò và có được 50 ngàn con lợn, v.v..

Việc xác định và quy hoạch các mục tiêu phát triển sản xuất trên đây đã được Chính phủ phê chuẩn tổng số vốn đầu tư trong 12 năm

(1963-1974) là 37 triệu đồng, tổng mức đầu tư 5 năm (1975-1979) là 56 triệu đồng.

Quá trình xác định mục tiêu phát triển kinh tế trên địa bàn huyện là quá trình suy nghĩ, đấu tranh phức tạp trong ban Huyện ủy và ở các chi, đảng bộ cơ sở. Biểu hiện gay gắt nhất là việc quy vùng sản xuất cho từng loại cây con; giữa kinh tế cá thể và tập thể, giữa lợi ích trước mắt và lâu dài; giữa kinh tế tập thể và quốc doanh, v.v.. Một số vùng, một số cán bộ chủ chốt và đảng viên phải rời nhà ở vào đất ruộng lên ven đồi, mất rừng cọ, đồi vầu, đất đai quy hoạch lại không chăn thả gia súc bữa bãi, không được phát nương tự do... Ban Huyện ủy và các cấp ủy cơ sở đã phải đấu tranh làm rõ quan điểm phát triển kinh tế của Đảng, phát huy thế mạnh của miền núi, kiên quyết khắc phục mọi biểu hiện sai lầm, nhằm tổ chức lại sản xuất theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trên địa bàn huyện.

Để từng bước thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế đề ra, Huyện ủy Văn Chấn đã chỉ đạo toàn diện, thực hiện tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt.

Thực hiện phương án tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện từng bước vươn lên đạt các chỉ tiêu kinh tế, Huyện ủy Văn Chấn đã có nhiều cố gắng, trước hết tập trung xây dựng củng cố hợp tác xã, cải tiến quản lý, tổ chức lại sản xuất ở từng hợp tác xã theo quy vùng, quy hoạch sản xuất. Khi làm thủ xây dựng cấp huyện, Văn Chấn có 200 hợp tác xã, 96% số hộ nông dân vào làm ăn tập thể, quy mô 76 hộ, 170 lao động và làm 34 ha ruộng. Tổ chức hợp tác xã nhỏ bé không còn phù hợp với yêu cầu tổ chức lại nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; Huyện ủy đã tập trung chỉ đạo thí điểm hợp nhất Hợp tác xã Chùa, Cao, Kiến; Hợp tác xã Ao Luông, Suối Giàng thành những hợp tác xã có quy mô lớn hơn.

Việc hợp nhất các hợp tác xã nhỏ thành hợp tác xã lớn để phù hợp với việc tổ chức lại sản xuất lúc đầu gặp nhiều khó khăn. Bản

Chùa, bản Cao và Hợp tác xã Kiến Thịnh hợp nhất thành hợp tác xã Chùa Cao Kiến; điều kiện của 3 hợp tác xã này ruộng đất ít, phân tán, phương thức sản xuất độc canh, cơ sở vật chất nghèo nàn, giữa 3 hợp tác xã nhỏ này thường xảy ra va chạm mất đoàn kết dân tộc, mất đoàn kết nội bộ có mặt nghiêm trọng, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, nhất là về lương thực. Vì vậy, khi tiến hành tổ chức lại sản xuất, hợp nhất hợp tác xã đã diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa hai con đường sản xuất nhỏ với sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, giữa tư tưởng lạc hậu, bảo thủ với tư tưởng tiến bộ trong từng đảng viên và quần chúng nhân dân các dân tộc của 3 hợp tác xã. Huyện ủy đã chỉ đạo giải quyết tốt tư tưởng ngay trong 3 chi bộ nhỏ (3 chi bộ này đều thuộc vào loại yếu kém) về tư tưởng cục bộ, bản vị bảo thủ khá nặng. Trước tình hình như vậy muốn tổ chức lại sản xuất trước hết phải củng cố tốt tổ chức đảng về mọi mặt. Qua việc học tập Nghị quyết 195, Chỉ thị 192, làm rõ tính ưu việt của tổ chức lại sản xuất theo phương hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, giải quyết những vướng mắc giữa quyền lợi kinh tế cá nhân với kinh tế tập thể, tư tưởng cục bộ bản vị giữa hợp tác xã này với hợp tác xã khác.

Khi hợp nhất 3 chi bộ nhỏ thành Đảng bộ Chùa Cao Kiến, đội ngũ cốt cán được kiện toàn, uy tín của Đảng bộ được khôi phục việc tiến hành tổ chức lại sản xuất đã từng bước được thực hiện. Tới nay qua 5 năm, Hợp tác xã Chùa, Cao, Kiến đã giành được thắng lợi trên nhiều mặt. Các chỉ tiêu sản xuất và đóng góp với Nhà nước đều vượt, cơ sở vật chất được xây dựng ngày một nhiều, đời sống nhân dân trong hợp tác xã được cải thiện và nâng lên rõ rệt xứng đáng là một hợp tác xã tiên tiến được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba (tháng 3-1977).

Hợp tác xã Thanh Lương cũng diễn ra cuộc đấu tranh gay go, phức tạp, đã giáo dục, thuyết phục và kiên quyết mới đưa được hàng trăm gia đình đang ở vào đất ruộng vào ở chân đồi để lấy đất làm ruộng cấy lúa, cải tạo cả phong tục tập quán, cách làm ăn manh mún.

Qua việc chỉ đạo thí điểm có kinh nghiệm thực tế, Huyện ủy đã chỉ đạo tiến hành hợp nhất trên 200 hợp tác xã nhỏ thành 78 hợp tác xã, trong đó có 48 hợp tác xã vùng thấp, 30 hợp tác xã vùng cao với quy mô bình quân một hợp tác xã có 294 hộ, 1.799 khẩu, 649 lao động và quản lý 141,6 ha lúa ruộng. Trong số 78 hợp tác xã có 11 hợp tác xã quy mô toàn xã.

Đã tiến hành tổ chức lại sản xuất ở 28 hợp tác xã, số hợp tác xã này đều nằm trong các điểm vùng lúa, vùng chè của huyện, 28 hợp tác xã này đã và đang phát huy tác dụng có ý nghĩa to lớn và sâu sắc mọi mặt hoạt động của huyện. Vì 28 hợp tác xã này đã chiếm 46% tổng diện tích, 91% diện tích lúa ruộng, 72% diện tích chè theo quy hoạch, 80% lao động, là nơi đóng góp nhiều nhất lương thực, thực phẩm, chè cho Nhà nước.

Từ tình hình trên đây có thể rút ra kết luận: Chọn điểm và quyết tâm chỉ đạo tốt việc tổ chức lại sản xuất ở các các hợp tác xã, thường xuyên gắn nhiệm vụ xây dựng cấp huyện với nhiệm vụ củng cố Đảng, chính quyền, các đoàn thể, nhằm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị của huyện như Văn Chấn đã làm trong những năm qua là rất đúng đắn. Vì xây dựng cấp huyện trước hết là xây dựng củng cố và tổ chức lại sản xuất từ hợp tác xã, vì xây dựng cấp huyện không chỉ đề ra chủ trương, kế hoạch là lập hoặc xóa ban này phòng nọ ở trên huyện mà chính là kiện toàn cốt cán từ cơ sở đến huyện, là phải đồng thời làm tốt công tác củng cố tổ chức cơ sở đảng, làm tốt công tác đảng viên, làm tốt công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ đủ sức đảm đương nhiệm vụ quản lý kinh tế, quản lý nhà nước.

Nói tổ chức lại cấp huyện mà không đi từ xây dựng hợp tác xã, tổ chức lại sản xuất từ hợp tác xã và tách rời với các nhiệm vụ trên là chưa quán triệt Chỉ thị 33-TW, Nghị quyết 33-CP, 139-CP, tất yếu sẽ hạn chế kết quả thậm chí có thể nói là sai lầm.

Qua tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý, nhìn chung các hợp tác xã đã có những chuyển biến rõ rệt, đã xác định được phương hướng sản xuất kể cả các hợp tác xã ở vùng cao như Suối Giàng, Nghĩa Sơn

sản xuất ngày càng phát triển gắn với phương hướng quy hoạch của toàn huyện, đời sống của xã viên ngày càng được nâng lên, đồng thời đóng góp cho Nhà nước cũng ngày càng tăng. Chè búp cung cấp cho nhà máy ngày càng nhiều, cơ sở vật chất - kỹ thuật của nhiều hợp tác xã được tăng lên rõ rệt. Công tác quản lý có tiến bộ, đội ngũ cán bộ hợp tác xã trưởng thành.

Nhìn lại 7 năm qua (1974-1980) lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện, thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế đề ra, Văn Chấn đã phấn đấu đạt 28.342 tấn lương thực quy thóc, đạt 83,2%, trong đó riêng thóc đạt 78% quy hoạch. Chăn nuôi đại gia súc cũng khá hơn trước, đàn trâu đạt 69,5%, bò 44,5%, đàn lợn đạt 65% so với quy hoạch. Riêng cây chè phát triển khá mạnh và đã trở thành vùng chè lớn nhất trong tỉnh, đến nay đã trồng đạt 81,15% kế hoạch diện tích chè, sản lượng chè ngày càng tăng, hàng năm đã chế biến trên 4 nghìn tấn chè đen xuất khẩu và đáp ứng chè tiêu dùng trong địa phương.

Đi đôi với phát triển nông nghiệp, cây công nghiệp, chăn nuôi... công tác lâm nghiệp cũng được đẩy mạnh, đến nay diện tích rừng trồng gần 6 ngàn ha, trong đó khu vực quốc doanh gần 4 ngàn và khu vực tập thể gần 2 ngàn ha; khai thác gỗ tròn đạt 70% so với quy hoạch, v.v.. Do nền kinh tế ngày càng phát triển, các mặt văn hóa, giáo dục, y tế... cũng có nhiều tiến bộ, đời sống nhân dân các dân tộc ngày càng được cải thiện.

Đến nay trên địa bàn huyện Văn Chấn không phải chỉ có các hợp tác xã nông nghiệp mà còn có nông trường, lâm trường, xí nghiệp công nghiệp; không những kinh tế quốc doanh ngày càng được mở rộng đem lại hiệu quả kinh tế cao mà kinh tế tập thể cũng phát triển ngày càng tiến bộ. Văn Chấn đã hình thành một huyện có cơ cấu kinh tế nông, lâm, công nghiệp theo xu thế ngày càng hoàn chỉnh, trên địa bàn huyện có cả kinh tế Trung ương, kinh tế địa phương cùng phát triển.

Những kết quả trên đây càng chứng tỏ chủ trương của Đảng đề ra trong Nghị quyết 61-CP là hoàn toàn đúng đắn. Tất nhiên trong

thời gian gần 6 năm mới chỉ là một đoạn ngắn, chưa thể yêu cầu nào, mục tiêu nào cũng trọn vẹn và càng chưa thể chủ quan thoả mãn. Những mặt yếu kém cần khắc phục là năng suất lao động, năng suất cây trồng còn thấp, do đó việc phát triển toàn diện, cân đối giữa trồng trọt, chăn nuôi, giữa công nghiệp với lâm nghiệp, giữa nông nghiệp và thủ công nghiệp trong các hợp tác xã và gia đình xã viên còn yếu. Việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công nhân đáp ứng yêu cầu trước mắt và vài năm tới còn khó khăn, cơ sở vật chất - kỹ thuật còn ít.

II. TỔ CHỨC LẠI BỘ MÁY CẤP HUYỆN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 139-CP CỦA HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Trên cơ sở nhiệm vụ chính trị đã được xác định, những chỉ tiêu kế hoạch kinh tế được đề ra là “Cương lĩnh” của toàn Đảng bộ, nó phải được chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên và thật cụ thể của từng cấp ủy từ huyện đến cơ sở.

Những chỉ tiêu kinh tế muốn trở thành hiện thực, trước hết phải củng cố, kiện toàn và chuyển biến mạnh mẽ về tổ chức bộ máy và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, V. I. Lênin đã khẳng định: Hãy cho chúng tôi một tổ chức những người cách mạng, chúng tôi sẽ làm đảo lộn cả nước Nga. Câu nói đó của V. I. Lênin có ý nghĩa sâu sắc đối với việc làm của chúng ta.

Đi vào chỉ đạo tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện, Văn Chấn đã coi trọng việc chuyển hướng kiện toàn tổ chức bộ máy cấp huyện phục vụ kịp thời cho nhiệm vụ chính trị. Nếu bảo thủ, trì trệ, không có tổ chức mạnh, không có đội ngũ cán bộ có phẩm chất và năng lực quản lý thì không thể thực hiện được những chỉ tiêu đề ra, thậm chí có thể bị thất bại.

Huyện Văn Chấn và thị xã Nghĩa Lộ được hợp nhất thành bộ máy cấp huyện. Cả hai đơn vị có 38 phòng, ban chuyên môn, gồm 300 cán bộ, có phòng, ban chỉ có 2, 3 người và có một cán bộ phụ trách. Các đơn vị kinh tế quốc doanh trên địa bàn huyện như vật tư nông nghiệp, thương nghiệp không phải là đơn vị hạch toán độc lập mà chỉ là những đơn vị kinh doanh báo sổ lên công ty không thuộc huyện quản lý.

Để đáp ứng yêu cầu chỉ đạo tổ chức lại sản xuất, có đủ sức tiếp nhận việc phân cấp quản lý kinh tế và có đủ trình độ năng lực điều hành các ngành kinh tế trong huyện tiếp tục phát triển; sau khi hợp nhất Văn Chấn và thị xã Nghĩa Lộ thành một đơn vị, Ủy ban nhân dân huyện được kiện toàn thêm một bước, gồm 15 thành viên, trong đó có 5 đồng chí thường trực, trong bộ phận thường trực có 3 đại học, 2 trung cấp và có 4 đồng chí là thường vụ Huyện ủy.

- Các ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện cũng được kiện toàn thêm một bước cả về số lượng và chất lượng.

Ban Kế hoạch có 16 người, 5 đại học, 6 trung học. Ban Tài chính-giá cả gồm 15 người, trong đó 1 đại học, 9 trung cấp. Ban Nông - lâm nghiệp 25 người trong đó 19 đại học. Ban Công nghiệp – xây dựng cơ bản 16 người, 2 đại học, 8 trung cấp. Ban Thủy lợi 7 người, có 2 đại học, 5 trung cấp. Ban Thương nghiệp- đời sống 16 người, có 2 đại học, 2 trung cấp. Ban Văn hóa 4 người, có 1 đại học. Ban Y tế gồm 6 người, có 2 đại học, 3 trung cấp. Ban Giáo dục 12 người, có 2 đại học, 8 trung cấp và các ban khác như Thanh tra, Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện.

Tổng số biên chế quản lý hành chính- kinh tế có 150 người kể cả bộ phận thường trực Ủy ban. Ngoài ra còn 80 cán bộ nông nghiệp cắm điểm làm lâu dài chỉ đạo ở các hợp tác xã nông nghiệp.

Qua một thời gian tổ chức lại bộ máy cấp huyện, mặc dầu có những vấn đề cần nghiên cứu xem xét thêm, nhưng các ban nói trên đã và đang đi dần vào thế ổn định và bước đầu đã phát huy được tác dụng tốt, thể hiện hoạt động tương đối rõ nét là 5 ban dưới đây:

1. Ban Kế hoạch

Là ban chuyên môn có chức năng quản lý, chỉ đạo công tác kế hoạch, quy hoạch, kế hoạch lao động, hợp đồng kinh tế trên địa bàn huyện.

Trưởng ban là ủy viên Ủy ban có trình độ đại học kinh tế kế hoạch, cán bộ được tăng cường cả về số lượng và chất lượng nên đã làm được một số việc:

- Đã giúp huyện xây dựng dự án kế hoạch phát triển kinh tế văn hóa, xây dựng chỉ tiêu kiểm tra và giao số kiểm tra cho các cơ sở, đã và đang giúp huyện điều hành việc thực hiện kế hoạch.

- Đi đôi với kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa đã xây dựng kế hoạch vật tư và dự kiến phân phối vật tư, điều hòa vật tư trong địa bàn huyện để phục vụ kịp thời sản xuất.

- Đã điều tra, nắm nguồn lao động, cân đối và điều hòa lao động giữa hai khu vực quốc doanh và tập thể.

Tuy nhiên giữa 3 tổ kế hoạch, thống kê, lao động tuy quan hệ khăng khít với nhau nhưng vừa qua hoạt động chưa thật đồng bộ, phối hợp chưa thật chặt chẽ nên đã hạn chế kết quả, tổ lao động chủ yếu mới hoạt động ở khu vực thị trấn và xí nghiệp quốc doanh, chưa đi vào khu vực hợp tác xã nông nghiệp.

Tổ kế hoạch thì còn lúng túng trong việc phối hợp hoạt động của các ngành, các cơ sở liên quan. Việc tính toán lập dự án kế hoạch chất lượng chưa cao, việc hướng dẫn ký kết hợp đồng kinh tế, giám sát, kiểm tra việc thực hiện hợp đồng còn nhiều lúng túng và hạn chế.

2. Ban tài chính giá cả

Tổng số cán bộ có 15 đồng chí như vậy cả số và chất lượng đều được tăng cường. Trưởng và phó ban đều có trình độ trung cấp, cán bộ tổng hợp có trình độ đại học.

Trước kia Phòng Tài chính chỉ làm nhiệm vụ phân phối tài chính theo mức xét duyệt của trên, điều khiển chỉ tiêu theo lối bao cấp, chưa đi vào nắm kinh tế quốc doanh trên địa bàn huyện.

Sau khi phân cấp đã bắt đầu làm được một số nhiệm vụ như:

- Đã đi vào xây dựng ngân sách của huyện, đã giúp huyện phân cấp quản lý ngân sách xong ở 10 xã. Trong năm 1980 sẽ phân cấp hết cho các xã vùng thấp. Đã tiến hành khoán thu, chi nên cuối năm 1979 đã có kết dư 260.000 đồng.

- Đã bước đầu phục vụ được nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế của cơ sở, nên nhiều đơn vị kinh tế cơ sở đã dựa vào ban tài chính.

- Công tác thu nộp ngân sách, kiểm tra các đơn vị thu nộp, giúp các cơ sở khai thác tiềm năng của địa phương, để tăng nguồn thu... bước đầu có nhiều chuyển biến tốt.

Tuy nhiên, còn nhiều mặt hoạt động đòi hỏi Ban Tài chính giá cả phải phấn đấu mạnh mẽ hơn.

- Công tác giá, quản lý giá và giúp huyện xây dựng giá một mặt hàng sản xuất và tiêu thụ thuộc thẩm quyền của địa phương đang là vấn đề cấp thiết để khuyến khích sản xuất phát triển.

- Công tác thu và quản lý ngân sách, quản lý thị trường các loại thuế là nhiệm vụ hết sức quan trọng đang đòi hỏi phải khẩn trương giải quyết, tổ chức quản lý, bồi dưỡng mạng lưới thu thuế từ huyện đến xã là nhiệm vụ cấp bách và thường xuyên cần được làm tốt hơn.

3. Ban Nông - lâm nghiệp

Tổng số biên chế có 105 cán bộ, trong đó có 80 cấm lâu dài ở hợp tác xã nông nghiệp. Ban đã chia thành nhiều tổ để đảm nhiệm các mặt công tác như:

- Tổ trông trọt 5 cán bộ (có 1 đại học trông trọt và 4 trung cấp trông trọt).

- Tổ chăn nuôi thủy sản 4 cán bộ (1 đại học, 3 trung cấp).

- Tổ quản lý ruộng đất 3 cán bộ đều là trung cấp.

- Tổ tài vụ hợp tác xã có 3 cán bộ.

- Tổ chức lại sản xuất, thi đua 5 cán bộ (1 đại học, 4 trung cấp)

- Tổ cơ khí có 2 cán bộ (1 trung cấp)

- Trạm thú y có 4 cán bộ (1 đại học, 3 trung cấp)

- Trạm bảo vệ thực vật 4 cán bộ (1 đại học, 3 trung cấp)

- Quy hoạch 5 cán bộ (1 đại học, 4 trung cấp)

- Trường sơ cấp Nông nghiệp.

Riêng số cấm điểm có 53 (9 đại học, 29 trung cấp, 1 Huyện ủy).

Một số cơ sở trước thuộc tỉnh, nay đã giao về huyện quản lý như:

- Trại giống lúa, lợn, cá giống.

- Đội máy kéo

- Công ty Lâm sản.
- Công ty Vật tư cấp huyện (gồm vật tư nông nghiệp và vật tư kỹ thuật).

- Xưởng vôi để phục vụ thâm canh và xây dựng.

Chức năng nhiệm vụ của Ban Nông - lâm nghiệp huyện đã được xác định tương đối rõ, điều quan trọng là có tổ còn thiếu cán bộ đủ trình độ đảm nhiệm công việc. Số cán bộ cắm ở hợp tác xã còn ít và yếu về quản lý kinh tế. Ban Nông - lâm nghiệp chưa đi sâu vào nhiệm vụ quản lý hợp tác xã và chỉ đạo phong trào hợp tác hóa trong huyện.

4. Ban Công nghiệp, xây dựng và giao thông vận tải

Cán bộ hiện có 15 đồng chí, trong đó chỉ có 2 đại học và 8 cán bộ trung cấp của ngành xây dựng và giao thông. Trưởng ban là 1 đồng chí phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (đại học).

Ban đảm nhiệm 3 ngành công tác “mũi nhọn” của huyện, đồng thời quản lý trực tiếp một số cơ sở như:

- Xí nghiệp cơ khí Nghĩa Lộ.
- Xí nghiệp bánh kẹo.
- Công ty Xây dựng cơ bản (gồm giao thông, xây dựng, thủy lợi).
- Đội xe vận tải ô tô.
- Xưởng mộc xẻ.
- 10 hợp tác xã chuyên doanh ở thị trấn Nghĩa Lộ và các nơi khác trong huyện.

Ngoài một số xí nghiệp cũ được bàn giao, còn có một số mới được thành lập như:

- Đội xe vận tải ô tô
- Xí nghiệp vôi Sơn Lương.

Ban đã bước đầu giúp các hợp tác xã công nghiệp phát triển mặt hàng mới, củng cố các hợp tác xã thủ công nghiệp, đưa tổng sản lượng của thủ công nghiệp từ 1 triệu đồng 1979 lên 2 triệu đồng 1980. Tuy nhiên đây vẫn là mặt yếu còn phải cố gắng nhiều hơn nữa. Vì còn nhiều hợp tác xã chuyên doanh và nhiều người có nghề chưa được tổ chức củng cố.

Hiện nay Ban có 3 tổ chuyên môn là:

- Tổ công nghiệp và thủ công nghiệp.
- Tổ xây dựng.
- Tổ giao thông vận tải.

Song, ba ngành đều có yêu cầu kỹ thuật và quản lý kinh tế khác nhau, trực tiếp quản lý các cơ sở sản xuất khác nhau. Do đó đòi hỏi công tác quản lý, lãnh đạo của Ban hết sức phức tạp. Tuy có được tăng cường, nhưng cán bộ có năng lực chuyên môn đủ sức giúp Ban làm tham mưu và tổ chức chỉ đạo thực hiện còn là yêu cầu lớn. Vì vậy còn một số tồn tại nổi bật hiện nay đáng chú ý:

- Quản lý và củng cố, phát triển các hợp tác xã thủ công nghiệp chuyên doanh, kinh doanh trên địa bàn huyện để đẩy mạnh cơ cấu nông - lâm - công nghiệp tăng mặt hàng, tăng giá trị tổng sản lượng công nghiệp, thủ công nghiệp, tăng nguồn thu ngân sách là bức thiết.

- Tổ chức toàn dân xây dựng, phát triển giao thông, nhất là giao thông nông thôn và phát triển vận tải, đặc biệt là vận tải thô sơ chưa đáp ứng yêu cầu kinh tế, đời sống, quốc phòng.

- Công tác xây dựng cơ bản tuy có được phát triển, song còn là vấn đề lớn, nhu cầu lớn phục vụ cho sản xuất (sân, kho, chuồng, trại, vôi, thâm canh...) đời sống.

5. Ban Thương nghiệp đời sống

Ban có 16 cán bộ (1 đại học, 2 trung cấp) do 1 ủy viên Ủy ban nhân dân huyện làm trưởng ban. Ban có 1 công ty cấp 3 phục vụ cho cả huyện Trạm Tấu gồm 500 cán bộ, công nhân viên, với 20 cửa hàng ở các địa điểm tập trung dân cư, đầu mối giao thông trong huyện.

Thời gian qua, Ban Thương nghiệp đời sống đã có cố gắng và có chuyển biến. Đã củng cố mạng lưới hợp tác xã mua bán xã, giúp huyện trong công tác quản lý thị trường, quản lý, chỉ đạo các công ty bách hóa vật tư, lương thực, hợp tác xã mua bán, tích cực phục vụ đời sống của nhân dân, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu.

Tuy nhiên cũng là một lĩnh vực công tác rất phức tạp và nhiều tồn tại:

- Chưa bám sát phục vụ đắc lực cho sản xuất nông, lâm, công nghiệp phát triển.

- Hoạt động của hệ thống hợp tác xã mua bán chưa được bồi dưỡng, hướng dẫn và tạo điều kiện hoạt động tốt hơn.

- Công tác phân phối lưu thông còn nặng về bán, khâu mua chưa đẩy mạnh.

6. Về cơ sở quốc doanh tỉnh đã phân cấp cho huyện

Các ngành ở tỉnh đã bàn giao, phân cấp cho huyện 17 cơ sở và lập mới 3 đơn vị (là đội xe vận tải ô tô, xí nghiệp vôi Sơn Lương và Công ty Xây dựng cơ bản).

Những đơn vị được bàn giao đều giữ nguyên bộ máy, thiết bị, nhà xưởng, vốn. Có một số xí nghiệp đã được kiện toàn, củng cố trước khi bàn giao. Tới nay các xí nghiệp đã đi vào hoạt động có chất lượng hơn. Do huyện trực tiếp quản lý toàn diện, nên đã gắn các hoạt động củng cố xây dựng Đảng, đoàn thể với nhiệm vụ chính trị thuận lợi hơn.

Các xí nghiệp được chỉ đạo chặt và bám sát nhiệm vụ phục vụ sản xuất, phục vụ cơ sở, phục vụ sát thị hiếu của nhân dân các dân tộc trong huyện.

Huyện chăm lo cung cấp được nguyên liệu cho xí nghiệp hoạt động nên đã có kế hoạch từ đầu, có khả năng tận dụng các phế liệu và nguyên liệu phụ trong địa phương, chăm lo về mọi mặt đời sống của xí nghiệp, công tác tổ chức, cán bộ cũng được quản lý chặt hơn... Do đó cán bộ, công nhân có phần yên tâm phấn khởi và tích cực sản xuất, công tác.

Song cũng có một số ngành cấp tỉnh khi chuẩn bị bàn giao đã rút cán bộ, rút phương tiện, gây những thiệt hại không đáng có, khiến sau bàn giao cơ sở gặp khó khăn, hoặc có ngành khi bàn giao cơ sở cho huyện coi là mình hết trách nhiệm, buông trôi bỏ mặc huyện và cơ sở.

Đó là những hoạt động không đúng đắn cần rút kinh nghiệm.

7. Những xí nghiệp do các bộ và tỉnh quản lý

- Xí nghiệp liên hiệp chè thuộc Bộ Lương thực và thực phẩm.
- Lâm trường Ngòi Lao thuộc Sở Lâm nghiệp.
- Xí nghiệp chè xanh thuộc Sở Công nghiệp.
- Xí nghiệp vôi Đông Khê thuộc Ty Xây dựng.

Các mối quan hệ và cách giải quyết trong phân cấp đối với các đơn vị trên cũng còn nhiều vấn đề cần nghiên cứu giải quyết.

- Xí nghiệp chè xanh tuy không đến mức vượt sức quản lý của huyện, nhưng tỉnh cũng chưa dám giao, mặc dầu giao cho huyện có thể bảo đảm tốt hơn khâu nguyên liệu và quản lý, xí nghiệp vẫn đủ sức đáp ứng yêu cầu của tỉnh theo kế hoạch được giao.

- Xí nghiệp vôi Đông Khê, Ty Xây dựng vẫn phải chở than vào và chở vôi ra tỉnh, trong khi đó yêu cầu vôi để thâm canh cây trồng và vôi cho xây dựng ở Văn Chấn còn thiếu, các khó khăn đã nhiều lần bàn nhưng chưa giải quyết đồng bộ nên còn là một tồn tại.

- Nguyên liệu búp chè tươi do các hợp tác xã trồng chè cung cấp cho xí nghiệp liên hiệp hàng vạn tấn năm và yêu cầu còn phải phát triển, nhưng vấn đề lương thực và đầu tư vốn, công cụ phục vụ sản xuất đối với những hợp tác xã trồng chè chưa được nghiên cứu giải quyết tốt. Tình trạng này đang trở ngại tới việc phát triển diện tích và thâm canh cây chè, ảnh hưởng đến việc từng bước điều chỉnh việc phân công lao động để phát triển kinh tế trong các hợp tác xã.

Tóm lại, việc xây dựng cấp huyện ở Văn Chấn có vấn đề cần rút ra là: Vì sao một số ban phát huy tác dụng và ngày càng đi vào chức năng nhiệm vụ.

Rõ ràng những ban hoạt động khá, chính là do các ngành dọc cấp tỉnh thông suốt với yêu cầu, chủ trương biện pháp xây dựng cấp huyện, thực sự đi sát và cộng tác với huyện kiện toàn củng cố tổ chức, tạo mọi điều kiện cho huyện hoạt động tốt hơn.

Mặt khác, cũng phải thấy tổ chức nào mạnh, điều quan trọng là phải quan tâm củng cố kiện toàn đội ngũ cốt cán.

Thực tế đã chứng minh vừa qua một số ban, ngành đã thật sự lặn lội, suy nghĩ giúp huyện và cơ sở đi nhanh vào hoạt động theo tổ chức mới, chức năng mới như: Kế hoạch, Thương nghiệp, Tài chính, Công nghiệp, Tổ chức Đảng, chính quyền và cũng cần nghiêm túc chỉ ra những hoạt động còn chệch choạc, còn yếu như: Nông, lâm nghiệp, Thủy lợi, Giao thông, Xây dựng...

Qua việc làm ở Văn Chấn, chúng ta có thể khẳng định:

Thu gọn và tổ chức lại một số ban ở cấp huyện là hợp lý với yêu cầu khách quan của tổ chức cấp huyện đi vào quản lý hành chính kinh tế tổng hợp theo Quyết định 139-CP.

Xu thế còn đòi hỏi càng gọn, càng tinh hơn nữa, song cái mới bao giờ cũng khó khăn và chập chững. Vì vậy phải tiếp tục hoàn thiện việc kiện toàn, củng cố và xây dựng các mối quan hệ đưa dần thành nền nếp.

Cần có kế hoạch bồi dưỡng và đào tạo cán bộ kịp đáp ứng yêu cầu mà các ngành cấp tỉnh có trách nhiệm và rất quyết định.

III. KIẾN TOÀN VÀ CẢI TIẾN CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA HUYỆN ỦY

Nhiệm vụ tổ chức lại sản xuất, thực hiện việc phân cấp quản lý cho huyện, lãnh đạo thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế; chuyển từ đơn vị hành chính bao cấp trở thành một huyện hành chính kinh tế là một nhiệm vụ phức tạp và to lớn mang tính cách mạng sâu sắc, đòi hỏi sự lãnh đạo của Huyện ủy phải chuyển hướng khẩn trương, sâu sát, cụ thể và mạnh mẽ.

Đi đôi với việc kiện toàn tổ chức bộ máy cấp huyện, Văn Chấn đã coi trọng đúng mức đến việc kiện toàn, củng cố Ban Huyện ủy. Qua các kỳ đại hội, Ban Huyện ủy này càng được bổ sung về số lượng và nâng cao chất lượng. Huyện ủy khóa này gồm 34 đồng chí, tăng 7 người so với khóa trước, trong đó 11 đồng chí có văn hóa cấp III, 17 đồng chí cấp II và có 6 đồng chí văn hóa cấp I. Ban Thường vụ Huyện ủy 11

đồng chí, do đồng chí ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp làm Bí thư. Về chuyên môn kỹ thuật 10 đồng chí có trình độ đại học (29,4%), 8 trung cấp, tăng 3 lần so với khóa trước. Trình độ chính trị có 2 đồng chí cao cấp, 9 trung cấp, 3 sơ cấp, tuổi bình quân 41 tuổi (khóa trước 44 tuổi). Điểm nổi bật của Ban Huyện ủy khóa này là nhiều đồng chí có trình độ chính trị, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao cấp, đại học và trung cấp, nhiều đồng chí tuổi trẻ đang tích cực hăng hái, vươn lên, có tinh thần trách nhiệm và năng lực tốt; cấu tạo quá nửa số Huyện ủy viên trực tiếp ở cơ sở sản xuất kinh doanh; tạo ra sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Huyện ủy mạnh, nhạy bén và kịp thời hơn trước.

Trong công tác và sinh hoạt, Huyện ủy đã coi trọng rèn luyện đạo đức, phẩm chất cách mạng, nâng cao năng lực lãnh đạo, học tập quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên. Qua việc chỉ đạo, rút kinh nghiệm các điển hình mà bồi dưỡng nâng cao năng lực thực tiễn cho các Huyện ủy viên, bảo đảm chế độ tập trung dân chủ, thực hiện tốt phê bình và tự phê bình từ đó mà nâng cao lập trường tư tưởng, phương pháp công tác, tăng cường đoàn kết nhất trí trong nội bộ.

CẢI TIẾN LỀ LỐI LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA HUYỆN ỦY

Trong việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, Huyện ủy Văn Chấn đã có năng lực vận dụng cả 5 phương pháp công tác, chỉ nêu một vài phương pháp mà Huyện ủy đã vận dụng có kết quả tốt.

- Trước hết Huyện ủy Văn Chấn đã coi trọng việc lãnh đạo toàn diện nhưng có trọng tâm, biết phát huy sức mạnh tổng hợp của quần chúng để tập trung hoàn thành dứt điểm từng khâu công việc trong thời gian nhất định.

- Huyện ủy đã phát huy tốt hiệu lực của Ủy ban nhân dân huyện, mỗi khi Huyện ủy có chủ trương, nghị quyết thì Ủy ban nhân dân đều bàn biện pháp tổ chức thực hiện.

Ủy ban nhân dân huyện đã biết sử dụng và phát huy sức mạnh các ngành, các ban chuyên môn tham mưu giúp Ủy ban điều hành

công việc trong huyện. Thường trực Ủy ban nhân dân huyện đã giữ được nền nếp sinh hoạt, nghe các ban phản ánh hằng tuần, chủ tịch xã phản ánh hằng tháng và các đợt công tác riêng, Ủy ban nhân dân huyện điều hành chỉ đạo sản xuất theo lịch công tác, lịch thời vụ và giữ được chế độ báo cáo thỉnh thị với Thường trực Huyện ủy hằng tuần vào sáng thứ hai, nên sự chỉ đạo giữa Huyện ủy và Ủy ban nhân dân không bị lúng túng, bị động. Trong lúc thời vụ khẩn trương, hoặc yêu cầu phục vụ tiền tuyến, Huyện ủy đã coi trọng việc phát động tư tưởng động viên thi đua, kịp thời tập trung hoàn thành dứt điểm từng khâu công việc trong thời gian nhất định.

Do nắm chắc lực lượng lao động trong huyện nên mặc dầu thời vụ khẩn trương, nhưng vẫn tập trung số lao động hoàn thành một số công trình thủy lợi, nhà bảo tàng, là công trình xây dựng lớn nhưng chỉ hoàn thành trong 3 tháng, hoặc điều hàng vạn dân công đi phục vụ tuyến I.

- Trong phương thức lãnh đạo chỉ đạo, Huyện ủy Văn Chấn đã coi trọng việc chỉ đạo điểm, nhân điển hình mở rộng ra diện.

Huyện ủy đã xác định hai loại chỉ đạo thí điểm: Loại chỉ đạo lâu dài ở những điểm đại diện cho những vùng kinh tế khác nhau như: Chùa Cao Kiến, Thanh Lương, Suối Giàng. Loại chỉ đạo thí điểm làm từng việc như: Học tập Điều lệ Đảng ở Đảng bộ Đông Khê, chỉ đạo Đại hội cơ sở ở Thanh Lương, chỉ đạo phân loại đảng viên, phát thẻ đảng viên ở Đảng bộ Nghĩa Lợi... Kết quả các điểm chỉ đạo đã đẩy mạnh mọi mặt công tác, gây được lòng tin trong đảng viên và quần chúng, nâng cao nhận thức tư tưởng, nâng cao năng lực lãnh đạo và phương pháp công tác của các cấp ủy viên. Huyện ủy rất coi trọng việc sơ kết rút kinh nghiệm, dù chỉ là kinh nghiệm bước đầu như mở hội nghị tại chỗ ở những nơi làm điểm để cho cán bộ, đảng viên cơ sở thấy được người thực việc thực như Hội nghị ở Thanh Lương, Chùa Cao Kiến, Nghĩa Sơn để rút kinh nghiệm về việc tổ chức lại sản xuất.

Ngoài ra để giải quyết khó khăn của từng khâu sản xuất, Huyện ủy đã mở những hội nghị chuyên đề như cây chè, chuyên đề về làm phân

bón, về phát triển chăn nuôi, về cấy lúa đúng kỹ thuật. Mỗi hội nghị chuyên đề này đều có tác dụng nhất định, nhằm giải quyết những biện pháp chỉ đạo cụ thể tập trung hoàn thành trong thời gian nhất định. Sau hội nghị phân bón huyện phát động một đợt làm phân, lấy đoàn viên thanh niên làm nòng cốt, chỉ trong một tuần đã làm ra và đưa ra đồng được hàng vạn tấn phân, để chăm bón kịp thời vụ. Phương pháp công tác của Huyện ủy Văn Chấn còn được biểu hiện rõ nét ở tinh thần trách nhiệm của tập thể Ban Huyện ủy nói chung và từng cá nhân Huyện ủy viên nói riêng, tinh thần trách nhiệm đó thể hiện ở sự phân công cụ thể, mỗi đồng chí Huyện ủy viên đều được phân công phụ trách một cơ sở, một ngành; mỗi đồng chí Thường vụ phụ trách 1 cụm, 1 khối, nên giải quyết điều hòa công việc nhanh kịp thời.

Mỗi đồng chí cấp ủy viên đều sắp xếp công việc để có thời gian xuống cơ sở, xuống ngành để chỉ đạo tại chỗ, giải quyết những công việc cụ thể theo phương hướng chung của tập thể Ban Chấp hành huyện đã đề ra.

Về chế độ sinh hoạt tập thể được Huyện ủy duy trì có nề nếp và chất lượng sinh hoạt đã được nâng lên. Thường trực Huyện ủy hằng tuần hội ý vào sáng thứ hai để giải quyết những công việc trong tuần, nghe các ban, ngành của huyện phản ánh để chuẩn bị cho nội dung họp Thường vụ. Nội dung các cuộc họp Thường vụ và Ban Chấp hành đều được Thường trực Huyện ủy chuẩn bị trước và gửi đến từng đồng chí Huyện ủy để chuẩn bị ý kiến, nêu rõ quan điểm những việc cần bàn. Làm như vậy, nên khi đưa ra bàn mất ít thời gian và sâu hơn, sau khi bàn nhất trí đều có phân công cụ thể ai chịu trách nhiệm, thời gian nào hoàn thành.

IV. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG CÁN BỘ

Nhiệm vụ chính trị của huyện có được thực hiện tốt hay không, đội ngũ cán bộ của huyện đóng vai trò quyết định. Công tác đào tạo bồi dưỡng, kiện toàn đội ngũ cốt cán phải được xuất phát từ nhiệm vụ

chính trị và thông qua đó mà giáo dục, rèn luyện, lựa chọn và bố trí cán bộ. Mấy năm qua, Văn Chấn đã có nhiều cố gắng trong đào tạo cán bộ từ huyện đến cơ sở, đội ngũ cán bộ ngày càng tăng về số lượng, phẩm chất và năng lực ngày càng tiến bộ và đồng bộ về cơ cấu.

Tới nay, toàn huyện 244 cán bộ, trong đó có 116 văn hóa cấp II, 89 cấp III và 39 cấp I. Về chính trị có 23 trung cấp, 3 cao cấp, chuyên môn kỹ thuật gồm 30 đại học, 75 trung cấp. Nếu tính trên địa bàn Văn Chấn (kể cả các cơ sở của Trung ương và tỉnh) thì có 283 cán bộ khoa học - kỹ thuật, trong đó 279 cán bộ Đại học Nông nghiệp, 2 giao thông thủy lợi, 16 quản lý kinh tế và 26 đại học khác. Cán bộ trung cấp có 72 người thuộc các ngành nông, lâm nghiệp, 13 giao thông thủy lợi, 12 quản lý kinh tế và 117 trung học khác.

Mặc dầu có nhiều việc phải làm nhiệm vụ ngày càng cao, nhưng mấy năm qua huyện đã kiên quyết cử cán bộ thay phiên nhau đi học. Cụ thể cứ 6 đồng chí đi học Trường Nguyễn Ái Quốc 6, 16 đi học Trường Đảng tỉnh, 300 học Trường Đảng huyện, 12 người đi đại học các ngành, 193 cán bộ hợp tác xã đi học quản lý kinh tế nông nghiệp và 412 đi học kế toán và kỹ thuật. Ngoài ra còn 300 cán bộ đi học bổ túc văn hóa ban đêm, một số xã đã tự tổ chức trường bổ túc văn hóa cho cán bộ xã và đoàn viên thanh niên. Đội ngũ cán bộ hợp tác xã ngày càng lớn mạnh, năm 1974 tổng số 459 người, trong đó 372 văn hóa cấp I, 78 cấp II, 42 cán bộ có trình độ sơ cấp, 11 trung cấp về chuyên môn khoa học - kỹ thuật. Năm 1979 có 279, trong đó 162 văn hóa cấp I, 128 cấp II và 65 sơ cấp, 21 trung cấp, 2 cao cấp.

Hiện nay bình quân 1 hợp tác xã nông nghiệp có 1,5 trung cấp, 7 cán bộ được bồi dưỡng theo chương trình sơ cấp. Số cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật của huyện nắm ở hợp tác xã cử 1 cán bộ đại học, 2 trung cấp, 20 sơ cấp phụ trách 150 ha ruộng, 150 ha chè, 150 ha rừng trồng, 1 nghìn lợn và 300 con trâu, bò. Song yêu cầu tăng cường cán bộ cho cơ sở, nhất là cán bộ quản lý vẫn là một yêu cầu lớn và khẩn trương, có như vậy mới đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Điều quan trọng là bước đầu huyện đã có ý thức chăm lo đào tạo bồi dưỡng cán bộ cấp huyện và cơ sở, tiến hành ngay việc lập quy hoạch, tích cực tạo nguồn và kiên quyết khắc phục khó khăn để làm tốt công tác cán bộ.

V. CÔNG TÁC Củng Cố CƠ SỞ ĐẢNG, KIẾN TOÀN ĐỘI NGŨ CÁN BỘ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐẢNG VIÊN Ở CƠ SỞ

Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, nhất là Chỉ thị 192, Thông tri 22, Chỉ thị 72, 83 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về củng cố cơ sở đảng, phấn đấu thực hiện yêu cầu xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, Huyện ủy Văn Chấn luôn coi trọng củng cố tổ chức cơ sở đảng.

Thông qua các đợt thi đua, lao động tổ chức lại sản xuất, Huyện ủy đã nhận xét đánh giá, phân loại từng đảng bộ cơ sở, thấy rõ mặt yếu, mạnh để có biện pháp củng cố thích hợp. Thực tế ở một số xã, đảng viên, quần chúng tin Đảng, nhưng thiếu tin cán bộ xã, vì còn một số cán bộ chủ chốt chưa gương mẫu trong chấp hành chính sách, vay mượn, tham ô, nhập nhằng tiền quỹ của tập thể, vi phạm quyền làm chủ của quần chúng. Vì vậy, trước hết Huyện ủy coi trọng việc kiện toàn đội ngũ cốt cán ở cơ sở, nhất là cán bộ chủ chốt xã và hợp tác xã, có như vậy mới củng cố được lòng tin và phát huy sức mạnh của quần chúng.

1. Kiện toàn đội ngũ cốt cán ở cơ sở theo tinh thần Chỉ thị 45, 55 của Ban Bí thư là việc làm khẩn trương và có vị trí rất quan trọng, Huyện ủy Văn Chấn đã quyết tâm từng bước làm trẻ hóa đội ngũ cốt cán ở cơ sở, bảo đảm về tiêu chuẩn chính trị, nâng cao năng lực và trình độ tổ chức thực hiện

So sánh trong 2 năm, số cấp ủy của 31 xã trong huyện thì: Năm 1974 tổng số có 216 đồng, năm 1979 là 254 đồng chí. Văn hóa cấp I năm 1974 là 162 người, năm 1979 có 150 người; cấp II năm 1974 có 49 người,

năm 1979 là 90 người, cấp III năm 1979 có 14 người. Về chính trị thì năm 1974 có 4 trung cấp, 92 sơ cấp; năm 1979 có 4 trung cấp, 120 sơ cấp, tuổi đời dưới 35 thì năm 1974 có 65 và năm 1979 có 93 người.

Qua lần đại hội cơ sở năm 1979-1980 các ban chi, Đảng ủy lại được kiện toàn một bước, số lượng và chất lượng đều tăng hơn khóa trước.

Cấp ủy là bộ đội phục viên khóa cũ 20 đồng chí, khóa này 75 đồng chí, thay đổi 93 trường hợp, trong đó đưa ra 59 đồng chí (13 là bí thư, 8 phó bí thư, 38 chi ủy viên, đảng ủy viên). Trong 59 đồng chí này có 16 già yếu, 19 năng lực hạn chế, 10 vi phạm phẩm chất đạo đức, 6 thiếu tinh thần trách nhiệm, 2 vi lịch sử chính trị, 5 chuyển sang công tác khác, 1 đi học.

Thay 13 bí thư, tuổi bình quân là 49, số mới bình quân 44 tuổi, 17 chủ tịch xã, tuổi bình quân 43,3 mới là 37,5 tuổi; xã đội trưởng là 18 đồng chí tuổi bình quân 45, mới là 36 tuổi; trưởng công an 14 đồng chí, tuổi bình quân cũ 43, mới là 38 tuổi; chủ nhiệm hợp tác xã 9 đồng chí, tuổi bình quân 46, mới là 42 tuổi.

Việc kiện toàn cốt cán cơ sở, Huyện ủy đã coi trọng cả hai mặt, nâng cao về số lượng và chất lượng. Trong lựa chọn, sàng lọc có thông qua ý kiến của đảng viên và quần chúng tốt đóng góp. Ở những địa bàn xung yếu, có vị trí quan trọng thì bố trí các đồng chí có năng lực tổ chức và chỉ huy chiến đấu làm xã đội trưởng như Cát Thịnh, Gia Hội, Tú Lệ, Phúc Sơn.

Qua kiểm tra ở 34 cơ sở (10 cơ quan và 24 nông thôn) tổng số cấp ủy cơ sở có 240 đồng chí thì loại khá là 201 đồng chí, loại trung bình là 35, loại kém còn 4 đồng chí.

Nhìn chung đội ngũ cốt cán cơ sở của huyện Văn Chấn sau khi kiện toàn đều bảo đảm tiêu chuẩn chính trị và có nâng cao một bước về năng lực hoạt động, gây được lòng tin trong nhân dân, đa số cán bộ chủ chốt ở cơ sở là cán bộ trẻ, tốt, nắm được đường lối, chính sách của Đảng, có một số đồng chí biết suy nghĩ “làm ăn” ở cơ sở mình.

2. Xây dựng củng cố tổ chức cơ sở đảng

Việc củng cố tổ chức cơ sở đảng theo yêu cầu trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ rất quan trọng. Huyện ủy yêu cầu từng đảng bộ cơ sở tự đánh giá và xếp loại xem đảng bộ mình vào loại nào. Các ban xây dựng Đảng của huyện nghiên cứu trước để báo cáo với Thường trực Huyện ủy. Huyện mở hội nghị các chi, đảng bộ (nông thôn riêng, cơ quan riêng) để bình xét phân loại. Trong hội nghị từng chi, đảng bộ báo cáo tóm tắt thành tích và tự xếp loại, các chi, đảng bộ khác tham gia ý kiến, bình bầu xếp loại. Sau đó tập thể Thường vụ Huyện ủy mới họp duyệt phân loại. Chính thức và ghi tên từng đảng bộ đã được xếp loại theo thứ tự trên bảng vàng của huyện (bản này được treo nơi hội họp thường xuyên của huyện).

- Năm 1979 có 85 đảng bộ cơ sở.

- Số đảng bộ mạnh, xuất sắc có 7, chiếm 9%.

- Số đảng bộ khá có 53, chiếm 62%.

- Số đảng bộ yếu có 16, chiếm 21%.

- Số đảng bộ kém có 7, chiếm 8%.

Riêng 31 đảng bộ xã thì số đảng bộ mạnh, xuất sắc có 2, chiếm 6%

- Số đảng bộ khá có 16, chiếm 53%.

- Số đảng bộ yếu có 12, chiếm 30%.

- Số đảng bộ kém có 1, chiếm 3%.

Số đảng bộ cơ sở xã yếu, kém phần lớn là các xã vùng cao như Minh An, Sùng Độ, Nậm Lành, Suối Bu, Nậm Mười, Nậm Búng, Suối Quyền. Vùng ngoài có Cát Thịnh, vùng trong có Phúc Sơn, Sơn Thịnh, Sơn A, Nghĩa Phúc.

Qua phân loại, Huyện ủy đã phân công cấp ủy cùng cán bộ các ban xây dựng Đảng trực tiếp giúp đảng bộ cơ sở củng cố. Nội dung củng cố được xác định đối với từng loại đảng bộ là:

- Đối với những xã vùng đồng bằng khả năng cốt cán có thể tự động công tác thì Huyện ủy chỉ kiểm tra, đôn đốc và uốn nắn kịp thời những lệch lạc. Hướng chủ yếu của những xã này là cải tiến sinh hoạt, bảo đảm nội dung thiết thực và duy trì sinh hoạt thường xuyên.

- Đối với những đảng bộ xã vùng cao thì cử cán bộ trực tiếp giúp đỡ cụ thể. Hướng chủ yếu đối với những chi bộ này là giáo dục tư tưởng để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của xã, phân công đảng viên, chú trọng phát triển Đảng, bồi dưỡng cho cán bộ cơ sở về phương pháp lãnh đạo và năng lực quản lý, sản xuất.

- Vừa qua Huyện ủy đã đưa 80 cán bộ các ngành, ban tăng cường cho cơ sở (trong đó có 19 đại học và 40 trung cấp). Nhiều đồng chí trực tiếp làm chủ nhiệm, phó chủ nhiệm hợp tác xã, đội trưởng sản xuất...

Qua quá trình củng cố, một số đảng bộ trước đây thuộc loại yếu kém nay đã có nhiều chuyển biến, vươn lên.

Từ thực tiễn trên đây có thể rút ra kết luận: Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh trước phải xây dựng từng đảng viên, xây dựng từng chi, đảng bộ đạt trong sạch, vững mạnh.

3. Nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, kết nạp đảng viên mới

Công tác phát triển Đảng những năm trước đây chưa được quan tâm. Năm 1974 chỉ phát triển được 30 đảng viên, từ năm 1974 đến 1978 kết nạp được 159 đảng viên, riêng năm 1979 đã kết nạp 115 đảng viên mới, 6 tháng đầu năm 1980 đã kết nạp 168.

Qua thực tế của công tác kết nạp đảng viên mới năm 1979 Huyện ủy đã thấy được những năm trước đây do thiếu tích cực, thiếu chủ động nên chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao sức chiến đấu của Đảng và vai trò lãnh đạo của Đảng ở các cơ sở.

Tổng số đảng viên toàn huyện năm 1974 có 1.816 đồng chí, đến năm 1979 đã có 3.228 đồng chí, trong đó có 621 đảng viên nữ, tổng số đảng viên chiếm gần 3% so với dân số trong huyện. Trong đó đảng viên nông thôn là 1.683 người, trình độ văn hóa cấp I là 1.426 (nông thôn 964), cấp II có 1.329 (nông thôn 523), cấp III là 346 (nông thôn 70). Về chính trị có 351 sơ cấp (nông thôn 84), trung cấp 74 (nông thôn 10), cơ sở là 2.707 (nông thôn 1.451), trong đảng viên có 80 đại học (nông thôn 7), trung cấp 184 (nông thôn 15), sơ cấp 210 (nông thôn 12).

Đi đôi với phát triển Đảng, việc nâng cao chất lượng đảng viên cũng được tiến hành thường xuyên gắn với củng cố nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, của đảng viên vào các phong trào thi đua lao động sản xuất của quần chúng, tổ chức học tập, mở hội nghị đảng viên, cải tiến và nêu cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, bằng cách tổ chức cho quần chúng phê bình đảng viên và tiến hành phê bình, tự phê bình trong Đảng, thông qua công tác phát triển đảng viên và xây dựng tổ chức cơ sở đảng, theo tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh, kết quả đã nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên một cách thiết thực, nhưng thành tích mọi hoạt động của huyện Văn Chấn đạt được gắn liền với sự trưởng thành của đội ngũ đảng viên của huyện Văn Chấn.

Công tác phát triển Đảng tuy có nhiều tiến bộ, song cũng còn phải cố gắng và suy nghĩ nhiều hơn nữa.

Tỷ lệ đảng viên mới đạt 3% dân số nhưng phân bố không đều, tỷ lệ nông thôn càng thấp, tỷ lệ đảng viên thuộc các dân tộc còn rất thấp so với dân số dân tộc. Đảng viên nữ ở nông thôn còn quá ít chỉ có 219 đồng chí đảng viên trong độ tuổi 30 toàn huyện 331 là quá thấp. Điều quan trọng cần lưu ý chính là hướng phát triển Đảng ở đây đòi hỏi Đoàn thanh niên cộng sản và Hội Phụ nữ kiểm điểm xem đã làm gì và sắp tới phải làm gì để tham gia tích cực vào nhiệm vụ xây dựng Đảng, từng cấp ủy Đảng cần kiểm điểm về mặt quán triệt phương hướng và cách chỉ đạo phát triển Đảng để kiên quyết và nhanh chóng khắc phục.

Qua tiến hành phân loại ở 31 đảng bộ cơ sở trong 2 đợt phát triển đảng viên tình hình như sau:

- Số đảng viên đủ tư cách là 1.675 đồng chí đạt 84,2%.
- Số đảng viên chưa đủ tư cách 300 đồng chí đạt 15,8%.

Trong đó:

- Số để lại giáo dục 258 đồng chí đạt 13%.
- Số đưa ra khỏi Đảng 42 đồng chí đạt 2,8% (khai trừ 27, xoá tên 15).

Qua các đợt phát triển đảng viên năm 1980, số đảng viên được nhận thẻ 53% so với tổng số đảng viên trong huyện.

Tới nay việc giáo dục rèn luyện đội ngũ đảng viên đã có những chuyển biến trên nhiều mặt.

Tính tiên phong gương mẫu của đảng viên được thể hiện rõ rệt. Trước đây nhiều đảng viên không muốn nhận công tác, thì nay đều đã nhận và phân công hợp lý để hoạt động trên các mặt công tác. Trước đây nhiều đồng chí còn lười lao động trong tập thể hợp tác xã, chi bộ đã đấu tranh giúp đỡ, định rõ số ngày công và phân công cụ thể, nên đã lao động với tập thể đều đặn hơn trước, nhiều đồng chí chưa làm nghĩa vụ thực phẩm thì nay đã hoàn thành.

Trước đây tình trạng vay, nợ nhập hàng tiền quỹ của hợp tác xã ở một số đảng bộ cơ sở có đến 40, 50% số đảng viên (Phù Nham, Nghĩa An, v.v.) thì nay hầu hết các đồng chí đều đã thanh toán xong. Do đó lòng tin của quần chúng đối với đảng viên được nâng lên, nội bộ Đảng đoàn kết nhất trí, công tác của các tổ chức đảng đạt kết quả rõ rệt.

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ TỒN TẠI LỚN VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC CẤP HUYỆN

Trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, Văn Chấn đã có nhiều cố gắng, lãnh đạo Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện giành được những thành tích đáng kể.

Tuy nhiên công tác tổ chức xây dựng Đảng còn một số tồn tại cần được khắc phục để tiếp tục đưa phong trào của huyện tiến lên.

1. Việc củng cố tổ chức cơ sở đảng theo yêu cầu Chỉ thị 45, 55 và Chỉ thị 83 của Ban Bí thư đã tiến hành nhiều biện pháp tích cực phong trào có nhiều chuyển biến, nhưng hiện nay vẫn còn nhiều chi bộ thuộc loại yếu kém (yếu 21%, kém 8%). Thực sự đủ tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh mới có 25%.

Chưa nâng lên được trình độ đồng đều, biện pháp giải quyết từng loại cơ sở chưa thật cụ thể, đối với cơ sở vùng cao chưa được quan tâm đúng mức.

Phong trào ở một số nơi còn biểu hiện một số mặt tiêu cực như

tệ tham ô, móc ngoặc, buôn lậu, nhưng có lúc chưa kiên quyết xử lý kịp thời.

2. Việc củng cố tổ chức cơ sở đảng, trong tổ chức lại sản xuất theo phương hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và việc hợp nhất các chi bộ, phòng, ban, trạm, trại thế nào cho phù hợp cũng còn lúng túng, xã có 2,3 hợp tác xã có nên thành lập Đảng ủy bộ phận trực thuộc đảng bộ cơ sở không? Đối với một số đảng bộ cơ sở thuộc các ban 3, 4 phòng, nhiệm vụ chuyên môn khác nhau, vậy nhiệm vụ chính trị của Đảng nơi đó lãnh đạo thế nào để sâu sát và thống nhất, phân công, quản lý, giáo dục đảng viên thế nào cho thích hợp, đây cũng là một vấn đề cần được nghiên cứu, tổ chức cơ sở đảng theo đơn vị sản xuất (đội sản xuất, hoặc hợp tác xã) cũng còn lúng túng, chưa có nhiều kinh nghiệm.

3. Công tác cán bộ, mấy năm gần đây tuy có tiến bộ trên nhiều mặt, song so với yêu cầu nhiệm vụ chính trị và vị trí của cấp huyện khi đã được phân cấp quản lý thì những chuyển biến đó chưa đáp ứng được yêu cầu và còn nhiều lúng túng, nhất là về chức năng nhiệm vụ của từng ngành, từng cơ sở. Trong quản lý kinh doanh, quan hệ lệ lối làm việc chưa rõ ràng, nên khi giải quyết công việc còn ỷ lại, trở ngại cho cơ sở hoặc dẫm chân lên nhau, nhất là một số ngành cơ quan (tỉnh và huyện).

4. Tồn tại lớn nhất nhưng huyện không đủ quyền hạn giải quyết là trên địa bàn huyện có đơn vị kinh tế thuộc Bộ quản lý, nhưng về Đảng tỉnh quản lý, có đơn vị kinh tế tỉnh quản lý, nhưng về Đảng do huyện quản lý. Cán bộ thuộc ty, sở hoặc Bộ quản lý cả đến công nhân, nhân viên, huyện không có quyền, nhưng các mặt phục vụ, hành chính, xã hội thì huyện phải chịu trách nhiệm.

5. Tồn tại bao quát nhất chính là nhận thức của một số ngành, kể cả nhiều đồng chí trong cấp ủy huyện và cơ sở chưa quán triệt tình hình nhiệm vụ trong thời kỳ mới của cách mạng nước ta, chưa thấy đầy đủ khó khăn của đất nước, chưa quyết tâm phát huy hết tiềm năng to lớn của huyện Văn Chấn để phát triển sản xuất, xây dựng cơ

sở vật chất, giải quyết đời sống nên còn biểu hiện cấp huyện ỷ lại vào Nhà nước, mặt khác chưa nắm vững xây dựng cấp huyện trước hết là tổ chức lại sản xuất từ hợp tác xã và từ kiện toàn tăng cường đội ngũ cốt cán, từ cơ sở, gắn tổ chức lại sản xuất xây dựng cấp huyện với nhiệm vụ củng cố xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể.

Để tiếp tục củng cố phát huy những thắng lợi vừa qua, cần tiếp tục làm tốt các nhiệm vụ sau:

+ Cần thông qua việc thực hiện Chỉ thị 83-TW, làm tốt công tác phát triển đảng viên, phấn đấu xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh theo Chỉ thị 01 của Tỉnh ủy về xây dựng Đảng mà điều cần quan tâm là phải sớm xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo cán bộ quản lý cán bộ khoa học - kỹ thuật, công nhân và có biện pháp bồi dưỡng, đào tạo thật tích cực.

+ Quan tâm thực hiện Quyết định 139-CP về tổ chức cấp huyện tăng cường cán bộ cho cấp huyện và cơ sở. Bồi dưỡng đào tạo cán bộ, cải tiến và xây dựng lề lối làm việc, phân cấp quản lý cho huyện và tạo điều kiện để huyện làm tốt chức năng quản lý hành chính kinh tế.

+ Các ngành của tỉnh cần tích cực hỗ trợ và giúp huyện làm tốt nhiệm vụ, khắc phục tư tưởng cục bộ, bàng quan, nghiêm chỉnh chấp hành tốt các nghị quyết của Trung ương về xây dựng cấp huyện, tiếp tục hoàn thiện việc thu gọn đầu mối cơ sở huyện, đồng thời tích cực và khẩn trương tăng cường cho cơ sở sản xuất kinh doanh, tiếp tục tổ chức lại sản xuất hợp tác xã kể cả quy hoạch các nông, lâm trường và các xí nghiệp, các cơ sở kinh doanh nhằm từng bước tiến lên hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang, xây dựng Văn Chấn thành một huyện có nền kinh tế công - nông - lâm nghiệp vững mạnh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 489-NQ/TU, ngày 6-1-1981

**Công nhận Ủy ban Kiểm tra
Đảng ủy Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp
chè Trần Phú**

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần Phú ngày 30-6-1980;
- Xét báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần Phú gồm 5 đồng chí có tên dưới đây:

- 1- Đồng chí Hà Văn Gia, Trưởng ban
- 2- Đồng chí Lê Hữu Mệnh, Phó ban
- 3- Đồng chí Sa Hữu Nông, Ủy viên
- 4- Đồng chí Nguyễn Văn Lược, Ủy viên
- 5- Đồng chí Vũ Quang Điều, Ủy viên

Điều 2: Ban Thường vụ Đảng ủy Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần Phú, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xí nghiệp và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA TỈNH ỦY

Số 07- BC/TU, ngày 10-1- 1981

Kiểm điểm việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV đến nay

Thi hành Thông tri 69 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Công văn số 18 hướng dẫn nội dung kế hoạch tiến hành của Ban Dân tộc Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn đã ra Thông tri 69 mở đợt kiểm điểm việc thực hiện chính sách của Đảng qua những năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IV của Đảng trong toàn tỉnh Hoàng Liên Sơn. Đợt công tác đã được triển khai thực hiện từ tháng 5 - 1980 đến nay. Nhìn chung các cấp, các ngành đã tích cực thực hiện và đã căn bản hoàn thành, đạt kết quả tốt.

Dưới đây là nhận định đánh giá những tiến bộ ưu điểm, khuyết điểm, tồn tại và nguyên nhân trên các mặt công tác chủ yếu, đồng thời nêu lên mức độ còn chênh lệch giữa các vùng, các dân tộc trong tỉnh. Trên cơ sở đó, đề ra phương hướng nhiệm vụ về công tác dân tộc từ nay đến hết năm 1982 nhằm thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và Nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II, đưa các dân tộc trong tỉnh tiến lên những bước mới, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cách mạng hiện nay.

I. MỘT SỐ NÉT VỀ TÌNH HÌNH, ĐẶC ĐIỂM

Trước khi bước vào thực hiện Nghị quyết 4:

Tỉnh Hoàng Liên Sơn có 27 dân tộc anh em cư trú ở 17 huyện, thị trong đó có 25 dân tộc thiểu số, nhân khẩu toàn tỉnh có 771.493 người trong đó có 398.739 là nữ.

Các dân tộc thiểu số có 416.068 khẩu chiếm tỷ lệ 53,7% so với tổng dân số, trong đó nữ có 214,320 khẩu.

- Dân tộc Mông có số người đông nhất (sau Kinh) là 110.895 khẩu chiếm tỷ lệ 26,6%

- Người Tày có 97.895 khẩu tỷ lệ 25,5%.

- Người Dao 78.918 khẩu, tỷ lệ 18%.

- Người Thái 68.504 khẩu, tỷ lệ 16%.

Căn cứ vào ngữ hệ, số hộ chia làm 4 loại như sau:

- Mông - Dao

- Tày - Nùng

- Tạng- Miến

- Hán

Về cư trú: Chia làm hai vùng rõ rệt

- Các dân tộc Mông, Dao, Tu Dí, Hà Nhì, v.v. cư trú chủ yếu ở vùng cao biên giới, khí hậu á nhiệt đới, chiếm 51% so với tổng diện tích của tỉnh. Địa hình nằm dọc theo hai triền núi Hoàng Liên Sơn và Tây Côn Lĩnh, dọc theo sông Hồng và sông Chảy. Có nhiều núi cao, độ dốc lớn, xói mòn nặng. Rừng bị tàn phá kiệt quệ do hậu quả của tị nạn du canh du cư từ xa xưa để lại, diện tích lúa nước khoảng 8.016 ha đại bộ phận là bậc thang, bình quân đầu người đến năm 1975 chỉ có 1,1 sào một đầu người. Dân số có khoảng 167.000 người chiếm 26% so với tổng dân số. Hầu hết nằm trong diện vận động định canh định cư kết hợp với hợp tác hóa.

Vùng thấp: Khí hậu nhiệt đới, cư trú chủ yếu là các dân tộc Tày, Thái, Cao Lan, Giáy, Nùng và đại bộ phận người Việt của tỉnh. Sống chủ yếu dựa vào ruộng nước. Tuy nhiên trong người Tày, Nùng đều có

một bộ phận sống thành từng bản ở dèo thấp (nơi có ruộng nước) ở các huyện phía bắc như Bắc Hà, Mường Khương, Bát Xát, Sa Pa. Riêng người Giáy với dân số 14.000 người đại bộ phận cư trú ở rẻo thấp các huyện Bát Xát, Mường Khương, Bảo Thắng, ở các huyện như Văn Bàn, Than Uyên, Bảo Yên tuy có người Giáy nhưng rất ít.

- Hoàng Liên Sơn có 203 km đường biên giới với Trung Quốc bao gồm 27 xã thuộc các huyện Bát Xát, thị xã Lào Cai, Bảo Thắng, Mường Khương, Bắc Hà, các dân tộc cư trú dọc theo biên giới có quan hệ với dân tộc dòng họ các dân tộc Mông, Dao, Giáy, Nùng, Hà Nhì... với các dân tộc thuộc tỉnh Vân Nam, Trung Quốc trước đây, vào những ngày tết, ngày lễ lớn họ thường đi thăm hỏi nhau giữa hai bên, một số người còn xây dựng gia đình với nhau.

- Trước khi hợp nhất ba tỉnh cũ như Lào Cai, Yên Bái, Nghĩa Lộ đã tiến hành nhiều cuộc vận động lớn nhất là cuộc vận động hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ trải qua những cuộc vận động đó nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã có nhiều biến đổi trình độ giác ngộ chính trị, giác ngộ giai cấp được nâng cao một bước đời sống vật chất tinh thần được cải thiện hơn trước. Tình đoàn kết các dân tộc được tăng cường, việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đều có những thành tích đáng kể. Tuy nhiên khi hợp nhất tỉnh thực hiện Nghị quyết 4 của Đại hội toàn quốc lần thứ IV, Hoàng Liên Sơn cũng còn nhiều khó khăn, phong trào hợp tác xã còn yếu kém, sản xuất chưa phát triển toàn diện, nạn thiếu đói khi giáp hạt còn nhiều, tình hình trị an còn phức tạp ở một số nơi, nhất là biên giới. Phong tục tập quán lạc hậu, cũ tuy đã được từng bước cải tạo nhưng vẫn còn nhiều tồn tại, trình độ mọi mặt của các dân tộc nhìn chung còn thấp.

Tình hình đó nói lên sự chênh lệch còn nhiều giữa các vùng và các dân tộc, nói lên những khó khăn và tồn tại mà Đảng bộ Hoàng Liên Sơn có nhiệm vụ phải khắc phục, hơn nữa Hoàng Liên Sơn là một tỉnh miền núi tập trung nhiều dân tộc ở vùng cao biên giới nên ngay từ năm 1976 đến ngày 17-2-1979 đã có nhiều vấn đề phức tạp do bọn phản động (...) gây ra làm nhiệm vụ lãnh đạo về mọi mặt của Đảng

bộ Hoàng Liên Sơn càng rất khó khăn, đòi hỏi phải có những cố gắng rất lớn để hoàn thành nhiệm vụ của Trung ương Đảng và Chính phủ giao phó theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng.

II. TÌNH HÌNH CÁC MẶT CÔNG TÁC LỚN QUA ĐIỀU TRA Ở 12 HUYỆN, THỊ

1. Tình hình phát triển đất đai canh tác

Từ năm 1976 đến nay, việc phát triển diện tích canh tác được quan tâm chỉ đạo nhất là ở vùng cao đã được phát triển mạnh. Trong đó diện tích ruộng nước bậc thang từ 1,1 sào năm 1976 lên 2,16 sào bình quân đầu người. Hiện nay, phong trào làm nương ruộng bậc thang ngày càng phát triển ở nhiều nơi điển hình như huyện Bắc Hà đã có phong trào sôi nổi chỉ trong 90 ngày đã làm 114 ha nương, ruộng bậc thang, lập thành tích kỷ niệm 90 năm ngày sinh nhật Bác Hồ. Đó là những cố gắng lớn của tỉnh trong những năm qua tuy nhiên đi sâu vào từng dân tộc sự phát triển còn chênh lệch như sau:

- Người Mông có diện tích lúa nước là 11,6% nương, rẫy định cư, có 42,6% nương du canh còn tới 46,6%.

- Người Dao có tỷ lệ ruộng nước bậc thang là 25% nhiều hơn hai lần người Mông. Nương định canh có 51%. Nương du canh còn 13,18%, các dân tộc khác như Hà Nhì, Tu Dí, Pa Dí có tỷ lệ như người Mông, đó là các dân tộc cư trú vùng cao.

- Các dân tộc Tày, Nùng, Thái, Giáy, Cao Lan, Mường (có tỷ lệ ruộng nước là 95%, ngoài ruộng nước vùng thấp còn phát triển mạnh hoa màu nhất là cây sắn).

Tình hình trên cho ta thấy đất đai canh tác ở vùng thấp được ổn định nên đời sống kinh tế được bảo đảm vững chắc tu dưỡng ổn định, các mặt công tác khác như văn hóa, giáo dục phát triển tương đối đồng đều, sự chênh lệch giữa các dân tộc được thu hẹp lại rất nhiều

so với trước, tuy nhiên chỉ số sử dụng ruộng đất chưa cao 1,6 ở một số nơi Văn Chấn, Bảo Thắng nếu bố trí lại cư trú cho các thôn bản còn tạo thêm một số diện tích ruộng nước để phát triển cây lương thực.

2. Tình hình xây dựng, củng cố quan hệ sản xuất

Hiện nay toàn tỉnh có 76.616 hộ tham gia hợp tác xã nông nghiệp so với tổng số hộ ở nông thôn là 92.286 hộ đạt tỷ lệ 83,04% (so với năm 1976 có giảm chút ít, năm 1976 là 85%). Nhìn chung dưới sự lãnh đạo của Đảng tất cả các dân tộc ít người đều tỏ rõ tinh thần kiên trì và quyết tâm đi theo con đường làm ăn tập thể coi đó là lẽ sống và thực hiện quyền bình đẳng của mình, tuy nhiên sự phát triển còn chưa đồng đều cả về số lượng và chất lượng giữa các vùng và các dân tộc với nhau.

Ở vùng thấp:

Đã có 60.088 hộ tham gia hợp tác xã đạt tỷ lệ 98,75%; so với năm 1976 đã có thêm 3.974 hộ tự nguyện xin vào hợp tác xã trong đó dân tộc Tày có tỷ lệ 99%, dân tộc Thái 92%, có dân tộc khác có tỷ lệ tương tự. Về quy mô, năm 1976 có hợp tác xã qua quá trình tổ chức lại sản xuất đã hợp nhất thành 322 cái, trong đó có 162 cái có quy mô toàn xã.

Ở vùng cao: Còn một số nơi đất đai canh tác còn quá phân tán, cư trú lẻ tẻ, đi lại xa xôi nên tình hình hợp tác xã còn khó khăn, lúc lên, lúc xuống. Năm 1976 tỷ lệ tham gia hợp tác xã là 53%, năm 1978 lên 64,07% đến nay còn 59,69%, về quy mô năm 1976 có 546 hợp tác xã, năm 1978 có 368 đến nay còn 307 hợp tác xã, dân tộc Dao có tỷ lệ 90% số hộ tham gia hợp tác xã, dân tộc Mông 59%, dân tộc Hà Nhì 30,6% (99/299 hộ). Các dân tộc khác có tỷ lệ tương tự như người Mông.

Về chất lượng hợp tác xã: Trong tổng số hợp tác xã của tỉnh là 639 hợp tác xã phân loại như sau:

- Hợp tác xã khá có 239 (71 tiên tiến), chiếm tỷ lệ 35,8%.
- Hợp tác xã trung bình 227 hợp tác xã, chiếm tỷ lệ 35,5%.
- Hợp tác xã kém 75 hợp tác xã, chiếm tỷ lệ 28,65%.

Như vậy, so với năm 1976 số hợp tác xã khá, tiên tiến được củng

cố và phát triển. Số hợp tác xã trung bình và kém giảm dần (năm 1976 có 310). Đó là sự tiến bộ nói chung trong mấy năm củng cố và xây dựng phong trào hợp tác xã hóa nông nghiệp ở tỉnh ta. Tuy nhiên đi sâu vào sự phát triển của các dân tộc, thì còn chênh lệch cả về số lượng và chất lượng cụ thể như:

- Người Tày có 33 hợp tác xã, quy mô lớn hơn số hợp tác xã khá và tiên tiến có 8, hợp tác xã trung bình có 17 hợp tác xã, kém còn 8.

- Người Mông có 131 hợp tác xã có 10 hợp tác xã khá và tiên tiến, 19 hợp tác xã trung bình, 102 hợp tác xã yếu kém.

- Người Dao có 68 hợp tác xã, 6 hợp tác xã khá và tiên tiến, 22 hợp tác xã trung bình và 40 hợp tác xã kém.

Công tác định canh định cư: Trong những năm qua, thực hiện Nghị quyết 61-CP đã đưa 694 hộ nông dân du canh du cư vào làm việc trong các nông, lâm trường quốc doanh và công nhân các đoạn bảo dưỡng đường. Mặt khác đã mở ra một số hợp tác xã mới đưa vào hợp nhất với hợp tác xã Sua Chua, Nậm Tốc, Hồ Ban, Sai Lương, Nậm Ải, Kho Bít, việc phát triển nghề rừng củng cố có nhiều tiến bộ bình quân rừng được trồng hằng năm từ 4.000 đến 5.000 ha (kể cả quốc doanh và tập thể), đặc biệt năm 1980 đạt tới 7.000 ha đến nay có 27 hợp tác xã kinh doanh cây công nghiệp, cây ăn quả 13 hợp tác xã có giống cây đặc sản, 27 hợp tác xã phát triển các ngành nghề khác... Về chăn nuôi lớn đã có 42 hợp tác xã chăn nuôi trâu, bò đàn. Tuy nhiên việc giáo dục nông dân du canh, du cư đưa vào các nông, lâm trường làm chưa kỹ, chưa tính toán sát với mức sống của từng gia đình nên có nơi đã bỏ việc làm đi phát nương (đội 4 Nông trường Sa Pa hoặc 30 hộ ở thôn Pac Tà, Than Uyên) sau khi có 12 em nhỏ bị chết vì bệnh đã bỏ cả cơ sở vật chất - kỹ thuật đã xây dựng đi nơi khác, hoặc Hợp tác xã Làng Mới (Cốc Lầu) sau 3 năm 1968-1971 đã tự túc được lương thực trồng cây lai, nhưng bỏ không kinh doanh cây lai nữa...

Nguyên nhân của tình hình trên có hai mặt: Ở những nơi đó còn có khó khăn về lương thực vào những tháng giáp hạt và do tập quán lạc hậu tâm lý mê tín dị đoan còn tồn tại nặng nề.

Tóm lại, qua cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, định canh định cư, xây dựng kinh tế phong trào hợp tác xã nông nghiệp được tiếp tục củng cố, số hợp tác xã khá, tiên tiến được củng cố và phát triển, hợp tác xã trung bình và kém đã giảm dần.

3. Tình hình đời sống về ăn, ở, mặc

So với lịch sử, đời sống vật chất của đồng bào các dân tộc ít người đã có những thay đổi rất sâu sắc trước hết là nạn đói lưu niên làm nhiều người chết vì đói rét, bệnh tật thường xảy ra trước Cách mạng Tháng 8 đã chấm dứt, đời sống đồng bào các dân tộc gắn liền với sản xuất tập thể không ngừng được phát triển được Đảng và Chính phủ quan tâm chăm sóc nên đã tiến bộ một cách toàn diện, đời sống về kinh tế không ngừng được nâng lên, quyền bình đẳng, ý thức làm chủ tập thể của các dân tộc ít người ngày càng được bảo đảm và phát huy mạnh mẽ. Ngày nay với cuộc sống tốt đẹp, đồng bào các dân tộc càng biết ơn Đảng, tin tưởng vào Đảng trong ý nghĩ và lời nói của họ, đi sâu vào từng dân tộc sự phát triển tình hình đời sống kinh tế biểu hiện như sau:

Về mức ăn: Qua điều tra của từng dân tộc cho ta thấy mức ăn của 27 dân tộc anh em trong tỉnh đã được bảo đảm và nâng lên rõ rệt so với trước, người Giáy có tỷ lệ 77%, người Tày có 62%. Các dân tộc khác như Thái, Nùng, Mường có mức sống dồi dào như người Tày. Diện thiếu ăn khi giáp hạt vào các tháng 4, 5 thường xảy ra hằng năm còn rất ít, các dân tộc vùng cao cũng có nhiều tiến bộ, dân tộc Dao có tỷ lệ 55% số hộ có mức sống dồi dào, người Mông có tỷ lệ 36,2%, các dân tộc khác như Hà Nhì, Tu Dí có mức sống tương tự, diện thiếu đói ở vùng cao thường xảy ra tháng 7, 8 hằng năm, nay tuy còn nhưng đã thu hẹp lại nhiều so với năm 1976. Như vậy mức sống về ăn của vùng thấp được bảo đảm và ổn định, ở vùng cao đã phát triển tốt, dân tộc Dao có mức sống phát triển tương tự như vùng thấp, các dân tộc khác tuy đã có tiến bộ nhiều nhưng so với vùng thấp thì số người thiếu ăn trong giáp hạt có nhiều hơn, chủ yếu là ở những nơi nương rẫy chưa đi vào định canh.

Sở dĩ tình hình thiếu ăn khi giáp hạt là do sự tính toán sử dụng lương thực của nông dân chưa hợp lý, khi thu hoạch được lương thực còn thể hiện lãng phí trong tiêu dùng nhất là trong lương thực cúng bái, ma chay, cưới xin. Những thiếu sót trên đây nếu được tích cực sửa chữa sử dụng lương thực tốt hơn thì đời sống của vùng thấp rất tốt, ở vùng cao diện thiếu ăn khi giáp hạt còn giảm đi rất nhiều so với trước. Mặt khác tốc độ sản xuất tuy hàng năm đều tăng nhưng so với yêu cầu còn chưa đáp ứng, dân số tăng nhanh.

Về tình hình nhà ở: Người Mông có 28,7% nhà ở vững chắc, 36,7% tương đối vững chắc và 28,6% nhà ở tạm, người Dao có 26,3% nhà ở vững chắc, các dân tộc khác có tỷ lệ tương tự như người Dao.

Ở vùng thấp: Người Tày có 62,1% nhà ở vững chắc, 29,6% nhà tương đối vững chắc và 18,6% nhà ở tạm.

Người Dáy: Có 70% nhà ở vững chắc, các dân tộc ít người khác vùng thấp có nhà ở tương tự như người Tày.

- Nhìn chung các dân tộc vùng thấp có nhà ở vững chắc và tương đối vững chắc hơn so với các dân tộc vùng cao. Thẩm mỹ kiến trúc càng đẹp hơn. Ở vùng cao số nhà ở tạm có tỷ lệ cao hơn so với vùng thấp. Riêng người Dao điều kiện nhà ở còn thấp hơn so với người Mông.

Về quần áo: Ngoài việc mua sắm quần áo theo phiếu vải của Nhà nước bán nhiều nơi đồng bào các dân tộc còn tự dệt thêm vải như người Thái và Dao trồng bông, người Mông trồng lanh. Nên tất cả mọi người đều có 2, 3 bộ quần áo trở lên. Nhiều người có từ 4, 5 bộ có quần áo đẹp khi đi hội hè thăm bà con nơi xa, các loại quần áo ấm, chăn màn, nhà nào cũng có để dùng trong gia đình. Nhiều nơi nhất là những nơi gần thị xã, thị trấn đường giao thông còn có xe đạp, máy khâu, mô tô... cách ăn mặc ở những nơi đó có nhiều cải tiến nhất là nam nữ thanh niên các dân tộc vùng thấp.

Về nước uống: Theo số liệu điều tra cho thấy ở nông thôn thuộc 12 huyện, thị đến nay mới có 8,3% số hộ có giếng nước ăn, số hộ còn dùng nước máng, nước lã, chiếm 71,2%, số hộ phải đi lấy nước xa còn 20,5%. Tình hình giếng nước trong các dân tộc cũng có khác nhau.

Ở vùng thấp: Người Tày có 34% số hộ có hộ ăn nước giếng, người Thái 13%, Cao Lan 29%, Giáy 10,6%, Xa Phó 10,2%.

Ở vùng cao: Người Mông có 8,3%, người Dao có 0,29%, các dân tộc khác hầu như ăn nước suối, có nơi còn phải lấy nước quá xa ảnh hưởng đến đời sống và vệ sinh.

Tóm lại, đời sống vật chất về ăn mặc và ở của các dân tộc trong tỉnh đã có nhiều tiến bộ, sự chênh lệch quá xa do lịch sử để lại đã được thu hẹp lại rất nhiều. Tuy nhiên sự phát triển chưa đều, giữa vùng thấp và vùng cao vẫn còn chênh lệch. Các dân tộc vùng thấp có mức sống về ăn mặc ở ổn định và bảo đảm vững chắc hơn so với một số nơi ở vùng cao.

4. Di sản tệ hại nhất của chế độ cũ để lại là nghèo nàn và bệnh tật rất phổ biến (...). Nhiều bệnh tật đã được chữa khỏi, sức khỏe của nhân dân được tăng tiến. Tệ hữu sinh vô dưỡng đã được chấm dứt, tuổi thọ được tăng lên. Tuy nhiên qua điều tra ở cơ sở tình hình bệnh tật còn tồn tại như sau:

Bệnh giang mai: Còn 90 người trong đó có 60 nữ và 30 nam, người Dao có 27, Thái 13...

Bệnh sốt rét: Những năm trước đây bệnh sốt rét căn bản chấm dứt từ năm 1978 đến nay nhất là năm 1979 (...) cơ sở vật chất - kỹ thuật y tế bị tàn phá nên bệnh sốt rét có chiều hướng phát triển. Hiện nay còn có 1.259 người mắc bệnh sốt rét (688 nam, 571 nữ), người Mông có 274, Dao 900 người, Thái 181, Xa Phó 71. Được sự chạy chữa và tăng cường vệ sinh phòng bệnh nên bệnh bấu cổ giảm rất nhiều. Tuy nhiên đến nay vẫn còn 11 dân tộc gồm 6.109 người mắc bệnh, nam 1.294, nữ 4.815 người. Người Mông 2.772 người, Tày 1.158, Dao 1.441...

Tệ nghiện hút: Trước cách mạng số người nghiện hút thuốc phiện rất phổ biến nhất là vùng cao, trải qua nhiều năm giáo dục cải tạo và thay đổi phương hướng sản xuất nên đã giảm nhiều. Tuy nhiên hiện nay vẫn còn 1.816, người Thái có 141, Dao 72, đáng chú ý là vùng Mù Cang Chải và Trạm Tấu còn nhiều người nghiện ở đấy vẫn lén lút trồng cây thuốc phiện.

5. Công tác giáo dục

Theo số liệu của ngành giáo dục số học sinh phổ thông người dân tộc ít người 45.041 em ... trong đó học sinh người Tày có 26.923, Mông có 6.842 em). Về quá trình chuyển cấp các em học sinh người Tày có tỷ lệ lên lớp hằng năm và chuyển cấp cao hơn so với các dân tộc ít người khác.

- Về mẫu giáo có 1.752 em người dân tộc trong tổng số 8.883 em, qua điều tra ở 12 huyện, thị ở cả vùng cao và vùng thấp cho thấy tỷ lệ như sau:

- Số học sinh cấp I đạt 10,7%.
- Số học sinh cấp II đạt 3,8%.
- Số học sinh cấp III đạt 0,02%.

Tổng số người đã biết chữ và đang học trong 15 dân tộc ở 12 huyện, thị trên đạt tỷ lệ 14,8%, so với dân số, sự chênh lệch diễn biến như sau:

- Người Tày có tỷ lệ 31,18%, Thái 21,5%, Nùng có 25,3%, Mường có 29,5%.

- Người Mông có tỷ lệ 6%, người Dao 10%.

- Số người đã biết chữ đang theo học bổ túc văn hóa có 5.500 người.

Số người chưa biết chữ hoặc đã biết chữ nhưng đã mù chữ lại còn tới 47.648 người (nam là 19.842 người, nữ có 25,806 người); đáng chú ý là người Mông còn tới 22.520 người, Dao 10,534 người ở vùng thấp, người Thái còn 7.407 người mù chữ chiếm 16,7% so với dân số (số này tập trung chủ yếu ở phía tây Than Uyên, Gia Hội, Tú Lệ thuộc Văn Chấn).

- Đối với hai dân tộc Thái, Mông có chữ riêng, chủ trương của ta là phát triển song ngữ ở hệ phổ thông cấp I. Nhưng do còn lúng túng trong việc sử dụng nên gần đây phong trào có giảm sút.

Các trường thiếu niên dân tộc, thanh niên các dân tộc vừa học vừa làm vẫn tiếp tục được duy trì và phát triển nhưng việc chiêu sinh gặp nhiều khó khăn.

Nhìn chung ngành giáo dục phát triển lớn mạnh, các thầy, cô giáo có nhiệt tình nhất là ở vùng cao biên giới, tuy nhiên nạn mù chữ

còn nhiều, tỷ số giữa hai vùng còn nhiều chênh lệch nhất là ở vùng cao nguyên nhân chủ yếu là do vùng cao sản xuất chưa ổn định, đi lại khó khăn, đồng bào các dân tộc chưa thấy rõ lợi ích của việc học tập do đó chưa thành phong trào quần chúng, mặt khác việc đào tạo đội ngũ giáo viên là người dân tộc ở vùng cao còn ít, các thầy cô giáo miền xuôi lên vùng cao tuy có nhiệt tình nhưng chưa hiểu sâu tâm lý tư tưởng người dân tộc. Tóm lại, việc giáo dục ở vùng cao nói chung còn yếu một số nơi chưa chấp hành đúng quy chế, việc nghỉ hè vào mùa đông chưa được quần chúng đồng tình nhiều nơi đề nghị nên nghiên cứu lại.

6. Về văn hóa, tôn giáo và phong trào tập quán

Hầu hết các dân tộc ít người có tín ngưỡng chủ yếu là đa thần giáo. Trước đây hằng năm thường tổ chức nghi lễ ma chay, cưới xin rất tốn kém. Từ khi có cách mạng đến nay các tệ tục lạc hậu đã giảm đi nhiều, tuy nhiên mức độ vẫn còn tồn tại như sau:

- Khi trong nhà có người ốm đau thì một mặt đi xin thuốc, một mặt vẫn mời thầy mo để cúng bái, cũng có đảng viên, cán bộ tin vào thuốc, (...) thời gian gần đây, điều kiện thuốc có ít, khó khăn nên tình hình cúng bái có chiều hướng tăng lên nhất là những nơi xa xôi hẻo lánh xa bệnh viện.

Các hoạt động của trạm xá tuy có nhưng còn yếu việc phổ cập dùng thuốc nam của địa phương dân tộc chưa được mạnh.

- Ngoài tín ngưỡng đa thần giáo cũng có một bộ phận theo đạo Thiên Chúa giáo như một số người Mông ở Sa Pa, tuy các nhà thờ đã bị hỏng nhưng ở đó vẫn đọc kinh và truyền đạo, lý do tuyên truyền đạo của một số cha cố lúc đó là theo Thiên Chúa giáo thì chỉ thờ có một chúa, còn theo đa thần giáo phải cúng nhiều loại ma tốn kém...

Các phong tục tập quán cũ lạc hậu trong ma chay, cưới xin đã được dần dần cải tiến, nếp sống mới phong tục mới đã từng bước được hình thành và phát triển; hoạt động văn hóa văn nghệ như văn công, chiếu bóng, thông tin, lưu động, báo chí, Đài Phát thanh, phát hành

sách đã đưa nhiều đợt ảnh Bác và các đồng chí lãnh tụ của Đảng và Nhà nước cũng như các loại văn hóa phẩm cách mạng đã góp phần quan trọng nâng cao trình độ giác ngộ ý thức quốc gia, quốc giới cho đồng bào các dân tộc.

Tuy nhiên mặt khuyết điểm tồn tại là chưa thật tin vào thuốc, cúng bái nhằm nhĩ tổn kém còn nhiều, nạn tảo hôn còn phổ biến, cải tạo phong tục tập quán lạc hậu làm chưa mạnh, các hoạt động văn hóa văn nghệ thường chỉ có ở những nơi trung tâm gần đường giao thông; ở vùng cao xa xôi hẻo lánh do điều kiện khó khăn chưa được quan tâm đúng mức.

7. Về quan hệ dân tộc

Âm mưu của kẻ địch: Trong thời kỳ chống Pháp và tiêu phỉ nhiều nơi trong tỉnh ta là vùng địch tạm chiếm nơi căn cứ tạm thời của bọn phỉ hoạt động, chúng đã dựng lên cái gọi xứ Nùng, Thái “Tự trị” nhằm chia rẽ các dân tộc để dễ bề cai trị, gây hằn thù xích mích các dân tộc ít người với nhau đặc biệt là các dân tộc địa phương với người Kinh; tệ xưng vua trong người Mông, người Dao cũng xuất hiện lẻ tẻ ở phía bắc tỉnh ta như Sa Pa, Bát Xát; tư tưởng đại khái có âm mưu lật đổ chính quyền Văn Chấn như bọn phản động trong người Thái. Trải qua nhiều năm giáo dục và cải tạo những biểu hiện tư tưởng trên đây đã căn bản chấm dứt, chính sách dân tộc của Đảng đã bồi dưỡng giáo dục các dân tộc đoàn kết, tôn trọng và cùng nhau xây dựng cuộc sống mới ấm no và hạnh phúc. Một bộ phận trong một số dân tộc nhất là vùng cao biên giới (Giáy, Mông, Nùng) đã bỏ chạy sang Trung Quốc. Được giáo dục về ý thức quốc gia, độc lập ý thức làm chủ tập thể, nhờ công tác an ninh được tăng cường nên nhìn chung tình hình an ninh, chính trị ở địa phương căn bản tốt. Tuy nhiên ở nơi này, nơi khác nhất là từ vùng cao biên giới vẫn xuất hiện những luận điệu chiến tranh tâm lý lợi dụng khó khăn tạm thời của ta, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ mà chúng ta đã kịp thời phát hiện và giải quyết.

Âm mưu chủ yếu của bọn phản động (...) hiện nay vẫn là tìm mọi thủ đoạn gây chia rẽ giữa các dân tộc với Đảng, Chính phủ và quân đội, giữa các dân tộc với người Kinh.

Quan hệ các dân tộc: Nhìn chung các dân tộc ít người ở địa phương luôn đoàn kết với nhau, không những trên các mặt sinh hoạt và cư trú mà trên thực tế đã đoàn kết với nhau trong mặt trận sản xuất và củng cố quan hệ sản xuất, trong học tập, công tác, trong chiến đấu chống Pháp, tiểu phi (...).

Mối quan hệ xã hội chủ nghĩa biểu hiện rất sinh động trong đoàn kết các dân tộc, nhiều hợp tác xã có từ 2 đến 3 dân tộc đã cùng nhau đoàn kết sản xuất tập thể và xây dựng thành hợp tác xã tiên tiến, hợp tác xã khá trong người Mông có 10 người hợp tác xã, Dao có 26 hợp tác xã cùng sống chung từ 2 đến 3 dân tộc, nhiều hợp tác xã đã trở thành hợp tác xã khá tiên tiến như Nạn Ải, Tả Phìn, Sâu Chua, Viễn Sơn là những hình ảnh tiêu biểu cho tình đoàn kết dân tộc ở tỉnh ta.

Mối quan hệ dân tộc giữa địa phương và người Kinh được Đảng và Chính phủ đưa lên xây dựng kinh tế phát triển văn hóa ở miền núi sống xen kẽ với các dân tộc địa phương nói chung là tốt, không có vấn đề gì lớn (người Kinh) cư trú chủ yếu ở vùng thấp, tuy nhiên trong sinh hoạt có lúc, có việc cũng xảy ra xích mích nhưng đã được kịp thời giải quyết.

Về quan hệ giữa các dân tộc ít người với các cơ quan, nông lâm trường quốc doanh cũng có mặt tốt và tồn tại. Mặt tốt, chủ yếu là làm cho các dân tộc đó nhận thức và tiếp thu được những cái mới về kỹ thuật sản xuất, về cách sống văn minh, thể dục thể thao, học tập. Song mặt chưa tốt là đã xảy ra những vụ xích mích về ruộng đất như: Lùng Phìn, Nạn Khánh (Bắc Hà) những mắc mứu xích mích ở những nơi đó không những đã gây ra mối quan hệ không tốt giữa cơ quan đó với địa phương. Những vấn đề trên đây các cấp, các ngành giải quyết và xử lý còn chậm hoặc có xử lý nhưng chưa rõ ràng và dứt khoát.

Về mối quan hệ quân dân: Để thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng trong quân đội nhất là khắc phục những thiếu sót, tồn tại giữa quân đội về các dân tộc địa phương (...); Tỉnh ủy đã ra Thông tri 38 và thực hiện Thông tri 92 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tăng cường đoàn kết quân dân. Từ tỉnh đến các huyện, thị và cơ sở đã tổ chức hội nghị quân dân đoàn kết để giải quyết những mắc mứu đó. Mặt khác trong quân đội đã tiến hành học tập phổ biến chính sách dân tộc. Nên nhìn chung đến nay không còn vấn đề gì lớn xảy ra, tình đoàn kết quân dân được tăng cường và phát triển tốt hơn lên.

Tuy nhiên, hiện nay lẻ tẻ nơi này hoặc nơi khác vẫn còn xảy ra những va chạm nhỏ, chủ yếu là do một vài chiến sĩ trẻ thiếu đứng đắn trong quan hệ nam nữ hoặc va chạm đến quyền lợi của nhân dân.

Đi sâu vào tâm tư tình cảm trong dân tộc ít người, nhất là nơi đã xảy ra chiến sự còn có băn khoăn lo nghĩ, bộ đội không tin đồng bào dân tộc, lo lắng khi chiến sự xảy ra.

Đối với chính sách của Đảng và Nhà nước: Nhìn chung các dân tộc trong tỉnh có nhiều cố gắng trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ. Trong nhân dân không có vướng mắc đối với chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ. Tuy nhiên có lúc, có việc còn thắc mắc, không đồng tình đối với một vài cán bộ thực hiện không đúng, thiếu công bằng hoặc tham ô, móc ngoặc làm thiệt hại đến quyền lợi của nhân dân.

Hiện nay các dân tộc có những thắc mắc tương đối phổ biến: Việc cung cấp hàng hóa, phục vụ sinh hoạt và đời sống còn khan hiếm; giá cả đắt đỏ, ngay cả nông cụ cầm tay để sản xuất vải, dầu, chăn, chiếu, áo ấm so với yêu cầu còn rất thiếu; thuốc men chữa bệnh các trạm xá hoạt động chưa tốt, tàu xe đi lại khó khăn.

8. Tình hình tổ chức cơ sở đảng, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ các dân tộc ít người

Trong tỉnh có 320 đơn vị cơ sở ở nông thôn, trong đó có 543 hợp tác

xã, số hợp tác xã đã có đảng bộ, chỉ bộ là 317, còn lại 201 có tổ đảng, 25 hợp tác xã chưa có đảng viên.

Tổng số đảng viên (đến 30-11-1979) có 25.142 chiếm tỷ lệ 3,38% (riêng công tác phát triển đảng viên so với toàn tỉnh thì ở các vùng dân tộc ít người phát triển chậm hơn nhất là vùng cao, biên giới, số đảng viên nông thôn có 13.871 chiếm tỷ lệ 1,15%).

Trong tổng số đảng viên ở nông thôn trên đây bao gồm cả số đảng viên là người Kinh lên xây dựng kinh tế phát triển văn hóa và một số cán bộ từ tỉnh, huyện tăng cường cho cơ sở, nếu tính riêng số đảng viên là người dân tộc ít người thì có 8.200 đồng chí với tỷ lệ 2,07% so với tổng số dân ít người trong toàn tỉnh. So với đảng viên toàn tỉnh thì đảng viên là người dân tộc ít người chiếm tỷ lệ 32,6%. Đi sâu vào tình hình phát triển Đảng ta thấy tình hình cụ thể như sau:

- Số đảng viên Tày phát triển khá hơn chiếm tỷ lệ 1,3% so với tổng dân (1.300), các dân tộc Thái, Mường có tỷ lệ thấp hơn so với dân tộc Tày nhưng nhìn chung ở vùng thấp phát triển tốt hơn so với vùng cao. Ví dụ: người Mông hiện nay có 1.300 đảng viên so với tổng số dân là 110.798 nhân khẩu, tỷ lệ khoảng 1,1%, các dân tộc khác như Hà Nhì, Tu Dí, Pa Dí, cũng có tỷ lệ tương tự như người Dao và người Mông.

Qua số liệu phân tích, tình hình phát triển đảng viên ở nông thôn nhìn chung có nhiều cố gắng, tích cực nhưng chưa đồng đều nhất là các dân tộc Mông, Dao tỷ lệ đảng viên còn thấp, về tổ chức cơ sở đảng cũng phản ánh tinh thần trên, số hợp tác xã chưa có đảng viên, chưa có chi bộ cũng tồn tại chủ yếu ở vùng cao biên giới. Nhất là sau cuộc chiến tranh tháng 2-1979, tình hình đảng viên ở vùng cao vốn đã mỏng và yếu nay càng mỏng hơn. Từ đó đến nay, các cấp ủy Đảng đã có nhiều cố gắng và biện pháp tích cực; thực hiện Chỉ thị 72 của Trung ương Đảng các cấp ủy Đảng đã thường xuyên chăm lo phát triển Đảng, năm 1979 đã có thêm 367 đảng viên mới là người dân tộc ít người; việc nâng cao chất lượng đảng viên củng cố tổ chức cơ sở đảng được quan tâm đặc biệt.

Tình hình đào tạo cán bộ: Đến năm 1979 số cán bộ, công nhân người dân tộc có 6.320 người chiếm tỷ lệ 36% so với biên chế toàn tỉnh. Nhiều đồng chí đã giữ các vị trí chủ chốt ở các cơ quan của Đảng, Nhà nước, từ tỉnh đến các huyện, thị ở các ban, các ngành, các đoàn thể quần chúng, các cơ sở kinh tế, khoa học và kỹ thuật, thể hiện rõ sự quan tâm của Tỉnh ủy, Ủy ban và các cấp, các ngành đối với việc đào tạo cán bộ dân tộc ít người.

Đội ngũ cán bộ, công nhân được đào tạo từ năm 1975 đến nay đã có 117 đại học, 884 trung học, công nhân kỹ thuật có 484 người. Số cán bộ đại học và công nhân trên đây không những được cử đi học đào tạo các trường lớp của Trung ương mà còn được đào tạo ngay tại địa phương theo hệ tại chức.

Đội ngũ cán bộ chính trị cũng tăng cường, đến nay đã có 3 đồng chí là chủ tịch và phó chủ tịch, 27 đồng chí là trưởng phó ty, trưởng phó ngành (tương đương ty), 43 đồng chí là Trưởng phó ban của Đảng và Nhà nước, trưởng phó các đoàn thể quần chúng. Số anh chị em người dân tộc giữ vị trí cán bộ tham mưu ở bậc cán sự cũng được tăng thêm rõ rệt, cán sự 1 đến cán sự 2 có 228 đồng chí, cán sự 3 đến cán sự 6 có 87 đồng chí; cũng như cấp tỉnh, ở cấp huyện cũng đã quan tâm đào tạo và bồi dưỡng cán bộ người dân tộc ở mọi ngành và mọi lĩnh vực hoạt động, nhất là các vị trí chủ chốt ở Huyện ủy, Ủy ban và các ngành kinh tế.

Tuy nhiên, bên cạnh mặt tốt là căn bản, trong việc đào tạo vẫn còn chênh lệch, phát triển không đều nhất là trong lĩnh vực kinh tế kỹ thuật. Theo số liệu điều tra ở 12 huyện, thị cho thấy trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, đến nay có 83 người trong đó có 7 đại học và 36 trung học; trong lâm nghiệp đến nay có 30 đồng chí, trong đó đại học có một, trung học 12, sơ cấp 17. Trong công nghiệp có 18 đồng chí trong đó chủ yếu là sơ cấp. Các ngành như y tế, giáo dục có số lượng đông đảo hơn, y tế có 267 đồng chí trong đó có 13 bác sĩ, 119 y sĩ và 148 y tá, ngành giáo dục có 769 người; các ngành khác có 113 chủ yếu là trung sơ cấp.

Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xã nhất là 5 chức danh chủ chốt bí thư, chủ tịch, xã đội trưởng, trưởng công an, chủ nhiệm

Nhìn chung, trong công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ dân tộc tỉnh Hoàng Liên Sơn đã có chủ trương đúng đắn và nhiều biện pháp tích cực, củng cố và phát triển hệ thống các trường, có kế hoạch và tích cực sắp xếp tạo điều kiện cho cán bộ đi học, mở lớp ngay tại tỉnh, các huyện, thị, khu vực tổ chức tốt việc chiêu sinh từ cơ sở lên, tổ chức tốt việc học tập tại chức.

Tuy nhiên trong công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ người dân tộc cũng còn những tồn tại:

- Trình độ văn hóa, chính trị, nghiệp vụ nhìn chung còn thấp một số cán bộ người dân tộc chưa thật sự yên tâm công tác trong các trường đào tạo cán bộ, không chiêu sinh đủ số lượng và hiện tượng giảm sút.

- Đội ngũ cán bộ ở xã nói chung còn yếu nhất là số cán bộ trực tiếp phụ trách các thôn xóm, bản cũng vẫn còn yếu kém và thiếu nhiều so với yêu cầu ở tuyến I và các xã giáp biên giới, do đó ở một số nơi cán bộ chủ chốt còn phải kiêm nhiệm nhiều việc nên hiệu quả công tác chưa cao.

Tình hình an ninh và quốc phòng:

Từ trước đến nay công tác an ninh- quốc phòng trong các dân tộc được thường xuyên chú ý đặc biệt là từ sau chiến sự đến nay càng được tăng cường hơn trước.

Tình hình phát triển dân quân tự vệ từ năm 1976 đến năm 1979 tăng thêm 6% (15%) so với tổng dân số. Việc trang bị vũ khí đã được củng cố tổ chức mới đây nên nhìn chung là tốt. Số người trong các dân tộc tham gia bộ đội theo yêu cầu tuyển quân đều đạt và vượt.

Đi đôi với công tác quốc phòng, lực lượng an ninh ở cơ sở xã cũng được chú ý. Các xã đều có Ban công an xã, bao gồm 2.656 người có nhiệm vụ làm tham mưu cho cấp ủy và chính quyền xã về công tác an ninh chính trị.

Nhìn chung việc xây dựng lực lượng quân sự địa phương và an

ninh nhân dân trong những năm qua có nhiều kết quả. Chúng tôi các dân tộc ít người đều có khả năng tham gia mọi công tác và các cấp, các ngành an ninh, quân sự đã phát huy được khả năng cách mạng của các dân tộc vào công tác đó. Nhiều nơi đã phát hiện kịp thời chống lại địch bảo vệ trị an có kết quả, có nơi biết tự động công tác trong công tác đánh địch, bảo vệ cơ sở, bảo vệ kinh tế, tài sản của Nhà nước và tập thể.

Lực lượng công an thoát ly hiện nay trưởng thành hơn trước, đã đúc kết được kinh nghiệm qua cuộc chiến tranh chống lại bọn phản động (...), lực lượng dân quân tự vệ cũng đã trải qua thử thách, nhiều cơ sở dân quân du kích đã tham gia chiến đấu dân tộc nào cũng có cơ sở, có người dũng cảm chiến đấu tiêu diệt địch góp phần vào thắng lợi chung của cả nước.

Tuy nhiên còn một số tồn tại:

- Công tác giáo dục nâng cao trình độ giác ngộ, ý thức làm chủ để chủ động phát hiện và trấn áp kẻ địch có một số nơi còn yếu; ý thức cảnh giác chưa cao, đối phó với tình hình chưa sắc và chưa kịp thời, nhất là các vùng cao, xung yếu xa xôi hẻo lánh.

- Mức độ tham gia quân sự trong một số dân tộc ít người còn yếu, chiến sĩ là người dân tộc ít người còn bỏ ngũ, trong dân quân du kích ý thức huấn luyện, bảo vệ vũ khí đạn dược còn kém, tinh thần chiến đấu chưa cao.

KẾT LUẬN

Nhận xét đánh giá chung:

Từ năm 1976 đến nay trong quá trình phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ, Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn đã phát huy những thuận lợi cơ bản, động viên các cấp, các ngành và quân dân các dân tộc vượt nhiều khó khăn trở ngại do địch họa và thiên tai liên tiếp xảy ra. Nhất là năm 1979 (...) chiến tranh biên giới phía Bắc nước ta, trong đó có toàn

tuyến biên giới của tỉnh, đã phá hủy toàn bộ cơ sở kinh tế văn hóa ở các huyện, thị phía bắc gây nên hàng loạt khó khăn trong phát triển kinh tế, thực hiện kế hoạch nhà nước và đời sống nhân dân, nhất là nhân dân các dân tộc thuộc vùng cao và còn nhiều khó khăn hơn. Song, được Trung ương Đảng lãnh đạo sáng suốt và chặt chẽ, nhờ tinh thần phấn đấu của các cấp, các ngành, quân dân các dân tộc được Trung ương hết lòng hỗ trợ, các tỉnh bạn giúp đỡ nên nhìn chung các mặt công tác trong tỉnh đều tiếp tục giành được thắng lợi mới, mặc dù còn nhiều nhược điểm và khuyết điểm.

NHỮNG ƯU KHUYẾT ĐIỂM CHÍNH

- Về ưu điểm:

1- Đã quán triệt và thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết IV của Đại hội Đảng toàn quốc và chính sách dân tộc của Đảng, thường xuyên tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ và các cấp, các ngành tích cực phát triển kinh tế lấy sản xuất nông, lâm nghiệp làm nhiệm vụ hàng đầu, trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm nên trong những năm qua sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa của tỉnh đều tiếp tục có tiến bộ. Ngay năm 1979 - năm có khó khăn đặc biệt những các mặt trong công tác kinh tế - văn hóa cơ bản được giữ vững có mặt phát triển. Riêng sản xuất lương thực đã từ 177.676 tấn năm 1976 lên 185.290 tấn năm 1979, nhờ vậy sự nghiệp văn hóa, xã hội tiếp tục phát triển, đời sống nhân dân được bảo đảm với cố gắng cao nhất.

2- Tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội củng cố quốc phòng phát triển tốt đã bảo đảm cho cuộc chiến đấu (...) năm 1979 đạt thắng lợi to lớn và toàn diện. Trong cuộc đọ sức quyết liệt, tình đoàn kết dân tộc, đoàn kết quân dân được củng cố và tăng cường thêm một bước, các dân tộc ít người trong tỉnh đều đã thực hiện tốt quyền bình đẳng dân tộc bảo vệ địa phương làm thất bại thủ đoạn chia rẽ dân tộc gây bạo loạn của bọn phản động (...), góp phần với cả nước giành

được thắng lợi oanh liệt cho Tổ quốc. Hiện nay, trên cơ sở tổng kết rút kinh nghiệm, nhiều mặt công tác đã và đang được khẩn trương tiến hành, thế trận chiến tranh nhân dân được xây dựng và củng cố rộng khắp, lực lượng an ninh và lực lượng vũ trang lớn mạnh hơn trước. Đồng bào các dân tộc trong tỉnh đã rút ra những bài học kinh nghiệm của dân tộc mình, khẩn trương làm nhiều việc tốt để bảo vệ biên giới và nội địa, sẵn sàng chiến đấu, tăng cường đoàn kết dân tộc, đoàn kết quân dân.

3- Cùng với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế - văn hóa, an ninh và an ninh quốc phòng, công tác xây dựng Đảng, đào tạo cán bộ dân tộc, kiện toàn tổ chức ở các vùng dân tộc đạt kết quả tốt.

- Nói chung cán bộ, đảng viên người dân tộc đã được nâng cao thêm một bước về quan điểm, lập trường và chính sách dân tộc của Đảng, các dân tộc đều có vị trí, vai trò trên tất cả các lĩnh vực công tác từ tỉnh đến các cơ sở, nhiều cán bộ, đảng viên người dân tộc đã có thành tích xuất sắc trong sản xuất, trong công tác, học tập và trong chiến đấu chống (...) xâm lược.

- Tổ chức bộ máy từ cơ sở đến tỉnh được tăng cường; nhiều tổ chức cơ sở đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng, từ yếu kém đã trở thành cơ sở khá, trong sạch, vững mạnh, công tác phát triển Đảng trong các dân tộc được thường xuyên chú ý. Ngay trong năm 1979 đã có thêm 367 đảng viên người dân tộc đứng trong hàng ngũ của Đảng.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nói chung và nói riêng đối với các dân tộc ít người có nhiều cố gắng, từng bước thực hiện theo quy hoạch.

4- Việc thực hiện các nhiệm vụ, công tác được gắn liền với thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, được các cấp, các ngành coi trọng và thực hiện sát hợp với đặc điểm của từng vùng, từng dân tộc nên đã tăng cường củng cố khối đoàn kết dân tộc, đặc biệt là tình đoàn kết xuôi, ngược, đoàn kết quân dân, quyền bình đẳng và quyền làm chủ tập thể của quần chúng các dân tộc được từng bước nâng lên rõ rệt.

Kiểm điểm lại những năm qua mọi chủ trương, chính sách của

Tỉnh ủy, Ủy ban cũng như các cấp, các ngành đều quán triệt chính sách dân tộc của Đảng phù hợp với điều kiện cụ thể của từng vùng, từng dân tộc nên đã có kết quả tốt. Nhất là đối với vùng cao được thường xuyên quan tâm lãnh đạo.

- Vấn đề đoàn kết dân tộc, đặc biệt là đoàn kết xuôi, ngược, đoàn kết quân dân được hết sức coi trọng. Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn đã chủ động ra Thông tri 38 tổ chức thành từng đoàn cán bộ đi xuống cơ sở để vận động thực hiện đoàn kết dân tộc, đoàn kết quân dân, đã thu được kết quả tốt đẹp. Tiếp đó đã mở một đợt giáo dục chính sách dân tộc của Đảng trong toàn Đảng toàn quân toàn dân, thực hiện Thông tri 92 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; hội nghị quân dân một ý chí; hội nghị cán bộ cốt cán các dân tộc của tỉnh được liên tục tổ chức từ tỉnh đến cơ sở. Với những cố gắng liên tục trên, nhìn chung lòng tin tưởng của các dân tộc với Đảng, quân đội được tăng cường và củng cố vững chắc hơn bao giờ hết.

Những vấn đề trên đây là những ưu điểm chính trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng.

Tuy nhiên về công tác dân tộc có những nhược điểm, khuyết điểm tồn tại như sau:

1- Việc giáo dục động viên và tổ chức quần chúng các dân tộc thực hiện nhiệm vụ hàng đầu là phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp, trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm chưa mạnh, chưa thành phong trào quần chúng. Do đó, nhìn chung sản xuất có tăng nhưng còn chậm chưa đáp ứng được yêu cầu trong đời sống vật chất, ăn, ở, mặc đã được nâng lên nhiều nhưng còn chênh lệch giữa vùng cao và vùng thấp, giữa các dân tộc với nhau. Tình hình thiếu đói trong vụ giáp hạt còn xảy ra ở một số nơi nhất là các dân tộc ở vùng cao. Một số ngành nghề thủ công có tính chất truyền thống của các dân tộc không được chú ý phát triển mà có mặt còn mai một đi như nghề dệt của người Thái... làm nông cụ của người Mông, Dao, trong củng cố hợp tác xã còn nhiều hợp tác xã yếu kém và trung bình ở vùng cao. Việc nhân điển hình tiên tiến thành phổ biến còn chậm.

Các sự nghiệp văn hóa - xã hội phát triển chưa đều giữa các vùng chất lượng còn thấp, nạn mù chữ còn nhiều nhất là vùng dân tộc Mông, Dao ở vùng cao. Một số bệnh tật chưa được giải quyết dứt điểm, tệ mê tín dị đoan và các tập tục lạc hậu, cờ bạc lãng phí có chiều hướng trở lại ở một số nơi.

2- Công tác bảo vệ an ninh: Quân sự địa phương còn một số mặt yếu, còn lơ lửng cảnh giác với chiến tranh gián điệp và tâm lý của kẻ địch. (...). Việc đấu tranh trấn áp với những phần tử xấu, phản tuyên truyền xuyên tạc nói xấu chế độ, chính sách của ta chưa mạnh, chưa thành phong trào quần chúng.

3- Công tác xây dựng củng cố Đảng: Tổ chức đào tạo cán bộ tuy có cố gắng nhưng chưa theo kịp yêu cầu nhiệm vụ chính trị.

- Còn nhiều hợp tác xã chưa có tổ chức cơ sở đảng, còn tới 15 hợp tác xã chưa có đảng viên, lực lượng đảng viên ở nông thôn nhìn chung còn mỏng và yếu nhất là ở vùng cao biên giới. Đội ngũ cán bộ xã còn yếu, chưa bảo đảm được nhiệm vụ, trong đó số cán bộ trực tiếp phụ trách các thôn, bản càng rất yếu (...).

- Việc đào tạo đội ngũ cán bộ còn nhiều chênh lệch, giữa các dân tộc vùng cao và vùng thấp, chưa cân đối giữa các ngành, việc bố trí cán bộ kinh tế nông, lâm nghiệp ở địa bàn huyện ở cơ sở còn, tuy đã tăng lên nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu.

4- Việc củng cố đoàn kết giữa các dân tộc, đoàn kết quân dân, đoàn kết ngược, xuôi nhìn chung là tốt. Song cần phải tiếp tục tăng cường hơn nữa.

- Việc va chạm các đồng bào các dân tộc với các nông, lâm trường quốc doanh còn tồn tại, chưa giải quyết dứt điểm, chậm.

Tóm lại, trong 5 năm phấn đấu thực hiện Nghị quyết IV của Đại hội Đảng toàn quốc, nhìn chung các dân tộc trong tỉnh đều có tiến bộ về mọi mặt, thành tích là căn bản nhưng đi sâu vào kiểm điểm cũng còn tồn tại một số nhược điểm và khuyết điểm cần phải khắc phục mạnh mẽ hơn nữa mới đáp ứng được yêu cầu của giai đoạn cách mạng hiện nay.

Về nguyên nhân thắng lợi:

- Những kết quả thắng lợi đã đạt được trước hết là nhờ có Nghị quyết IV của Đại hội Đảng toàn quốc của Đảng soi đường, chỉ lối, nhờ có chính sách dân tộc đúng đắn của Đảng ta.

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy và các cấp, các ngành có nhiều cố gắng, có nhiều chủ trương và biện pháp tích cực, thích hợp với từng vùng, từng dân tộc trong tỉnh. Tỉnh ủy đã lãnh đạo sâu sắc, sắc bén nhất là đối với vùng cao biên giới, chủ động và kịp thời đối phó khi tình hình chiến sự xảy ra.

- Đồng bào các dân tộc đã phát huy tốt truyền thống, đoàn kết đấu tranh, tinh thần cách mạng tiến công, vượt qua nhiều khó khăn do thiên tai, dịch họa gây ra rất ác liệt, vươn lên thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Chính phủ.

Nguyên nhân tồn tại: Những tồn tại và khuyết điểm trên đây có nguyên nhân khách quan, nhưng chủ yếu là:

- Nhận thức về tình hình và nhiệm vụ mới, về chính sách dân tộc của Đảng chưa toàn diện, chưa sâu sắc, việc nắm chắc đặc điểm của từng vùng, từng dân tộc tuy đã chú ý nhưng chưa sâu, chưa chắc nên có thời gian có việc chưa vận dụng thích hợp với điều kiện của các nơi đó.

- Việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ dân tộc ít người chưa toàn diện, chưa cân đối giữa các dân tộc, giữa các ngành với nhau. Việc tăng cường đào tạo và bồi dưỡng cán bộ kinh tế nông, lâm nghiệp, công nghiệp là người dân tộc ở địa bàn cấp huyện và ở cơ sở còn chậm và mỏng. Việc củng cố các tổ chức cơ sở ở vùng cao biên giới còn thiếu biện pháp cụ thể, thiếu tập trung dứt điểm.

Qua nhiều năm thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, chúng ta có thể rút ra một số vấn đề trong công tác dân tộc như sau:

1- Là một tỉnh có nhiều thành phần dân tộc, bao gồm dân tộc có nhiều người và dân tộc có ít người, do đó phải thường xuyên quán triệt cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân và nhân dân các dân tộc thực hiện đúng vấn đề đoàn kết gắn với thực hiện quyền bình đẳng

vì thống nhất vì quyền bình đẳng của các dân tộc càng được tôn trọng và phát huy thì sự đoàn kết nhất trí càng được tăng cường vững chắc. Mặt khác, quyền bình đẳng phải được phát huy trên cơ sở đoàn kết dân tộc và thống nhất thì sự bình đẳng đó mới đúng với nội dung cách mạng và hợp lý. Đó là mối quan hệ mật thiết giữa vấn đề bình đẳng với đoàn kết thống nhất. Đó cũng là những quan điểm cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng ta.

Thành tích đáng chú ý của tỉnh ta trong những năm qua là: Chúng ta đã biết gắn chặt giữa việc tôn trọng quyền bình đẳng với việc giáo dục phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng các dân tộc bằng tổ chức nhà nước và các đoàn thể quần chúng. Thông qua đó đã động viên giáo dục tổ chức đồng bào các dân tộc hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, an ninh và quốc phòng ở tỉnh ta. Những nét nổi bật của các hợp tác xã tiên tiến và hợp tác xã khá đã chứng minh rất rõ về thành tích thực hiện những quan điểm cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng ta.

2- Phải thật sự tin tưởng vào khả năng cách mạng, phát huy khả năng cách mạng của quần chúng các dân tộc trong tỉnh:

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, giải quyết vấn đề dân tộc ở tỉnh ta phải xuất phát từ quan điểm giai cấp của Đảng; nhất là trong tình hình hiện nay (...) đang có âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt, lợi dụng những vấn đề dân tộc, vì vậy các cấp, các ngành cần tin tưởng vào quần chúng trước hết là cán bộ cốt cán người dân tộc phải động viên dân tộc mình khắc phục tư tưởng dân tộc lớn, tự ti bảo thủ, bản vị dân tộc... đem hết khả năng thực hiện tốt mọi nhiệm vụ của địa phương. Trong những năm qua, chính vì chúng ta tin tưởng và phát huy được khả năng của các dân tộc mà Hoàng Liên Sơn của chúng ta đã giải quyết được một số công tác có kết quả lớn như việc giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm, phong trào làm nương bậc thang, thủy lợi, việc phát huy ba thế mạnh của miền núi có kết quả; vùng chè ngày càng mở rộng, vùng quế, cây dược liệu, cây đặc sản được phát triển, công tác củng cố xây dựng lực lượng an ninh quốc

phòng có nhiều thành tích. Trong những năm qua, các dân tộc đã thực hiện tốt những nhiệm vụ đó có kết quả là những việc làm thiết thực tạo cơ sở để tiến lên thực hiện quyền bình đẳng với các dân tộc anh em.

3- Trong lãnh đạo, chỉ đạo một tỉnh có nhiều thành phần dân tộc, các cấp, các ngành nhất thiết phải nghiên cứu nắm vững đặc điểm, tình hình của từng vùng và từng dân tộc:

Qua nhiều năm thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, đã thấy rõ chỉ có hiểu sâu được các dân tộc mới tiến hành vận động cách mạng được tốt. Đó là một việc rất cần thiết đối với việc chỉ đạo công tác ở miền núi, nhất là các cán bộ, đảng viên trẻ mới được Đảng điều động từ miền xuôi lên công tác miền núi.

Hoàng Liên Sơn có nhiều dân tộc không thể nghiên cứu tất cả các dân tộc trong một thời gian. Vì vậy các huyện, thị ủy ở địa phương cần nghiên cứu trước một số dân tộc có số đông ở nơi đó. Công tác với dân tộc nào cần nghiên cứu về tìm hiểu sâu vào dân tộc đó. Làm như vậy mới tạo điều kiện để đi sâu vào tâm lý tình cảm của đồng bào các dân tộc, đẩy mạnh công tác đáp ứng với yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Đối với các ngành tổng hợp, trên tỉnh cũng cần đi sâu nghiên cứu các dân tộc để giúp Tỉnh ủy đề ra chủ trương, chính sách cho phù hợp. Nói chung cần nghiên cứu tìm hiểu tất cả các dân tộc nhưng trước mắt cần tìm hiểu một số dân tộc như Mông, Dao, Giáy, Nùng. Hiện nay một số ngành còn chưa hiểu sâu về đặc điểm dân tộc nên chưa vận dụng tốt chức năng nhiệm vụ của ngành, trách nhiệm đối với từng vùng dân tộc cũng còn chưa rõ ràng nên trong thực tế đã ảnh hưởng đến việc hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao cho.

- Đối với các ngành an ninh, quân sự cũng cần nghiên cứu sâu các dân tộc để tận dụng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị địa phương, xây dựng lực lượng dân quân du kích, tổ chức chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Nhất là đối với các vùng xung yếu xa xôi, hẻo lánh biên giới.

Những năm qua, ở vùng cao đã được Tỉnh ủy, Ủy ban, các cấp, các ngành rất quan tâm, trong tình hình hiện nay cần phải quan tâm nhiều hơn nữa, cần tìm hiểu sâu các dân tộc, tăng cường chỉ đạo và tăng cường cán bộ cho vùng cao biên giới.

4- Tích cực giáo dục tranh thủ những người đầu dòng họ trong các dân tộc:

Những người đầu dòng họ trong các dân tộc đến nay vẫn còn ảnh hưởng trong quần chúng các dân tộc. Tuy phạm vi ảnh hưởng của họ có khác nhau, có khi chỉ trong một họ ở một thôn, xóm nhưng khi làm việc, các đảng viên, cán bộ là con cháu vẫn thường đến lấy ý kiến của họ, vì số đông những người đầu dòng họ đó đều là những người lao động, đời sống kinh tế khá hơn, ít nhiều có kinh nghiệm sản xuất và có uy tín nhất định trong quần chúng.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ, đi đôi với việc tích cực đào tạo cán bộ, cốt cán các dân tộc là chủ yếu để lãnh đạo quần chúng, ta vẫn tranh thủ giáo dục họ, đến nay trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là trong tình hình mới hiện nay việc tranh thủ những người đầu dòng họ, giáo dục và đấu tranh với họ để họ góp phần vào việc thực hiện chính sách của Đảng và Chính phủ vẫn là cần thiết.

III. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ CÔNG TÁC DÂN TỘC TỪ NAY ĐẾN 1982

Từ nay đến năm 1982, nhiệm vụ của nhân dân các dân tộc tỉnh ta là phải tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội IV toàn quốc của Đảng, trực tiếp là Nghị quyết Đại hội Đảng bộ toàn tỉnh lần thứ II, đã chỉ rõ như sau:

“Phát huy tinh thần đoàn kết chiến đấu, tinh thần cách mạng, tiến công, tự lực tự cường, khai thác và sử dụng tốt tài nguyên lao động, đất và rừng, nguyên vật liệu và các điều kiện sẵn có ở địa phương, động viên mọi lực lượng ra sức đẩy mạnh sản xuất mới xã

hội chủ nghĩa, với lưu thông phân phối, xây dựng kinh tế gắn chặt với củng cố quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, giữ vững an ninh chính trị địa phương, bảo đảm tốt chính quyền và các tổ chức quần chúng trong sạch, vững mạnh”.

Đối với công tác dân tộc nghị quyết của Đảng bộ đã ghi rõ “Công tác dân tộc cần phải tiếp tục tiến hành nghiên cứu nắm vững tình hình dân tộc và nghiên cứu vận dụng những chủ trương, chính sách của Trung ương cho sát hợp nhằm phát triển sản xuất củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Bảo vệ an ninh trật tự, nâng cao trình độ văn hóa - xã hội và cải thiện đời sống cho đồng bào, phải giáo dục nâng cao tinh thần đoàn kết dân tộc, xây dựng ý thức dân tộc trên cơ sở ý thức giai cấp, nghĩa vụ xây dựng, bảo vệ đại gia đình dân tộc, chống tư tưởng dân tộc hẹp hòi, bản vị dân tộc”.

Xuất phát từ những phương hướng và nhiệm vụ do Đại hội đề ra, công tác dân tộc có nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Về công tác giáo dục chính trị tư tưởng

Tiếp tục giáo dục cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân về Nghị quyết II của Đại hội tỉnh Đảng bộ, kết hợp với giáo dục sâu hơn nữa những điểm cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng ta. Nhận thức sâu hơn nữa về tình hình và nhiệm vụ mới hiện nay. Trên cơ sở đó nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng; tăng cường đoàn kết dân tộc nhất là tình đoàn kết quân dân, đoàn kết ngược, xuôi, tiếp tục giáo dục nêu cao lòng tin tưởng tuyệt đối vào sự nghiệp lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, thực hiện tốt nghĩa vụ của người công dân, gắn liền với uốn nắn những nhận thức sai trái với quan điểm lập trường của Đảng như mất cảnh giác, tư tưởng dân tộc lớn, tự ti bảo thủ, ỷ lại, cục bộ, sợ hy sinh gian khổ còn tồn tại trong một số người trong các dân tộc.

2. Phải giáo dục và phát huy cao độ tinh thần đoàn kết, thực hiện quyền bình đẳng, ý thức làm chủ tập thể phát triển kinh tế, nông, lâm nghiệp, trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm,

phải tổ chức quần chúng các dân tộc vào hành động cách mạng, có phong trào liên tục sôi nổi với khẩu hiệu “không để tấc đất bỏ hoang”, tận dụng đất nông nghiệp, công nghiệp, đất trồng rừng chưa sử dụng đến để tăng vụ, trồng xen canh gối vụ các loại màu và rau phấn đấu để đạt 20 kg lương thực quy thóc mỗi tháng cho một đầu người ngay trong năm 1980 và 1981-1982. Đối với một số nơi còn thiếu ăn trong những ngày giáp hạt phải phấn đấu không để xảy ra thiếu đói nữa, trên cơ sở đó phát triển mạnh các thế mạnh theo vùng đã xác định.

3. Công tác định canh định cư, kinh tế mới... phải tăng cường và đẩy mạnh hơn nữa gắn liền với việc xây dựng, củng cố quan hệ sản xuất ở nông thôn, tích cực xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho sản xuất nông, lâm nghiệp, công nghiệp các cấp, các ngành cần phối hợp chặt chẽ với công tác định canh định cư để từ nay đến năm 1982 làm tốt công việc như sau:

Tích cực và tập trung xây dựng củng cố các điển hình tiên tiến như Cộng Lực, Nghĩa Sơn, Bản Phố, Pú Luông... thành những điển hình tốt và phát triển kinh tế - văn hóa, xây dựng thành những điển hình có mẫu mực về tình đoàn kết, bình đẳng và tương trợ giữa các dân tộc với nhau, trên cơ sở đó rút kinh nghiệm chỉ đạo đối với các vùng khác.

- Tất cả những xã khác trong vùng định canh định cư cần quy hoạch lại đất đai, cân đối lao động để nhanh chóng thực hiện xong quy hoạch định canh định cư từ nay đến năm 1982 căn bản hoàn thành, theo hướng xây dựng vùng kinh tế mới ngay tại huyện; nhập vào các hợp tác xã có điều kiện phát triển sản xuất lớn; đồng thời nghiên cứu kỹ thuật về các mặt để có thể đưa một số lao động du canh du cư vào các nông, lâm trường quốc doanh.

Hướng sản xuất chủ yếu của những nơi đó vẫn là phấn đấu cao nhất để giải quyết vấn đề lương thực, đồng thời tích cực phát triển các loại: cây dược liệu, cây đặc sản, chăn nuôi đại gia súc và được xác định theo vùng.

Tích cực tổ chức phát triển các nghề thủ công trong các dân tộc như nghề rèn đúc nông cụ của đồng bào dân tộc Mông và Dao; nghề dệt của đồng bào Thái, Mông, Dao... cần cung cấp sợi cho các dân tộc đó và có kế hoạch hướng dẫn việc trồng bông và trồng lanh ở các vùng dân tộc Thái, Mông, Dao.

- Về công tác giao thông vận tải cần chú ý phát triển mạnh giao thông nông thôn, nối liền đường trục với các cơ sở sản xuất hàng hóa, phát triển các loại xe trâu, bò, ngựa kéo để chuyển cho sản xuất và đời sống.

- Công tác thương nghiệp cần tổ chức việc ký kết và thực hiện tốt hợp đồng hai chiều, tích cực thu mua nông, lâm sản của nhân dân, cung cấp hàng hóa nông cụ sản xuất cho nhân dân nhất là các mặt hàng thị hiếu theo kế hoạch và ký kết hợp đồng hai chiều.

- Công tác lương thực, ngoài việc thực hiện thu thuế và nghĩa vụ cần kết hợp với công tác quản lý thị trường thu mua theo giá thỏa thuận lương thực của nông dân nhằm tăng cường dự trữ và có thể bán cho nhân dân ở một số nơi thiếu ăn khi giáp hạt hoặc bị thiên tai mất mùa bảo đảm đời sống và sản xuất cho nhân dân ở những nơi đó.

- Về các mặt văn hóa xã hội:

Ngành giáo dục cần đi sâu nghiên cứu và phát triển việc được viết chữ Thái trong người Thái, chữ Mông trong người Mông theo nguyện vọng của quần chúng ở cấp I. Tích cực đào tạo đội ngũ giáo viên người dân tộc, bảo đảm dân tộc nào cũng có giáo viên ở xã, kết hợp với giáo viên miền xuôi lên đi sâu vào quần chúng, tổ chức thành phong trào học chữ sôi nổi và mạnh mẽ, trong đó cần chú ý ở vùng cao, thanh toán xong nạn mù chữ trong 3 năm 1980- 1982; củng cố các trường sẵn có như thanh thiếu niên các trường dân tộc, bảo đảm thành phần và số lượng học sinh đã quy định, để thực hiện tốt vấn đề này ngành giáo dục cần tổ chức hội nghị chuyên đề về giáo dục vùng cao để bàn bạc nhiệm vụ và kế hoạch tiến hành cho sát hợp theo hướng cải cách giáo dục và phù hợp với việc nghỉ hè của các thầy cô giáo ở vùng cao thống nhất với toàn quốc.

Đẩy mạnh phong trào xây dựng con người mới, cải tạo tập tục cũ, mê tín dị đoan. Kịp thời dập tắt mọi luận điệu phản tuyên truyền của kẻ địch. Đẩy mạnh việc phát hành các ảnh Bác Hồ, các vị lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, tăng cường các loại văn hóa phẩm có màu sắc để phục vụ nhân dân các dân tộc ở vùng cao. Hướng dẫn các tổ chức việc nghe đài, đọc báo trong các vùng dân tộc, giáo dục và quản lý tốt việc sử dụng đài bán dẫn, không để dân nghe đài địch nhất là đài của bọn phản động (...).

Về y tế: Cần có kế hoạch về tập trung giải quyết dứt điểm một số bệnh tật như bệnh hoa liễu, bệnh bướu cổ, có kế hoạch để giải quyết ngay bệnh sốt rét nhất là ở vùng cao biên giới, củng cố đẩy mạnh hoạt động của các trạm xá, giáo dục ý thức vệ sinh phòng bệnh, phổ biến việc dùng thuốc nam để chữa bệnh, cố gắng giải quyết một số thuốc cho nhân dân nhất là ở những nơi vùng cao, tổ chức việc hướng dẫn sinh đẻ có kế hoạch ở các vùng dân tộc; tổng kết kinh nghiệm cuộc vận động “dứt điểm” để tiếp tục đẩy mạnh trong toàn tỉnh.

Về công tác an ninh quốc phòng: Động viên và tổ chức quần chúng các dân tộc thường xuyên nâng cao cảnh giác cách mạng, thấy rõ âm mưu thâm hiểm, thâm độc của kẻ thù nhất là âm mưu chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, đoàn kết quân dân, lợi dụng những phần tử xấu để gây rối trật tự an ninh, gây cơ sở phản cách mạng ở địa phương, cần chủ động phát hiện đập tan âm mưu thủ đoạn lợi dụng đầu óc dân tộc, dòng họ của kẻ địch, củng cố lực lượng an ninh, dân quân du kích địa phương, chủ động bám đất, bám dân nhất là vùng cao biên giới nêu cao tinh thần kiên quyết đánh thắng kẻ thù trong mọi tình huống gắn liền với giải quyết những tư tưởng lệch lạc như mơ hồ về địch ta, sống lựa chiều, sợ địch, sợ hy sinh gian khổ.

Về công tác củng cố xây dựng cơ sở đảng, các tổ chức chính quyền đoàn thể quần chúng và đào tạo cán bộ:

- Phải chú trọng kiện toàn các tổ chức cơ sở đảng nhất là các nơi còn yếu kém ở vùng cao biên giới, tăng cường công tác phát triển đảng

viên, theo hướng từ nay đến năm 1982, một xã vùng cao biên giới ít nhất phải có từ 10 đảng viên trở lên là người dân tộc địa phương. Bảo đảm đúng tiêu chuẩn nhằm làm cho tất cả các hợp tác xã đều có chi bộ đảng có đảng viên lãnh đạo.

Việc đào tạo sử dụng cán bộ người dân tộc ít người cần phải xem xét về tiêu chuẩn và tích cực hơn nữa; trong những năm tới cần chú ý đào tạo cán bộ là người dân tộc vùng cao. Đi đôi với đào tạo ở trường lớp, các cấp, các ngành cần phải coi trọng thực hiện các bồi dưỡng ngắn ngày, giao từng công việc ở cơ sở sau đó tổng kết rút kinh nghiệm nhằm làm đội ngũ cán bộ đó dần dần nâng cao được trình độ và các năng lực thực tiễn để tăng cường cho các xã và cơ sở.

- Giải quyết vấn đề dân tộc là một nhiệm vụ quan trọng cấp bách của cách mạng nước ta. Công tác dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, các cấp, các ngành, các ban của Đảng và của Nhà nước trong tỉnh. Vì vậy, sau hội nghị tổng kết của tỉnh, các cấp, các ngành, các đoàn thể cần tiến hành tổng kết theo nội dung này, nhận định đánh giá đúng những ưu điểm để phát huy thấy rõ khuyết điểm tồn tại để khắc phục trên cơ sở đó rút ra những bài học kinh nghiệm của mỗi địa phương, mỗi ngành đề ra mục tiêu phương hướng cụ thể để phấn đấu từ nay đến năm 1982 đưa mọi mặt công tác của tỉnh tiến lên những bước mới, to hơn và toàn diện hơn như Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn Đảng bộ tỉnh lần thứ II đã đề ra.

Trong công tác chỉ đạo cụ thể, yêu cầu mỗi địa phương, mỗi ngành cần chọn 2 đến 3 xã (có cả vùng cao và vùng thấp) để chỉ đạo điểm rút kinh nghiệm chỉ đạo chung, cần phân công lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo điểm và lựa chọn một số cán bộ có năng lực bồi dưỡng giúp đỡ cán bộ xã nhất là vùng cao biên giới.

Từ nay trở đi, yêu cầu các cấp, các ngành cần kiểm điểm việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng trong báo cáo tháng, báo cáo quý, 6 tháng và báo cáo tổng kết năm, trên cơ sở đó đến năm 1982 tiến hành tổng kết công tác dân tộc gắn liền với việc tổng kết việc

thực hiện Nghị quyết II của Đại hội Đảng bộ tỉnh của mỗi cấp, mỗi ngành, đưa công tác tổng kết rút kinh nghiệm đi sâu vào nền nếp và có kết quả thiết thực.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 08-TT/TU, ngày 16-1-1981

**Về việc kỷ niệm lần thứ 51 ngày thành lập
Đảng Cộng sản Việt Nam 3-2-1930 - 3-2-1981**

Năm nay là năm Đảng ta tiến hành Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V theo quyết định Hội nghị lần thứ chín của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; năm đầu thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ ba (1981-1985) và thực hiện Hiến pháp mới xã hội chủ nghĩa, năm 1981, Đảng ta sẽ hoàn thành việc phát thẻ đảng viên, đồng thời tiến hành việc biểu dương các đảng bộ trong sạch, vững mạnh, đảng viên xuất sắc.

Trong hoàn cảnh đó, kỷ niệm lần thứ 51 ngày thành lập Đảng cần hướng vào việc chuẩn bị Đại hội Đảng, hưởng ứng thiết thực Thư của Trung ương Đảng gửi cán bộ, đảng viên, thúc đẩy việc thực hiện những nhiệm vụ trước mắt trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tăng cường xây dựng Đảng trong sạch và vững mạnh.

Vì vậy Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương kỷ niệm ngày thành lập Đảng ở tỉnh ta như sau:

1- Tổ chức phổ biến và thực hiện Thư của Trung ương Đảng gửi cán bộ, đảng viên toàn Đảng về việc triệu tập Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V.

Trong tháng hai, các tổ chức cơ sở đảng đều tiến hành tổ chức các cuộc họp để phổ biến thảo luận Thư của Trung ương gửi cán bộ,

đảng viên toàn Đảng về việc triệu tập Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V nhằm đi tới nhất trí nhận định về tình hình đất nước, thấy rõ thành tích và thắng lợi, khó khăn và khuyết điểm, đồng thời nắm được những nhiệm vụ trước mắt của kế hoạch kinh tế và xã hội năm 1981 năm đầu của kế hoạch 5 năm lần thứ ba (1981-1985).

- Trên cơ sở thảo luận tình hình và nhiệm vụ chung, thảo luận cụ thể nhiệm vụ trước mắt của địa phương, đơn vị nhằm triển khai thực hiện thắng lợi kế hoạch quý I và kế hoạch vụ sản xuất đông - xuân 1980-1981, sẵn sàng chiến đấu.

- Ngoài việc tổ chức phổ biến Thư của Trung ương trong nội bộ Đảng, nên tổ chức phổ biến Thư của Trung ương Đảng tới các tổ chức đoàn thể Mặt trận.

2- Phát động một đợt thi đua ngắn hưởng ứng Thư của Trung ương Đảng trong Đảng, các đoàn thể, lập thành tích mừng Đảng 51 tuổi.

Đợt thi đua lao động sản xuất này cần gắn với việc tổ chức phong trào lao động trong dịp Tết Tân Dậu, vận động trồng cây, vận động tiết kiệm, giúp đỡ các gia đình liệt sĩ, thương binh, bộ đội đoàn kết quân dân, đoàn kết dân tộc, tránh việc nghỉ tết kéo dài và chống các biểu hiện tiêu cực diễn ra trong dịp tết như: cờ bạc, trộm cắp, hỏa hoạn, chè chén lãng phí, lơ là cảnh giác...

3- Chỉ đạo chặt chẽ việc phát thẻ đảng viên theo kế hoạch đã có, qua việc phát thẻ, nâng cao ý thức Đảng cho đảng viên, đoàn viên, hội viên. Có kế hoạch phát huy kết quả ở những cơ sở sau khi đã được nhận thẻ.

4- Tích cực chuẩn bị và tiến hành việc biểu dương các đảng bộ trong sạch, vững mạnh và động viên xuất sắc theo thông tri của Trung ương và chỉ thị của Tỉnh ủy.

5- Nhân ngày 3-2 trùng với dịp Tết âm lịch, tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, gây không khí vui tươi lành mạnh, phấn khởi trong các lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Nhận được Thông tri này, các cấp, các ngành có kế hoạch thực hiện và báo cáo kết quả về Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH TỈNH ỦY (KHÓA II)

Số 06- NQ/TU, ngày 19-1-1981

Về phương hướng nhiệm vụ kinh tế và xã hội trong tỉnh năm 1981

Trên cơ sở quán triệt tinh thần và nghiêm chỉnh thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, sau khi nghe báo cáo và thảo luận về tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1980, về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế và xã hội trong tỉnh năm 1981, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhất trí quyết nghị như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 1980

Như báo cáo tổng kết tình hình công tác năm 1980 của Tỉnh ủy đã nhận định “Năm qua, ngoài khó khăn chung của cả nước, thì địa phương phải khắc phục hậu quả nặng nề do (...) gây ra năm 1979, nhưng đã thực hiện các nhiệm vụ và kế hoạch nhà nước đạt thắng lợi to lớn, tương đối toàn diện”; đồng thời từng mặt từng vùng đã xuất hiện những nhân tố mới, những điển hình tiên tiến mới.

Trong nông, lâm nghiệp phong trào khai hoang, phục hóa, tận dụng đất nông nghiệp và đất rừng chưa trồng cây để gieo trồng lúa, ngô, sắn, cao lương, đậu, rau, v.v. có chuyển biến nổi bật trong toàn dân và khắp các khu vực các đơn vị. Phong trào làm thủy lợi, gắn liền

với thực hiện các biện pháp thâm canh cũng có những cố gắng lớn. Các hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã thủ công nghiệp, hợp tác xã mua bán, v.v. được củng cố và phát triển một bước theo phương hướng và nội dung cải tiến quản lý và tổ chức lại sản xuất. Việc xây dựng và tăng cường cấp huyện, phân cấp quản lý cho huyện được tiến hành tổng kết ở huyện điểm (Văn Chấn), đồng thời đã từng bước mở diện ra các huyện trong toàn tỉnh.

Do những chuyển biến trên, nên mặc dù có những khó khăn lớn về thiên tai khắc nghiệt và địch phá hoại, nhưng chúng ta đã phấn đấu đưa sản lượng lương thực quy thóc toàn tỉnh lên 232,5 ngàn tấn, là năm đạt sản lượng cao nhất từ trước tới nay. Sản xuất rau, đậu các loại tăng nhanh, nhất là vùng vành đai thực phẩm thị xã Yên Bái, thị xã Lào Cai đã có sự đẩy mạnh hình thành và phát triển rõ rệt. Diện tích, sản lượng các cây công nghiệp ngắn ngày, cây đặc sản, cây thuốc, v.v. đều tăng hơn năm 1979. Chăn nuôi được khôi phục ở tuyến I và bước đầu tăng đầu gia súc, gia cầm so với 1979 trong toàn tỉnh. Chăn nuôi cá đang tiếp tục phát triển. Công tác trồng và chăm sóc rừng, khai thác lâm sản đạt mức kế hoạch đề ra. Công tác xây dựng vùng kinh tế mới, vận động định canh định cư tiếp tục đạt những kết quả đáng kể.

Trong công nghiệp, thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải đều có sự cố gắng tập trung vào việc khắc phục khó khăn về thiếu nguyên, nhiên vật liệu... để bảo đảm sản xuất, đồng thời đưa được 4 xí nghiệp mới vào sản xuất. Một số ngành, một số xí nghiệp đã chủ động tìm việc làm, tận dụng phế liệu, phế phẩm và khai thác điều kiện sẵn có tại địa phương để bảo đảm việc làm cho công nhân về bảo đảm sản xuất theo kế hoạch. Một số mặt hàng phục vụ sản xuất, tiêu dùng, xuất khẩu được phát triển mới và mở rộng thêm (cốt mủ, tấm màng, xi măng, màng dệt...). Các ngành nghề thủ công ở các thị xã, thị trấn bước đầu được củng cố và phát triển, nhất là 2 thị xã Yên Bái và Lào Cai.

Do những cố gắng đó, chúng ta đã đạt được giá trị sản lượng công nghiệp cả năm tăng 7% so với năm 1979; vốn xây dựng cơ bản đã thực

hiện được 99% kế hoạch; một số đoạn đường giao thông được mở mang thêm. Khối lượng vận tải luân chuyển hàng hóa đạt 110% kế hoạch, vận tải hành khách luân chuyển đạt 102,5% kế hoạch.

Về phân phối lưu thông, đã có chuyển biến bước đầu trong việc thực hiện Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị. Thu mua lương thực, thực phẩm, nông sản, hàng công nghiệp tại địa phương, nên giá trị mua hàng địa phương đã vượt 7,7% so với kế hoạch. Đáng kể là thu mua lương thực đã vượt mức Trung ương giao cả năm 10%. Việc phát triển trao đổi hàng hai chiều ngoài kế hoạch với một số tỉnh bạn được đẩy mạnh. Từ đó, cung cấp và phân phối lương thực, thực phẩm, hàng hóa tiêu dùng cho cán bộ, bộ đội, công nhân viên và nhân dân, nói chung được bảo đảm với mức cố gắng. Giao hàng xuất khẩu cũng vượt kế hoạch 4% và gấp 2 lần năm 1979. Thu ngân sách địa phương vượt kế hoạch 3%, tăng 20% so với năm 1979. Thu tiền mặt cũng tăng 5% so với kế hoạch và tăng 9% so với năm 1979.

Công tác cung ứng vật tư, kỹ thuật có nhiều khắc phục khó khăn để phục vụ sản xuất và xây dựng, mặc dù vật tư thiếu nhiều so với nhu cầu.

Công tác quản lý, điều phối lao động đã chú ý đến việc bố trí sắp xếp việc làm cho số lao động dôi ra theo kế hoạch sản xuất ở các cơ sở thiếu nguyên, nhiên, vật liệu sản xuất.

Các sự nghiệp văn hóa, văn nghệ, giáo dục, thông tin, báo chí, khoa học - kỹ thuật, thể dục thể thao, bảo vệ bà mẹ và trẻ em, thương binh xã hội tiếp tục phát triển.

Đời sống nông thôn được khá hơn về mặt lương thực. Đời sống cán bộ, công nhân viên, bộ đội cơ bản được cố gắng bảo đảm giữ vững.

Công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội dần dần có tiến bộ. Các hiện tượng tiêu cực trong kinh tế, đời sống xã hội đang được đẩy lùi từng bước.

Đạt được những thắng lợi trên, trước hết do có Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Trung ương, Nghị quyết 26 Bộ Chính trị cùng một loạt chính sách về kinh tế do Trung ương mới ban hành. Chúng ta đã

từng bước quán triệt và vận dụng thực hiện nghiêm chỉnh các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, sát với hoàn cảnh địa phương và với tình thần cách mạng tiến công, tự lực tự cường. Tinh thần làm chủ tập thể, đoàn kết chiến đấu, tin tưởng và đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, cộng với sự nỗ lực phấn đấu lao động sản xuất, khắc phục khó khăn của quân dân các dân tộc trong tỉnh, đã ngày càng được bồi dưỡng và nâng cao. Công tác bảo vệ sản xuất, bảo vệ trật tự xã hội, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng Đảng, chính quyền các đoàn thể và Mặt trận, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, nhằm bảo đảm cho việc hoàn thành kế hoạch về kinh tế - văn hóa đã được liên tục đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả trong năm qua. Ngoài những nhân tố quyết định đó, còn có sự quan hệ phối hợp giúp đỡ giữa tỉnh ta với một số tỉnh bạn bước đầu phát huy tốt.

Tuy nhiên, bên cạnh những chuyển biến tiến bộ và thắng lợi như trên, tình hình kinh tế và xã hội trong tỉnh ta còn nhiều tồn tại, nhiều khâu còn trì trệ, mất cân đối, tiến bộ chậm, chưa mạnh mẽ đồng đều, rộng khắp. Một số tồn tại chủ yếu nổi bật như:

1- Trong nông-lâm nghiệp: Quan hệ sản xuất mới và sản xuất tập thể chưa được củng cố vững và phát triển mạnh. Tình hình thâm canh lúa, cũng như màu đều còn yếu, nên sản lượng tăng chủ yếu là do tăng diện tích. Việc đầu tư vào thâm canh, vào vùng trọng điểm sản xuất tuy có chuyển biến, nhưng chưa đúng mức. Năng suất lúa và các cây trồng còn thấp, sản xuất bung ra khá, nhưng sản xuất tập thể và quốc doanh yếu hơn sản xuất gia đình và cá thể. Cây công nghiệp ngắn ngày cũng như dài ngày cây thuốc, cây đặc sản, v.v. còn nhiều cây phát triển chậm, không đạt mức kế hoạch. Chăn nuôi chưa tạo được cơ sở để phát triển nhanh. Rừng bị cháy và tàn phá ngày càng thêm nghiêm trọng. Việc giao đất, giao rừng và nghề rừng trong hợp tác xã chưa có sự chuyển biến mới đáng kể, vẫn còn nặng về nghề rừng quốc doanh.

2- Sản xuất công nghiệp còn nhiều khó khăn, nông - lâm nghiệp chưa bảo đảm được vai trò cơ sở để phát triển công nghiệp. Thủ công

ng nghiệp phát triển chậm. Việc gắn sản xuất công- nông - lâm nghiệp ở cấp huyện và các cơ sở sản xuất quốc doanh, hợp tác xã chưa mạnh. Sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu đã có phương hướng và kế hoạch nhưng tổ chức thực hiện, đẩy mạnh phát triển còn kém. Chất lượng trong xây dựng cơ bản chưa tốt, giá thành công trình còn cao. Giao thông vận tải còn khó khăn, do thiếu phương tiện và xăng dầu, trong khi đó vận tải đường sông, vận tải thô sơ chưa được coi trọng phát triển. Lao động và các khả năng phát triển sản xuất còn nhiều, nhưng nhiều nơi chưa biết quản lý, sử dụng và phát huy. Năng suất lao động vẫn thấp.

3- Phân phối, lưu thông chưa đáp ứng yêu cầu thúc đẩy và phục vụ sản xuất, đời sống, sản sàng chiến đấu. Việc nắm nguồn hàng và quản lý thu mua, quản lý thị trường chưa mạnh, chưa tích cực mở rộng mặt hàng và mạng lưới thu mua. Hệ kinh doanh hợp tác xã mua bán chưa phát triển rộng khắp. Do đó thiếu hàng bán ra, mức bán ra giảm sút và không đạt kế hoạch. Thu chi ngân sách và tiền mặt bị mất cân đối ngày càng căng thẳng.

4- Công tác cải tiến quản lý kinh tế chưa chuyển biến mạnh. Công tác chống các tiêu cực trong kinh tế và đời sống cũng tiến hành chưa mạnh mẽ, liên tục trong các cấp, các ngành, nên sự chuyển biến chưa rõ rệt.

5- Tình hình văn hóa- xã hội ở cơ sở, nhất là ở nông thôn vùng cao, biên giới còn nhiều mặt thấp kém, tiến bộ chậm.

6- Đời sống cán bộ, công nhân viên, bộ đội còn nhiều khó khăn, do tình hình hàng tiêu dùng thiếu không đủ cung cấp theo tiêu chuẩn, định lượng và giá cả thị trường ngày càng tăng vọt.

Nguyên nhân của những tồn tại trên có nhiều, nhưng phần thiếu sót, khuyết điểm thuộc chủ quan chúng ta là chủ yếu. Đó là: Nhận thức tình hình, nhiệm vụ chưa được quán triệt sâu sắc, đầy đủ. Từ đó ý thức trách nhiệm, tinh thần tự lực tự cường, chấp hành nghiêm chỉnh chỉ thị, nghị quyết và kế hoạch nhà nước chưa cao. Công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện chưa kiên quyết, chặt chẽ. Các biện pháp

kinh tế, kỹ thuật, và hành chính pháp luật chưa tiến hành đồng bộ, đồng thời và gắn chặt với nhau trong quản lý kinh tế, quản lý kế hoạch, quản lý nhà nước. Việc quán triệt và thực hiện các chính sách chưa kịp thời và đồng bộ. Công tác tổ chức, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, nhất là cán bộ quản lý và nghiệp vụ, kỹ thuật ở cơ sở, chưa được đẩy mạnh đúng mức. Việc tăng cường cán bộ của các ngành kinh tế văn hóa xuống huyện và cơ sở còn ít. Phong trào quần chúng và quyền làm chủ tập thể của quần chúng chưa được phát động và phát huy mạnh mẽ. Các ban, ngành về kinh tế, kế hoạch, tổng hợp thống kê cùng như các ban, ngành chuyên môn khác chưa làm tốt trách nhiệm tham mưu cho cấp ủy Đảng và chính quyền (kể cả cấp tỉnh).

Những tồn tại, khuyết điểm trên tuy ở mức độ và sai phạm khác nhau, nhưng cấp nào, ngành nào cũng ít nhiều đều có. Chúng ta cần nghiêm túc kiểm điểm và kiên quyết sửa chữa để thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1981 giành được thắng lợi to lớn, toàn diện hơn.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KINH TẾ VÀ XÃ HỘI TRONG TỈNH NĂM 1981

1. Phương hướng nhiệm vụ, mục tiêu chung

Năm 1981 có ý nghĩa rất quan trọng: Năm đầu của kế hoạch 5 năm lần thứ ba, năm đầu thực hiện Hiến pháp mới, năm Đảng mở Đại hội lần thứ V. Bước vào thực hiện nhiệm vụ năm 1981, chúng ta đã và đang có các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng, cùng các chính sách cụ thể của Nhà nước đã và sẽ tiếp tục ban hành, nhất là các Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu, lần thứ chín của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị và các chính sách mới về kinh tế, phân phối, lưu thông, giá cả.

Ở tỉnh ta, qua những năm trước và năm 1980 chúng ta đã xây dựng và tạo ra được những điều kiện nhất định, những nhân tố mới để tiếp tục đẩy mạnh và phát huy. Tiềm năng về đất đai, lao động tài

nguyên trong tỉnh còn nhiều, chưa sử dụng khai thác được bao nhiêu. Tinh thần đoàn kết chiến đấu và sự nỗ lực phấn đấu, cần cù lao động, sẵn sàng chiến đấu của quân dân các dân tộc trong tỉnh ta không ngừng nâng cao và phát huy tốt đẹp. Đó là những thuận lợi rất cơ bản.

Tuy nhiên, cũng phải đón trước và sẵn sàng khắc phục các khó khăn tạm thời sẽ xảy ra như:

- Tình hình vật tư, hàng hóa, tiền vốn do Trung ương trợ cấp không tăng hơn năm 1979, mà có nhiều giảm. Những yêu cầu của nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế địa phương, xây dựng kinh tế Trung ương trong tỉnh tăng lên rất lớn (như xây dựng, mở rộng khu mỏ apatít). Trong khi đó, tình hình mất cân đối về tiền, hàng, vật tư, lương thực thực phẩm, nguyên nhiên liệu, v.v. và còn gay gắt. Các hiện tượng tiêu cực trong kinh tế và đời sống vẫn diễn ra khá phức tạp, tác động không nhỏ đối với kinh tế và xã hội trong tỉnh.

- Tỉnh ta vẫn thuộc tuyến I bảo vệ biên giới, bảo vệ Tổ quốc, (...). Do đó, chúng ta phải dành một phần quan trọng công sức vào việc xây dựng quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, đánh bại mọi âm mưu, hành động phá hoại bằng nhiều thủ đoạn và hình thức của chúng.

Từ tình hình thuận lợi, khó khăn trên, đòi hỏi chúng ta phải quán triệt sâu sắc hơn nữa các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị, trước mắt là quán triệt và thực hiện nghiêm chỉnh bốn nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch những năm tới và kế hoạch năm 1981 đã ghi trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương.

Từ tinh thần trên và để tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ II của Đảng bộ tỉnh, Tỉnh ủy xác định phương hướng nhiệm vụ chung về kinh tế và xã hội của tỉnh ta trong năm 1981 là:

Động viên toàn Đảng bộ và quân dân các dân tộc trong tỉnh nêu cao tinh thần tự lực tự cường, ra sức khai thác và phát huy các tiềm năng sẵn có tại địa phương để đẩy mạnh xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa; trọng tâm là phát triển nông - lâm nghiệp, trong đó hàng

đầu là lương thực, thực phẩm, đồng thời phát triển sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Tích cực cải tiến phân phối, lưu thông, tiếp tục xây dựng có trọng điểm cơ sở vật chất - kỹ thuật, kiên quyết đấu tranh chống các tiêu cực trong kinh tế và đời sống xã hội. Xây dựng và phát triển kinh tế phải đồng kết hợp củng cố quốc phòng, củng cố cơ sở chính trị, bảo vệ tốt sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở biên giới và nội địa. Trên cơ sở đó, ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân, bảo đảm hậu cần tại chỗ và tạo cơ sở tốt cho việc thực hiện các nhiệm vụ những năm từ 1982 trở đi trong kế hoạch 5 năm lần thứ ba (1981-1985).

Mục tiêu đề ra trong kế hoạch 1981 của tỉnh ta phải lấy các chỉ tiêu của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II đề ra cho năm 1981 làm mục tiêu phấn đấu, lấy các chỉ tiêu của Nhà nước giao làm mục tiêu pháp lệnh. Do đó, toàn tỉnh cần tập trung sức thực hiện thắng lợi các mục tiêu chủ yếu như sau:

- Sản lượng lương thực quy thóc: 235.000 tấn.
- Lương thực Nhà nước huy động (kể cả năm): 26.000 tấn.
- Tổng đàn lợn: 265.000 con.
- Thịt lợn hơi thu mua: 2.500 tấn.
- Diện tích chè trồng mới: 820 ha.
- Diện tích rừng trồng mới: 6.000 ha.
- Giá trị sản lượng công nghiệp: 55 triệu đồng.
- Vốn xây dựng cơ bản: 22,6 triệu đồng.
- Giá trị thu mua hàng tại địa phương: 78 triệu đồng.
- Giá trị bán lẻ thị trường có tổ chức: 157,8 triệu đồng.
- Giá trị giao hàng xuất khẩu: 30,5 triệu đồng.

2. Nhiệm vụ cụ thể của từng ngành

a) *Nông-lâm nghiệp*: Phải tiếp tục có kế hoạch và biện pháp cụ thể, thiết thực về mọi mặt để đẩy mạnh sản xuất nông - lâm nghiệp một cách toàn diện theo vùng trọng điểm, trong đó hàng đầu là sản xuất lương thực, thực phẩm, nhằm bảo đảm nhu cầu lương thực, thực

phẩm trong tỉnh đến mức cố gắng cao nhất, kể cả lương thực cho chăn nuôi và dự trữ hậu cần chiến đấu.

Về cây lương thực, thực phẩm: Để đạt được mục tiêu sản lượng 235 ngàn tấn, trong đó 103 ngàn tấn ha màu, phải tập trung hơn nữa vào việc đẩy mạnh thâm canh theo vùng trọng điểm đã quy như Văn Chấn, Lục Yên, Trấn Yên, Than Uyên, Văn Yên...(kể cả vùng lúa, vùng màu, vùng thực phẩm). Đồng thời, vẫn phải tiếp tục đẩy mạnh phong trào toàn dân kể cả nông, lâm trường, bộ đội, cơ quan tận dụng đất đai để khai hoang, phục hóa, mở rộng thêm diện tích và tích cực tăng vụ cây lương thực, rau, màu nhất là màu (ngô, sắn, khoai, đao, riềng, cao lương, v.v.). Riêng đối với lúa phải phấn đấu toàn tỉnh bình quân đạt năng suất vụ đông - xuân là 21 tạ/ha, vụ mùa là 25,5 tạ/ha.

Về mặt tăng vụ, tăng diện tích, phải tích cực khai hoang thêm 200 ha ruộng nước và tăng vụ thêm 730 ha ruộng cấy 2 vụ, đồng thời đẩy mạnh tăng vụ, gối vụ, trồng xen khoai, đậu, rau trên đất nương luân canh và đất trồng rừng, trồng cây công nghiệp chưa sử dụng đến. Từ đó đưa hệ số sử dụng ruộng đất lên 1,6 đến 1,7 lần trong năm... Tuy nhiên, phải nghiêm cấm việc chặt phá rừng trồng, rừng cấm để trồng cây lương thực, thực phẩm.

Để bảo đảm nước tưới cho 2 vụ lúa và màu, phải phát huy hết năng lực các công trình thủy lợi đã có và đẩy mạnh cao trào làm thủy lợi nhỏ, đồng thời tiếp tục hoàn chỉnh và hoàn thành các công trình đang làm như: Tà Cờn, Phai Mị (Văn Chấn), Y Can, Cường Thịnh, Việt Thành (Trấn Yên), Cẩm Nhân (Yên Bình), Phú Nhuận, Trang Lùng, Hợp Thành (Bảo Thắng), Sín Chéng (Bắc Hà), Đông Công (Văn Yên); Vĩnh Lục (Lục Yên), mặt khác cũng khởi công thêm một vài công trình trọng điểm (như Mịt Nọi, Than Uyên).

Đi đôi với thủy lợi phải đẩy mạnh công tác sản xuất giống, nhân giống, chọn giống và bảo đảm mức phân bón chủ yếu (phân chuồng, bèo dâu, phân xanh), với bón dùng các biện pháp khác như: thời vụ, phòng trừ sâu bệnh, cung cấp đủ nông cụ, sức kéo, v.v.. Riêng về giống, các hợp tác xã, các huyện và tỉnh đều phải làm theo từng cấp, giống

khác nhau để bảo đảm đủ giống tốt, có năng suất cao, khắc phục tình trạng đem thóc thịt, ngô, đậu thịt, v.v. để làm giống. Cần tập trung xây dựng và hoàn thiện các trại giống cấp 2 của tỉnh ở Văn Chấn, Văn Yên, Lục Yên.

Về rau xanh, đậu tương, đậu các loại ngoài việc đẩy mạnh sản xuất tập trung theo vùng đã quy, cần ra sức phát triển ở tất cả mọi nơi có điều kiện. Trên cơ sở đó, bảo đảm Nhà nước thu mua được 3.500 đến 4.000 tấn rau, 100 đến 150 tấn đậu tương.

Đối với một số nông - lâm trường, do tiền vốn đầu tư có hạn nên cần quy hoạch và điều chỉnh lại phương hướng sản xuất cho sát tình hình hiện nay và có các ngành nghề thủ công chế biến nông - lâm sản, nhằm tăng sản phẩm hàng hóa công - nông nghiệp và bảo đảm thu nhập cho công nhân.

Về cây công nghiệp, cây ăn quả, cây đặc sản phải tập trung phát triển chè, mía, đỗ tương, dưa, trầu, cây thuốc, hạt rau giống, quế chủ yếu là chè, mía, dưa, đỗ tương, hạt rau giống, quế, một số cây ngắn ngày chóng thu hoạch, đồng thời phát triển từng bước các cây khác đã định theo vùng, theo quy hoạch. Về chè trồng mới 820 ha, phải tiến hành dứt điểm quy hoạch vùng chè giống để bảo đảm chủ động giống cho phát triển trồng mới. Các loại cây khác cũng phải theo hướng đó để giải quyết vấn đề giống. Đối với dưa cần tập trung chăm sóc và dần chuyển hướng sản xuất ở vùng Bảo Thắng, chuyển dần vùng dưa xuống Bảo Yên.

Về chăn nuôi, phải phát triển mạnh đàn gia súc, gia cầm, cá, kể cả đại và tiểu gia súc, trong quốc doanh hợp tác xã và các hộ gia đình.

Để tăng nhanh đầu con và trọng lượng đàn gia súc phải có biện pháp tích cực, nhằm giải quyết tốt các khâu giống, thức ăn và diệt trừ dịch bệnh, v.v.. Phải gấp rút củng cố và tận dụng năng lực chăn nuôi của cơ sở vật chất - kỹ thuật đã có ở các trại và cơ sở chăn nuôi quốc doanh là chính, đồng thời xây dựng thêm một số cơ sở cần thiết cho việc thụ tinh tạo giống, nhân giống, sản xuất giống, như đề án về chăn nuôi, về vùng vành đai thực phẩm của tỉnh đã đề ra.

Về lâm nghiệp: Diện tích rừng trồng mới trong năm Trung ương giao 6.000 ha là vốn Nhà nước cấp. Do đó, phải tập trung vào trồng rừng đầu nguồn ở Bắc Hà, Mù Cang Chải, vùng nguyên liệu giấy sợi, vùng quế, lực lượng lao động các lâm trường quốc doanh còn lại, phải có kế hoạch chuyển hướng sản xuất, chủ yếu là tu bổ, khai thác lâm sản phụ, chế biến lâm sản, sản xuất lương thực, thực phẩm và thủ công nghiệp. Một mặt khác, phải tích cực vận động phong trào nhân dân, hợp tác xã trồng cây gây rừng, tu bổ tái sinh rừng và bảo vệ rừng. Phải kiên quyết chống cháy rừng, chặt phá rừng nguyên sinh, rừng tái sinh, rừng vầu, nứa... để làm nương rẫy hoặc trồng cây khác không có hiệu quả kinh tế. Phải mạnh dạn, tích cực khoanh rừng, giao đất, giao rừng cho hợp tác xã kinh doanh và khai thác theo hướng dẫn của ngành lâm nghiệp.

Đi đôi với trồng, chăm sóc, tu bổ rừng phải đẩy mạnh khai thác, vận chuyển gỗ và các lâm sản khác, nhằm phấn đấu đạt sản lượng khai thác gỗ 95.000 m³; 2,7 triệu cây tre, vầu; 3 triệu cây nứa, đồng thời tăng các mặt hàng lâm sản khác. Phải tận dụng cành, ngọn, lâm sản phụ trong khai thác để sản xuất, chế biến hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu ngay tại từng lâm trường như: đồ mộc, vật liệu xây dựng, bột giấy, v.v.. Trong vận chuyển, phương tiện cơ giới có nhiều khó khăn, phải chuyển hướng mạnh mẽ sang biện pháp phát triển mạnh mẽ vận tải đường sông và suối và dùng trâu kéo, v.v. không trông chờ, ỷ lại vào xe cơ giới.

Để bảo đảm phát triển nông - lâm nghiệp, phải ra sức xây dựng củng cố hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã nông-lâm nghiệp, tích cực thực hiện tổ chức lại sản xuất và xây dựng cấp huyện, thực hiện phương án định canh định cư một cách có trọng điểm và tiếp tục xây dựng các vùng kinh tế mới đi vào ổn định vững vàng. Đối với các nông, lâm trường cần nhanh chóng quy hoạch lại đất đai, từ đó xác định tốt hơn nữa mối quan hệ giữa nông, lâm trường với nhân dân địa phương xung quanh.

b) Công nghiệp, thủ công nghiệp. Phải phát huy cao độ tinh thần tự lực tự cường, khai thác các nguồn nguyên, nhiên vật liệu sẵn có của địa phương và tận dụng phụ liệu để đẩy mạnh sản xuất. Hướng trọng

tâm là chế biến lương thực (ngô, khoai, mì), thực phẩm nông, lâm đặc sản, sản xuất vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vôi, xi măng), cao lanh, graphít, gỗ, sản xuất và sửa chữa nông cụ và sản xuất các mặt hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp, nghề phụ trong cả quốc doanh, hợp tác xã gia đình. Phải ra sức tổ chức xây dựng và củng cố các hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp thu hút những người lao động thủ công ở các thị xã, thị trấn vào hợp tác xã để phát triển ngành nghề thủ công và tạo ra công ăn việc làm cho người lao động chưa có việc làm.

Để thực hiện được nhiệm vụ trên, phải nhanh chóng hoàn thành dứt điểm việc xây dựng Xí nghiệp chế biến màu ở Văn Bàn, Hưng Khánh và phát huy năng lực hiện có để tăng mạnh chế biến mì màu (nhất là sắn), đồng thời khuyến khích mọi người chế biến màu bằng thủ công. Phải tiếp tục bố trí, sắp xếp hợp lý mạng lưới công nghiệp, thủ công nghiệp và phân công sản xuất mặt hàng, giữa công nghiệp quốc doanh, với hợp tác xã, giữa tỉnh, huyện và cơ sở. Phải triển khai mạnh mẽ việc quán triệt và vận dụng thực hiện cụ thể các chính sách khuyến khích sản xuất công nghiệp, sản xuất hàng xuất khẩu. Phải cải tiến mạnh mẽ và thực hiện chế độ quản lý xí nghiệp theo Điều lệ của Chính phủ đã ban hành, đẩy mạnh việc trả lương khoán sản phẩm, kết hợp chặt chẽ giữa ba lợi ích trong quản lý xí nghiệp.

Các cơ sở công nghiệp Trung ương tại địa phương: Như Nhà máy điện, Mỏ apatít, địa chất, v.v. một mặt phải hoàn thành tốt kế hoạch Trung ương giao, một mặt phải bảo đảm nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch phục vụ kinh tế và đời sống địa phương (như: việc cung cấp điện); có kế hoạch chủ động giúp đỡ các ngành tỉnh, huyện và vùng xung quanh về các mặt mà xí nghiệp Trung ương có điều kiện khả năng, trong khi đó địa phương không thể có được. Các cấp ủy, chính quyền và các ngành địa phương có trách nhiệm thực hiện tốt những chức năng, nhiệm vụ của địa phương đối với xí nghiệp Trung ương theo quy định của Đảng và Nhà nước.

c) Xây dựng cơ bản giao thông vận tải, bưu điện.

Về xây dựng cơ bản: Vốn đầu tư năm 1981 giảm so với năm 1979, nguyên vật liệu xây dựng cũng vẫn còn bị hạn chế nhiều. Do đó, hướng chính trong xây dựng cơ bản là tiếp tục đầu tư và hoàn thành nhanh các công trình đang dở dang và tập trung ưu tiên vào các công trình đem lại hiệu quả sản xuất nhanh, thời gian thi công không kéo dài trong nông, lâm nghiệp, công nghiệp và phục vụ đời sống. Theo hướng đó, tổng số vốn sẽ đầu tư cho khu vực sản xuất vật chất chiếm 91,4% (công nghiệp 19%, nông nghiệp 18%, thủy lợi 8,8%, lâm nghiệp 32%, giao thông vận tải 13,6%); khu vực không sản xuất chiếm trên 5%, tập trung vào xây dựng trường học, bệnh viện, một số công trình văn hóa, phúc lợi công cộng, công trình phục vụ ăn, ở, làm việc, v.v..

Để tăng nhanh cơ sở vật chất, văn hóa trong xã hội, ngoài các công trình do vốn Nhà nước cấp, cần khuyến khích động viên hợp tác xã và nhân dân tự bỏ vốn, tự sản xuất ra nguyên liệu để xây dựng các công trình sản xuất, phục vụ đời sống và nhà ở, không phải dùng đến xi măng, sắt thép, Nhà nước chỉ giúp đỡ một phần về nguyên vật liệu cần thiết. Ngành xây dựng cần có sự giúp đỡ, trợ lực đối với các công trình của dân tự bỏ vốn ra làm.

Trong xây dựng cơ bản, phải quán triệt các phương châm: Tập trung, dứt điểm, đồng bộ, tiết kiệm, giá thành hạ, chất lượng cao, tránh phô trương hình thức, lãng phí. Vì vậy, phải làm tốt các khâu từ ban đầu, xét duyệt chặt chẽ đề án thiết kế và dự toán, tăng cường kiểm tra, giám sát thi công, nhanh chóng đưa công trình vào sử dụng. Phải xúc tiến mạnh mẽ và hoàn thành công tác quy hoạch cụ thể thị xã, thị trấn và một số điểm nông thôn theo tinh thần Nghị quyết Đại hội II của Đảng bộ tỉnh đề ra, đồng thời đưa dần công tác quản lý nhà đất, đô thị vào nền nếp chế độ quy định.

Về giao thông, vận tải: Phải tiếp tục tập trung khai thông và nâng cấp các tuyến đường: Cao Sơn - Bắc Hà, Bản Xèo - Ô Quý Hồ, Phố Ràng - Nghĩa Đô, Phong Du - Trái Hút, Bến Lăn - Minh chuẩn và một số đoạn đường thị xã Yên Bái. Đồng thời phải đẩy mạnh phong trào

làm đường giao thông nông thôn, và bảo dưỡng duy tu tốt các đoạn đường cũ và cầu cống, bến phà, kể cả các đường ở tuyến I, bảo đảm giao thông vận tải thông suốt, kể cả mùa khô và mùa mưa. Trong vận tải, ngoài việc tận dụng năng lực vận tải bằng cơ giới và đường sắt phải chuyển mạnh sang vận tải thủ công, bằng các phương tiện thô sơ bằng đường sông, đường suối, tránh trông chờ ỷ lại nặng vào phương tiện cơ giới.

Về bưu điện: Phải tiếp tục phát triển mạng lưới thông tin liên lạc trong tỉnh, chú trọng tuyến I, kể cả đường thư, điện tín, điện thoại, phát hành báo chí và hệ giao thông đặc biệt, chạy bộ. Phải cố gắng bảo đảm tốt sự liên lạc nhanh chóng, chính xác bất kỳ tình huống nào giữa tỉnh với huyện và cơ sở, giữa tỉnh với Trung ương, giữa tỉnh với các ngành xung quanh tỉnh, nhất là với các ban của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với các huyện, thị tuyến I cần nhanh chóng trang bị máy vô tuyến điện theo quy định để bảo đảm liên lạc nhanh chóng, bí mật lúc thường cũng như khi có chiến sự xảy ra.

d) Lao động:

Phải trên cơ sở kiểm kê nắm lại tình hình lao động trong tỉnh một cách cụ thể ở từng khu vực, có biện pháp tích cực để bố trí, sắp xếp, sử dụng và quản lý lao động, nhằm bảo đảm cho mọi người lao động có việc làm, lao động có năng suất, có kỷ luật và phấn đấu từng bước tăng năng suất lao động xã hội.

Đối với khu vực Nhà nước, từng ngành, từng đơn vị sản xuất phải tích cực tổ chức và khai thác một phần nguyên liệu để bảo đảm sản xuất theo kế hoạch và ngoài kế hoạch, đồng thời mở mang thêm ngành nghề sản xuất lương thực, thực phẩm, làm hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, v.v. để sử dụng hết số lao động dôi ra. Phải tránh tư tưởng không có việc thì dãn công nhân, lao động.

Đối với các cơ quan hành chính sự nghiệp phải kiên quyết thực hiện tinh giản biên chế ở cấp tỉnh, đưa cán bộ xuống huyện và cơ sở.

Đối với khu vực nông thôn phải tận dụng sức lao động và phân công lại lao động các ngành nghề theo hướng tổ chức lại sản xuất,

định canh định cư, thực hiện chế độ cải tiến khoán trong hợp tác xã để quản lý lao động. Ngoài việc bố trí lao động theo hướng sản xuất chính, cần khuyến khích lao động làm các nghề thủ công, nghề phụ trong gia đình để tăng thêm hàng hóa phục vụ tiêu dùng và tăng thu nhập cho xã viên. Việc tiếp nhận lao động miền xuôi lên vùng kinh tế mới hoặc tuyển vào các nông, lâm trường, v.v. nói chung không đạt ra trong năm 1981, nếu thiếu thì điều chỉnh tuyển dụng số lao động và học sinh chưa có việc làm trong các thị xã, thị trấn, trong tỉnh để bổ sung.

Đối với khu vực thị xã, thị trấn phải hoàn thành tốt công tác kiểm kê lao động, đăng ký ngành nghề. Trên cơ sở đó, xây dựng và phát triển các hợp tác xã thủ công nghiệp, hợp tác xã mua bán, v.v. thu hút lao động và số học sinh thôi học vào làm ăn có tổ chức. Phải kiên quyết giảm số người còn sức lao động nhưng đi buôn, gây rối loạn thị trường và giá cả.

Phải nghiên cứu và sớm tổ chức việc tập trung lao động cưỡng bức đối với những người có sức lao động nhưng không chịu lao động, không theo sự sắp xếp ngành nghề của cơ quan chính quyền địa phương.

đ) Phân phối, lưu thông, cung ứng vật tư, tài chính, tiền tệ.

Về phân phối lưu thông, phải tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị và các chính sách mới của Nhà nước quy định. Từ đó, tăng cường công tác nắm nguồn hàng, khai thác nhiều nguồn hàng trong tỉnh và tỉnh bạn để đẩy mạnh thu mua, bảo đảm giá trị thu mua tại địa phương lên 78 triệu đồng. Có như vậy mới tăng được số lượng và mặt hàng để bán ra đến mức cố gắng nhất và bảo đảm mức giao hàng cho Trung ương, cho xuất khẩu. Trong thu mua, phải chú trọng làm tốt công tác thu mua lương thực, thực phẩm, nông, lâm sản, hàng công nghiệp, thủ công nghiệp địa phương, thực hiện tốt hợp đồng hai chiều với nông dân.

Phải mở rộng phạm vi kinh doanh mặt hàng của thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán ở cả ba khâu: thu mua, bán buôn, bán lẻ và kinh doanh trong kế hoạch, ngoài kế hoạch, theo giá chỉ

đạo và giá thoả thuận. Phải tích cực xây dựng, phát triển và đẩy mạnh kinh doanh của các hợp tác xã mua bán ở cơ sở, nhất là trong nông thôn.

Phải tiếp tục xây dựng các vùng gieo trồng, sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu. Trên cơ sở đó, mở rộng các mặt hàng và bảo đảm tăng nhanh khối lượng và giá trị mua và giao hàng xuất khẩu.

Tăng cường công tác quản lý thị trường và giá cả, kiên quyết chống đầu cơ, buôn lậu, mua bán hàng tâm lý của bọn phản động (...).

Về cung ứng vật tư kỹ thuật, trước tình hình vật tư kỹ thuật khan hiếm, thiếu thốn, phải tích cực tận dụng vật tư tồn kho, sử dụng hết công suất của thiết bị, máy móc đã có, đồng thời khai thác mạnh các vật tư sẵn có tại địa phương để cung cấp cho sản xuất. Trong sử dụng, phải hết sức tiết kiệm, bảo đảm cung ứng đều đặn, kịp thời, nhưng theo định mức tiêu hao đối với từng loại vật tư cụ thể.

Trong cung cấp phục vụ đời sống, cần cố gắng bảo đảm cung cấp lương thực, thực phẩm và các mặt hàng cho cán bộ, công nhân viên và bộ đội một cách đều đặn và đủ tiêu chuẩn định lượng do Nhà nước quy định.

Về tài chính, ngân sách, phải tiếp tục tăng thêm nguồn thu, đẩy mạnh thu và triệt để tiết kiệm chi, nhất là chi hành chính sự nghiệp. Phải quản lý thu, chi chặt chẽ, chống tham ô, lãng phí. Các cơ sở kinh tế quốc doanh và hợp tác xã phải thực hiện nghiêm chỉnh, đều đặn chế độ nộp ngân sách và tiền mặt.

Về ngân hàng, phải tăng cường công tác kiểm tra, quản lý tiền mặt, nhằm đẩy mạnh thu và giảm bội chi tiền mặt theo kế hoạch, chống tọa chi tiền mặt và để dư quỹ tiền mặt quá mức quy định ở các đơn vị. Đi đôi với công tác tiền mặt, phải đẩy mạnh hoạt động tín dụng, đầu tư vốn cho vay đối với sản xuất và kinh doanh của quốc doanh và hợp tác xã. Mặt khác, phải đẩy mạnh công tác vận động gửi tiền tiết kiệm, tạo mọi điều kiện thuận tiện cho việc gửi tiền, rút tiền tiết kiệm, tránh gây phiền hà cho người gửi, người lĩnh.

e) Văn hóa - xã hội.

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển văn hóa, giáo dục, thông tin, báo chí, văn nghệ, y tế, thể dục thể thao, thương binh xã hội, bảo vệ bà mẹ trẻ em, nhằm phục vụ kịp thời sắc bén đối với các nhiệm vụ hiện nay.

Đối với giáo dục, phải đẩy mạnh phát triển theo hướng cải cách giáo dục, lấy nâng cao chất lượng toàn diện là chính và bảo đảm cứ 4 người dân có 1 người đi học. Phải coi trọng hơn nữa đối với công tác phát triển bổ túc văn hóa và thanh toán nạn mù chữ.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin, báo chí phải phục vụ tốt hơn đối với yêu cầu giáo dục chính trị, tư tưởng, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; xây dựng con người mới, văn hóa mới, bài trừ mê tín, hủ tục, lối sống lai căng, lười biếng. Phải xây dựng, củng cố mạng lưới và đẩy mạnh các hoạt động ở cơ sở, nhất là vùng cao, biên giới.

Trong y tế, thể dục thể thao phải chú trọng đẩy mạnh công tác vệ sinh phòng bệnh, xây dựng phong trào 5 dốt điểm một cách có trọng tâm, trọng điểm. Phải phát triển mạnh gieo trồng, chế biến và sử dụng các cây thuốc tại địa phương theo nghị quyết về phát triển dược liệu của tỉnh đã đề ra. Tích cực vận động thực hiện sinh đẻ có kế hoạch. Tích cực đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao, nhất là thể dục vệ sinh và thể thao quốc phòng.

Đối với công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em, phải tập trung vào việc phát triển các nhà trẻ, nhóm trẻ, tích cực đào tạo, bồi dưỡng cô nuôi dạy trẻ.

Đối với công tác thương binh, xã hội, phải tập trung đẩy mạnh phong trào toàn dân chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, xây dựng gia đình cách mạng gương mẫu, đồng thời chú ý công tác cứu tế, xã hội, công tác đối với cán bộ hưu trí, nghỉ mất sức.

III. NHỮNG BIỆN PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH

1. Nâng cao nhận thức, tư tưởng, nhằm quán triệt sâu sắc hơn nữa các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, thứ chín và Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị.

Trước hết phải quán triệt tinh thần phát huy ý chí cách mạng tiến công, tự lực tự cường, chống bảo thủ, ỷ lại trong xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa; đồng thời thấy rõ thắng lợi và tồn tại từng cấp, từng ngành và từng cơ sở. Từ đó tạo ra khí thế phấn khởi, tin tưởng, thi đua lao động, sản xuất, tiết kiệm, tìm mọi biện pháp khắc phục khó khăn, quyết tâm thực hiện đạt và vượt mức kế hoạch đề ra trong các cấp, các ngành, trong cán bộ, bộ đội, cán bộ, công nhân viên và nhân dân. Cũng qua phát động quần chúng, tiến hành dân chủ hóa kế hoạch trong quần chúng, xây dựng kế hoạch từ cơ sở lên huyện, ngành và tỉnh.

2. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tổ chức lại sản xuất trong các cơ sở sản xuất, kể cả quốc doanh và hợp tác xã, trong nông - lâm - công nghiệp và các ngành kinh tế. Trước mắt cần tiến hành và hoàn thành tốt các quy hoạch cụ thể về các vùng sản xuất nông nghiệp (cây, con) trọng điểm, về lâm nghiệp, về công nghiệp, về vùng mỏ apatít, về các nông - lâm trường, v.v.. Trên cơ sở đó, tập trung đẩy mạnh xây dựng và thực hiện kế hoạch theo từng bước đi của quy hoạch.

Đối với cấp huyện, trên cơ sở kinh nghiệm đã tổng kết ở Văn Chấn, cần đẩy mạnh công tác xây dựng cấp huyện trong toàn tỉnh, nhằm hoàn thành công tác này vào cuối năm 1981.

3. Tích cực cải tiến một bước về tổ chức và quản lý kinh tế, quản lý kế hoạch theo tinh thần của Nghị quyết hội nghị lần thứ chín Trung ương, Nghị quyết 26 về phân phối lưu thông và Nghị quyết 32 về công tác tổ chức của Bộ Chính trị.

Cần phấn đấu thực hiện phương hướng chung về cải tiến tổ chức và quản lý kinh tế của Nghị quyết 9 Trung ương đề ra là: “Xoá bỏ chế

độ quản lý theo lối hành chính bao cấp, chuyển mạnh sang phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa, lấy kế hoạch làm trung tâm, vận dụng đúng đắn các quan hệ hàng hóa tiền tệ, thực hiện hạch toán kinh tế, coi trọng hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo đảm sự kết hợp đúng đắn ba lợi ích (lợi ích của Nhà nước, của tập thể và của người lao động), khuyến khích hơn nữa lợi ích của người lao động và của cơ sở sản xuất. Mở rộng trận địa kinh tế - xã hội chủ nghĩa trong cả nước, đồng thời sử dụng thích đáng các thành phần kinh tế khác để đẩy mạnh sản xuất và giao lưu hàng hóa dưới sự hướng dẫn, quản lý của Nhà nước”.

Ở tỉnh ta, cần tập trung chỉ đạo thực hiện, tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ đối với một số mặt như: Đổi mới công tác kế hoạch hóa, công tác hạch toán kinh tế, sản xuất và kinh doanh phải có lãi, cơ sở nào đang lỗ phải giảm lỗ và tiến lên có lãi; thực hiện đúng các chế độ quản lý do Nhà nước đã quy định, chống tư tưởng bảo thủ, trì trệ, tùy tiện, phân tán, tản mạn, cửa quyền, cục bộ trong sản xuất và kinh doanh.

Từ yêu cầu trên, phải chỉ đạo cụ thể và kiểm tra chặt chẽ việc thi hành các chế độ, nguyên tắc kinh tế, nhất là thực hiện nghiêm túc các chính sách khuyến khích sản xuất, lưu thông, phân phối do Nhà nước và tỉnh đã ban hành. Có khen thưởng, kỷ luật nghiêm minh. Trong khu vực kinh tế quốc doanh, phải kiên quyết đẩy mạnh việc tổ chức lại sản xuất và thực hiện điều lệ quản lý xí nghiệp, thực hiện mạnh mẽ chế độ làm chủ tập thể của công nhân phát triển hình thức trả lương theo sản phẩm, kết hợp ba lợi ích trong sản xuất và kinh doanh, nhất là lợi ích người lao động; thực hiện tốt chế độ giám đốc, mở rộng quyền hạn sản xuất, kinh doanh cho các xí nghiệp và cho giám đốc theo như quy định của Nhà nước.

Ở khu vực kinh tế tập thể, đặc biệt là trong các hợp tác xã sản xuất nông - lâm nghiệp phải đẩy mạnh việc củng cố và phát triển sản xuất theo phương hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, theo nội dung tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý từ cơ sở trên địa bàn huyện, đưa nông dân và thợ thủ công vào làm ăn tập thể theo các hình thức

phù hợp với quy mô ổn định. Đối với vùng cao, cần thực hiện một cách tập trung và có trọng điểm phương án định canh định cư, đồng thời gấp rút nghiên cứu, từ thực tế mà xác định hình thức, quy mô của hợp tác xã, bảo đảm đưa 80% số hộ nông nghiệp vào làm ăn tập thể như nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II đã định. Các hợp tác xã cần từng bước tích cực thực hiện và mở rộng phạm vi áp dụng chế độ, khoán mới, thực hiện chế độ 5 công khai, bảo đảm quyền làm chủ thực sự của xã viên.

Trong cải tiến quản lý, phải rất coi trọng công tác kế hoạch hóa. Do đó, trước hết phải đổi mới phương pháp xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch. Phải tiến hành dân chủ hóa kế hoạch từ cơ sở lên, trên cơ sở phát động quần chúng dựa vào đất đai, lao động, tiềm năng của từng nơi là chính để lập kế hoạch cho sát, bảo đảm kế hoạch vừa mang tính tiên tiến, khoa học, cân đối, vừa vững chắc. Khi giao kế hoạch, ngoài các chỉ tiêu, pháp lệnh, cần có các chỉ tiêu hướng dẫn về khối lượng và giá trị sản xuất, kinh doanh trong và ngoài kế hoạch, để các cơ sở chủ động bố trí thực hiện, không bị gò bó và thụ động. Việc quản lý kế hoạch trong quá trình thực hiện cũng phải được cải tiến, nhằm kịp thời phát hiện các nhân tố mới, các khó khăn, lệch lạc để kịp thời bổ sung, bổ khuyết và điều chỉnh các biện pháp. Các ty, ngành chủ quản phải chuyển mạnh nhiệm vụ, chức năng sang chỉ đạo chế độ, chính sách, kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo xây dựng và thực hiện kế hoạch, còn nhiệm vụ tổ chức sản xuất, kinh doanh và hạch toán thì do giám đốc và chủ nhiệm từng công ty, từng xí nghiệp chịu trách nhiệm.

Việc nắm tình hình thông tin kinh tế cũng phải được tiếp tục tăng cường. Phải thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo thống kê theo quy định, đồng thời qua đó, kịp thời phản ánh, báo cáo, đề xuất chủ trương, biện pháp với cấp ủy và chính quyền để giải quyết những vấn đề vướng mắc trong quá trình thực hiện kế hoạch. Hoạt động của cơ quan thống kê và cơ quan kế hoạch phải gắn bó chặt chẽ với nhau hằng ngày, nhất là ở cấp huyện và cơ sở.

4. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống các tiêu cực theo Chỉ thị 81 của Ban Bí thư, gắn liền với đẩy mạnh phong trào bảo vệ an ninh, củng cố cơ sở trong sạch và vững mạnh.

Để bảo đảm các nhiệm vụ kinh tế và xã hội đạt thắng lợi, phải coi việc đấu tranh chống các tiêu cực trong kinh tế và đời sống xã hội, gắn với bảo vệ an ninh, xây dựng và củng cố cơ sở trong sạch, vững mạnh là một nhiệm vụ, một biện pháp quyết định. Do đó, các cấp, các ngành phải gắn sản xuất, kinh doanh với chống tiêu cực, chống quan liêu, gây phiền hà, cửa quyền, gắn sản xuất với bảo vệ sản xuất. Phải nâng cao cảnh giác, phòng, chống dịch phá hoại kinh tế bằng nhiều hình thức, nhất là ở tuyến I, ở thị xã, thị trấn và nơi xung yếu. Trong kế hoạch sản xuất và kinh doanh phải có phương án bảo vệ kèm theo và tổ chức thực hiện tốt phương án đó.

Đối với cơ sở, phải lấy việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế và đời sống làm nội dung tiêu chuẩn quan trọng trước tiên của việc củng cố và xây dựng Đảng, các đoàn thể và chính quyền vững mạnh, lấy đó làm thước đo đánh giá, phân loại đảng bộ, chi bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên qua 6 tháng và 1 năm. Vì vậy, cần phát động đảng viên, quần chúng thi đua sản xuất, thực hiện kế hoạch. Từng đoàn thể cần có phong trào thi đua mũi nhọn theo từng quý, từng vụ liên tục.

5. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy và chính quyền các cấp đối với công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch.

Để đạt yêu cầu trên cần tập trung làm tốt một số việc như sau:

- Kiện toàn tổ chức, tinh giản bộ máy các ngành ở cấp tỉnh, tăng cường cán bộ quản lý nghiệp vụ, khoa học - kỹ thuật xuống huyện và cơ sở. Đối với các ban, các cơ quan kinh tế, kế hoạch, thống kê và tổng hợp với Đảng và chính quyền tỉnh, huyện cần được gấp rút sắp xếp, kiện toàn cả về số lượng và chất lượng. Từ đó, đẩy mạnh hoạt động làm tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy và Ủy ban nhân dân của các ban và các cơ quan chuyên môn giúp việc, theo đúng chức năng, nhiệm vụ quy định. Ở cấp huyện, thị, cần tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức và thực hiện việc phân cấp quản lý, để huyện, thị đủ sức chỉ đạo và tổ

chức thực hiện nhiệm vụ kế hoạch và các công tác trên địa bàn lãnh thổ của mình.

- Cải tiến lề lối làm việc, tăng cường kiểm tra, đôn đốc. Phải thường xuyên phát huy vai trò đốc đạo, kiểm tra, phối hợp của các ban Đảng và đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân đối với các công việc trong mỗi khối. Các ban, các khối phải thực hiện và duy trì đều đặn theo định kỳ chế độ sinh hoạt trong khối để nắm tình hình và giải quyết kịp thời những việc có liên quan cả khối và thuộc phạm vi đồng chí phụ trách khối mới quyết đáp được.

- Ngoài việc đề cao trách nhiệm phụ trách khối và ngành cần thực hiện tốt chế độ phụ trách cụm, huyện, thị của các đồng chí thường vụ cấp ủy, cấp ủy viên và Ủy ban nhân dân như đã phân công. Các đồng chí lãnh đạo tỉnh và ngành phải năng xuống các đơn vị cơ sở để kiểm tra, nghiên cứu và giải quyết công việc tại chỗ, chống tác phong quan liêu, bàn giấy, xa rời thực tế. Nhất là đối với các huyện, thị tuyến I, các ngành ở tỉnh phải có đồng chí lãnh đạo và bộ môn giúp việc xuống huyện, thị và cơ sở ít nhất mỗi tháng 1 tuần lễ.

- Nghiêm chỉnh chấp hành chế độ báo cáo và thống kê từ cơ sở lên, nhằm kịp thời phát hiện những điển hình tốt, nhân tố mới để phổ biến phát huy và uốn nắn những lệch lạc, thiếu sót. Bộ máy tổ chức văn phòng tổng hợp và thống kê của các cấp, các ngành, ban cần được cung cấp và chấn chỉnh vững mạnh hơn.

Nhiệm vụ kinh tế và xã hội năm 1981 của tỉnh ta đề ra như trên là nặng nề, khó khăn lại nhiều nhưng có các thuận lợi rất cơ bản và các chỉ tiêu đề ra là có cơ sở căn cứ thực tế để thực hiện thắng lợi. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tin tưởng rằng: Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, sáng suốt; với những chỉ thị, nghị quyết đúng đắn của Trung ương soi sáng, lại có tinh thần đoàn kết chiến đấu, nhiệt tình cách mạng, căn cứ, sáng tạo của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh ngày càng được phát huy, nên nhất định chúng ta sẽ giành được thắng lợi to lớn hơn, toàn diện hơn năm 1980. Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ chỉ đạo các ngành, các cấp có kế hoạch cụ thể để thực

hiện từng nhiệm vụ đề ra trong Nghị quyết này. Có những chuyên đề cần có hội nghị để bàn đề án kế hoạch thực hiện riêng (như xây dựng Đảng, bảo vệ an ninh trật tự, v.v.).

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ (KHÓA II)

Số 39-TB/TU, ngày 19-1-1981

Về kết luận của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Đảng bộ (khóa II)

Hội nghị toàn thể lần thứ ba Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa II) đã họp từ ngày 10-1-1981 đến 13-1-1981.

Qua 3 ngày làm việc khẩn trương, với sự chuẩn bị tốt nội dung văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội nghị Tỉnh ủy đã tập trung nghiên cứu, thảo luận và nhất trí thông qua báo cáo tổng kết của Tỉnh ủy về đánh giá mọi mặt tình hình công tác năm 1980, Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phương hướng nhiệm vụ kinh tế và xã hội trong tỉnh năm 1981.

Tỉnh ủy cũng đã bầu ra Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và tiếp tục phân công phụ trách cụm địa phương trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Dưới đây là tóm tắt những kết luận của Hội nghị Tỉnh ủy.

I. VỀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÁC MẶT CÔNG TÁC NĂM 1980

Hội nghị nhất trí khẳng định: Năm 1980, ngoài những khó khăn chung của cả nước, tỉnh ta còn phải khắc phục những hậu quả nặng nề của chiến tranh xâm lược năm 1979 và thường xuyên quấy rối phá hoại của bọn phản động (...) gây ra. Nhưng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ và sự quan tâm giúp đỡ của Trung ương, Đảng bộ và quân dân các dân

tộc tỉnh ta đã nỗ lực phấn đấu, khắc phục được nhiều khó khăn, thực hiện các nhiệm vụ năm 1980 *đạt thắng lợi to lớn, tương đối toàn diện*, cả về sản xuất và chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an ninh trật tự, củng cố, xây dựng Đảng. Nổi bật là tỉnh ta đã đạt được sản lượng lương thực quy thóc trên 232 ngàn tấn, vượt mức Trung ương giao và vượt chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra. Đây là năm có sản lượng lương thực cao nhất từ trước tới nay. Trong nông, lâm nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, lưu thông, phân phối... bước đầu đã nảy nở những nhân tố mới trên các mặt sản xuất kinh doanh, thực hiện kế hoạch, quản lý kinh tế, quản lý sản phẩm và vận dụng các chế độ chính sách để khuyến khích lao động sản xuất, làm cho sản xuất “bung ra” theo như Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương, Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị (như vấn đề khoán sản phẩm trong xí nghiệp và hợp tác xã; vấn đề tự tìm nguyên vật liệu và việc làm để bảo đảm sản xuất và đời sống cho công nhân ở các lâm trường, xí nghiệp, công trường; vấn đề tận dụng đất đai, lao động để sản xuất lương thực, thực phẩm...).

Từ đó, đời sống nhân dân nông thôn được khá hơn về mặt lương thực, đời sống cán bộ, công nhân viên được cố gắng bảo đảm.

Nguyên nhân chính của những thắng lợi đó là: Có các chỉ thị và nghị quyết của Bộ Chính trị và Trung ương Đảng (nhất là Nghị quyết 6 Trung ương, Nghị quyết 26 Bộ Chính trị) và một số chính sách của Nhà nước mới ban hành mà địa phương ta đã nghiêm chỉnh thực hiện và vận dụng thích hợp với hoàn cảnh thực tế của tỉnh ta; do đó đã thúc đẩy sản xuất phát triển có kết quả.

Song, tỉnh ta vẫn còn những tồn tại lớn là:

- Trong kinh tế, mặt thâm canh, tăng vụ vẫn yếu, chưa được tập trung chỉ đạo theo vùng trọng điểm một cách đúng mức. Sản xuất tập thể và quốc doanh bung ra yếu hơn sản xuất gia đình và cá thể. Việc tận dụng điều kiện, khả năng tự có (đất đai, lao động, vật tư...) còn nhiều nơi phát huy tinh thần tự lực tự cường còn yếu. Công tác quản lý kinh tế, quản lý và thu mua hàng chưa mạnh, chưa mở rộng kinh doanh theo hướng mới. Một số chính sách chưa được vận dụng tốt. Vì

vậy, nhiều mặt vẫn còn mất cân đối nặng; đời sống cán bộ, công nhân viên, bộ đội còn nhiều khó khăn.

- Các công tác về quân sự, an ninh, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ biên giới, công tác Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng cũng còn những mặt yếu kém, chưa đáp ứng tình hình nhiệm vụ đòi hỏi.

Nguyên nhân tồn tại, thiếu sót trên có nhiều, nhưng nguyên nhân do thiếu sót chủ quan là chính. Đáng chú ý là trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các ngành, các cấp còn nhiều biểu hiện tùy tiện, thiếu trách nhiệm, thiếu suy nghĩ vận dụng sáng tạo, còn trông chờ ỷ lại, tắc trách, quan liêu, thiếu sâu sát cơ sở, thiếu hợp tác chặt chẽ với nhau, quản lý các mặt chưa chặt. Cuộc đấu tranh chống các tiêu cực chưa làm mạnh, đến nay có nơi chưa triển khai, chưa chuyển biến đáng kể. Công tác các mặt đối với vùng cao, vùng biên giới, tuyến I còn những khâu cần phải được tiếp tục chỉ đạo mạnh mẽ hơn. Những thiếu sót đó đã gây khó khăn, ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống nhân dân, từng cấp, từng ngành cần liên hệ kiểm điểm và tích cực khắc phục, sửa chữa trong năm 1981.

II. NGHỊ QUYẾT VỀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KINH TẾ, XÃ HỘI NĂM 1981

Hội nghị nhất trí với các mục tiêu và các chủ trương, biện pháp trong dự thảo nghị quyết đã nêu. Tỉnh ủy xác định: Phải lấy mục tiêu của Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ II đã đề ra cho năm 1981 là mục tiêu phấn đấu, đồng thời thực hiện vượt mức các chỉ tiêu do Nhà nước giao là mục tiêu pháp lệnh; quyết không cho phép hạ bớt các chỉ tiêu đó. Nhưng muốn vậy, phải tức thời nghiên cứu và áp dụng sớm các biện pháp cụ thể để duy trì và phát huy các thắng lợi, các nhân tố đã có. Trước mắt, từng khối ban, ngành phải có kế hoạch biện pháp thực hiện các nhiệm vụ trong nghị quyết của Tỉnh ủy đề ra. Về mặt chính quyền Ủy ban nhân dân tỉnh cần soát xét lại các

chế độ, chính sách của Nhà nước và tỉnh đã ban hành, đơn đốc kiểm tra thi hành triệt để các chế độ, chính sách đã sát hợp, đồng thời quyết định sớm, thành thể chế chính quyền để quy định vận dụng chính sách chưa có cụ thể, như: chính sách giá cả, thu mua, thuế và đối với một số sản phẩm (sắn, cá, sản phẩm không trong kế hoạch của các đơn vị sản xuất làm); chính sách sử dụng đất đai, rừng, bờ bãi; vấn đề quy hoạch các công - nông - lâm trường, thị xã, thị trấn; vấn đề chỉ đạo tập trung các vùng sản xuất trọng điểm và các vấn đề đã có nghị quyết của tỉnh (như vấn đề phát triển chăn nuôi, phát triển dược liệu, sản xuất và chế biến hàng xuất khẩu...). Nếu không như vậy sẽ không thể giữ mức sản xuất như năm 1980 mà còn sẽ bị giảm sút đi. Trong công nghiệp, các xí nghiệp quốc doanh cần đẩy mạnh thực hiện điều lệ quản lý xí nghiệp của Nhà nước ban hành và đẩy mạnh chế độ khoán, trả lương theo sản phẩm, bảo đảm ba lợi ích trong quản lý sản xuất và kinh doanh, nhất là lợi ích người lao động, bảo đảm các cơ sở sản xuất kinh doanh phải có lãi. Trong nông - lâm nghiệp, các hợp tác xã sẽ cần đẩy mạnh tổ chức lại sản xuất, định canh định cư... gắn với xây dựng cấp huyện, triển khai mở rộng chế độ cải tiến quản lý hợp tác xã, chế độ khoán sản lượng cuối cùng, trên cơ sở kinh nghiệm thực tế rút ra từ các điểm làm thử và theo đúng các nguyên tắc của Trung ương đề ra.

Từng vấn đề trên, các khối, các ngành cần có kế hoạch thực hiện; có các hội nghị chuyên đề để phổ biến thực hiện một cách tích cực và chặt chẽ.

1. Phải phát động quần chúng rộng rãi, quán triệt tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ chín và nghị quyết Tỉnh ủy lần này để tiến hành dân chủ hóa kế hoạch năm 1981 từ cơ sở lên, và phát động phong trào thi đua thực hiện kế hoạch ngay từ tháng đầu, quý đầu. Xây dựng và thực hiện phải với tinh thần: số vật tư, tiền vốn, nguyên vật liệu Nhà nước cung ứng giảm hoặc chi bằng năm 1980, nhưng phải từ lao động, đất đai, tiềm năng sẵn có của mỗi hợp tác xã, mỗi đơn vị sản xuất, mỗi địa phương, mỗi ngành, của cả nhân dân và

với tinh thần nghiêm ngặt tiết kiệm để phấn đấu làm được nhiều hơn, tăng hơn chỉ tiêu của cấp trên giao.

2. Phải tăng cường củng cố cơ sở chính trị, cụ thể là làm tốt công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, tích cực xây dựng và củng cố tốt chính quyền, các đoàn thể quần chúng; đồng thời nâng cao cảnh giác, làm tốt công tác quân sự, an ninh, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ biên giới; đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống các tiêu cực. Trên các cơ sở đó, bảo đảm tốt cho việc thực hiện thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1981 (sẽ có hội nghị bàn chuyên đề về công tác xây dựng Đảng, hội nghị chuyên đề về bảo vệ an ninh chính trị, trật tự xã hội để thi hành các nghị quyết Bộ Chính trị).

3. Những công tác trước mắt trong quý I năm 1981 là: Đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, giữ nghiêm kỷ luật, bảo vệ, chống trả có hiệu quả các hoạt động quấy rối, phá hoại của bọn phản động (...), nhất là trong dịp tết, hết sức đề phòng tư tưởng chủ quan lơ đãng cảnh giác. Phải huy động mọi khả năng, sức lực tập trung chỉ đạo thực hiện thật tốt nhiệm vụ sản xuất đông - xuân này, phấn đấu gieo cấy lúa, rau màu và các cây công nghiệp khác đúng với thời vụ hết diện tích. Phải đẩy mạnh thu mua (nhất là đào rỗ, chế biến, thu mua sắn bảo đảm mức đề ra). Phải tổ chức tốt Tết Nguyên đán Tân Dậu theo tinh thần: cảnh giác, phấn khởi, vui tươi lành mạnh, tiết kiệm. Tổ chức tốt đợt sinh hoạt kỷ niệm ngày thành lập Đảng (3-2) gắn với xây dựng Đảng và các tổ chức chính quyền, đoàn thể, bình xét, biểu dương các đảng bộ trong sạch, vững mạnh và đảng viên xuất sắc, phát huy Đảng dịp 3-2, với tuyên truyền phổ biến Hiến pháp mới.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 214-QN/TU, ngày 10- 2- 1981

Về việc thành lập Ban kiện toàn tổ chức tỉnh

- Căn cứ Thông tri số 119-TT/TW, ngày 10-1-1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết số 32-NQ/TW của Bộ Chính trị;

- Căn cứ Nghị quyết Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 26-1-1981, về tổ chức thực hiện Nghị quyết 32 của Bộ Chính trị trong tỉnh,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Thành lập Ban kiện toàn tổ chức tỉnh gồm các đồng chí có tên sau đây:

- Nguyễn Ngọc Hồ, Phó Bí thư Thường trực tỉnh, làm Trưởng ban
- Hà Đình Khiêm, Tỉnh ủy viên, Phó Ban Thường trực Ban Tổ chức Tỉnh ủy, làm Ủy viên Ban.

- Nguyễn Ngọc Chung, Phó ban Tổ chức chính quyền tỉnh, làm Ủy viên Ban.

2. Chức năng, nhiệm vụ của Ban như Thông tri 119-TT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng quy định.

3. Ban Kiện toàn tổ chức tỉnh, các ban, Đảng đoàn, Ban cán sự và phụ trách các ngành tỉnh, các huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc và các đồng chí có tên trên đây thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 216-QN/TU, ngày 10-2-1981

Về việc thành lập tổ chức cơ sở đảng

- Căn cứ vào Quyết định số 1290 của Bộ Tư lệnh Quân khu II về việc thành lập Trung đoàn 879 đơn vị xây dựng kinh tế, trực thuộc Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Hoàng Liên Sơn;

- Căn cứ vào Điều 11 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y thành lập Đảng ủy cơ sở Trung đoàn 879 với số lượng đảng viên là 67 đồng chí trực thuộc Đảng ủy Quân sự tỉnh Hoàng Liên Sơn.

Đảng ủy Quân sự tỉnh có nhiệm vụ chỉ đạo chặt chẽ việc củng cố ổn định tổ chức, chấp hành đúng các nguyên tắc Điều lệ đã quy định.

2. Đảng ủy Quân sự tỉnh Hoàng Liên Sơn và Đảng ủy Trung đoàn 879 căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 217-QN/TU, ngày 10-2-1981

Về việc tách và nâng cấp tổ chức cơ sở đảng

- Xét tính chất nhiệm vụ về sản xuất kinh doanh ở cơ sở và đề nghị của Huyện ủy Bảo Thắng;

- Căn cứ vào Điều 11 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y cho tách Chi bộ Thương nghiệp huyện Bảo Thắng thành hai chi bộ cơ sở:

+ Chi bộ Ban Vật tư đời sống gồm 6 đảng viên.

+ Chi bộ Công ty Thương nghiệp cấp III gồm 26 đảng viên.

Hai chi bộ trên đặt trực thuộc Huyện ủy Bảo Thắng. Huyện ủy Bảo Thắng có nhiệm vụ chỉ đạo chặt chẽ việc củng cố ổn định tổ chức thực hiện đúng nguyên tắc quy định.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức cơ sở đảng căn cứ vào Điều 35, 36, 37 Chương V Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam để thực hiện.

3. Huyện ủy Bảo Thắng và các chi bộ có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 218-QN/TU, ngày 11- 2- 1981

Về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng trụ sở Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn

- Căn cứ chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc quy hoạch và xây dựng trụ sở Tỉnh ủy;
- Căn cứ tinh thần cuộc họp ngày 27-10-1980 của Thường trực Tỉnh ủy với các ngành về quy hoạch xây dựng thiết kế các công trình thuộc khối Đảng;
- Xét dự án quy hoạch xây dựng khu vực trụ sở Tỉnh ủy số 122, ngày 15-12-1980 của Ban Tài chính quản trị Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Nay phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng trụ sở Tỉnh ủy (đợt đầu) như sau:

- a) Tên công trình: Trụ sở Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn.
- b) Địa điểm mặt bằng tại km 5 đường Yên Bái- Hà Nội (theo quy hoạch đã được tỉnh duyệt).
- c) Quy cách xây dựng:
 - Nhà ba tầng theo tiêu chuẩn cấp 2 (mái bằng).
 - Nhà một tầng theo tiêu chuẩn cấp 4.

d) Quy mô xây dựng:

- Nhà làm việc Văn phòng Tỉnh ủy ba tầng: 700 m² xây dựng.
- Nhà họp Tỉnh ủy, một tầng: 300 m² xây dựng
- San gạt mặt bằng, điện nước, đường nội bộ (theo thiết kế cụ thể).

đ) Vốn đầu tư:

- Nhà làm việc văn phòng ba tầng: 700 m² là 420.000 đồng.
- Nhà họp Tỉnh ủy một tầng: 300 m² là 60.000 đồng.
- San gạt, điện nước, đường nội bộ: 20.000 đồng.

Tổng cộng vốn đầu tư: 500.000 đồng.

e) Nguồn vốn: Vốn ngân sách Đảng: 500.000 đồng.

Điều 2: Thời gian xây dựng:

- Khởi công quý I năm 1981; hoàn thành quý IV năm 1981

Điều 3: Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy nhiệm và giao trách nhiệm cho Ty Xây dựng lập đồ án thiết kế kỹ thuật tiến hành thi công, đồng thời trực tiếp làm nhiệm vụ bên A của công trình. Sau khi xây dựng xong, Ban Tài chính quản trị và Văn phòng Tỉnh ủy là cơ quan nghiệm thu cuối cùng và nhận bàn giao sử dụng.

Ban Tài chính quản trị Tỉnh ủy là cơ quan đầu tư vốn và theo dõi, đôn đốc chung việc thực hiện.

Ủy ban Kế hoạch tỉnh có trách nhiệm đưa vào kế hoạch cân đối và phân phối nguyên vật liệu, vật tư, lao động, v.v. để bảo đảm cho việc thi công công trình được hoàn thành theo đúng yêu cầu và thời gian quy định như trên.

Điều 4: Thủ trưởng các cơ quan: Ủy ban Kế hoạch tỉnh, Sở Tài chính-vật giá, Chi hàng kiến thiết, Ty Xây dựng, Văn phòng Tỉnh ủy và Ban Tài chính - quản trị Tỉnh ủy chịu trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 219-QĐ/TU, ngày 13-2-1981

Về việc thành lập Ban chỉ đạo cải tiến công tác khoán trong hợp tác xã nông nghiệp

Để thực hiện và triển khai Chỉ thị số 100-CT/TW, ngày 13-1-1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về cải tiến công tác khoán, mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động” trong hợp tác xã nông nghiệp;

Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 27-1-1981 đã bàn kế hoạch thi hành và chủ trương thực hiện về công tác khoán trong các hợp tác xã nông nghiệp trong tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập Ban chỉ đạo cải tiến công tác khoán trong hợp tác xã nông nghiệp của tỉnh, gồm có các đồng chí có tên sau:

1- Đồng chí Hoàng Kim Phấn, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, làm Trưởng ban

2- Đồng chí Nguyễn Bài, Trưởng ban Nông nghiệp, làm Phó ban

3- Đồng chí Nguyễn Quý Đăng, Giám đốc Sở Nông nghiệp, làm Phó ban Thường trực

4- Đồng chí Nguyễn Ngọc Bích, Phó ban Tuyên huấn, làm Ủy viên

5- Đồng chí Dương Xuân Khanh, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp, Ủy viên

6- Đồng chí Nguyễn Văn Tín, Trưởng ban Quản lý hợp tác xã, Ủy viên

Điều 2: Ban chỉ đạo có nhiệm vụ giúp Tỉnh ủy đề ra kế hoạch hướng dẫn, đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, sơ kết, tổng kết việc thực hiện chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng và kế hoạch triển khai của Tỉnh ủy.

Điều 3: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

KẾ HOẠCH CỦA TỈNH ỦY

Số 01-KH/TU, ngày 13-2-1981

**Thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư
về “Cải tiến công tác khoán, “mở rộng khoán sản phẩm
đến nhóm lao động và người lao động”
trong hợp tác xã nông nghiệp”**

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Làm cho các ngành, các cấp quán triệt tinh thần cơ bản của Chỉ thị 100-CT/TW về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động là một bộ phận của công tác quản lý hợp tác xã nông nghiệp nhằm kích thích người lao động hăng hái sản xuất, cải tiến kỹ thuật tăng năng suất lao động và củng cố hợp tác xã nông nghiệp hiện nay. Phương hướng lâu dài để củng cố hợp tác xã là đẩy mạnh, đồng thời thực hiện ba cuộc cách mạng, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, phát triển lực lượng sản xuất đi đôi với tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý hợp tác xã một cách toàn diện.

2. Trên cơ sở đó, mỗi ngành, mỗi cấp, mỗi đoàn thể, mỗi cán bộ, đảng viên và các hợp tác xã nông nghiệp có kế hoạch, biện pháp chuẩn bị đầy đủ những điều kiện thực hiện chỉ tiêu công tác khoán và mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động, đồng thời sửa chữa những sai sót, lệch lạc (nếu có) trong hợp tác xã

mình và mỗi ngành có kế hoạch phục vụ cho yêu cầu của cơ sở hợp tác xã trong việc thực hiện công tác khoán. Trước mắt tập trung chỉ đạo tốt những hợp tác xã làm thí điểm trong vụ sản xuất đông - xuân 1980-1981.

3. Trên cơ sở cải tiến công tác khoán, phát động phong trào thi đua sôi nổi, nghiêm túc, đẩy mạnh sản xuất vụ đông - xuân giành thắng lợi về diện tích, năng suất và tổng sản lượng, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đã giao.

II. NỘI DUNG CẦN QUẢN TRIỆT

Nghiên cứu Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư cần chú ý đi sâu nghiên cứu, thảo luận, quán triệt:

1. Về mục đích: Bảo đảm phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế, kích thích mọi người hăng hái lao động và tăng năng suất lao động; củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn.

2. Về nguyên tắc: Cần nắm vững 5 nguyên tắc trong chỉ thị của Trung ương nhưng cần nắm vững:

- Hợp tác xã nông nghiệp phải quản lý chặt chẽ và sử dụng đúng, có hiệu quả tư liệu sản xuất, tổ chức, quản lý, phân bổ, điều hành lao động, hợp tác xã phải nắm được sản phẩm, đối với lãnh đạo cần đi sâu: quyền làm chủ của hợp tác xã, đối với cơ sở cần đi sâu: quyền làm chủ tập thể của xã viên.

3. Về hình thức khoán: Cần thảo luận, quán triệt cả hai hình thức khoán: khoán sản phẩm và khoán việc cho nhóm lao động và người lao động; chế độ thưởng, phạt công bằng với mọi người trong tất cả các khâu trong quá trình sản xuất do Đại hội xã viên quyết định những hình thức thưởng phạt.

4. Những điều kiện để làm cơ sở cho thực hiện khoán sản phẩm, cần nắm vững bốn điều kiện sau:

- Hợp tác xã có phương hướng sản xuất rõ ràng, có quy hoạch

chung, kế hoạch cân đối, toàn diện, tích cực, vững chắc của từng vụ và cả năm. Trên cơ sở dân chủ xây dựng kế hoạch từ dưới lên.

- Có hiệp tác và phân công lao động trong hợp tác xã và đội sản xuất, hợp tác xã phải được ổn định về quy mô đội, ổn định mức nghĩa vụ lương thực.

- Cố định mức kinh tế - kỹ thuật toàn diện, từng cánh đồng, từng thửa ruộng, từng cây trồng và từng con gia súc. Trước hết là cố định mức khoán thật cụ thể đối với cây lúa rồi đến các cây trồng khác.

- Có đội ngũ cốt cán vững, đặc biệt là đội ngũ đội trưởng được bồi dưỡng về công tác khoán.

5. Về lãnh đạo và chỉ đạo cần chú ý: Không phân tán tư liệu sản xuất, không để xã viên đảm nhiệm cả khâu làm đất, không để làm suy yếu kinh tế tập thể; kiên quyết ngăn ngừa tình trạng khoán trắng; phải củng cố hợp tác xã yếu kém, biện pháp cải tiến công tác khoán phải gắn với tổ chức lại sản xuất dự kiến với xây dựng cấp huyện, cải tiến công tác của ngành mình để phục vụ tốt các hợp tác xã; kiện toàn bồi dưỡng cán bộ, đặc biệt là đội trưởng; về chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm, từng bước mở rộng diện.

6. Về phương châm tiến hành: Phải tích cực, khẩn trương, ủng hộ cái mới, khuyến khích hình thức khoán sản phẩm, chỉ đạo tập trung, lãnh đạo chặt chẽ, tránh làm ô ạt, chống khoán trắng, phải bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối của cấp ủy, do địa phương tự làm là chính, có cán bộ trên về giúp.

III. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH

Triển khai thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương chia ra làm ba bước, làm tập trung ở các hợp tác xã nông nghiệp (vùng thấp) như sau:

Bước một: Từ nay đến hết tháng 2-1981 làm những việc sau:

1. Mở hội nghị ở tỉnh gồm: Các huyện, thị (vùng thấp) và các ngành trên tỉnh một số cán bộ đi làm điểm để quán triệt Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư và bàn kế hoạch chỉ đạo sơ kết các thí điểm.

2. Tỉnh và các huyện đã làm điểm trong vụ đông - xuân này trọng tâm đi sâu tổng kết ba điểm để tiến hành sơ kết cách làm của các điểm: Báo Đáp, Mường Lai, Yên Hưng do Huyện ủy trực tiếp chỉ đạo tổng kết có cán bộ của tỉnh, huyện tham gia. Tổng kết xong các huyện cần báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định cho chủ trương, vận dụng cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm ở các địa phương trong tỉnh.

3. Mở hội nghị học tập cho toàn ban huyện, thị ủy, bí thư, chủ tịch, chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp (vùng thấp) và các ngành, ban, đoàn thể xung quanh huyện để quán triệt chỉ thị của Ban Bí thư và có kế hoạch chỉ đạo khoán việc trong các hợp tác xã và chuẩn bị tạo đủ điều kiện để thực hiện khoán sản phẩm vào vụ mùa tới và các vụ sản xuất sau. Tài liệu học tập, nội dung học tập do Ban Tuyên huấn chủ trì cùng với Ban Nông nghiệp, Sở Nông nghiệp hướng dẫn. Các ban, ngành, đoàn thể có kế hoạch phục vụ cho yêu cầu cải tiến công tác khoán theo chức năng của ngành mình.

4. Các huyện, thị ủy (vùng thấp) căn cứ vào điều kiện, quy định của Trung ương, lập danh sách và duyệt những hợp tác xã đủ điều kiện để tiến hành khoán sản phẩm vụ mùa tới và những hợp tác xã chưa đủ điều kiện để có kế hoạch củng cố. Tạo điều kiện để khoán sản phẩm cho các vụ sau. Tất cả các hợp tác xã đều phải được bồi dưỡng về công tác quản lý theo từng hợp tác xã, từng vùng khác nhau. Do Sở Nông nghiệp chuẩn bị nội dung hướng dẫn về mặt nghiệp vụ, gắn liền với những việc làm thực tế ở cơ sở và thực hiện Nghị quyết 61 của Hội đồng Chính phủ.

Bước hai: Thời gian từ tháng 3 đến tháng 5-1981.

1. Ở cơ sở mở hội nghị học tập, quán triệt Chỉ thị của Ban Bí thư từ trong Đảng đến các đoàn thể và xã viên hợp tác xã nhằm: Quán triệt chỉ thị của Trung ương (theo nội dung, yêu cầu trên), sửa chữa ngay những sai sót, lệch lạc trong khi làm đồng thời bàn bạc thực hiện cải tiến một bước công tác khoán việc trong hợp tác xã, phát động thi đua, đẩy mạnh sản xuất đông - xuân, tích cực chuẩn bị đầy đủ bốn

điều kiện để làm cơ sở cho việc khoán sản phẩm trong vụ mùa tới và các vụ sau.

Trong Đảng ủy, chi ủy, chi bộ cần bàn kỹ về công tác lãnh đạo của Đảng đối với công tác khoán, định rõ trách nhiệm và phân công cấp ủy viên, đảng viên thực hiện. Các ngành đoàn thể theo chức năng của mình có kế hoạch vận động hội viên, đoàn viên hăng hái thực hiện.

2. Tiến hành bồi dưỡng đội ngũ cán bộ từ quản trị đến đội trưởng, đặc biệt là đội ngũ đội trưởng cho những cơ sở hợp tác xã đủ điều kiện thực hiện khoán sản phẩm vụ mùa tới (Sở Nông nghiệp chuẩn bị tài liệu bồi dưỡng cho huyện và phân công cán bộ của sở cùng huyện bồi dưỡng cho cơ sở).

3. Phân công một số huyện, thị ủy viên và các huyện cần tập trung một số cán bộ có năng lực chỉ đạo giúp cơ sở tiến hành công tác khoán việc ở tất cả các hợp tác xã và khoán sản phẩm ở những hợp tác xã (vùng thấp) đủ điều kiện như chỉ thị của Ban Bí thư quy định và hướng dẫn cụ thể của Sở Nông nghiệp. Toàn bộ cán bộ của Ban Nông nghiệp, Sở Nông nghiệp. Các ban nông nghiệp của các huyện cần được cử đi xuống cơ sở hướng dẫn chỉ đạo việc cải tiến chế độ khoán.

4. Từng việc và cuối mỗi bước cần tiến hành sơ kết từ cơ sở đến huyện, tỉnh, phát hiện những việc, những nơi làm tốt để rút kinh nghiệm phổ biến và kịp thời uốn nắn những lệch lạc có thể xảy ra trong quá trình thực hiện.

Bước ba: Từ tháng 6 đến hết năm 1981

1. Tổng kết khoán sản phẩm ở những hợp tác xã làm thí điểm sau 1 vụ sản xuất đông - xuân, xây dựng những mô hình cụ thể rút kinh nghiệm phổ biến, học tập của mỗi vùng, mỗi huyện.

2. Tỉnh, huyện phải phân công một số cán bộ chuyên trách kiểm tra, theo dõi, giúp đỡ những hợp tác xã khoán sản phẩm trong vụ mùa và chỉ đạo điều hành trong suốt quá trình sản xuất phát hiện những vấn đề mới cần nghiên cứu phổ biến hợp tác và uốn nắn kịp thời những lệch lạc. Tiến hành tổng kết vào cuối năm 1981.

3. Tiếp tục củng cố những hợp tác xã yếu kém tạo đủ điều kiện khoán sản phẩm vào vụ đông xuân 1981-1982.

IV. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Công tác khoán sản phẩm là vấn đề mới, có nhiều khó khăn phức tạp, các cấp ủy Đảng, trước hết là bí thư phải trực tiếp chỉ đạo công tác này và mỗi ủy viên thường vụ phụ trách một cơ sở, mỗi huyện ủy viên phụ trách một hợp tác xã để chỉ đạo, các huyện cần bồi dưỡng kỹ cho cán bộ đi làm.

Trong tiến hành cần quán triệt nguyên tắc: “Tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ”, cấp trên không được gò ép cấp dưới và không được ngăn cấm cấp dưới làm, phải thực sự dân chủ, cơ sở tự nguyện làm lấy là chính, cán bộ trên về kiểm tra, giúp đỡ chống buông trôi (làm được đến đâu hay đến đó) hoặc khoán trắng.

Để theo dõi, sơ kết, tổng kết giúp Thường vụ cấp ủy phụ trách việc củng cố hợp tác xã và cải tiến chế độ khoán, nhất là khoán sản phẩm cho lao động, tỉnh và huyện cần tiến hành lập Ban chỉ đạo, thành phần Ban chỉ đạo của huyện phải có đồng chí chủ tịch huyện làm trưởng ban. Đồng chí thường vụ phụ trách nông nghiệp làm phó ban, các ngành có liên quan như: Tuyên huấn, Kế hoạch, Thủy lợi, Vật tư, các đoàn thể như Thanh niên, Phụ nữ, Hội đồng nông dân tập thể làm ủy viên.

Sở Nông nghiệp, Ban Nông nghiệp, Ban Tuyên huấn cùng Ban chỉ đạo của tỉnh theo chức năng của mình có trách nhiệm giúp Tỉnh ủy hướng dẫn theo dõi, kiểm tra việc thực hiện và báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 228-QN/TU, ngày 25-2-1981

Thành lập Ban chỉ đạo bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh

- Căn cứ Nghị quyết số 35, ngày 12-1-1981 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 102, ngày 17-1-1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về kế hoạch tổ chức và lãnh đạo công tác bầu cử Quốc hội khóa VII và Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương;
- Căn cứ yêu cầu công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác bầu cử Quốc hội khóa VII và Hội đồng nhân dân tỉnh khóa III,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Thành lập Ban chỉ đạo bầu cử Quốc hội khóa VII và Hội đồng nhân dân tỉnh khóa III của Tỉnh ủy.
2. Chỉ định và phân công các đồng chí có tên sau đây trong Ban chỉ đạo bầu cử:
 - Hà Thiết Hùng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban.
 - Bùi Hữu Bình, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh làm Phó Trưởng ban.
 - Lương Quyết Định, Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh làm Phó Trưởng ban.

- Giàng A Páo, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy làm Ủy viên.

- Trần Đức Minh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy làm Ủy viên.

- Hà Đình Khiêm, Tỉnh ủy viên, Phó ban Tổ chức Tỉnh ủy làm Ủy viên.

- Nguyễn Ngọc Chung, Phó ban Tổ chức chính quyền làm Ủy viên.

3. Nhiệm vụ của Ban chỉ đạo bầu cử Quốc hội khóa VII và Hội đồng nhân dân tỉnh khóa III của Tỉnh ủy thực hiện theo tinh thần Nghị quyết 35 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 102 của Ban Bí thư Trung ương Đảng quy định.

4. Đảng đoàn Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh và các đồng chí có tên trên đây căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 231-QN/TU, ngày 28-2-1981

**Chỉ định bổ sung Ban chỉ đạo bầu cử
Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh**

Căn cứ Nghị quyết số 35, ngày 12-1-1981 của Bộ Chính trị về Chỉ thị số 102, ngày 17-1-1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về kế hoạch tổ chức và lãnh đạo công tác bầu cử Quốc hội khóa VII và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương;

Căn cứ yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo công tác bầu cử Quốc hội khóa VII và Hội đồng nhân dân tỉnh khóa III;

Căn cứ Quyết nghị số 228-QN/TU, ngày 25-2-1981 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thành lập Ban chỉ đạo bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chỉ định bổ sung và phân công các đồng chí có tên sau đây vào Ban chỉ đạo bầu cử Quốc hội khóa VII và Hội đồng nhân dân tỉnh khóa III của Tỉnh ủy:

- Bạch Bá Năng, Thượng tá, Chỉ huy phó Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh làm Ủy viên.

- Trần Trọng Vĩ, Phó Trưởng ty Công an làm Ủy viên

2. Nhiệm vụ của các đồng chí trên do Ban chỉ đạo bầu cử Quốc hội khóa VII và Hội đồng nhân dân tỉnh khóa III của Tỉnh ủy bàn bạc phân công theo tinh thần Nghị quyết 35 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 102 của Ban Bí thư Trung ương Đảng quy định.

3. Đảng đoàn Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Ban cán sự Ty Công an, Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh, các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc và các đồng chí có tên trên đây căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 09-TT/TU, ngày 2-3-1981

Về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị 65-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác nuôi dạy trẻ

Qua hai năm thực hiện Chỉ thị 65-CT/TW, ngày 8-2-1979 của Ban Bí thư Trung ương về công tác nuôi dạy trẻ, các cấp, các ngành đã có nhiều cố gắng đưa công tác nuôi dạy trẻ tiến bộ, cả về số lượng và chất lượng.

Số trẻ vào nhà trẻ tăng 15%, số nhà trẻ có tổ chức ăn tại nhà trẻ bằng 54,5%, có một số nhà trẻ đã được dạy theo phương pháp khoa học.

Nhiều hợp tác xã, xí nghiệp, công trường, lâm trường đã đầu tư vốn để xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang bị cho nhà trẻ.

Công tác đào tạo và bồi dưỡng cô nuôi dạy trẻ cũng có tiến bộ.

Phong trào trồng 1 cây, nuôi 1 con được nhiều địa phương quan tâm vận động các đoàn thể quần chúng và trong các ngành tổ chức thực hiện đã tạo cho bữa ăn của trẻ được tốt hơn.

Trong thi đua với huyện Diễn Châu cũng đã xuất hiện nhiều điển hình tiên tiến, một số nhà trẻ đã được công nhận là nhà trẻ, tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa; nhiều cô nuôi dạy trẻ đạt danh hiệu giỏi và một số là chiến sĩ thi đua. Nổi bật là nhà trẻ đội Bàn Đào Nông trường Nghĩa Lộ đã được Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Hai và Quyền Chủ tịch nước tặng lẵng hoa.

Tuy vậy công tác nuôi dạy trẻ cũng còn nhiều mặt yếu kém:

Phong trào nuôi dạy trẻ của tỉnh ta chưa rộng, chưa đều, ở vùng cao, biên giới, số cháu vào nhà trẻ còn quá ít. Cơ sở vật chất còn nghèo nàn, nhà trẻ làm theo mẫu còn ít. Các cô nuôi dạy trẻ chưa được bồi dưỡng tốt nghiệp vụ. Phong trào trồng 1 cây, nuôi 1 con chưa rộng khắp. Phong trào thi đua với huyện Diên Châu về việc nhân các điển hình tiên tiến chỉ đạo chưa được tốt.

Những khuyết điểm tồn tại trên đây có nhiều nguyên nhân, những nguyên nhân chính là: Nhiều cấp ủy và ngành chưa quán triệt quan điểm của Đảng về công tác nuôi dạy trẻ nên chưa quan tâm đầy đủ, phát triển sự nghiệp nhà trẻ. Sự phối hợp của một số ngành có liên quan đến công tác này chưa chặt chẽ, thiếu cụ thể. Ngành bảo vệ bà mẹ trẻ em chưa làm tham mưu đắc lực cho cấp ủy và chính quyền.

Từ tình hình trên đây, các cấp ủy Đảng, chính quyền và các đoàn thể cần làm tốt một số công tác sau đây:

1- Tiếp tục phổ biến Chỉ thị 65-CT/TW đến tận chi bộ Đảng để quán triệt quan điểm, đường lối của Đảng và bốn yêu cầu về công tác nuôi dạy trẻ, trên cơ sở đó, liên hệ, kiểm điểm về công tác nuôi dạy trẻ và xây dựng quy hoạch, kế hoạch, phải có quy hoạch, kế hoạch phát triển nhà trẻ, cả về số lượng và chất lượng.

2- Ủy ban Bảo vệ bà mẹ và trẻ em chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể các huyện, thị xã làm nhà trẻ theo mẫu, trang bị cho nhà trẻ đúng quy cách, đào tạo và bồi dưỡng cô nuôi dạy trẻ có chất lượng và kiện toàn tổ chức mạng lưới từ huyện đến xã.

3- Các đoàn thể, các ngành dựa vào chức năng của mình tích cực tham gia công tác nuôi dạy trẻ và xây dựng nhà trẻ. Các đơn vị có nhà trẻ phải tích cực củng cố nhà trẻ từng bước có chất lượng, nuôi dạy trẻ theo phương pháp khoa học.

Nhận được Thông tri này, các cấp ủy Đảng, các ban, Đảng đoàn và ban cán sự các ngành, đoàn thể có biện pháp cụ thể để thực hiện, thường xuyên báo cáo kết quả về Tỉnh ủy, Ủy ban Bảo vệ bà mẹ và

trẻ em và Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy có trách nhiệm theo dõi đôn đốc công tác này.

Thông tri này cần phổ biến đến tận chi bộ và Đảng bộ cơ sở để thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DUƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 10-TT/ TU, ngày 3-3-1981

Về việc tổ chức đợt sinh hoạt chính trị học tập và thi hành Hiến pháp mới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chỉ thị số 101-CT/TW của Ban Bí thư và hướng dẫn của Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy hướng dẫn kế hoạch tiến hành đợt sinh hoạt chính trị học tập và thi hành Hiến pháp mới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở tỉnh ta như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU ĐỢT SINH HOẠT CHÍNH TRỊ

Đợt sinh hoạt chính trị về Hiến pháp lần này nhằm làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên, các lực lượng vũ trang và nhân dân ta hiểu rõ những điều khoản của Hiến pháp mới, nâng cao thêm một bước tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, lòng thiết tha với chế độ xã hội chủ nghĩa, ra sức xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Nhà nước chuyên chính vô sản, củng cố an ninh, trật tự, an toàn xã hội, chống các hiện tượng tiêu cực, xây dựng cuộc sống ấm no và hạnh phúc.

Yêu cầu của đợt sinh hoạt chính trị này là:

1- Làm cho toàn thể nhân dân bước đầu nắm vững và nghiêm chỉnh thực hiện mọi điều khoản của Hiến pháp. Điều khoản nào thực hiện được ngay thì thực hiện; điều khoản nào chưa đủ điều kiện thực hiện thì chuẩn bị để thực hiện. Nâng cao ý thức trật tự và kỷ luật, ý thức tôn trọng pháp chế xã hội chủ nghĩa và công dân.

2- Các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, cán bộ, đảng viên liên hệ kiểm điểm và sửa chữa những việc làm sai trái Hiến pháp và pháp luật, nhất là tệ làm việc tùy tiện, cửa quyền, gây phiền hà, coi thường pháp luật, coi thường các cơ quan dân cử, lạm dụng chức quyền ức hiếp quần chúng, xâm phạm quyền công dân. Cần phát động nhân dân phê bình công việc quản lý của các cơ quan nhà nước, của cán bộ, đảng viên và tự phê bình về những thiếu sót trong việc thực hiện nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước, đối với xã hội.

Việc tự phê bình và phê bình trong cuộc sinh hoạt chính trị này đương nhiên sẽ đóng góp vào việc khắc phục những biểu hiện trong đơn vị học tập trong xã hội. Mục tiêu quan trọng là lấy việc tự phê bình và phê bình để giáo dục những người sai phạm Hiến pháp và pháp luật để họ sửa chữa, tiến bộ.

3- Giáo dục và động viên toàn dân vận dụng và thực hiện Hiến pháp ngay trong công việc hằng ngày; phát động phong trào thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, nâng cao cảnh giác sẵn sàng chiến đấu bảo vệ trị an, hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1981. Trước mắt là đẩy mạnh sản xuất và thu mua vụ đông - xuân vào quý I năm 1981, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tiêu cực, thực hiện tốt cuộc bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh khóa tới; đẩy mạnh cuộc vận động bảo vệ an ninh tổ quốc và xây dựng huyện thành pháo đài quân sự, v.v.. Các việc đó phải gắn chặt với nhau trong mỗi bước thực hiện kế hoạch chỉ đạo ở cơ sở.

II. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO VÀ NỘI DUNG CỦA CUỘC SINH HOẠT CHÍNH TRỊ

Căn cứ vào đối tượng và điều kiện cụ thể của từng đơn vị tổ chức sinh hoạt chính trị mà sử dụng các tài liệu, trong đó tài liệu chính là bản Hiến pháp, đồng thời sử dụng đề cương giới thiệu Hiến pháp do Ban Tuyên giáo tỉnh cung cấp. Cụ thể cần sử dụng các tài liệu như sau (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy cần hướng dẫn cụ thể thêm).

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Bản đã được Quốc hội thông qua ngày 18-12-1980)

- Nghị quyết của Quốc hội ngày 18-12-1980 về biện pháp thi hành hiến pháp mới.

- Báo cáo của đồng chí Trường Chinh tại kỳ họp thứ bảy Quốc hội khóa VI.

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Ban chấp hành Trung ương Đảng.

- Bài phát biểu của đồng chí Lê Duẩn tại Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Nội dung chủ yếu của cuộc sinh hoạt chính trị là nội dung của bản báo cáo của đồng chí Trường Chinh trước Quốc hội, trọng điểm là:

- 1- Tính chất Nhà nước và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- 2- Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở nước ta.

- 3- Đường lối xây dựng kinh tế mới, văn hóa mới, con người mới và xây dựng quốc phòng toàn dân.

- 4- Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

- 5- Cơ cấu tổ chức của Nhà nước.

- 6- Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

III. TỔ CHỨC CUỘC SINH HOẠT CHÍNH TRỊ

Đợt sinh hoạt này gắn với cuộc sinh hoạt bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, tiến hành từ trong Đảng đến quần chúng ở tất cả

các đơn vị cơ sở, bảo đảm 95 - 100% số người từ 16 tuổi trở lên tham gia sinh hoạt học tập.

Chương trình sinh hoạt bao gồm: a) Nghe giới thiệu hoặc đọc tài liệu và thảo luận; b) Liên hệ phê bình và tự phê bình; c) Nêu biện pháp sửa chữa và xây dựng kế hoạch thi hành Hiến pháp (có ghi rõ những việc phải làm dứt điểm ngay, những việc bắt đầu làm và từng bước, những việc tạo điều kiện để đơn vị học tập tự làm, và những việc phải chờ Nhà nước quy định cụ thể...); d) Sau đó các cấp ủy và chính quyền cần trả lời, tiếp thu ý kiến phê bình và xác định được nội dung sửa chữa, xác định kế hoạch thực hiện Hiến pháp, phát động phong trào thi đua.

Đảng ủy cơ sở cần có kế hoạch cụ thể, tổ chức sinh hoạt trong nội bộ Đảng trước (đọc đề cương giới thiệu Hiến pháp), bàn nội dung kế hoạch chỉ đạo và phân công tổ chức đợt sinh hoạt (tùy điều kiện làm tập trung hay theo tổ đội sản xuất).

Thời gian tiến hành đợt sinh hoạt này trong tháng 3-1981. Cuối tháng 3-1981, các huyện thị, Đảng ủy trực thuộc báo cáo tổng kết đợt sinh hoạt về tỉnh.

Việc chỉ đạo đợt sinh hoạt chính trị, do các cấp ủy Đảng, các đồng chí phụ trách các ban, ngành, các Ban cán sự, các Đảng đoàn chịu trách nhiệm giúp việc chỉ đạo cụ thể là Ban chỉ đạo bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chịu trách nhiệm theo dõi việc tổ chức giáo dục, học tập và tổ chức bồi dưỡng báo cáo viên giới thiệu Hiến pháp mới.

Báo cáo tổng kết cuộc sinh hoạt chính trị của các cấp, các ngành phải gửi về Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước 31-3-1981 (đồng gửi Ban chỉ đạo tỉnh và Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy). Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổng hợp báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Các cấp, các ngành, cần nghiên cứu quán triệt Chỉ thị 101 của Ban Bí thư (đăng ở Báo Nhân Dân số 9755, ngày 2-3-1981) và Thông tri này để thực hiện đạt kết quả tốt.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

KẾ HOẠCH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 02- KH/TU, ngày 5-3-1981

**Triển khai Nghị quyết số 31 của Bộ Chính trị
và nghị quyết của Tỉnh ủy về nhiệm vụ bảo vệ an ninh
chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
trong tình hình mới**

Thi hành Nghị quyết số 31-NQ/TW, ngày 2-12-1980 của Bộ Chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định tiến hành tổ chức triển khai, nghiên cứu quán triệt sâu sắc và thi hành nghiêm chỉnh nghị quyết của Bộ Chính trị từ trên xuống dưới, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng.

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

1. Qua việc triển khai thực hiện Nghị quyết 31 của Bộ Chính trị phải làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân các dân tộc trong tỉnh, từ vùng thấp đến vùng cao, từ nội địa đến biên giới thấy rõ sự câu kết của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động (...), chống Liên Xô, Việt Nam và các nước xã hội chủ nghĩa khác, chống phong trào cách mạng và hòa bình thế giới là một đặc điểm nổi bật của tình hình quốc tế, là nguy cơ đối với loài người hiện nay. Nhận thức rõ đế quốc Mỹ là kẻ thù của cách mạng Việt Nam và của cách mạng thế giới (...)

Nhận rõ bảy loại đối tượng phải tập trung đấu tranh và trừng trị kịp thời. Trong các loại đối tượng, mũi nhọn đấu tranh nhắm trước hết vào bọn gián điệp (...). Trong bọn gián điệp thì nguy hiểm nhất là bọn nội gián. Về tội phạm khác thì nguy hiểm nhất là bọn côn đồ, hung hãn, cướp của giết người, bọn lưu manh chuyên nghiệp, bọn xâm phạm nghiêm trọng tài sản xã hội chủ nghĩa trong cơ quan và ngoài xã hội.

2. Khẳng định được thắng lợi trên mặt trận bảo vệ an ninh, chính trị và trật tự xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng, lực lượng công an nhân dân cùng toàn quân và toàn dân ta đã làm thất bại nhiều âm mưu và hoạt động gián điệp, chiến tranh tâm lý của địch, ngăn chặn các hoạt động phá hoại, gây bạo loạn, trấn áp kịp thời nhiều tổ chức phản động, tập trung cải tạo các đối tượng có nguy hại về chính trị và hình sự, tích cực truy quét các văn hóa phẩm đồi trụy phản động, bài trừ các tệ nạn xã hội... Tình hình an ninh chính trị được giữ vững, trật tự xã hội nói chung được ổn định.

Đồng thời thấy được còn nhiều khuyết điểm, nhược điểm, thấy rõ những nguyên nhân khách quan và nhất là nguyên nhân chủ quan trong các cấp ủy, chính quyền, các ngành, các lực lượng vũ trang, các đoàn thể nhân dân, còn nhiều cán bộ, đảng viên và chiến sĩ chưa nhận thức sâu sắc âm mưu xảo quyệt và thâm độc (...), chưa nhận thức rõ tính phức tạp, gay go, quyết liệt và yêu cầu cấp bách của mặt trận đấu tranh chống gián điệp, chiến tranh tâm lý của kẻ thù, kiên quyết tiến công liên tục bọn gián điệp, các loại phản động và tội phạm khác. Trong đấu tranh còn hữu khuynh, mất cảnh giác, nặng công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội nhiều mặt bị lơ là, chưa bài trừ triệt để bọn lưu manh chuyên nghiệp, bọn côn đồ, bọn cướp của, giết người, bọn đầu cơ buôn lậu mà kẻ địch thường lợi dụng để phá hoại ta về chính trị, kinh tế. Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc chưa được phát động sâu rộng, mạnh mẽ và liên tục, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản thành một mặt trận đấu tranh quyết liệt đập tan mọi âm

mưu hoạt động của địch. Lực lượng công an nhân dân tuy có nhiều cố gắng nhưng trình độ chính trị và nghiệp vụ tiến không kịp với tình hình; các cơ quan Kiểm sát, Tòa án nhân dân, Kiểm tra của Đảng và Thanh tra của chính quyền chưa được kiện toàn đúng mức và phối hợp chặt chẽ.

3. Nhận rõ nhiệm vụ cơ bản của cuộc đấu tranh an ninh chính trị và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới, quán triệt sâu sắc bảy nguyên tắc chỉ đạo trong cuộc đấu tranh mà Nghị quyết 31 của Bộ Chính trị đã xác định:

a) Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp và toàn diện, phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, kết hợp chặt chẽ tích cực cách mạng của quần chúng với công tác nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản thành một mặt trận đấu tranh toàn diện nhằm kiên quyết đập tan mọi âm mưu và hoạt động của các bọn tình báo, gián điệp của đế quốc, tư bản, nhất là (...) gián điệp Mỹ, các loại phản động và các loại tội phạm khác, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

b) Phát triển sản xuất phải kết hợp chặt chẽ với bảo vệ sản xuất, xây dựng xã hội chủ nghĩa phải gắn liền với bảo vệ chế độ chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc.

c) Bảo vệ an ninh chính trị phải kết hợp chặt chẽ với giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

d) Kết hợp chặt chẽ chức năng tổ chức và xây dựng với chức năng bạo lực trấn áp của chuyên chính vô sản, lấy tổ chức và xây dựng làm chủ yếu.

đ) Phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi lực lượng, sử dụng đồng bộ mọi biện pháp nhằm tích cực xây dựng, phòng ngừa, chủ động tiến công và tiến công liên tục, tiến công để làm chủ, làm chủ để tiến công nhằm tiêu diệt và làm tan rã bọn phản cách mạng và các bọn tội phạm khác.

e) Quán triệt tinh thần nghị quyết và thận trọng, khách quan và toàn diện nâng cao cảnh giác, không để lọt kẻ gian, đề phòng lệch lạc không làm oan người ngay.

g) Nghiêm trị kết hợp với khoan hồng, trấn áp kết hợp với giáo dục và cải tạo, trấn áp và trừng trị phải nghiêm minh, kịp thời, đúng đối tượng, đúng chính sách, đúng pháp luật, giáo dục và cải tạo phải tích cực kiên trì sâu sắc triệt để.

Nắm vững và tổ chức thực hiện tốt tám công tác lớn đã nêu trong nghị quyết là:

a) Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, ra sức xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc mạnh mẽ, sâu rộng, phát triển liên tục vững chắc.

b) Tăng cường công tác nắm tình hình về âm mưu tổ chức hoạt động của từng loại đối tượng địch và các bọn phạm tội khác.

c) Tăng cường củng cố các vùng xung yếu, loại trừ các nhân tố gây rối, gây bạo loạn.

d) Đẩy mạnh công tác đấu tranh chống gián điệp, chống phản động, kiên quyết đấu tranh chống bọn phá hoại hiện hành, làm tốt công tác cải tạo các đối tượng có nguy hại cho an ninh trật tự.

đ) Tăng cường công tác đấu tranh chống chiến tranh tâm lý của địch.

e) Tăng cường công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ lực lượng vũ trang, tích cực phòng chống nội gián.

g) Đẩy mạnh công tác bảo vệ kinh tế, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa.

h) Đấu tranh bài trừ bọn lưu manh chuyên nghiệp, côn đồ, hung hãn cướp của giết người, đầu cơ buôn lậu, lừa đảo giả mạo... Bài trừ các tệ nạn xã hội, làm giảm các tai nạn, quản lý tốt trật tự công cộng.

4. Trên cơ sở quán triệt nội dung cơ bản của Nghị quyết số 31 của Bộ Chính trị mà từng cấp ủy Đảng, các cấp chính quyền, các ban, ngành, các đoàn thể quần chúng, các cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường, trạm trại, cửa hàng, nhà trường, xã, khu phố đều phải lập kế hoạch thực hiện nghị quyết cho phù

hợp, hoàn chỉnh các phương án đấu tranh, phương án bảo vệ ở trong từng địa phương, từng ngành, từng cơ quan xí nghiệp, đơn vị vũ trang... Nhất là ở những đơn vị cơ sở, cơ quan kinh tế, vùng trọng điểm, biên giới, thị xã, thị trấn, cơ quan đầu não của Đảng và chính quyền, các khu vực kho tàng tập trung nhiều hàng hóa và vật tư của Nhà nước, của tập thể, củng cố kiện toàn các cơ quan chức năng và các lực lượng bảo vệ, lực lượng nòng cốt và xung kích trên mặt trận đấu tranh bảo đảm an ninh chính trị và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

II. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT

1. Cấp tỉnh

a) Tỉnh mở hội nghị gồm những cán bộ chủ chốt, các huyện thị và các ban, ngành xung quanh tỉnh để:

- Nghiên cứu, quán triệt nội dung cơ bản của Nghị quyết 31.
- Thảo luận báo cáo của Tỉnh ủy về tình hình và sự lãnh đạo đấu tranh bảo đảm an ninh chính trị và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trong thời gian qua, nhất là từ sau 17-2-1979 đến nay ở Hoàng Liên Sơn.
- Nghiên cứu, quán triệt nghị quyết của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết 31 của Bộ Chính trị.

- Thảo luận thực hiện kế hoạch triển khai nghị quyết của Tỉnh ủy.

b) Dựa vào nội dung cơ bản nghị quyết của Tỉnh ủy, Đảng, đoàn, chính quyền, thể chế hóa thành nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh để hướng dẫn các cấp, các ngành thực hiện.

c) Mở hội nghị gồm những cán bộ chủ chốt của các ngành trong Khối Nội chính (Công an từ cấp trưởng, phó phòng, ban trở lên, Viện Kiểm sát từ kiểm sát viên trở lên, Ủy ban Thanh tra từ tổ trưởng trở lên, Tòa án tỉnh từ ủy viên thẩm phán trở lên).

- Nghiên cứu quán triệt nghị quyết của Bộ Chính trị, nghị quyết của Tỉnh ủy.

- Đồng thời liên hệ kiểm điểm của từng ngành trong công tác đấu tranh bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, trên cơ sở đó căn cứ chức năng từng ngành có kế hoạch thực hiện, đồng thời tạo ra sự nhất trí phối hợp chặt chẽ giữa các ngành trong Khối Nội chính từ tỉnh đến các huyện, thị.

Các ngành trong Khối Nội chính lấy việc triển khai thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị và nghị quyết của Tỉnh ủy mở đợt sinh hoạt chính trị thật sâu sắc trong toàn ngành, tạo khí thế sôi nổi mạnh mẽ ngay từ đầu năm 1981.

2. Các huyện, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc, các ban, ngành và các đoàn thể quần chúng

- Mở hội nghị để triển khai nghị quyết cho đến cán bộ chủ chốt, các chi, đảng bộ, phụ trách các ngành, giới, các đoàn thể quần chúng, phụ trách các phòng, ban, công ty, xí nghiệp, cửa hàng, trạm, trại, trường học, nông, lâm trường...

- Nghiên cứu quán triệt tinh thần cơ bản nghị quyết của Bộ Chính trị, nghị quyết của Tỉnh ủy và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Thảo luận đánh giá báo cáo, liên hệ kiểm điểm về tình hình và công tác đấu tranh giữ gìn an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ cơ quan, xí nghiệp, đơn vị của mỗi địa phương, của ngành, ban, của cơ quan đoàn thể.

- Quán triệt kế hoạch thực hiện nghị quyết ở địa phương trong ban, ngành và đoàn thể. Đặc biệt nhấn mạnh nội dung chống nội gián, chống chiến tranh tâm lý, chống chiến tranh phá hoại kinh tế của địch. Xây dựng và củng cố hoàn chỉnh các phương án bảo vệ nội bộ, bảo vệ kinh tế, củng cố lực lượng bảo vệ chuyên trách và bán chuyên trách. Đối với các đoàn thể quần chúng có kế hoạch quán triệt và giáo dục vận động hội viên, đoàn viên thực hiện nghiêm chỉnh nghị quyết.

3. Triển khai nghị quyết đối với cơ sở

Đối với các cơ quan, đơn vị, xí nghiệp, công ty, các nông, lâm

trường, trường học, bệnh viện, các xã, các khu phố và các trạm trại:

- Quán triệt tinh thần Nghị quyết 31 của Bộ Chính trị. Nội dung cơ bản nghị quyết của Tỉnh ủy và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Trên cơ sở báo cáo kiểm điểm của cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương... đánh giá các mặt tình hình và công tác đấu tranh chống chiến tranh gián điệp, chiến tranh phá hoại kinh tế, chiến tranh tâm lý của địch, các mặt công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ kinh tế và công tác đấu tranh chống các bọn tội phạm khác giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Căn cứ vào nội dung của phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc để liên hệ kiểm điểm thấy rõ ưu điểm, khuyết nhược điểm và những nguyên nhân, từ đó đề ra công tác cụ thể, biện pháp và nội dung thực hiện.

- Trong Đảng phải có nghị quyết của đảng bộ hoặc chi bộ cơ sở và trong khi sinh hoạt thường xuyên phải kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết của chi, đảng bộ và của từng cán bộ, đảng viên.

- Căn cứ nội dung nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện và đặc điểm ở xã mà Hội đồng nhân dân họp ra nghị quyết để hướng dẫn toàn dân thực hiện.

Dựa vào kế hoạch, hướng dẫn của trên, phân công cán bộ tổ chức học tập sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân và cán bộ, công nhân, viên chức nhà nước.

4. Việc triển khai nghị quyết ra quần chúng

Phải bảo đảm giáo dục thật sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân và cán bộ công, nhân viên chức nhà nước, các đơn vị vũ trang và học sinh ở các trường.

Nội dung phổ biến tinh thần nghị quyết của Bộ Chính trị, nghị quyết của Tỉnh ủy và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo tài liệu của Ban Tuyên huấn tỉnh và Ban cán sự Đảng Ty Công an biên soạn và hướng dẫn. Căn cứ vào báo cáo, kiểm điểm của địa phương, đơn vị, hướng dẫn cho quần chúng thảo luận, liên hệ, trong thảo luận

cần gắn vào kiểm điểm việc thực hiện các nội dung của phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc và thực hiện các nội dung, quy ước đã đề ra.

Trong học tập lần này phát động quần chúng liên hệ phát hiện trong đơn vị mình, trong địa phương mình những biểu hiện nghi vấn về chính trị, kinh tế và trị an xã hội, báo cáo cho chính quyền, cơ quan chuyên môn để có kế hoạch xác minh làm rõ. Đặc biệt chú ý phát hiện những hiện tượng lai lịch bất minh, quan hệ bất minh, sinh hoạt bất minh, những biểu hiện thái độ, lời nói và hành động trái với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, những người nhắc lại những luận điểm tuyên truyền phản cách mạng của địch. Phát hiện những hiện tượng nghi phá hoại kinh tế, những hành vi xâm phạm tài sản của Nhà nước, của tập thể, những biểu hiện cố ý làm trái nguyên tắc, chế độ quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Phát hiện bọn lưu manh chuyên nghiệp, bọn trộm cắp có tổ nhóm, bọn côn đồ hung hãn, bọn phần tử xấu, bọn tù tha chưa chịu cải tạo và những biểu hiện tiêu cực khác.

Những hiện tượng quần chúng cung cấp, các cấp ủy, chính quyền, cơ quan chuyên môn phải tập hợp, phân loại, có biện pháp xác minh kết luận và xử lý kịp thời.

Trong đợt này, từng địa phương, từng đơn vị cần đưa ra quần chúng bàn bạc, xây dựng hoàn chỉnh các nội quy, quy ước bảo vệ cho thật sát hợp với đặc điểm, hoàn cảnh cụ thể của đơn vị, địa phương mình. Đồng thời cho quần chúng tham gia xây dựng, củng cố các tổ chức (Tổ an ninh nhân dân, Tổ an toàn, Tổ hòa giải, Ban Thanh tra nhân dân). Củng cố các lực lượng bảo vệ ở cơ quan, đơn vị, khu phố và lực lượng công an xã, lực lượng bảo vệ hợp tác xã là những lực lượng nòng cốt và duy trì phong trào ở cơ sở.

III. THỜI GIAN TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT

Trong quý I, đầu quý II năm 1981 phải tiến hành triển khai, quán triệt nghị quyết trong toàn Đảng, toàn dân và các lực lượng vũ trang.

Cuối tháng 3-1981 phải hoàn thành triển khai xong trong cấp ủy huyện, thị và các ban, ngành đoàn thể.

- Cuối tháng 4-1981 phải triển khai xong ở cơ sở.

- Từ ngày 20 đến - 3-4-1981 các cấp, các ngành, các cơ quan đoàn thể phải tập hợp viết báo cáo sơ kết và kết quả việc triển khai nghị quyết ở địa phương, đơn vị mình. Báo cáo bằng văn bản lên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đồng gửi Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng Ty Công an để theo dõi.

IV. NHỮNG VIỆC PHÁT SINH SAU HỘI NGHỊ QUÁN TRIỆT NGHỊ QUYẾT Ở TỈNH

1. Các cấp ủy, các ban cán sự Đảng, các cơ quan, đoàn thể, ban, ngành phải tổ chức nghiên cứu và đặt kế hoạch thực hiện nghị quyết về công tác an ninh và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội cho sát hợp với tình hình cụ thể của địa phương, đơn vị mình, viết báo cáo kiểm điểm đánh giá tình hình và công tác, an ninh ở địa phương, đơn vị. Đặt lịch triển khai nghị quyết ở địa phương, đơn vị. Thường vụ cấp ủy hoặc thường trực Ban cán sự Đảng, đoàn trực tiếp truyền đạt tinh thần nghị quyết ở hội nghị chủ chốt của địa phương, đơn vị. Sau đó phân công, cử cán bộ có năng lực xuống giúp các địa phương, đơn vị trọng điểm xung yếu để triển khai nghị quyết, nhất là cần tập trung chỉ đạo các địa phương khu vực biên giới, thị xã, thị trấn, nơi tập trung các cơ sở chính trị, kinh tế, quốc phòng quan trọng.

2. Đảng đoàn, chính quyền chuẩn bị chu đáo nội dung đưa ra Hội đồng nhân dân tỉnh bàn và đưa ra nghị quyết để toàn dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

3. Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy cùng Ban cán sự Đảng Ty Công an có trách nhiệm biên soạn tài liệu theo tinh thần Nghị quyết 31 của Bộ Chính trị và nghị quyết của Tỉnh ủy để phổ biến và hướng dẫn các đảng bộ và chi bộ cơ sở thực hiện.

4. Trong quá trình tiến hành triển khai Nghị quyết 31 của Bộ

Chính trị phải gắn với việc thực hiện Nghị quyết 92 mà cụ thể hóa là Kế hoạch số 05, số 09 của Tỉnh ủy và thực hiện Chỉ thị 81 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chống tiêu cực. Những nơi đã tiến hành Kế hoạch số 05 thì tổ chức triển khai, đối chiếu với tinh thần nghị quyết, trên cơ sở đó tập trung giải quyết những mặt còn tồn tại. Những nơi đang tiến hành Kế hoạch số 09 thì lồng kết chặt chẽ với việc triển khai thực hiện nghị quyết này.

5. Ban Nội chính Tỉnh ủy có trách nhiệm giúp Tỉnh ủy kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện kế hoạch này. Trong quá trình triển khai nghị quyết các cấp, các ngành phải sơ kết báo cáo từng bước lên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đồng gửi Ban Nội chính Tỉnh ủy và Ban cán sự Đảng Ty Công an để theo dõi.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DUƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 237-QN/TU, ngày 16-3- 1981

Về việc thành lập Ban chỉ đạo tổng kết kinh tế 5 năm

Căn cứ vào Chỉ thị số 99-CT/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc tổng kết kinh tế 5 năm 1976-1980;

Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Nay thành lập Ban chỉ đạo tổng kết kinh tế 5 năm 1976-1980 của tỉnh, gồm các đồng chí có tên dưới đây:

- Đồng chí Bùi Hữu Bình, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban.

- Đồng chí Phạm Đình Nhượng, Trưởng ban Kinh tế kế hoạch, Phó ban thường trực.

- Đồng chí Trần Hào, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh, Phó ban.

- Đồng chí Nguyễn Huy Bông, Chi Cục trưởng Thống kê tỉnh, Ủy viên

- Đồng chí Nguyễn Văn Bài, Trưởng ban Nông nghiệp tỉnh, Ủy viên

- Đồng chí Trần Đình Phê, Quyền Trưởng Ty Lao động tỉnh, Ủy viên

- Đồng chí Ngô Du, Giám đốc Sở Tài chính vật giá, Ủy viên

- Đồng chí Hoàng Kim Chi, Giám đốc Ngân hàng tỉnh, Ủy viên

Điều 2: Ban chỉ đạo tổng kết kinh tế 5 năm của tỉnh có nhiệm vụ giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo, hướng dẫn việc tổng kết ở các

ngành, các cấp và các đơn vị kinh tế, đồng thời chuẩn bị nội dung và dự thảo báo cáo tổng kết chung của tỉnh.

Điều 3: Các ban và các ngành có thành viên trong Ban chỉ đạo và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 04-CT/TU, ngày 26- 3- 1981

**Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “Phát huy bản chất
tốt đẹp nâng cao sức mạnh chiến đấu”
của lực lượng vũ trang nhân dân trong 2 năm 1981-1982**

Chấp hành Chỉ thị 58-CT/TW, ngày 8-12-1978 của Ban Bí thư Trung ương Đảng trong 2 năm 1979-1980 các lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã có nhiều cố gắng thực hiện cuộc vận động “Phát huy bản chất tốt đẹp nâng cao sức mạnh chiến đấu” của lực lượng vũ trang nhân dân và đã đạt nhiều kết quả quan trọng về các mặt củng cố xây dựng lực lượng bộ đội địa phương, bộ đội biên phòng, dân quân tự vệ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ tuyến biên giới, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội, xây dựng kinh tế bảo đảm đời sống, góp phần đẩy mạnh công cuộc xây dựng quân đội củng cố quốc phòng, đưa sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc lên một bước mới. Tuy nhiên so với yêu cầu và khả năng còn nhiều mặt đạt thấp, kể cả trong lực lượng vũ trang, trong các đoàn thể quần chúng và các địa phương.

Những năm tới, đất nước ta vẫn vừa có hòa bình vừa có thể xảy ra chiến tranh (...). Hoàng Liên Sơn là một tỉnh biên giới, (...) nên nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh vẫn là một yêu cầu hết sức lớn lao, cấp bách. Tình hình mới đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân vừa phải làm tốt nhiệm vụ phát

triển kinh tế, xây dựng đất nước vừa phải đồng thời ra sức chăm lo sản xuất lực lượng vũ trang nhân dân địa phương, sẵn sàng có sức chiến đấu cao với chất lượng tổng hợp của chiến tranh, nhân dân địa phương, sẵn sàng đánh thắng mọi hành động xâm lược (...), làm tròn nhiệm vụ bảo vệ tuyến biên giới Tổ quốc.

Để đáp ứng tình hình đó chấp hành Chỉ thị số 105-CT/TW, ngày 09-2-1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ thị cho các lực lượng vũ trang, các ngành, các cấp, các địa phương trong tỉnh tiếp tục thực hiện và tăng cường công tác lãnh đạo chỉ đạo thực hiện cuộc vận động “Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu” của lực lượng vũ trang nhân dân trong 2 năm 1981-1982 theo ba nội dung lớn và 5 mục tiêu đã được xác định trong Chỉ thị số 58-CT/TW với những yêu cầu chỉ tiêu mới cụ thể sau đây:

1. Ý chí mạnh, trách nhiệm cao, kỷ luật nghiêm đoàn kết tốt

Giáo dục quán triệt cho cán bộ, chiến sĩ nắm vững nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ quân sự nhằm nâng cao ý chí chiến đấu, nhiệt tình cách mạng, kiên định vững vàng trong mọi tình huống, nêu cao trách nhiệm hoàn thành tốt chức trách và nhiệm vụ được giao. Đề cao tính tổ chức, tính kỷ luật, nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng, mệnh lệnh của người chỉ huy, rèn luyện nếp sống chính quy trong sinh hoạt và công tác. Đoàn kết nội bộ, xây dựng tốt mối quan hệ giữa cán bộ, chiến sĩ thật sự yêu thương, tôn trọng nhau. Kiên quyết chấm dứt các hiện tượng thoái thác nhiệm vụ, xâm phạm tài sản của Nhà nước, của quân đội, của nhân dân; hạn chế đến mức thấp nhất nạn đào ngũ, bỏ ngũ và những hành động vi phạm pháp luật, kỷ luật quân đội cụ thể.

a) Về sẵn sàng chiến đấu:

- Phải nắm vững tình hình, âm mưu hoạt động quân sự, chiến tranh tâm lý của địch.

- Chấp hành nghiêm chế độ thường trực sẵn sàng chiến đấu, thực

hiện khẩu hiệu địch vào là biết, địch đến là tiêu diệt, một người cũng đánh, một tổ cùng tiến công đã là thắng.

- Mỗi đơn vị, địa phương, đều có phương án chiến đấu, phòng trừ bạo loạn, chủ động đối phó với mọi tình huống địch lấn chiếm và chiến tranh lớn do địch gây ra. Chấp hành nghiêm bốn trạng thái sẵn sàng chiến đấu.

- Tiếp tục hoàn chỉnh hàng rào biên giới, kết hợp ở trồng rừng, trồng tre, gài mìn, xây dựng công hầm hào, vật cản ở những nơi trọng điểm.

- Triển khai kế hoạch xây dựng huyện, thị pháo đài quân sự, tập trung chỉ đạo ở các huyện, thị biên giới, nhất là ở huyện Mường Khương, Bát Xát và khu vực Cam Đường.

- Mỗi đơn vị, chiến sĩ đều thành thạo phương án chiến đấu ở từng khu vực, giữa các đơn vị có sự hiệp đồng chặt chẽ, kịp thời bảo đảm hiệu quả chiến đấu cao.

- Các lực lượng vũ trang đều có nhiệm vụ làm tốt công tác an ninh chính trị, bảo vệ trị an ở địa phương không để kẻ địch lợi dụng bọn lưu manh, trộm cắp gây rối trật tự trị an trong nội địa.

b) Tăng cường đoàn kết, kỷ luật:

- Phát động đăng ký phần đấu xây dựng “đơn vị” hành động theo Điều lệ có kỷ luật tốt, mọi người đều nêu gương sáng anh bộ đội Cụ Hồ. Thực hiện “3 nghiêm” và “7 không”.

+ 3 nghiêm:

- Nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

- Nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh của cấp trên.

- Nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật và chính sách dân tộc.

+ 7 không:

- Không đào ngũ, bỏ ngũ.

- Không gây thương vong vô ích.

- Không đánh đập ức hiếp cấp dưới và gây gổ đánh nhau.

- Không lấy cấp của công, của dân và của nhau.

- Không buôn bán trái phép.

- Không sử dụng hàng hóa chiến tranh tâm lý của địch.
- Không gây cháy, nổ kho tàng, hư hỏng xe máy, trang bị.

Bảo đảm nội bộ đoàn kết thống nhất, đoàn kết thân thiết giữa các lực lượng vũ trang với lực lượng công an nhân dân, tạo thành sức mạnh để chiến đấu và hoàn thành mọi nhiệm vụ.

Những địa phương, đơn vị có người bỏ ngũ, đào ngũ về phải có biện pháp giáo dục, động viên anh em trở về ngay đơn vị công tác.

2. Nâng cao ý thức và năng lực làm chủ vũ khí, xe máy, vật tư, nhiên liệu và mọi cơ sở vật chất - kỹ thuật khác

- Thực hiện nghiêm ngặt các quy định, chế độ quản lý, giữ gìn, sửa chữa, bảo đảm tiết kiệm, an toàn và sử dụng thành thạo, đạt hiệu suất cao trong chiến đấu và xây dựng.

- Giáo dục tinh thần yêu quý vũ khí, khí tài, trang bị kỹ thuật, tiết kiệm của công, có biện pháp chấm dứt các hiện tượng lấy cắp phá hoại, làm cháy nổ, dùng bữa dùng ẩu, để đồ vỡ hư hỏng, mất mát hạ cấp vũ khí, trang bị vật tư kỹ thuật và mọi tài sản khác.

- Vũ khí, đạn dược thuốc nổ phải được quản lý, sử dụng chặt chẽ không dùng bữa bãi ngoài nhiệm vụ, chiến đấu, huấn luyện. Chấp hành đúng lệnh niên cấp, bảo quản vũ trang, trang bị xe máy, v.v. kiên quyết không để vũ khí lọt vào tay kẻ thù và bọn người xấu.

- Kho tàng bảo đảm bí mật, an toàn, chống địch phá hoại, chống mưu, nã, mồi mực, han gỉ, cấp phát bảo đảm đúng nguyên tắc không để mất mát, hao hụt.

3. Nâng cao năng lực lãnh đạo, trình độ tổ chức chỉ huy, quản lý xây dựng đơn vị cơ sở vững mạnh

- Các đơn vị thường xuyên được củng cố kiện toàn tổ chức biên chế, có đủ số lượng cán bộ, chiến sĩ theo biên chế. Kiên quyết đưa những bộ phận dư thừa ngoài biên chế.

Phấn đấu xây dựng các trung đoàn, tiểu đoàn mạnh. 2/3 huyện

thị mạnh, 1/5 huyện thị đạt tiêu chuẩn pháo đài quân sự không còn đơn vị yếu kém.

- Lực lượng dân quân tự vệ phấn đấu đưa hết số nam, nữ trong lứa tuổi đủ điều kiện vào dân quân tự vệ. Nâng tỷ lệ dân quân lên 16 đến 20% so với dân số. Trong khu vực Nhà nước lên 70% so với tổng số công nhân, viên chức. Bảo đảm trong sạch về chính trị, có tổ chức chặt chẽ, phấn đấu xây dựng có 1/3 số xã và đại đội tự vệ đạt đơn vị quyết thắng.

- Chỉ đạo hoàn thành tốt chương trình huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, bảo đảm nội dung, thời gian, chỉ tiêu quân số quy định 100% cơ sở dân quân tự vệ đều hoàn thành, chương trình huấn luyện có 100% số cán bộ từ tiểu đội trở lên và 95% số chiến sĩ dân quân tự vệ được huấn luyện.

Phấn đấu đạt đơn vị giỏi về kỹ thuật, khá về chiến thuật.

Trong huấn luyện, giáo dục phải đồng thời rèn luyện điều lệnh thực hiện khẩu hiệu “Toàn quân hành động theo điều lệnh, các cấp phải đôn đốc, kiểm tra, giáo dục quản lý bộ đội theo điều lệnh”.

- Hoàn chỉnh việc biên chế xếp sắp các khung dự - nhiệm, có biện pháp quản lý cán bộ và các nhân viên chuyên môn kỹ thuật, huấn luyện giỏi sẵn sàng nhận mọi nhiệm vụ.

- Hằng năm có kế hoạch bồi dưỡng đào tạo sĩ quan dự bị, sĩ quan thường trực. Bảo đảm chất lượng của người đi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chỉ huy, cán bộ chuyên môn kỹ thuật theo chỉ tiêu quy định.

- Về công tác Đảng tiếp tục củng cố các cơ sở yếu kém. Phấn đấu hết năm 1981 có 20- 30 đảng bộ cơ sở trong sạch, vững mạnh. Còn lại là cơ sở khá. Tích cực đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên mới, nâng tỷ lệ lãnh đạo toàn tỉnh lên 20 đến 25% thực hiện đại đội có chi bộ, chi bộ có cấp ủy. Có tổ Đảng tiểu đội, khẩu đội, bộ phận kỹ thuật xe máy có đảng viên, các chi bộ có đủ năng lực lãnh đạo đơn vị hoàn thành nhiệm vụ.

- Củng cố tốt các ban chấp hành đoàn cơ sở, có kế hoạch giáo dục để kết nạp hết số chiến sĩ còn là thanh niên vào đoàn; xây dựng các cơ sở đoàn đều đạt danh hiệu quyết thắng, có 75% số đoàn viên quyết

thắng. Các đơn vị, tổ chức đoàn đều có phong trào hành động cách mạng sôi nổi có mọi cán bộ chiến sĩ.

- Hướng dẫn tổ chức thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự theo Hiến pháp mới, phấn đấu vượt chỉ tiêu các đợt tuyển quân của Nhà nước giao cho, bảo đảm đúng chế độ, chính sách đi người nào chắc người đó. Không đào ngũ, thực hiện đúng chính sách hậu phương quân đội.

4. Đoàn kết quân dân, đoàn kết quốc tế

- Giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ nắm vững và thực hiện thật tốt chính sách dân tộc của Đảng. Tôn trọng chính quyền và nhân dân địa phương, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, tài sản tính mạng của nhân dân, gắn bó với đồng bào các dân tộc, thực hiện đúng 12 điều kỷ luật quan hệ với dân.

- Các đơn vị đóng quân ở đâu chủ động đến đặt quan hệ với địa phương để đề ra kế hoạch làm công tác dân vận, củng cố và chỉ đạo chặt chẽ các tổ dân vận ở trung đội, đại đội. Tổ chức tốt các hình thức kết nghĩa, đỡ đầu bộ đội, nhân dân.

- Nhân dân các dân tộc, chính quyền đoàn thể các cấp đề cao vai trò trách nhiệm xây dựng giúp đỡ lực lượng vũ trang, tạo mọi điều kiện để lực lượng vũ trang hoàn thành nhiệm vụ, thực hiện quân đội một ý chí. Cảnh giác ngăn chặn những luận điệu hành động của kẻ địch nhằm chia rẽ tình đoàn kết quân dân.

- Bảo vệ và thực hiện đúng đường lối quốc tế của Đảng, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ quốc tế được Đảng giao cho. Giữ nghiêm kỷ luật trong quan hệ với bạn, chống mọi âm mưu, thủ đoạn chia rẽ phá hoại đoàn kết của kẻ thù.

5. Tổ chức tốt đời sống vật chất, tinh thần và văn hóa trong các lực lượng vũ trang

- Phát huy tinh thần tự lực, tự cường đề cao ý thức làm chủ tập thể của cán bộ chiến sĩ, khắc phục mọi khó khăn từng bước tạo ra cơ sở, vật chất về ăn, ở, sinh hoạt tinh thần văn hóa trong đơn vị. Bảo

đảm đến tận chiến sĩ các quyền lợi, tiêu chuẩn đã quy định. Phân phối công bằng hợp lý, quan tâm đến các đơn vị tuyến I, tạo điều kiện cho bộ đội, dân quân tự vệ bám trụ, sẵn sàng chiến đấu lâu dài ở biên giới.

- Tích cực tăng gia sản xuất, tiết kiệm để giữ và cải thiện đời sống bảo đảm vượt chỉ tiêu quy định về lương thực, thực phẩm tạo cơ sở hậu cần tại chỗ cho sẵn sàng chiến đấu lâu dài và bữa ăn cho bộ đội.

- Phát huy vai trò của lực lượng dân quân tự vệ trong lao động sản xuất, xây dựng kinh tế đi đều trong các mặt khai hoang làm thủy lợi, phân bón phục vụ đắc lực kế hoạch sản xuất. Ở địa phương, lao động gây quỹ lương thực tự túc một phần cho yêu cầu thường trực chiến đấu và huấn luyện.

- Cán bộ, chiến sĩ nhất là đoàn viên, thanh niên phải nêu gương tốt, phong cách quân nhân cách mạng, có nếp sống vui tươi, lành mạnh. Dân quân tự vệ tích cực rèn luyện nếp sống quân sự hóa, đi đầu trong các mặt hoạt động thể dục, thể thao, học văn hóa, xây dựng gia đình văn hóa mới.

Để thực hiện tốt những yêu cầu nhiệm vụ trên, các cấp, các đơn vị lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ cần phải:

- Tổ chức làm quán triệt sâu sắc mục đích, yêu cầu nội dung chỉ tiêu cuộc vận động trong 2 năm 1981-1982. Từng cấp, từng đơn vị, từng người theo nhiệm vụ chức trách lập kế hoạch hành động có chỉ tiêu biện pháp phấn đấu cụ thể trong từng thời kỳ.

- Đảng ủy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh có trách nhiệm lãnh đạo trong các đơn vị lực lượng vũ trang và chủ động liên hệ với các ngành, các đoàn thể, địa phương có kế hoạch phối hợp và giúp đỡ nhau trong khi tiến hành cuộc vận động.

- Đối với các ngành, các đoàn thể các địa phương cần tiến hành kiểm điểm rút kinh nghiệm việc thực hiện cuộc vận động trong 2 năm qua, để đề ra được nội dung yêu cầu cụ thể cho lực lượng vũ trang thuộc địa phương, ngành mình, cơ quan mình quản lý thực hiện và căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng ngành đối chiếu với những

yêu cầu nhiệm vụ nêu trên đề ra chương trình hoạt động thiết thực trong các nhiệm vụ thường xuyên của ngành.

Chủ động liên hệ phối hợp chặt chẽ với các đơn vị bộ đội cơ quan quân sự địa phương để thống nhất kế hoạch hoạt động thực hiện tốt các công tác tuyển quân, quản lý huấn luyện quân dự bị, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ. Tổ chức kết nghĩa, lao động sản xuất, thể dục thể thao quốc phòng, phổ cập ý thức quốc phòng trong nhân dân, xây dựng huyện pháo đài quân sự, chấp hành chính sách hậu phương quân đội, v.v..

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các huyện, thị ủy, đảng ủy, các ngành, các đoàn thể trong tỉnh nâng cao hơn nữa trách nhiệm xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố quốc phòng bảo vệ Tổ quốc, tăng cường lãnh đạo thực hiện thắng lợi cuộc vận động này trong 2 năm 1981-1982. Từng thời kỳ 6 tháng, 1 năm sơ kết, báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tháng 10-1982 báo cáo tổng kết 2 năm thực hiện cuộc vận động này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 238-QN/TU, ngày 28-3-1981

Về việc tặng thưởng cho báo Hoàng Liên Sơn

Căn cứ thành tích trong 5 năm (1976-1980) của báo Hoàng Liên Sơn đã có nhiều cố gắng trong việc tuyên truyền giáo dục đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần đắc lực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa tại địa phương,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Nay tặng cán bộ, phóng viên, biên tập viên và thông tấn viên báo Hoàng Liên Sơn bức tranh, với dòng chữ:

“Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn

Tặng

Những người viết báo xây dựng và bảo vệ Tổ quốc 1976-1980”

2. Văn phòng Tỉnh ủy, Đảng đoàn chính quyền tỉnh, Ban Thi đua, Ban Biên tập báo Hoàng Liên Sơn căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 245-QN/TU, ngày 1- 4- 1981

Chỉ định bổ sung cấp ủy

- Xét đề nghị của Đảng ủy Quân sự tỉnh tại Công văn số 67, ngày 12-3-1981 về việc xin bổ sung ủy viên chấp hành Đảng bộ Quân sự tỉnh;

- Xét yêu cầu lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ;

- Căn cứ Nghị quyết số 11 của Bộ Chính trị quy định và sau khi thống nhất với Quân khu ủy Quân khu II,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chỉ định bổ sung các đồng chí có tên sau đây vào Ban Chấp hành Đảng bộ quân sự tỉnh:

- Đồng chí Hoàng Ngọc, Thượng tá tham gia Ban Chấp hành giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy.

- Đồng chí Bạch Bá Năng, Thượng tá, Phó chỉ huy, Tham mưu trưởng Bộ chỉ huy, tham gia Ban Chấp hành là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy.

- Đồng chí Nguyễn Ngọc, Trung tá, Phó phòng Chính ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ.

- Đồng chí Nguyễn Công Tròn, Thiếu tá, Phó Chính ủy E.822, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ.

- Đồng chí Đỗ Quang Sơn, Đại úy, Phó Chính ủy Trường Quân sự,
Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ.

2. Đảng ủy Quân sự tỉnh có trách nhiệm tổ chức họp hội nghị
Ban Chấp hành công bố quyết nghị và thông báo cho các cơ sở trong
Đảng bộ.

3. Đảng ủy Quân sự tỉnh và các đồng chí có tên trên thi hành
Quyết nghị.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 12-TT/ TU, ngày 2-4-1981

Về việc tổng kết công tác định canh định cư 12 năm (1969-1980)

Thực hiện Nghị quyết 38-CP, ngày 12-3-1981 của Hội đồng Chính phủ về công tác định canh định cư sau 12 năm tiến hành ở tỉnh ta, đến nay đã thu được một số kết quả trên các mặt xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho sản xuất, mở mang đường sá, xây dựng các công trình phúc lợi công cộng... từng bước ổn định sản xuất, ổn định đời sống vật chất và tinh thần, bảo đảm trật tự an ninh xã hội cho các dân tộc ở các vùng du canh du cư và vùng cao biên giới.

Bên cạnh những thành tích và thắng lợi trên, chúng ta cũng còn nhiều khó khăn khuyết điểm tồn tại. Để đánh giá đúng đắn toàn diện những kết quả đã đạt được trong 12 năm qua và rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết nhằm thực hiện tốt hơn cuộc vận động định canh định cư trong những năm tới, trước mắt là hoàn thành tốt kế hoạch định canh định cư 5 năm (1981-1985), Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương tổng kết công tác định canh định cư 12 năm (1969-1980) trong toàn tỉnh với những nội dung và yêu cầu như sau:

1. Về nội dung yêu cầu tổng kết

a) Căn cứ vào các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của tỉnh

về công tác định canh định cư và củng cố vùng cao biên giới, đồng thời căn cứ vào quy hoạch và các kế hoạch năm so với những kết quả đã thực hiện được và các mặt qua các thời kỳ kế hoạch đến nay để đánh giá thắng lợi, kèm theo số liệu thống kê cụ thể.

Về số liệu, cần kiểm kê lại vốn, lương thực, vật tư, công sức lao động của nhân dân đã đầu tư cho cuộc vận động định canh định cư, đến nay đã làm được những gì, hiện còn tồn tại những gì.

b) Kết luận đúng đắn những nguyên nhân khách quan và chủ quan về những thắng lợi, tồn tại, để rút ra những bài học kinh nghiệm, chú ý các mặt về nhận thức, về vận dụng chủ trương chính sách, về lãnh đạo chỉ đạo thực hiện ở mỗi vùng dân tộc khác nhau.

c) Xuất phát từ tình hình thực tế ở từng địa bàn, từ tâm tư nguyện vọng của đồng bào các dân tộc ở mỗi vùng mà đề xuất, góp ý kiến về phương hướng và cách làm, xây dựng, bổ sung chính sách, chế độ cho phù hợp hơn đối với từng nơi cư trú các dân tộc, đồng thời tổng kết được những kinh nghiệm, những biện pháp hay để tỉnh chỉ đạo công tác định canh định cư tốt hơn.

d) Đánh giá phong trào thi đua, bình xét, lựa chọn những đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc, đề nghị các hình thức khen thưởng.

đ) Đề ra phương hướng, nhiệm vụ thực hiện công tác định canh định cư năm 1981 và 5 năm (1981-1985) của huyện.

2. Trách nhiệm của cấp ủy và các ngành trong việc tổng kết công tác định canh định cư

Để đạt được nội dung tổng kết công tác định canh định cư 12 năm, theo yêu cầu nội dung trên, các cấp, các ngành cần tiến hành như sau:

- Ở huyện: Ban Thường vụ Huyện ủy cần quán triệt yêu cầu và nội dung tổng kết, thống nhất chỉ đạo, đánh giá đúng đắn các mặt công tác theo nội dung trên; phân công 1 đồng chí ủy viên thường vụ chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tổng kết, đồng thời Ban Thường vụ trực tiếp chỉ đạo một vài điểm có phong trào khó (toàn diện hoặc từng mặt) hoặc có nhiều nội dung phức tạp để có những kết luận

chân thực. Ngoài báo cáo chung, mỗi huyện cần có những báo cáo điển hình của cơ sở.

- Ở tỉnh: Các đoàn thể, các ban của Đảng, Ban cán sự Đảng, các ngành, Ủy ban Kế hoạch, Sở Tài chính vật giá, Ngân hàng Nhà nước, Chi hàng kiến thiết, Sở Nông nghiệp, Sở Lâm nghiệp, Ty Lương thực, Ty Thương nghiệp, Ty Giao thông vận tải, Ty Thủy lợi, Ty Văn hóa thông tin, các đoàn thể: Thanh niên, Phụ nữ, Mặt trận, Dân vận, căn cứ vào nhiệm vụ của ngành để tổng kết việc phục vụ định canh định cư và có phân tích của tổng kết điểm trong công tác phục vụ.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao trách nhiệm cho Ban cán sự Sở lâm nghiệp giúp Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh thường trực công tác tổng kết này. Sở Lâm nghiệp phải phân công bộ phận định canh định cư chuyên trách, xây dựng đề cương tổng kết, xây dựng biểu mẫu thống kê, cử cán bộ xuống các điểm chỉ đạo, giúp huyện, xã tổng kết. Tổng hợp báo cáo với Ban Thường vụ và Tỉnh ủy chuẩn bị các nội dung cho hội nghị tổng kết tốt.

3. Về thời gian hội nghị

Báo cáo của các ngành ở tỉnh, ở huyện và các điểm điển hình phải gửi về Tỉnh ủy đồng gửi cho Ban cán sự Sở Lâm nghiệp trước ngày 30-4-1981. Sở Lâm nghiệp tổng hợp báo cáo thông qua tỉnh vào tháng 5-1981.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 247-QN/TU, ngày 03- 4-1981

**Về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng
pháo đài quân sự huyện**

- Căn cứ Nghị quyết Trung ương và Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc xây dựng pháo đài quân sự huyện;

- Xét nhu cầu công tác và khả năng cán bộ,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Nay thành lập Ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng pháo đài quân sự huyện của tỉnh Hoàng Liên Sơn gồm các đồng chí có tên sau đây:

1- Đồng chí Tráng A Pao, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban

2- Đồng chí Lê Khay, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đại tá, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh làm Phó Trưởng ban Thường trực

3- Đồng chí Phạm Kham, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ty Công an làm Phó Trưởng ban Thường trực

4- Đồng chí Nguyễn Nhân Trí, Phó Văn phòng Tỉnh ủy, Ủy viên.

5- Đồng chí Đặng Khuê, Phó ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy viên

6- Đồng chí Nguyễn Quang Cường, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên

7- Đồng chí Tống Chư, Trung tá, Chỉ huy phó Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Ủy viên

8- Đồng chí Trần Trọng Vỹ, Phó Ty Công an, Ủy viên

9- Đồng chí Vi Thị Hoá, Tỉnh ủy viên, Hội trưởng Phụ nữ, Ủy viên

10- Đồng chí Vũ Văn Sửu, Tỉnh ủy viên, Bí thư Tỉnh Đoàn Thanh niên, Ủy viên

11- Đồng chí Lý Hán Sinh, Phó ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy viên

12- Đồng chí Phạm Kiểm, Phó ban Nội chính Tỉnh ủy, Ủy viên

13- Đồng chí Hoàng Ngọc Lâm, Phó Giám đốc Sở Tài chính vật giá, Ủy viên

14- Đồng chí Vũ Bội Công, ủy viên Ủy ban Kế hoạch tỉnh, Ủy viên.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công 3 đồng chí ủy viên Thường vụ (đồng chí Pao, Khay, Kham) có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo nhiệm vụ này.

Các đồng chí tham gia Ban chỉ đạo nói trên sẽ bàn giao công tác của mình đang phụ trách cho đồng chí khác hoặc chỉ đảm nhận một phần nhiệm vụ nhất định, còn để tuyệt đại bộ phận thời gian hoạt động cho Ban chỉ đạo, khi xong nhiệm vụ trở lại cơ quan tiếp tục công tác như cũ.

2. Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng pháo đài quân sự huyện do ngân sách địa phương đài thọ, Ban chỉ đạo lập kế hoạch, dự trù cụ thể; Đảng đoàn chính quyền tỉnh duyệt những khoản phải trình Chính phủ quyết định thì Ủy ban nhân dân tỉnh làm tờ trình xin Chính phủ duyệt, các ngành có liên quan như: Tài chính vật giá, Ngân hàng Nhà nước tỉnh... có trách nhiệm tham gia quản lý và giải quyết kịp thời các yêu cầu kinh phí của tỉnh đã duyệt.

3. Chức năng nhiệm vụ chính của Ban chỉ đạo:

1- Ban chỉ đạo xây dựng pháo đài quân sự huyện là một tổ chức giúp việc chỉ đạo cụ thể của cấp ủy, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, có chức năng vừa nghiên cứu tổng hợp đề xuất đồng thời vừa chỉ đạo cụ thể cuộc vận động xây dựng pháo đài quân sự huyện theo tinh thần nghị quyết của Trung ương và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2- Giúp Tỉnh ủy tổ chức chỉ đạo cuộc vận động xây dựng pháo đài quân sự huyện, trước hết phải làm thật tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục sâu sắc quan điểm, đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng(...), quán triệt các nội dung yêu cầu, kế hoạch và biện pháp tiến hành cuộc vận động xây dựng pháo đài quân sự huyện đến cán bộ (kể cả cán bộ trung tập), đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, trọng điểm là các huyện, thị vùng cao biên giới, trên cơ sở đó mà tiến hành cuộc vận động cho có kết quả.

3- Giúp Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện chặt chẽ cuộc vận động theo kế hoạch toàn diện của tỉnh đã định (bao gồm chính trị, kinh tế, an ninh quốc phòng, củng cố tổ chức cơ sở...), từng bước có sơ kết, toàn đợt có tổng kết từ cơ sở lên, giữ vững chế độ báo cáo thỉnh thị từ xã lên huyện, huyện về Ban chỉ đạo và mối quan hệ giữa Ban chỉ đạo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy (riêng Ban chỉ đạo báo cáo với Tỉnh ủy mỗi tuần 1 lần); tăng cường kiểm tra, đôn đốc giúp đỡ cơ sở nhất là giúp đỡ các đội công tác ở xã để động viên, uốn nắn kịp thời.

4- Ban chỉ đạo và các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc cần có kế hoạch phối hợp kết hợp chặt chẽ và cùng có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện cuộc vận động này ở đơn vị mình, thực hiện tốt quy hoạch xây dựng hành lang biên giới; quy hoạch dân cư theo làng, bản, xã mới; quy hoạch thế trận quân sự ở xã và các cụm chiến đấu trên địa bàn huyện; kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất ở huyện, xã; củng cố tổ chức cơ sở vững mạnh nhằm bảo đảm yêu cầu nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội, đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện.

5- Ban chỉ đạo căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ, tình hình đặc điểm của từng huyện, thị và khả năng của từng cán bộ mà phân công số cán bộ đã được tỉnh trưng tập thành các đoàn xuống huyện và đội công tác ở xã, phân công cán bộ trong Ban chỉ đạo phụ trách từng mặt công tác và lấy từ 3 đến 5 cán bộ trưng tập để làm nhiệm vụ tổng hợp, truyền đạt chủ trương và đi kiểm tra cơ sở; quy hoạch rõ nhiệm vụ, lề lối làm

việc, mối quan hệ công tác cho các đoàn, đội và cán bộ đi công tác ở xã; Ban chỉ đạo có trách nhiệm quản lý, sử dụng tốt số cán bộ trưng tập, cuối đợt công tác có kiểm điểm nhận xét và đề nghị các hình thức biểu dương khen thưởng thích hợp. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ các đội công tác rút đi phải bàn giao cụ thể cho các huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc để có trách nhiệm chỉ đạo tiếp.

4. Ban chỉ đạo xây dựng pháo đài quân sự huyện, các huyện, thị ủy và Đảng ủy trực thuộc, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Ban cán sự Ty Công an, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 249-QN/TU, ngày 8-4- 1981

**Chỉ định bổ sung ủy viên Thường vụ
Ban Chấp hành Đảng bộ Mở apatít**

- Căn cứ đề nghị của Đảng ủy Mở apatít xin bổ sung ủy viên Thường vụ Đảng ủy bảo đảm cho sự lãnh đạo hoàn thành nhiệm vụ;
- Xét yêu cầu lãnh đạo và năng lực cán bộ;
- Căn cứ Điều 16 Chương IV Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chỉ định bổ sung đồng chí Tạ Gia Thoại, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ vào Ủy viên Thường vụ Đảng ủy làm nhiệm vụ thường trực Đảng.
2. Đảng ủy Mở apatít có nhiệm vụ họp Ban Chấp hành công bố Quyết nghị và thông báo trong Đảng bộ biết.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 51-TB/TU, ngày 8- 4- 1981

Về một số quyết nghị của hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Trong phiên họp ngày 31-3-1981, sau khi nghe một số phương án kinh tế do Ủy ban nhân dân tỉnh và một số ngành báo cáo, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nhất trí quyết nghị một số vấn đề như sau:

1. Để phù hợp với tình hình thực tế sản xuất và kinh doanh cũng như tăng cường thêm một số cơ sở kinh tế cho cấp huyện, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao lại cho Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định chuyển giao một số cơ sở sản xuất công nghiệp thuộc Sở Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đang quản lý cho huyện Văn Chấn và ngành thương nghiệp trực tiếp quản lý sản xuất và kinh doanh cụ thể là:

a) Xí nghiệp sản xuất chè hương Nghĩa Lộ:

Chuyển giao cho huyện Văn Chấn quản lý sản xuất kinh doanh theo kế hoạch nhà nước giao và có trách nhiệm thực hiện đầy đủ mọi nhiệm vụ, quyền hạn nghĩa vụ của một xí nghiệp và nhiệm vụ trách nhiệm của huyện trong công tác quản lý đối với tỉnh theo các quy định của Nhà nước.

b) Xí nghiệp nước đá Yên Bái, xí nghiệp bánh kẹo Yên Bái: Nay chuyển giao cho ngành thương nghiệp tỉnh trực tiếp quản lý sản xuất và kinh doanh.

Ủy ban nhân dân tỉnh giao trách nhiệm cho các ngành quản lý kế hoạch, tài chính, ngân hàng cùng các huyện, ngành trực tiếp quản lý và cơ sở giao, nhận tiến hành kiểm kê và làm lại các thủ tục cần thiết để bàn giao nhanh, gọn, sớm ổn định sản xuất trong tháng 4-1981.

2. Để sử dụng tốt một số thóc thu vượt mức kế hoạch ổn định Nhà nước giao. Ban Thường vụ nhất trí giao lại để Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra lại số lương thực vượt kế hoạch thật chính xác để quyết định chuyển giao cho ngành thương nghiệp (trước mắt giao 500 tấn trong tháng 4) để gia công hoặc bán đổi thịt lợn. Nghiên cứu nắm lại lượng thức ăn chế biến và số cám xay xát của ngành lương thực cung cấp cho các cơ sở lợn giống của nông nghiệp, số còn lại giao cho ngành thương nghiệp tổ chức gia công mua thịt lợn nhằm đáp ứng tốt nhu cầu phân phối phục vụ đời sống, ngành thương nghiệp phải có phương án gia công thật cụ thể để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xét duyệt chính thức.

3. Về thiết kế thi công trụ sở Tỉnh ủy. Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhất trí với toàn bộ phương án thiết kế trụ sở Tỉnh ủy từ bố trí tổng mặt bằng đến thiết kế kỹ thuật cụ thể từng công trình do ngành xây dựng trình bày và giao cho Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chủ trì chỉ đạo cụ thể mọi công việc nhất là những vấn đề về vốn, vật tư kỹ thuật cho đến khi hoàn thành xây dựng công trình. Giao cho ngành xây dựng làm nhiệm vụ cả A và B trong quá trình thi công xây dựng công trình này với thời gian khởi công xây dựng từ quý II năm 1981 đến hết năm 1981 hoàn thành cơ bản công trình, nhất là phần trụ sở và hội trường họp Ban Chấp hành, hết quý II năm 1982 hoàn chỉnh và hoàn thiện toàn bộ công trình theo thiết kế đã định.

Đây là một trong những công trình trọng điểm của tỉnh xây dựng trong năm 1981 và 1982 được vốn ngân sách của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương Đảng trợ cấp, nên cần được tập trung chỉ đạo và xây dựng khẩn trương, các ngành kế hoạch, lâm nghiệp, vật tư... tạo mọi điều kiện bảo đảm cung ứng theo yêu cầu tiến độ xây dựng cả về thời gian, số lượng và chất lượng nguyên vật liệu để công trình được thực hiện tốt theo kế hoạch;

Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tài chính - Quản trị Tỉnh ủy chịu trách nhiệm cộng tác với ngành xây dựng theo dõi giúp Tỉnh ủy trong quá trình thi công theo kế hoạch cho chặt chẽ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 251-QN/TU, ngày 9- 4-1981

Thành lập Chi bộ cơ sở Trường Trung học kinh tế

- Căn cứ Quyết định thành lập Trường Trung học kinh tế của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Căn cứ vào nhiệm vụ lãnh đạo và số lượng đảng viên theo đề nghị của Thị ủy thị xã Yên Bái;
- Căn cứ Điều 11 Chương IV Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Thành lập Chi bộ cơ sở Trường Trung học kinh tế trực thuộc sự lãnh đạo của Thị ủy thị xã Yên Bái.
2. Thị ủy Yên Bái có trách nhiệm hướng dẫn việc thành lập chi bộ và chỉ định Ban chỉ ủy Chi bộ Trường Trung học kinh tế theo đúng nguyên tắc Điều lệ Đảng quy định.
3. Thị ủy Yên Bái, Chi bộ Trường Trung học kinh tế thi hành Quyết nghị.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

ĐỀ CƯƠNG CỦA TỈNH ỦY

Số 14-ĐC/TU, ngày 10-4-1981

Kiểm tra thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ chín và Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư ở các huyện vùng thấp tỉnh Hoàng Liên Sơn

Để làm chuyển biến trong sản xuất nông nghiệp ở tỉnh ta theo tinh thần Nghị quyết lần thứ chín và Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư về việc cải tiến công tác khoán và mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động” trong hợp tác xã nông nghiệp được đúng hướng và đạt kết quả tốt; kịp thời uốn nắn những thiếu sót, sai lệch trong công tác khoán, vì vậy, tỉnh ta tổ chức đợt kiểm tra việc triển khai ở các cơ sở, trước hết là các huyện vùng thấp, vùng trọng điểm lúa với yêu cầu và nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Đánh giá đúng được tình hình triển khai Nghị quyết 9 của Trung ương và Chỉ thị 100-CT/TW trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở địa phương.

Từ đó, xem xét khả năng phấn đấu thực tế cho phép đối với kế hoạch nhà nước năm 1981 ở các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp thế nào? Xem xét thực hiện 3 mục đích, 5 nguyên tắc khoán như Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư đã đề ra như thế nào?

2. Phát hiện kịp thời những nhân tố mới, những điển hình mẫu để phát huy, những thiếu sót nhược điểm trong chỉ đạo để có biện pháp uốn nắn khắc phục nhằm: thúc đẩy sản xuất phát triển, đời sống nhân dân không ngừng tăng lên.

II. NHỮNG NỘI DUNG CẦN TẬP TRUNG KIỂM TRA

Dựa trên cơ sở những cây, con chính ở từng vùng đã xác định: Vật tư, tiền vốn, cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có đã đưa vào sản xuất; Cộng với các chính sách khuyến khích sản xuất đã được ban hành, trong các loại hợp tác xã khá, trung bình, yếu kém ở vùng thấp với những nội dung cụ thể cần làm cho rõ sau đây:

1. Cơ cấu cây trồng, con gia súc chính do kế hoạch nhà nước giao cho hợp tác xã thật sự phù hợp với điều kiện đất đai, lao động, thời tiết, khí hậu... ở địa phương chưa? hợp tác xã đã tính toán để sử dụng hợp lý tiềm năng lao động đất đai, tiền vốn, vật tư kỹ thuật hiện có như thế nào để bảo đảm sản xuất tốt hơn, đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

2. Một số chính sách như: Ổn định nghĩa vụ lương thực, thực phẩm, giá cả hợp đồng kinh tế hai chiều, phát triển kinh tế phụ gia đình... đã tạo điều kiện cho hợp tác xã phát huy tiềm năng để đẩy mạnh sản xuất ở cả hai khu vực tập thể và gia đình như thế nào?

3. Hợp tác xã đã hoàn thiện định mức lao động, chi phí vật chất, định mức sản lượng trên từng khoảnh, từng hạng, từng thửa ruộng để giao khoán cho đội sản xuất (3 khoán) để đội sản xuất giao khoán cho nhóm lao động và người lao động thế nào? (bằng hai hình thức: khoán việc và khoán sản phẩm). Những định mức ấy có hợp lý không?

4. Việc khoán sản phẩm: Giao ruộng đất cho lao động tiến hành như thế nào?

- Đối với lao động trông trọt, chăn nuôi, ngành nghề trong tuổi lao động với nhân khẩu... giao thế nào?

- Đối với ruộng đất: Cao vừa - trung, tốt - xấu, gần - xa, to - nhỏ... giao thế nào? đã công bằng hợp lý chưa?

- Bình quân mỗi gia đình được giao bao nhiêu thửa? ở mấy khoảnh, mấy sứ đồng? mỗi thửa bình quân bao nhiêu diện tích? Có bao nhiêu thửa ruộng phải chia nhỏ để giao cho lao động? cụ li đi lại sản xuất của mỗi gia đình có thuận lợi không?

5. Tiến hành trong quá trình sản xuất: Hợp tác xã đảm nhận mấy khâu? nhóm lao động và người lao động nhận khoán mấy khâu? tốt, chưa tốt ra sao? Xu thế của cán bộ, đảng viên và quần chúng ở cơ sở, nguyện vọng muốn tiến hành phân công đảm nhiệm các khâu trong quá trình sản xuất giữa tập thể và lao động, cá nhân nên thế nào?

6. Cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có (sân phơi, nhà kho, máy tuốt, công cụ cải tiến...) được sử dụng ra sao? Việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào quá trình sản xuất như thế nào? việc tổ chức quản lý giống lúa cho các vụ sản xuất sau được tiến hành thế nào để có giống tốt?

7. Kết quả sản xuất đã tổ chức thu hoạch thế nào?

- Năng suất so sánh có đối chứng và so với vụ sản xuất trước?

- Hợp tác xã tổ chức thu hoạch nắm sản phẩm và phân phối sản phẩm thế nào?

- Dựa vào định mức khoán xem xét thực tế chi phí (của cả hợp tác xã lao động đã đưa vào sản xuất) để tính toán hiệu quả kinh tế ra sao?

- So sánh thu nhập của tập thể, của lao động gia đình xã viên (phần do tập thể phân phối và phần thu vượt sản lượng) và mức làm nghĩa vụ đối với Nhà nước (cả nghĩa vụ thuế, bán giá thỏa thuận) để xem xét có bảo đảm hài hoà ba lợi ích không?

- Cách thưởng phạt của hợp tác xã có làm cho mọi người tham gia trong quá trình sản xuất thực sự gắn bó với sản phẩm cuối cùng không?

8. Đối với các gia đình neo đơn, gia đình bộ đội, thương binh, liệt sĩ tiến hành giao khoán thế nào? có bảo đảm chính sách địa phương không? Đối với lao động là cán bộ chủ chốt xã và hợp tác xã đội sản xuất tiến hành giao khoán thế nào?

9. Ngoài xem xét khoán cây lúa, cần xem xét công tác khoán cây, con, ngành nghề khác của mỗi hợp tác xã thế nào?

10. Thông qua kiểm tra xem xét các nội dung trên mà đối chiếu bước đầu kết luận đánh giá.

a) Đối chiếu với 3 mục đích, 5 nguyên tắc khoán trong Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư để đánh giá mặt tích cực, tiêu cực đối với từng loại hợp tác xã khá, kém, trung bình thế nào?

b) Trình độ quản lý của hợp tác xã? Vai trò chủ động của cơ sở trong việc xây dựng và điều hành kế hoạch? ý thức làm chủ tập thể của cán bộ, đảng viên và quần chúng được nâng cao thế nào?.

c) Sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng đối với hợp tác xã có những tiến bộ, tồn tại gì để đưa hợp tác xã tiến lên? các tổ chức quần chúng nhất là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có phát huy được vai trò tích cực của mình trong việc thực hiện Nghị quyết 9 và Chỉ thị 100-CT/TW của Trung ương không?

d) Sự lãnh đạo của cấp huyện, vai trò chỉ đạo cụ thể của các ngành có quan hệ trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp như thế nào? có những mạnh, yếu gì?

e) Từ thực tế ở cơ sở mà xem xét sự tác động của các ngành của tỉnh có quan hệ trực tiếp sản xuất nông nghiệp ở cơ sở có những ưu điểm, thiếu sót gì? đã tác động vào việc thực hiện Nghị quyết 9 và Chỉ thị 100-CT/TW của Trung ương như thế nào?

III. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

1. Hiện nay việc triển khai Nghị quyết 9 và Chỉ thị 100 về công tác khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp ở tỉnh ta mới triển khai đang có những cách hiểu và đánh giá khác nhau. Vì vậy để thống nhất nhận thức và hành động.

- Phải nắm vững và hiểu thật sâu sắc mục đích nguyên tắc và phương hướng cải tiến công tác khoán trong Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư và Thông tư số 5 của Bộ Nông nghiệp hướng dẫn làm cơ sở để kiểm tra việc thực hiện ở các hợp tác xã.

- Phải thực sự cầu thị, khách quan, trung thực kết hợp giữa tài liệu thống kê với ý kiến của cán bộ, đảng viên và quần chúng ở cơ sở để có những tài liệu chính xác để làm rõ mặt tốt, mặt thiếu sót và có ý kiến bổ khuyết ngay trong việc chỉ đạo thực hiện; phải rất coi trọng tìm được những mẫu điển hình của từng loại hợp tác xã, biết phát huy những mặt tốt, khắc phục những mặt thiếu sót, hoàn thiện những mặt còn có những nhược điểm.

2. Tập trung kiểm tra những vùng trọng điểm sản xuất lúa của tỉnh, trong mỗi vùng chọn từng loại hợp tác xã khá kém, trung bình để tiến hành xem xét kiểm tra.

- Ở tỉnh sẽ tập trung một số cán bộ có năng lực của Ban Nông nghiệp, Ủy ban Kế hoạch nhà nước, Ban Thanh tra chính quyền, Hội Liên hiệp Nông dân tập thể, Tỉnh Đoàn Thanh niên, Tỉnh Hội Phụ nữ để tiến hành những đợt tập trung kiểm tra. Năm 1981 sẽ làm 2 đợt vào cuối vụ xuân và vụ mùa. Đợt vụ xuân này sẽ tiến hành kiểm tra ở 4 huyện: Trấn Yên, Văn Yên, Văn Chấn, Lục Yên.

- Ở huyện, thị, cấp ủy sẽ chỉ đạo các ngành, ban, đoàn thể như trên quán triệt Nghị quyết 9 và Chỉ thị 100-CT/TW thống nhất nội dung yêu cầu kiểm tra trên. Thường xuyên phản ánh cho huyện, thị ủy và Ban Nông nghiệp tỉnh tổng hợp báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kịp thời.

3. Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy chủ trì cùng với ban, ngành, các đoàn thể có liên quan kể trên tập trung bồi dưỡng và bố trí cán bộ đi xuống cùng huyện, thị ủy kiểm tra và tổng hợp tình hình kết quả thường xuyên báo cáo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Thời gian đợt kiểm tra này sẽ tiến hành từ nay đến sau vụ thu hoạch đông - xuân báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 13-TT/TU, ngày 11-4-1981

Về việc tiếp tục lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa VII và Hội đồng nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn khóa III

Công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa VII và Hội đồng nhân dân tỉnh khóa III, theo tinh thần Nghị quyết số 35, ngày 12-1-1980 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 102, ngày 17-01-1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, chúng ta đã triển khai được một số việc như sau:

- Việc tổ chức để quán triệt chủ trương bầu cử từ huyện, thị xã tới cơ sở được tiến hành khẩn trương và đạt kết quả tốt.

Các huyện, thị xã đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn về vật chất, kết hợp chặt chẽ việc tổ chức, học tập bầu cử với học tập Hiến pháp và các nhiệm vụ trung tâm của huyện, thị xã là đẩy mạnh sản xuất và sẵn sàng chiến đấu.

Các cấp ủy Đảng đã nghiên cứu và thực hiện đúng chỉ tiêu phân bổ về số lượng, cấu tạo thành phần đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh. Thực hiện tốt chế độ thỉnh thị, báo cáo nên các trường hợp khó khăn vướng mắc đều được giải quyết kịp thời.

Bên cạnh những ưu điểm trên chúng ta còn một số khuyết nhược điểm trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo như:

- Việc triển khai học tập bầu cử chưa được sâu rộng tới toàn thể

cử tri, mới chỉ tiến hành được ở một số điểm có nhân sự giới thiệu ứng cử viên.

- Việc chuẩn bị vật chất như tài liệu phục vụ học tập bầu cử và học tập Hiến pháp thiếu, nội dung chưa sâu nên chất lượng học tập đạt chưa cao.

- Công tác chuẩn bị nhân sự có một số huyện và ngành chưa chặt chẽ, chưa nghiêm túc trong việc thỉnh thị báo cáo, chỉ đạo thực hiện cụ thể còn lúng túng, có nơi chưa bảo đảm tốt yêu cầu về công tác nhân sự.

- Công tác thông tin, tuyên truyền chưa đều, chưa rộng khắp.

Những thiếu sót và tồn tại trên đây là do sự phối kết hợp giữa các ngành, sự chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền các cấp chưa thật chặt chẽ.

Để hoàn toàn thành tốt công tác bầu cử từ nay đến 26-4-1981, các cấp ủy Đảng cần lãnh đạo tốt các công việc sau đây:

1- Tiếp tục tổ chức cho nhân dân học tập về bầu cử, học tập Hiến pháp, trao đổi mạn đàm tiểu sử ứng cử viên đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

2- Nắm lại cụ thể số cử tri của từng huyện, thị xã kể cả cử tri quân đội đóng ở địa phương, số khu vực bỏ phiếu và thành lập các tổ bầu cử ở các khu bỏ phiếu, để đến ngày bầu cử tiến hành được chu đáo.

3- Cần tiến hành ngay việc mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về bầu cử cho các tổ bầu cử, các cán bộ làm công tác bầu cử cho tốt và làm xong trước ngày 20-4-1981.

4- Tổ chức tốt việc ứng cử viên đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp xúc với đại biểu cử tri ở các đơn vị bầu cử theo như lịch của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc đã định.

5- Cần có kế hoạch thật sự chu đáo bảo đảm an toàn tuyệt đối trong quá trình chuẩn bị bầu cử và trong ngày bầu cử.

6- Sau khi bầu cử xong, cần chỉ đạo chặt chẽ việc tổng hợp, bảo đảm chính xác và báo cáo về tỉnh theo thời gian quy định.

7- Các cơ quan như: Sở Tài chính, Ty Thương nghiệp Lương thực và các cơ quan khác của tỉnh có kế hoạch bảo đảm yêu cầu cần thiết về vật chất phục vụ tốt cuộc bầu cử. Ban Tuyên huấn, Ty Văn hóa thông tin, báo *Hoàng Liên Sơn*, Đài Phát thanh... có kế hoạch đẩy mạnh công tác tuyên truyền thật sâu rộng, liên tục bằng nhiều hình thức... bảo đảm cho cuộc bầu cử đạt kết quả tốt. Ban Tổ chức chính quyền có trách nhiệm theo dõi tổng hợp và báo cáo kết quả việc thực hiện thông tri này với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nhận được Thông tri này, các cấp ủy Đảng nghiên cứu thi hành bảo đảm cuộc bầu đại biểu Quốc hội khóa VII và Hội đồng nhân dân tỉnh đạt kết quả tốt.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 52-TB/TU, ngày 18-4-1981

Về việc phân công cán bộ

Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ công tác và phẩm chất năng lực cán bộ, ngày 1-4-1981 Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp xét duyệt công tác cán bộ của huyện Yên Bình như sau:

1- Đồng ý đồng chí Lý Trung Thuộc, Tỉnh ủy viên thôi giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện sang làm Bí thư Huyện ủy thay đồng chí Nguyễn Xuân Nghiêm, Bí thư Huyện ủy nghỉ hưu trí.

2- Đồng chí Lương Đoàn Kết, Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và làm Phó Bí thư Huyện ủy.

3- Đồng chí Phạm Thế Dưỡng, Huyện ủy viên Trưởng ban Tuyên giáo bổ sung vào Thường vụ Huyện ủy.

4- Đồng chí Trần Quang Trực, Huyện ủy viên dự khuyết lên Huyện ủy viên chính thức do hội nghị Ban Chấp hành Huyện ủy họp quyết định chuyển lên chính thức.

5- Việc bổ sung đồng chí Nguyễn Văn Trà, Phó ban Nông nghiệp, đồng chí Đặng Duy Tiên Phó ban Kế hoạch và đồng chí Ngô Tụng, Huyện trưởng Công an vào Ban Chấp hành Huyện ủy, thì hội nghị toàn Ban Chấp hành Huyện ủy họp dân chủ thảo luận nhất trí đề nghị và có văn bản đề nghị Tỉnh ủy xét duyệt công nhận.

Để bảo đảm nguyên tắc dân chủ trong Đảng, Huyện ủy Yên Bình có trách nhiệm họp toàn Ban Chấp hành để bầu cử Bí thư Huyện ủy, Phó Bí thư Huyện ủy, bầu bổ sung Ban Thường vụ Huyện ủy, chuyển huyện ủy viên dự khuyết lên huyện ủy viên chính thức và thống nhất kiến nghị bổ sung Ban Chấp hành Huyện ủy.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Yên Bình có trách nhiệm thi hành Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 54-TT/TU, ngày 18- 4-1981

Quy định về chế độ báo cáo trong đợt vận động xây dựng pháo đài quân sự

Để bảo đảm nắm chắc tình hình tiến hành đợt vận động xây dựng pháo đài quân sự huyện phục vụ cho công tác lãnh đạo và chỉ đạo của Tỉnh ủy được chặt chẽ, nhằm phấn đấu đạt được các yêu cầu đề ra, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các huyện, thị ủy và các đoàn công tác nhất là 5 huyện, thị giáp biên thực hiện tốt chế độ báo cáo tình hình thị sau đây về Tỉnh ủy:

1. Chế độ báo cáo

- Hằng ngày, các huyện, thị ủy phải điện báo cáo tình hình hoạt động của địch trên lãnh thổ của ta (nếu có) và những diễn biến đáng chú ý xảy ra ở vùng biên giới và trong huyện (kể cả địch họa, thiên tai...) cùng với các chủ trương, biện pháp đối phó của ta. Nếu có điều kiện thì thường trực huyện, thị ủy cần hội ý với đồng chí Trưởng đoàn công tác của tỉnh để thống nhất nhận định và thống nhất chủ trương đối phó, giải quyết.

- Hằng tuần, vào đúng ngày thứ sáu, thường trực huyện, thị ủy hội ý với đồng chí trưởng đoàn công tác để kiểm điểm nắm chắc tình hình thực hiện các công tác trong bước của đợt vận động, cũng như các mặt công tác khác có quan hệ đến đợt vận động, định lịch công tác tuần tới, rồi huyện, thị ủy viết điện báo cáo về Tỉnh ủy, đồng gửi cho Ban chỉ đạo của tỉnh.

Sau 2 tuần, kể từ khi chính thức triển khai đợt vận động xuống cơ sở phải sơ bộ đánh giá kết quả và khả năng hoàn thành nhiệm vụ của mỗi bước công tác trong đợt vận động.

- Kết thúc bước 1 đợt vận động huyện, thị ủy và đoàn công tác và phải có báo cáo cho bằng văn bản sơ kết kiểm điểm đánh giá kết quả thực hiện các nội dung, yêu cầu của bước, chú ý phân tích nguyên nhân và rút kinh nghiệm cụ thể trong từng việc. Báo cáo này phải có sự thống nhất đánh giá của thường vụ huyện, thị ủy và lãnh đạo đoàn cán bộ tỉnh. Nội dung báo cáo bước 1 căn cứ vào bản kế hoạch của tỉnh đã nêu để kiểm điểm và báo cáo, nhất là về công tác tuyên truyền giáo dục, phát động tư tưởng. Các biểu mẫu thống kê về học tập, sinh hoạt tọa đàm, và các việc cụ thể, các ngành, ban của tỉnh sẽ phải xuống thêm.

- Kết thúc bước 2 của đợt vận động, thường vụ huyện, thị ủy và lãnh đạo đoàn cán bộ tỉnh hội ý kiểm điểm tình hình, nếu thấy các nội dung, yêu cầu đã đạt được thì cho chuyển sang bước 3 và đi vào làm báo cáo tổng kết toàn đợt (không làm báo cáo sơ kết riêng bước 2), đồng thời tiến hành tốt các nội dung của bước 3. Các báo cáo trên đều gửi về Tỉnh ủy và Ban chỉ đạo của tỉnh (kèm các biểu mẫu thống kê và tài liệu cần thiết).

- Ngoài ra, hết bước 1, Ban Tuyên giáo huyện, thị ủy phải có báo cáo chuyên đề về công tác phát động tư tưởng; hết bước 2 Ban chỉ huy Quân sự huyện và huyện, thị công an phải có báo cáo tổng kết chuyên đề về xây dựng lực lượng và thể trận chiến tranh nhân dân và báo cáo chuyên đề về an ninh (các báo cáo này cần thông qua thường trực huyện, thị ủy và trưởng đoàn cán bộ chỉ đạo), gửi về ban chỉ đạo tỉnh (để làm tốt các báo cáo trên, ngay từ đầu cần phân công cán bộ theo dõi tích lũy tình hình để làm báo cáo).

2. Những việc phải báo cáo xin ý kiến xét duyệt của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Những vấn đề đột xuất và những việc xét thấy phải xin ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy những việc sau đây:

- Phương án bố trí các điểm dân cư, bảo đảm kết hợp với chiến đấu và sản xuất, địa điểm trọng tâm, hậu cứ của xã, bảo đảm sát thực địa, nói rõ quy mô thôn, bản, có kèm theo hệ thống công trình chiến đấu, phòng tránh, lực lượng dân quân, trang bị vũ khí ở mỗi thôn, bản, lực lượng cốt cán, đảng viên, đoàn viên...

- Phương án tác chiến của cụm (chú ý lợi dụng địa hình thực tế, những khả năng địch có thể sử dụng lực lượng, binh khí kỹ thuật gì để tấn công ta, bố trí hệ thống vật cản, hệ thống rào biên giới, trận địa đánh tập trung các điểm chốt, gác, tổ chức lực lượng, trang bị vũ khí, cán bộ chỉ huy. Phương án bám trụ đánh phân tán quần lộn, dự trữ, tiếp tế hậu cần, cứu chữa thương binh, thông tin liên lạc, hậu cứ liên lạc bí mật...)

- Phương án bảo đảm an ninh (chú ý bám trụ phòng trừ bạo loạn, diệt ác trừ gian, nắm diễn biến hoạt động của địch, làm trong sạch địa bàn...).

- Phương án kiện toàn 12 biên chế chuyên trách, 30 dân quân, công an tập trung, làm trong sạch nội bộ cơ sở đảng, trong sạch đội ngũ cán bộ, (trước khi về tỉnh duyệt cần đăng ký trước 1 tuần để tiện việc bố trí lịch làm việc và phải mang theo văn bản phương án khi về báo cáo).

Xây dựng pháo đài quân sự huyện, thị xã là một công tác mới, mang tính toàn diện lại thiếu kinh nghiệm, nên trong quá trình tiến hành cần theo dõi chặt chẽ và báo cáo thỉnh thị kịp thời, phục vụ tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, bảo đảm đạt các yêu cầu đề ra.

Yêu cầu các đồng chí chấp hành tốt Thông tri này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DUƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA TỈNH ỦY

Số 15-BC/TU, ngày 24-4-1981

Sơ kết sau gần một năm thực hiện một số chủ trương và biện pháp của Trung ương về công tác biên giới (5-1980 - 4-1981)

Thực hiện Thông tri số 122, ngày 27-3-1981 của Ban Bí thư Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn tiến hành sơ kết sau gần một năm thực hiện các chủ trương, biện pháp về công tác biên giới với những nội dung như sau:

I. MỘT SỐ NÉT VỀ TÌNH HÌNH CHUNG Ở VÙNG BIÊN GIỚI HOÀNG LIÊN SƠN

Hoàng Liên Sơn là tỉnh miền núi, biên giới có nhiều dân tộc, có đường biên giáp với Trung Quốc dài 205 km, có 3 đường sông (chủ yếu là sông Hồng), 1 đường sắt, 1 đường quốc lộ và nhiều đường mòn trước đây thường qua lại giữa ta và Trung Quốc, có 5/17 huyện, thị biên giới và 27/333 xã ở giáp biên, diện tích tự nhiên ở vùng này có 271.375 ha, trong đó đất nông nghiệp 32.000 ha, đất lâm nghiệp 160.000 ha, dân số trong vùng có 161.800 người, tính riêng 27 xã giáp biên có 78 thôn gồm 3.924 hộ với 20.442 khẩu hầu hết là các dân tộc như Mông, Dao, Nùng, Giáy, Pa Dí, Phù Lá... với diện tích 10.320 ha, trong đó đất nông nghiệp 3.742 ha, toàn tỉnh có 27 dân tộc anh em, sống cư

trú xen kẽ nhau, các dân tộc ít người chiếm 53,7% và tập trung phần đông ở các xã vùng cao biên giới, trong đó có một số gia đình thường có mối quan hệ xã hội, dân tộc, họ hàng thân thuộc với nhân dân Trung Quốc nên có nhiều diễn biến phức tạp, kể cả trước, trong và sau chiến sự ngày 17-2-1979.

Về cơ sở chính trị: Nhân dân các dân tộc vốn có truyền thống đoàn kết đấu tranh chống xâm lược bảo vệ Tổ quốc. Một số xã có cơ sở đảng sớm, đội ngũ cán bộ, đảng viên được phát triển trưởng thành đã góp phần vào việc lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Bên cạnh những mặt tiến bộ đã đạt được, các xã vùng cao biên giới nói chung còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế, xã hội, trình độ phát triển giữa các dân tộc không đều nhau và nói chung là ở trong tình trạng của nền sản xuất nhỏ, lạc hậu, mê tín, độc canh, du canh. Tình hình trị an quốc phòng còn yếu và có nhiều phức tạp. Tổ chức đảng, chính quyền, công an, dân quân và các đoàn thể quần chúng ở cơ sở chưa được củng cố tốt và nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ nặng nề ở vùng biên giới.

II. MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG, KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU VIỆC THỰC HIỆN THÔNG BÁO SỐ 12 CỦA TRUNG ƯƠNG

Trước chiến sự ngày 17-2-1979, thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tư và được đồng chí Chu Huy Mân, đại diện Trung ương lên kiểm tra và trực tiếp cho những chỉ thị cụ thể, Tỉnh ủy đã kịp thời có những nghị quyết về công tác biên giới, thành lập Ban chỉ đạo tuyến I nhằm củng cố, xây dựng cơ sở chính trị (xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng), tăng cường lực lượng kinh tế, an ninh, quốc phòng đáp ứng yêu cầu sẵn có và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, mở các đợt sinh hoạt chính trị, giáo dục sâu rộng về tình hình, nhiệm vụ và âm mưu thủ đoạn của kẻ thù mới cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc từ tỉnh đến

cơ sở; đã đưa hàng nghìn cán bộ, hàng vạn lao động từ Trung ương, các tỉnh miền xuôi và cửa tỉnh, của các huyện vùng thấp, phía nam trong tỉnh tăng cường cho các xã, huyện, thị vùng cao biên giới phía bắc. Đã thành lập nhiều đội công tác xuống các xã giáp biên, và lập một số nông, lâm trường ở các huyện, thị biên giới như Lâm trường Lũng Phình (Bắc Hà), Nông trường Lào Cai, Lâm trường Bát Xát, Mường Khương tăng thêm nhiều lao động trẻ khỏe, để làm hai nhiệm vụ phát triển kinh tế và sẵn sàng chiến đấu. Về quân sự đã thành lập một số đơn vị bộ đội địa phương tỉnh, tiểu đoàn huyện và tiến hành rà xét lại lực lượng dân quân, tự vệ và công an, trang bị thêm vũ khí, xây dựng các phương án chiến đấu đánh địch, bảo vệ an ninh, làm trong sạch địa bàn, (...).

Nhờ có các chủ trương, biện pháp trên đây đã góp phần vào chiến thắng chung trong cuộc chiến đấu (...) tháng 2-1979.

Nhưng qua cuộc chiến đấu, bên cạnh những ưu điểm, thành tích thắng lợi, còn bộc lộ nhiều thiếu sót, khuyết điểm, nhất là về lãnh đạo, chỉ đạo của các ngành, các cấp chưa theo kịp sự chuyển hướng của tình hình (...). Từ tình hình thực tế trên đây Tỉnh ủy đã kịp thời tổ chức các hội nghị rút kinh nghiệm cuộc chiến đấu nhằm phát huy ưu điểm, thắng lợi, khắc phục khuyết nhược điểm đồng thời đề ra các chủ trương, biện pháp khắc phục hậu quả sau chiến tranh, ổn định sản xuất và đời sống nhân dân, làm tiếp các nhiệm vụ về an ninh quốc phòng, giữ gìn trật tự trị an và sẵn sàng đối phó với cuộc chiến đấu mới có thể xảy ra. Một biện pháp quan trọng hàng đầu trong thời gian này là công tác tư tưởng và tổ chức củng cố xây dựng lại tổ chức cơ sở đảng, chính quyền, các đoàn thể và lực lượng dân quân, công an ở những nơi có chiến sự và ở các xã, huyện, thị biên giới, phối hợp với quân khu tổ chức các hội nghị đoàn kết quân dân từ tỉnh đến các huyện, xã, có quân khu, quân đoàn, các sư đoàn và các đơn vị đóng quân trên các địa bàn trong tỉnh dự đã có tác dụng rất tốt trong việc giải quyết hậu quả chiến tranh và đoàn kết xây dựng sẵn sàng chiến đấu.

Tiếp theo các chủ trương mang tính chất khẩn trương, thời gian trên đây và sau khi được quán triệt nghị quyết hội nghị và thông báo của Trung ương về công tác biên giới, Tỉnh ủy đã ra các nghị quyết về công tác an ninh, công tác quân sự địa phương, kế hoạch phát triển kinh tế, quy hoạch về hành lang biên giới, nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất, đời sống và bảo đảm cho cuộc chiến đấu mới.

Để triển khai các chủ trương, nghị quyết trên đây, tỉnh đã mở các cuộc vận động tập trung lớn: xây dựng Đảng theo yêu cầu “Trong sạch, vững mạnh”, “Bảo vệ an ninh Tổ quốc”, “Xây dựng pháo đài quân sự huyện” các cuộc vận động này được tiến hành từ giữa năm 1980 đến nay và tập trung chủ yếu các địa bàn huyện, xã biên giới như: Bát Xát, Mường Khương, Lào Cai, Bảo Thắng, Bắc Hà, số cán bộ đi làm công tác này bao gồm số cán bộ của Trung ương, của tỉnh tăng cường cho cơ sở trước đây (500 đồng chí) và tỉnh trưng tập thêm 2 đợt cán bộ:

- Đợt tháng 6-1980 gồm 187 cán bộ của các cơ quan cấp tỉnh đi làm cuộc vận động “Bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

- Đợt tháng 4-1981 gồm 220 cán bộ, trong đó có 43 trưởng, phó ty, sở, ban, ngành cơ quan tỉnh đi làm cuộc vận động “Xây dựng pháo đài quân sự huyện”.

Về lãnh đạo, chỉ đạo các cuộc vận động đều do cấp ủy các cấp trực tiếp và thành lập Ban chỉ đạo, đoàn, đội công tác chuyên trách, theo dõi tổng hợp, làm tham mưu cho cấp ủy.

2. Đánh giá kết quả bước đầu trên một số mặt công tác¹

a) Công tác củng cố, xây dựng cơ sở chính trị:

- Giáo dục chính trị, tư tưởng, quán triệt tình hình nhiệm vụ đã được triển khai từ tỉnh đến cơ sở xã, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng, và làm liên tục trong các cuộc vận động xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cuộc vận động bảo vệ an ninh Tổ quốc và trong cuộc vận động xây dựng pháo đài quân sự huyện lần này.

1. Bản gốc không có mục 1 - BT.

Ngoài nội dung giáo dục về tình hình nhiệm vụ chung, tỉnh còn biên soạn tài liệu tuyên truyền về truyền thống đoàn kết đấu tranh chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc của nhân dân các dân tộc nhằm phát động, kêu gọi tinh thần tự hào dân tộc, lòng căm thù giặc sâu sắc, phân rõ kẻ thù, nâng cao cảnh giác cách mạng, vạch trần âm mưu, tội ác của bọn phản động, (...) Tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo chống chiến tranh tâm lý gồm một số thành viên do Ban Tuyên giáo chủ trì và các cơ quan tuyên truyền, dân vận, các đoàn thể quần chúng, công an, quân sự tham gia.

Kết quả của công tác tuyên truyền, giáo dục đã nâng cao trình độ nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc ở vùng cao biên giới lên một bước. Hiểu rõ tình hình nhiệm vụ chung của đất nước, của địa phương, củng cố lòng tin vào đường lối, chính sách của Đảng, xác định rõ kẻ thù (...) và những âm mưu, thủ đoạn của chúng đối với đất nước ta nói chung và đối với nhân dân các dân tộc ít người ở vùng cao biên giới.

Chuyển biến về hành động trong phong trào lao động sản xuất của các huyện, thị và các xã biên giới trong năm qua tuy còn có nhiều khó khăn, nhưng nhìn chung được ổn định hơn so với năm 1979 và có một số mặt tiến bộ. Huyện Bắc Hà trong năm 1980 vẫn dẫn đầu toàn tỉnh về phong trào khai nương, ruộng bậc thang, đạt 250 ha, tăng thêm diện tích gieo trồng và trong số diện tích mới khai phá đã trồng được 8,2 ha khoai tây, 65 ha cao lương, tổng sản lượng quy thóc toàn huyện tăng 18%, làm nghĩa vụ đối với Nhà nước vượt kế hoạch (413/300 tấn thóc). Phong trào sản xuất tự túc khá làm thêm được 47 tấn lương thực, phát triển được nhiều trại chăn nuôi tập thể, đẩy mạnh làm thủy lợi, coi trọng việc củng cố quan hệ sản xuất mới, thành lập được hợp tác xã ở 16 xã trước đây là xã trắng. Thị xã Lào Cai năm 1980 sản xuất được 3.112 tấn lương thực quy thóc, khôi phục được đàn lợn tập thể với 4.200 con, làm nghĩa vụ với Nhà nước được gần 200 tấn thóc, 832 tấn rau xanh, 60 tấn thịt lợn hơi, sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đạt 756.000 đồng giá trị tổng sản lượng. Xây

dựng mới 7.459 m² và sửa chữa 1.426 m² nhà kho, nhà ở và nơi làm việc. Hai huyện Bát Xát và Mường Khương có nhiều xã giáp biên, kẻ địch luôn gây căng thẳng và tình hình có nhiều khó khăn phức tạp nhưng phong trào sản xuất và hợp tác xã của một số xã vẫn đạt khá và có hợp tác xã tiên tiến, năm 1980 toàn tỉnh có 31 hợp tác xã đạt tiên tiến, trong đó huyện Bát Xát có 6, huyện Mường Khương có 5 và số hợp tác xã này nằm ngay trong các xã giáp biên hoặc gần ven biên như xã Quang Kim, Bản Qua, Mường Vi, Tả Ngảo, Cốc San (Bát Xát); xã Nám Lữ, Mường Khương, Bản Lầu, Lùng Vai (Mường Khương).

Một số xí nghiệp công nghiệp, nông trường, lâm trường bị địch đánh phá trong chiến tranh ngày 17-2-1979 đến nay đã được di chuyển địa điểm và khôi phục lại sản xuất như 3 lâm trường Bát Xát, Đản Khao, Mường Khương; 2 nông trường Phú Xuân, Phong Hải; Nhà máy hoa quả (dứa hộp) xây dựng thêm Xí nghiệp xi măng, sành sứ...

Củng cố và kiện toàn tổ chức đi đôi với công tác chính trị tư tưởng, công tác củng cố, kiện toàn tổ chức trước hết là tổ chức cơ sở đảng bảo đảm hạt nhân lãnh đạo và là yêu cầu rất cấp bách đối với các xã vùng cao, biên giới.

Năm 1980 là năm có nhiều ý nghĩa lịch sử, năm Trung ương có nhiều chỉ thị, nghị quyết về công tác xây dựng Đảng và tiến hành phát triển đảng viên. Tỉnh Hoàng Liên Sơn đã chấp hành và thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị trong Đảng, mở hội nghị Đảng các cấp, công tác phát triển đảng viên, xây dựng Đảng theo yêu cầu “Trong sạch, vững mạnh” cuộc vận động “Bảo vệ an ninh Tổ quốc”, thông qua các cuộc sinh hoạt, vận động này để đánh giá tổ chức cơ sở, rà xét cốt cán, phân loại đảng viên được chính xác, tin cậy hơn, kịp thời đưa ra khỏi Đảng những phần tử thoái hóa, biến chất, đồng thời đào tạo thêm cán bộ, phát triển đảng viên mới, tăng thêm sức chiến đấu của tổ chức cơ sở.

Tình hình tổ chức cơ sở đảng của 6 huyện, thị tuyến I có 257 tổ chức cơ sở, trong đó nông thôn có 119 cơ sở; đảng viên có 5.267, trong

đó nông thôn có 2.511. Số đảng viên là dân tộc ít người có 1.625, trong đó ở nông thôn 1.281, đảng viên dân tộc ít người so với dân tộc ít người chiếm 1,5%.

Phân loại: (Số liệu của 146 cơ sở thuộc 4 huyện), tổng số cơ sở là 146, trong đó nông thôn 69 cơ sở.

- Đạt vững mạnh có 42 cơ sở, trong đó nông thôn 23 cơ sở.
- Đạt khá có 78 cơ sở, trong đó nông thôn 28 cơ sở.
- Loại yếu có 21 cơ sở, trong đó nông thôn 15 cơ sở.
- Loại kém có 5 cơ sở, trong đó nông thôn 3 cơ sở.

Trong số cơ sở đạt vững mạnh qua tổng kết năm 1980 có 8 cơ sở đạt tiêu chuẩn Đảng bộ trong sạch, vững mạnh và được tỉnh biểu dương, tặng cờ đợt đầu trong số 29 đảng bộ toàn tỉnh được biểu dương, tặng cờ.

Về đảng viên tổng số 2.821 đồng chí, trong đó nông thôn 1.376

+ Số đủ tư cách là 2.446, trong đó nông thôn là 1.153.

+ Chưa đủ tư cách là 375, trong đó nông thôn là 223.

Về phát thẻ đảng viên (số liệu của 6 huyện, thị tuyến 1) có 179 cơ sở đảng được phát thẻ trong đó nông thôn 73 cơ sở, số đảng viên được nhận thẻ là 2.818 đồng chí.

Việc phát thẻ đảng viên ở các xã biên giới mới tiến hành ở 8 đảng bộ cơ sở gồm 3 ở huyện Mường Khương, 5 ở huyện Bát Xát.

Về cấp ủy qua việc thi hành Chỉ thị 72 của Ban Bí thư Trung ương và tổ chức Đại hội của các huyện, thị đến nay tự đánh giá của các huyện, thị tuyến I, số ủy viên chấp hành huyện đảm nhiệm được công việc chiếm 95% số cần phải thay thế là 5%, số ủy viên thường vụ huyện, thị chủ động được công việc chiếm 79%, số phải kèm cặp là 21%.

Số cốt cán ở cơ sở theo 5 chức danh có 259 đồng chí và đã qua rà xét trong các cuộc vận động, phân loại có 203 đồng chí tin cậy không phạm tiêu chuẩn chính trị.

Tình hình xử trí kỷ luật cán bộ, đảng viên đã được tiến hành kịp thời, số liệu từ sau ngày 17-2-1979 đến quý I năm 1981 như sau: Qua

cuộc chiến đấu phát hiện có 114 trường hợp chính trị trong đó đầu hàng 56 trường hợp, chỉ điểm dẫn đường 17, nộp vũ khí 10, bị thu súng 17 và chạy sang Trung Quốc 14 trường hợp. Tất cả các trường hợp này đều đã được xem xét, xử trí xong 100%.

Số đảng viên bị quân Trung Quốc bắt có 13 trường hợp, đến nay đã xem xét công nhận Đảng tịch 3 trường hợp, không công nhận Đảng tịch 3 trường hợp, khai trừ ra khỏi Đảng 6 trường hợp, còn 1 trường hợp chưa giải quyết.

Tóm lại, tình hình tổ chức cơ sở đảng ở xã biên giới tuy đã qua nhiều cuộc vận động xây dựng, củng cố, rà xét cán bộ, kiện toàn tổ chức nhưng vẫn đang còn gặp nhiều khó khăn, số lượng đảng viên nói chung ít, đảng viên là người dân tộc địa phương có xã chỉ còn 1- 2 đồng chí như xã A Mú Sung, Nậm Chạc (Bát Xát), Lao Táo (Mường Khương), Si Ma Cai (Bắc Hà). Hiện nay còn 12 xã thiếu cốt cán, phải bố trí cán bộ tăng cường trực tiếp làm Bí thư chi bộ.

b) Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và công an ở cơ sở vùng biên giới.

Đi đôi với việc củng cố, xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng đã coi trọng xây dựng lực lượng vũ trang bao gồm cả bộ đội địa phương, bộ đội biên phòng tỉnh đang làm nhiệm vụ ở biên giới và dân quân tự vệ, công an ở cơ sở. Lực lượng này đã được rà xét qua cuộc chiến đấu ngày 17-2-1979 và xem xét nhiều lần thông qua các cuộc vận động chính trị sàng lọc, thanh thải và bổ sung thêm, chất lượng đáng tin cậy hơn, nhất là những người được trang bị vũ khí.

- Số lượng công an xã thuộc tuyến I có 1.861 người, trong đó trưởng, phó ban là 240 người, ủy viên ban 59 người, công an viên 1.512 người.

- Số lượng dân quân tự vệ của 5 huyện, thị biên giới hiện có 32.856 người, trong đó nữ có 7.971 người, về chất lượng có 2.973 đảng viên, 9.822 đoàn viên, 2.078 quân nhân phục viên; chia ra lực lượng tham gia chiến đấu gồm 17.473 người, phục vụ chiến đấu 9.573 người, số súng được trang bị 11.392 khẩu các loại.

Riêng các xã biên giới có 3.248 dân quân, tự vệ; trong đó có 355 nữ. Về chất lượng có 195 đảng viên, 572 đoàn viên, 89 quân nhân phục viên, chia ra lực lượng tham gia chiến đấu gồm 2.039 người, phục vụ chiến đấu 733 người. Số súng được trang bị 1.432 khẩu các loại.

Việc củng cố 5 chức danh (chốt) ở xã và lực lượng dân quân công an, theo chủ trương của Trung ương đã tích cực thực hiện đến nay đã có 33% xã khá tin cậy và còn 66% xã yếu kém. Việc thực hiện các chế độ chính sách đối với số cán bộ dân quân này còn những mặt phải nghiên cứu đề xuất giải quyết cho toàn diện hơn.

Về hoạt động chiến đấu của các lực lượng vũ trang chủ yếu của bộ đội địa phương, Bộ đội biên phòng tỉnh phối kết hợp với dân quân tự vệ, công an cơ sở trong 2 năm qua (từ tháng 3-1979 đến 3-1981) tham gia đánh 50 trận, trong đó có 13 trận đánh phục kích, 1 trận đánh mìn, 8 trận bắn tỉa, 28 trận đánh bằng hỏa lực cối 82 và ĐKZ. (...).

Về đoàn kết quân dân, công tác dân vận của các đơn vị bộ đội đối với nhân dân các dân tộc nói chung là tốt và đã kịp thời giải quyết những sự việc xảy ra, nhưng vẫn còn nhiều tồn tại trong năm 1980 có 152 vụ vi phạm công tác dân vận, trong đó 31 vụ có tính chất nghiêm trọng biểu hiện như: trộm cắp, cướp giật, hãm hiếp, ngăn chặn tàu xe nhất là tuyến đường sắt (Yên Bái - Lào Cai) và các tuyến đường biên giới... gây ra án mạng và quấy rối trật tự an ninh ở những nơi công cộng, đông người như nhà ga, bến xe, thị trấn, thị xã...

Về diễn tập thực hiện phương án chiến đấu trong tháng 3-1981 vừa qua các lực lượng vũ trang và nhân dân đã tham gia cuộc diễn tập hợp đồng chiến đấu và phục vụ chiến đấu trên toàn tuyến biên giới của tỉnh. Đây là cuộc diễn tập lớn, toàn diện do Bộ Tổng tham mưu và Quân khu II chỉ đạo tập trung, thống nhất; Tỉnh ủy trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, chính quyền điều hành, huy động, các ngành, các cấp tham gia phục vụ. Đã tổ chức huy động được 3.714 người tham gia diễn tập, trong đó có 1.479 dân quân tự vệ, 683 người làm nhiệm vụ phục vụ, điều chuyển 63 hộ; 1.483 khẩu tạm lánh khỏi khu vực diễn tập, sửa chữa đèo 124 km đường hào chiến đấu, 215 hầm cá nhân, 18

hầm bí mật; củng cố và làm mới 37.410 trận địa, 38 đài quan sát, huy động 700 ngựa thồ (chủ yếu của huyện Bắc Hà); 25 ô tô, vận chuyển 405 tấn hàng, trong đó có 52 tấn lương thực, thực phẩm, chuẩn bị 650 giường bệnh đón nhận thương binh, 4 đội có đủ thuốc, xuất bản 66 loại văn kiện, trong đó có 11 hợp đồng, 128 văn bản khác, phát nhận 645 bức điện.

Cuộc diễn tập đã thu được kết quả bảo đảm thời gian, đạt yêu cầu, các tồn tại đã được bổ khuyết, tổng kết rút kinh nghiệm kịp thời.

Sự hoạt động của Bộ chỉ huy Quân sự thống nhất tỉnh được chặt chẽ, sinh hoạt đều, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy với đồng chí Tư lệnh trưởng hội ý hội báo thường xuyên và chỉ đạo kịp thời các nhiệm vụ, mệnh lệnh về công tác quân sự.

c) Về lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy huyện, thị và phục vụ của các ngành về công tác biên giới.

- Các huyện thị tuyến I nhất là các huyện, thị biên giới đã tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo củng cố, xây dựng cơ sở biên giới về nhiều mặt nhằm bảo đảm việc thực hiện nhiệm vụ chính trị; sẵn sàng chiến đấu, sản xuất và giải quyết đời sống nhân dân. Tình hình và phong trào của các huyện, thị biên giới trong năm 1980 nhìn chung ổn định hơn năm 1979 và có một số mặt tiến bộ, sản xuất phát triển, củng cố xây dựng được hợp tác xã, làm tốt nghĩa vụ với Nhà nước như huyện Bắc Hà, thị xã Lào Cai và một số xã thuộc huyện Bát Xát, Mường Khương).

- Về phục vụ của các ngành. Dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Trung ương Đảng và Chính phủ, được các ban, ngành Trung ương quan tâm, giúp đỡ tỉnh đã huy động các ngành tích cực phục vụ cơ sở vùng cao biên giới với tinh thần cố gắng nhất cả về vật chất và tinh thần. Ý thức phục vụ của các ngành đã đi dần vào nền nếp, thường xuyên và cả trong những trường hợp đột xuất theo yêu cầu quân sự và chiến đấu. Một số ngành đã có phương án cụ thể và phân công cán bộ lãnh đạo chuyên lo và kiểm tra đôn đốc việc phục vụ biên giới. Đã lập xong quy hoạch hành lang biên giới phục vụ cho xây dựng kinh tế kết hợp

với củng cố quốc phòng, điều chỉnh dân cư, dự kiến hợp nhất một xã biên giới. Thực hiện quy hoạch này đến nay đã điều chuyển 28.156 người dân từ lớp 1 ven biên vào lớp 2 để ổn định sản xuất và sẵn sàng chiến đấu. Chỉ có một số phân tử xấu, đối tượng chính trị mới đưa vào tuyến trong. Trong số này có 432 người thuộc đối tượng chính trị, đã đề nghị hợp nhất 28 xã cũ thành 14 xã mới và điều chỉnh 5 thôn, đến nay cơ bản đã được Trung ương phê duyệt, còn lại 1, 2 trường hợp đang nghiên cứu đề nghị tiếp. Các ngành trong khối lưu thông phân phối đã có nhiều cố gắng đưa hàng xuống phục vụ cơ sở biên giới, các nhu cầu về lương thực của tuyến I và của quân sự về cơ quan được bảo đảm theo yêu cầu của tuyến I là 2.000 tấn/tháng, của quân sự 20.000 tấn/năm. Nhưng cơ cấu lương thực và lực lượng cung cấp nhiều khi rất căng thẳng ví dụ: dân tuyến I và bộ đội ăn mì nắm và rau muối, lực lượng dự trữ cung cấp chỉ bình quân 5, 7 ngày không bảo đảm lực lượng sẵn sàng chiến đấu.

Các mặt hàng thiết yếu về đời sống của nhân dân như: Vải, muối, dầu hỏa, thuốc, giấy viết, hàng rét... đã chú ý phân phối cho tuyến I với tỷ lệ ưu tiên hơn. Nhưng do có nhiều khó khăn trong khâu vận chuyển (xăng xe thiếu, mưa lũ tắc đường và lực lượng tồn kho mỏng) nên tình trạng dầu, muối, thuốc ở vùng biên giới nhiều lúc thiếu gây ra căng thẳng về tâm lý và khó khăn trong đời sống; về giao thông tuy còn nhiều yêu cầu mới nhưng đã có nhiều cố gắng trong việc khôi phục lại các tuyến cầu đường bị địch đánh phá, tích cực phục vụ vận chuyển hàng hóa, hành khách và đang tiến hành khảo sát, thi công một số đoạn đường của các huyện Bát Xát, Mường Khương theo nghị quyết của Tỉnh ủy.

Công tác y tế, giáo dục đã khôi phục duy trì sự hoạt động của các bệnh viện, trường học bị tàn phá trong chiến tranh, trang bị thêm thiết bị cho các bệnh viện trọng điểm, tiến hành làm sạch môi trường, phòng, chống dịch bệnh, nhưng đang gặp khó khăn về thiếu thuốc chữa bệnh. Các trường cấp III của các huyện biên giới chưa khôi phục được, gây khó khăn cho con em của nhân dân các dân tộc vùng này

không có chỗ học hoặc phải đi học ở các nơi xa trong tỉnh. Công tác văn hóa thông tin trong năm qua đã thành lập các đội thông tin lưu động, đưa văn công xung kích, chiếu bóng xuống phục vụ nhân dân và chiến sĩ quân đội ở vùng biên giới. Đã tổ chức đợt phát hành đưa văn hóa phẩm, tài liệu tuyên truyền, khẩu hiệu, cờ Đảng, cờ Tổ quốc, ảnh lãnh tụ đến các gia đình ở các xã giáp biên, các đồn, chốt của bộ đội biên phòng.

Báo Hoàng Liên Sơn và Đài phát thanh tỉnh, các đài truyền thanh của các huyện, thị biên giới đã có nhiều bài tin nói về sản xuất, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ trị an ở vùng cao, biên giới, đã mở thêm trang mục tuyên truyền giải thích đường lối, chính sách của Đảng, vạch trần và đập lại luận điệu phản tuyên truyền, xuyên tạc chiến tranh tâm lý của địch. Đài Phát thanh tỉnh tổ chức 4 buổi phát thanh tiếng dân tộc (...), cổ vũ lòng yêu nước trong nhân dân các dân tộc như các tiết mục về “Hiểu rõ lòng dạ kẻ xâm lược”, “Đất nước quê hương”, “Nước yên nhà mới ấm” các tiết mục này được người nghe hoan nghênh.

Về cơ sở vật chất của các đài truyền thanh huyện, thị biên giới đã được phục hồi, trang bị lại như trước ngày 17-2-1979 và có thêm 18 đơn vị công an, bộ đội biên phòng, nông, lâm trường ở gần biên giới được trang bị máy thu thanh cải tiến và 2 loa 10W, nhưng cũng đang gặp khó khăn về pin, xăng dầu nên hoạt động của các đài không được thường xuyên, báo chí thiếu giấy nên không đủ phân phối cho các cơ quan và quân đội. Cụm loa ở thị xã Lào Cai chủ yếu dùng vào công tác địch vận nhưng nhiều lúc phải ngừng hoạt động vì thiếu xăng, dầu, trong khi đó phía ta bị tấn công bằng loa đài một cách thường xuyên, liên tục với công suất lớn (...).

Hoạt động của các ngành khác đều có những cố gắng bảo đảm cho sự hoạt động được thuận lợi như bưu điện tuy còn nhiều khó khăn về vật tư kỹ thuật nhưng đã củng cố lại hệ thống đường dây bảo đảm thư tín, báo chí và có phương án sử dụng các hình thức để bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt cả thời bình và sẵn sàng phục vụ cho thời chiến. Tuy nhiên cũng còn nhiều tồn tại tiền vốn, xây dựng cơ bản, Trung

ương cấp cho tỉnh miền núi biên giới ngày càng giảm hoặc đôi khi giải quyết thiếu khẩn trương, kịp thời.

III. NHIỆM VỤ Củng cố biên giới trong thời gian tới và một số đề nghị

Để tiếp tục thực hiện chủ trương, biện pháp theo Thông báo ngày 7-6-1980 và Thông tư số 122, ngày 27-3-1981 của Ban Bí thư Trung ương về công tác biên giới trong thời gian tới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra một số nhiệm vụ sau đây:

1. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh nhận thức về nhiệm vụ công tác biên giới coi đó là trách nhiệm và nghĩa vụ chung của mỗi người, cùng góp sức xây dựng, bảo vệ biên cương của Tổ quốc.

2. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng Đảng theo yêu cầu “Trong sạch, vững mạnh” để làm hạt nhân xây dựng cơ sở chính trị ở vùng biên giới, bao gồm việc củng cố, xây dựng tổ chức đảng, chính quyền, lực lượng dân quân, công an và các đoàn thể quần chúng, chú trọng công tác phát động quần chúng các dân tộc.

3. Tiến hành tổng kết 3 đợt vận động “Bảo vệ an ninh Tổ quốc” và triển khai cuộc vận động “Xây dựng pháo đài quân sự huyện” đợt 1 và các đợt tiếp theo trong thời gian 2 năm 1981-1982 theo phương án, kế hoạch đã được Trung ương phê duyệt. Trong cuộc vận động này triển khai toàn diện và từng bước các nội dung hai nghị quyết về công tác quân sự, an ninh của Ban Chấp hành Tỉnh ủy và quy hoạch về xây dựng hành lang biên giới, nhằm xây dựng cơ sở chính trị và kinh tế kết hợp với quốc phòng.

4. Tập trung dành một số vật tư, tiền vốn, hàng hóa và tiếp tục huy động các ngành phục vụ cho vùng cao, biên giới với tinh thần tích cực, khẩn trương hơn để nhằm đầu tư từng bước vào việc xây dựng cơ sở vật chất và kinh tế và quốc phòng bảo đảm cho sản xuất, đời sống và sẵn sàng chiến đấu, trước mắt cần tập trung làm các công trình về

phúc lợi như: trường học, trạm xá, bệnh viện cho các xã, huyện biên giới, đồng thời triển khai việc trồng rừng, các công trình đào biên giới, mở các đoạn đường giao thông vào các huyện lỵ của huyện Bát Xát, Mường Khương.

5. Cần có quy hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ toàn diện cả trước mắt và lâu dài cho cơ sở và huyện, thị vùng cao biên giới, nhất là cán bộ dân tộc địa phương, phải nghiên cứu, đề nghị về chế độ, chính sách đối với cán bộ hoạt động lâu năm ở miền núi và ở vùng cao biên giới nhằm phát huy và kết hợp được đội ngũ cán bộ sẵn có với đội ngũ cán bộ mới được tăng cường, cán bộ dân tộc, địa phương với cán bộ nơi khác được điều động đến.

Để thực hiện được các chủ trương, nhiệm vụ trên đây, tỉnh đề nghị Trung ương xét duyệt cho một số điểm như sau:

1- Đề nghị xét duyệt quy hoạch sáp nhập xã và điều chỉnh dân cư ở các xã giáp biên giới cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu hiện tại, từ 28 xã nay nhập lại còn 14 xã và xin Trung ương cho một số vốn, vật tư để xây dựng cơ sở vật chất xã mới và giúp đỡ dân trong quá trình di chuyển theo quy hoạch dân cư mới.

2- Đề nghị có chính sách tương đối toàn diện hơn để bảo đảm việc cung cấp thường xuyên về các mặt đối với cán bộ và dân quân công an xã giáp biên giới có chính sách đào tạo con em dân tộc và cán bộ dân tộc vùng cao biên giới.

3- Đối với các huyện, thị giáp biên hiện nay có nhiều khó khăn trước đây huyện lỵ ở cách đường biên có nơi chỉ gần 1 km nay phải quy hoạch lại chỗ ở và làm việc để bảo đảm ổn định cả trước mắt và lâu dài. Vì vậy các nhu cầu về vốn, vật tư đường sá, phương tiện đi lại (ôtô) phải có sự đầu tư thích đáng vào xây dựng lại cơ sở vật chất mới của huyện và có thể chi phí nhiều hơn nơi khác, nên đề nghị Trung ương quan tâm giúp đỡ.

4- Đối với đời sống của dân ở vùng biên giới nhất là vùng ven biên hầu hết là người thuộc các dân tộc thiểu số, đời sống vật chất văn hóa

còn thấp, ngoài việc sản xuất tự túc với tinh thần tự lực cao nhất, đề nghị có chế độ, chính sách giải quyết thường xuyên bảo đảm tiêu chuẩn cung cấp nhất là vải, muối, dầu, thuốc, lương thực... để vừa bảo đảm đời sống vừa đấu tranh chống mọi âm mưu thủ đoạn lôi kéo, chiến tranh tâm lý. Coi đó là nhiệm vụ đấu tranh ở tuyến đầu của Tổ quốc, hướng phấn đấu xây dựng cuộc sống của dân ở vùng ven biên giới của ta phải dần dần cao hơn đời sống dân bên Trung Quốc về các mặt.

5- Tăng cường thêm cơ sở vật chất - kỹ thuật cho một số ngành và một số mặt công tác hiện nay đang còn yếu như: Phương tiện thông tin tuyên truyền, phương tiện thông tin liên lạc của ngành thông tin, phát thanh, giao thông, bưu điện, y tế... về thông tin tuyên truyền nên có nhiều cụm loa với công suất mạnh có đủ xăng, pin hoạt động; mỗi xã biên giới cung cấp cho 1 đài bán dẫn, tăng thêm máy vô tuyến điện và kỹ thuật viên cho ngành bưu điện, mở mang thêm đường sá đối với vùng biên giới...

6. Có chế độ chính sách đối với cán bộ hoạt động lâu năm ở vùng cao biên giới, chế độ trợ cấp khi đi công tác xuống cơ sở vùng biên giới phải khác và cao hơn vùng thấp.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 266-QN/TU, ngày 15-5-1981

Về việc tách, sáp nhập và nâng cấp thành lập cơ sở đảng

- Căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tính chất và yêu cầu nhiệm vụ ở cơ sở;
- Xét đề nghị của Thị ủy Yên Bái ngày 27-2, ngày 28-2 và ngày 5-3-1981;
- Căn cứ vào Điều II Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y tách và nâng cấp chi bộ nhỏ Hợp tác xã Thủy tinh gồm 8 đảng viên, đang sinh hoạt thuộc Đảng ủy Tiểu khu thành công. Thành lập chi bộ cơ sở, lấy tên là Chi bộ Hợp tác xã Thủy tinh.

- Chuẩn y tách và nâng cấp chi bộ nhỏ Đội công trình xây dựng thị xã gồm 9 đảng viên, đang sinh hoạt thuộc Đảng ủy Ủy ban nhân dân thị xã. Thành lập chi bộ cơ sở, lấy tên là Chi bộ Đội công trình xây dựng thị xã.

- Chuẩn y cho tách Chi bộ Tòa án kiểm sát thị xã thành 2 chi bộ cơ sở:

+ Chi bộ Tòa án nhân dân thị xã gồm 5 đảng viên

+ Chi bộ Viện Kiểm sát nhân dân thị xã gồm 6 đảng viên

- Các chi bộ trên đặt trực thuộc Thị ủy Yên Bái.

- Chuẩn y cho giải thể Chi bộ cơ sở Ban Dân tộc và lịch sử, sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ và chuyển số đồng chí đảng viên Ban Lịch sử về sinh hoạt với Chi bộ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; số đồng chí đảng viên Ban Dân tộc về sinh hoạt với Chi bộ Ban Dân vận và Mặt trận Tỉnh ủy.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức cơ sở đảng căn cứ vào Điều 35, 36, 37 Chương V Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam để thực hiện.

Thị ủy Yên Bái có nhiệm vụ chỉ đạo chặt chẽ việc tách, sáp nhập, củng cố củng cố cán lãnh đạo, ổn định tổ chức, thực hiện đúng nguyên tắc đã quy định.

3. Thị ủy Yên Bái và các chi bộ có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA TỈNH ỦY

Số 17- BC/TU, ngày 15-5-1981

**Sơ kết thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư
Trung ương Đảng về “Cải tiến công tác khoán, “mở rộng
khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động”
trong hợp tác xã nông nghiệp” của tỉnh Hoàng Liên Sơn**

Để đánh giá đúng đắn kết quả việc thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về cải tiến công tác khoán, mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động” trong hợp tác xã nông nghiệp; nhằm kịp thời rút kinh nghiệm cho vụ chiêm xuân và triển khai trong vụ mùa năm 1981 kết hợp với cải tiến, bổ sung công tác quản lý hợp tác xã, tạo ra được sự chuyển biến kinh tế nông nghiệp trong tình hình hiện nay.

BÁO CÁO SƠ KẾT GỒM 3 PHẦN

I. Đánh giá tình hình hợp tác xã từ khi có Nghị quyết 61-CP đến nay.

II. Tình hình ở các hợp tác xã làm thí điểm khoán sản phẩm và những kết quả bước đầu đã đạt được và những tồn tại cần khắc phục.

III. Những chủ trương và biện pháp triển khai mở rộng khoán sản phẩm trong thời gian tới.

Phần I

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HỢP TÁC XÃ

1. Một số nét về tình hình hợp tác xã nông nghiệp

Hiện nay toàn tỉnh có 742 hợp tác xã, so với năm 1979 tăng được 101 hợp tác xã; có trên 88% số hộ nông dân vào hợp tác xã nông nghiệp, so với năm 1979 tăng 5,9%. Hợp tác xã ở các huyện vùng thấp có 332 hợp tác xã chiếm tỷ lệ 96,53% số hộ nông dân; vùng cao có 410 hợp tác xã, trong đó tăng do xây dựng mới trong năm được 127 hợp tác xã, chiếm tỷ lệ 67,79% số hộ nông dân vùng cao, xóa bỏ được 27 xã trắng chưa có hợp tác xã.

Về phân loại hợp tác xã:

- Có 61 hợp tác xã đạt tiên tiến chiếm 9,96%.
- Có 162 hợp tác xã đạt loại khá chiếm 26,47%.
- Có 270 hợp tác xã đạt trung bình chiếm 23,71%.
- Có 244 hợp tác xã thuộc diện yếu kém chiếm 39,86%.

Như vậy số hợp tác xã tiên tiến và khá năm 1980 toàn tỉnh có trên 36,4%, số hợp tác xã trung bình, yếu kém chiếm 63%.

2. Về tổ chức lại sản xuất

Sau hội nghị của tỉnh sơ kết đợt 2 cuộc vận động tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý nông, lâm nghiệp từ cơ sở, tổng kết hợp tác xã nông nghiệp điển hình tiên tiến vùng thấp ở huyện Văn Yên, hội nghị sơ kết công tác định canh định cư gắn với củng cố xây dựng hợp tác xã vùng cao ở huyện Bắc Hà, đến nay toàn tỉnh có 199 hợp tác xã tổ chức lại sản xuất so với năm 1979 tăng 56 hợp tác xã. Vùng cao có 13 hợp tác xã, vùng thấp có 186 hợp tác xã đã tổ chức lại sản xuất.

3. Về thực hiện công tác khoán trong hợp tác xã nông nghiệp

Trong quá trình thực hiện công tác quản lý hợp tác xã, dưới sự tham gia của các ngành, các cấp trong tỉnh, công tác quản lý hợp tác

xã đã có chiều hướng tiến bộ: Toàn tỉnh có 226 hợp tác xã thực hiện trả điểm theo bậc công việc chiếm 69,4%. Các hợp tác xã thực hiện chế độ 3 khoán nói trên chủ yếu là ở các huyện vùng thấp; đặc biệt loại hợp tác xã thực hiện được chế độ khoán đạt yêu cầu có 73 hợp tác xã chủ yếu là hợp tác xã tiên tiến và khá.

Công tác khoán quản của các hợp tác xã trong tỉnh còn thể hiện phổ biến khuyết điểm, tồn tại sau: Hợp tác xã chưa có định mức lao động cụ thể, chưa có tiêu chuẩn kỹ thuật rõ ràng; đội sản xuất giao khoán và điều hành chung chung, chưa giao khối lượng công việc, chất lượng kỹ thuật và thời gian rõ ràng cho lao động; người lao động chưa phát huy trách nhiệm làm chủ tập thể; phát sinh tiêu cực trong sản xuất, chạy theo công điểm, làm dối, làm ẩu, dựa dẫm vào nhau, v.v.. Từ đó năng suất lao động thấp, năng suất cây trồng thấp, đời sống xã viên không được bảo đảm và không đạt kế hoạch nhà nước giao.

4. Những việc đã làm để cải tiến cách khoán việc ở những hợp tác xã trên

a) Về tổ chức quản lý:

- Về quy mô hợp tác xã đã tiến hành điều chỉnh lại 6 hợp tác xã có quy mô toàn xã làm ăn kém, đội ngũ cán bộ yếu, nội dung không đoàn kết thành 8 hợp tác xã liên thôn.

- Về quy mô đội sản xuất các đội sản xuất vừa qua ở các huyện vùng thấp đã tập trung củng cố đội, tiến hành điều chỉnh 256 đội sản xuất trên 100 lao động thành 474 đội; đưa tổng số đội sản xuất từ 3.371 đội sản xuất trồng trọt lên 3.729 đội sản xuất (bình quân chung mỗi đội sản xuất là 48 lao động và 27 ha canh tác).

- Các đội, tổ chuyên khâu đã được rà xét lại, tập trung củng cố được các đội thủy lợi, xây dựng cơ bản, đội chuyên giống, đội thuộc tổ vận chuyển, còn các khâu phân bón, làm đất, v.v. thì thống nhất chuyển giao cho đội sản xuất cơ bản đảm nhiệm; tổ chức các nhóm chuyên khâu dưới sự điều hành của đội trưởng.

- Đi đôi với ổn định quy mô của đội sản xuất, vừa qua các hợp tác

xã đã bổ sung tăng cường cán bộ, đội sản xuất có năng lực, nhiệt tình. Đưa 188 hợp tác xã tổ chức lại sản xuất thì đội trưởng sản xuất dưới 35 tuổi chiếm 64,5%, đảng viên chiếm 52,8%, nữ chiếm 34%.

b) Về công tác khoán:

- Đối với những hợp tác xã xây dựng được các định mức lao động, các định mức kinh tế - kỹ thuật, quy trình sản xuất; đã tiến hành thực hiện việc giao khoán sản phẩm cuối cùng cho đội sản xuất có nền nếp và đã tiến hành giao khoán từng khâu, nhiều khâu cho nhóm lao động tạm thời, cho từng lao động, quy định từng thời gian hoàn thành công việc nhận khoán, có nghiệm thu thanh toán công điểm rõ ràng, có thưởng phạt theo từng khâu công việc.

- Đối với những hợp tác xã chưa xây dựng được định mức lao động, định tiêu chuẩn tính công, định mức kinh tế - kỹ thuật thì đã tiến hành bồi dưỡng và có cán bộ xuống giúp các hợp tác xã xây dựng định mức và lên kế hoạch giao khoán sản phẩm cuối cùng cho đội.

Tóm lại, cho đến nay qua cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, định canh định cư và cải tiến quản lý từ cơ sở theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, các hợp tác xã, các huyện, các ngành đã làm được nhiều việc, nhất là học tập vận dụng kinh nghiệm của các hợp tác xã điển hình tiên tiến ở vùng thấp và hợp tác xã tiên tiến vùng cao trong tỉnh vừa qua để củng cố hợp tác xã, giữ vững sản xuất nông nghiệp.

Phong trào hợp tác hóa của tỉnh ta trong các năm qua đều được giữ vững, từng bước được củng cố và ổn định; đời sống xã viên được giữ vững, nghĩa vụ đối với Nhà nước hoàn thành, nội bộ hợp tác xã cơ bản tốt.

Nhìn chung sản xuất nông nghiệp vẫn phát triển chậm, đặc biệt là về sản xuất lương thực, thực phẩm; mà trọng tâm là công tác thâm canh còn yếu. Số hợp tác xã khá và tiên tiến nhích lên không được mấy (chiếm khoảng trên 30%), không nhận ra được và đang có xu hướng dừng lại, số hợp tác xã trung bình và yếu kém vẫn chiếm đại bộ phận (khoảng 70%), trong đó cho một số hợp tác xã kém nát vẫn để kéo dài, số hợp tác xã đã qua tổ chức lại sản xuất chưa kịp bổ sung,

củng cố và tăng cường về mặt quản lý và chính sách. Tình hình này có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân về cơ chế quản lý hợp tác xã chưa phù hợp, nội dung củng cố hợp tác xã chưa toàn diện còn chấp vá, chưa tạo ra cho mỗi hợp tác xã có những điều kiện cơ bản về kinh tế, tổ chức và tư tưởng để không ngừng đi lên; công tác khoán hiện nay trong các hợp tác xã còn có nhược điểm lớn là: chưa kích thích được người lao động, chưa kết hợp hài hoà giữa ba lợi ích, chưa gắn trách nhiệm người lao động với sản phẩm cuối cùng.

Phần II

TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN CHỈ THỊ 100-CT/TW CỦA BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG VÀ CẢI TIẾN CÔNG TÁC KHOÁN, MỞ RỘNG KHOÁN SẢN PHẨM ĐẾN NHÓM LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

1. Về chủ trương thực hiện khoán sản phẩm

Căn cứ vào mục đích, nguyên tắc, phương hướng, nội dung cải tiến chế độ khoán và mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động đã nêu trong Chỉ thị số 100, ngày 13-1-1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp nghiên cứu chỉ thị, nhằm quán triệt từng ý trong chỉ thị để thống nhất hành động, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ các hợp tác xã chấp hành đúng các nguyên tắc của Trung ương. Đồng thời đã có kế hoạch triển khai thực hiện chỉ thị của Ban Bí thư xuống các cấp, các ngành, các hợp tác xã vùng thấp trong toàn tỉnh.

Trong vụ sản xuất đông - xuân 1980-1981 này, các huyện, thị xã ở vùng thấp tiến hành chỉ đạo thí điểm từ 1 đến 3 hợp tác xã về khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động đối với cây lúa, cây màu, cây thực phẩm, cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng, v.v. theo phương hướng sản xuất của hợp tác xã đã được xác định. Trên cơ sở tổng kết việc khoán sản phẩm ở những hợp tác xã làm thí điểm sau

1 vụ sản xuất đông - xuân, xây dựng những mô hình cụ thể, rút kinh nghiệm, phổ biến kinh nghiệm của mỗi vùng, mỗi huyện, đồng thời củng cố các hợp tác xã khá để tiến hành mở rộng việc khoán sản phẩm vào vụ mùa năm 1981. Mặt khác tích cực củng cố những hợp tác xã yếu kém, tạo đủ 4 điều kiện của khoán sản phẩm để triển khai vào vụ đông - xuân 1981-1982.

Để giúp Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn kế hoạch nội dung cho các cấp, các ngành thực hiện việc củng cố hợp tác xã và cải tiến công tác khoán trong hợp tác xã nông nghiệp, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định thành lập Ban chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ban chỉ đạo của các huyện có các hợp tác xã làm thí điểm về công tác khoán sản phẩm.

2. Về kết quả thực hiện việc khoán sản phẩm trong vụ sản xuất đông - xuân

a) Về tuyên truyền, học tập để quán triệt 3 mục đích, 5 nguyên tắc của Chỉ thị 100-CT/TW

- Trong thời gian vừa qua căn cứ vào Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, thông tư hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và kế hoạch triển khai của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban chỉ đạo công tác khoán của tỉnh đã triển khai học tập xuống tất cả các cấp, các ngành trong tỉnh, từ huyện xuống tận hợp tác xã ở vùng thấp. Qua học tập, nhìn chung đại bộ phận đều nhất trí về chủ trương của Trung ương vì nó phù hợp với điều kiện sản xuất hiện nay, phù hợp với nguyện vọng thiết tha của quần chúng, người lao động thực sự phát huy quyền làm chủ tập thể, có điều kiện để gắn trách nhiệm của mình đến sản phẩm cuối cùng làm ra, tạo ra được khí thế lao động sôi nổi trong hợp tác xã.

- Đi đôi với học tập quán triệt chỉ thị: vừa qua đã có 11 huyện, thị đã làm tốt công tác bồi dưỡng về nghiệp vụ khoán cho Ban quản trị, kiểm soát các tiểu ban của hợp tác xã với tổng số 2.612 người. Đồng thời có 4 huyện đã bồi dưỡng xong đến đội trưởng, đội phó sản xuất là huyện Lục Yên, Trấn Yên, Yên Bình và Văn Yên.

b) Về tư tưởng, thái độ lệch lạc hiện nay đối với việc khoán sản phẩm

- Lo ngại tan vỡ hợp tác xã trong một số cán bộ lâu năm, cán bộ về hưu trí; một mặt tán thành nhưng vẫn lo không điều hành được lao động làm những công việc chung của hợp tác xã; ruộng đất, trâu, bò, nông cụ và cơ sở vật chất khác bị phân tán...

- Số gia đình lười biếng, thường xuyên chạy chợ; hoặc những vùng có khả năng mở rộng diện tích làm nương riêng lẻ thì không tán thành.

- Đối với gia đình neo đơn, gia đình liệt sĩ, thương binh, bộ đội... cũng lo lắng, sợ nhận khoán thì không bảo đảm thời vụ gieo cấy và chăm sóc, không bảo đảm được quy trình kỹ thuật của hợp tác xã đề ra.

- Cán bộ quản lý hợp tác xã bao gồm Ban quản trị, đội trưởng cho và hiểu rằng: giao khoán sản phẩm cuối cùng cho người lao động thì lúc đầu vất vả ở khâu lên kế hoạch khoán, giao xong thì đỡ vất vả, công điểm vẫn được hưởng và còn có thể nhận khoán thêm hoặc đi làm việc riêng cho gia đình mình.

c) Về kết quả số hợp tác xã đã tiến hành khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm lao động và người lao động

- Toàn tỉnh có 17 huyện, thị xã; đã có 11 huyện, thị tiến hành làm ở 46 hợp tác xã, trong đó có 21 hợp tác xã tự làm, sau có sự giúp đỡ của huyện. Qua kiểm tra phân loại ở 47 hợp tác xã tiến hành khoán sản phẩm cây lúa thì có 9 hợp tác xã khoán sản phẩm đến nhóm lao động, 37 hợp tác xã khoán sản phẩm đến lao động; được tiến hành ở 8 hợp tác xã tiên tiến, 14 hợp tác xã khá, 20 hợp tác xã trung bình, 5 hợp tác xã kém. Có 4 huyện làm tập trung có chỉ đạo chặt chẽ và mở rộng diện là: huyện Lục Yên 10 hợp tác xã, huyện Trấn Yên 10 hợp tác xã, huyện Văn Yên 4 hợp tác xã, thị xã Yên Bái 5 hợp tác xã.

- Có 13 hợp tác xã tiến hành triển khai khoán rộng ra ở trong tất cả các đội sản xuất lúa của hợp tác xã bao gồm 109 đội sản xuất; còn lại 33 hợp tác xã làm thí điểm từ 1 đến 3 đội sản xuất là 53 đội.

- Về diện tích lúa giao khoán: có 7 hợp tác xã đã giao khoán 100% diện tích cho người lao động, số hợp tác xã còn lại chỉ giao khoán được

từ 70 đến 80% diện tích cho người lao động. Số diện tích còn lại thì tiến hành làm tập thể trên quy mô đội sản xuất.

d) Tác dụng của công tác khoán sản phẩm

- Tận dụng được đất đai, lao động hiện có trong hợp tác xã, chất lượng công việc tốt hơn, thời gian lao động tăng lên, năng suất lao động cao; xoá bỏ tình trạng rong công, phóng điểm, lao động chờ nhau, dựa dẫm nhau.

- Thu hồi lại diện tích lấn chiếm, tận dụng diện tích bỏ hoang hóa, ruộng đất làm kỹ và san gạt lấp chỗ trũng để tăng diện tích gieo cấy.

- Quy trình kỹ thuật thực hiện tốt và bảo đảm, trình độ kỹ thuật của xã viên nâng cao, đưa khoa học - kỹ thuật vào dễ hơn. Các khâu kỹ thuật làm tốt hơn cả là: chăm sóc mạ, mật độ dày hơn, bỏ phân nhiều và làm cỏ nhiều lần.

- Năng suất lúa so với vụ chiêm xuân năm 1980-1981 ở những diện tích xã viên nhận khoán so với những nơi chưa khoán sản phẩm rõ ràng có khác nhau. Mặc dầu trong tình hình chung nên nay lúa tốt không đều.

3. Những biểu hiện lệch lạc tồn tại đã nảy sinh

- Đối với các hợp tác xã tiến hành áp dụng hình thức khoán sản phẩm đến nhóm lao động, khi điều hành công việc hằng ngày vẫn phải có một nhóm trưởng để ghi chép công điểm và yêu cầu đội phải trả công gián tiếp cho họ; chất lượng lao động trong nhóm không đều nhau (do hình thành nhóm tự nguyện) nên công việc hằng ngày vẫn còn tình trạng dựa dẫm vào nhau và ghi thu hoạch sản phẩm, phân phối gặp khó khăn.

- Việc khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm lao động và người lao động mới được triển khai cho cây lúa, cây hoa màu, cây công nghiệp, chăn nuôi nghề rừng, các ngành nghề thủ công trong hợp tác xã làm còn chậm, nếu có làm thì cũng không làm đồng thời, đồng bộ; có sự chênh lệch về thu thập giữa các lao động, v.v..

- Giao chỉ tiêu khoán có nơi thấp, nơi cao, có nơi bình quân; định

mức lao động công điểm, chi phí, năng suất, sản lượng chưa sát với khả năng thực hiện và điều kiện vật tư hiện có.

- Điều hành lao động chung của hợp tác xã gặp khó khăn nhất là giữa đội này với đội khác.

- Có tình trạng tranh chấp về mạ, nước, sức kéo; một số nơi đã giao khoán cả khâu làm đất, nhất là nhà có trâu riêng, nhiều lao động biết cày bừa muốn nhận cả khâu làm đất và giao cả khâu giống cho người nhận khoán.

- Ruộng mạ, trầm lầy, ruộng cạn thiếu nước, ruộng khó không ai muốn nhận; nếu nhận thì mọi lao động trong đội đều phải nhận, dẫn đến tình trạng chia ruộng manh mún.

- Quản lý và sử dụng phân đạm khó; điều hòa phân hươ cơ giữa các lao động nhận khoán khó khăn, nhất là gia đình có nhiều phân.

- Thiếu dân chủ với xã viên trong khi định năng suất, công điểm, chi phí trong khi khoán và trong khi xây dựng kế hoạch của hợp tác xã; nếu căn cứ vào kế hoạch của huyện giao cho hợp tác xã thì cao quá, xã viên không muốn nhận khoán.

- Việc giao khoán ở các đội sản xuất chưa giao hết diện tích, nên đang xảy ra tranh chấp lao động giữa việc làm ruộng nhận khoán với việc làm ruộng chung của đội, cấy sau, chăm sóc lúa không bảo đảm quy trình kỹ thuật. Hiện nay số diện tích làm chung ở đội lúa xấu hơn nhiều.

- Khâu thu hoạch sản phẩm khó khăn vì sân phơi hợp tác xã nhỏ, có hợp tác xã không có sân phơi, nên công tác nắm sản phẩm và giao nộp sản phẩm của xã viên khó khăn.

4. Những việc làm tiếp để khắc phục lệch lạc trong vụ đông - xuân 1980-1981

Những thiếu sót, lệch lạc trên đây trong báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy lên Ban Bí thư tỉnh đã khẳng định những mặt tốt, mặt tích cực và những tồn tại lệch lạc; đồng thời chỉ rõ cho các huyện, thị xã phải tìm biện pháp khắc phục; tiếp tục chỉ đạo khẩn trương, chặt chẽ theo tinh thần chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương.

Cụ thể tập trung vào một số công việc sau:

- Tiếp tục quán triệt đầy đủ nội dung của chỉ thị trong các ngành, các cấp đến hợp tác xã, đội sản xuất và cán bộ xã viên; kết hợp quán triệt bài phát biểu của đồng chí Lê Thanh Nghị và đồng chí Võ Chí Công về cải tiến công tác khoán mở rộng khoán sản phẩm, nhằm đạt sự nhất trí cao về nhận thức, quan điểm và biện pháp tiến hành, tạo ra sức mạnh trong chỉ đạo thực hiện.

- Xác định rõ ràng về phương hướng sản xuất, nghiên cứu hoàn chỉnh hình thức khoán sản phẩm đến người lao động ở tất cả các khâu trong quá trình sản xuất nông nghiệp như cây chè, hoa màu, nghề rừng, chăn nuôi, v.v..

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác bồi dưỡng cán bộ chủ chốt của hợp tác xã về công tác quản lý nói chung và công tác khoán nói riêng, nhất là đội ngũ đội trưởng thấy rõ những việc làm sai cần tránh.

- Những hợp tác xã định năng suất lúa quá cao so với thực tế đã đạt được và điều kiện phân bón (chủ yếu là phân đạm) thiếu, đến lúc gần thu hoạch cần tổ chức kiểm tra, gạt thống kê định sản và căn cứ vào năng suất những năm gần đây để đưa ra xã viên bàn bạc quyết định.

- Về quản lý và phân phối phân bón: Hợp tác xã và đội sản xuất thống nhất quản lý phân trâu, giao cho nhóm lao động và người lao động tổ chức chế biến phân để tiến hành cân đối cho lao động nhận khoán thiếu phân bón; về phân đạm: căn cứ vào khả năng phân đạm hiện có, đến thời kỳ bón cho lúa, đội sẽ tiến hành giao cho lao động nhận khoán tại ruộng để bón ngay (có sự kiểm tra của đội trưởng sản xuất).

- Về khâu thu hoạch: Trên nguyên tắc người lao động nhận khoán phải thu hoạch về sản phẩm của hợp tác xã và đội sản xuất theo kế hoạch, điều hành của đội sản xuất.

Trong thời vụ thu hoạch khẩn trương, sản phẩm chặt thì có thể cho thu hoạch về nhà; nhưng phải đăng ký với đội trưởng về số diện tích gặt, thời gian nộp.

5. Những nguyên nhân của thiếu sót, lệch lạc trên

- Nhận thức về 3 mục đích, 5 nguyên tắc, 45 điều kiện của cải tiến công tác khoán chưa được thông suốt và quán triệt đầy đủ ở trong cán bộ, đảng viên, xã viên. Việc chỉ đạo, lãnh đạo của cơ sở nhất là đảng ủy, chi ủy chưa chặt chẽ, chưa tập trung, dứt điểm. Trong lãnh đạo các cấp, các ngành còn có tư tưởng bảo thủ, ngần ngại không dám mạnh dạn áp dụng hình thức khoán mới, cơ sở làm sai làm xói mòn hợp tác xã. Ngược lại có tư tưởng và hành động buông trôi khoán trắng, lãnh đạo không tập trung, thiếu chỉ đạo chặt chẽ nên đã có những lệch lạc nảy sinh chưa kịp thời kiểm tra và uốn nắn ngay.

- Công tác bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và công tác khoán chưa làm được tốt (nhất là đội ngũ đội trưởng sản xuất), nên năng lực điều hành các công việc chung của hợp tác xã, đội sản xuất còn lúng túng.

- Việc chuẩn bị các điều kiện để khoán chưa được đầy đủ, vội vàng giao khoán, nên có nhiều vấn đề phát sinh mới yêu cầu của người lao động nhận khoán như về sức kéo, phân bón đòi hỏi hợp tác xã phải giải quyết nhưng hợp tác xã không có điều kiện vật tư để cung cấp kịp thời.

- Một số nơi chưa thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo từ trên xuống dưới, từ trong Đảng ra quần chúng, nhiều vấn đề chưa được dân chủ bàn bạc, sinh ra tiêu cực, dẫn đến tình trạng tháo khoán.

6. Một số kinh nghiệm bước đầu rút ra

Công tác khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp ở tỉnh mới ở bước làm thí điểm, làm thử để rút kinh nghiệm, mới triển khai được vụ đầu và thời gian làm quá gấp. Nhưng qua các hợp tác xã làm thí điểm đạt kết quả tốt, bước đầu rút ra những kinh nghiệm sau:

a) Phải quán triệt đầy đủ nội dung của chỉ thị trong các ngành, các cấp đến hợp tác xã, đội sản xuất và cán bộ, xã viên, đạt được sự nhất trí cao về nhận thức, quan điểm và biện pháp tiến hành, tạo ra sức mạnh trong chỉ đạo thực hiện; có sự lãnh đạo chỉ đạo tập trung

của Huyện ủy, đảng ủy xã. Cấp tỉnh và cấp huyện phải có kiểm tra, đôn đốc, sơ kết kịp thời uốn nắn những lệch lạc.

b) Phải đặc biệt bồi dưỡng tới đội ngũ cốt cán lãnh đạo Đảng ủy và hợp tác xã, nhất là đội ngũ đội trưởng và Ban quản trị hợp tác xã; có cán bộ ở huyện về giúp hợp tác xã nhất là các hợp tác xã trình độ quản lý yếu; dân chủ bàn bạc với xã viên trong khi xây dựng kế hoạch và bình xét xác định diện tích, năng suất, sản lượng, định mức kinh tế - kỹ thuật được đầy đủ và sát với từng thửa, từng xứ đồng.

c) Về tổ chức lao động làm các khâu trong quá trình sản xuất, phổ biến các hợp tác xã vừa qua, đội tiến hành khoán sản phẩm đến người lao động làm như sau:

+ Đội sản xuất phải làm tập thể 5 khâu công việc sau đây: làm đất, đưa nước từ kênh chính đến ruộng, làm giống mạ, điều hòa phân bón, phòng trừ sâu bệnh, bảo vệ sản xuất, thu nhận sản phẩm để giao nộp cho hợp tác xã.

+ Phân trách nhiệm của người lao động làm ba khâu công việc: cấy, chăm sóc, thu hoạch.

Về kinh nghiệm tổ chức các khâu làm tập thể:

- Về khâu làm đất: Trong đội tổ chức ra nhiều nhóm tạm thời làm đất, căn cứ vào định mức diện tích cho từng con trâu và mức diện tích nhận khoán của từng lao động, rồi ghép 4, 5 gia đình hoặc 6, 7 gia đình làm một nhóm. Nếu các gia đình có trâu riêng thì có thể sử dụng cày bừa trên diện tích nhận khoán. Trong khâu làm đất, đội sản xuất phải có lịch cụ thể cho từng thời gian và điều hành có sự kiểm tra chặt chẽ hàng ngày.

- Về khâu nước: Đối với vùng có nguồn nước, có tổ phụ trách điều hành nước cho các đội, các đội có 1 hoặc 2 lao động chuyên trách dẫn nước từ kênh chính đến ruộng, xã viên có nhiệm vụ giữ nước trong từng thửa.

- Về khâu giống mạ: Các hợp tác xã phải có đội giống riêng, bảo đảm cung cấp đủ mạ, kịp thời vụ và thời gian cho từng loại giống. Một

số hợp tác xã không có đội giống riêng thì đội sản xuất làm tập thể, không được phát giống cho xã viên tự ngâm ủ, gieo mạ.

- Về khâu phân bón: Hợp tác xã giao mức nộp phân chuồng cho từng loại trâu, bò, lợn có kế hoạch điều hành phân bón từ hộ thừa đến hộ thiếu. Thống nhất quản lý phân trâu, bò tập thể để chế biến. Căn cứ mức đầu tư phân bón cho từng loại ruộng đất, đội sản xuất giao mức phân bón cho từng lao động, có sự điều hành phân bón hàng tháng, có nội quy, chế độ cụ thể quy định trách nhiệm, rõ ràng về thời gian nộp, có thưởng phạt đối với người hoàn thành và không hoàn thành phân bón cho hợp tác xã.

Về quản lý và phân phối phân đạm, phân hóa học khác, đội sản xuất quản lý thống nhất chung, không phát về cho xã viên tự ý sử dụng.

d) Việc tiến hành giao khoán ruộng đất cho nhóm lao động và người lao động cần tiến hành dân chủ trong đội sản xuất, tập trung ở ba việc chính: định năng suất, định công điểm, định chi phí, ba việc này phải được xã viên bàn bạc quyết định; một đội sản xuất chỉ nên áp dụng một hình thức khoán và giao 100% diện tích của đội cho người lao động. Đối với gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình neo đơn thì ưu tiên cho họ nhận ruộng gần, ruộng tốt, trong thời vụ khẩn trương thì các đoàn thể thanh niên, phụ nữ cần tổ chức giúp đỡ.

đ) Về các hình thức giao khoán: Về nguyên tắc các hợp tác xã phải giao ba khoán cho đội sản xuất, đội sản xuất là đơn vị kế hoạch, đơn vị nhận khoán và giao nộp sản phẩm cuối cùng của đội cho hợp tác xã. Sau khi đã báo khoán cho đội, thì đội trưởng, đội phó là người chịu trách nhiệm điều hành lao động, giao nhiều khâu, nhiều việc cho người lao động và giao cho từng người lao động có trách nhiệm nộp sản phẩm cuối cùng cho đội theo định mức khoán, còn nhóm lao động là nhóm tạm thời hỗ trợ giúp đỡ nhau cày bừa, cấy, chăm sóc, gặt hái, v.v.. Nhưng không phải là đơn vị nhận khoán sản phẩm, không biến nhóm lao động tạm thời thành đội sản xuất trong đội.

Phần III

NHỮNG CHỦ TRƯỞNG VÀ BIỆN PHÁP TRIỂN KHAI MỞ RỘNG KHOÁN SẢN PHẨM TRONG THỜI GIAN TỚI

I. VỀ CHỦ TRƯỞNG

- Tất cả các hợp tác xã ở vùng thấp đã qua tổ chức lại sản xuất phải tích cực tạo đủ bốn điều kiện để tiến hành thực hiện rộng rãi và có chất lượng việc khoán sản phẩm cho các loại cây trồng (lúa, hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây thực phẩm: rau, đậu...), chăn nuôi (trâu, bò, lợn, cá...), các ngành nghề thủ công đến người lao động; gắn trách nhiệm và quyền lợi người lao động trực tiếp đến sản phẩm cuối cùng ngay trong vụ mùa năm 1981.

- Các hợp tác xã chưa tiến hành tổ chức lại sản xuất, nếu có đủ bốn điều kiện trên thì cũng khuyến khích thực hiện khoán sản phẩm, không gò ép.

- Các hợp tác xã vùng cao, biên giới, cần làm thí điểm từ 2 đến 3 hợp tác xã để có kinh nghiệm chỉ đạo mở rộng.

- Đối với các hợp tác xã đã xây dựng được nền nếp quản lý theo cách khoán: Hợp tác xã giao kế hoạch 3 khoán cho đội sản xuất, đội sản xuất khoán việc cho nhóm lao động và người lao động đã có tiến bộ và phát huy tốt trong việc phát triển sản xuất, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, thì cần tổ chức thực hiện tốt hơn, hoàn thiện và nâng cao cách khoán việc này, đúc kết kinh nghiệm nhằm phát huy mặt tích cực và khắc phục các mặt nhược điểm của nó như: xã viên chưa thấy trách nhiệm và quyền lợi của mình với sản phẩm cuối cùng nên dễ chạy theo công điểm, ít quan tâm đến chất lượng công việc, bộ máy quản lý nặng nề...

Trong việc chỉ đạo công tác khoán phải vận dụng linh hoạt các hình thức khoán; tùy theo đặc điểm sản xuất của từng cây con, ngành nghề và tùy theo điều kiện của từng nơi, các hợp tác xã có thể vận dụng hình thức này, hình thức khác hoặc vận dụng đồng thời cả hai

hình thức khoán để bổ sung cho nhau. Việc chọn hình thức khoán nào cũng phải trên cơ sở tổ chức thảo luận dân chủ trong xã viên và trong đại hội xã viên quyết định. Nhưng ở các đội sản xuất áp dụng hình thức khoán sản phẩm cho nhóm và người lao động, cần làm gọn, bảo đảm 100% diện tích giao khoán sản phẩm không nên trong khi giao khoán sản phẩm lại còn một số diện tích để đội làm chung sẽ không tốt. Tuyệt đối không được mệnh lệnh, gò ép, không được bảo thủ ngăn cấm khi quần chúng yêu cầu, nhưng phải chỉ đạo chặt chẽ, không được buông trôi, khoán trắng.

II. NHỮNG BIỆN PHÁP LỚN CẦN TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO TRONG THỜI GIAN TỐI

1. Tiếp tục học tập quán triệt sâu sắc và rộng rãi Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương về mục đích, nguyên tắc, nội dung khoán, cách thức tiến hành, phổ biến những kinh nghiệm thực tế của những hợp tác xã đã làm, những lệch lạc cần uốn nắn tới các cấp, các ngành và mọi cán bộ, đảng viên, xã viên, nơi đã học tập cần sơ kết lại và quán triệt thêm những mặt còn yếu.

2. Trong quá trình triển khai rộng, phải có hướng dẫn chặt chẽ từng bước, những công việc quan trọng phải triển khai, hoàn thành trong từng thời gian. Tập trung vào công tác xây dựng kế hoạch, bồi dưỡng cán bộ, chuẩn bị đủ bốn điều kiện xây dựng và rà xét điều chỉnh các quy trình kỹ thuật, định mức lao động, định hao phí vật tư, lên kế hoạch 3 khoán cho đội sản xuất, phân khoán định hạng, định năng suất sản lượng cho từng thửa, từng cánh đồng, thống kê đo đạc diện tích, kiểm kê đánh giá các cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có, hình thành các tổ nhóm lao động tạm thời để làm các công việc tập thể, v.v..

3. Hợp tác xã phải chăm lo tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật như công cụ, sức kéo, giống, phân bón, thủy lợi, v.v. để bảo đảm làm tốt 5 khâu do hợp tác xã và đội sản xuất phụ trách, chỉ giao cho lao động ba khâu: gieo trồng, chăm sóc và thu hoạch tuyệt đối không được buông trôi khoán trắng.

III. VỀ TỔ CHỨC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Dựa vào Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp, các ngành cần nghiên cứu, tổ chức thực hiện và khẩn trương triển khai những công tác chủ yếu sau:

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức đối với công tác khoán trong hợp tác xã nông nghiệp, làm cho các cấp, các ngành, mọi người thấy rõ lợi ích và sự cần thiết phải cải tiến cách khoán mới, để tích cực ủng hộ và vận dụng cách sáng tạo. Chú ý kịp thời tuyên truyền, giới thiệu những điển hình tốt, cách làm hay, những lệch lạc cần uốn nắn trong khi thực hiện.

2. Khẩn trương làm nhanh, làm tốt việc bồi dưỡng công tác quản lý hợp tác xã nói chung và công tác khoán nói riêng cho cán bộ hợp tác xã, cán bộ đội sản xuất, các huyện, thị tiếp tục mở các đợt tập huấn ngắn ngày về công tác khoán mới và hoàn thành xong trước khi thu hoạch vụ chiêm xuân 1980-1981.

3. Phải gắn công tác xây dựng Đảng, công tác tư tưởng và tổ chức với củng cố xây dựng hợp tác xã, cải tiến công tác khoán là một nhiệm vụ chủ yếu để thực hiện Nghị quyết 6, Nghị quyết 9 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Các đảng ủy, chi bộ trong hợp tác xã phải phân công các đồng chí chi ủy, đảng viên lãnh đạo chặt chẽ công tác này ở trong từng đội sản xuất. Các cấp huyện, thị xã cần thường xuyên kiểm tra chặt chẽ và đích thân bí thư và thường vụ huyện ủy cần trực tiếp chỉ đạo và các ngành, các đoàn thể cần có kế hoạch phục vụ công tác này, từng thời gian có sơ kết, tổng kết, uốn nắn kịp thời.

4. Trong thời gian tới, các huyện, thị ủy cần tiến hành tổng kết các điểm chỉ đạo, có kế hoạch triển khai và mở rộng hình thức khoán này trong vụ mùa và vụ đông - xuân tới. Đồng thời, phải phân công cùng cấp ủy phụ trách các hợp tác xã, thường xuyên kiểm tra phát huy mặt tích cực, phát huy những nhân tố mới, đồng thời phát hiện những mặt lệch lạc phát sinh cần kịp thời bổ khuyết, uốn nắn nhằm thực hiện tốt, làm cho đúng chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương nhằm

củng cố quan hệ sản xuất, thúc đẩy sản xuất đưa nền nông nghiệp tỉnh ta ngày càng phát triển toàn diện và vững chắc, đáp ứng yêu cầu xây dựng chủ nghĩa xã hội và từng bước nâng cao cải thiện đời sống nhân dân trong tỉnh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 267-QN/TU, ngày 15-5-1981

Về việc tách và nâng cấp thành lập cơ sở đảng

- Xét tính chất nhiệm vụ và đề nghị của Huyện ủy Bảo Yên ngày 9-3-1981;

- Căn cứ vào Điều 2 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y tách 5 đảng viên Ban Thông tin văn hóa huyện Bảo Yên, đang sinh hoạt tại Chi bộ Ủy ban nhân dân huyện. Thành lập chi bộ cơ sở, lấy tên là Chi bộ Ban Thông tin văn hóa huyện Bảo Yên, đặt trực thuộc Huyện ủy.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức cơ sở đảng căn cứ vào Điều 35, 36, 37 Chương V Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam để thực hiện.

Huyện ủy Bảo Yên có nhiệm vụ chỉ đạo chặt chẽ việc thành lập chi bộ cơ sở nắm cốt cán lãnh đạo, chấp hành đúng nguyên tắc đã quy định.

3. Huyện ủy Bảo Yên, Chi bộ Ban Thông tin văn hóa huyện Bảo Yên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 268-QN/TU, ngày 15-5-1981

Về việc tách và thành lập cơ sở đảng

- Căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tính chất và nhiệm vụ ở cơ sở;

- Xét đề nghị của Huyện ủy Văn Chấn ngày 10-3-1981;

- Căn cứ vào Điều 2 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y cho thành lập chi bộ cơ sở Công ty xây dựng cơ bản huyện gồm 7 đảng viên, lấy tên là chi bộ Công ty xây dựng cơ bản huyện Văn Chấn.

- Chuẩn y cho tách 5 đảng viên trường phổ thông cấp 3 Văn Chấn, đang sinh hoạt tại Đảng ủy xã Cát Thịnh huyện Văn Chấn. Thành lập chi bộ cơ sở, lấy tên là chi bộ Trường phổ thông cấp 3 huyện Văn Chấn.

- Hai chi bộ trên đặt trực thuộc Huyện ủy Văn Chấn.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức cơ sở đảng, căn cứ vào điều 35, 36, 37 Chương V Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam để thực hiện.

Huyện ủy Văn Chấn có nhiệm vụ chỉ đạo chặt chẽ việc thành lập chi bộ cơ sở, củng cố cán lãnh đạo, chấp hành đúng nguyên tắc đã quy định.

3. Huyện ủy Văn Chấn, chi bộ Công ty xây dựng cơ bản huyện, Chi bộ trường phổ thông cấp 3 huyện Văn Chấn căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 275-QN/TU, ngày 2-6-1981

Về việc thành lập Ban cán sự

- Căn cứ vào Điều 43 Chương VII Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ vào Quy định số 11-QĐ, ngày 4-3-1978 của Ban Chấp hành Trung ương;
- Xét đề nghị của Chi cục Thống kê,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Thành lập Ban cán sự và chỉ định các đồng chí có tên dưới đây vào Ban cán sự Chi cục Thống kê tỉnh Hoàng Liên Sơn.

1- Đồng chí Nguyễn Huy Bông, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê làm Trưởng ban.

2- Đồng chí Trần Đình Mai, Chi cục phó Chi cục Thống kê làm Ủy viên.

3- Đồng chí Nguyễn Thái Khiên, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ làm Ủy viên.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban cán sự Chi cục Thống kê và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 276-QN/TU, ngày 2-6-1981

Về việc chỉ định trưởng Ban cán sự

- Căn cứ vào Điều 43 Chương VII Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ vào Quy định số 11-QĐ, ngày 4-3-1978 của Ban Chấp hành Trung ương;
- Xét đề nghị của Ban cán sự Ty Lao động,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chỉ định đồng chí Trần Đình Phê, Quyền Trưởng ty Lao động tỉnh Hoàng Liên Sơn làm Trưởng ban cán sự Ty Lao động.
2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban cán sự Ty Lao động và đồng chí Phê căn cứ Quyết nghị thi hành kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 277-QN/TU, ngày 2-6-1981

Về việc chỉ định Đảng đoàn

- Căn cứ vào Điều 43 Chương VII Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ vào Quy định số 11-QĐ, ngày 4-3-1978 của Ban Chấp hành Trung ương;
- Xét đề nghị của Liên hiệp Công đoàn tỉnh Hoàng Liên Sơn,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chỉ định các đồng chí có tên dưới đây vào Đảng đoàn Liên hiệp Công đoàn tỉnh Hoàng Liên Sơn

1- Đồng chí Nông Thị Kim Hồng, Tỉnh ủy viên dự khuyết, Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh Hoàng Liên Sơn làm Bí thư Đảng đoàn.

2- Đồng chí Đặng Văn Luy, Phó thư ký Liên hiệp Công đoàn làm Ủy viên Đảng đoàn

3- Đồng chí Đỗ Văn Liên, Phó thư ký Liên hiệp Công đoàn làm Ủy viên Đảng đoàn.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng đoàn Liên hiệp Công đoàn và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 278-QN/TU, ngày 2-6-1981

Về việc thành lập Ban cán sự

- Căn cứ vào Điều 43 Chương VII Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Căn cứ vào Quy định số 11-QĐ, ngày 4-3-1978 của Ban Chấp hành Trung ương,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Thành lập Ban cán sự và chỉ định các đồng chí có tên dưới đây vào Ban cán sự Ty Thủy lợi tỉnh Hoàng Liên Sơn

1. Đồng chí Kiều Việt Nguyên, Tỉnh ủy viên, Trưởng Ty thủy lợi làm Trưởng ban.

2. Đồng chí Trần Bá Châu, Phó Trưởng ty làm Ủy viên.

3. Đồng chí Phạm Văn Toán, Phó Trưởng ty làm Ủy viên.

4. Đồng chí Phạm Văn Giá, Phó Trưởng ty làm Ủy viên.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban cán sự Ty Thủy lợi và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành kể từ ngày ký

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 06-CT/TU, ngày 11-6-1981

**Về tăng cường công tác lãnh đạo cải tiến công tác
khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động
trong hợp tác xã nông nghiệp**

Từ khi có Thông báo số 22-TB/TX, ngày 24-10-1980 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về củng cố hợp tác xã nông nghiệp gắn với xây dựng huyện, tiếp sau đó, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 100, ngày 13-1-1981 về cải tiến công tác khoán, mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động” trong hợp tác xã nông nghiệp. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp nghiên cứu quán triệt chỉ thị của Trung ương, đồng thời đã ra Thông tư số 04-TT/TU, ngày 10-12-1980 đề ra chủ trương kế hoạch triển khai tiến hành chỉ đạo thí điểm từ vụ mùa năm 1980 và trong vụ sản xuất đông - xuân 1980-1981, để rút kinh nghiệm từng bước mở rộng khoán trong toàn tỉnh.

Đến nay toàn tỉnh đã có 11 huyện, thị tiến hành ở 46 hợp tác xã, trong đó có 21 hợp tác xã chỉ đạo điểm của tỉnh và của huyện, có 25 hợp tác xã tự làm có sự giúp đỡ của huyện.

Kết quả sản xuất nông nghiệp có nhiều yếu tố, nhưng qua thí điểm công tác khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp ở tỉnh ta đã có tác dụng rõ rệt trên các mặt: mọi người hăng say lao động sản xuất ý thức làm chủ tập thể của xã viên chuyển biến rõ rệt, thời gian lao động và năng suất lao động

tăng lên, thực hiện tốt hơn quy trình kỹ thuật và các tiến bộ kỹ thuật, tiết kiệm được chi phí sản xuất, sử dụng có hiệu quả các loại vật tư năng suất và sản lượng cây con tăng lên rõ rệt, v.v..

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tốt là chính trong lãnh đạo còn bộc lộ thiếu sót là: Định năng suất, công điểm chi phí chưa hợp lý, còn mang tính chất bình quân, một số nơi giao mức khoán quá thấp hoặc quá cao không sát với thực tiễn từng loại ruộng đất khác nhau. Việc điều hành lao động trong các khâu chưa tốt, nên một số nơi có tình trạng tranh chấp về mạ, phân bón, sức kéo, v.v.. Về lãnh đạo chưa chặt chẽ còn có tình trạng khoán trắng. Nguyên nhân của thiếu sót lệch lạc trên là do chưa được quán triệt đầy đủ Chỉ thị 100 của Trung ương, công tác bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý về công tác khoán chưa làm được tốt việc chuẩn bị các điều kiện khoán chưa đầy đủ, lãnh đạo chỉ đạo chưa thống nhất, thiếu chỉ đạo chặt chẽ của các cấp trong các khâu công việc cụ thể.

Để tiến hành mở rộng công tác khoán sản phẩm trong nông nghiệp từ vụ mùa tới trở đi được tốt, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp, các ngành thực hiện tốt một số việc chủ yếu sau đây:

1. Từ vụ mùa năm 1981 cần mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động ở tất cả các hợp tác xã vùng thấp, các hợp tác xã quá kém nát nhất là thiếu cán bộ có trách nhiệm và năng lực quản lý cần được củng cố tốt. Các huyện, thị ủy cần chỉ đạo chặt chẽ việc khoán sản phẩm gắn với kế hoạch củng cố hợp tác xã, củng cố các tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể vững mạnh, đồng thời cần có sự chuẩn bị tốt tránh tư tưởng bảo thủ không dám làm, mặt khác cũng cần chống hiện tượng buông trôi khoán trắng.

Các hợp tác xã ở vùng cao biên giới cần làm thí điểm ở mỗi huyện từ 1- 3 hợp tác xã để rút kinh nghiệm chỉ đạo mở rộng các vụ sau.

2. Về yêu cầu khoán sản phẩm: Phải thể hiện tốt cả ba lợi ích (Nhà nước, hợp tác xã và người lao động), chú ý hơn nữa lợi ích của người lao động, phải đạt được yêu cầu cơ bản của công tác khoán sản

phẩm là sản xuất phát triển, quan hệ sản xuất được củng cố, năng suất cây trồng, gia súc tăng, năng suất lao động tăng, chất lượng sản phẩm tốt, tăng thu nhập cho xã viên, tăng tích lũy hợp tác xã, làm tốt nghĩa vụ và nhiệm vụ trao đổi hàng hóa với Nhà nước.

3. Về nội dung khoán sản phẩm

- Trước hết phải có kế hoạch khoán của hợp tác xã, kế hoạch khoán cho đội và kế hoạch khoán đến lao động của từng người. Phải làm được kế hoạch sản xuất, kế hoạch vật tư kỹ thuật và công tác tài vụ hạch toán cụ thể.

- Hợp tác xã giao kế hoạch 3 khoán cho đội sản xuất (chi phí sản xuất, công điểm, sản lượng). Đội sản xuất khoán việc cho những tổ chuyên khâu, giống, thủy lợi, cây con và giao khoán sản phẩm đến người lao động.

- Hợp tác xã và đội sản xuất làm tập thể (có thể theo nhóm hoặc tổ chuyên khâu) làm 5 khâu: Khâu làm đất, khâu giống và mạ, khâu phân bón, khâu thủy lợi, phòng trừ sâu bệnh. Người lao động nhận khoán ba khâu: gieo cấy, chăm sóc và thu hoạch.

Trong quá trình tiến hành phải chỉ đạo thật chặt chẽ có quy định nội dung cụ thể, hợp tác xã và đội sản xuất phải có trách nhiệm điều hành toàn bộ công việc của 8 khâu. Quá trình chỉ đạo thực hiện phải có thể linh hoạt không được tách bóc giữa các khâu làm tập thể và các khâu lao động nhận khoán. Trong các khâu phải từ yêu cầu công việc cụ thể mà phân công lao động cho thật hợp lý bảo đảm sản xuất lao động và hiệu quả công việc.

- Thưởng phạt 100% đối với người thực hiện vượt hoặc hụt mức sản phẩm nhận khoán.

- Toàn bộ số diện tích của đội sản xuất giao khoán cho lao động phải công bằng, hợp lý không manh mún, cố gắng ổn định từ 2 đến 3 năm để xã viên yên tâm sản xuất.

- Đối với các khâu làm tập thể phải hình thành các tổ, nhóm tạm thời, hợp tác xã và đội sản xuất phải quản lý toàn bộ sức kéo và công

cụ sản xuất, không được khoán trắng cho từng hộ tự làm. Mặt khác cần chú ý giúp đỡ gia đình bộ đội, neo đơn, thương binh liệt sĩ để mọi người cùng làm tốt phần ruộng nhận khoán.

- Đối với những gia đình có trâu riêng thì khuyến khích họ đưa trâu làm theo nhóm, hợp tác xã và đội sản xuất trả công diện cho người có trâu riêng.

4. Hình thức khoán: Có thể áp dụng theo 3 hình thức khoán (3 khoán cho đội, khoán cho nhóm và khoán cho người lao động) đã là đơn vị kinh tế, đơn vị nhận khoán với hợp tác xã và chịu trách nhiệm nộp sản phẩm cuối cùng của đội cho hợp tác xã trên cơ sở 3 khoán cho đội, đội tiến hành giao khoán cho nhóm lao động và người lao động theo định mức kinh tế - kỹ thuật, gắn trách nhiệm và lợi ích của người nhận khoán với sản phẩm cuối cùng. Qua thực tế khoán sản phẩm cuối cùng cho người lao động là tốt nhất, các hợp tác xã giáp biên giới khoán cho nhóm là đúng và cần thiết. Cần tùy theo đặc điểm từng nơi mà áp dụng cho thích hợp nhưng phải tránh biến nhóm lao động thành một cấp quản lý kinh tế thay cho đội sản xuất.

5. Công tác lãnh đạo chỉ đạo thực hiện

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và quán triệt đầy đủ sâu sắc chỉ thị của Trung ương, của tỉnh và Thông tư 05 của Bộ Nông nghiệp đến toàn thể cán bộ, đảng viên, xã viên hiểu rõ và làm đúng. Cấp ủy các cấp phải lãnh đạo chặt chẽ công tác khoán sản phẩm theo đúng tinh thần Chỉ thị 100 của Trung ương và chỉ thị này.

- Từng thời gian và từng khâu công việc phải có kiểm tra, sơ kết, uốn nắn những lệch lạc, phổ biến kinh nghiệm của những nơi làm tốt, không được buông trôi lãnh đạo.

- Tăng cường công tác tổ chức quản lý trong hợp tác xã và đội sản xuất, phải gắn công tác xây dựng Đảng, xây dựng hợp tác xã với cải tiến công tác khoán, kiện toàn lại Ban quản trị, đội sản xuất, soát xét lại các tiểu ban cho hợp lý.

- Các ngành phải có ý thức và trách nhiệm cùng với hợp tác xã và những lao động trong khoán sản phẩm, cần được học tập chỉ thị; phải có kế hoạch để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và cho công tác khoán sản phẩm như: Ủy ban Kế hoạch, Sở Tài chính vật giá, Ngân hàng, Thủy lợi, Giao thông, Công nghiệp, Xây dựng, Thương nghiệp, Lương thực, vật tư...

- Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy, Ban Tuyên huấn, Sở Nông nghiệp có trách nhiệm giúp Tỉnh ủy theo dõi kiểm tra sơ kết, tổng kết, uốn nắn những lệch lạc và thường kỳ báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Các cơ quan tuyên truyền: Báo, Văn hóa thông tin, Đài Phát thanh tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức đối với công tác khoán trong hợp tác xã nông nghiệp, nêu được phương pháp quản lý tốt của các hợp tác xã từng vùng, nêu được phương pháp khoán đối với từng cây con... Làm cho các cấp, các ngành, mọi người thấy rõ lợi ích và sự cần thiết phải cải tiến công tác khoán mới để tích cực thực hiện và vận dụng một cách sáng tạo.

- Các đoàn thể: Thanh niên, phụ nữ, nông dân tập thể, công đoàn... với chức năng nhiệm vụ của mình có kế hoạch triển khai xuống cơ sở, tạo ra được một phong trào thi đua lao động sản xuất sôi nổi trong nông thôn hiện nay.

Các cấp, các ngành, các đoàn thể cần quán triệt sâu sắc tinh thần Chỉ thị này và có kế hoạch triển khai thực hiện, tạo sự chuyển biến mạnh trong phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh ta.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 19-TT/TU, ngày 15-6-1981

**Tiếp tục thực hiện Kế hoạch 09-KH/TU, ngày 8-12-1980
về tổng kết phong trào quần chúng
bảo vệ an ninh Tổ quốc**

Thi hành Chỉ thị 92-CT/TW, ngày 25-6-1980 và các chỉ thị, nghị quyết của Ban Bí thư và của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về cuộc vận động đẩy mạnh phong trào quần chúng “Bảo vệ an ninh Tổ quốc” và xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch và vững mạnh, nhằm đáp ứng với tình hình và nhiệm vụ cần kíp trước mắt trong giai đoạn cách mạng mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra Kế hoạch 05, 06, 09 và Nghị quyết 07, thành lập Ban chỉ đạo từ tỉnh đến huyện, thị, tổ chức chỉ đạo phát động phong trào quần chúng “Bảo vệ an ninh Tổ quốc” trong toàn Đảng, toàn dân trên khắp các địa bàn trong tỉnh.

Qua hơn một năm các cấp ủy Đảng đã tổ chức chỉ đạo thực hiện tập trung hàng nghìn cán bộ mở ra 3 đợt phát động phong trào quần chúng “Bảo vệ an ninh Tổ quốc” ở xã 125 xã, ở khu phố, 150 cơ quan, xí nghiệp từ tỉnh đến huyện, thị.

Nhìn chung các cơ sở phát động lần này đã làm cho cán bộ, đảng viên, công nhân viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã có những chuyển biến mạnh mẽ trên các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, đẩy mạnh mạnh sản xuất, ổn định đời sống, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Kết quả đạt được là to lớn, song nghiêm túc kiểm điểm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban chỉ đạo nhận thấy còn bộc lộ một số thiếu sót tồn tại:

1. Phong trào quần chúng “Bảo vệ an ninh Tổ quốc” chưa đồng đều, chưa mạnh mẽ (trong cơ quan nhà nước diện phát động còn quá ít), phương pháp phát động chưa sâu sắc, có nơi, có chỗ chưa phát huy được tính tích cực của quần chúng (nhất là đấu tranh chống chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp đặc biệt công tác đấu tranh chống nội gián).

2. Trong công tác quản lý cán bộ (5 quản) quản lý kinh tế, quản lý xã hội còn nhiều sơ hở, có nơi có lúc biểu hiện buông lỏng, dẫn đến việc giải quyết các vụ việc, hiện tượng, con người vi phạm thiếu kiên quyết, triệt để, còn hữu khuynh nặng.

3. Công tác chỉ đạo, lãnh đạo từ tỉnh đến huyện, thị, đảng ủy có nơi còn lỏng, thiếu sâu sắc, kịp thời không dứt điểm.

Để nghiêm túc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, cụ thể Kế hoạch 09-KH/TU, ngày 8-12-1980, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các huyện, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc, các đảng đoàn, Ban cán sự ty, sở, ban, ngành tiếp tục mở đợt phát động phong trào quần chúng “Bảo vệ an ninh Tổ quốc” ở địa phương, cơ quan, đơn vị mình, thời gian từ nay đến 15-8-1981 phải kết thúc và hoàn thành cơ bản theo Kế hoạch 09 của Tỉnh ủy. Song song với việc phát động đợt này đồng thời tiến hành tổng kết phong trào đánh giá đúng được mặt mạnh, yếu, tồn tại mà có kế hoạch, biện pháp đưa phong trào quần chúng “Bảo vệ an ninh Tổ quốc” đi vào thường xuyên có nền nếp, cụ thể là:

a) Đối với các địa bàn đã phát động phong trào quần chúng “Bảo vệ an ninh Tổ quốc” (3 đợt qua) thì tiến hành kiểm tra đánh giá đúng những kết quả, tồn tại có kế hoạch củng cố phong trào đi vào chiều sâu, thường xuyên và tiến hành tổng kết phong trào.

b) Đối với các địa bàn, đơn vị chưa tiến hành phát động (nhất là các cơ quan nhà nước, lưu ý cơ quan cấp tỉnh) phải có kế hoạch cụ thể

thực hiện theo Kế hoạch 09 của tỉnh, báo cáo ngay với Ban chỉ đạo của Tỉnh ủy. Đồng thời với đợt phát động phong trào lần này phải song song với việc tổng kết phong trào quần chúng “bảo vệ an ninh Tổ quốc” (hai nội dung phát động và tổng kết đều kết thúc vào thời gian 15-8-1981).

Các địa bàn phát động đợt này phải đạt được hai nội dung phát động và tổng kết phong trào quần chúng “Bảo vệ an ninh Tổ quốc” phải kết hợp với việc thực hiện tốt chỉ thị, nghị quyết của Đảng như các Nghị quyết 31, 32, 33, 36 và nghị quyết về sản xuất, về phân phối của Bộ Chính trị, Nghị quyết 07, 08 của Tỉnh ủy... Do đó Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu về chỉ đạo phải thật chặt chẽ, sát sao, uốn nắn kịp thời và dứt điểm.

Nhận được Thông tri này các cấp ủy, các ban cán sự với tinh thần tự làm có kế hoạch và chọn cán bộ thực hiện phát động và tổng kết phong trào quần chúng “Bảo vệ an ninh Tổ quốc” ở cơ quan, đơn vị mình bảo đảm đúng yêu cầu, nội dung từ ngày 25 đến 30-6-1981 về duyệt kế hoạch với Ban chỉ đạo (Văn phòng Tỉnh ủy bộ phận theo dõi phong trào “Bảo vệ an ninh Tổ quốc”).

Để chuẩn bị công tác tổng kết phong trào quần chúng “Bảo vệ an ninh Tổ quốc” Ban chỉ đạo tỉnh có kế hoạch cụ thể hướng dẫn các địa phương, cơ quan, đơn vị về nội dung báo cáo tổng kết, tiêu chuẩn bình bầu cá nhân xuất sắc.

Các cấp ủy Đảng thực hiện nghiêm túc Thông tri này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 323-QN/TU, ngày 20- 7-1981

Về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng

- Căn cứ Điều 11 Chương II, Điều 31 Chương V của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 205-CP, ngày 28-5-1981 của Hội đồng Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới một số xã thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Sáp nhập chi bộ xã Hồ Mù Chải và Chi bộ xã Sín Hồ Sán thành chi bộ cơ sở xã Sán Chải trực thuộc Huyện ủy Bắc Hà.
2. Huyện ủy Bắc Hà căn cứ Quyết nghị này chỉ định Ban chi ủy lâm thời; hướng dẫn chi ủy, chi bộ hoạt động và chuẩn bị đại hội bầu Ban chi ủy chính thức trong thời gian quy định.
3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Bắc Hà, Chi bộ xã Sán Chải căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 324-QN/TU, ngày 20-7- 1981

Về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng

- Căn cứ Điều 11 Chương II, Điều 31 Chương V của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 205-CP, ngày 28-5-1981 của Hội đồng Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới một số xã thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Sáp nhập Đảng ủy xã Bản Qua và Chi bộ xã Tả Ngảo thành Đảng ủy cơ sở xã Bản Qua trực thuộc Huyện ủy Bát Xát.
2. Huyện ủy Bát Xát căn cứ Quyết nghị này chỉ định Ban Chấp hành Đảng ủy lâm thời; hướng dẫn Ban Chấp hành Đảng ủy, Đảng ủy hoạt động và chuẩn bị đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng ủy chính thức trong thời gian quy định.

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Bát Xát, Đảng ủy xã Bản Qua
căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 325-QN/TU, ngày 20-7-1981

Về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng

- Căn cứ Điều 11 Chương II, Điều 31 Chương V của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 205-CP, ngày 28-5-1981 của Hội đồng Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới một số xã thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Sáp nhập Chi bộ xã Bản Vược và Chi bộ xã San Lùng thành Chi bộ cơ sở xã Bản Vược trực thuộc Huyện ủy Bát Xát.
2. Huyện ủy Bát Xát căn cứ Quyết nghị này chỉ định Ban chi ủy lâm thời; hướng dẫn chi ủy, chi bộ hoạt động và chuẩn bị đại hội bầu Ban chi ủy chính thức trong thời gian quy định.

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Bát Xát, Chi bộ xã Bản Vược
căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 326-QN/TU, ngày 20-7-1981

Về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng

- Căn cứ Điều 11 Chương II, Điều 31 Chương V của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số 205-CP, ngày 28-5-1981 của Hội đồng Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới một số xã thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn;

- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Sáp nhập Chi bộ xã Dìn Chín và Chi bộ xã Lô Sủ Thành thành Chi bộ cơ sở xã Dìn Chín trực thuộc Huyện ủy Mường Khương.

2. Huyện ủy Mường Khương căn cứ Quyết nghị này chỉ định Ban chi ủy lâm thời; hướng dẫn chi ủy, chi bộ hoạt động và chuẩn bị đại hội bầu Ban chi ủy chính thức trong thời gian quy định.

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Mường Khương, Chi bộ xã Dìn Chín căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 327-QN/TU, ngày 20-7-1981

Về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng

- Căn cứ Điều 11 Chương II, Điều 31 Chương V của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 205-CP, ngày 28-5-1981 của Hội đồng Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới một số xã thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Sáp nhập Chi bộ xã Tả Gia Khâu và Chi bộ xã Thải Giàng Sán thành Chi bộ cơ sở xã Tả Gia Khâu trực thuộc Huyện ủy Mường Khương.
2. Huyện ủy Mường Khương căn cứ Quyết nghị này chỉ định Ban chi ủy lâm thời; hướng dẫn chi ủy, chi bộ hoạt động và chuẩn bị đại hội bầu Ban chi ủy chính thức trong thời gian quy định.

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Mường Khương, Chi bộ xã Tả Gia Khâu căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 328-QN/TU, ngày 20- 7-1981

Về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng

- Căn cứ Điều 11 Chương II, Điều 31 Chương V của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số 205-CP, ngày 28-5-1981 của Hội đồng Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới một số xã thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn;

- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Sáp nhập Chi bộ xã Mường Khương và Chi bộ xã Tả Chu Phùng thành Chi bộ cơ sở xã Mường Khương trực thuộc Huyện ủy Mường Khương.

2. Huyện ủy Mường Khương căn cứ Quyết nghị này chỉ định Ban chi ủy lâm thời; hướng dẫn chi ủy, chi bộ hoạt động và chuẩn bị đại hội bầu Ban chi ủy chính thức trong thời gian quy định.

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Mường Khương, Chi bộ xã Mường Khương căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 329-QN/TU, ngày 20-7-1981

Về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng

- Căn cứ Điều 11 Chương II, Điều 31 Chương V của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số 205-CP, ngày 28-5-1981 của Hội đồng Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới một số xã thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn;

- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Sáp nhập Chi bộ xã Tả Ngải Chồ và Chi bộ xã Sừ Ma Tùng thành Chi bộ cơ sở xã Tả Ngải Chồ trực thuộc Huyện ủy Mường Khương.

2. Huyện ủy Mường Khương căn cứ Quyết nghị này chỉ định Ban chi ủy lâm thời; hướng dẫn chi ủy, chi bộ hoạt động và chuẩn bị đại hội bầu Ban chi ủy chính thức trong thời gian quy định.

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Mường Khương, Chi bộ xã Tả Ngải Chồ căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 330-QN/TU, ngày 20-7-1981

Về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng

- Căn cứ Điều 11 Chương II, Điều 31 Chương V của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 205-CP, ngày 28-5-1981 của Hội đồng Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới một số xã thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Sáp nhập Chi bộ xã Pha Long và Chi bộ xã Lao Táo thành Chi bộ cơ sở xã Pha Long trực thuộc Huyện ủy Mường Khương.
2. Huyện ủy Mường Khương căn cứ Quyết nghị này chỉ định Ban chi ủy lâm thời; hướng dẫn chi ủy, chi bộ hoạt động và chuẩn bị đại hội bầu Ban chi ủy chính thức trong thời gian quy định.

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Mường Khương, Chi bộ xã Pha Long căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 331-QN/TU, ngày 20- 7-1981

Về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng

- Căn cứ Điều 11 Chương II, Điều 31 Chương V của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số 205-CP, ngày 28-5-1981 của Hội đồng Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới một số xã thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn;

- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Sáp nhập chi bộ xã Nàn Cảng và Chi bộ xã Si Ma Cai thành Chi bộ cơ sở xã Si Ma Cai trực thuộc Huyện ủy Bắc Hà.

2. Huyện ủy Bắc Hà căn cứ Quyết nghị này chỉ định Ban chỉ ủy lâm thời; hướng dẫn chi ủy, chi bộ hoạt động và chuẩn bị đại hội bầu Ban chỉ ủy chính thức trong thời gian quy định.

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Bắc Hà, Chi bộ xã Si Ma Cai căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 332-QN/TU, ngày 20-7-1981

Về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng

- Căn cứ Điều 11 Chương II, Điều 31 Chương V của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 205-CP, ngày 28-5-1981 của Hội đồng Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới một số xã thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Sáp nhập Chi bộ xã Đào Dền Sán và Chi bộ xã Nàn Vái thành Chi bộ cơ sở xã Nàn Sán trực thuộc Huyện ủy Bắc Hà.
2. Huyện ủy Bắc Hà căn cứ Quyết nghị này chỉ định Ban chỉ ủy lâm thời; hướng dẫn chi ủy, chi bộ hoạt động và chuẩn bị đại hội bầu Ban chỉ ủy chính thức trong thời gian quy định.

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Bắc Hà, Chi bộ xã Nàn Sán căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 333-QN/TU, ngày 20-7-1981

Về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng

- Căn cứ Điều 11 Chương II, Điều 31 Chương V của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 205-CP, ngày 28-5-1981 của Hội đồng Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới một số xã thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Sáp nhập chi bộ xã Tung Chung Phố và Chi bộ xã Tùng Lâu thành Chi bộ cơ sở xã Tung Chung Phố trực thuộc Huyện ủy Mường Khương.
2. Huyện ủy Mường Khương căn cứ Quyết nghị này chỉ định Ban chi ủy lâm thời; hướng dẫn chi ủy, chi bộ hoạt động và chuẩn bị đại hội bầu Ban chi ủy chính thức trong thời gian quy định.

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Mường Khương, Chi bộ xã Tung Chung Phố căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 334-QN/TU, ngày 20-7-1981

Về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng

- Căn cứ Điều 11 Chương II, Điều 31 Chương V của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 205-CP, ngày 28-5-1981 của Hội đồng Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới một số xã thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Sáp nhập Chi bộ xã Lùng Sán và Chi bộ xã Seng Sui thành Chi bộ cơ sở xã Lùng Sui trực thuộc Huyện ủy Bắc Hà.
2. Huyện ủy Bắc Hà căn cứ Quyết nghị này chỉ định Ban chỉ ủy lâm thời; hướng dẫn chi ủy, chi bộ hoạt động và chuẩn bị đại hội bầu Ban chỉ ủy chính thức trong thời gian quy định.

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Bắc Hà, Chi bộ xã Lùng Sui
căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 335-QN/TU, ngày 20-7-1981

Về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng

- Căn cứ Điều 11 Chương II, Điều 31 Chương V của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 205-CP, ngày 28-5-1981 của Hội đồng Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới một số xã thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Sáp nhập Chi bộ xã Cờ Cải và Chi bộ xã Lùng Chín thành Chi bộ cơ sở xã Lùng Cải trực thuộc Huyện ủy Bắc Hà.
2. Huyện ủy Bắc Hà căn cứ Quyết nghị này chỉ định Ban chỉ ủy lâm thời; hướng dẫn chi ủy, chi bộ hoạt động và chuẩn bị đại hội bầu Ban chỉ ủy chính thức trong thời gian quy định.

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Bắc Hà, Chi bộ xã Lùng Cải
căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 343-QN/TU, ngày 5-8-1981

Công nhận Ban Chấp hành Đảng bộ Xí nghiệp liên hợp chè Trần Phú

- Căn cứ vào biên bản bầu cử của Đại hội đại biểu Đảng bộ Xí nghiệp liên hợp chè Trần Phú ngày 17-6-1981 và Biên bản phân công trong Ban Chấp hành Đảng ủy ngày 1-7-1981;

- Căn cứ vào Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Công nhận Ban Chấp hành Đảng bộ Xí nghiệp liên hợp nông - công nghiệp chè Trần Phú khóa I gồm 21 đồng chí ủy viên chấp hành.

- | | |
|--------------------------------|-----------------------------------|
| - Đồng chí Triệu Minh | Bí thư Đảng ủy Xí nghiệp liên hợp |
| - Đồng chí Hoàng Minh Sánh | Phó Bí thư thường trực Đảng |
| - Đồng chí Nguyễn Kim Phong | Phó Bí thư - Giám đốc Xí nghiệp |
| - Đồng chí Bùi Thọ Vực | Ủy viên Thường vụ |
| - Đồng chí Vũ Đình Cánh | Ủy viên Thường vụ |
| - Đồng chí Sa Hữu Nông | Ủy viên Thường vụ |
| - Đồng chí Hà Văn Gia | Ủy viên Thường vụ |
| - Đồng chí Hoàng Đình Phát | Ủy viên chấp hành Đảng ủy |
| - Đồng chí Nguyễn Trường Thoan | Ủy viên chấp hành Đảng ủy |
| - Đồng chí Nguyễn Văn Xuân | Ủy viên chấp hành Đảng ủy |

- Đồng chí Nguyễn Văn Phẩm	Ủy viên chấp hành Đảng ủy
- Đồng chí Lê Khắc Phú	Ủy viên chấp hành Đảng ủy
- Đồng chí Nguyễn Văn Chinh	Ủy viên chấp hành Đảng ủy
- Đồng chí Phạm Hồng Thủy	Ủy viên chấp hành Đảng ủy
- Đồng chí Nguyễn Thị Ngọc Bảo	Ủy viên chấp hành Đảng ủy
- Đồng chí Nguyễn Huy Soạn	Ủy viên chấp hành Đảng ủy
- Đồng chí Nguyễn Đình Đua	Ủy viên chấp hành Đảng ủy
- Đồng chí Phạm Anh Tuấn	Ủy viên chấp hành Đảng ủy
- Đồng chí Trần Viết Hợp	Ủy viên Chấp hành Đảng ủy
- Đồng chí Trần Thị Nguyệt	Ủy viên chấp hành Đảng ủy
- Đồng chí Quách Sĩ Nghiên	Ủy viên chấp hành Đảng ủy

2. Nhiệm vụ quyền hạn căn cứ vào Chương II, Chương IV Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam để thực hiện.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ Xí nghiệp liên hợp nông, công nghiệp chè Trần Phú và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 21-TT/TU, ngày 14-8-1981

Về việc bồi dưỡng cán bộ chủ chốt xã

Tình hình mở lớp đào tạo giáo dục cán bộ cơ sở của tỉnh ta trong mấy năm vừa qua theo chương trình cơ sở, sơ cấp và trung cấp lý luận chính trị (theo hệ thống Trường Đảng tỉnh và các huyện, thị) đã có nhiều chuyển biến tốt. Một số huyện còn mở được những lớp bồi dưỡng ngắn ngày hoặc mở những hội nghị chuyên đề tại chỗ thảo luận, học tập kinh nghiệm lãnh đạo của những xã tiên tiến, nhằm giúp cán bộ chủ chốt ở xã quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy và những công tác cụ thể của từng địa phương. Việc này đã có tác dụng thiết thực thúc đẩy một số công tác trong tỉnh đạt kết quả tốt.

Tuy vậy, nội dung và chất lượng bồi dưỡng chưa cao, chưa toàn diện, mới chú trọng nặng về chủ trương, phương hướng, biện pháp phát triển kinh tế; còn nhiều vấn đề cụ thể và cấp bách khác chưa được quan tâm đúng mức, nhất là công tác quản lý kinh tế, xây dựng kế hoạch và chức năng, nhiệm vụ công tác cụ thể của từng cán bộ chủ chốt ở xã thì chưa làm được rõ, nên trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo thường còn gặp nhiều lúng túng.

Để thực hiện chủ trương bồi dưỡng cán bộ cơ sở theo tinh thần Nghị quyết 32 của Bộ Chính trị và thi hành Thông tri số 125, ngày 30-6-1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc bồi dưỡng cán bộ

chủ chốt ở xã, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định việc triển khai đợt công tác bồi dưỡng cán bộ chủ chốt ở xã như sau:

1- Các ban Tuyên giáo, Tổ chức, Trường Đảng tỉnh, Nông nghiệp, Dân vận, Nội chính, Kinh tế kế hoạch và Ủy ban Kế hoạch nhà nước, Sở Nông nghiệp dựa vào sự hướng dẫn của các ban trên Trung ương, chuẩn bị nội dung đề cương các bài giảng và phương pháp tiến hành bồi dưỡng cán bộ chủ chốt xã, làm cho cán bộ cơ sở xã nắm vững được những chỉ thị, nghị quyết mới của Trung ương và của tỉnh và biết cách vận dụng tổ chức thực hiện. Đồng thời giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức bồi dưỡng giảng viên cho các huyện, thị.

Từ nay đến đầu tháng 9-1981 tỉnh mở hội nghị bồi dưỡng, hướng dẫn nội dung các bài giảng cho các huyện, thị để từ đầu tháng 9-1981 đến hết tháng 10-1981 các huyện, thị tiến hành mở lớp bồi dưỡng xong 7 cán bộ chủ chốt xã (bí thư, phó bí thư thường trực, chủ tịch, chủ nhiệm hợp tác xã, trưởng công an, trưởng xã đội và bí thư thanh niên) quán triệt và biết cách tổ chức thực hiện những vấn đề chính theo nội dung chương trình công tác của từng huyện, thị đề ra.

2- Các ban thường vụ huyện, thị ủy phải trực tiếp chỉ đạo chặt chẽ các lớp bồi dưỡng, các đồng chí thường vụ Huyện ủy, thị ủy có trách nhiệm trình bày các bài giảng ở các lớp. Việc tổ chức lớp tùy theo số cán bộ cơ sở và điều kiện cụ thể của từng huyện, thị. Nếu tập trung một lớp quá đông thì có thể mở theo từng cụm 5-7 xã làm một lớp.

Đối với những nơi cấp ủy chưa được kiện toàn, Huyện ủy và thị ủy cần soát, xét lại số cán bộ chủ chốt, nếu không bảo đảm công tác thì thay thế hoặc cử người kế cận có đủ tiêu chuẩn đi học rồi về thay thế.

3- Đảng đoàn chính quyền tỉnh, Ban Tài chính - quản trị, các ban cán sự Sở Tài chính, Sở Lương thực, Sở Thương nghiệp có trách nhiệm nghiên cứu và vận dụng chế độ chính sách chi tiêu tài chính bảo đảm cấp phát kịp thời kinh phí, lương thực, cung cấp thực phẩm cần thiết cho hội nghị bồi dưỡng giảng viên ở tỉnh và các lớp bồi dưỡng cán bộ chủ chốt ở các huyện, thị, với các khoản cụ thể như:

Chi phí in tài liệu gồm in đề cương các bài giảng, in kế hoạch hướng dẫn mẫu, có đủ số lượng cần thiết để gửi xuống các huyện, thị và các cán bộ cơ sở về học, một số giấy mực cần thiết cho hội nghị, bồi dưỡng giảng viên của tỉnh và cấp phát cho các lớp bồi dưỡng giảng viên ở các huyện, thị. Chế độ bồi dưỡng giảng viên ở các lớp bồi dưỡng giải quyết chi theo chế độ giảng chương trình sơ cấp (2 đồng một giờ và nước giải khát 5 đồng một ngày). Đối với các cán bộ cơ sở về học lớp bồi dưỡng chi mức ăn theo chế độ 8 đồng một ngày (kể cả 0,6 kg lương thực một ngày), còn công tác phí đi đường và tiền tàu xe theo như chế độ chung đã ban hành.

Thời gian mỗi lớp là 10 ngày.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp cùng Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Trường Đảng tỉnh căn cứ vào nội dung trên đây có kế hoạch hướng dẫn cụ thể các huyện, thị thực hiện Thông tri này và theo dõi việc thi hành để báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 07-CT/TU, ngày 25-8-1981

**Về việc tập trung chỉ đạo sản xuất nông nghiệp
khắc phục thiên tai, chăm bón,
quyết tâm giành vụ năm 1981 thắng lợi**

Vụ chiêm xuân 1980-1981 và vụ mùa năm nay có nhiều khó khăn về nông cụ, phân bón, vật tư, thời tiết diễn biến bất thường; (...), đặc biệt là vụ mùa sâu bệnh đang phát triển nhanh ở khắp các vùng; có nơi nghiêm trọng (diện tích bị sâu lên tới 1 vạn 9.000 ha và tập trung ở các vùng trọng điểm lúa). Nhưng nhờ có sự lãnh đạo chặt chẽ, sự nỗ lực của các cấp, các ngành, đặc biệt do có các chính sách và các nghị quyết mới của Trung ương, Chỉ thị số 100 của Ban Bí thư đã được triển khai rộng rãi, nên đã tạo được động lực thúc đẩy phong trào cách mạng của quần chúng hăng hái sản xuất, khắc phục khó khăn, bước đầu đã giành được những thắng lợi đáng kể:

Vụ chiêm xuân 1980-1981 diện tích lúa đã tăng 4,5% so với vụ chiêm xuân năm trước.

Vụ mùa năm nay đã cấy được trên 98% kế hoạch diện tích và cấy nhanh so với cùng kỳ năm trước từ 10 đến 15 ngày. Các biện pháp kỹ thuật bảo đảm tốt hơn.

Tuy nhiên, năng suất các loại cây trồng của tỉnh ta vẫn thấp, chủ yếu do khâu thâm canh còn quá yếu. Vụ mùa năm nay lại đang bị sâu

bệnh phá hoại nhiều. Ủy ban nhân dân tỉnh đã có chỉ thị phát động chiến dịch này. Các địa phương đang tích cực thực hiện.

Để phát huy những nhân tố thuận lợi, khắc phục khó khăn, quyết tâm giành vụ mùa thắng lợi toàn diện, lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, Ban Thường vụ Tỉnh ủy lưu ý các cấp ủy Đảng, chính quyền và các ngành thực hiện tốt một số việc chính sau đây:

1- Phát động và chỉ đạo tập trung một đợt thi đua mở chiến dịch “trừ sâu, chăm bón lúa mùa” đẩy mạnh sản xuất nông, lâm nghiệp, hoàn thành thắng lợi kế hoạch năm 1981. Đây là công tác trung tâm trong mọi công tác hiện nay. Vì vậy, phải tập trung mọi lực lượng lao động, vật tư, dồn sức vào chăm bón, tận dụng các loại phân chuồng, vôi, phân xanh, phân đạm (hiện có); định mức giao chỉ tiêu cho từng lao động theo sự điều hành lao động tập trung thống nhất của các cấp ủy Đảng, chính quyền và hợp tác xã có lịch chăm sóc liên tục từ đầu cho đến khi thu hoạch. Dồn ra đồng và ưu tiên cung cấp các vật tư, huy động mọi lực lượng và phương tiện, điều kiện (xăng, dầu, thuốc sâu, bình bơm, phân bón, vận tải...) để trừ sâu bệnh cho lúa và chăm bón, làm cỏ sục bùn cho toàn bộ diện tích theo các quy trình kỹ thuật.

2- Đi đôi với việc trừ sâu, chăm bón lúa mùa cần soát xét lại các chỉ tiêu kế hoạch năm 1981 còn lại hoặc đạt còn thấp, tính toán, cân đối lao động, có biện pháp chỉ đạo cụ thể bảo đảm các chỉ tiêu kế hoạch cả năm 1981, nhất là bảo đảm các chỉ tiêu về lương thực, thực phẩm và chú trọng các chỉ tiêu về cây công nghiệp: chè, dứa, đậu tương, cây đặc sản, chăn nuôi khai thác lâm sản, bảo vệ rừng.

3- Chuẩn bị tốt cho kế hoạch sản xuất đông - xuân 1981-1982. Tổng kết đông - xuân 1980-1981 sơ kết vụ mùa (1981), bàn kế hoạch sản xuất vụ đông - xuân tới, đặc biệt là các biện pháp thâm canh tăng năng suất các loại cây trồng và chăn nuôi. Trong vụ đông - xuân tới, ngoài các biện pháp thâm canh lúa và màu, cần chú ý chỉ đạo phát triển sản xuất cây đậu tương, tận dụng hết diện tích một vụ không

cấy lúa được thì trồng đậu tương, tạo thành các vùng đậu tương có diện tích rộng, có sản phẩm lớn. Vùng chè, quế... tập trung cần có kế hoạch bảo đảm diện tích trồng mới và thâm canh.

4- Chuẩn bị sơ kết khoán sản phẩm qua thực hiện Chỉ thị số 100 của Ban Bí thư Trung ương. Trong vụ mùa trên cơ sở cần phát huy uốn nắn những thiếu sót lệch lạc trong quá trình chỉ đạo thực hiện, đồng thời rút ra những kinh nghiệm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng (đảng ủy, chi ủy, đảng viên) của chính quyền và Ban quản trị hợp tác xã, nhất là khâu điều hành lao động 8 khâu trong quy trình sản xuất. Qua sơ kết cần có kế hoạch ở các lớp bồi dưỡng tập huấn cho cán bộ (bí thư, chủ tịch, chủ nhiệm hợp tác xã, các đội trưởng, đội phó sản xuất) về các kinh nghiệm quản lý, kinh nghiệm chỉ đạo điều hành 8 khâu của Ban quản trị, đội sản xuất với xã viên. Các huyện, thị ủy cần có kế hoạch chỉ đạo khoán sản phẩm cho vụ đông - xuân 1981-1982 ở tất cả các hợp tác xã vùng thấp và vùng cao, khoán đến người lao động, có sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng; huy động các ngành phục vụ, sử dụng được các ban tham mưu giúp cấp ủy và chính quyền chỉ đạo. Trong vụ đông - xuân 1981-1982 khoán toàn bộ diện cấy lúa, khoán cây màu (ngô, khoai, sắn), khoán cây đậu tương, khoán chăn nuôi và ngành nghề khác của hợp tác xã.

Trong công tác khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động cần mạnh dạn áp dụng hình thức đến người lao động. Để có cán bộ chỉ đạo tốt, các huyện cần tập trung bồi dưỡng kỹ nội dung và cách tiến hành cho cán bộ cơ sở và cử cán bộ xuống trực tiếp giúp đỡ các hợp tác xã giao khoán, chuẩn bị trước các việc giao khoán cho gọn ở cơ sở trước khi thu hoạch lúa mùa.

Trong việc khoán sản phẩm đối với tỉnh ta cần gắn liền với tổ chức quản lý đất đai, quản lý rừng, thực hiện chủ trương giao đất, giao rừng cho hợp tác xã kinh doanh bảo vệ rừng gắn với việc tổ chức lại sản xuất, xác định phương hướng sản xuất, quy hoạch sản xuất, xây dựng kế hoạch sản xuất từng vùng, từng hợp tác xã; dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất trong cơ cấu kinh tế của huyện.

5- Đảng đoàn chính quyền chỉ đạo, đôn đốc các cấp việc thực hiện kế hoạch đông - xuân 1981-1982, chuẩn bị tốt tổ chức thực hiện cụ thể các việc đề ra như trên và tổng kết chăn nuôi, sơ kết việc thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng trong thời gian trung tuần tháng 9-1981 tới.

Các huyện, thị ủy và các đồng chí phụ trách các ban, ngành cần có kế hoạch thực hiện tốt Chỉ thị này và báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

KẾ HOẠCH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 03-KH/TU, ngày 31-8-1981

Tiến hành đợt sinh hoạt nâng cao phẩm chất cộng sản cho cán bộ, đảng viên

Thực hiện Thông tri số 126-TT/TW, ngày 25-7-1981 của Ban Bí thư, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định tiến hành đợt sinh hoạt nâng cao phẩm chất cộng sản cho cán bộ, đảng viên theo kế hoạch sau đây:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

a) Mục đích: Đợt sinh hoạt nhằm nâng cao ý thức của các tổ chức đảng và của mỗi đảng viên cộng sản đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, nâng cao phẩm chất cách mạng, đẩy lùi và xóa bỏ những hiện tượng tiêu cực, thoái hóa, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên, thúc đẩy việc thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, trước mắt tạo một sự chuyển biến tích cực đặt cơ sở cho việc tiếp tục giáo dục, rèn luyện nâng cao phẩm chất cộng sản cho cán bộ, đảng viên một cách thường xuyên và có nền nếp.

b) Yêu cầu cụ thể của đợt sinh hoạt:

1. Các cấp ủy Đảng và tổ chức đảng ở cơ sở cần nhận rõ việc giáo dục, rèn luyện phẩm chất cộng sản cho cán bộ, đảng viên là vấn đề quan trọng thường xuyên, nhất là sau khi Đảng đã cầm quyền và tính cấp bách hiện nay của công tác này, từ đó chăm lo đầy đủ việc giáo dục

phẩm chất cho cán bộ, đảng viên có quyết tâm và kế hoạch cụ thể chỉ đạo tốt đợt sinh hoạt này.

Cán bộ lãnh đạo các cấp phải nêu gương tốt về giữ gìn phẩm chất cách mạng, nếu có khuyết điểm thì phải tự phê bình nghiêm túc, tiếp thu đúng đắn ý kiến phê bình của đảng viên và quần chúng và gương mẫu trong việc sửa chữa khuyết điểm.

2. Căn cứ vào yêu cầu của nhiệm vụ chính trị trước mắt và lâu dài của cách mạng, tính chất và nội dung của cuộc đấu tranh phức tạp hiện nay, phân tích, đánh giá thật khách quan tình hình phẩm chất cách mạng của đảng viên trong Đảng bộ, tổng kết và phân tích những biểu hiện sai lầm phổ biến, làm rõ sự thoái hóa biến chất của một bộ phận cán bộ đảng viên đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín và thanh danh của Đảng, Nhà nước và chế độ ta, làm tổn thương quan hệ giữa Đảng và quần chúng, tạo điều kiện cho kẻ thù lợi dụng xuyên tạc, bôi xấu chế độ gây không ít tổn thất cho cách mạng.

Phân tích sâu sắc những nguyên nhân khách quan, chủ quan của những hiện tượng tiêu cực, nhất là sự thoái hóa, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên, từ đó rút ra những bài học cần thiết cho việc giáo dục, rèn luyện, quản lý cán bộ, đảng viên.

3. Đề ra phương hướng và những biện pháp thiết thực có hiệu lực nhằm khắc phục và đẩy lùi những hiện tượng tiêu cực trong Đảng.

Xây dựng chế độ, quy tắc, biện pháp cần thiết làm cơ sở cho việc tiếp tục thường xuyên giáo dục, rèn luyện nâng cao phẩm chất cộng sản cho cán bộ, đảng viên một cách có nền nếp.

4. Qua tự phê bình và phê bình về phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên mà có kế hoạch, biện pháp củng cố tổ chức đảng, nhất là tổ chức đảng ở cơ sở được trong sạch, vững mạnh theo những yêu cầu cụ thể mà Trung ương đã nêu ra, bảo đảm cho tổ chức đảng ở cơ sở là nơi trực tiếp giáo dục, rèn luyện, quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên về mặt phẩm chất cộng sản chủ nghĩa.

II. VỀ NỘI DUNG GIÁO DỤC

Nội dung giáo dục phẩm chất cộng sản cho cán bộ, đảng viên bao gồm nhiều mặt, các cấp ủy Đảng phải quan tâm giải quyết thường xuyên gắn liền với việc thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng trong từng thời gian và hoạt động thực tiễn của cán bộ, đảng viên. Song trong hoàn cảnh hiện nay, có nhiều việc cần phải thực hiện cho nên đợt sinh hoạt này tập trung chủ yếu vào ba nội dung:

1. Giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm và lòng trung thành đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng: Ý thức trách nhiệm và lòng trung thành đó phải được thể hiện cả trong lời nói và hành động của người đảng viên cộng sản trong bất kỳ hoàn cảnh nào khi thuận lợi cũng như lúc khó khăn, chú ý:

- Giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm và tính kỷ luật của tổ chức đảng và mỗi đảng viên đối với đường lối và quan điểm của Đảng, tuân thủ các nguyên tắc sinh hoạt đảng và gương mẫu chấp hành pháp luật của Nhà nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, đấu tranh chống những phần tử xấu đả kích vào Đảng, chống chiến tranh tâm lý, gián điệp, phá hoại kinh tế của địch, nêu cao nhiệt tình cách mạng và tinh thần trách nhiệm. Thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả mọi nhiệm vụ được giao, gương mẫu trong lao động, sản xuất, công tác và học tập, không sợ hy sinh gian khổ, luôn đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, bảo vệ vững chắc từng tấc đất của Tổ quốc. Tăng cường đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng, đoàn kết các dân tộc và đoàn kết quân dân.

Kiên quyết chống biểu hiện dao động đối với đường lối, quan điểm của Đảng, giảm sút niềm tin đối với tiền đồ của đất nước, chống các hiện tượng tự do vô kỷ luật, phát ngôn tùy tiện trái với quan điểm của Đảng và nguyên tắc sinh hoạt của Đảng. Không nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không dám đấu tranh thậm chí có lúc còn phụ họa với những phần tử xấu. Không kiên quyết khắc phục tư

tướng ngại hy sinh, gian khổ, thiếu ý chí chiến đấu bảo vệ biên giới, địa phương, Tổ quốc. Khắc phục những biểu hiện mất đoàn kết, tư tưởng cục bộ, bản vị, địa phương chủ nghĩa, tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi.

2. Giáo dục nâng cao ý thức tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, làm cho ý thức đó được quán triệt trong mọi hành động của các tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên.

Kiên quyết chống các hiện tượng quan liêu, vô trách nhiệm, chuyên quyền, độc đoán, mất dân chủ, trù dập cán bộ, ức hiếp quần chúng.

3. Giáo dục rèn luyện lối sống trong sạch, lành mạnh, cần kiệm, giản dị, suốt đời đấu tranh vì lợi ích chung, vì cách mạng, tôn trọng và bảo vệ tài sản của Nhà nước, của nhân dân.

Kiên quyết lên án và trừng trị nghiêm khắc những hiện tượng tiêu cực như: ăn cắp, hối lộ, buôn lậu, bao che cho nhau xâm phạm lợi ích của Nhà nước và của nhân dân, ăn chơi sa đọa và trụy lạc. Những vụ việc đã phát hiện, đã kiểm điểm thì đợt này cần có kết luận rõ ràng và giải quyết dứt điểm.

Trên đây là những vấn đề chung cần tập trung giáo dục. Mỗi huyện, thị, mỗi ngành cần đi sâu phân tích những ưu điểm và khuyết điểm cụ thể của cán bộ, đảng viên ở địa phương, ngành mình và có biện pháp giải quyết thích hợp.

III. VỀ CÁCH TIẾN HÀNH

Đợt sinh hoạt này cần được các cấp ủy Đảng chỉ đạo chặt chẽ gắn với việc thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị trước mắt của địa phương, ngành và việc chuẩn bị đại hội đại biểu các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V.

Ở tỉnh: Tỉnh mở hội nghị cán bộ để nghiên cứu, thảo luận quán triệt Thông tri số 126-TT/TW của Ban Bí thư, bài diễn văn của đồng chí Lê Duẩn tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VII (phần tình hình và nhiệm vụ cách mạng hiện nay) đánh giá đúng tình hình và những

nhiệm vụ trước mắt, tình hình phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên, nêu rõ mặt tốt và những hiện tượng không lành mạnh, phân tích tác hại và nguyên nhân của sự sa sút về phẩm chất cách mạng trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, xác định trách nhiệm của cấp ủy và đảng bộ trước tình hình đó; đề ra những biện pháp thiết thực khắc phục những mặt tiêu cực; tiếp tục rèn luyện và nâng cao phẩm chất cộng sản cho cán bộ, đảng viên. Quán triệt kế hoạch tiến hành đợt sinh hoạt này.

Ở các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh: Các cấp ủy huyện, thị, đảng ủy trực thuộc tỉnh làm tốt công tác chuẩn bị và cùng mở hội nghị cán bộ với những nội dung tương tự như ở tỉnh; cần có bản báo cáo ngắn gọn về tình hình phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên và hướng dẫn cấp dưới thực hiện. Mỗi huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh cần làm trước ở một vài cơ sở để rút kinh nghiệm cho việc chỉ đạo mở rộng diện. Kiểm điểm về phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên cần gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ cấp bách trước mắt như: thực hiện kế hoạch nhà nước (sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu), Nghị quyết số 26 về lưu thông, phân phối cải tiến quản lý kinh tế, quản lý thị trường... trên cơ sở đó đề ra nội dung thi đua lập thành tích thiết thực chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V nhằm phấn đấu thực hiện nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 1981.

Ở đảng bộ cơ sở:

- Tổ chức nghiên cứu, thảo luận tình hình và nhiệm vụ cách mạng nước ta hiện nay và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên (dựa vào phần tình hình và nhiệm vụ trong bài diễn văn của đồng chí Lê Duẩn tại kỳ họp thứ I Quốc hội khóa VII đã trích in gửi tới cơ sở).

- Nghiên cứu thảo luận về tư cách của người đảng viên (dựa theo 5 nhiệm vụ của đảng viên đã in gửi các cơ sở) và thảo luận về tình hình phẩm chất của cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ (cả ưu và khuyết điểm - theo báo cáo của tổ chức cơ sở đảng); phân tích tác hại và nguyên nhân của sự giảm sút về phẩm chất cách mạng, trách nhiệm

của Đảng bộ, trước tình hình đó và những biện pháp cần áp dụng để khắc phục hiện tượng tiêu cực, nâng cao phẩm chất người cộng sản.

- Mỗi cán bộ, đảng viên (kể cả cán bộ lãnh đạo các cấp) liên hệ với ba nội dung đã nêu ở phần II bản kế hoạch này, báo cáo trước chi bộ nơi mình sinh hoạt tình hình phẩm chất của mình (cả ưu và khuyết điểm và đề ra phương hướng, biện pháp phát huy ưu điểm và khắc phục khuyết điểm).

- Những nơi chưa phát thẻ đảng viên thì kết hợp đợt sinh hoạt này với việc xem xét tư cách đảng viên để phát thẻ đảng. Nơi đã phát thẻ đảng cần căn cứ vào thông tri của Ban Bí thư, thảo luận nâng cao nhận thức đồng thời tiến hành tự phê bình và phê bình, chú ý những đảng viên, cán bộ có nhiều sai lầm mà trong dịp phát thẻ đảng chưa làm rõ hoặc mới phạm sai lầm khi phát thẻ đảng. Đối với những đảng viên có sai lầm nghiêm trọng thì cần phải thi hành kỷ luật đúng mức và kịp thời theo những nguyên tắc đã được quy định trong sinh hoạt đảng.

Những nơi trong đợt triển khai Nghị quyết 36 và sơ kết 6 tháng đầu năm 1981 chưa lấy ý kiến quần chúng tham gia phê bình cán bộ, đảng viên thì đợt này cần tổ chức và hướng dẫn quần chúng tham gia phê bình cán bộ, đảng viên. Mọi ý kiến của quần chúng cần được nghiên cứu và trả lời, những điều quần chúng phê bình đúng thì tiếp thu, những điều không đúng hoặc hiểu lầm thì được giải thích lại.

- Từ nay đến giữa tháng 9-1981 hoàn thành việc mở hội nghị ở tỉnh và ở huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh. Cuối tháng 9 triển khai xong ở các tổ chức đảng cơ sở.

- Việc giáo dục phẩm chất cộng sản trong các đảng bộ quân đội tiến hành theo kế hoạch của Quân ủy Trung ương. Cần chú ý giáo dục tinh thần chủ động đánh địch, bảo vệ vững chắc biên cương Tổ quốc, tinh thần đoàn kết quân dân và đoàn kết giữa các lực lượng vũ trang.

Ban Tuyên giáo các cấp có trách nhiệm phối hợp với các ban có liên quan nhất là Ban Tổ chức và Ủy ban Kiểm tra giúp cấp ủy hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc triển khai đợt sinh hoạt này ở các đảng bộ cơ sở.

Sau khi kết thúc đợt sinh hoạt, các cấp, các ngành cần tổng kết đánh giá kết quả rút ra những kinh nghiệm cần thiết nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng công tác giáo dục phẩm chất cộng sản cho cán bộ, đảng viên, đưa công tác này vào nền nếp và báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (đồng gửi Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy).

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 359-QN/TU, ngày 1-9-1981

Về việc bổ sung và kiện toàn Ban 79

- Căn cứ yêu cầu tăng cường chỉ đạo công tác đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực theo tinh thần Chỉ thị số 108-CT/TW, ngày 14-5-1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng;

- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 22-8-1981 về việc bổ sung và kiện toàn Ban 79 của tỉnh,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Nay bổ sung các đồng chí có tên sau đây tham gia Ban chỉ đạo chống tiêu cực của tỉnh (Ban 79):

1- Đồng chí Hoàng Ngọc, Phó Chính ủy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh.

2- Đồng chí Trần Văn Hào, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh.

3- Đồng chí Đặng Văn Luy, Phó thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh.

4- Đồng chí Hà Đình Khiêm, Phó ban thường trực Ban Tổ chức Tỉnh ủy (thay đồng chí Đặng Khuê).

Bộ phận thường trực Ban chỉ đạo gồm các đồng chí:

1- Đồng chí Hà Thiết Hùng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban.

2- Đồng chí Trần Lục, Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy làm Phó ban.

3- Đồng chí Phạm Minh Tiến, Quyền Chủ nhiệm Ủy ban Thanh tra tỉnh làm Phó ban thường trực.

4- Đồng chí Hà Đình Khiêm, Phó ban Tổ chức Tỉnh ủy làm Ủy viên.

5- Đồng chí Phạm Kiểm, Phó ban Nội chính làm Ủy viên.

6- Đồng chí Hoàng Tuyển, Phó Giám đốc Sở Công an làm Ủy viên.

7- Đồng chí Lê Cam, Viện trưởng Viện kiểm sát làm Ủy viên.

2. Ban 79 có trách nhiệm giúp Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chống tiêu cực năm 1981 trong toàn tỉnh theo chủ trương, phương hướng của tỉnh và của Trung ương.

3. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng đoàn Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban 79 tỉnh, Ủy ban Kế hoạch tỉnh, Liên hiệp Công đoàn tỉnh và các đồng chí thành viên Ban 79 căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 08-CT/TU, ngày 1-9-1981

Về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong trường học

Thực hiện Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Nghị quyết 24 của Tỉnh ủy về cải cách giáo dục, thời gian qua tuy có những khó khăn nhất định, song sự nghiệp giáo dục của tỉnh ta vẫn tiếp tục phát triển mạnh mẽ, góp phần thiết thực vào công cuộc xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, củng cố quốc phòng.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đáng tự hào, công tác giáo dục của tỉnh ta cũng còn bộc lộ một số mặt yếu kém như: Chất lượng giáo dục toàn diện thời gian gần đây có chiều hướng giảm sút, trong đó những hiện tượng tiêu cực trong một số thầy giáo có ảnh hưởng không tốt đến chất lượng giáo dục; cuộc vận động “Tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng trong trường học” chưa trở thành phong trào quần chúng rộng rãi; cơ sở vật chất của nhà trường chưa được quan tâm xây dựng, củng cố và bảo quản chu đáo; tư tưởng ỷ lại vào Nhà nước trong việc xây dựng cơ sở, vật chất của trường học còn tồn tại khá nặng trong nhận thức của cán bộ, đảng viên và những người làm công tác giáo dục.

Năm học 1981-1982 là năm bắt đầu thực hiện cải cách hệ thống giáo dục và chương trình mới ở lớp 1 theo chủ trương cải cách giáo dục của Đảng, là năm mà Nhà nước ta có nhiều quyết định mới về công tác

giáo dục. Chúng ta bước vào năm học mới giữa lúc toàn Đảng toàn dân đang phấn đấu thực hiện các nghị quyết lớn của Trung ương Đảng về công tác tư tưởng, công tác tổ chức và công tác an ninh đồng thời đang sôi nổi thi đua chuẩn bị cho Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V.

Để tiếp tục thực hiện Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 24 của Tỉnh ủy, trong năm học 1981-1982 này các cấp ủy Đảng cần tập trung lãnh đạo thực hiện tốt một số việc sau đây:

1. Tổ chức quán triệt thật chu đáo các nghị quyết của Trung ương Đảng về công tác tư tưởng, công tác tổ chức và công tác an ninh trong các trường học, làm cho tất cả cán bộ, giáo viên và học sinh nhất là học sinh lớn nhận rõ hơn nữa bản chất âm mưu và hành động của kẻ thù, nhận rõ tình hình và nhiệm vụ của cách mạng nước ta trong giai đoạn hiện nay. Từ nhận thức đó mà nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, đập tan mọi thủ đoạn chiến tranh của địch, nâng cao ý chí cách mạng, đấu tranh khắc phục những tư tưởng và thái độ tiêu cực trong cán bộ, giáo viên, vượt qua mọi khó khăn trở ngại hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn. Căn cứ vào nhiệm vụ hiện nay mà tiến hành chấn chỉnh tại tổ chức, tinh giảm bộ máy biên chế, tổ chức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ bảo đảm hoàn thành với chất lượng cao năm học 1981-1982.

2. Tiếp tục quán triệt sâu sắc thêm một bước Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 24 của Tỉnh ủy về cải cách giáo dục trong toàn Đảng toàn dân, từ đó mà phát động một phong trào quần chúng rộng rãi tham gia xây dựng giáo dục. Đặc biệt, phải tập trung tổ chức thực hiện tốt những quyết định mới của Hội đồng Chính phủ về công tác giáo dục như: việc tiến hành công tác hướng nghiệp cho học sinh; việc chấp hành nghiêm chỉnh chế độ thi cử mới; việc xây dựng Hội đồng giáo dục các cấp, xây dựng và củng cố Hội cha mẹ học sinh và Ban bảo trợ học đường; quản lý tốt việc sử dụng sách giáo khoa và lãnh đạo chặt chẽ việc tổ chức các lớp dạy ngoài giờ cho học sinh theo đúng chính sách. Ban cán sự giáo dục cùng với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể cho cấp ủy huyện, thị về những

vấn đề nói trên. Bước vào năm học mới, Ban Tuyên giáo cùng với ngành giáo dục, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức sơ kết 2 năm tiến hành cuộc vận động “Tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng trong trường học” và bàn kế hoạch tiến hành cuộc vận động này trong 2 năm học tới. Đồng thời có kế hoạch thật chu đáo tiếp tục chương trình “Ánh sáng văn hóa”.

3. Việc xây dựng cơ sở vật chất cho trường học, các đảng bộ và chính quyền ở cơ sở có trách nhiệm phát động toàn dân và lực lượng của thầy trò đóng góp là chính, chống tư tưởng ỷ lại vào Nhà nước, trông chờ ở cấp trên. Việc xây dựng phải đi đôi với bảo vệ, quản lý chu đáo những cơ sở đã có.

4. Thường xuyên chăm lo củng cố các đoàn thể quần chúng và tăng cường công tác xây dựng Đảng trong trường học.

Các ban Tổ chức, Tuyên giáo các cấp phải phối hợp chặt chẽ để giúp các cấp ủy cơ sở có kế hoạch chăm lo xây dựng tổ chức đảng cơ sở trong các trường học theo phương hướng đã ghi trong Nghị quyết 24 của Tỉnh ủy về cải cách giáo dục.

Các chi bộ, đảng bộ cơ sở phải có biện pháp cụ thể để giáo dục, quản lý nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên của mình, bảo đảm đủ sức lãnh đạo quần chúng thực hiện tốt đường lối giáo dục của Đảng trong cải cách giáo dục.

Ban cán sự giáo dục huyện, thị có trách nhiệm thông qua việc chỉ đạo công tác chuyên môn mà giúp cấp ủy các cơ sở phát hiện và bồi dưỡng nhân tố mới trong giáo viên, đi xác minh lý lịch đối tượng là giáo viên ở những nơi mà cấp ủy cơ sở định kết nạp không có điều kiện đi; phối hợp với Ban Tuyên giáo cùng cấp tổ chức các lớp bồi dưỡng đối tượng kết nạp Đảng và đảng viên mới trong hàng ngũ giáo viên.

Đối với các đoàn thể quần chúng trong trường học, các cấp ủy Đảng cơ sở cần có kế hoạch thường xuyên chăm lo củng cố tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, bảo đảm để các tổ chức này phát huy vai trò làm chủ tập thể của quần chúng trong việc quản lý nhà trường, tổ chức và

thực hiện phong trào thi đua “hai tốt” xây dựng trường tiên tiến, xây dựng tổ lao động xã hội chủ nghĩa, xây dựng các tập thể học sinh xã hội chủ nghĩa; các đoàn viên, đội viên tích cực phấn đấu rèn luyện trở thành những giáo viên dạy giỏi, học sinh giỏi, đoàn viên ưu tú và cháu ngoan Bác Hồ, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 1981-1982.

Trên đây là những công việc cần chú ý trong thời gian tiến hành năm học 1981-1982, Ban Tuyên giáo, Ban cán sự giáo dục, thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh phải có kế hoạch tổ chức triển khai giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo thông suốt đến các cấp ủy Đảng và các ngành thực hiện đầy đủ Chỉ thị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA TỈNH ỦY

Số 21-BC/TU, ngày 4-9-1981

**Tình hình thực hiện Quyết định 25, 26 và 64
của Hội đồng Chính phủ về ba phần kế hoạch
khoán sản phẩm trong công nghiệp
thực hiện giao nộp sản phẩm cho Nhà nước**

I. TỔ CHỨC QUẢN TRIỆT CÁC QUYẾT ĐỊNH 25, 26 VÀ 64 CỦA HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Trước khi có Quyết định 25, 26 và 64 của Hội đồng Chính phủ, tỉnh đã chỉ đạo tập trung một đoàn cán bộ của các ngành: Kế hoạch, Tài chính, Ngân hàng, Thống kê, do đồng chí Giám đốc Sở Tài chính, Thống kê, Ngân hàng, Chi hàng kiến thiết làm trưởng đoàn, nghiên cứu cải tiến quản lý kinh tế, tài chính ở 4 xí nghiệp: Xí nghiệp Đường rượu (Sở Công nghiệp), Lâm trường Ngòi Lao (Sở Lâm nghiệp), Công ty Xây dựng số 2 (Ty Xây dựng), Ban Quản lý hợp tác xã mua bán (Ty Thương nghiệp). Nội dung nghiên cứu gồm bốn vấn đề như sau:

- Cải tiến công tác kế hoạch hóa từ cơ sở.
- Cải tiến công tác tài chính xí nghiệp.
- Cải tiến công tác cung ứng vật tư và giao nộp sản phẩm.
- Cải tiến công tác hạch toán thống kê - kế toán.

Nội dung nghiên cứu đề ra lúc đầu rất cấp bách nhằm tăng cường hạch toán kinh tế đối với các xí nghiệp quốc doanh địa phương, nhưng cũng phù hợp với các quyết định của Chính phủ, tạo thuận lợi cho địa phương khi triển khai các Quyết định 25, 26 và 64. Ủy ban nhân dân tỉnh đã có bản Kế hoạch số 40, hướng dẫn các ngành, các xí nghiệp thi hành Quyết định 25, 26 và 64, mở hội nghị phổ biến các quyết định của Chính phủ, phổ biến kế hoạch và kinh nghiệm tổng kết từ các điểm đến các đồng chí thủ trưởng ngành, một số giám đốc xí nghiệp.

Các ngành quản lý đã mở hội nghị với giám đốc xí nghiệp, thư ký công đoàn, kế toán trưởng để quán triệt các quyết định của Chính phủ và hướng dẫn những quy định cụ thể của ngành. Ty Lao động bồi dưỡng định mức lao động, xây dựng đơn giá tiền lương và các hình thức khoán. Sở Tài chính vật giá bồi dưỡng kế toán trưởng hạch toán ba phần kế hoạch.

Trong quá trình địa phương chỉ đạo triển khai các Quyết định 25, 26 và 64 thì các bộ hướng dẫn rất chậm; có bộ không hướng dẫn (Ủy ban Kế hoạch nhà nước) do đó địa phương có nhiều lúng túng phải mất một thời gian khá dài để tranh cãi rồi mới đi đến thống nhất được khái niệm của ba phần kế hoạch, nội dung của từng phần, giá cả đối với vật tư xí nghiệp tự tổ chức, hạch toán của từng phần kế hoạch, v.v..

II. NHỮNG VIỆC ĐÃ LÀM VÀ CHƯA LÀM, NHỮNG KẾT QUẢ VÀ TỒN TẠI TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI QUYẾT ĐỊNH 25, 26 VÀ 64 CỦA CHÍNH PHỦ

1. Kết quả triển khai Quyết định số 25 về kế hoạch ba phần

Sau một thời gian nghiên cứu Quyết định 25 giám đốc các xí nghiệp đã tính toán lại toàn bộ kế hoạch sản xuất kinh doanh của xí nghiệp theo ba phần kế hoạch, báo cáo với Ủy ban Kế hoạch và sở, ty chủ quản, đến nay Ủy ban Kế hoạch đã giao xong hai phần kế hoạch cho các xí nghiệp (bao gồm kế hoạch nhà nước giao và phần kế

hoạch tự làm của xí nghiệp) với tổng giá trị sản lượng công nghiệp địa phương là 25,3 triệu đồng.

Khả năng cung cấp vật tư của Nhà nước chỉ bảo đảm được 60-70% so với năm 1980 nhưng với tinh thần chủ động, sáng tạo của giám đốc xí nghiệp, tính toán khai thác nguồn nguyên liệu tại địa phương tận dụng phế liệu phẩm... để bảo đảm sản xuất giữ được mức sản xuất gần bằng năm 1980 (giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương năm 1980 thực hiện 27,7 triệu đồng, kế hoạch năm 1981 là 25,3 triệu đồng) đây là một cố gắng lớn của các xí nghiệp.

Xí nghiệp Đường rượu: Nguồn vật tư của Nhà nước cung cấp đủ sản xuất đường 60 tấn, rượu 100 độ là 40.000 lít và 100.000 lít nước ngọt, nhưng xí nghiệp tự tổ chức nguyên liệu địa phương sản xuất phần kế hoạch tự làm 15.000 lít rượu 100 độ, 5.000 lít rượu màu, 100.000 lít nước ngọt.

Công ty Vật liệu xây dựng khai thác than địa phương, củi, lau lách để bảo đảm sản xuất gạch, ngói, vôi cung cấp cho xây dựng cơ bản. Nhiều xí nghiệp đã sản xuất những mặt hàng mới từ nguồn vật tư tại địa phương, từ phế liệu, phế phẩm như: xí nghiệp cơ khí sản xuất xe đạp trẻ em, yên xe đạp, pê đan xe đạp, ghế ngồi... xí nghiệp giấy sản xuất bì các tông, tận dụng giấy rách đóng sổ công tác, tổ chức kẻ giấy viết cho học sinh...

Các lâm trường tận dụng gỗ sâu bệnh không đủ tiêu chuẩn giao nộp, gỗ tẩm thưa để sản xuất thêm bàn, ghế, giường, tủ bán cho nhân dân.

Sau khi bố trí lao động để sản xuất phần kế hoạch nhà nước giao và phần kế hoạch tự làm với số lao động còn dư thừa, giám đốc các xí nghiệp đã tổ chức sản xuất phụ để khai thác tiềm năng về đất đai, tận dụng nguồn phế thải để sản xuất thêm một số mặt hàng, tổ chức chế biến màu mỳ, làm dịch vụ, v.v..

Ví dụ: Ngành lâm nghiệp kết hợp sản xuất lâm nghiệp với nông nghiệp như tận dụng đất trồng rừng năm thứ nhất, năm thứ hai, khai phá trầm thụ sản xuất 600 tấn thóc, ngô, khoai, sắn, tận dụng đất

ven trồng sả, gừng xuất khẩu, trồng dược liệu, tận dụng đồng cỏ dưới tán rừng tổ chức chăn nuôi trâu, bò, dê, đắp khe suối thả cá, chăn nuôi lợn.

Xí nghiệp Đường rượu đưa lao động đi trồng mía, dự thu 400 tấn mía cây. Ngoài ra còn trồng dứa, trồng sắn làm nguyên liệu, tổ chức chăn nuôi.

Tình hình thực hiện kế hoạch ba phần trong 8 tháng đầu năm 1981 bước đầu đạt được một số kết quả.

Giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương thực hiện 14 triệu đồng bằng 56,7% so với kế hoạch năm, trong đó nhóm A thực hiện 8,58 triệu đồng đạt 52,5% kế hoạch; nhóm B thực hiện 5,42 triệu đồng đạt 61,5% kế hoạch. Nhìn chung các xí nghiệp đường rượu, thực hiện 105% kế hoạch nhà nước giao và bằng 125% so với 8 tháng năm 1980, bánh kẹo Lào Cai đạt 78% kế hoạch năm, bằng 208% so 8 tháng năm 1980.

Trong quá trình thực hiện Quyết định 25 về ba phần kế hoạch nổi lên ba vấn đề lớn sau đây:

- Kế hoạch ba phần nhằm phát huy vai trò chủ động của giám đốc xí nghiệp trong sản xuất, làm cho sản xuất bung ra, nhưng thực tế thì sản xuất chưa tăng. Cộng cả ba phần kế hoạch, giá trị tổng sản lượng mới xấp xỉ bằng năm 1980. Trong khi đó khả năng nguyên liệu địa phương phong phú, nhất là nguyên liệu nông, lâm sản, nguồn phế liệu phế phẩm trong nhân dân chưa được tổ chức khai thác. Nguyên nhân chủ yếu là tư tưởng ỷ lại trông chờ vào Nhà nước còn nặng nề ở các cấp, các ngành.

- Trách nhiệm cung ứng vật tư của ngành cung ứng chưa cao đã gây nhiều khó khăn cho sản xuất 8 tháng đầu năm 1981: than cung cấp được 37,3% kế hoạch, sút 25% kế hoạch, thép 59,3% kế hoạch, xăng 18% kế hoạch, phụ tùng 30% kế hoạch... điện bình quân một tháng mất 8-9 ngày.

Nguồn nguyên liệu khai thác địa phương có nhiều khả năng nhưng ở phân tán trên các địa bàn đồng thời có khó khăn về phương

tiện vận tải. Tiền mặt không đáp ứng được, nhất là vào thời vụ thu mua nên không có nguyên liệu dự trữ để sản xuất ổn định.

2. Thực hiện Quyết định 26 về khoán sản phẩm, hầu hết các công ty xây lắp, xí nghiệp công nghiệp các lâm trường, nông trường đều triển khai thực hiện và đã đạt một số kết quả bước đầu

Các xí nghiệp soát xét lại định mức tiêu hao vật tư, lao động, xây dựng đơn giá lương, đơn giá khoán, nội quy khoán, tổ chức học tập đến công nhân nội dung khoán và tiến hành khoán đến phân xưởng, đội sản xuất.

Hình thức khoán rất phong phú, trong xây dựng cơ bản khoán toàn bộ công trình, hạng mục công trình, từng công việc, trong nông lâm nghiệp khoán đến sản phẩm cuối cùng; trong công nghiệp khoán đến từng công đoạn sản xuất.

Hình thức khoán thực sự tác động kích thích lao động, tăng ngày công trong tháng, tăng giờ công tác nghiệp thực tế trong ngày, phát huy được nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật của đông đảo công nhân tham gia, tăng năng suất lao động, tiết kiệm vật tư, tăng cường trách nhiệm bảo quản thiết bị, phương tiện, tăng thu nhập và ổn định đời sống cao.

Song, do tình hình cung ứng nguyên liệu, nhiên liệu như trình bày trên, đã phá vỡ hầu hết các hình thức khoán, thậm chí nhiều công nhân việc làm không ổn định hoặc không có việc làm.

3. Thực hiện Quyết định 64 về giao nộp sản phẩm, quản lý tiền mặt, thu nộp ngân sách

Nhìn chung các xí nghiệp chấp hành tốt việc giao nộp sản phẩm cho các tổ chức thu mua của Nhà nước, một số xí nghiệp cần sản phẩm đã trao đổi với nhau lấy nguyên liệu, hương liệu (như xí nghiệp chè, đường rượu). Số sản phẩm đem trao đổi tỷ lệ 5-6% so với tổng số; không có hiện tượng đơn vị dùng sản phẩm đem bán cho công nhân, hoặc dùng làm phần thưởng.

Về quản lý tiền mặt: Các đơn vị dù ít hay nhiều đang có những vi phạm về chế độ quản lý tiền mặt, như để tồn quỹ vượt định mức, tạm chi tiền mặt, sử dụng tiền mặt không đúng mục đích, v.v..

Về tình hình thu nộp ngân sách: Hầu hết các xí nghiệp vi phạm chế độ thu nộp, nộp không thường xuyên, không đều đặn, nhiều xí nghiệp 8 tháng đầu năm chưa nộp ngân sách.

Nguyên nhân của những thiếu sót do:

- Tinh thần trách nhiệm của giám đốc đối với ngân sách Nhà nước chưa cao, kỷ luật chưa nghiêm.

- Do tình hình sản xuất có nhiều khó khăn.

- Tiền vốn lưu động định mức từ năm 1976 đến nay giá cả thay đổi nhiều nhưng chưa xác định lại, hầu hết các cơ sở thiếu vốn để dự trữ vật tư, phải chiếm dụng vốn ngân sách.

III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị các ngành cung ứng vật tư của Trung ương bảo đảm cung cấp đủ vật tư Nhà nước đã thông báo chỉ tiêu năm 1981 về từng quý, tháng cho địa phương, giải quyết điện cho địa phương bảo đảm sản xuất.

2. Kiến nghị Trung ương nên bố trí kế hoạch của các xí nghiệp quốc doanh gồm hai phần kế hoạch: Phần kế hoạch nhà nước giao và phần kế hoạch sản xuất phụ của đơn vị, vì để ba phần kế hoạch nhất là kế hoạch tự làm của xí nghiệp phát sinh nhiều mặt tiêu cực, gây rối trong quản lý kinh tế như:

- Giữa các xí nghiệp có sự xoay sở, móc ngoặc vật tư, kể cả vật tư Nhà nước thống nhất quản lý và phân phối, thậm chí có trường hợp tiếp tay cho bọn làm ăn phi pháp lấy cấp tài sản xã hội chủ nghĩa, tạo sơ hở để xảy ra một số trường hợp ăn tiền, biểu xén.

- Gây rối về mặt giá cả và hạch toán.

3. Về giá cả, nhất là giá bán phải được quy định và thông báo thực hiện đồng bộ, nếu không thì gây ứ đọng hàng hóa, tiền vốn,

ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất nhất là tiền lương của công nhân, viên chức.

Nghiên cứu điều chỉnh một số giá đối với những hàng không bán được như đồ nhôm, giấy, bút, mực cho các cháu học sinh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 363-QN/TU, ngày 4-9-1981

Về việc tách và nâng cấp tổ chức cơ sở đảng

- Xét đề nghị của Huyện ủy Bắc Hà ngày 15-6-1981 về việc tách các cơ sở đảng;

- Căn cứ vào Điều 11 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y cho tách Chi bộ cơ sở Ban Tổ chức Huyện ủy Bắc Hà gồm 26 đảng viên thành ba chi bộ cơ sở:

- Chi bộ Ban Tổ chức Huyện ủy Bắc Hà gồm 10 đơn vị.
- Chi bộ Ban Tuyên huấn Huyện ủy gồm 9 đơn vị.
- Chi bộ Ủy ban kiểm tra Huyện ủy gồm 7 đơn vị.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức cơ sở, căn cứ vào Điều 35, 36, 37 Chương V Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam để thực hiện.

Huyện ủy Bắc Hà có nhiệm vụ, chỉ đạo chặt chẽ và thực hiện đúng nguyên tắc đã quy định.

3. Huyện ủy Bắc Hà và các chi bộ có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 09-CT/TU, ngày 8-9-1981

Về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ đấu tranh chống tiêu cực

Thời gian qua, chấp hành Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu và Chỉ thị 81 của Ban Bí thư, việc đấu tranh chống tiêu cực hiện tượng tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội tại tỉnh ta đã có những kết quả bước đầu và sự chỉ đạo đã có tiến bộ hơn trước. Gần đây, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ra nhiều chỉ thị, nghị quyết về cải tiến công tác quản lý kinh tế và tiếp tục cải tiến phân phối, lưu thông cũng như xác định nhiệm vụ tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong năm 1981, nên một số nơi cấp ủy Đảng, thủ trưởng đã lãnh đạo chặt chẽ, kiên quyết đối với công tác này. Mặt khác, do tác động tích cực của tình hình chung nên có mặt tiêu cực đã giảm, có nơi được ngăn chặn và đẩy lùi. Những thực tế đó chứng tỏ việc chống các hiện tượng tiêu cực ở tỉnh ta dù còn rất khó khăn, phức tạp nhưng chúng ta nhất định khắc phục được.

Song, nhìn chung trong toàn tỉnh thì kết quả chống các hiện tượng tiêu cực còn thấp và chưa đều, nơi làm tốt còn ít. Hiện nay có những mặt và những vụ việc xảy ra còn phổ biến và nghiêm trọng. Tài sản, hàng hóa bị lấy cắp, mất mát nhiều, nhất là ở các ngành kinh tế lớn (như thương nghiệp, lương thực, giao thông vận tải, công nghiệp, v.v.). Tệ hối lộ vẫn xảy ra ở nhiều ngành, nhiều cấp dưới, nhiều hình

thức tinh vi và trắng trợn. Tệ ức hiếp quần chúng nhất là ở cơ sở vẫn diễn ra nặng nề, có nơi rất nghiêm trọng. Những tệ nạn tiêu cực đó đang gây ra những tác hại không nhỏ đến tình hình kinh tế và xã hội, làm xói mòn lòng tin của quần chúng đối với Đảng và Nhà nước. Công tác chống địch phá hoại kinh tế nhất là ở vùng biên giới còn rất yếu. Việc chống bọn làm ăn phi pháp, bọn đầu cơ buôn lậu còn thiếu kiên quyết, thiếu biện pháp toàn diện, nhất là ở các địa bàn trọng điểm.

Việc chống các hiện tượng tiêu cực chuyển biến chậm, chủ yếu là do nhận thức về vị trí, ý nghĩa chính trị của công tác này của cấp ủy Đảng, thủ trưởng các ngành trong tỉnh chưa sâu sắc, nên sự lãnh đạo, chỉ đạo thiếu liên tục, thiếu khắt khe và chưa có quyết tâm cao. Đặc biệt, nhiều đồng chí thủ trưởng các ngành, các cơ quan quản lý vật tư, tài sản của Nhà nước chưa thấy rõ trách nhiệm và không trực tiếp chỉ đạo việc đấu tranh mà còn tránh đi, lùng chùng, đùn đẩy, trông chờ. Các đoàn thể quần chúng chưa thực hiện tốt các nhiệm vụ động viên và tổ chức quần chúng thành một phong trào đấu tranh mạnh mẽ ngay ở các đơn vị cơ sở.

Để nghiêm chỉnh chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về nhiệm vụ đấu tranh khắc phục các hiện tượng tiêu cực tại tỉnh ta, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghe Ban 79 tỉnh báo cáo tình hình công tác chống tiêu cực trong thời gian qua và cho ý kiến bổ khuyết. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ thị nhấn mạnh một số vấn đề để các ngành, các cấp thi hành.

1. Các Huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc, các ban, các ngành, cán sự Đảng đoàn, các đoàn thể và trong quân đội, công an của tỉnh phải tổ chức học tập các Chỉ thị 81, 108, 111 của Ban Bí thư và kế hoạch thực hiện của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để có nhận thức đúng đắn, sâu sắc quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ, đấu tranh chống tiêu cực. Trên cơ sở nâng cao nhận thức mà liên hệ kiểm điểm trong tập thể lãnh đạo từ trong nội bộ Đảng ra ngoài quần chúng đích thân đồng chí lãnh đạo, thủ trưởng phải trực tiếp chịu trách nhiệm việc kiểm điểm và chỉ đạo thực hiện nhiệm

vụ đấu tranh chống tiêu cực tại địa phương, đơn vị mình. Qua kiểm điểm, các cấp ủy, các thủ trưởng các ngành, các cơ quan, các cấp phải kiên quyết chỉ đạo thực hiện tốt từ trong tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, cơ sở tập thể, chống địch phá hoại và chống tiêu cực ngoài xã hội. Trước mắt cần xem xét ngay những vụ việc tồn đọng mà đề ra chủ trương, biện pháp giải quyết, xử lý ngay.

2. Phải có biện pháp chỉ đạo toàn diện, gắn chặt việc đấu tranh chống tiêu cực với việc thực hiện các cuộc vận động, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước mới ban hành, nhất là thực hiện tốt Chỉ thị 100 của Ban Bí thư và Chỉ thị 109 của Bộ Chính trị với các nhiệm vụ, biện pháp của công tác xây dựng Đảng để tạo cho được một sự chuyển biến cơ bản trong năm 1981.

3. Rà soát lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo của các ngành, các huyện, thị xã trong tỉnh, nếu người nào vi phạm vào các tệ nạn tiêu cực, cần phải thẩm tra, xác minh, kết luận và có biện pháp xử lý để phục vụ cho đợt giáo dục nâng cao phẩm chất, đạo đức của người cộng sản, thiết thực chuẩn bị cho Đại hội Đảng đợt 1 của các cấp trong tỉnh sắp tới.

4. Kiện toàn ngay Ban 79 của các ngành, các địa phương như Chỉ thị 108 của Ban Bí thư đã quy định. Trước hết cần soát xét xem các thành viên trong Ban (kể cả trưởng, phó ban) thời gian qua và những năm trước đây có vi phạm vào những tệ nạn tiêu cực mà đã qua thẩm tra, xác minh, kết luận thấy không đủ tiêu chuẩn là thành viên Ban 79 của đơn vị mình nữa thì tập thể lãnh đạo ở đó phải bàn bạc và kiên quyết cử người đủ tiêu chuẩn thay thế rồi báo cáo lên Ban 79 tỉnh để báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy duyệt.

Đi đôi với việc kiện toàn Ban 79 cần đẩy mạnh sự hoạt động của Ban này. Mỗi ngành, mỗi huyện, thị xã phải trưng tập từ 3 đến 5 cán bộ có năng lực để giúp việc Ban chỉ đạo 79 của đơn vị.

5. Để tăng cường sự lãnh đạo đối với việc thực hiện nhiệm vụ đấu tranh chống tiêu cực, từ nay trở đi cứ hàng tháng thường trực đảng ủy, trưởng ban cán sự, đảng đoàn và 3 tháng 1 lần ban thường vụ huyện, thị ủy, v.v. tập thể ban cán sự, đảng đoàn phải nghe Ban 79 báo cáo

và cho ý kiến chỉ đạo về công tác chống tiêu cực tại địa phương, đơn vị mình, đồng thời gửi báo cáo lên Ban 79 tỉnh.

Nhận được Chỉ thị này yêu cầu các cấp, các ngành trong tỉnh tổ chức thực hiện thật nghiêm túc và báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 85-TB/TU, ngày 8-9-1981

**Về việc xét duyệt và đề nghị thưởng Huân chương
Lao động hạng Ba cho những đơn vị và cá nhân
thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn, đã có thành tích xuất sắc
trong năm 1980**

Ngày 8-9-1981, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn gồm có 9 đồng chí, đã nghe Ban Thi đua - khen thưởng tỉnh báo cáo thành tích phấn đấu thực hiện nhiệm vụ kế hoạch nhà nước và các nhiệm vụ công tác khác của các đơn vị và cá nhân thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn trong năm 1980.

Xét quá trình nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi khó khăn thiếu thốn, lập được những thành tích xuất sắc của cán bộ, công nhân, viên chức và nhân dân từng địa phương, đơn vị trong tỉnh; để động viên và cổ vũ tinh thần hăng hái thi đua xã hội chủ nghĩa trong thời gian tới, tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn nhất trí đề nghị lên Hội đồng Nhà nước xét tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba cho: 13 đơn vị, địa phương và 1 cá nhân đã có nhiều thành tích xuất sắc trong năm 1980, gồm:

A. Về đơn vị:

1. Cán bộ công nhân, viên chức Nhà máy cơ khí Nghĩa Lộ.
2. Cán bộ công nhân, viên chức Xí nghiệp chè Nghĩa Lộ.
3. Cán bộ và xã viên Hợp tác xã Thủy tinh Yên Bái.

4. Nhân dân và cán bộ huyện Văn Bàn.
5. Nhân dân và cán bộ huyện Văn Chấn.
6. Nhân dân và cán bộ huyện Trấn Yên (thành tích làm giao thông nông thôn).
7. Nhân dân và cán bộ huyện Văn Yên (thành tích làm thủy lợi).
8. Cán bộ và xã viên Hợp tác xã Bảo Đáp, huyện Trấn Yên (thành tích làm thủy lợi).
9. Cán bộ công nhân, viên chức Lâm trường Lục Yên.
10. Cán bộ công nhân, viên chức Xí nghiệp lâm sản Yên Bái.
11. Cán bộ và xã viên Hợp tác xã mua bán xã An Thịnh, huyện Văn Yên.
12. Cán bộ công nhân, viên chức Công ty Cầu đường 3 thuộc Ty Giao thông vận tải.
13. Cán bộ và xã viên Hợp tác xã Suô Chuô, huyện Sa Pa.

B. Về cá nhân:

1. Đồng chí Bàn Phúc Lâm, Chủ nhiệm Hợp tác xã mua bán xã Nậm Mười, huyện Văn Chấn.

Ngoài ra, còn một số đơn vị và cá nhân do Ban Thi đua nêu ra, Ban Thường vụ yêu cầu Ban Thi đua cho thẩm tra thêm. Đặc biệt đối với các cá nhân cần lấy ý kiến của tập thể đảng viên và quần chúng ở cơ sở, sau đó báo cáo lại Thường vụ để xét duyệt.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 10-TT/TU, ngày 10-9-1981

Về việc lãnh đạo cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn

Thi hành Chỉ thị số 114-CT/TW, ngày 31-7-1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Quyết định số 1-HĐBT, ngày 13-7-1981 của Hội đồng Bộ trưởng về việc lãnh đạo cuộc bầu cử và thời gian bầu cử, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố trực thuộc tỉnh, thị xã, xã, phường và thị trấn, Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định tiến hành cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã và tương đương toàn tỉnh vào ngày 22-11-1981.

Cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã và tương đương lần này là tiếp tục hoàn thành việc củng cố và kiện toàn các cấp chính quyền trong hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước ta theo Hiến pháp mới. Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy Đảng phát huy những ưu điểm trong chỉ đạo cuộc bầu cử Quốc hội khóa VII và Hội đồng nhân dân tỉnh khóa III vừa qua khắc phục những nhược điểm, khuyết điểm, nghiên cứu, vận dụng và thi hành các văn bản của Trung ương, của tỉnh về nhiệm vụ, thể lệ, phương pháp tiến hành cuộc bầu cử lần này, cần thực hiện tốt một số vấn đề sau đây:

1. Thành lập sớm Ban chỉ đạo bầu cử (có từ 5 đến 9 đồng chí) để lãnh đạo việc bầu cử đạt kết quả tốt theo yêu cầu chỉ thị của Trung ương.

2. Lãnh đạo tổ chức việc kiểm điểm hết nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân hai cấp, huyện và xã theo Thông tư 19-TTg, ngày 22-1-1981 của Thủ Thủ tướng quy định. Ban Tổ chức chính quyền đã có đề cương hướng dẫn nội dung kiểm điểm cụ thể, các cấp ủy Đảng chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc kiểm điểm này nhằm đạt yêu cầu thiết thực, tránh tổ chức sơ sài, hình thức, kiểm điểm qua loa, hạn chế việc góp ý kiến xây dựng của cử tri đối với các cấp chính quyền và đối với từng đại biểu.

3. Về nhân sự Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân hai cấp cần lãnh đạo về tiêu chuẩn thành phần và cơ cấu tỷ lệ theo Chỉ thị 114-CT/TW, ngày 31-7-1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng quy định. Cụ thể vận dụng thực hiện theo hướng chỉ đạo như sau:

- Cấp huyện, thị xã đại biểu nữ chiếm từ 25% đến 30%, đại biểu tuổi trẻ (từ 21 đến 35 tuổi) từ 25% đến 35%, đại biểu là đảng viên không quá 60%, trực tiếp sản xuất khoảng 50%.

- Cấp xã, phường, thị trấn, đại biểu nữ chiếm 25 đến 30%, đại biểu tuổi trẻ từ 25 đến 40%, đại biểu là đảng viên không quá 60%.

Quá trình tiến hành công tác chuẩn bị nhân sự cần nghiên cứu vận dụng trong cấu tạo Ủy ban nhân dân huyện, thị xã theo quy định kèm theo Quyết định số 139-CP, ngày 14-6-1981, Quyết định số 152-CP ngày 9-4-1981 và Quyết định số 202-CP, ngày 26-5-1981 của Hội đồng Chính phủ.

Về số lượng thành viên Ủy ban nhân dân các cấp vẫn thi hành theo Thông tư số 33-TT/TU, ngày 10-2-1979 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Việc bố trí nhân sự Ủy ban nhân dân các cấp kỳ này phải phù hợp với nhân sự, cấp ủy các cấp trong nhiệm kỳ đại hội sắp tới, vì vậy yêu cầu phải có sự bố trí thật chu đáo, cố gắng cân nhắc kỹ lưỡng để sắp xếp cán bộ theo chức năng và yêu cầu của nhiệm vụ, bảo đảm cho Ủy ban nhân dân hoạt động liên tục đều tay, hết nhiệm kỳ, tránh sự thay đổi nhiều đối với các thành viên, ảnh hưởng đến sự chỉ đạo nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân các cấp.

4. Tổ chức việc học tập, lựa chọn, giới thiệu người ra ứng của Hội đồng nhân dân hai cấp. Thông tư số 1-CT, ngày 13-7-1981 của Hội

đồng Bộ trưởng và Văn bản số 262-TCCP, ngày 27-7-1981 của Ban Tổ chức của Chính phủ đã nêu rõ kế hoạch và phương pháp tiến hành các cấp ủy Đảng cần tạo điều kiện cho Ủy ban Mặt trận và các đoàn thể có sự phối hợp chặt chẽ của Ủy ban nhân dân các cấp làm tốt công tác bầu cử lần này. Có kế hoạch chỉ đạo chặt chẽ việc học tập, mạn đàm cân nhắc tiêu chuẩn đại biểu, yêu cầu về thành phần, cơ cấu để giới thiệu người ra ứng cử Hội đồng nhân dân hai cấp, bảo đảm quyền thực hiện sự dân chủ, tự giác lựa chọn, thỏa đáng của cử tri, không gò ép những người mà quần chúng cử tri không tín nhiệm. Tổ chức các hội nghị hiệp thương ở cả hai cấp đạt yêu cầu tốt và bảo đảm thời điểm quy định.

5. Lãnh đạo, chỉ đạo tốt công tác giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội và an toàn trong cuộc bầu cử, đặc biệt coi trọng việc chỉ đạo đối với các xã giáp biên, thuộc các huyện, thị tuyến 1.

6. Các cấp ủy Đảng phải có kế hoạch lãnh đạo chặt chẽ bảo đảm cuộc bầu cử đạt kết quả tốt và hoàn thành mọi công tác trung tâm của địa phương. Các ngành Công an, Quân sự, Ủy ban Kế hoạch, Sở Tài chính - vật giá, Ty Thương nghiệp, Công ty Lương thực, Ty Văn hóa thông tin, các cơ quan báo, Đài phát thanh, Bưu điện,... có kế hoạch phục vụ cuộc bầu cử theo chức năng của ngành. Giải quyết những yêu cầu cần thiết cho các địa phương theo chính sách chế độ và quy định của Nhà nước nhưng hết sức tiết kiệm, bảo đảm cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp tiến hành thuận lợi.

Nhận được Thông tri này, các cấp ủy cần nghiên cứu chỉ đạo cuộc bầu cử ở địa phương đạt kết quả tốt.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 372-QN/TU, ngày 11-9-1981

Thành lập Ban chỉ đạo bầu cử Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã và tương đương của Tỉnh ủy

- Căn cứ Chỉ thị 114-CT/TW, ngày 31-7-1981 về việc lãnh đạo cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã và tương đương của Ban Bí thư Trung ương Đảng;

- Căn cứ yêu cầu lãnh đạo và chỉ đạo công tác bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân hai cấp huyện, xã và tương đương thuộc tỉnh,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Thành lập Ban Chỉ đạo bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã và tương đương của Tỉnh ủy.

2. Chỉ định và phân công các đồng chí có tên sau đây trong Ban chỉ đạo bầu cử:

- Đồng chí Hà Thiết Hùng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban.

- Đồng chí Lương Quyết Định, Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh làm Phó Trưởng ban.

- Đồng chí Giàng A Páo, Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy làm Phó Trưởng ban.

- Đồng chí Hà Đình Khiêm, Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy làm Phó Trưởng ban.

- Đồng chí Kiều Đức Hạnh, Trưởng ban Tổ chức chính quyền tỉnh làm Ủy viên thường trực.

- Đồng chí Nông Thị Kim Hồng, Tỉnh ủy viên dự khuyết, thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh làm Ủy viên.

- Đồng chí Vũ Sửu, Tỉnh ủy viên, Bí thư Tỉnh Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm Ủy viên.

- Đồng chí Vi Thị Hoá, Tỉnh ủy viên, Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh làm Ủy viên.

- Đồng chí Nguyễn Ngọc Bích, Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy làm Ủy viên.

- Đồng chí Vũ Văn Thụ, Tổng Biên tập báo *Hoàng Liên Sơn* làm Ủy viên.

- Đồng chí Chế Huy Đồng, Phó Giám đốc Đài phát thanh Hoàng Liên Sơn làm Ủy viên.

- Đồng chí Trần Nam, Trưởng Ty Văn hóa - thông tin làm Ủy viên.

- Đồng chí Nguyễn Quang Khải, Phó Trưởng ban Tổ chức chính quyền làm Ủy viên.

3. Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo bầu cử là bảo đảm lãnh đạo thực hiện theo tinh thần và nội dung Chỉ thị 114-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

4. Đảng đoàn Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền và các đồng chí có tên trên đây căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 35-TT/TU, ngày 15-9-1981

Về việc kiện toàn bộ máy dân vận ở các huyện, thị ủy và cơ sở

Căn cứ vào các Quyết định 93, 38 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc thành lập Ban Dân vận - dân tộc cấp tỉnh, thành và Quyết định 242 của Tỉnh ủy hợp nhất Ban Dân vận - dân tộc lấy tên là Ban Dân vận là một cơ quan chuyên môn đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy. Để tăng cường hơn nữa công tác dân vận, dân tộc trong tỉnh đáp ứng với yêu cầu của tình hình nhiệm vụ mới trong giai đoạn cách mạng hiện nay, đưa công tác này đi vào nền nếp bảo đảm cho hoạt động của công tác dân vận, dân tộc từ tỉnh đến cơ sở được thực hiện tốt, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông tri hướng dẫn về nhiệm vụ và bộ máy tổ chức công tác dân vận, dân tộc ở các huyện, thị ủy và cơ sở như sau:

I. VỀ NHIỆM VỤ

a) Căn cứ vào chỉ thị, nghị quyết của cấp trên về công tác dân vận và dân tộc. Huyện, thị ủy cần đề ra chỉ thị, nghị quyết và đề án công tác dân vận, dân tộc sát hợp với địa phương, chỉ đạo các đoàn thể, quần chúng nghiên cứu, vận dụng và tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy và huyện, thị ủy, hướng dẫn của Ban Dân vận

các đoàn thể quần chúng trên tỉnh về công tác dân vận và dân tộc ở địa phương. Cùng với Ban Dân vận Tỉnh ủy nghiên cứu, tổng kết các chuyên đề khi có chủ trương của Tỉnh ủy.

b) Quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy và công tác dân vận, dân tộc cho cấp ủy xã, các ban, ngành trực thuộc; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cấp ủy Đảng, các ban, ngành, đoàn thể trong việc thi hành các chỉ thị, nghị quyết đó. Trước mắt cần đẩy mạnh các mặt công tác thu mua và sản xuất đông - xuân năm 1981-1982, công tác an ninh quân sự.

c) Phát huy quyền làm chủ tập thể quần chúng tham gia kiểm tra hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, cơ quan, đoàn thể, Mặt trận và nắm tình hình cán bộ, đảng viên thuộc các đảng bộ đó trong việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phản ánh với cấp ủy theo tinh thần Quyết định 14 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

d) Có quy hoạch cán bộ lâu dài về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong các đoàn thể thuộc khối dân vận từ huyện, đến xã (kể cả các đoàn thể) trực tiếp quản lý các đoàn thể quần chúng theo quy định phân cấp của Đảng.

II. VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ, TRÁCH NHIỆM CỦA CẤP ỦY HUYỆN, THỊ VÀ CƠ SỞ

1. Ở cấp huyện, thị: Nói chung sẽ không thành lập Ban Dân vận, toàn bộ công tác dân vận, dân tộc do huyện, thị ủy chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy. Vì vậy, để giúp huyện, thị ủy thực hiện tốt những nhiệm vụ đã quy định trên đây, các huyện, thị ủy phải cử đồng chí phó bí thư thường trực thay mặt cấp ủy theo dõi và chỉ đạo toàn bộ công tác dân vận và dân tộc ở địa phương, nơi nào chưa có phó bí thư thường trực thì cử đồng chí ủy viên thường vụ, thường trực phụ trách.

- Để giúp đồng chí phó bí thư thường trực về công tác dân vận và dân tộc ở địa phương, mỗi nơi cần lựa chọn 2 cán bộ có phẩm chất tốt, có năng lực nghiên cứu, tổng hợp để giúp huyện, thị ủy tổng hợp, nghiên cứu và đề xuất với cấp ủy những vấn đề thuộc về công tác dân vận, dân tộc nhưng cần phân công cụ thể cho từng người chuyên sâu vào các mặt công tác như ở các huyện, thị vùng cao biên giới thì nên phân công một người chuyên sâu vào công tác dân tộc, một người phụ trách công tác dân vận kiêm công tác tôn giáo và người Hoa. Đối với các huyện, thị khác nên phân công một người chuyên sâu về công tác dân vận, một người đi sâu vào công tác dân tộc, tôn giáo và người Hoa.

2. Về chỉ tiêu biên chế: Số cán bộ theo quy định trên sẽ lấy trong chỉ tiêu biên chế thuộc Khối Đảng và sinh hoạt trong văn phòng của Huyện ủy.

3. Về trách nhiệm và mối quan hệ công tác

- Đồng chí phó bí thư thường trực là người chịu trách nhiệm trước huyện, thị ủy về công tác dân vận, dân tộc ở địa phương nên có trách nhiệm và quyền hạn theo dõi, kiểm tra, nhận xét việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy trực thuộc và các ban, đảng đoàn các đoàn thể... về công tác dân vận, dân tộc ở địa phương.

- Có trách nhiệm lãnh đạo và chỉ đạo mọi mặt đối với các đoàn thể quần chúng, tham dự các kỳ sinh hoạt với các đảng đoàn, ban chấp hành các đoàn thể, các đảng bộ cơ sở về công tác dân vận và dân tộc, kể cả việc chỉ đạo điểm thực hiện các chuyên đề và công tác đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ. Đối với các cán bộ giúp việc đồng chí phó bí thư được ủy nhiệm đều được dự họp để giúp cấp ủy hoàn thành nhiệm vụ.

4. Đối với cấp xã: Các đồng chí bí thư đảng ủy, bí thư chi bộ trực tiếp chỉ đạo công tác dân vận và dân tộc ở địa phương và chịu trách nhiệm trước Huyện ủy về công tác dân vận và dân tộc. Quyền hạn và nhiệm vụ như những nhiệm vụ đã quy định ở cấp huyện.

Nhận được Thông tri này, Tỉnh ủy yêu cầu các huyện, thị ủy cần có phương án tổ chức để kiện toàn hệ thống tổ chức công tác dân vận theo đúng quy định trên đây và báo cáo kết quả lên Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 390-QN/TU, ngày 19-9-1981

Về việc thành lập Ban chỉ đạo “Xây dựng cấp huyện thành pháo đài vững mạnh” đợt 2

- Căn cứ vào nghị quyết Trung ương và nghị quyết Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc “Xây dựng cấp huyện thành pháo đài vững mạnh” đợt 2;

- Xét nhu cầu công tác và khả năng cán bộ,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Nay thành lập Ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ “Xây dựng cấp huyện thành pháo đài vững mạnh” đợt 2 của tỉnh Hoàng Liên Sơn gồm các đồng chí có tên sau đây:

1- Đồng chí Tráng A Pao, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban.

2- Đồng chí Hùng Tân, Đại tá Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh làm Phó ban thường trực.

3- Đồng chí Phạm Kham, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh Hoàng Liên Sơn làm Phó ban.

4- Đồng chí Đặng Khuê, Phó ban Tổ chức Tỉnh ủy làm Ủy viên ban.

5- Đồng chí Tống Chu, Chỉ huy phó Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh làm Ủy viên ban.

6- Đồng chí Giàng Seo Dín, Phó Giám đốc Công an tỉnh làm Ủy viên ban.

7- Đồng chí Lý Hán Sinh, Phó ban Tuyên giáo Tỉnh ủy làm Ủy viên ban.

8- Đồng chí Trần Văn Sầu, Phó ban Dân vận Tỉnh ủy làm Ủy viên ban.

9- Đồng chí Hoàng Ngọc Lâm, Phó Giám đốc Sở Tài chính - vật giá tỉnh làm Ủy viên ban.

10- Đồng chí Phan Thiện, Phó Văn phòng Tỉnh ủy làm Ủy viên ban.

2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công và giao nhiệm vụ cho 3 đồng chí Tráng A Pao, Phạm Kham, Hùng Tân có trách nhiệm trực tiếp chủ trì mọi việc của Ban chỉ đạo.

Các đồng chí tham gia Ban chỉ đạo nói trên bàn giao công tác của mình đang phụ trách cho đồng chí khác hoặc chỉ đảm nhiệm một phần nhiệm vụ nhất định, còn để tuyệt đại bộ phận thời gian hoạt động cho Ban chỉ đạo, khi xong nhiệm vụ trở lại cơ quan tiếp tục công tác như cũ.

1- Ban chỉ đạo “Xây dựng cấp huyện thành pháo đài vững mạnh” là một tổ chức giúp việc chỉ đạo cụ thể của cấp ủy, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, có chức năng vừa nghiên cứu tổng hợp đề xuất, đồng thời vừa chỉ đạo cụ thể cuộc vận động “Xây dựng cấp huyện thành pháo đài vững mạnh” theo tinh thần nghị quyết của Trung ương và nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2- Ban chỉ đạo và các huyện, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc cần có kế hoạch phối kết hợp chặt chẽ và cùng có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện cuộc vận động này ở đơn vị mình.

3- Ban chỉ đạo có trách nhiệm phân phối số cán bộ trưng tập, giao cho các huyện, thị ủy quản lý trực tiếp chỉ đạo công tác số cán bộ nói trên.

4- Thực hiện nhiệm vụ “Xây dựng cấp huyện thành pháo đài vững mạnh” đợt 2 này do các huyện, thị ủy trực tiếp chỉ đạo thực hiện ở đơn vị mình theo nghị quyết và kế hoạch của Tỉnh ủy quy định. Riêng cụm

Võ Lao huyện Văn Bàn do Ban chỉ đạo cùng Huyện ủy Văn Bàn trực tiếp chỉ đạo thực hiện.

3. Ban Chỉ đạo “Xây dựng cấp huyện thành pháo đài vững mạnh”, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Ban cán sự Đảng ủy Ty Công an và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 392-QN/TU, ngày 22-9-1981

Về việc phân công Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Trưởng ban Tổ chức

- Căn cứ yêu cầu công tác tổ chức xây dựng Đảng và công tác cán bộ;
- Căn cứ sự nhất trí của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 24-8-1981;
- Căn cứ sự đồng ý của Ban Tổ chức Trung ương Đảng và Quân ủy Trung ương,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Phân công đồng chí Lê Khay, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đại tá, Chính ủy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh chuyển hẳn sang trực tiếp làm Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn.
2. Mọi chế độ, tiêu chuẩn, chính sách của quân đội đối với đồng chí Lê Khay vẫn giữ nguyên; Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ, đều đặn theo đúng quy định của Bộ Quốc phòng và Bộ Tư lệnh quân khu II.

3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và đồng chí Lê Khay thi hành Quyết nghị này kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA TỈNH ỦY

Số 24-BC/TU, ngày 29-9-1981

Tình hình thực hiện Chỉ thị 112 của Ban Bí thư Trung ương Đảng

Thi hành điện của Văn phòng Trung ương về việc yêu cầu các báo cáo việc thực hiện Chỉ thị số 112 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xin sơ bộ báo cáo như sau:

Thực hiện các nghị quyết, chỉ thị cũng như tinh thần nội dung hội nghị 6 tỉnh miền núi biên giới phía Bắc và gần đây là Chỉ thị 112 của Trung ương, liên tục trong mấy năm qua, Tỉnh ủy đã tập trung sức chỉ đạo củng cố vùng biên giới về mọi mặt. Trong 2 năm (1980-1981), Tỉnh ủy đã tiến hành nhiều đợt vận động, đặc biệt đã trực tiếp chỉ đạo hai cuộc vận động “Bảo vệ an ninh Tổ quốc” và “Xây dựng huyện, thị thành pháo đài vững mạnh”, tập trung chủ yếu ở các huyện, xã vùng biên giới. Đến nay cuộc vận động “Bảo vệ an ninh Tổ quốc” đã tổng kết trong phạm vi toàn tỉnh, cuộc vận động xây dựng pháo đài vững mạnh đã tổng kết đợt 1 và đang triển khai đợt 2 mà nội dung cơ bản như tinh thần Chỉ thị 112 của Trung ương. Tình hình và kết quả cụ thể như sau:

1. Về củng cố cơ sở vùng biên giới

Từ đầu năm 1980, cuộc vận động “Bảo vệ an ninh Tổ quốc” được tập trung trước hết và chủ yếu là ở các huyện, xã biên giới. Tháng

4-1981, tỉnh lại mở cuộc vận động xây dựng huyện, thị thành pháo đài vững mạnh, với nội dung tương đối toàn diện, cũng tập trung trước hết ở các huyện, thị xã và cơ sở vùng biên giới. Qua đó, đã thiết thực tăng cường củng cố vùng biên giới về mọi mặt, nhất là về củng cố cơ sở đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng, lực lượng dân quân, lực lượng công an vững mạnh về mọi mặt.

Các đợt vận động “Bảo vệ an ninh Tổ quốc” đã tập trung 2.136 cán bộ tỉnh, huyện xuống cơ sở để tiến hành. Đợt 1 xây dựng huyện, thị thành pháo đài vững mạnh, tỉnh lại tập trung 865 cán bộ (có 27 đồng chí trưởng, phó ngành cấp tỉnh, 30 đồng chí các huyện, thị phía sau) và 76 cán bộ quân sự của quân khu tăng cường còn lại là cán bộ của huyện xuống trực tiếp công tác ở cơ sở.

Đợt vận động “Xây dựng huyện, thị thành pháo đài vững mạnh” vừa qua đã tiến hành tập trung ở 39 xã thuộc 5 huyện, thị xã biên giới (trong đó có 22 xã giáp biên), khu vực Mỏ apatit và các đơn vị vũ trang, đóng quân trên địa bàn này. Kết quả đã đạt được như sau:

a) Về mặt tư tưởng

Bằng các hình thức giáo dục, phát động phong phú (học tập, trao đổi, (...), tọa đàm ở tỉnh, huyện, xã, tham quan, giáo dục phát động cá biệt...) đã vạch rõ hơn bộ mặt kẻ thù của Việt Nam, của đồng bào các dân tộc là bọn phản động (...), khắc sâu thêm lòng căm thù địch, củng cố lòng tin, tăng cường đoàn kết, nêu cao cảnh giác và ý chí quyết chiến, quyết thắng. Do có nhiều hình thức sát hợp và chú ý đi vào chiều sâu, nên tạo được chuyển biến về tư tưởng rất sâu sắc và cụ thể trong nhân dân các dân tộc vùng biên giới.

b) Từng huyện, thị đã từng thời gian qua thực tế, rà xét lại phương án tác chiến, an ninh và đã được bổ sung hoàn thiện thêm một bước. Từng xã đã lên được phương án tác chiến, an ninh, bố trí dân cư, sản xuất sát hơn cụ thể hơn, thể hiện tốt sự kết hợp giữa kinh tế với quốc phòng, an ninh. Từ đó, lực lượng vũ trang đã được bố trí theo phương án mới. Các đối tượng chính trị và hình sự được rà xét lại từng người, từng bước xác minh nắm chắc hơn, có đối sách cụ thể với từng tên

trong từng tình huống. Đã xác định được địa điểm để xây dựng và tổ chức lại các làng bản và hợp tác xã ở ven biên giới. Có một số nơi đã cắm đất ở cho từng nhà, giao ruộng từng cánh đồng cho từng hợp tác xã và từng đội sản xuất, bảo đảm vừa sản xuất, vừa tránh địch tốt hơn. Các làng bản đều bố trí theo quy hoạch là 1.000 m đến 1.500 m, nơi gần nhất cách đường biên 800 m, nhưng có địa hình che chắn tốt. Có 1.500 hộ (khoảng 2 vạn khẩu) được bố trí lại chỗ ở, chủ yếu là xê dịch địa điểm, chỉ có 76 hộ phải chuyển vào phía trong của huyện đó. Trên cơ sở bố trí này đã tạo thế đi vào ổn định dân cư, sản xuất và ổn định đời sống. Nhân dân các dân tộc rất phấn khởi thực hiện chủ trương cư trú tại chỗ và đang cố gắng thực hiện theo quy hoạch đã định.

c) Đã tập trung lựa chọn cán bộ, kiện toàn cấp ủy, chính quyền cấp xã và lựa chọn, rà xét, kiện toàn đội ngũ cán bộ chủ chốt xã, nhất là 12 biên chế chuyên trách xã, đồng thời đã xây dựng tổ chức mỗi xã giáp biên 1 trung đội dân quân và 7 công an tập trung. Các xã giáp biên không có chiều sâu, tỉnh đã đề nghị và được Chính phủ xét duyệt, cũng đã tiến hành sáp nhập trong dịp này (nhập 22 xã thành 11 xã), kiện toàn cấp ủy, Ủy ban nhân dân theo đúng thủ tục quy định. Trong 25 xã biên giới đã lựa chọn, xét duyệt và quyết định 289 đồng chí cán bộ chủ chốt hưởng lương chuyên trách kể từ tháng 7-1981. Số cán bộ này do được bồi dưỡng về nhận thức và nhiệm vụ, được dân tín nhiệm, nên rất phấn khởi thực hiện nhiệm vụ được giao.

Về dân quân, đã lựa chọn và quyết định mỗi xã 1 trung đội thường trực, tổng số 780 người hưởng chế độ theo quy định. Trong đó, đảng viên chiếm 1,2%, đoàn viên chiếm 28,5%, tuổi từ 18 đến 25 chiếm 74%. Để bảo đảm chỉ huy chiến đấu tốt, tỉnh đã biệt phái xuống mỗi xã giáp biên 2 sĩ quan, 1 đồng chí làm xã đội phó, 1 đồng chí trực tiếp làm trung đội trưởng dân quân tập trung. Các đơn vị này đều ăn ở tập trung, có nhà cửa, có trại tăng gia, kết hợp với lực lượng biên phòng vừa làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, tuần tra ven biên, vừa sản xuất cải thiện đời sống. Hiện nay công tác huấn luyện đang được triển khai để bảo đảm sẵn sàng chiến đấu tốt.

Về công an, đã lựa chọn và quyết định hưởng chế độ cho 174 đồng chí (thuộc 25 xã biên giới) và đã tổ chức huấn luyện thực hiện chức trách nhiệm vụ, được đi tham quan Hà Nội, Hải Phòng. Anh em tỏ ra rất hăng hái, phấn khởi.

Ngoài việc củng cố lực lượng cán bộ cốt cán, dân quân và công an các cơ sở còn kết nạp thêm được một số đảng viên mới và lựa chọn được hàng trăm đối tượng để bồi dưỡng thành đối tượng kết nạp vào Đảng.

Tuy nhiên, kết quả đó cũng mới là bước đầu, những tiến bộ mới trong quá trình phấn đấu xây dựng cơ sở vững mạnh. Thực tế đang còn những mặt yếu như: trình độ cán bộ, đảng viên, dân quân, công an nói chung còn thấp, chưa được bồi dưỡng huấn luyện. Một số cán bộ chủ chốt tuy đáng tin cậy về chính trị, song đã nhiều tuổi, sức yếu, lực lượng trẻ rất hạn chế, nguồn cán bộ rất khó khăn. Trong khi đó đội ngũ cán bộ tăng cường của Trung ương và tỉnh cử xuống xã, nay đã được 3 năm, hầu hết không yên tâm ổn định công tác, đang xin chuyển về cơ quan cũ; Tỉnh ủy đã có chủ trương cố gắng ổn định phần lớn số cán bộ tăng cường cơ sở.

2. Về bảo vệ an ninh và chiến đấu

Phong trào “Bảo vệ an ninh Tổ quốc” trong tỉnh nói chung và ở các xã biên giới nói riêng đã được chỉ đạo phát động theo tinh thần Chỉ thị 92 của Trung ương và đã tổng kết. Qua cuộc vận động này đã tạo điều kiện đi sâu phát động quần chúng, phát hiện đối tượng và sản xuất, ổn định đời sống đã thu được kết quả tốt. Tiếp đến đợt 1 vận động xây dựng huyện, thị thành pháo đài vững mạnh lại tiếp tục được học tập, rà xét lại một lần nữa, do đó việc nắm đối tượng được chắc hơn (đã có báo cáo chuyên đề riêng). Trong đó, các xã Nậm Chảy (Mường Khương), khu phố Pom Hán, Lào Cai, Lâm trường Đản Khao, Đồn biên phòng 206 được Bộ Nội vụ tặng cờ, các huyện Bát Xát, Văn Bàn, Văn Yên là đơn vị tương đối có phong trào khá toàn diện, được tặng cờ thưởng của tỉnh và 8 đơn vị xã, phường, vũ trang được tặng cờ

của tỉnh. Qua đó nắm chắc các đối tượng có nghi vấn chính trị, các đối tượng hình sự, đẩy mạnh phong trào chống buôn hàng hóa qua biên giới, chống tiêu cực, đẩy sản xuất. Về trật tự an toàn xã hội nói chung và ở tuyến I có tiến bộ khá.

Về chiến đấu và đoàn kết quân dân đã có chuyển biến mới, rất cơ bản. Các lực lượng vũ trang (bộ đội, bộ đội biên phòng, dân quân) đã triển khai đội hình bảo đảm theo phương án được duyệt, hoạt động rà sát đường biên hơn, bộ đội kết hợp với dân quân chặt chẽ hơn, bộ đội biên phòng gắn chặt hơn với xã biên phòng. Công tác sẵn sàng chiến đấu đã kết hợp chốt giữ, đánh có hiệu quả hơn trước (...). Nhìn chung công tác quân sự và an ninh vùng biên giới có tiến bộ rõ rệt, tinh thần tư tưởng quân chúng ổn định, thế trận được xây dựng toàn diện và vững hơn.

Tuy nhiên, hiện nay đang còn một số mặt yếu như: Công tác phối hợp hiệp đồng chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu còn nhiều sơ hở, không kịp thời phát hiện xâm nhập (...). Chủ động tấn công còn yếu (tấn công bằng các mặt và các biện pháp, nội dung thích hợp). Do đó, ta chưa làm được nhiều trong việc dịch vận (...). Nắm tình hình diễn biến còn yếu. Các công trình trận địa còn tạm bợ, kể cả ở các điểm có tính chất then chốt (do không có kinh phí và vật tư để xây dựng kiên cố) nên khó bảo đảm việc bám trụ vững chắc (...).

3. Về sản xuất và đời sống

Tình hình sản xuất ở các huyện, thị biên giới đã dần dần đi vào ổn định. Số ruộng đất giáp biên giới phải bỏ hóa nay đang được phục hóa, chủ yếu thuộc huyện Bát Xát. Theo phương án sản xuất và dân cư trong cuộc vận động xây dựng pháo đài vững mạnh thì số hơn 300 ha bỏ hóa có thể phục hóa hết. Mấy tháng qua đã phục hóa và đưa vào gieo cấy vụ mùa này được 45 ha, khai hoang thêm được 66 ha; làm thêm được một số công trình thủy lợi, giếng nước ăn và mở đường giao thông. Riêng các nông, lâm trường biên giới hoạt động khó khăn vì thiếu vốn đầu tư, công nhân bỏ về xuôi nhiều. Cũng do khó khăn

về vốn, vật tư nên tỉnh đã quyết định giải thể Nông trường Lào Cai (thành lập sau chiến sự), giao đất lại cho dân sản xuất.

Mặt khác, tỉnh đã quyết định cho các xã biên giới được xây dựng 4 công trình của xã gồm trường học, trạm xá, cửa hàng hợp tác xã mua bán và trụ sở Ủy ban nhân dân, bằng vốn định canh định cư. Địa điểm xây dựng được lựa chọn cẩn thận và được huyện, tỉnh trực tiếp xét duyệt để bảo đảm điều kiện tương đối an toàn. Số vốn đầu tư là 1.455 triệu đồng để làm các công trình này (22 nhà trạm xá, 22 nhà trường học, 12 trụ sở Ủy ban nhân dân, 3 nhà hợp tác xã mua bán với diện tích xây dựng là 6.720 m²). Một số xã đã bắt tay vào xây dựng các công trình bằng vật liệu tại địa phương là chính.

4. Tình hình cung cấp hàng hóa, vật tư cho vùng biên giới

Tình hình hàng hóa Trung ương cấp cho tỉnh trong 9 tháng qua còn rất thấp so với kế hoạch. Từ khi có Chỉ thị 112 của Ban Bí thư cũng chưa có chuyển biến gì đáng kể. Tổng giá trị hàng hóa nội thương cung cấp cho tỉnh trong 8 tháng mới đạt 38% kế hoạch năm. Các mặt hàng thiết yếu trong 8 tháng cũng còn rất thấp như muối (55%), nước chấm (25%), đường (50%), vải (50%), thịt lợn hơi (15%), dầu hoả (trên 50%)... Do đó, tình hình bán ra phục vụ đời sống đạt còn rất thấp (44%), nhất là hàng thiết yếu phục vụ đời sống (vải 19%, thực phẩm nông sản 48%, điện máy 53%). Trong dịp ngày lễ Quốc khánh và Tết trung thu cũng chỉ bán như ngày thường, không có gì cung cấp thêm để góp phần tạo thêm không khí phấn khởi tin tưởng cho quần chúng địa phương.

Đối với nhân dân tuyến I, chủ trương của tỉnh là bảo đảm cung cấp ưu tiên tới mức cố gắng nhất. Song do quỹ hàng hóa quá ít, nên cũng bị hạn chế rất nhiều. Về giá trị, trong 8 tháng qua mới bảo đảm cung cấp được cho Sa Pa 75%, Lào Cai, Bát Xát, Mường Khương 37%, Bảo Thắng 42%, Bắc Hà 34% so với kế hoạch cả năm. Về các mặt hàng thiết yếu cung cấp cho 6 huyện tuyến I cũng thấp: muối đạt 25% kế hoạch, 72% nhu cầu; dầu hoả 38,7% kế hoạch, 85% nhu cầu thường

xuân; nước chấm 20% kế hoạch, 15% nhu cầu; đường 25% kế hoạch, 14% nhu cầu; vải 20% nhu cầu... Do đó, giá trị bán ra ở tuyến I cao nhất là 53% (Bát Xát), còn lại chỉ đạt từ 38 đến 47% so với kế hoạch năm. Về lương thực cũng chỉ đủ cung cấp nhu cầu thường xuyên hằng ngày, chưa lúc nào có dự trữ được từ trên 1 đến 2 tháng ăn cho lực lượng bộ đội và cán bộ, công nhân viên ở vùng biên giới. Vật tư, hàng hóa khác cũng khan hiếm, khó khăn, toàn bộ các chỉ tiêu dự trữ không thực hiện được. Hàng chống rét chưa cung cấp thêm được gì mới đáng kể. Phương tiện đi lại cho tuyến I chưa được bổ sung thêm, phụ tùng, xăng, dầu thiếu, các loại xe đều hoạt động thất thường, vận chuyển và đi lại rất khó khăn. Nguyên nhân là do sự cung ứng vật tư từ Trung ương về tỉnh không bảo đảm kế hoạch, không thường xuyên. Cụ thể qua 8 tháng thì đạm mới đạt 32,8%, lân 31,7%, kali 11% kế hoạch cả năm. Than chỉ bằng 64%, xi măng 57,5%, xăng 57,5%, dầu 55%, sắt thép 75%, v.v. so với cùng kỳ năm 1980. Điện cho sản xuất để tự giải quyết một phần nhu cầu hàng hóa tại địa phương cũng bị cung cấp thiếu và không đều, phải ngừng sản xuất nhiều ngày, giờ.

Về đời sống nhân dân, do cố gắng sản xuất nên về lương thực, không nơi nào nhân dân thiếu ăn đáng kể, song hàng công nghệ, phục vụ đời sống thường xuyên khan hiếm. Khu vực nhà nước kể cả lực lượng vũ trang chỉ bảo đảm tiêu chuẩn lương thực, còn mọi thứ hàng hóa khác được cung cấp rất ít. Do đó, lòng tin bị ảnh hưởng, nhất là vùng biên giới, nói là ưu tiên, song cũng chưa thực hiện được gì đáng kể.

5. Nhiệm vụ thời gian tới đối với địa bàn biên giới

Tỉnh đã chủ trương tiếp tục:

a) *Tập trung chỉ đạo và hỗ trợ vật tư tăng cường bảo vệ để bảo đảm thu hoạch bảo quản tốt lúa vụ mùa, gieo trồng vụ đông, chủ yếu là vụ xuân bảo đảm kế hoạch, trước hết là lương thực, thực phẩm (chú ý chăn nuôi, đồ tương, rau...).*

b) *Tăng cường sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ trật tự an ninh; huấn*

luyện khẩn trương, đi vào diễn tập thực hiện các phương án, bảo đảm dự trữ hậu cần, thông tin liên lạc, quản lý chặt chẽ các đối tượng chính trị, hình sự. Mở đợt tổng kiểm tra sẵn sàng chiến đấu ở 5 huyện thị giáp biên, kiểm tra đến các xã, các chốt, các đơn vị đóng quân trên địa bàn này, tỉnh trực tiếp chỉ đạo diễn tập các cụm, xã trọng điểm, theo dõi phát hiện các âm mưu mới của địch.

c) *Mở đợt vận chuyển phục vụ sẵn sàng chiến đấu ở tuyến I* để bảo đảm các chỉ tiêu dự trữ đã quy định, kiểm tra các hậu cứ, kho tàng dự trữ của từng huyện và từng đơn vị.

d) *Tiếp tục củng cố cơ sở chính trị, tăng cường giáo dục tư tưởng*, chỉ đạo tốt Đại hội đảng bộ các cấp, nhất là xã và bầu cử Hội đồng nhân dân huyện, xã qua đó kiện toàn tốt cấp ủy, chính quyền (cấp cơ sở và huyện, thị).

Để bảo đảm các nhiệm vụ đó được thực hiện tốt, tỉnh đã quyết định mở đợt 2 cuộc vận động xây dựng pháo đài vững mạnh (có kế hoạch riêng) và tăng cường sự chỉ đạo toàn diện đối với đợt này để đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ trên, quyết tâm đạt các yêu cầu đề ra.

6. Một số đề nghị

Về lâu dài, song cũng rất khẩn trương, cấp bách là đề nghị Trung ương cho nghiên cứu để có chủ trương cụ thể, chính sách cụ thể, toàn diện đối với vùng biên giới như đầu tư xây dựng kinh tế, văn hóa xã hội, có ngân sách và các chế độ, chính sách từ Trung ương xuống cơ sở tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương và cơ sở thực hiện.

Trước mắt, đề nghị Trung ương quan tâm giải quyết một số vấn đề cụ thể sau:

- Bảo đảm kế hoạch cung cấp và vận chuyển hàng hóa, vật tư, tiền vốn theo kế hoạch năm 1981 ngay trong đầu quý IV để kịp triển khai xuống cơ sở, nhất là lương thực, thực phẩm, vải, hàng chống rét, xăng dầu, than, phương tiện vận chuyển và phụ tùng thay thế, thuốc chữa bệnh, phương tiện thông tin tuyên truyền, thông tin liên lạc... Mở đợt tập trung chỉ đạo kiểm tra các bộ, kiểm tra các ngành cấp và

kiểm tra đến huyện trọng điểm, thực hiện chủ trương của Trung ương bổ khuyết kịp thời các thiếu sót.

- Cho bổ sung mỗi huyện, thị biên giới (5 huyện, thị) 1 xe con mới, 1 xe vận tải, 1 xe ca, mỗi cơ quan Ban chỉ huy Quân sự huyện biên giới 1 xe tải, 1 xe con để vừa phục vụ cho cơ quan chỉ huy quân sự huyện và các đồn biên phòng, tiểu đoàn bộ đội huyện. Cho vật tư xây dựng các con đường quan trọng cho huyện biên giới (mìn, máy ủi, v.v.).

- Cho xây dựng các đường dây điện thoại xuống các đồn biên phòng, các cụm trọng điểm khu vực và tới tiểu đoàn bộ đội huyện (cả quốc phòng và Tổng cục Bưu điện). Riêng quốc phòng, đề nghị chỉ đạo và cho kinh phí, vật tư xây dựng công sự kiên cố các điểm tựa then chốt ở biên giới.

- Có kế hoạch cho thêm các xã và vùng biên giới các phương tiện thông tin, tuyên truyền, văn hóa, sách báo, đài loa, v.v. vì hiện nay chưa có gì đáng kể.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY

Số 96-TB/TU, ngày 9-10-1981

Về việc phân công chuẩn bị triển khai Nghị quyết về chính sách khoa học - kỹ thuật của Bộ Chính trị

Ngày 8-10-1981, Thường trực Tỉnh ủy đã họp để họp để nghe nghị quyết về chính sách khoa học - kỹ thuật của Bộ Chính trị, đã nhất trí đề ra một số việc cần làm trong thời gian tới như sau:

1- Giao trách nhiệm cho Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Khoa học - kỹ thuật cùng các ngành chuẩn bị nội dung kế hoạch triển khai nghị quyết về chính sách khoa học - kỹ thuật của Bộ Chính trị báo cáo trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy vào kỳ họp cuối tháng 10-1981 sắp tới.

2- Đi đôi với việc chuẩn bị dự thảo nghị quyết về công tác khoa học - kỹ thuật của tỉnh ta, trước mắt trong thời gian tới công tác khoa học - kỹ thuật cần tập trung giải quyết một số chuyên đề lớn hiện nay như: Vấn đề thâm canh cây lúa, chế biến màu, cây đậu tương và cây dược liệu ở tỉnh ta... vấn đề này thường trực giao trách nhiệm cho Ban Khoa học - kỹ thuật chủ trì, cùng với các ngành như: Ủy ban Kế hoạch tỉnh, Sở Nông nghiệp, Ty Lương thực, Sở Công nghiệp, Sở Y tế - thể dục thể thao, Ban Nông nghiệp và Ban Kinh tế kế hoạch của Tỉnh ủy bàn bạc và xây dựng chương trình thực hiện cụ thể báo cáo với Thường vụ Tỉnh ủy trong kỳ họp Thường vụ Tỉnh ủy cuối tháng 10-1981.

Nhận được Thông báo này các ngành ban có trách nhiệm trên cần
khẩn trương triển khai thực hiện cho tốt.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 97-TB/TU, ngày 10-10-1981

**Về một số chủ trương biện pháp thúc đẩy sản xuất,
thu mua nhằm hoàn thiện tốt nhiệm vụ kế hoạch quý IV
và cả năm 1981 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy**

Trong phiên họp thường kỳ ngày 5-10-1981, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghe đồng chí Bùi Hữu Bình, Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thay mặt Đảng đoàn chính quyền tỉnh báo cáo sơ bộ tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước của tỉnh 9 tháng đầu năm 1981 và một số vấn đề mới nảy sinh trong quá trình triển khai thực hiện các quyết định của Nhà nước về sản xuất, lưu thông phân phối, giá cả, tiền tệ, v.v..

Sau khi thảo luận, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định một số chủ trương biện pháp như sau:

1- Các cấp, các ngành phải tập trung sức đẩy mạnh sản xuất và thu mua giao nộp sản phẩm và ngân sách để hoàn thành kế hoạch cả năm 1981. Làm tốt vụ đông và vụ xuân, gắn liền với công tác quân sự, an ninh, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng Đảng, lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp và Đại hội lần thứ V của Đảng. Trước mắt tập trung lực lượng và vật tư, chống sâu bệnh, toi dịch, tổ chức thu hoạch, phân phối và thu mua vụ mùa chuẩn bị tốt mọi điều kiện vật chất để làm vụ đông và vụ xuân tới kịp thời vụ.

Từng ngành, từng cấp từng cơ sở sản xuất phải trên cơ sở cân đối lại mọi khả năng điều kiện về cung ứng vật tư, nguyên liệu, tiền

vốn, vận tải, v.v. (kể cả những vật tư, nguyên liệu của địa phương tự sản xuất, khai thác) đề ra biện pháp thực hiện với tinh thần tự lực tự cường, chủ động dựa vào điều kiện sẵn có và tự giải quyết là chính để đẩy mạnh sản xuất và thu mua, thu thuế, thu nợ, thực hiện tốt các chế độ chính sách của Nhà nước đã quy định về lưu thông phân phối, giá cả, tiền tệ, v.v.. Ủy ban Kế hoạch có nhiệm vụ hướng dẫn, giúp đỡ các ngành, các cấp, các cơ sở cân đối và giải quyết các mặt về vật tư, nguyên nhiên vật liệu lao động, tiền vốn v.v. nhằm phục vụ kịp thời cho sản xuất và thu mua.

2- Để thực hiện tốt các nhiệm vụ trên, các đồng chí Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh, phụ trách từng khối, công - nông, lâm nghiệp - lưu thông phân phối phải trực tiếp chỉ đạo chặt chẽ các cấp, các ngành, giải quyết cụ thể, kịp thời tạo mọi điều kiện để phục vụ cho sản xuất và lưu thông. Yêu cầu Đảng đoàn Ủy ban nhân dân tỉnh cùng Ban Tổ chức Tỉnh ủy trưng tập ngay một đợt cán bộ gồm các đồng chí trưởng, phó và một số cán bộ có năng lực ở các sở, ty, ban, ngành trên tỉnh để đi xuống các cơ sở của huyện, thị và một số cơ sở xí nghiệp công nghiệp sản xuất quan trọng để chỉ đạo, cùng cơ sở đẩy mạnh sản xuất mà trọng tâm là thúc đẩy sản xuất nông nghiệp thu hoạch nhanh gọn vụ mùa, chuẩn bị tốt mọi điều kiện thực hiện sản xuất vụ đông và vụ xuân kịp thời vụ. Vận động thu mua lương thực, nông sản thực phẩm bảo đảm kế hoạch và thời gian. Làm một số công tác quan trọng về quân sự, an ninh và công tác Đảng. Thời gian và số lượng huy động do Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, nhưng thời gian tập trung đi cơ sở phải rất khẩn trương.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 12-CT/TU, ngày 20-10-1981

Về việc khẩn trương giải quyết số lao động dôi ra trong các cơ quan, xí nghiệp nhà nước thuộc địa phương quản lý

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghe Đảng đoàn chính quyền tỉnh và Ban cán sự Ty Lao động báo cáo về tình hình lao động và đề xuất chủ trương phương hướng, biện pháp giải quyết số lao động dôi ra trong khu vực Nhà nước thuộc địa phương quản lý.

Căn cứ vào tinh thần các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và sau khi xem xét tình hình thực tế của địa phương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương phải tiến hành gấp việc tổ chức, sắp xếp lại lao động trong các cơ quan xí nghiệp nhà nước (kể cả các cơ quan của Đảng và đoàn thể), nhanh chóng giải quyết số lao động dôi ra theo phương hướng và biện pháp chủ yếu sau đây:

1- Tiến hành ngay việc nắm tình hình và phân loại lao động trong tất cả các cơ quan, xí nghiệp nhà nước. Trên cơ sở phân loại phải bằng mọi cố gắng của bản thân từng đơn vị là chính mà bố trí, sắp xếp, sử dụng hết số lao động đủ tiêu chuẩn, bảo đảm cho mọi người đều có việc làm thiết thực, có năng suất lao động và hiệu suất công tác cao, đem lại hiệu quả kinh tế rõ rệt; đồng thời nhanh chóng giảm bớt, tiến tới giảm hẳn số lao động không đủ tiêu chuẩn ra khỏi các dây chuyền sản xuất và bộ phận công tác. Trước

mất các cấp, các ngành cần tập trung giải quyết tốt số công nhân, viên chức không còn đủ sức khỏe để tiếp tục sản xuất và công tác theo đúng các chế độ chính sách do Nhà nước đã quy định và kiên quyết đưa ra khỏi cơ quan, xí nghiệp những công nhân, viên chức vi phạm nặng chế độ chính sách, đã qua nhiều lần giáo dục nhưng không tiến bộ.

Quá trình phân loại lao động, bố trí sắp xếp lại lao động cần tiến hành khẩn trương, kiên quyết, có lý có tình, bảo đảm đúng chế độ chính sách sát với từng nơi, từng đơn vị, từng ngành cụ thể và phải làm tốt công tác giáo dục tư tưởng trong cán bộ, công nhân, viên chức, vận động quần chúng tích cực tham gia thực hiện.

2- Đi đôi với việc phân loại, bố trí, sắp xếp lại lao động phải đồng thời soát xét lại và xây dựng bổ sung cụ thể chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc và biên chế tổ chức bộ máy trong tất cả các cơ quan, xí nghiệp theo tinh thần kiên quyết hợp nhất những bộ phận có thể hợp nhất hoặc giải thể những bộ phận có thể giải thể; làm cho bộ máy gọn, nhẹ, mạnh, thực sự có hiệu lực trong quản lý nhà nước và quản lý kinh tế, sản xuất và kinh doanh.

3- Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho Đảng đoàn chính quyền tỉnh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban cán sự Ty Lao động và Ban Tổ chức chính quyền tỉnh vạch kế hoạch cụ thể hướng dẫn các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở thực hiện; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, uốn nắn sai sót lệch lạc, hằng tuần có phản ánh tình hình và hằng tháng tổng hợp kết quả báo cáo lên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Ủy ban Kế hoạch tỉnh phải rà soát lại toàn bộ chỉ tiêu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và chỉ tiêu lao động tiền lương cho từng ngành, từng đơn vị cơ sở một cách hợp lý, bảo đảm tiết kiệm lao động, tăng năng suất lao động hoàn thành tốt kế hoạch nhà nước.

4- Các đồng chí bí thư huyện, thị ủy, trưởng ban cán sự ngành, bí thư các đảng đoàn, Đảng ủy trực thuộc cần đích thân chỉ đạo theo đúng Chỉ thị này và kế hoạch hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

5- Việc phân loại lao động, bố trí sắp xếp lại lao động và giải quyết lao động dôi ra trong khu vực Nhà nước cần hoàn thành căn bản trong quý IV năm 1981.

Các cấp, các ngành cần nghiên cứu kỹ và có kế hoạch cụ thể thi hành nghiêm chỉnh Chỉ thị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 421-QN/TU, ngày 20-10-1981

Về việc chỉ định Đảng đoàn

- Căn cứ và Điều 43 Chương VII Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ vào Quy định số 11-QĐ, ngày 4-3-1978 của Ban Chấp hành Trung ương;
- Xét đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hoàng Liên Sơn,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chỉ định các đồng chí có tên dưới đây vào Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hoàng Liên Sơn:

1- Đồng chí Lương Quyết Định, Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh làm Bí thư Đảng đoàn.

2- Đồng chí Nguyễn Văn Ty, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh làm Ủy viên Đảng đoàn.

3- Đồng chí Lù Dín Siêng, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh làm Ủy viên Đảng đoàn.

4- Đồng chí Hoàng Văn Hiến, Ủy viên thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh làm Ủy viên Đảng đoàn.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 422-QN/TU, ngày 20-10-1981

Về việc chỉ định Trưởng ban cán sự

- Căn cứ và Điều 43 Chương VII Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ vào Quy định số 11-QĐ, ngày 4-3-1978 của Ban Chấp hành Trung ương,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chỉ định đồng chí Nguyễn Hữu Tác, Quyền Giám đốc Công ty Liên hợp xuất khẩu làm Trưởng ban cán sự Công ty Liên hợp xuất khẩu Hoàng Liên Sơn.
2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban cán sự Công ty Liên hợp xuất khẩu và đồng chí Nguyễn Hữu Tác căn cứ Quyết nghị thi hành kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 423-QN/TU, ngày 20-10-1981

Về việc chỉ định Ban cán sự

- Căn cứ và Điều 43 Chương VII Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ vào Quy định số 11-QĐ, ngày 4-3-1978 của Ban Chấp hành Trung ương;
- Xét đề nghị của Ty Văn hóa thông tin Hoàng Liên Sơn,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chỉ định các đồng chí có tên sau đây vào Ban cán sự Ty Văn hóa thông tin Hoàng Liên Sơn:

- Đồng chí Trần Nam, Trưởng Ty Văn hóa thông tin làm Trưởng ban cán sự.

- Đồng chí Nguyễn Văn Kinh, Phó Trưởng ty Văn hóa thông tin làm Ủy viên Ban cán sự.

- Đồng chí Lê Ngọc Ban, Phó Trưởng ty Văn hóa thông tin làm Ủy viên Ban cán sự.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban cán sự Ty Văn hóa thông tin và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 426-QN/TU, ngày 20-10-1981

Chỉ định bổ sung cấp Ủy viên Đảng ủy Quân sự tỉnh

- Xét yêu cầu nhiệm vụ và đề nghị của Đảng ủy Quân sự tỉnh
Hoàng Liên Sơn;

- Căn cứ vào Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và nghị quyết của
Bộ Chính trị Trung ương Đảng quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y bổ sung các đồng chí có tên sau đây là ủy viên Ban
Chấp hành Đảng ủy Quân sự tỉnh Hoàng Liên Sơn:

- Đồng chí Hà Văn Coóng, Trung tá, Bí thư Đảng ủy Trường Quân
chính tỉnh Hoàng Liên Sơn.

- Đồng chí Đỗ Văn Học, Thiếu tá, Đảng ủy viên Đảng ủy Phòng
Hậu cần.

- Đồng chí Trịnh Văn Thúc, Đại úy, Bí thư Đảng ủy Trung đoàn 819.

2. Chỉ định các đồng chí dưới đây giữ chức vụ bí thư và phó bí thư
Đảng ủy

- Đồng chí Hoàng Ngọc, Phó Bí thư Đảng ủy nay giữ chức Bí thư
thay đồng chí Lê Khay nhận công tác khác.

- Đồng chí Hùng Tân, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy giữ chức
Phó Bí thư Đảng ủy.

3. Nhiệm vụ của mỗi đồng chí do Ban Chấp hành phân công cụ thể.

4. Ban Chấp hành Đảng ủy Quân sự tỉnh Hoàng Liên Sơn và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 427-QN/TU, ngày 20-10-1981

Giải thể tổ chức cơ sở đảng

- Xét yêu cầu nhiệm vụ công tác và đề nghị của Huyện ủy Văn Chấn ngày 20-8-1981;

- Căn cứ vào Điều 11 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y cho giải thể Chi bộ cơ sở Bệnh viện phong Văn Chấn do yêu cầu nhiệm vụ mới.

Huyện ủy Văn Chấn có nhiệm vụ chỉ đạo chặt chẽ, giải quyết những vấn đề tồn tại và làm thủ tục giới thiệu để đảng viên chuyển sang cơ sở mới sinh hoạt.

2. Huyện ủy Văn Chấn, Chi bộ Bệnh viện phong Văn Chấn căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 428-QN/TU, ngày 20-10-1981

Về sáp nhập cơ sở đảng

- Xét tính chất và yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu;

- Căn cứ vào Chỉ thị số 85, ngày 26-5-1981 của Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam và đề nghị của Đảng ủy Quân sự tỉnh Hoàng Liên Sơn;

- Căn cứ vào Điều 11 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y cho chuyển giao các chi, đảng bộ thuộc các đồn biên phòng và các tiểu đoàn cơ động đang trực thuộc các huyện, thị ủy Mường Khương, Bát Xát, Bắc Hà, Bảo Thắng, Sa Pa và thị xã Lào Cai nay chuyển về trực thuộc Đảng ủy Phòng Biên phòng thuộc Đảng ủy Quân sự tỉnh Hoàng Liên Sơn.

2. Các huyện ủy, thị ủy trên cần chỉ đạo chặt chẽ và khẩn trương làm các thủ tục bàn giao về Đảng ủy Quân sự tỉnh theo đúng nguyên tắc đã quy định.

Đảng ủy Quân sự tỉnh có trách nhiệm bàn giao, tiếp tục chỉ đạo để sớm ổn định tổ chức.

3. Các huyện ủy, thị ủy có tên trên và Đảng ủy Quân sự tỉnh căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 429-QN/TU, ngày 20-10-1981

Về tách và nâng cấp tổ chức cơ sở đảng

- Xét tính chất, nhiệm vụ, số lượng đảng viên và đề nghị của Huyện ủy Mù Cang Chải;

- Căn cứ vào Điều 11 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y tách Chi bộ Dân Đảng huyện Mù Cang Chải thành 2 chi bộ cơ sở trực thuộc Huyện ủy Mù Cang Chải.

- Chi bộ Khối Dân gồm 11 đảng viên.

- Chi bộ Văn phòng Huyện ủy gồm 16 đảng viên.

2. Nhiệm vụ quyền hạn của tổ chức cơ sở căn cứ vào Điều 35, 36 và Điều 37 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định để thực hiện.

Huyện ủy Mù Cang Chải có nhiệm vụ chỉ đạo việc củng cố, ổn định tổ chức thực hiện đúng nguyên tắc đã quy định.

3. Huyện ủy Mù Cang Chải và các cơ sở đảng nói trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 430-QN/TU, ngày 20-10-1981

Về thành lập tổ chức cơ sở đảng

- Xét tính chất, nhiệm vụ và đề nghị của Huyện ủy Yên Bình;
- Căn cứ vào Điều 11 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y cho thành lập và sáp nhập các chi bộ cơ sở dưới đây và đặt trực thuộc Huyện ủy Yên Bình.

- Chi bộ Công ty Vật tư nông nghiệp huyện Yên Bình gồm 6 đảng viên chính thức.

- Chi bộ Xây dựng huyện Yên Bình gồm 5 đảng viên chính thức.

- Chi bộ Hợp tác xã vận tải huyện Yên Bình gồm 5 đảng viên chính thức.

- Sáp nhập 2 chi bộ cơ sở: Chi bộ Cơ khí sửa chữa thuyền phà và Chi bộ Khai thác đánh bắt cá Thác Bà thành 1 chi bộ cơ sở lấy tên là Chi bộ Đánh bắt cá Thác Bà.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức cơ sở căn cứ vào Điều 35, 36 và 37 Chương V Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam để thực hiện.

Huyện ủy Yên Bình có nhiệm vụ lãnh đạo củng cố cơ sở thực hiện đúng nguyên tắc Điều lệ Đảng đã quy định.

3. Huyện ủy Yên Bình, các chi bộ cơ sở có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 29-TT/TU, ngày 20- 10-1981

Về việc thực hiện xây dựng nền nếp giữ gìn kỷ luật ở tổ chức cơ sở đảng

Từ đầu năm tới nay qua các đợt vận động về công tác xây dựng Đảng ở tỉnh ta đạt được những kết quả nhất định, nâng cao một bước sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và phẩm chất đảng viên có tác dụng thúc đẩy việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tuy vậy, sự chuyển biến nhìn chung chưa đồng đều. Đáng chú ý là một số nơi sau khi đã phát thể đảng rồi mà phong trào không có chuyển biến, thậm chí còn sa sút so với trước. Chất lượng và phẩm chất của đội ngũ đảng viên cũng đang còn nhiều tồn tại, nổi lên là tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật chưa được đề cao, còn có bộ phận đảng viên không gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Riêng về công tác xây dựng nền nếp giữ gìn kỷ luật ở tổ chức cơ sở đảng, tuy đã có nhiều nơi thực hiện nhưng chưa trở thành chế độ nền nếp, do chưa có sự chỉ đạo chặt chẽ, liên tục và thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa các ban xây dựng Đảng.

Để phát huy ưu điểm thành tích, khắc phục những thiếu sót tồn tại trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các tổ chức cơ sở đảng cần thực hiện tốt việc xây dựng nền nếp giữ gìn kỷ luật ở tổ chức cơ sở đảng. Các cấp ủy Đảng cần nhận rõ ý nghĩa và mục đích của công tác này như sau:

1- Nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần đoàn kết nhất trí nội bộ, chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và kỷ luật của đoàn thể quần chúng; kịp thời cổ vũ biểu dương những nhân tố tích cực, chủ động ngăn ngừa và khắc phục những hiện tượng tiêu cực.

2- Tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động đối với việc giữ gìn kỷ luật của Đảng, làm cho các tổ chức cơ sở đảng và mọi đảng viên tích cực, tự giác chấp hành kỷ luật một cách thường xuyên.

3- Trên cơ sở đó, góp phần nâng cao chất lượng đảng viên và làm cho tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng.

Căn cứ vào ý nghĩa và mục đích trên các cấp ủy Đảng cần thực hiện số điểm như sau:

1- Dựa vào bản hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, kế hoạch thực hiện của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các Huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc, xây dựng kế hoạch thực hiện việc xây dựng nền nếp, giữ gìn kỷ luật ở tổ chức cơ sở đảng ở cấp mình và trực tiếp chỉ đạo thực hiện, bảo đảm đến hết năm 1982 thì kết thúc ở tất cả các cơ sở đảng trong toàn tỉnh.

2- Nội dung xây dựng nền nếp giữ gìn kỷ luật ở tổ chức cơ sở đảng phải căn cứ vào bốn nội dung của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đã cụ thể hóa, gắn với nhiệm vụ chính trị cụ thể ở từng cơ sở và tình hình ưu điểm, khuyết điểm của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên mà chỉ đạo vận dụng cho sát hợp.

3- Công tác này phải tiến hành kết hợp chặt chẽ với các công tác hiện nay đang thực hiện như: Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, sinh hoạt nâng cao phẩm chất cộng sản của người đảng viên và chuẩn bị mở Đại hội Đảng các cấp trong dịp Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng và các công tác lớn khác.

4- Về mặt chỉ đạo các cấp ủy phải có chỉ đạo để rút kinh nghiệm, theo kế hoạch ba bước của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy hướng dẫn, sau

khi tổng kết điểm, rút kinh nghiệm rồi mở rộng diện. Ở mỗi cấp đều phải phân công một đồng chí trong ban thường vụ cấp ủy chuyên trách, các ban Tổ chức, Tuyên giáo, Ủy ban Kiểm tra là cơ quan tham mưu theo dõi, tổng hợp, do Ủy ban Kiểm tra chủ trì, để giúp cấp ủy về việc này.

Tùy tình hình ở mỗi nơi, cấp ủy phân công ủy viên và cử cán bộ xuống giúp các cơ sở đảng tiến hành.

Quá trình thực hiện mỗi lần tổng kết đợt làm, các Huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc đều phải báo cáo kết quả về Tỉnh ủy và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, đồng thời các báo cáo định kỳ đều phải có mục nói về việc xây dựng nền nếp giữ gìn kỷ luật ở tổ chức cơ sở đảng.

Nhận được Thông tri này các cấp ủy nghiên cứu thực hiện nghiêm chỉnh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY

Số 99-TB/TU, ngày 30-10-1981

**Về hội nghị công nghiệp bàn về một số biện pháp
tích cực để khắc phục những khó khăn chủ yếu
nhằm đẩy mạnh sản xuất công nghiệp - tiểu thủ
công nghiệp và sản xuất vật liệu xây dựng và xây dựng
trong những tháng cuối năm 1981**

Ngày 30-10-1981, Thường trực Tỉnh ủy cùng Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh đã họp bàn với các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông, cung ứng vật tư và các ngành quản lý tổng hợp, Ủy ban Kế hoạch tỉnh, Sở Tài chính vật giá, Ngân hàng tỉnh, ngành lưu thông (thương nghiệp...) cùng một số cơ sở xí nghiệp sản xuất công nghiệp trong tỉnh.

Hội nghị nghe báo cáo tóm tắt của các ngành, các cơ sở về mọi mặt tình hình sản xuất, cung ứng vật tư, lưu thông hàng hóa, đã bàn bạc, thảo luận đề ra số biện pháp tích cực để thúc đẩy sản xuất công nghiệp trong những tháng cuối năm. Thay mặt Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Ngọc Hồ đã tóm tắt kết luận hội nghị như sau:

Để tạo mọi điều kiện thúc đẩy và giúp đỡ các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, hoàn thành 100% kế hoạch nhà nước năm 1981. Các ngành, các cấp phải tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Về cung ứng vật tư nguyên nhiên liệu

Hết tháng 11-1981 các cơ quan cung ứng vật tư kỹ thuật và các ngành cung cấp nguyên liệu phải hoàn thành cấp đủ khối lượng yêu cầu cả về khối lượng theo kế hoạch và phẩm cấp quy cách theo từng chủng loại sắt, thép, than, gỗ, xăng dầu, hóa chất, tre nứa... cho các xí nghiệp, cơ sở sản xuất, Ủy ban Kế hoạch phải có trách nhiệm cân đối cùng các ngành chủ quản để điều hành và cùng các ngành cung ứng vật tư lo chạy tìm nguồn để cung cấp cho đủ yêu cầu. Đối với các cơ sở xí nghiệp ngoài lượng vật tư Nhà nước cung cấp phải nêu cao tinh thần tự lực tự cường, tận dụng khai thác mọi nguồn vật tư nguyên liệu tại chỗ để dùng vào sản xuất như rút bớt thay than, vôi thay sét. Mặt khác có thể tự tìm nguồn và dùng một số hàng hóa sản phẩm địa phương như sắn, ngô, gỗ... để trao đổi trên cơ sở có kế hoạch và báo cáo thông qua được Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép đổi lấy phê non sơn và các vật liệu thật cần thiết khác (sản xuất khó thay thế).

Riêng đối với ngành than có trách nhiệm trước tỉnh quản lý tốt cả lượng than qua lửa ở các cơ sở xí nghiệp thải loại để phân phối lại cho các xí nghiệp, tuyệt đối các xí nghiệp cơ sở không được tự ý “ký kết hợp đồng” với nhau để sử dụng bừa bãi. Sở Lâm nghiệp phải cân đối cấp đủ số gỗ theo kế hoạch giao của tỉnh trong tháng 11-1981 và giao thêm 400 m³ gỗ bổ đề để làm phôi guốc cho các cơ sở xí nghiệp công nghiệp và xây dựng cơ bản và các ngành lưu thông để làm hàng hóa trao đổi với các tỉnh bạn. Có kế hoạch thu mua rơm rạ làm nguyên liệu giấy.

Về điện: Với lượng điện được cấp, Sở Công nghiệp cùng Sở Quản lý phân phối điện Hoàng Liên Sơn có biện pháp quản lý phân phối cho tốt phải kiên quyết giảm điện tiêu dùng trong sinh hoạt để tập trung ưu tiên phục vụ cho các xí nghiệp công nghiệp sản xuất và một số khu vực quan trọng khác trong tỉnh. Mặt khác, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tiếp tục về Bộ Điện lực đề nghị có kế hoạch cung cấp thêm điện cho địa phương để sản xuất liên tục.

2. Về vận tải: Trước hết phải tăng cường vận tải đường thủy, đường bộ và ưu tiên tập trung vận tải hàng hóa, nguyên liệu phục vụ

cho sản xuất nông, lâm, công nghiệp và thu mua hàng hóa. Ủy ban Kế hoạch tỉnh có trách nhiệm cân đối nhiên liệu xăng dầu có phương án huy động cả lực lượng vận tải của các ngành chủ lực cả ô tô, máy kéo để mở thành chiến dịch vận chuyển cho yêu cầu chung như chiến dịch vận chuyển khai thác gỗ của lâm nghiệp, chiến dịch phục vụ sản xuất nông nghiệp, chiến dịch vận chuyển hàng hóa thu mua, chiến dịch vận chuyển than, xi măng, sắt, thép, cung ứng cho các cơ sở sản xuất.

3. Về giá cả tiền vốn: Sở Tài chính vật giá phải nhanh chóng triển khai các loại giá mới của địa phương trên cơ sở giá chỉ đạo của Nhà nước để Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thực hiện, bảo đảm thu mua nắm nguồn hàng và có kế hoạch thu chi ngân sách cấp vốn, cân đối với mọi yêu cầu sản xuất kinh doanh để phục vụ cho các ngành, các cơ sở. Ngân hàng tỉnh có trách nhiệm đáp ứng cung cấp đủ tiền vốn cho các ngành, các xí nghiệp mua sắm vật tư theo khối lượng nguyên nhiên liệu có thực tế với giá mới của từng xí nghiệp. Thanh toán trả lương cho công nhân, viên chức theo khối lượng sản phẩm từng kỳ, từng tháng qua nghiệm thu khản trương, thanh toán nhanh chóng tiền thu mua và tiền lương của những tháng trước chưa được cấp.

4. Lưu thông phân phối: Các ngành nội ngoại thương phải có trách nhiệm ký kết hợp đồng thật cụ thể với các đơn vị xí nghiệp sản xuất công nghiệp và bằng mọi biện pháp phải thu mua tiêu thụ mọi sản phẩm hàng hóa của xí nghiệp đã sản xuất ra theo kế hoạch và hợp đồng. Đồng thời ngành thương nghiệp phải cố gắng bảo đảm mua cho đủ giấy đóng gói chè hương và thu mua 1.000 m³ xoan vườn để làm hàng đổi lưu với các tỉnh bạn, các cơ sở sản xuất công nghiệp, cố gắng sản xuất thêm các mặt hàng giấy học sinh, giấy bao bì, xi măng, còn cho chế biến các mặt sản phẩm hàng hóa khác...

5. Trong công tác chỉ đạo: Phải có kế hoạch phần 1 và phần 2 là kế hoạch chính của từng ngành, của từng xí nghiệp cơ sở và là pháp lệnh của Nhà nước phải thực hiện đạt các chỉ tiêu cả về giá trị và sản phẩm chủ yếu, giao nộp 100% sản phẩm.

Theo sự chỉ đạo về giá cả của Nhà nước, số trường hợp thực tế có thể bù lỗ, xí nghiệp không được định giá lung tung. Ủy ban nhân dân

và các ngành đã đặt giá lưu thông nhằm bù trừ số lỗ. Còn kế hoạch phần ba mới là kế hoạch sản xuất phục vụ của các xí nghiệp nhằm sản xuất ra nguyên nhiên liệu phục vụ cho kế hoạch chính, và có phần tăng thêm thu nhập của xí nghiệp.

- Công tác quản lý vật tư, hàng hóa, sản phẩm phải làm thật chặt chẽ trên cơ sở định mức nguyên liệu vật tư, lao động của Nhà nước quy định tích cực tiết kiệm vật tư, tiền vốn ngay trong sản xuất.

- Để thực hiện được kế hoạch các ngành quản lý cùng các cơ quan chủ quản phải có kế hoạch, biện pháp quản lý tốt nguyên liệu, vật tư, tiền vốn ở từng xí nghiệp cơ sở từ đó có thể cân đối, điều hòa trong nội bộ từng ngành nhằm tạo điều kiện cho những cơ sở có điều kiện thực hiện kế hoạch cao hơn.

- Các ngành tổng hợp, quản lý có trách nhiệm theo dõi đôn đốc và hỗ trợ cùng cơ sở thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất trong thời gian nước rút này. Từng tuần, kỳ các ngành chủ quản, các cơ sở sản xuất phải thường xuyên báo cáo kết quả tiến độ cung ứng nguyên liệu, vật tư, tiến độ sản xuất thu mua, chế biến... về Thường trực Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, riêng Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh phải thường xuyên đôn đốc, kiểm tra các ngành, các cơ sở và trực tiếp giải quyết những yêu cầu, vướng mắc khó khăn để các ngành, các đơn vị thực hiện hoàn thành kế hoạch được giao.

Các ngành, các cấp trên cơ sở trách nhiệm của mình đồng thời cùng nhau hỗ trợ, quan hệ trên tinh thần cộng đồng trách nhiệm, hợp tác xã hội chủ nghĩa với nhau, thực sự tạo điều kiện giúp nhau cùng hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Thông báo này thay cho biên bản hội nghị khối công nghiệp ngày 30-10-1981 để các ngành, các cấp triển khai thực hiện nhiệm vụ của mình.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 492-QN/TU, ngày 6-11-1981

Công nhận bổ sung Ủy ban Kiểm tra huyện Bắc Hà

- Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét Biên bản bầu cử bổ sung Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bắc Hà ngày 16-10-1981;
- Xét báo cáo đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách các đồng chí ủy viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bắc Hà (bầu bổ sung) gồm 3 đồng chí có tên dưới đây:

- 1- Đồng chí Phạm Cao Thế, Trưởng ban.
- 2- Đồng chí Lê Trọng Hòa, Phó ban.
- 3- Đồng chí Ngô Đức Thịnh, Ủy viên.

Điều 2: Ban Thường vụ Huyện ủy Bắc Hà, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bắc Hà và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 499-QN/TU, ngày 20-11-1981

Chỉ định bổ sung Ban cán sự Đảng

- Căn cứ nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong phiên họp ngày 7-11-1981;
- Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và xét khả năng cán bộ,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chỉ định đồng chí Trần Quang Xước, Phó Giám đốc Sở Công nghiệp và thủ công nghiệp tỉnh Hoàng Liên Sơn làm Ủy viên Ban cán sự Đảng Sở Công nghiệp và thủ công nghiệp tỉnh.
2. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng ngành công nghiệp tỉnh và đồng chí Xước có trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA TỈNH ỦY

Số 10-NQ/TU, ngày 7-12-1981

Về chương trình hành động lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng các cấp và Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng

Thời gian Đại hội Đảng bộ các cấp từ cơ sở đến Đại hội toàn quốc của Đảng sẽ tiến hành từ nay đến tháng 3-1982.

Trên cơ sở bước đầu nghiên cứu quán triệt tinh thần nội dung các đề cương báo cáo của Trung ương trình Đại hội toàn quốc lần thứ V bước đầu liên hệ đẩy mạnh các mặt công tác địa phương và để lập thành tích thiết thực chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp và Đại hội toàn quốc sắp tới, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đề ra chương trình hành động tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua sôi nổi rộng khắp hơn nữa trong toàn Đảng bộ và quân dân trong tỉnh.

Nội dung và mục tiêu thi đua là: Hoàn thành tốt nhiệm vụ, kế hoạch năm 1981, trước mắt tập trung hoàn thành thắng lợi chương trình công tác quý IV năm 1981 và quý I năm 1982.

Dưới đây là những mục tiêu và công tác lớn cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành dứt điểm trong từng thời gian:

1. Về sản xuất, tiết kiệm, lưu thông, phân phối

Đối với nông, lâm nghiệp tập trung sức lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành thu hoạch vụ mùa, kể cả lúa, sắn và các hoa màu khác với

tin thần tích cực, khẩn trương, đi đôi với thu thuế, thu mua, nhập kho Nhà nước. Đẩy mạnh sản xuất vụ đông và đông - xuân đúng thời vụ, bảo đảm diện tích, năng suất và sản lượng cây trồng. Đẩy mạnh phong trào làm thủy lợi, phân, giống, cung cấp nông cụ và thực hiện tốt các biện pháp thâm canh, tăng vụ, hướng chính là các cây lương thực thực phẩm, cây công nghiệp (chủ yếu là chè, bông, lanh, đậu tương), cây hạt rau giống và các loại rau, màu ngắn ngày.

Đẩy mạnh trồng tu bổ, bảo vệ rừng đi đôi với khai thác, vận xuất gỗ và các lâm sản bảo đảm hoàn thành kế hoạch cả năm 1981 và vụ đông - xuân. Đẩy mạnh chăn nuôi, phòng, chống dịch bệnh, chống rét và chuẩn bị thức ăn vụ đông cho gia súc. Tích cực đánh bắt nuôi cá hồ, ao.

Các ngành nông nghiệp, công nghiệp, phải phục vụ ngay kịp thời về thủy lợi, giống (kể cả dự phòng) phân, nông cụ.

Đối với công nghiệp, thủ công nghiệp xây dựng cơ bản, v.v. cần rà soát khả năng tiền vốn, vật tư, nguyên liệu để tập trung hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu và các công trình trọng điểm (sứ, đường, giao thông...).

Đẩy mạnh sản xuất, khai thác, thu mua, nguyên liệu, vật liệu địa phương để phục vụ sản xuất và tiêu dùng ở địa phương và trao đổi với tỉnh bạn (chú ý các chỉ tiêu về khai thác gỗ, quế, dược liệu, dược phẩm, trâu, chè và các mặt hàng xuất khẩu).

Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch thu mua lương thực, thực phẩm (thịt lợn, rau...). Hoàn thành nhập kho về lương thực trong tháng 1-1982 và tích cực đào rỗ, chế biến thu mua sắn. Tích cực điều động vận chuyển hàng, tiền cho các huyện để phục vụ thu mua.

Cố gắng bảo đảm đời sống nhân dân, bảo đảm không để dứt bữa đối với bộ đội và cán bộ, công nhân viên, không để thiếu muối, dầu cho dân. Khẩn trương bán vải và hàng hóa khác theo mức hiện có.

Tích cực chuẩn bị hàng hóa phục vụ tết cho dân và các lực lượng tổ chức tốt xe cộ cho cán bộ và nhân dân đi lại trong công tác và trong dịp tết tới.

Làm tốt công tác quản lý thị trường, giá cả, chặn đứng ngay buôn lậu ven biên giới. Chú trọng giữ gìn, bảo quản và quản lý phân phối,

tốt hàng hóa, vật tư. Thực hiện dứt điểm việc cung cấp thanh toán tiêu chuẩn tem phiếu năm 1981, bảo đảm phục vụ sản xuất và phục vụ tốt Tết Nguyên đán âm lịch (ưu tiên tuyến I và vùng cao). Phải chỉ đạo và kiểm tra bảo đảm thống nhất về phương thức phân phối, tích cực khắc phục phiên hà trong phân phối.

Hoàn thành việc tổng kết kinh tế 5 năm 1975-1980 và xây dựng tốt kế hoạch năm 1982 từ cơ sở lên, trên cơ sở phương hướng và các chủ trương, biện pháp mới như Trung ương đã chỉ đạo (từng cơ sở, từng huyện, thị chú ý trước hết là xây dựng kế hoạch sản xuất tự giải quyết, tự cân đối lương thực trên địa bàn huyện và có kế hoạch về lo mặc cho dân) lo đời sống các mặt có thể làm được.

Thực hành tiết kiệm triệt để nhất là tiết kiệm lương thực, vật tư, xăng dầu, chi tiêu, tiền vốn. Nghiêm cấm chè chén liên hoan ngoài chế độ trong hội nghị và tổng kết cuối năm. Tích cực chống mê tín dị đoan, ma chay lãng phí, tập tục lạc hậu. Tích cực giải quyết số lao động dôi thừa theo phương hướng và kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thông qua.

2. Về trị an sẵn sàng chiến đấu: Tăng cường củng cố, xây dựng lực lượng bổ sung hoàn chỉnh các phương án chiến đấu, bảo đảm đánh thắng mọi âm mưu, mọi thủ đoạn chiến tranh và thủ đoạn phá hoại của địch. Tích cực chủ động chống chiến tranh tâm lý, gián điệp và luôn luôn sẵn sàng bố phòng chống tập kích, biệt kích kể cả tập kích bằng đường không, v.v. đập tan những âm mưu gây rối, gây bạo loạn (chú trọng vùng giáp biên, các điểm quan trọng về kinh tế, quân sự, chính trị...). Bảo vệ canh gác cầu cống, đường sắt, kho tàng, v.v. không để xảy ra bị phá hoại. Chặn đứng các hiện tượng trộm cắp, tăng cường chống tiêu cực, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ an toàn tuyệt đối cho Đại hội Đảng các cấp (chú ý giữ gìn tài liệu và bí mật về thời gian, địa điểm họp Đại hội).

Hoàn thành tốt đợt 2 vận động xây dựng huyện thành pháo đài chiến đấu vững mạnh theo đúng kế hoạch và yêu cầu đã định. Giải quyết tốt số quân nhân đào ngũ cuối năm 1981 và làm tốt công tác

tuyển quân đầu năm 1982. Phối hợp hoạt động chặt chẽ của các ngành trong Khối Nội chính để tăng cường công tác thanh tra, kiểm sát và xét xử, nhằm đẩy mạnh chống tiêu cực hoàn thành dứt điểm các vụ thanh tra, kiểm tra Đảng làm trong năm 1981, đồng thời nhanh chóng xem xét, kết luận các vụ tố cáo, khiếu nại đã phát hiện.

Thực hiện nghiêm túc Hiến pháp và pháp luật. Nêu cao vai trò vị trí của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp trong quản lý kinh tế, xã hội, thực hiện đúng cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ bằng giáo dục và bằng các biện pháp tổ chức cụ thể. Tổ chức cho nhân dân làm chủ tập thể trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội, sống và làm việc theo pháp luật có hiệu quả.

3. Tiến hành tốt công tác mở Đại hội các cấp từ cơ sở lên tỉnh theo đúng kế hoạch và lịch của tỉnh đã đề ra, đồng thời bảo đảm tổng kết tốt công tác năm 1981, đề ra nhiệm vụ công tác năm 1982, trước mắt là quý I năm 1982 (báo cáo tổng kết năm của các cấp, các ngành, các ban gửi về Tỉnh ủy trước 31-12-1981).

Qua liên hệ báo cáo Đại hội của Trung ương có ngay chủ trương biện pháp sản xuất và chăm lo đời sống nhân dân, sửa chữa ngay những sai sót. Tích cực chuẩn bị đề ra nhiệm vụ phấn đấu cho nghị quyết công tác của Đại hội từ cơ sở lên để thực hiện tốt chương trình hành động trên, Tỉnh ủy yêu cầu:

- Các cấp ủy Đảng, các ban, ngành đoàn thể căn cứ những nội dung, yêu cầu trên đây để đề ra chương trình hành động cụ thể cho sát hợp với địa phương, đơn vị, cơ quan, ban, ngành.

- Các cấp ủy phải tập thể lãnh đạo, nhưng phải phân công cá nhân phụ trách, cụ thể các mặt công tác với trách nhiệm rõ ràng để bảo đảm vừa tiến hành Đại hội Đảng các cấp đạt được yêu cầu, vừa hoàn thành kết quả việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị: sản xuất, thu mua, phân phối, đời sống và giữ gìn trật tự, an ninh, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt. Các đồng chí thủ trưởng phải chỉ đạo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của ngành và đơn vị. Đồng thời các đồng chí đang làm nhiệm vụ kiểm tra và được giới thiệu đi ứng cử ở đâu phải

giúp đơn vị đó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Các ngành phải phục vụ tốt nhất nhiệm vụ sản xuất, thu mua, đời sống, an ninh chiến đấu.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục động viên cả bề rộng và bề sâu làm cho toàn Đảng bộ và quân dân trong tỉnh quán triệt được tình hình, nhiệm vụ, mọi người tự giác phấn khởi, hăng hái thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng. Cần biểu dương kịp thời những gương tốt, việc tốt của tập thể và cá nhân với việc giải quyết đúng đắn quan hệ ba lợi ích và biểu dương trên đài, trên báo nhằm khích lệ mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực.

- Các ban của Tỉnh ủy, các đoàn thể và Ban Thi đua hướng dẫn theo dõi, tổng hợp tình hình, thường xuyên báo cáo kết quả đợt thi đua này về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 36-TT/TU, ngày 18-12-1981

Về việc củng cố và tăng cường công tác của Hội y học cổ truyền dân tộc Việt Nam trong giai đoạn mới

Ba năm qua, thực hiện Nghị quyết số 266 của Hội đồng Chính phủ “về việc phát triển y học cổ truyền kết hợp chặt chẽ với y học hiện đại” ở tỉnh ta đã có những cố gắng nhất định, đã tạo nên phong trào trồng, thu hái sử dụng thuốc dân tộc và châm cứu có kết quả. Hội y học dân tộc cũng đã được thành lập ở cấp tỉnh và cấp huyện, thị. Nhưng nhìn chung phong trào phát triển y học cổ truyền và nuôi trồng khai thác, sử dụng thuốc dân tộc trong tỉnh ta còn nhiều yếu kém; sự hoạt động của Hội y học dân tộc còn yếu, việc quan tâm của các cấp, các ngành đối với công tác này chưa đầy đủ.

Để thực hiện Nghị quyết 266 của Hội đồng Chính phủ và triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 118, ngày 30-9-1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc củng cố tổ chức và tăng cường công tác của Hội y học cổ truyền dân tộc Việt Nam trong giai đoạn mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp, các ngành làm tốt một số việc sau đây:

1- Các cấp ủy, chính quyền và ngành y tế cần nghiên cứu và quán triệt nghiêm túc Chỉ thị số 118 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết 266 của Hội đồng Chính phủ ở từng cấp, từng ngành cho

tốt. Trên cơ sở đó kiểm điểm đánh giá và việc thực hiện công tác này ở cấp mình và ngành mình trong thời gian qua, và đề ra phương hướng kế hoạch thực hiện cụ thể. Các chỉ tiêu phấn đấu phải dựa vào kế hoạch hằng quý, hằng năm và thường xuyên kiểm điểm việc thực hiện.

2- Thực hiện việc đổi tên Hội đông y Việt Nam thành “Hội y học cổ truyền dân tộc Việt Nam” gọi tắt là “Hội y học dân tộc Việt Nam”. Đồng thời đề ra chương trình kế hoạch thực hiện tốt bốn nhiệm vụ của Hội y học dân tộc Việt Nam được nêu lên trong Chỉ thị số 118 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Qua đó, củng cố một bước tổ chức hội và đưa tổ chức hội vào hoạt động phục vụ tốt yêu cầu và nhiệm vụ y tế địa phương, ban cán sự ngành y tế cùng với Ban Tổ chức và Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy có trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng kế hoạch để củng cố và xây dựng tổ chức của Hội theo tinh thần Chỉ thị số 118 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

3- Ngành y tế cùng với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy có trách nhiệm chuẩn bị nội dung sơ kết tình hình thực hiện Nghị quyết 266 vào quý I năm 1982 và kế hoạch phát triển y học dân tộc Việt Nam ở tỉnh ta trong những năm tới cho tốt.

4- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, đồng chí phụ trách văn xã của Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm theo dõi đôn đốc thực hiện Thông tri này và nắm tình hình báo cáo kịp thời với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 588-QN/TU, ngày 19- 12-1981

Về việc thành lập Ban trừ bì và các tiểu ban Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III

Tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 7-11-1981 đã thảo luận và quyết định thời gian, yêu cầu và việc tổ chức chỉ đạo tiến hành Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III.

Để giúp Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh chỉ đạo thực hiện các yêu cầu, nội dung Đại hội tiến hành đạt kết quả tốt,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

I. THÀNH LẬP BAN TRỪ BÌ VÀ CÁC TIỂU BAN THUỘC BAN TRỪ BÌ ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH, GỒM CÁC ĐỒNG CHÍ NHƯ SAU:

A. Ban trừ bì Đại hội

- 1- Đồng chí Dương Việt Tiến, Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban.
- 2- Đồng chí Hà Thiết Hùng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Phó Trưởng ban.
- 3- Đồng chí Nguyễn Ngọc Hồ, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phó Trưởng ban.
- 4- Đồng chí Bùi Hữu Bình, Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên.

5- Đồng chí Lê Khay, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy viên.

6- Đồng chí Phạm Kham, Ủy viên ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh, Ủy viên.

7- Đồng chí Trần Đức Minh, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy viên.

8- Đồng chí Hoàng Kim Phấn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên.

9- Đồng chí Lê Đình Tịch, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên.

10- Đồng chí Tráng A Pao, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên.

11- Đồng chí Đỗ Khắc Cường, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy Văn Chấn, Ủy viên.

12- Đồng chí Trần Lục, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ủy viên.

13- Đồng chí Giàng A Páo, Ủy viên ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy, Ủy viên.

B. Các tiểu ban thuộc Ban trụ bị Đại hội

1. Tiểu ban nội dung:

1- Đồng chí Nguyễn Ngọc Hồ, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng tiểu ban.

2- Đồng chí Hà Thiết Hùng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên.

3- Đồng chí Bùi Hữu Bình, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên.

4- Đồng chí Hà Đình Khiêm, Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy viên.

5- Đồng chí Hà Hữu Hổ, Tỉnh ủy viên, Trưởng Ty Xây dựng, Ủy viên.

6- Đồng chí Nguyễn Quý Đăng, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nông nghiệp, Ủy viên.

7- Đồng chí Trần Hào, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh, Ủy viên.

8- Đồng chí Ngô Đình Kính, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Công nghiệp, Ủy viên.

9- Đồng chí Hoàng Ngọc, Phó Chính ủy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Ủy viên.

10- Đồng chí Vũ Gia Khoa, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Lâm nghiệp, Ủy viên.

11- Đồng chí Nguyễn Bài, Trưởng ban Công nghiệp Tỉnh ủy, Ủy viên.

12- Đồng chí Phạm Đình Nương, Trưởng ban Kinh tế Tỉnh ủy, Ủy viên.

13- Đồng chí Giảng Seo Dín, Phó Giám đốc Công an tỉnh, Ủy viên.

14- Đồng chí Nguyễn Nhân Trí, Phó Văn phòng Tỉnh ủy, Ủy viên.

15- Đồng chí Phạm Đạo, cán bộ nghiên cứu Văn phòng Tỉnh ủy, Ủy viên.

16- Đồng chí Nguyễn Huy Bông, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê, Ủy viên.

2. Tiểu ban nhân sự:

1- Đồng chí Dương Việt Tiến, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng tiểu ban.

2- Đồng chí Hà Thiết Hùng, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên.

3- Đồng chí Nguyễn Ngọc Hồ, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Ủy viên.

4- Đồng chí Lê Khay, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy viên.

5- Đồng chí Phạm Kham, Ủy viên Ban Thường vụ, Giám đốc Công an tỉnh, Ủy viên.

6- Đồng chí Trần Lục, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Kiểm tra, Ủy viên.

3. Tiểu ban tổ chức sinh hoạt

1- Đồng chí Lê Đình Tịch, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên.

2- Đồng chí Bùi Bằng Thịnh, Phó Trưởng ty xây dựng, Ủy viên.

3- Đồng chí Phùng Bích, Trưởng ban Tài chính - quản trị Tỉnh ủy, Ủy viên.

4- Đồng chí Nguyễn Yên, Trưởng Ty Lương thực, Ủy viên.

5- Đồng chí Phan Trinh, Giám đốc Sở Y tế - Thể dục thể thao, Ủy viên.

6- Đồng chí Nguyễn Đình Dương, Tỉnh ủy viên, Trưởng Ty Thương nghiệp, Ủy viên.

7- Đồng chí Nguyễn Thiệp, Phó Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên.

8- Đồng chí Ngô Du, Giám đốc Sở Tài chính vật giá, Ủy viên.

9- Đồng chí Lê Quang Nghiệp, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Ủy viên.

10- Đồng chí Nguyễn Ngọc Lân, Trưởng phòng Tài chính Ban Tài chính - quản trị Tỉnh ủy, Ủy viên.

11- Đồng chí Lê Văn Nhẫn, Chủ nhiệm Nhà khách Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên.

12- Đồng chí Đỗ Tuế, Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ty Giao thông, Ủy viên.

4. Tiểu ban tuyên truyền, khánh tiết:

1- Đồng chí Trần Đức Minh, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo, Trưởng tiểu ban.

2- Đồng chí Trần Nam, Trưởng ty Văn hóa thông tin, Ủy viên.

3- Đồng chí Chế Huy Đồng, Phó Giám đốc Đài phát thanh tỉnh, Ủy viên.

4- Đồng chí Vũ Văn Thụ, Tổng Biên tập báo *Hoàng Liên Sơn*, Ủy viên.

5. Tiểu ban bảo vệ:

1- Đồng chí Phạm Kiểm, Phó Trưởng ban Nội chính tỉnh, Trưởng tiểu ban.

2- Đồng chí Bạch Bá Năng, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Ủy viên.

3- Đồng chí Hoàng Tuyền, Phó Giám đốc Công an tỉnh, Ủy viên.

II. NHIỆM VỤ CỦA BAN TRÙ BỊ VÀ CÁC TIỂU BAN

A. Nhiệm vụ Ban trữ bị

Giúp Ban Chấp hành Đảng bộ chỉ đạo, chuẩn bị và điều hành toàn bộ những công việc từ khi chuẩn bị và quá trình họp Đại hội (cả 2 đợt), bảo đảm cho Đại hội đại biểu làm việc đạt yêu cầu về Đại hội.

B. Nhiệm vụ của các tiểu ban

1. Tiểu ban nội dung:

- Giúp cấp ủy theo dõi, tổng hợp những ý kiến Đại hội cấp dưới thảo luận, nội dung của Trung ương đưa xuống, gắn với tình hình thực tế của Đảng bộ. Chuẩn bị những nội dung, yêu cầu để đưa ra Đại hội Đảng bộ tỉnh thảo luận và góp ý kiến vào văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc.

- Tổng hợp tình hình, số liệu của các cấp, các ngành báo cáo giúp cấp ủy dự thảo báo cáo của Tỉnh ủy và nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III. Các cấp, các ngành có trách nhiệm làm báo cáo và cung cấp tài liệu, số liệu để tiểu ban nội dung tổng hợp thành văn kiện chung theo đúng thời gian, yêu cầu quy định.

- Theo dõi, Đại hội cấp dưới và tổng hợp báo cáo để Tỉnh ủy trình Đại hội tỉnh thảo luận quyết định.

- Dự thảo các văn kiện thuộc nội dung của Đại hội tỉnh.

2. Tiểu ban nhân sự:

- Giúp cấp ủy chuẩn bị số và chất lượng đại biểu Đại hội Đảng bộ tỉnh.

- Chuẩn bị số và chất lượng đoàn đại biểu của Đảng bộ đi dự Đại hội Đảng toàn quốc, giúp cho Đại hội thảo luận, bầu cử bảo đảm đúng tiêu chuẩn, nguyên tắc quy định.

- Giúp cấp ủy chuẩn bị nhân sự kiện toàn Ban Chấp hành của Đảng bộ, bảo đảm cho Đại hội thảo luận, bầu cử Ban Chấp hành đủ số và chất lượng, theo các Chỉ thị 55, Nghị quyết 32, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ V để Đại hội quy định.

- Chuẩn bị các tài liệu cần thiết, có quan hệ đến cán bộ, đảng viên và thay mặt cấp ủy trả lời khi đại biểu Đại hội yêu cầu.

- Chuẩn bị đầy đủ các văn bản phục vụ cho việc bầu cử bảo đảm đúng nguyên tắc quy định.

3. Tiểu ban tổ chức sinh hoạt:

- Giúp cấp ủy chỉ đạo trực tiếp toàn bộ việc bảo đảm đời sống về tinh thần, vật chất cho Đại hội.

- Chuẩn bị và phục vụ tốt nơi ăn, ở cho đại biểu Đại hội, bảo đảm đúng chế độ quy định, tránh phô trương hình thức lãng phí.

- Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe đại biểu Đại hội bảo đảm cho đại biểu Đại hội làm việc bình thường.

- Giúp cấp ủy làm tốt việc đối nội, đối ngoại cả Đại hội.

4. Tiểu ban tuyên truyền, khánh tiết:

- Giúp cấp ủy chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền sâu, rộng ý nghĩa, mục đích Đại hội trong tỉnh (cả trước, trong, sau đại hội, động viên các cấp, các ngành, đoàn thể quần chúng, mọi cán bộ, đảng viên, các bộ, công nhân viên, các lực lượng vũ trang, nhân dân các dân tộc trong tỉnh hướng vào Đại hội, thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội và động viên thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội đề ra.

- Tổ chức triển lãm, thông tin kịp thời những thành tích của các cấp, các ngành, đoàn thể chào mừng Đại hội (tất cả những nội dung tuyên truyền phải được chuẩn bị chu đáo, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy duyệt mới được phổ biến công khai).

- Lo việc trang trí, mời họp của Đại hội, tránh hình thức lãng phí.

5. Tiểu ban bảo vệ:

- Giúp cấp ủy về kế hoạch và chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác bảo vệ tuyệt đối an toàn cả quá trình chuẩn bị và trong thời gian Đại hội.

- Các nội quy cụ thể, đơn đốc, nhắc nhở đại biểu và nhân viên phục vụ thực hiện, bảo đảm an toàn tuyệt đối về người, tài sản trong quá trình Đại hội.

C. Các tiểu ban được sử dụng một số cán bộ cần thiết bảo đảm cho nhiệm vụ, số lượng cụ thể, báo cáo Ban trù bị quyết định

Số cán bộ, nhân viên phục vụ trong Đại hội tỉnh, tiểu ban bảo vệ có trách nhiệm xem xét, tổng hợp báo cáo Ban trù bị quyết định.

III. Các ban, ngành có liên quan và các đồng chí có tên trong Quyết nghị này chịu trách nhiệm thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA TỈNH ỦY

Số 31- BC/TU, ngày 31-12-1981

Về tình hình các mặt công tác năm 1981

Năm 1981 có nhiều khó khăn lớn về thời tiết: lúa mùa bị 3 đợt sâu bệnh, có đợt tới 1/3 diện tích; lúa chiêm xuân lúc trổ bị rét, lúa mùa trổ lại bị hạn, khi thu hoạch bị mưa kéo dài...

Trong công nghiệp và các hoạt động kinh tế khác bị rối về kế hoạch, do chuyển hướng sang thực hiện kế hoạch ba phần, do giá mới không đồng bộ và luôn thay đổi; vật tư, nguyên liệu, phương tiện thiếu nghiêm trọng; tiền và hàng thường xuyên khẩn trương, căng thẳng; giá cả thị trường “tự do” biến động lớn; đời sống công nhân viên chức khó khăn. Trong khi đó, hằng ngày phải sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt (...), nhất là ở các huyện biên giới.

Song, nhờ các nghị quyết, các chính sách và chế độ cải tiến quản lý kinh tế, lưu thông phân phối của Trung ương ban hành, đã tạo được thuận lợi và bắt đầu phát huy tác dụng nhờ tinh thần phấn đấu khắc phục khó khăn, ý thức tự lực, chủ động của lãnh đạo, chỉ đạo và của quần chúng nên đã thu được những kết quả đáng kể trên các mặt công tác.

I. VỀ KINH TẾ VÀ VĂN HÓA

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp

Tỉnh, huyện và cơ sở đã liên tục phấn đấu khắc phục khó khăn để thực hiện kế hoạch. Nhờ vậy, tổng diện tích gieo trồng cây hằng năm thực hiện được 119.315 ha vượt kế hoạch 7%, nhưng giảm 1,2% so với năm trước. Tổng diện tích cây lương thực thực hiện được 109.174 ha vượt kế hoạch 2,7%, và bằng 98,1% năm trước. Một số cây chính tăng hơn năm trước như: lúa ruộng tăng 3%, lúa nương tăng 1,4%, ngô tăng chút ít 0,2%, khoai lang tăng 7%.

Tình hình thâm canh có tiến bộ, chủ yếu là do tác động của việc khoán sản phẩm trong nông nghiệp, mặc dù phân hóa học giảm nhiều. Công tác thủy lợi và chống hạn, có cố gắng đặc biệt đã tích cực chống sâu bệnh, gieo cấy bảo đảm thời vụ, giảm hẳn diện tích cấy ngoài thời vụ. Do đó, mặc dù năng suất bị giảm (nhất là lúa ruộng bị sâu bệnh lớn, nên chỉ đạt độ 23 tạ/ha), nhưng cũng đã hạn chế được một phần thiệt hại, tổng sản lượng lương thực toàn tỉnh đạt ngót 210.000 tấn, bằng 88,3% kế hoạch và giảm trên 23.800 tấn so với năm 1980 (bằng 90% năm trước); trong đó thóc 117.974 tấn, tỷ trọng màu đạt 38,7%. Tình hình gieo trồng cây công nghiệp nói chung còn yếu, đỗ tương trồng được 1.537 ha, đạt 98% kế hoạch; chè trồng mới được 315 ha (kém năm 1980). Các loại cây khác như: trâu, sỏ, lai, dứa, v.v. cũng đều trồng được ít hơn năm 1980. Riêng quế có khá hơn (trồng mới được 203 ha).

Về chăn nuôi gia súc, nhờ có chính sách giá cả và nghĩa vụ mới nên phong trào có tiến bộ, nhất là ở khu vực gia đình nông dân và công nhân, viên chức. Trong đó, đàn lợn vượt kế hoạch 1,3%, đàn trâu, bò, ngựa đạt từ 95 đến 99%, song đều tăng hơn năm trước (trong đó đàn lợn tăng 12%). Công tác phòng, chống dịch còn yếu (dịch lợn xảy ra liên miên, không dập tắt được); lại thiếu giống tốt, thức ăn còn khó khăn, chăn nuôi cả hồ, ao trong nhân dân phát triển, song khu vực

quốc doanh, kể cả hồ Thác Bà bị kém hơn năm 1980, lượng cá đánh bắt được bị giảm.

Về trồng rừng tuy vốn đầu tư có ít nhưng đã cố gắng trồng được 3.540 ha, vượt kế hoạch 10,6%, chăm sóc rừng vượt kế hoạch 11%, song giảm nhiều so với năm trước (trồng rừng chỉ bằng 37%), vì vốn đầu tư giảm nhiều, dẫn đến thiếu việc làm ở các lâm trường, phong trào trồng rừng trong các hợp tác xã còn yếu. Việc giao đất, giao rừng cho hợp tác xã và gắn nông nghiệp với lâm nghiệp làm chưa tích cực. Các huyện và các hợp tác xã chưa dựa trên cơ sở đất đai và lao động hiện có để đẩy mạnh kinh doanh rừng. Nạn chặt, phá rừng còn rất nghiêm trọng, nhất là phá rừng để trồng cây lương thực và lấy gỗ, nứa làm xẻ ván bừa bãi.

Tóm lại về sản xuất nông, lâm nghiệp do thiên tai khắc nghiệt, nặng nề nhưng có sự cố gắng lớn, thể hiện tinh thần phấn đấu tích cực của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh và là kết quả thiết thực của việc thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động. Tuy nhiên, về mặt lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh, huyện và các ngành, nhất là các ngành chưa tập trung phục vụ nông nghiệp, nên hạn chế kết quả, như vấn đề thâm canh, tăng vụ, phát triển cây đặc sản, cây công nghiệp (bông lan, đậu, lạc, v.v.). Sản xuất lương thực, thực phẩm bị giảm sút, ngoài yếu tố do sâu bệnh phá hoại, còn do diện tích màu tụt trên 2.885 ha (riêng sản tụt trên 2.400 ha) làm giảm sản lượng lương thực hàng vạn tấn. Tư tưởng ỷ lại, trông chờ còn phổ biến trong thực hiện kế hoạch. Ý thức tận dụng đất đai để mở rộng thêm diện tích và tăng vụ, xen canh, gối vụ, v.v. đều chưa mạnh.

2. Về hợp tác hóa nông nghiệp

Năm qua tập trung chủ yếu vào việc chỉ đạo khoán sản phẩm trong nông nghiệp, được nông dân tập thể phấn khởi và hăng hái thực hiện, nên mặc dù tỉnh mới chính thức triển khai rộng từ vụ mùa, nhưng đã có 268 hợp tác xã thực hiện, chiếm 36% tổng số hợp tác xã; trong đó có 18 hợp tác xã vùng cao, có 200 hợp tác xã khoán cây lúa,

25 hợp tác xã khoán ngành, nghề, 22 hợp tác xã khoán chăn nuôi, 30 hợp tác xã khoán cây công nghiệp.

Việc khoán sản phẩm đã có tác dụng rõ rệt về chống thiên tai, hạn chế thiệt hại, thúc đẩy thâm canh, tăng năng suất, nông dân yên tâm phấn khởi. Các cấp ủy và cơ quan nông nghiệp tỉnh, huyện đang bám sát cơ sở để chỉ đạo phát huy mặt tích cực và uốn nắn lệch lạc của phong trào khoán, đang chuẩn bị sơ kết để rút kinh nghiệm, đẩy mạnh mở diện khoán các mặt sản xuất trong năm tới, nghiên cứu việc điều hành các khâu, tránh khoán trắng.

3. Sản xuất công nghiệp, giao thông, xây dựng cơ bản là những ngành gặp khó khăn rất lớn về nguyên liệu, vật tư, phương tiện, tiền vốn, giá cả, song đã cố gắng tìm cách khắc phục khó khăn để thực hiện kế hoạch sản xuất

Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các xí nghiệp ít phụ thuộc vào nguồn vật tư của Trung ương cấp đã cố gắng khai thác khả năng địa phương để bảo đảm sản xuất như: chè, quả hộp, đường rượu, giấy... nhưng lại khó khăn về bao bì, giá cả nên sản phẩm làm ra bị ứ đọng... Một số ngành, một số nông, lâm trường và cơ sở sản xuất đã có sự chuyển biến mới trong việc tận dụng lâm sản để sản xuất đồ mộc, sản xuất chế biến nông sản thực phẩm, hàng tiêu dùng, vừa bảo đảm tiền lương vừa tăng thu nhập cho công nhân. Nhiều xí nghiệp thuộc sở công nghiệp quản lý thực hiện đạt hoặc vượt mức kế hoạch, nhưng cả tỉnh thì trong số 36 xí nghiệp, chỉ có 15 xí nghiệp có khả năng hoàn thành toàn diện kế hoạch năm 1981 và có tới 18/51 sản phẩm chủ yếu không hoàn thành kế hoạch, nên ảnh hưởng không tốt về nhiều mặt. Giá trị sản lượng công nghiệp cả năm ước thực hiện được 46 triệu đồng bằng 95% kế hoạch năm, trong đó nhóm A đạt kế hoạch, nhóm B chỉ đạt 88,7%. Đối với các cơ sở tiểu thủ công nghiệp còn gặp khó khăn về lương thực, vốn vay, nhưng cũng có cố gắng đẩy mạnh sản xuất, nên thực hiện được 92% về kế hoạch giá trị và 95% về sản phẩm chủ yếu.

Nói chung tình thần tự lo nguyên liệu để sản xuất và phát triển các mặt hàng để phục vụ tiêu dùng ngay tại địa phương và để xuất

khẩu còn yếu trong các cấp, các ngành, thủ công nghiệp và ngành nghề trong nông thôn vẫn bị xem nhẹ, tư tưởng ỷ lại trông chờ cơ giới nặng. Sản phẩm làm ra không đạt chỉ tiêu kế hoạch, có thứ còn giảm sút hơn năm 1980, như: nông cụ, dược phẩm, vôi, gạch, than, gỗ, củi, cốt mủ, đánh bắt cá, v.v.. Sản xuất công nghiệp quốc doanh kém hơn thủ công nghiệp (thủ công nghiệp tăng 13%, nhưng quốc doanh chỉ bằng 93% so với năm 1980).

Về xây dựng cơ bản, trong tình trạng khó khăn chung, đã cố gắng đẩy mạnh sản xuất vật liệu địa phương, song vật tư Trung ương cấp rất thiếu, nhất là sắt thép. Để giải quyết tình hình khó khăn đó địa phương đã kiên quyết chỉ đạo tập trung giải quyết những công trình trọng điểm, các ngành có chuyển biến bước đầu về kế hoạch tiên vốn nên có khả năng thực hiện được 26 triệu đồng (theo giá cũ) vượt kế hoạch chút ít. Một số công trình như Nhà máy sứ Bảo Lương, Trạm bơm điện Việt Thành, một số cầu, đoạn đường và nhà ở đã cơ bản hoàn thành và đưa vào sử dụng. Song, tình trạng thiếu chuẩn bị cho thi công vẫn còn nhiều; còn rất vướng mắc về đơn giá xây dựng, còn nhiều công trình xây dựng cầm chừng, kéo dài, chất lượng kém.

Về vận tải, có nhiều khó khăn lớn về xăng dầu, phụ tùng thay thế, nên chỉ có 50% số đầu xe hoạt động, ngày xe hoạt động cũng chỉ thực hiện được từ 50- 60%, vận tải thường xuyên căng thẳng. Cả năm chỉ thực hiện được 85% về tấn hàng và tấn hàng/km, 81% về vận chuyển hành khách. Trong khi đó, việc tiết kiệm sử dụng vật tư và quản lý phương tiện, vật tư còn rất lỏng lẻo, chưa kiên quyết chỉ đạo điều hòa để tận dụng trọng tải hàng hóa hai chiều trên phạm vi toàn tỉnh. Vận tải bằng phương tiện thô sơ còn rất yếu, tư tưởng ỷ lại vào phương tiện cơ giới còn quá nặng nề.

Hoạt động thông tin liên lạc, bưu điện nói chung bảo đảm được bình thường. Tuy vậy, còn có mặt cố gắng chưa đầy đủ, chưa phục vụ được kịp thời và có chất lượng cho sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành trong tỉnh.

4. Về phân phối lưu thông, tài chính, tiền tệ năm qua thường xuyên căng thẳng, khẩn trương, nhất là về lương thực, thực phẩm, vải và một số mặt hàng thiết yếu khác. Tỉnh đã thường xuyên cố gắng giải quyết, song vẫn nhiều khó khăn

Thu mua lương thực, ước cả năm thực hiện được 21.000 tấn, có thể đạt kế hoạch cả năm (vụ chiêm đã được 5.460 tấn, vụ mùa đến ngày 29-12-1981 được 8.250 tấn). Hiện nay toàn tỉnh đang thực hiện các đối tượng được Nhà nước cấp lương thực (trừ trẻ em), tự giải quyết lấy phần màu độn từ 30% đến 50%, tùy theo từng loại đối tượng trong 5 tháng, đồng thời đang động viên các huyện (trừ huyện, thị biên giới) mua ngoài kế hoạch để tự giải quyết nhu cầu lương thực từ 3 tháng trở lên. Song, như vậy tỉnh cũng mới cân đối được nhu cầu của năm 1981. Nếu cân đối cả quý I năm 1982 thì vẫn còn thiếu 11.000 tấn. Tồn kho lương thực hằng ngày trong tỉnh rất mỏng, chỉ bảo đảm đủ bán từ 5 đến 10 ngày. Đó là khó khăn lớn nhất, vì đã bước vào mùa khô, yêu cầu sẵn sàng chiến đấu tăng cường cao hơn. Việc thu mua, quản lý phân phối của ngành lương thực chưa thật được đẩy mạnh, chặt chẽ và có việc còn tùy tiện trong thực hiện chế độ, chính sách, nên gây thắc mắc cho cơ sở.

Thu mua nông sản thực phẩm và công nghệ phẩm thực hiện được 62 triệu đồng, do giá tăng nên giá trị có tăng hơn năm trước, song về mặt hàng khối lượng thì không đạt kế hoạch năm. Các mặt hàng chủ yếu đều mua kém hơn năm 1980 và không đạt kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là do sản xuất còn hạn chế, song về mặt quản lý khai thác nguồn hàng và đổi mới kinh doanh vẫn chuyển biến chậm, do giá cả gây ra sự lỗ vốn lớn. Mua hàng cấp I thực hiện được 161 triệu đồng, tăng gấp đôi năm 1980, song về lượng cũng không đạt kế hoạch năm 1981 (có 5 mặt hàng tăng hơn năm 1980, 8 mặt hàng đạt kế hoạch, còn lại đều thấp hơn năm 1980 và không đạt kế hoạch), hoạt động của ngành hợp tác xã mua bán được đẩy mạnh, cố gắng khai thác nguồn hàng ngoài tỉnh (9,3 triệu đồng) vượt kế hoạch 13%. Mua hàng xuất khẩu còn yếu, chưa có cố gắng cao, nên chỉ thực hiện được 19 triệu đồng, không đạt kế hoạch, chỉ có 3 mặt hàng đạt và vượt kế hoạch là

quế, giấy, gỗ bao gì, khối lượng phần lớn là chè nhưng không có bao bì và vận chuyển. Nhiều thứ hàng có khả năng và tỉnh đã có chủ trương đẩy mạnh phát triển, nhưng biện pháp chỉ đạo và tinh thần trách nhiệm trong thực hiện chưa đầy đủ, nên chưa có kết quả đáng kể.

Do hàng ít và thiếu nên tình hình bán ra cũng rất hạn chế chỉ có một mặt hàng tăng hơn năm trước là dầu hoả, còn lại đều thấp hơn năm trước. Việc triển khai thực hiện phân định hai hệ thống của hàng, ba quỹ hàng hóa của thương nghiệp còn làm chậm. Các mặt hàng cung cấp cũng không thực hiện được tốt (việc cấp theo định lượng cho cán bộ, công nhân viên tuy cân đối cả năm không thiếu nhiều nhưng việc điều vận đến các cơ sở, đến tay người tiêu dùng còn khó khăn, nên không cung cấp đủ và không đều (kể cả lương thực); có nơi chưa thanh toán được tiêu chuẩn quý IV; đường còn thiếu tháng 9 (kể cả cho lực lượng vũ trang). Các mặt hàng cung cấp không định lượng thực hiện còn rất chậm và tùy tiện. Đối với nhân dân, muối và dầu hoả thì cân đối đủ bán song đưa về cơ sở để bán ra không bảo đảm, vì vận tải không đáp ứng được, nên có lúc xảy ra thiếu thốn, vải mặc trong nhân dân rất khó khăn. Bên cạnh đó, một số loại hàng vì giá quá cao nên không bán ra được nhất là đồ nhôm, nông cụ, nhiều mặt hàng lại chậm có giá, nên đã gây tồn kho giả tạo lên tới 100 triệu đồng. Giá cả thị trường “tự do” tăng 50% so với cùng kỳ năm trước. Đời sống công nhân, viên chức giảm sút (theo tính toán của nghiệp vụ giảm 11,7%).

Tình hình tài chính và tiền mặt rất khó khăn vì sản xuất giá cả không ổn định. Thu chi ngân sách lên tới 223 triệu đồng, gấp 3 lần so với kế hoạch chưa điều chỉnh và so với cùng kỳ năm trước, trong đó thu địa phương chỉ chiếm 18%. Các xí nghiệp địa phương mới thực hiện được 21% kế hoạch nộp ngân sách. Tình hình tiết kiệm chi tiêu có một số tiến bộ, song chỉ cho phát triển kinh tế còn yếu, chiếm có 8% và bằng 82% cùng kỳ năm trước, chi bù chênh lệch giá chiếm 62%.

Về chi tiền mặt, thường xuyên căng thẳng, tổng thu ước thực hiện được 223 triệu đồng, tổng chi tới 372 triệu đồng, bội chi tiền mặt tới 149 triệu đồng, vượt 15% so với kế hoạch.

Tóm lại, về phân phối lưu thông trước tình hình biến động lớn về tiền, hàng và giá cả nhất là trong quý III năm 1981, nhưng đã cố gắng khắc phục để thực hiện kế hoạch và bảo đảm phục vụ đời sống nhân dân, nên dần dần đến nay đã khó khăn một phần (như vấn đề tiền để thu mua, hàng hóa để phân phối). Tuy nhiên do hàng hóa thiếu, giá cả tăng và biến động, một số ngành quản lý không chặt để xảy ra tình trạng phân phối tùy tiện hư hao tổn thất hàng hóa, v.v.. Việc chuyển sang kinh doanh cũng còn chậm và lúng túng, chưa khống chế được thị trường “tự do”. Đời sống nhân dân có nhiều khó khăn, nhất là công nhân, viên chức, bộ đội.

5. Về văn hóa - xã hội phát triển bình thường. Công tác giáo dục tiếp tục phát triển. Số học sinh tăng khá và vượt kế hoạch 28,9%. Song chất lượng giáo dục còn yếu, cả về kiến thức văn hóa và tư cách đạo đức học sinh. Đáng chú ý là xây dựng trường tiên tiến giáo dục chính trị, quản lý trường lớp, học sinh còn bị xem nhẹ nên có những hiện tượng tiêu cực xảy ra trong các trường học và học sinh. Cơ sở vật chất của các trường lớp còn rất thiếu thốn, tạm bợ, sách giáo khoa thiếu. Phong trào giáo dục ở vùng cao biên giới vẫn còn yếu, chưa củng cố, phát triển được vững chắc.

Các hoạt động văn hóa thông tin, báo chí, truyền thanh và văn nghệ có cố gắng trong việc đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến các chủ trương, chính sách. Phong trào văn nghệ quần chúng phát triển tốt, mở được các hội diễn văn nghệ và thu hút được quần chúng tham gia. Tuy vậy phong trào xây dựng nếp sống mới, văn hóa mới, chống mê tín dị đoan, chống văn hóa không lành mạnh chưa được đẩy mạnh.

Về y tế, ngoài bệnh dịch đau mắt đỏ ra, không xảy ra vụ dịch bệnh nào đáng kể. Song, phong trào vệ sinh, nhất là nơi công cộng còn rất yếu. Công tác khám và chữa bệnh có nơi tiến bộ, nhưng thuốc chữa bệnh thường xuyên thiếu, thuốc bồi dưỡng sức khỏe hiếm, nuôi trồng và sản xuất sử dụng thuốc nam, thuốc địa phương còn kém, còn nặng tư tưởng ỷ lại vào thuốc trên cấp về. Quản lý bệnh viện và chăm sóc người bệnh quản lý thuốc còn nhiều biểu hiện lỏng lẻo tùy tiện, chậm khắc phục các tiêu cực.

Các hoạt động thể dục thể thao có phần phát triển. Công tác xây dựng nhà nhóm giữ trẻ nuôi dạy trẻ có một số tiến bộ. Việc vận động sinh đẻ kế hoạch ngày càng được đẩy mạnh hơn, song việc quản lý và thực hiện các chính sách chế độ cũng còn những thiếu sót, cần được khắc phục tiếp tục.

II. VỀ QUÂN SỰ VÀ AN NINH

1. Về quân sự: (...) tỉnh đã tập trung liên tục tiến hành cuộc vận động xây dựng pháo đài chiến đấu vững mạnh. Đợt 1 tiến hành ở 23 xã (có 21 xã biên giới) với 865 cán bộ tham gia chỉ đạo vận động và đã kết thúc thắng lợi. Hiện nay đang tiến hành đợt 2 ở 58 xã, 4 phường và một số đơn vị cơ quan, xí nghiệp trực thuộc huyện, thị (có 4 xã giáp biên còn lại) với 650 cán bộ tham gia. Cả 2 đợt vận động đều tập trung dồn sức chỉ đạo làm ở tuyến I, các huyện, thị tuyến sau thì làm thí điểm ở các cụm xã trọng điểm. Trong đợt 2 tiến hành ở các xã mới và tập trung củng cố hoàn chỉnh những việc còn lại ở đợt 1 để từng bước tiến lên vững chắc. Cuộc vận động này có nội dung toàn diện, nhằm xây dựng thế trận chính trị, quân sự, an ninh và dân cư kinh tế. Qua đó tạo được chuyển biến mới thiết thực, ở mỗi xã giáp biên đã lập ra một trung đội dân quân tập trung và 12 cán bộ chuyên trách xã hưởng chế độ do Nhà nước quy định. Nhờ vậy, tình hình làm chủ vùng giáp biên có tiến bộ, hạn chế được hoạt động của địch, đánh địch có hiệu quả hơn, có 2 trận hiệu suất chiến đấu cao (...), tình hình tư tưởng quần chúng ổn định hơn.

Các lực lượng vũ trang trong tỉnh đã cố gắng đẩy mạnh học tập huấn luyện, diễn tập các phương án và thực hiện sẵn sàng chiến đấu. Công tác tuyển quân hoàn thành vượt chỉ tiêu. Việc giải quyết quân đào lạc ngũ đang tiếp tục đẩy mạnh.

Song, công tác quân sự còn bộc lộ một số mặt yếu như: Hiệp đồng, thông tin chưa tốt, dự trữ hậu cần còn mỏng, chỉ đạo, chỉ huy còn lúng túng, quan hệ quân dân tuy có tiến bộ nhưng vẫn còn những biểu hiện

tiêu cực, chưa tốt, còn nhiều sơ hở (...). Lực lượng vũ trang và bộ đội biên phòng hoạt động chưa đều, có lúc, có nơi vẫn sơ hở, chưa làm chủ được đường biên.

2. Về an ninh, kẻ địch ngày càng tăng cường hơn về chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp bằng các hình thức phát thanh, thả truyền đơn, truyền tin (...), móc nối gây cơ sở. Ta đã phát hiện 43 vụ, bắt giữ 91 tên (...), bắt cóc xảy ra 2 vụ, bắt cán bộ xã Nậm Chảy để khai thác rồi thả về. (...). Ở nội địa, tình hình truyền tin tâm lý của địch có giảm, nhưng vẫn xảy ra một số vụ (như thơ ca phản động...). Trong Thiên Chúa giáo, có hiện tượng tăng cường liên hệ với nước ngoài, đưa sách kinh thánh, thánh giá và hàng tiêu dùng về địa phương (đã thu giữ sách và thánh giá). Tình hình người trốn sang Trung Quốc vẫn còn (6 hộ, 181 nhân khẩu) song có giảm so với năm trước.

Về trật tự an toàn xã hội nhìn chung các vụ việc xảy ra có giảm hơn năm trước, phạm pháp 884 vụ, giảm 219 vụ; các trọng án cũng giảm; thiệt hại về người cũng giảm rõ rệt (chết giảm 89 người, bị thương giảm 38 người). Công tác điều tra phát hiện và xử lý các vụ xảy ra nói chung có cố gắng và đạt kết quả tốt.

Cuộc vận động bảo vệ an ninh Tổ quốc đã được cấp ủy trực tiếp chỉ đạo tập trung chặt chẽ cùng với cuộc vận động xây dựng pháo đài chiến đấu vững mạnh. Phong trào chống tiêu cực và các hoạt động nghiệp vụ, phối hợp giữa quân sự và an ninh có nhiều chuyển biến tốt, khám phá được nhiều vụ trọng án (90%) và 20 ổ nhóm lưu manh. Tổ chức công an từ tỉnh đến cơ sở được kiện toàn theo tinh thần mới. Công tác tập huấn cán bộ, chiến sĩ công an được đẩy mạnh, đang ở bước hoàn thành.

Song, công tác chống hoạt động tình báo của địch, tấn công địch nắm diễn biến bên địch chưa mạnh, chưa chắc. Công tác phát hiện địch gài nội bộ ta là còn yếu. Công tác bảo vệ kinh tế, chống địch phá hoại về tư tưởng, kinh tế còn nhiều lúng túng. Việc quản lý, giáo dục đối tượng nói chung còn yếu và sơ hở. Các vụ việc xảy ra, quấy rối trật tự an ninh xã hội như: cướp giật, đâm giết nhau, lừa đảo, trộm cắp trắng trợn, v.v. vẫn còn xảy ra ở các địa bàn chưa chặn đứng lại được.

3. Về kiểm sát, thanh tra, xét xử và chống tiêu cực nói chung được tăng cường. Đã phối hợp mở 158 cuộc thanh tra, chủ yếu là thanh tra về kinh tế, phát hiện sai sót sơ hở, chống tiêu cực. Ngành kiểm sát đã tăng cường công tác kiểm sát chung, tập trung chủ yếu vào ngành vật tư, thương nghiệp, lương thực, hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán, phát hiện nhiều vi phạm. Công tác truy tố, xét xử của Kiểm sát và Tòa án làm tích cực, khẩn trương nên đã xét xử được 578/725 vụ án các loại; trong đó có vụ là phản động và 2 vụ tổ chức đưa người trốn đi Trung Quốc. Đường lối truy tố, xét xử bảo đảm tốt.

Tuy nhiên, việc thực hiện phương châm, phương pháp trong khi thanh tra chưa tốt, nhất là chưa sử dụng tốt các ngành quản lý thiếu sự cộng tác phối hợp giữa ngành chủ quản với các đoàn thanh tra nên thường bị kéo dài, tác dụng thanh tra bị hạn chế. Sự phối hợp trong điều tra, truy tố và xét xử cũng còn những biểu hiện chưa chặt chẽ, nên có một số vụ chậm được giải quyết. Phong trào đấu tranh chống tiêu cực trong kinh tế và xã hội chưa được đẩy mạnh, một số cấp ủy và một số ngành chưa coi trọng công tác này, chưa thường xuyên gắn chặt với chỉ đạo thực hiện kế hoạch và các nhiệm vụ thường xuyên. Vì vậy các hiện tượng tiêu cực vẫn tiếp diễn, chưa có chuyển biến cơ bản. Việc cải tiến quản lý và chính sách kinh tế chưa ổn định, chưa đồng bộ, cũng dẫn đến những biểu hiện tiêu cực mới cần khắc phục, nhất là về giá cả và giao nộp sản phẩm, mua bán hàng hóa, vật tư.

III. VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN VÀ PHONG TRÀO QUÂN CHÚNG

1. Về xây dựng Đảng

Năm 1981 công tác củng cố cơ sở đảng đã được tiến hành liên tục, mạnh mẽ, gắn chặt xây dựng Đảng với các nhiệm vụ trọng tâm, nhằm thực hiện các nghị quyết của Trung ương Đảng và thông qua các cuộc vận động, bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng pháo đài huyện,

thị vững mạnh, phong trào chống tiêu cực, sinh hoạt chính trị, phát thẻ đảng viên...

Qua đó đẩy mạnh liên tục công tác giáo dục tư tưởng, nâng thêm nhận thức về đường lối, chính sách của Đảng, nhất là về kinh tế và quốc phòng, an ninh. Các cấp ủy nắm chắc hơn tình hình cơ sở và đảng viên, nhất là số có vấn đề chính trị để có biện pháp giải quyết, quản lý tốt hơn. Qua đó đã lựa chọn cán bộ, kiện toàn cấp ủy nhất là cơ sở xã vùng biên giới (đã kiện toàn 91 cấp ủy cơ sở, thay thế 112 cấp ủy viên không bảo đảm năng lực và phẩm chất, trong đó có 8 bí thư, 22 phó bí thư, 4 chủ tịch, 3 trưởng công an, 5 xã đội trưởng). Năm qua đã có 29 cơ sở được biểu dương tặng cờ, tình hình cơ sở bảo đảm trong sạch hơn, sức chiến đấu tăng lên. Các xã giáp biên đã lựa chọn và quyết định công nhận 289 cán bộ chuyên trách công tác xã. Số cán bộ này đã thể hiện yên tâm, hăng hái, phấn khởi công tác.

Công tác phát triển Đảng có chuyển biến, song chưa mạnh. Trong 9 tháng đã kết nạp thêm được 524 đảng viên mới (nữ 78%, đoàn viên thanh niên 73%, dân tộc ít người 34%, công nhân 15%, nông thôn 41%). Công tác phát thẻ đảng viên được chỉ đạo chặt chẽ, bảo đảm tốt các nguyên tắc, thủ tục, đẩy mạnh được đấu tranh phê bình nâng cao thêm chất lượng đảng viên. Đến nay, đã có 854/862 cơ sở đảng được phát thẻ; 24.774 đảng viên đã được nhận thẻ (có 1.242 đảng viên dự bị). Hiện nay đang còn 8 cơ sở với gần 2.000 đảng viên chưa được nhận thẻ vì còn những mặt yếu kém cần được củng cố thêm.

Qua các đợt vận động và qua công tác thường xuyên, việc thi hành kỷ luật trong Đảng cũng được đẩy mạnh, kịp thời và kiên quyết. Trong năm qua đã thi hành kỷ luật 666 đảng viên, chiếm 2,6% so với tổng số đảng viên, ít hơn năm 1980 509 vụ, có 4 trường hợp phạm tiêu chuẩn chính trị, về tham ô chiếm nhiều nhất (143 đồng chí), trình độ chính trị quá thấp có 62 đồng chí, về mức độ xử trí khai trừ chiếm 37% đưa ra đảng chiếm 21%, lưu Đảng chiếm 14%, số đảng viên là cấp ủy cơ sở trở lên và số đảng viên thuộc tỉnh quản lý chiếm 40,9%. Ý thức phấn đấu tu dưỡng, giữ gìn kỷ luật trong Đảng có tiến bộ.

Công tác giải quyết thư tố cáo và khiếu nại được quan tâm. So với năm trước, số thư tố cáo tăng 4, đã tập trung giải quyết được 169 vụ, chiếm 64%, thư khiếu nại giảm 13 vụ và đã giải quyết được 63 vụ, chiếm 65%.

Tuy nhiên, đến nay vẫn còn một số cơ sở yếu kém, chưa được củng cố, ý thức tổ chức, kỷ luật còn nhiều biểu hiện lỏng lẻo, chưa thật sự đi vào lãnh đạo tốt sản xuất, chiến đấu, đời sống và chống các biểu hiện tiêu cực, ý chí chiến đấu chưa thật sự được nâng cao.

Về mặt công tác cán bộ và kiện toàn các ngành được tăng cường thêm một bước, như kiện toàn lãnh đạo các ngành thương nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, văn hóa thông tin, Ủy ban Kiểm tra, Ban Tổ chức Đảng, chính quyền, Trường Đảng tỉnh... và đã thành lập thêm Ban Xây dựng cơ bản và Công ty Cây đặc sản (cây anh túc). Đã đề bạt 7 đồng chí trưởng và 20 đồng chí cấp phó ngành, ban trực thuộc tỉnh.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được chú trọng đã cử 279 đồng chí đi học các trường do Trung ương mở, đã có 491 cán bộ, đảng viên được học chương trình cơ sở, 788 đồng chí học chương trình sơ cấp, 363 đồng chí học chương trình trung cấp, đội ngũ cán bộ mới được lựa chọn và bổ sung của các xã thuộc huyện biên giới cũng đã mở các lớp bồi dưỡng ngắn ngày để bảo đảm lãnh đạo và điều hành công việc. Thực hiện chính sách cán bộ đã giải quyết cho 272 đồng chí về hưu, 213 đồng chí chuyển vùng. Đối với số cán bộ của Trung ương tăng cường tỉnh và huyện, thị đang tiến hành phân loại và giải quyết theo sự chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương.

Song việc lựa chọn bố trí cán bộ còn khó khăn nhất là các chức danh chủ chốt vì thiếu quy hoạch và thiếu kế hoạch, chủ động việc thực hiện chức năng quản lý của cấp huyện còn lúng túng nhiều. Đời sống cán bộ có nhiều khó khăn nên thiếu phấn khởi, làm việc cầm chừng. Lễ lối lãnh đạo, chỉ đạo tuy có tiến bộ mới, cụ thể sâu sát và tập trung hơn, song hội họp còn nặng nề và quá nhiều. Các ngành các cấp chưa thực sự phát huy vai trò chức năng, và trách nhiệm trước các công việc. Tư tưởng trông chờ, ỷ lại trong cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý còn nặng, nhất là trên lĩnh vực chuyển hướng chỉ đạo quản lý kinh tế.

2. Về chính quyền, cuộc bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân ba cấp được tăng cường, lãnh đạo, chỉ đạo chú trọng công tác tuyên truyền giáo dục phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, nên mặc dù có nhiều khó khăn kẻ địch tăng cường phá hoại bằng chiến tranh tâm lý, nhưng tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu đạt cao (từ 96 đến 99,5%). Cơ cấu, thành phần, trình độ và tiêu chuẩn đại biểu tham gia Quốc hội và Hội đồng nhân dân ba cấp bảo đảm được các yêu cầu đề ra. Qua đó đã kiện toàn Ủy ban nhân dân các cấp, bảo đảm tăng cường đoàn kết, nhất trí, tăng cường lãnh đạo thực hiện mọi nhiệm vụ. Riêng Ủy ban nhân dân tỉnh có 9 đồng chí tái cử, 12 đồng chí mới tham gia, có 14 đồng chí đã học hết cấp III, 10 đồng chí có trình độ đại học, 10 đồng chí đã học chương trình cao cấp và trung cấp lý luận chính trị.

Cuộc vận động xây dựng cấp huyện từng bước được đẩy mạnh, cơ bản đã thực hiện phân cấp cho cấp huyện, phát huy tốt hơn vị trí, chức năng của cấp huyện. Cấp huyện ngày càng phát huy tốt tính tích cực và chủ động, nhất là về kinh tế. Tuy vậy về nội dung, quyền hạn chưa rõ, còn lúng túng.

3. Về vận động quần chúng được thường xuyên quan tâm đẩy mạnh, tập trung chủ yếu vào công tác giáo dục tư tưởng, thông qua các cuộc vận động như: Bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng huyện, thị thành pháo đài chiến đấu vững mạnh, đẩy mạnh sản xuất, xây dựng Đảng, chống tiêu cực (...), tập trung giáo dục quần chúng nâng cao nhận thức về kẻ thù, phát động căm thù nâng cao ý chí chiến đấu và lòng tin đã thu được kết quả tốt.

Đối với nông dân nông thôn, thông qua vận động thực hiện khoán sản phẩm đã tạo được khí thế hăng hái, phấn khởi, lao động sản xuất, tin tưởng vào triển vọng phát triển sản xuất nông nghiệp. Riêng đối với công nhân, viên chức, do có nhiều khó khăn về kinh tế, công tác giáo dục lại chưa được đẩy mạnh, nên khí thế nói chung còn kém, thậm chí có nơi có lúc trì trệ.

Hoạt động của các đoàn thể quần chúng cũng tập trung vận động thi đua thực hiện nhiệm vụ và củng cố xây dựng tổ chức cơ sở. Song

nhìn chung phong trào mỗi đoàn thể đều chưa mạnh, nên kết quả còn hạn chế.

IV. KẾT LUẬN

Qua một năm phấn đấu trong điều kiện có rất nhiều khó khăn, phức tạp về kinh tế, xã hội và dịch họa, thiên tai, song nhờ có các nghị quyết và các chính sách mới của Trung ương nên đã tạo được nhiều thuận lợi rất cơ bản để phát huy tiềm năng, sức lực mọi mặt và đã thu được những kết quả đáng kể.

1. Đã nêu cao tinh thần vượt khó khăn, hạn chế được thiệt hại, bảo đảm sản xuất nông, lâm nghiệp thu được kết quả tốt, nhất là về sản xuất lương thực, chăn nuôi. Các hoạt động kinh tế khác đều có cố gắng khắc phục những khó khăn gay gắt, vươn lên thực hiện cơ bản đạt kế hoạch, từng bước khắc phục lối quản lý hành chính bao cấp chuyển sang hình thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Các hoạt động văn hóa, xã hội tiếp tục phát triển.

2. Về quân sự và an ninh, thông qua các cuộc vận động đã tạo được chuyển biến tốt và tương đối toàn diện, tạo ra thế trận mới để làm chủ vùng biên giới. Trật tự an toàn xã hội có chuyển biến tiến bộ hơn so với trước.

3. Công tác xây dựng Đảng được đẩy mạnh liên tục, thông qua các đợt vận động, qua công tác phát triển đảng viên và qua các đợt sinh hoạt chính trị, làm cho Đảng bộ trong sạch, vững mạnh hơn. Các cơ sở đảng ở vùng biên giới cũng được củng cố một bước quan trọng. Các cấp ủy Đảng đã từng bước đổi mới tác phong lãnh đạo, chỉ đạo, chú ý đi sâu vào kinh tế.

Song, trong năm qua còn những mặt yếu như sau:

1- Chưa phát huy được mạnh mẽ mọi khả năng của địa phương về đất đai, lao động, nguyên liệu để đẩy mạnh sản xuất, nhất là sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, chỉ đạo thâm canh cây trồng vẫn yếu, nhất là các vùng trọng điểm lúa màu,

sản xuất màu chưa mạnh, chưa chỉ đạo tập trung và có khó khăn lớn về chế biến, sử dụng. Chăn nuôi (kể cả cá) và phát triển cây công nghiệp còn chậm. Các hợp tác xã nông nghiệp vẫn chưa vươn lên làm tốt hơn lâm nghiệp, ngành, nghề. Các ngành kinh tế khác chuyển hướng sang hạch toán kinh doanh còn chậm, còn bảo thủ, ngại khó. Hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu không tăng hoặc tăng chậm, có mặt tụt. Tài chính, tiền tệ, phân phối lưu thông còn nhiều khó khăn, giá cả thị trường tăng cao và không ổn định. Đời sống nhân dân trước hết là cán bộ, công nhân viên, bộ đội có khó khăn, có mặt khó khăn hơn năm 1980 (ăn, mặc...).

2- Năm tình hình âm mưu địch chưa chắc, đánh địch vẫn thiếu chủ động và còn nhiều sơ hở. Chống chiến tranh tâm lý và dư luận sai lệch không nhanh, nhạy, sắc sảo. Chống tiêu cực chưa mạnh, chưa tập trung, kết quả còn hạn chế. Trật tự an ninh xã hội vẫn còn những vụ xảy ra nghiêm trọng, chưa ngăn chặn được về căn bản.

3- Cơ sở đảng đang còn nhiều mặt non yếu, nhất là trong lãnh đạo kinh tế. Công tác cán bộ đang còn nhiều khó khăn, nhất là cơ sở và huyện, thiếu quy hoạch, chủ động nên chưa đáp ứng được yêu cầu mới. Lề lối lãnh đạo, chỉ đạo còn thiếu năng động, thói quen của lối quản lý hành chính bao cấp còn là phổ biến.

Với những nhận thức và nhân tố mới, lại được các nghị quyết, chính sách của Trung ương ngày càng soi sáng và từ những bài học thực tế sinh động của năm qua nhất định ta sẽ khắc phục được khó khăn trở ngại, tiến lên hơn nữa trong năm tới.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

KẾ HOẠCH CỦA TỈNH ỦY

Số 01-KH/TU, ngày 3-1-1981

**Về đợt vận động đẩy mạnh an ninh chính trị,
trật tự xã hội, tăng cường quản lý thị trường**

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

Âm mưu thâm độc và xảo quyệt (...) là lợi dụng khó khăn về kinh tế và đời sống của ta, (...), về chính trị gây phức tạp trong nội bộ nhân dân, bôi đen, gây tư tưởng hoài nghi thiếu tin vào đường lối, chính sách của Đảng ta và Nhà nước chia rẽ các lực lượng, các dân tộc, phá vỡ các tổ chức của ta ở cơ sở làm hư hỏng sa đọa biến chất một số cán bộ của ta, làm suy yếu sức mạnh tổng hợp, nhất là sức chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân. Thông qua đó địch đẩy mạnh hoạt động tình báo, gián điệp, cài cắm móc nối cơ sở, xây dựng lực lượng nhằm kích động gây rối, gây bạo loạn, nhất là chúng cố tạo ra những điểm lổm ở khu vực biên giới để chống phá ta trước mắt cũng như lâu dài.

Tình hình buôn bán hàng hóa Trung Quốc nhất là ở địa bàn huyện Mường Khương, Phố Lu (Bảo Thắng) đang là vấn đề phổ biến nghiêm trọng, kéo dài gây tác hại nhiều mặt nhất là về an ninh, quốc phòng, kinh tế và xã hội, giải quyết vấn đề này là một sự đòi hỏi khẩn thiết hiện nay, nhằm ổn định tình hình, ngăn chặn đập tan âm mưu thâm độc của bọn phản động (...).

Về yêu cầu:

1- Phát động giáo dục sâu rộng trong nhân dân các dân tộc trong cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nâng cao cảnh giác nhận rõ âm mưu thâm độc, xảo quyệt của địch dùng kinh tế, hàng hóa để phá hoại ta nhiều mặt, (...).

3- Phải luôn luôn đề cao cảnh giác tăng cường đoàn kết quân dân, đoàn kết các lực lượng đập tan mọi thủ đoạn kích động phá hoại của địch. Trong quá trình vận động giải quyết quản lý thị trường, phải bảo đảm chính sách, nguyên tắc, vận dụng linh hoạt tùy từng đối tượng mà có cách xử lý thích hợp. Bảo đảm đoàn kết trong nội bộ nhân dân và trong các lực lượng vũ trang, xử lý, thích đáng bọn buôn lậu, đầu cơ trục lợi, cố tình chống lại chủ trương của ta.

II. NỘI DUNG VÀ BIỆN PHÁP TIẾN HÀNH

1. Về biện pháp: Phải kết hợp sử dụng đồng bộ các biện pháp phát động quần chúng, hành chính, kinh tế và pháp luật. Trước hết phải tập trung phát động giáo dục quần chúng nhân dân các dân tộc, cán bộ, nhân viên, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang tự đứng ra giải quyết, ngăn chặn, đồng thời kết hợp chặt chẽ biện pháp hành chính sử dụng lực lượng cần thiết truy quét bọn chuyên buôn lậu, vận chuyển hàng hóa (...), chặn đứt các đường dây buôn lậu từ biên giới vào nội địa và từ nội địa ra biên giới. Dùng biện pháp kinh tế để thu mua, tịch thu, hoặc xử phạt những phần tử chuyên buôn lậu, (...), đồng thời phải đưa ra truy tố một số vụ việc đối tượng điển hình, nghiêm trọng để giáo dục ngăn chặn chung.

2. Nội dung cụ thể

a) Tiến hành mở đợt phát động giáo dục quần chúng, đối với địa bàn huyện Mường Khương, gồm 10 xã giáp biên, 4 xã nội địa, các cơ quan xung quanh huyện, các đơn vị vũ trang đóng ở trong huyện đối với địa bàn Bảo Thắng tập trung phát động ở thị trấn Phố Lu. Cấp

ủy, chính quyền, tổ công tác xã, cấp ủy, thủ trưởng cơ quan, đơn vị vũ trang trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo phát động giáo dục quần chúng. Phòng Phong trào Công an tỉnh cùng với Ban Chính trị Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp với Ban Tuyên giáo, Ban Dân tộc của tỉnh biên soạn tài liệu ngắn, sát hợp tình hình thực tế phục vụ cho học tập.

b) Sau khi đã được giáo dục học tập, mọi người, mọi gia đình tự khai báo việc mua bán, sử dụng hàng hóa (...), đồng thời có trách nhiệm phát hiện những người đã nhiều lần vượt biên (...) buôn bán, những người chuyên buôn hàng (...) từ biên giới vào nội địa, những cơ sở tích trữ, tiêu thụ hàng hóa (...), động viên mọi người, mọi gia đình ngoài những thứ hàng hóa đã dùng số còn lại đem bán cho Nhà nước theo giá quy định từng mặt hàng của tỉnh (Ủy ban nhân dân tỉnh ra bảng giá quy định thu mua các mặt hàng); những phần tử cố tình tích trữ, giấu giếm hàng hóa (...) thì có quyền tịch thu. Từng xã, từng cơ quan, đơn vị vũ trang có trách nhiệm thu mua, quản lý và giao nộp lên cấp trên và phải lập biên bản đầy đủ, chặt chẽ các mặt hàng tịch thu ở phạm vi quản lý.

c) Kết hợp phát động giáo dục bên trong, bên ngoài xã hội, nhất là các chợ Pha Long, Mường Khương, Bản Lầu, Bắc Ngâm, Phố Lu, các bến xe, và tuyến đường Bảo Thắng đi Mường Khương, sử dụng lực lượng công khai cần thiết gồm các lực lượng quân cảnh, công an, tài chính, hải quan tiến hành kiểm tra quét vét thu giữ những hàng hóa (...), kể cả loại quần áo (...) may sẵn bán ở các chợ, tập trung trước hết truy quét bắt giữ bọn buôn lậu, bọn tiếp tay, vận chuyển hoặc áp tải hàng cho bọn buôn lậu, kết hợp với lực lượng công khai có lực lượng bí mật cần thiết để sẵn, bắt bọn buôn lậu, bọn đào ngũ, xuất ngũ nhưng không về địa phương vẫn lẩn khuất ở địa bàn tuyến I để hoạt động phi pháp.

d) Củng cố tăng cường lực lượng cho các trạm kiểm soát, liên kiểm cố định ở thị trấn Mường Khương, Bản Lầu, Bắc Ngâm, Phố Lu, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ người ra vào biên giới, phương tiện vận chuyển vào khu vực biên giới kể cả xe quân sự, phải bảo đảm 24/24 giờ, ngày, phát hiện, bắt giữ xử lý người vào biên giới không có giấy tờ quy định, thu giữ

các hàng hóa (...), bắt giữ xử lý các loại xe vận chuyển các loại hàng hóa không đủ các giấy tờ cần thiết, phải kiểm tra một cách chặt chẽ, nghiêm ngặt, bắt giữ, xử lý phải lập các biên bản đầy đủ, chặt chẽ hàng hóa, tài sản thu giữ phải bảo quản chu đáo, báo cáo và giao nộp lên cấp trên. Trên địa bàn tỉnh sẽ mở 16 trạm kiểm soát nhằm quản lý chặt chẽ ngăn chặn kịp thời các hành vi phạm pháp thuộc tất cả các đối tượng.

III. PHỐI HỢP SỬ DỤNG LỰC LƯỢNG

Lực lượng trực tiếp tham gia đợt vận động chủ yếu là lực lượng tại chỗ, có sự hỗ trợ nhất định của các ngành tỉnh bao gồm: Lực lượng vũ trang đóng tại các địa bàn, Công an tỉnh 1 đại đội, Hải quan tỉnh 3 người, Tài chính tỉnh 3 người, lực lượng này được tập trung bồi dưỡng trước khi đi làm nhiệm vụ.

Bố trí cụ thể như sau: Tại huyện Mường Khương 3 đại đội quân đội, 1 trung đội cảnh sát, 1 hải quan, 1 tài chính được sự chỉ huy của một đồng chí trong lãnh đạo của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh vào trực tiếp lãnh đạo.

Sư 345 chịu trách nhiệm thuộc khu vực Bản Lầu, Bản Cầm, Sư 316 chịu trách nhiệm khu vực Bảo Nhai, Bắc Ngâm.

Tại thị trấn Phố Lu do Quân đoàn 29 bố trí quân cảnh. Về dân sự một trung đội cảnh sát, 1 hải quan, 1 tài chính dưới sự chỉ huy của đồng chí Đỗ Chính, Thiếu tá Trưởng phòng Cảnh sát bảo vệ Công an tỉnh.

Lực lượng còn lại bổ sung cho 1 trạm kiểm soát Mường Khương, Bản Lầu, Bắc Ngâm, Phố Lu và chọn thành lập 2 đội lưu động, sẵn bắt bọn buôn lậu, mỗi đội 10 đồng chí do 1 đồng chí Thiếu úy công an chỉ huy, trang bị vũ khí gọn, nhẹ, hóa trang kín đáo, một đội hoạt động phạm vi huyện Mường Khương, 1 hoạt động ở huyện Bảo Thắng.

Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, các đơn vị vũ trang trực thuộc Bộ Tổng tư lệnh đóng quân tại khu vực Mường Khương, Bảo Thắng và Quân đoàn 29, cử một số cán bộ có chức vụ, có năng lực và

trách nhiệm cao xuống trực tiếp giúp đỡ các đơn vị cơ sở để giải quyết tốt đợt vận động này trong phạm vi nội bộ từng lực lượng.

Đề nghị Tư lệnh Quân khu II sẽ có lệnh cho các đơn vị quân đội đóng tại địa phương kiểm soát chặt chẽ quân nhân qua khu vực của mình.

IV. VỀ LÃNH ĐẠO CHỈ HUY VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp lãnh đạo đợt vận động này.

Tỉnh thành lập Ban chỉ đạo của đợt vận động gồm:

+ Đồng chí Hà Thiết Hùng, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban.

+ Đồng chí Tráng A Pao, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là Phó ban thường trực.

+ Đồng chí Phạm Kham, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh, Ủy viên.

+ Đồng chí Tống Chư, Chỉ huy phó Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Chủ nhiệm Bộ đội biên phòng, Ủy viên.

+ Đồng chí Năng, Chỉ huy phó Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Chủ nhiệm Bộ đội biên phòng, Ủy viên.

+ Đồng chí Trần Bộc, Chỉ huy trưởng Hải quan, Ủy viên.

+ Đồng chí Ngô Du, Trưởng Ty Tài Chính, Ủy viên.

+ Một đồng chí trong Bộ chỉ huy Quân đoàn 29 tham gia làm Ủy viên.

Và 1 tổ cán bộ trợ lý giúp việc ban chỉ đạo gồm: Văn phòng Tỉnh ủy 1 đồng chí, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh 1 đồng chí, Công an tỉnh 1 đồng chí, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh 1 đồng chí.

Ban chỉ đạo có trách nhiệm giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo toàn diện đợt vận động này. Trước hết là tổ chức trưng tập cán bộ tỉnh họp các lực lượng liên quan để triển khai thật nhanh trong thời gian tỉnh họp đại hội.

- Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh cần ra những văn bản quy

định cụ thể về thu mua hàng hóa (...), chính sách trích khen thưởng cho cá nhân, đơn vị bắt buôn lậu, về quản lý sử dụng vũ khí các loại, về kiểm soát hành chính người và phương tiện ra vào biên giới, về giải quyết số hàng hóa thu giữ...

- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Hải quan, Tài chính, tuyển chọn lực lượng cán bộ theo quy định trên đúng ngày 5-1-1982 có mặt ở (K3) Bảo Thắng để bồi dưỡng và tiến hành triển khai, thời gian tiến hành là 3 tháng (từ tháng 1 đến hết tháng 3-1982).

- Huyện ủy và Ủy ban nhân dân các huyện, thị tuyến I trực tiếp chỉ đạo tiến hành đợt vận động này ở các địa bàn mình theo thống nhất chủ trương, kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

V. MỘT SỐ ĐIỂM QUY ĐỊNH CHUNG

1. Ở từng xã tiến hành đợt vận động tất cả những hàng hóa (...) thu mua được của dân, dân tự đem đến nộp, hoặc tịch thu của bọn buôn lậu thì Ủy ban nhân dân xã quản lý, ngoài số hàng hóa được trích thưởng cho xã, số còn lại phải nộp giao lên Ủy ban nhân dân huyện.

Đối với các đơn vị lực lượng vũ trang, hàng hóa (...) thu mua lại của cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị, hoặc tịch thu của người buôn lậu trong nội bộ đơn vị, ngoài số hàng hóa được trích thưởng cho đơn vị, số còn lại phải đem nộp lên Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh để chuyển đến nơi giải quyết hàng theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Nghiêm cấm các đơn vị vũ trang không được đi thu giữ hàng hóa của dân ngoài những lực lượng được tỉnh giao nhiệm vụ trực tiếp giải quyết.

2. Các lực lượng được sử dụng như Quân cảnh, Đại đội cảnh sát Công an tỉnh, 3 hải quan, 3 tài chính, trong khi thừa hành nhiệm vụ phải lấy giáo dục thuyết phục làm chính, trừ trường hợp thật đặc biệt bọn buôn lậu dùng vũ khí chống đối quyết liệt thì được phép tiêu diệt. Những hàng hóa tài sản thu, giữ được phải đem nộp giao đầy đủ về các huyện, thị trực tiếp quản lý.

3. Những đối tượng buôn lậu, hoạt động phi pháp ở các địa bàn tuyến I sẽ bắt giữ cùng hàng và vũ khí bắt giữ, thống nhất đưa về địa điểm (K1) Bảo Thắng để tiến hành đấu tranh phân loại, giải quyết, xử lý. Nếu là quân nhân đào ngũ, xuất ngũ, tại ngũ vi phạm đến quy định thì bắt trao trả cho các đơn vị quân đội, các đơn vị xử lý theo đúng điều lệnh.

4. Các loại hàng hóa khác mà các trạm kiểm soát, các đội lưu động thu giữ của bọn buôn lậu, của bọn vận chuyển trái phép (số hàng tươi sống thì lập biên bản xử lý tại chỗ) còn phải lập biên bản đem nộp về Công an tỉnh, Công an tỉnh có trách nhiệm quản lý, bảo quản và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH TỈNH ỦY

Số 11-NQ/TU, ngày 5-1-1982

Về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế và xã hội năm 1982

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 11, sau khi nghe báo cáo và thảo luận về tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1982 và phương hướng, nhiệm vụ kinh tế và xã hội của tỉnh năm 1982, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh trong phiên họp từ ngày 2 đến 4-1-1982 đã nhất trí quyết nghị như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 1981

Quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa của tỉnh ta trong năm 1981 đã gặp nhiều khó khăn lớn: thời tiết không thuận hoà, sâu bệnh phát triển rộng; vật tư, nguyên liệu, tiền vốn, hàng hóa thiếu, mất cân đối nghiêm trọng. Mặt khác, ở tỉnh ta nhất là các địa bàn biên giới, (...) hằng ngày phải sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, bảo đảm an ninh trật tự địa phương.

Song, nhờ có Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ chín, Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị và các chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng, cùng các chính sách mới về cải tiến quản lý kinh tế, lưu thông, phân phối, giá cả của Nhà nước ban hành, đã tạo ra thuận lợi và bắt đầu phát huy tác dụng. Đồng thời nhờ tinh thần khắc phục khó khăn,

ý thức tự lực, tự cường, chủ động trong lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành và tinh thần phấn đấu khắc phục khó khăn của quần chúng, nên tỉnh ta đã đạt được những thắng lợi mới trên nhiều mặt công tác, trong đó đã giành thắng lợi đáng kể trên mặt trận kinh tế và xã hội.

1. Sản xuất nông - lâm nghiệp được đẩy mạnh trong việc làm thủy lợi, tích cực chống sâu bệnh, chống hạn, gieo trồng đúng thời vụ, nhất là mở rộng diện tích khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong 36% số hợp tác xã đã có tác dụng thúc đẩy sản xuất, tăng năng suất lao động. Do đó diện tích gieo trồng các loại cây được thực hiện với mức cố gắng; diện tích lúa ruộng, lúa nương, ngô tăng hơn năm trước chút ít (từ 0,2 đến 3%).

Sản lượng lương thực, tuy năng suất lúa ruộng bị kém năm ngoái, sản lượng màu bị giảm (nhất là sắn, khoai lang), nhưng đã cố gắng đạt ngót 210.000 tấn (giảm trên 23.800 tấn so với năm 1980).

Về chăn nuôi, do có chính sách giá cả và nghĩa vụ mới nên đã bước đầu khuyến khích phát triển hơn trước. Đàn gia súc, cả lợn, trâu, bò, ngựa đều tăng hơn năm 1980 từ 5 đến 12%.

Công tác trồng rừng và chăm sóc rừng đã vượt mức kế hoạch từ 10,6 đến 11% kế hoạch cả năm.

Phong trào hợp tác xã nông nghiệp mua bán, tiểu thủ công nghiệp, v.v. được củng cố hơn trước, qua cuộc vận động định canh định cư và xây dựng vùng kinh tế mới gắn với việc xây dựng quan hệ sản xuất tổ chức lại sản xuất và tổ chức lại dân cư vùng biên giới, trên cơ sở xây dựng cấp huyện.

2. Sản xuất công nghiệp, xây dựng cơ bản và giao thông vận tải đều có những cố gắng nhất định trong việc khắc phục tình trạng mất cân đối về nguyên liệu, vật tư, vật liệu, tiền vốn... để sản xuất thực hiện kế hoạch. Nhiều xí nghiệp đã nêu cao tinh thần khắc phục khó khăn, tự tìm và khai thác nguyên liệu, tận dụng phế liệu, phế phẩm để sản xuất, như các cơ sở hoa quả hộp, sản xuất gạch, ngói, xí nghiệp cơ khí, giấy, chè, mộc xẻ và một số nông - lâm trường. Các hợp

tác xã thủ công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp sản xuất được đẩy mạnh hơn nên đã tăng thêm được mặt hàng và sản phẩm phục vụ tiêu dùng so với năm 1980. Việc chế biến màu (sắn) được đẩy mạnh hơn trước một bước.

Về xây dựng cơ bản được tập trung đầu tư và chỉ đạo thi công vào một số công trình trọng điểm (sứ Bảo Lương, Trạm bơm Việt Thành, một số đoạn đường giao thông, trồng rừng và một số nhà cửa, trụ sở...) nhằm đưa nhanh công trình vào sản xuất và sử dụng.

Giao thông vận tải, bưu điện có cố gắng nhất định trong việc khắc phục tình trạng thiếu phụ tùng, sửa chữa xe và các khó khăn khác để bảo đảm vận chuyển hàng hóa, hành khách và thông tin liên lạc.

3. Công tác lưu thông phân phối, tài chính, tiền tệ, giá cả tuy có nhiều khó khăn, phức tạp nhưng dần dần có chuyển biến theo tinh thần Nghị quyết 26 và Chỉ thị 109 của Bộ Chính trị. Thu mua lương thực có khả năng đạt kế hoạch cả năm, thu mua các mặt hàng nông sản, thực phẩm, công nghệ phẩm hàng xuất khẩu, v.v. có cố gắng. Tình hình phân phối, cung ứng vật tư và tài chính, tiền tệ về cuối năm có giảm bớt được căng thẳng.

4. Các mặt về công tác quản lý lao động, sự nghiệp văn hóa, văn nghệ, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, phát thanh, báo chí, bảo vệ bà mẹ và trẻ em, và thương binh xã hội cũng có khó khăn mới nhưng cũng đã cố gắng trong việc phục vụ các nhiệm vụ chính trị và phục vụ đời sống văn hóa, tinh thần và sức khỏe cho nhân dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những thắng lợi và kết quả trên, tình hình kinh tế và xã hội ở tỉnh ta còn bộc lộ nhiều khuyết điểm.

1- Trong sản xuất nông - lâm nghiệp: Diện tích nhiều loại cây trồng không những không tăng mà còn giảm so với năm 1980, kể cả về cây lương thực như: sắn, khoai lang, mì mỳ, đỗ tương, lạc, lanh, cây dược liệu, cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày.

Việc chỉ đạo thâm canh, xen canh, tăng vụ vẫn chưa được chú ý vẫn còn yếu. Năng suất, sản lượng các loại cây trồng, sản lượng lương thực, bị thấp hơn năm 1980. Tội phạm trong chăn nuôi liên tiếp xảy

ra, công tác chống dịch chưa tốt (nhất là dịch lợn). Việc trồng cây gây rừng và tu bổ rừng còn yếu. Quản lý rừng chưa có biện pháp triệt để. Nạn đốt, phá rừng vẫn xảy ra nghiêm trọng.

2- Trong sản xuất công nghiệp, tư tưởng ỷ lại, trông chờ cấp trên cung ứng vật tư, nguyên liệu vẫn còn nặng nề, chưa tận dụng hết mọi nguồn nhiên liệu sẵn có của địa phương để sản xuất (như khai thác và vận chuyển than, gỗ, sản xuất gạch ngói, vôi, v.v.). Trong vận tải còn nặng tư tưởng ỷ lại vào cơ giới, không đẩy mạnh phát triển vận tải đường sông, đường suối và bằng các phương tiện vận chuyển thô sơ khác. Sản xuất công nghiệp nói chung chưa đáp ứng nhu cầu hàng hóa tiêu dùng của địa phương, hàng hóa xuất khẩu ít. Sản xuất quốc doanh kém hơn sản xuất thủ công nghiệp. Nhiều sản phẩm chủ yếu không đạt kế hoạch và còn thấp hơn cả năm 1980. Trong xây dựng cơ bản vẫn còn tình trạng phân tán, nhiều công trình dở dang làm kéo dài.

3- Trong lưu thông phân phối, tài chính, ngân hàng việc chuyển hàng theo chế độ quản lý và kinh doanh mới vẫn còn chậm, thậm chí còn trì trệ, bảo thủ, ngại khó. Tình hình hàng hóa, tài chính, tiền tệ còn nhiều khó khăn. Giá cả thị trường diễn biến phức tạp không ổn định. Đời sống nhân dân, nhất là cán bộ, công nhân viên, bộ đội có nhiều khó khăn (kể cả ăn mặc, chữa bệnh, ở và đi lại).

4- Tình hình trật tự, an toàn xã hội còn nhiều vụ việc mất trật tự an ninh, nhất là vùng dân cư tập trung và vùng biên giới. Công tác chống tiêu cực trong kinh tế và xã hội chưa triệt để ở các cấp, các ngành, các đơn vị.

5- Các sự nghiệp về văn hóa, xã hội phát triển chưa đều, chất lượng thấp, phục vụ nhiệm vụ chính trị chưa sắc bén, kịp thời, các tệ tục mê tín dị đoan, sinh hoạt văn hóa không lành mạnh phát triển. Việc xây dựng nếp sống mới và bài trừ các tiêu cực còn rất yếu.

Nguyên nhân của những tồn tại trên, một phần do có những khó khăn khách quan chưa thể khắc phục ngay được, nhưng về mặt lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành còn nhiều

khuyết điểm cần tiếp tục sửa chữa một cách khẩn trương, quyết liệt hơn nữa. Một số khuyết điểm chủ yếu là:

- Chưa thật quán triệt đầy đủ tình hình và nhiệm vụ một cách sâu sắc triệt để; chưa đề cao tinh thần trách nhiệm trong khi thi hành và tổ chức thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của tỉnh. Tư tưởng bảo thủ, ỷ lại, quan liêu, trì trệ vẫn còn nặng nề và phổ biến. Cơ chế hành chính bao cấp trong các ngành và các cơ sở sản xuất kinh doanh chưa được sửa tích cực.

- Việc triển khai các chính sách chưa đồng bộ, thực hiện chậm chạp, bảo thủ. Tính pháp lệnh trong quản lý kinh tế, quản lý kế hoạch kém, còn nặng tự do tùy tiện. Phong trào quần chúng và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng chưa được phát động thường xuyên, liên tục. Các cơ quan tham mưu như Kế hoạch, Thống kê và các ngành kinh tế, tài chính của Ủy ban cũng như các ban kinh tế của cấp ủy chưa làm tốt nhiệm vụ chức năng giúp cấp ủy Đảng và chính quyền trong công tác nghiên cứu chủ trương, biện pháp, chế độ, chính sách và quản lý, trong chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội.

Tất cả những khuyết điểm trên, các cấp, các ngành đều phải nghiêm túc kiểm điểm thật sâu sắc và kiên quyết sửa chữa tạo ra bước chuyển biến mới trong việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch nhà nước năm 1982.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 1982 CỦA TỈNH

Năm 1982 có vị trí đặc biệt quan trọng; năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, năm thứ hai thực hiện kế hoạch 5 năm (1981-1985) là:

- Bước vào năm 1982, chúng ta có những thuận lợi cơ bản là: có Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V soi sáng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 của Trung ương Đảng chỉ rõ phương hướng nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội năm 1982. Việc tổng kết phát

triển kinh tế 5 năm (1976-1980) cùng với kết quả của việc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội những năm qua và năm 1981 của tỉnh ta là những bài học thực tiễn sinh động để lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch năm 1982 có cơ sở bảo đảm tốt hơn. Trong tỉnh ta còn nhiều khả năng về tài nguyên, đất đai, lao động, phương tiện, thiết bị có thể khai thác được để thực hiện kế hoạch. Những chính sách khuyến khích sản xuất, cải tiến phân phối lưu thông và chế độ quản lý mới của Đảng và Nhà nước ban hành đang được phát huy tác dụng, đang tạo thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh và kích thích người lao động phát huy vai trò làm chủ tập thể, hăng say lao động, phấn đấu hoàn thành kế hoạch.

Bên cạnh thuận lợi cơ bản có những khó khăn cần khắc phục và vượt qua là: âm mưu, hành động phá hoại nhiều mặt của địch ngày càng tăng và rất thâm độc. Tỉnh ta hằng ngày mặt giáp mặt với kẻ thù, nên vẫn phải dành một lực lượng đáng kể để xây dựng, củng cố vùng biên giới, đánh bại âm mưu, hành động của địch, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi. Thiên tai cũng còn có thể diễn biến phức tạp, ta chưa lường hết được. Bên cạnh đó, ta còn có khó khăn về vận tải, vật tư hàng hóa, đặc biệt là thiếu lương thực và vốn. Đời sống nhân dân còn khó khăn, nhất là ở vùng cao, biên giới và trong cán bộ, công nhân viên, bộ đội.

Xuất phát từ tình hình kinh tế hiện nay và những thuận lợi, khó khăn như trên, tỉnh ta phải xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội năm 1982 theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 10 và lần thứ 11 đã đề ra.

Phương hướng và nhiệm vụ cơ bản về kinh tế và xã hội năm 1982 của tỉnh ta là: Nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, phát huy cao độ tinh thần trách nhiệm và tính chủ động, sáng tạo của từng ngành, từng địa phương, nhất là của huyện và cơ sở, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, phát động phong trào cách mạng sâu rộng của quần chúng, thực hiện phương châm “Trung ương và địa phương, Nhà nước và nhân dân cùng làm” trên mọi lĩnh vực. Từ đó

tạo ra sự chuyển biến mới trong sản xuất, tiết kiệm và bảo đảm đời sống nhân dân.

Từ phương hướng nhiệm vụ cơ bản trên, phải tập trung phấn đấu thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chủ yếu sau đây;

1- Tập trung cao độ sức lực của toàn Đảng bộ và quân, dân trong tỉnh của các cấp, các ngành vào nhiệm vụ hàng đầu là sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, đặc biệt là đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, tăng mức lương thực huy động cho Nhà nước lên 1,5 lần, bảo đảm đủ cân đối lương thực trên địa bàn từng huyện và trên toàn lãnh thổ của tỉnh, bảo đảm cân đối đủ thực phẩm tươi sống cho cán bộ, công nhân viên. Đồng thời tích cực sản xuất, tăng thêm nguồn nguyên liệu cho công nghiệp và nguồn hàng cho xuất khẩu.

2- Tích cực tổ chức khai thác tới mức cao nhất các nguồn nguyên nhiên liệu trong tỉnh, khai thác hết năng lực hiện có của các xí nghiệp quốc doanh và của hợp tác xã thủ công nghiệp để đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đặc biệt chú trọng sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

3- Xây dựng và tổ chức các nguồn hàng, phấn đấu bảo đảm nhiệm vụ giao hàng xuất khẩu cho Trung ương và tăng nhanh hàng xuất khẩu của địa phương. Tiếp tục thực hiện cải tiến công tác phân phối lưu thông, từng bước lập lại trật tự trên lĩnh vực này theo tinh thần Nghị quyết 26 và Chỉ thị 109 của Bộ Chính trị, Trung ương Đảng, bảo đảm ổn định đời sống nhân dân, nhất là đời sống bộ đội, cán bộ, công nhân, viên chức và vùng cao biên giới.

4- Bố trí hợp lý đầu tư xây dựng cơ bản theo hướng tập trung cho nông nghiệp và các công trình trọng điểm. Tăng cường cải tiến tổ chức và quản lý vận tải, phát triển mạnh vận tải thủy và thô sơ, làm tốt việc tổ chức, huy động sử dụng lao động xã hội vào việc sản xuất.

5- Triệt để thực hành tiết kiệm trong các lĩnh vực sản xuất, xây dựng, tiêu dùng, nhất là tiết kiệm tiêu dùng vật tư trong sản xuất.

6- Tăng cường củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa kết hợp chặt chẽ với tổ chức lại sản xuất và phát triển sản xuất gắn với xây

dựng cấp huyện, định canh định cư và xây dựng vùng kinh tế mới, thực hiện tốt hạch toán kinh tế, sử dụng tốt các đòn bẩy kinh tế, thực hiện tốt chế độ khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong tất cả các cơ sở quốc doanh và tập thể.

7- Tạo được bước chuyển biến mạnh từ cơ chế quản lý hành chính bao cấp sang cơ chế quản lý và kế hoạch hóa theo hướng kinh doanh xã hội chủ nghĩa và hạch toán kinh tế. Chấn chỉnh và củng cố bộ máy quản lý nhà nước. Nêu cao pháp chế xã hội chủ nghĩa đi vào tổ chức cụ thể, kiên quyết đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong đời sống kinh tế và xã hội. Kiên quyết trừng trị bọn phá hoại bọn đầu cơ buôn lậu, tham ô, ăn cắp tài sản của Nhà nước và nhân dân. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra bảo vệ kinh tế trật tự trị an và bảo đảm an toàn xã hội.

8- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, chú trọng mặt chất lượng đạo đức nhằm phục vụ tốt yêu cầu phát triển sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ đời sống nhân dân.

9- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc kết hợp chặt chẽ giữa yêu cầu xây dựng và phát triển kinh tế địa phương với kinh tế Trung ương.

10- Với những nhiệm vụ chủ yếu trên và bằng các biện pháp tư tưởng hành chính và kinh tế đúng đắn bảo đảm phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Sản lượng lương thực quy thóc 256.000 tấn.
- Lương thực Nhà nước huy động cả năm 35.000 tấn.
- Tổng đàn trâu: 110.000 con.
- Tổng đàn bò: 23.500 con.
- Tổng đàn lợn: 284.000 con.
- Thịt lợn hơi thu mua 2.800 tấn.
- Diện tích cây công nghiệp, cây đặc sản trồng mới 10.800 ha.
- Diện tích trồng rừng mới: 3.000 ha.
- Giá trị sản lượng công nghiệp: 50 triệu đồng.

- Vốn xây dựng cơ bản: 15.200.000 đồng
- Giá trị thu mua hàng địa phương 321 triệu đồng.
- Giá trị bán lẻ ở thị trường có tổ chức 428 triệu đồng.
- Giá trị giao hàng xuất khẩu 30 triệu đồng.
- Bình quân 4 người dân có 1 người đi học phổ thông.
- Bình quân 155 người dân có 1 giường bệnh.

NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA TỪNG NGÀNH NHƯ SAU:

1. Nông, lâm nghiệp: Phương hướng sản xuất nông, lâm nghiệp tỉnh ta hiện nay cũng như những năm tới phải có sự chuyển biến mạnh mẽ và tập trung cao độ vào mục tiêu phấn đấu tự cân đối được lương thực và thực phẩm để giải quyết tốt hơn vấn đề ăn trên địa bàn từng huyện và toàn tỉnh.

Vì vậy tất cả các cơ sở từ khu vực kinh tế quốc doanh (bao gồm các nông, lâm trường, trạm trại nông, lâm nghiệp) đến khu vực kinh tế tập thể và kinh tế phụ gia đình phải phân bổ lại đất đai và ưu tiên đất đai, lao động, vật tư tiền vốn cho sản xuất lương thực đồng thời phát triển mạnh chăn nuôi lợn, trâu, bò, dê, thỏ, cá, vịt đẻ trứng... phát triển mạnh cây thực phẩm (rau quả tươi, đậu các loại, nhất là đậu tương, lạc, mía...).

Nên tổ chức thu mua, chế biến và phân phối bảo đảm nhu cầu tiêu dùng thiết yếu trong nhân dân và tăng mức huy động cho khu vực Nhà nước trong phạm vi huyện và toàn tỉnh.

Những huyện có điều kiện vừa phải phấn đấu sản xuất đủ lương thực cho nhu cầu của huyện vừa phải làm nhiệm vụ tăng mức huy động lương thực cho tỉnh. Các huyện ở giáp biên giới cố gắng đẩy mạnh sản xuất phấn đấu huy động bảo đảm nhu cầu lương thực khu vực Nhà nước trên lãnh thổ huyện. Các huyện vùng cao nội địa phải phấn đấu cân đối trên địa bàn huyện và có dự trữ.

Đi đôi với nhiệm vụ tập trung đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm cần coi trọng công việc đẩy mạnh phát triển cây dược liệu và cây đặc sản, (...).

Đối với trồng rừng và trồng cây công nghiệp dài ngày: Về phía quốc doanh trước mắt cần tập trung vào chăm sóc, tu bổ thâm canh tăng năng suất trên diện tích hiện có cho phù hợp với khả năng cân đối vốn và lương thực hiện nay. Đồng thời phải phát triển mạnh mẽ rộng khắp phong trào nhân dân trồng cây gây rừng, bảo vệ rừng, trồng cây công nghiệp dài ngày và cây ăn quả.

Để đạt được yêu cầu trên, phải tập trung chỉ đạo đẩy mạnh thâm canh, chủ yếu là thâm canh lúa nước, trọng điểm là các cánh đồng lúa tập trung đã xác định phấn đấu đạt năng suất lúa chiêm 22,1 tạ/ha, lúa ruộng mùa 24,5 tạ/ha. Phải đẩy mạnh công tác thủy lợi khai thác tốt khả năng đầu tư xây dựng thủy lợi của nhân dân kết hợp với một phần sự hỗ trợ của Nhà nước kết hợp xây dựng công trình lớn, công trình vừa tới thủy lợi nhỏ, đặc biệt coi trọng thủy lợi nhỏ do nhân dân tự làm, đối với vùng cao đẩy mạnh phong trào khai phá và xây dựng ruộng nương bậc thang, định canh trong toàn tỉnh phải đẩy mạnh tăng vụ xen canh gối vụ các loại đất đai mới làm một vụ.

Phải kiên quyết đầu tư xây dựng hệ thống và cơ sở sản xuất giống từ tỉnh đến huyện và hợp tác xã xác định cơ cấu các loại cây trồng và con gia súc cho từng vùng cụ thể bảo đảm đủ giống tốt cho sản xuất trước hết là giống ngô, đậu tương, giống lợn, cá. Về phân bón cần phát động phong trào làm phân xanh, phân chuồng, bảo đảm phân bón cho mỗi ha, mỗi vụ từ 8-10 tấn, khuyến khích phát triển sản xuất vôi trong hợp tác xã nông nghiệp, đốt lau lách củi và than địa phương để có đủ vôi bón các chân ruộng có độ PH lớn. Đồng thời phải bảo đảm cung cấp đủ công cụ cầm tay và áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, các biện pháp kỹ thuật liên hoàn nhất là khâu thời vụ chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh.

Phải hết sức coi trọng phát triển các loại màu ở khắp nơi (kể cả ngô, sắn, khoai, đậu, mè, mạch...) bằng cách tận dụng mọi nguồn đất đai kể cả diện tích đất trồng rừng và cây công nghiệp dài ngày nhưng chưa sử dụng đến và bằng xen canh vụ, gối vụ.

Phải làm tốt công tác giao đất, giao rừng cho hợp tác xã quản lý kinh doanh và trồng rừng kết hợp với sản xuất lương thực, thực

phẩm làm tốt việc điều tra khảo sát quy hoạch, bố trí lại đất đai tăng thêm diện tích trồng màu cho các hợp tác xã và các nông, lâm trường quốc doanh.

Cùng với việc đẩy mạnh trồng màu phải làm tốt việc tổ chức đào dỡ chế biến sản và sử dụng hoa màu vào bữa ăn.

Phải phát động phong trào sản xuất tự túc lương thực, thực phẩm trong toàn thể cán bộ, công nhân viên, bộ đội, học sinh các trường chuyên nghiệp và các hợp tác xã thuộc khu vực phi sản xuất nông nghiệp.

Về rau đậu các loại, cần tập trung chỉ đạo vùng rau xanh tập trung Tuy Lộc và thị xã Lào Cai đồng thời phát triển mạnh cây đậu tương, trong đó vùng tập trung là Bắc Hà, Mường Khương, Than Uyên, Lục Yên.

Đối với cây công nghiệp cây đặc sản cây làm thuốc: Đi đôi với đẩy mạnh các loại cây công nghiệp thực phẩm ngắn ngày như đỗ tương, đỗ, các loại, lạc, mía, hoa quả... nhất là đỗ tương như trên đã nói để giải quyết cơ bản vấn đề bữa ăn, tập trung củng cố và phát triển theo hướng thâm canh và mở rộng diện tích các loại cây chè, quế, cây làm thuốc, hạt rau giống, cây anh túc. Chú trọng củng cố vùng cây có dầu hiện có, phát triển nhanh diện tích trồng cây sả (Yên Bình) và trong đó một số vùng tập trung (Trấn Yên, Văn Chấn...). Cần phát động rộng khắp phong trào trồng dâu nuôi tằm, trồng bông, lanh trong nhân dân, đặt thành chỉ tiêu phấn đấu cụ thể cho từng huyện, xã để phát triển nghề dệt nông thôn tăng thêm vải mặc cho nhân dân.

Trong chăn nuôi: Cần tích cực phát triển đàn lợn, chủ yếu trong các gia đình nhân dân, và phát triển mạnh nuôi, thả đánh bắt cá, nhất là ở vùng hồ Thác Bà, phấn đấu tự cân đối thịt trên địa bàn tỉnh. Đối với đại gia súc (trâu, bò, ngựa...) cần đẩy mạnh cả ở khu vực quốc doanh, tập thể, hộ gia đình, nhân dân nhằm bảo đảm đủ sức kéo cho sản xuất, thịt cho thực phẩm và huy động khoảng 1.000 con để trao đổi với tỉnh bạn. Cần tiếp tục đẩy mạnh phong trào chăn nuôi có chăn dắt, chống thả rông gia súc.

2. Về công nghiệp và thủ công nghiệp

Tập trung xây dựng hoàn thiện các công trình đang xây dựng dở dang, nhà máy sứ, nhà máy chè mở rộng khai thác gỗ, than phấn, chì, cao lanh. Để sớm đưa vào sản xuất sử dụng khai thác tốt hơn nguồn nguyên liệu tại địa phương cùng với sự hỗ trợ của Trung ương để đẩy mạnh sản xuất, tăng sản phẩm, tăng mặt hàng, tập trung chủ yếu vào sản xuất hàng tiêu dùng (bao gồm chế biến lương thực, thực phẩm, đồ sành sứ, đồ mộc, giấy cốt mủ, dược) hàng xuất khẩu nông cụ, vật liệu xây dựng, khai thác lâm sản, than, phấn chì, cao lanh, dệt và đan lát dân gian.

Về cơ khí chủ yếu là tập trung sản xuất cung cấp đủ nông cụ và phương tiện vận tải cải tiến (thô sơ, xe trâu, bò, ngựa...).

Phải đẩy mạnh sản xuất công nghiệp thủ công nghiệp tiểu công nghiệp trong cả quốc doanh và hợp tác xã thủ công nghiệp khôi phục và phát triển mạnh các ngành, nghề phụ của các hợp tác xã nông nghiệp kể cả nông, lâm trường ở các khu vực thị xã, thị trấn và nông thôn, phát triển nhiều hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu ở địa phương.

Theo phương hướng và chủ trương trên mà đề ra chỉ tiêu kế hoạch một cách cụ thể và tích cực nhất, qua đó phấn đấu đưa giá trị sản lượng công nghiệp của tỉnh ta năm 1982 lên 50 triệu đồng.

Các cơ sở công nghiệp của Trung ương tại địa phương phải có kế hoạch cụ thể trong việc góp phần tích cực vào việc xây dựng và phát triển kinh tế địa phương, chính là phát triển lương thực và phát triển thủ công nghiệp, vận tải... Đi đôi với việc bảo đảm thực hiện tốt kế hoạch do ngành chủ quản Trung ương giao.

3. Về xây dựng cơ bản, giao thông vận tải và bưu điện

Về xây dựng cơ bản: Do vốn ít nên phải tập trung đầu tư vào các công trình có khả năng hoàn thành đưa vào sản xuất trong năm, trước hết ưu tiên đầu tư cho nông nghiệp và phục vụ nông nghiệp, xí nghiệp sứ, mở rộng khai thác gỗ, than, cao lanh, xí nghiệp chè, tỉnh lọc cao lanh các lâm trường cơ sở làm giống, các công trình thủy lợi,

các đoạn đường giao thông đang làm và một số kho tàng, trường học, bệnh viện.

Cần làm tốt công tác quy hoạch thị xã và nông thôn, làm tốt công tác quản lý nhà đất và vệ sinh công cộng, thị xã, thị trấn.

Về vận tải phải có kế hoạch phấn đấu cụ thể nhằm phát triển mạnh vận tải đường thủy trên sông Hồng, sông Chảy và vùng hồ Thác Bà. Coi trọng củng cố và phát triển phương tiện và tổ chức vận tải thô sơ thuyền, mành, xe trâu, bò ngựa, xe cải tiến, xe quệt, ngựa thồ, trâu kéo... Đồng thời sử dụng có hiệu quả số đầu xe ô tô hiện có và số phương tiện Trung ương bổ sung thêm. Phải xây dựng tương đối ổn định chân hàng và giải quyết tốt hơn bến bãi, lực lượng bốc dỡ, chỉ đạo chặt chẽ khâu quản lý điều vận, sửa chữa, cung ứng phụ tùng, xăng dầu, sắm lốp...

Về thông tin liên lạc: Phải tăng cường củng cố mạng lưới và hệ thống bưu điện từ tỉnh đến cơ sở và lên Trung ương, đồng thời phát triển mở rộng thêm ở những nơi có yêu cầu khẩn thiết. Chú trọng bảo đảm phục vụ có chất lượng và thông suốt bất kỳ tình huống nào. Xây dựng và củng cố tốt hơn hệ thống giao thông bưu điện đặc biệt.

4. Về phân phối lưu thông, cung ứng vật tư, kỹ thuật

Phải tiếp tục chuyển biến mới về cải tiến công tác phân phối, lưu thông, trước mắt là cải tiến mạng lưới, tổ chức lực lượng đi đôi với phân công, phân cấp, phân vùng thu mua cụ thể các loại mặt hàng giữa các ngành có kinh doanh thương nghiệp từ tỉnh đến cơ sở. Phải mở rộng hoạt động kinh doanh và dịch vụ và của các ngành trong khối thương nghiệp, hợp tác xã mua bán phải vừa đại lý và vừa mở rộng kinh doanh các mặt. Khẩn trương hình thành rõ rệt hai hệ thống cửa hàng bán cung cấp và bán theo giá kinh doanh và ba quỹ hàng hóa. Phải tăng cường hơn nữa công tác quản lý thị trường và giá cả.

Trên cơ sở phát huy vai trò của thương nghiệp quốc doanh và phát triển mạng lưới hợp tác xã mua bán để làm chủ thị trường, nắm được đại bộ phận lực lượng hàng hóa vào tay Nhà nước quản lý, phân phối

nhất là các mặt hàng nông, lâm sản. Bảo đảm bán đủ các mặt hàng, cung cấp theo định lượng cho cán bộ, công nhân viên, đồng thời tăng doanh số bán theo giá bảo đảm kinh doanh, mở rộng quan hệ trao đổi hàng hóa với các tỉnh bạn, tăng thu ngân sách và tiền mặt. Những mặt hàng qua trao đổi với các tỉnh bạn để đưa về tỉnh ta, chủ yếu là hàng thuộc nguyên vật liệu, vật tư cho sản xuất và hàng thiết yếu cho đời sống mà tỉnh ta không có hoặc đang thiếu gay gắt (như lương thực, vải, hàng tiêu dùng quan trọng...).

Việc quan hệ trao đổi hàng hai chiều với các tỉnh bạn, từ tỉnh đến huyện đều làm, nhưng nhất thiết phải thống nhất vào sự chỉ đạo chung của tỉnh.

Về hàng xuất khẩu, phải bảo đảm chỉ tiêu trên giao nộp cho Trung ương. Trong tình hình hiện nay, nguồn hàng xuất khẩu của tỉnh ta còn ít, nên một mặt phải tích cực tổ chức hướng dẫn sản xuất và thu mua năm nguồn hàng rải rác các nơi, như dược liệu, thảo quả các loại, tinh dầu, gỗ quý, mộc nhĩ, nấm hương, song mây, các loại vừng, gừng, nghệ, xương, da, sừng, móng... để tăng nhanh giá trị hàng xuất khẩu trong các huyện. Mặt khác phải khẩn trương có kế hoạch, và biện pháp tổ chức sản xuất nhanh, mạnh các loại cây chủ yếu là cây chè, quế, cây làm thuốc, (...) để hình thành nhanh hàng xuất khẩu chủ lực có ưu thế về giá trị và số lượng của tỉnh ta trên thị trường xuất khẩu. Muốn vậy Công ty Ngoại thương cần tổ chức mở rộng mạng lưới sản xuất, chế biến, thu mua, kèm theo các chính sách đòn bẩy, huy động tới mức tối đa khả năng hàng hóa, đáp ứng cho yêu cầu sản xuất, các huyện, thị và các ngành đều phải có chỉ tiêu sản xuất, chế biến thu mua hàng xuất khẩu.

Đối với công tác tài chính và ngân hàng, cần đẩy mạnh công tác thu ngân sách và tiền mặt, chống thất thu. Trên cơ sở đó, kịp thời cấp vốn theo đúng phương hướng phát triển kinh tế một cách có trọng điểm. Trong chi tiêu phải tiết kiệm, chi theo nội dung chế độ, chính sách, chống lãng phí. Cần đẩy mạnh phong trào gửi tiền tiết kiệm và huy động được các nguồn vốn vào sản xuất và xây dựng. Phải thực

hiện nghiêm túc chế độ giao nộp ngân sách và tiền mặt, đồng thời quy định mức quy tiền mặt của các đơn vị cho phù hợp với tình hình giá cả thay đổi hiện nay.

Về cung ứng vật tư: Do khả năng vật tư vẫn còn chưa đáp ứng nhu cầu cho sản xuất và xây dựng, do đó phải tăng mức khai thác thêm cho các nguồn phế liệu, tìm cách thay thế và triệt để tiết kiệm trong sử dụng. Việc phân phối, cung ứng phải chặt chẽ, kịp thời khắc phục tình trạng cung ứng chậm trễ làm cho tình trạng mất cân đối vật tư ngày thêm gay gắt.

5. Về lao động: Phải tiếp tục giải quyết số lao động dư thừa theo kế hoạch, sắp xếp tích cực số người cho về hưu, mất sức theo chế độ, kiên quyết giải quyết số người không đủ tiêu chuẩn và phạm kỷ luật cán bộ, công nhân viên ra khỏi biên chế Nhà nước. Mặt khác cần tìm địa bàn, phương hướng sản xuất nông, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp... để giải quyết công ăn việc làm cho số lao động dư thừa ở khu vực phi nông nghiệp, trước hết là đối với khu vực thị xã, thị trấn tập trung.

Việc tiếp nhận lao động miền xuôi lên trong năm 1982 chưa đặt ra mà chủ yếu là sắp xếp, điều chỉnh trong tỉnh.

Phải tập trung sức làm tốt việc khoán sản phẩm ở khu vực sản xuất vật chất theo Quyết định 26-QĐ và Thông tư 448 của Ủy ban Kế hoạch nhà nước hướng dẫn làm động lực chủ yếu thúc đẩy sản xuất kích thích người lao động tăng năng suất trong sản xuất và kinh doanh.

6. Về văn hóa - xã hội, khoa học - kỹ thuật và đời sống

Tiếp tục phát triển sự nghiệp văn hóa, xã hội phù hợp với nhịp độ phát triển kinh tế. Về giáo dục cần thực hiện tốt nội dung cải cách giáo dục, coi trọng nâng cao chất lượng toàn diện trong giáo dục phổ thông và đào tạo chuyên nghiệp. Phải đặc biệt quan tâm phát triển phong trào trường tiên tiến. Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức xã hội chủ nghĩa trong trường học và quản lý tốt học sinh,

nhất là học sinh ở lứa tuổi thanh thiếu niên. Nhanh chóng sắp xếp tổ chức lớp một cho các cháu ở miền núi vùng cao phù hợp với tình hình cư trú và sản xuất.

Công tác văn hóa, văn nghệ, thông tin báo chí, truyền thanh phải phục vụ tốt hơn nữa các yêu cầu giáo dục chính trị, tư tưởng, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, chống chiến tranh tâm lý của địch một cách kịp thời và sắc bén. Phải đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng con người mới, lối sống văn hóa mới, chống mê tín dị đoan, tư tưởng chây lười, ỷ lại, bài trừ văn hóa nô dịch và đồi trụy. Muốn vậy phải tiếp tục xây dựng và phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng, xây dựng nhà văn hóa ở cơ sở, củng cố và phát triển hệ thống loa, đài, thông tin truyền thanh, phát hành sách báo, tranh ảnh (chú trọng vùng giáp biên và nông thôn, vùng cao).

Về y tế, thể dục thể thao: Phải đẩy mạnh các hoạt động thể dục, thể thao, vệ sinh phòng bệnh, nêu cao tinh thần ý thức trách nhiệm phục vụ người bệnh. Phải coi trọng phát triển gieo trồng thu mua, chế biến và sử dụng thuốc nam tại địa phương, đồng thời đề ra chỉ tiêu phấn đấu đẩy mạnh sản xuất nhiều dược phẩm tại địa phương để thỏa mãn nhu cầu trong địa phương và xuất khẩu ra các tỉnh bạn làm hàng trao đổi hai chiều.

Về công tác thương binh - xã hội, phải làm tốt công tác vận động toàn dân chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, làm tốt công tác cứu tế xã hội, thực hiện tốt các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với cán bộ hưu trí và nghỉ mất sức.

Công tác bảo vệ bà mẹ và trẻ em, vận động sinh đẻ có kế hoạch, xây dựng và phát triển phong trào nhà trẻ, nhóm trẻ, cũng phải được đẩy mạnh và có kế hoạch cụ thể.

Đối với công tác khoa học và kỹ thuật cần đẩy mạnh việc phổ biến và áp dụng các đề tài khoa học và những cải tiến kỹ thuật đã được kết luận, nhằm phục vụ sản xuất và đời sống. Đồng thời, phải tăng cường hướng dẫn và quản lý tiêu chuẩn đo lường, định mức, chất lượng sản phẩm.

Về mặt đời sống, trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, tiết kiệm tăng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, bảo đảm cho nông dân có mức ăn lương thực bình quân đầu người hằng tháng từ 17-18 kg, bình quân sức mua một người dân/1 năm là 510 đồng. Riêng đối với cán bộ, công nhân viên, hằng tháng bảo đảm đúng định lượng cung cấp lương thực và bình quân đầu người 0,250 kg thịt, 0,300 kg cá tươi, 7,5 kg rau, 0,350 kg đường, 0,500 lít nước chấm, 2,5 m vải mặc (kể cả nhân dân), 10 đồng thuốc chữa bệnh.

III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP CỤ THỂ

1. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, làm cho mọi người quán triệt sâu sắc, đầy đủ hơn nữa các nghị quyết của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V sắp tới. Trong đó, cần thấm nhuần tinh thần tự lực tự cường, nêu cao ý thức làm chủ và tính chủ động của từng cấp, từng ngành, từng cơ sở, xây dựng ý thức tiêu dùng trong phạm vi sản xuất cho phép, trong từng đơn vị và trong quần chúng, trên cơ sở đó chống tư tưởng hành chính bao cấp, bảo thủ, ỷ lại, chuyển mạnh sản xuất và kinh doanh hạch toán xã hội chủ nghĩa.

2. Tất cả các cấp, các ngành và cơ sở phải nhanh chóng chuyển biến mạnh mẽ trong việc khai thác tối đa khả năng đất đai, nhân tài, vật lực của cấp mình, ngành mình tại địa phương để xây dựng và thực hiện kế hoạch. Cụ thể là khai thác hợp lý đất đai và lao động vào sản xuất lương thực, thực phẩm, trồng cây công nghiệp (hoa màu, đỗ tương, chè, mía, cây có dầu, cây dược liệu...). Phải tiếp tục làm thật tích cực việc điều tra khảo sát, đo đạc, khoanh vùng đất đai cụ thể cho các huyện, thị, hợp tác xã, nông, lâm trường từ đó đưa ra kế hoạch sử dụng hợp lý từng loại đất theo phương hướng sản xuất đề ra như trên. Đồng thời phải đẩy mạnh khai thác các nguồn nguyên liệu, tận dụng lâm sản trong từng địa phương để mở rộng khai thác than, phấn chì, cao lanh, phát triển sản xuất vôi, gạch, ngói trong toàn tỉnh. Trong

sản xuất xây dựng phải triệt để tận dụng nguồn phế liệu, phế phẩm và triệt để tiết kiệm nguyên liệu.

3. Kiên quyết cải tiến tổ chức quản lý kinh tế, trước mắt là cải tiến công tác kế hoạch hóa. Phải tập trung lực lượng cán bộ tiến hành nắm lại tình hình tài nguyên, điều chỉnh lại quy hoạch, phân bổ lực lượng sản xuất toàn tỉnh, từng vùng, từng ngành, từng huyện, thị và từ cơ sở lên làm cơ sở cho việc lập kế hoạch hàng năm. Cần sớm xây dựng hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật. Về nội dung và phương pháp cân đối kế hoạch cũng phải được đổi mới theo ba cấp làm kế hoạch, một cách cụ thể, gắn với kế hoạch sử dụng, thị trường với sử dụng đòn bẩy kinh tế với hạch toán kinh tế, trong đó cân đối kế hoạch từ cơ sở và trên địa bàn huyện là rất quan trọng để khai thác tối đa khả năng của địa phương. Đảng đoàn chính quyền tỉnh cần tập trung một số cán bộ kế hoạch của các ngành, các ban xuống chỉ đạo xây dựng một số huyện trọng điểm (làm trong tháng 2-1982).

Phải làm tốt hơn việc phân công, phân cấp quản lý giữa Trung ương với địa phương, giữa tỉnh với ngành, huyện và cơ sở. Phải vận dụng thực hiện đúng đắn ba lợi ích trong sản xuất và phân phối mở rộng chế độ khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong nông nghiệp và các ngành sản xuất kinh doanh khác.

Việc phân cấp quản lý giữa huyện với ngành tỉnh, việc giao các nông, lâm trường cho huyện, thị quản lý, cần nghiên cứu kỹ và để xem xét giải quyết, trước mắt việc giao kế hoạch năm 1982 cho các nông, lâm trường, các ngành chủ quản cần được các huyện, thị tham gia để thống nhất nhiệm vụ chỉ tiêu trên địa bàn mỗi huyện, thị.

Đối với các chế độ chính sách, pháp luật của Nhà nước đã ban hành phải chấp hành nghiêm túc. Việc giao nộp sản phẩm và nộp ngân sách tiền mặt phải thực hiện đầy đủ đúng quy định, chống tự do, tùy tiện.

4. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tiêu cực, gắn liền đẩy mạnh phong trào xây dựng huyện vững mạnh toàn diện, thành pháo đài quân sự kinh tế, chính trị... Xây dựng và củng cố cơ sở đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng vững mạnh.

Để khắc phục những khó khăn và kiên quyết chống các tiêu cực xã hội trong kinh tế và đời sống, phải bảo đảm cho nhiệm vụ kinh tế, xã hội đạt kết quả thắng lợi các ngành, các cấp các cơ sở phải gắn liền sản xuất kinh doanh với chống tiêu cực, chống quan liêu, gây phiền hà, gắn sản xuất với bảo vệ sản xuất, nâng cao cảnh giác, chống mọi thủ đoạn phá hoại kinh tế của địch. Trong xây dựng và phát triển kinh tế phải kết hợp chặt chẽ xây dựng quốc phòng sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu nhất là ở vùng biên giới. Trước mắt cần hoàn thành tốt đợt 2 xây dựng pháo đài huyện, thị vững mạnh, đẩy mạnh việc xây dựng cấp huyện và phân cấp quản lý cho huyện, thị theo như kế hoạch của tỉnh đã đề ra.

Đi đôi với công tác trên, phải tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và củng cố các cơ sở đảng, chính quyền, các đoàn thể, làm cho cơ sở đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, các tổ chức hoạt động mạnh mẽ, đều khắp, lấy nhiệm vụ kinh tế, xã hội gắn liền với trị an và quốc phòng. Bảo vệ Tổ quốc làm nội dung tiêu chuẩn đánh giá kết quả của việc xây dựng cơ sở trong sạch, vững mạnh.

5. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền các cấp đối với nhiệm vụ kinh tế và xã hội. Tập trung vào các khâu yếu như: Tiếp tục kiện toàn tổ chức, tinh giản biên chế bộ máy các cấp, các ngành, nhằm tăng cường cán bộ quản lý, khoa học - kỹ thuật cho huyện và cơ sở, bảo đảm cho huyện và cơ sở đủ năng lực chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, kinh tế được phân công. Các ban, ngành của Đảng và chính quyền cấp tỉnh và huyện cũng phải được tiếp tục kiện toàn sắp xếp, cho tinh giản hơn, nhằm phát huy vai trò làm tham mưu giúp việc đắc lực cho cấp ủy chính quyền tỉnh, huyện. Trước hết cần kiện toàn và nâng cao chất lượng của cơ quan, kế hoạch, thống kê, các ban kinh tế của Tỉnh ủy và Ủy ban tỉnh.

Phải tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện. Phát huy vai trò điều hành và phối hợp chặt chẽ giữa các ngành trong mọi khối, đồng thời đề cao vai trò chỉ đạo và điều hành cung của Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh, dưới sự kiểm tra theo dõi của cấp ủy Đảng.

Trước hết là của Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy và Ủy ban Kế hoạch tỉnh, cụ thể hóa thành các chỉ tiêu pháp lệnh và có đề án kế hoạch thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể để chỉ đạo huyện, ngành và cơ sở thực hiện. Phải thường xuyên sinh hoạt từng khối (hàng tháng, lúc thời vụ thì hàng tuần, hàng ngày), các ban, các ngành thuộc khối phản ánh, báo cáo để đồng chí phụ trách khối nắm và giải quyết kịp thời những yêu cầu công việc có liên quan cả khối mà đồng chí phụ trách khối mới quyết đáp được.

Có chương trình nghiên cứu và kiểm tra từng thời gian của các cấp ủy và chính quyền, các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các đồng chí cấp ủy viên và Ủy ban nhân dân phải nêu cao trách nhiệm phụ trách khối, cụm, huyện, thị đã được phân công. Các đồng chí phụ trách các ban, ngành phải thường xuyên đi xuống cơ sở nắm tình hình, truyền đạt chủ trương kế hoạch, nghiên cứu và giải quyết công việc tại chỗ, chống tác phong quan liêu, xa rời thực tế, bởn hợp liên miên và quá nhiều. Cần xây dựng ý thức khi đã có nghị quyết thì phải nghĩ cách làm, chấm dứt sự tùy tiện, tranh cãi quá nhiều mà làm ít.

Phải chấp hành nghiêm chế độ báo cáo, thỉnh thị theo quy định nhằm bảo đảm phản ánh thông tin và số liệu thống kê từ cơ sở lên tỉnh được chính xác, kịp thời, đều đặn.

Phát huy phương pháp chỉ đạo điểm và xây dựng điển hình là rất cần thiết, nhất là những việc mới mẻ, bắt đầu. Do đó tỉnh, huyện ngành phải có điểm chỉ đạo, để kịp thời rút kinh nghiệm, phát huy tốt uốn nắn lệch lạc trong chỉ đạo chung. Qua chỉ đạo điểm và thực hiện tốt việc sơ kết, tổng kết từng chuyên đề để có chủ trương, biện pháp sáng tạo, sát đúng.

Nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội năm 1982 của tỉnh ta là lớn, nặng nề và còn nhiều khó khăn, nhưng cũng có rất nhiều thuận lợi cơ bản. Dưới ánh sáng của Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 11, Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng sắp tới và các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, với sự hiểu biết sâu sắc về tình hình và nhiệm vụ hiện nay, với tinh thần đoàn kết chiến đấu tự

lực tự cường, vươn lên khắc phục khó khăn, cần cù lao động và sáng tạo của quân và dân, các dân tộc trong tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh rất tin tưởng sẽ vượt qua tất cả mọi khó khăn trở ngại, nhất định nhiệm vụ năm 1982 sẽ giành được thắng lợi to lớn và toàn diện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DIỄN VĂN

Tổng kết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III (đợt 1) (6-1-1982 đến 13-1-1982)

Kính thưa: Đồng chí Trần Quyết, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ; đồng chí Phạm Khai, Bộ trưởng Bộ Điện lực.

Thưa toàn thể Đại hội.

Sau 8 ngày tập trung sức lực và trí tuệ để làm việc trong không khí phấn khởi, đoàn kết nhất trí và tin tưởng Đại hội chúng ta đã hoàn thành tốt đẹp chương trình làm việc, theo sự chỉ đạo của Trung ương và đã được Đại hội nhất trí thông qua.

Mỗi chúng ta đều đã xác định được rằng: Đại hội này là nơi tập trung nhiều nhất các đồng chí đảng viên ưu tú là cán bộ chủ chốt từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh, tiêu biểu nhất cho trí tuệ của toàn Đảng bộ. Sự nhất trí của Đại hội sẽ là cơ sở vững chắc cho sự nhất trí về nhận thức và về hành động cách mạng trong toàn Đảng bộ toàn quân và toàn dân trong toàn tỉnh. Cho nên, mặc dù tất cả các đồng chí đại biểu đều đã nghiên cứu, thảo luận các văn kiện tóm tắt dự thảo báo cáo của Trung ương từ Đại hội cấp cơ sở đến cấp huyện, thị xã và đảng ủy, nhưng tất cả các đồng chí đại biểu chúng ta đã làm việc hết sức nghiêm túc, đáp ứng một cách xứng đáng sự tín nhiệm và lòng tin yêu và Đại hội Đảng bộ cấp dưới đã trao cho.

Trong quá trình làm việc Đại hội đã nghe các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy giới thiệu nội dung trọng tâm trong báo cáo dự thảo của Ban Chấp hành Trung ương và báo cáo những ý kiến quan

trọng mà Đại hội cấp dưới đã đề nghị lên. Đại hội đã dành thời gian chủ yếu để các đồng chí đại biểu nghiên cứu, liên hệ và thảo luận kỹ hơn toàn bộ nội dung các văn kiện, nhằm quán triệt sâu sắc và tạo lên sự tập trung nhất trí cao hơn, đồng thời đề xuất những vấn đề quan trọng để đề nghị lên Trung ương bổ sung vào các văn kiện dự thảo sẽ trình bày ra Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng.

Qua quá trình thảo luận sôi nổi ở tổ và một phần ở hội trường, Đại hội chúng ta đã giành được thắng lợi đáng kể nhất là sự nhất trí cao đối với những quan điểm về đường lối của Ban Chấp hành Trung ương đã ghi trong các văn kiện. Những ý kiến còn băn khoăn và đánh giá thắng lợi lịch sử và rất to lớn trong hai cuộc chiến tranh (...) và thắng lợi về kinh tế cũng như những khuyết điểm, sai lầm, những nguyên nhân và khó khăn của Đại hội cấp cơ sở và huyện, thị, tiếp tục được thảo luận sôi nổi với quan điểm toàn diện và sự phân tích sâu sắc, nên đã đi đến nhất trí khẳng định mạnh mẽ hơn về bốn thắng lợi mà Ban Chấp hành Trung ương đã đánh giá.

Về phần đường lối chung, đường lối phát triển kinh tế và bốn mục tiêu, 10 chính sách và biện pháp lớn, 10 nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội về tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa và phát động phong trào quần chúng, Đại hội đã nhất trí coi đó là những quan điểm đường lối rất cơ bản và quan trọng, phải được quán triệt sâu sắc, toàn diện và phải được chấp hành nghiêm túc và triệt để, nhằm đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta bằng qua những thử thách nghiêm trọng để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Đại hội đặc biệt phấn khởi, tin tưởng vì Đảng ta đã thấy rõ sai lầm khuyết điểm, tìm ra nguyên nhân và khẳng định vững chắc các quan điểm, nhằm giải quyết những vấn đề mấu chốt nhất trong chính sách và biện pháp kinh tế, xác định rõ được vị trí, bước đi, cách đi sao cho phù hợp trình độ kinh tế của ta trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhất là về sản xuất nông nghiệp và xây dựng cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp, xây dựng kinh tế Trung ương đồng thời phát triển kinh

tế địa phương, xây dựng kinh tế Trung ương và kinh tế địa phương thành cơ cấu kinh tế thống nhất cả nước, quan điểm về kết hợp kinh tế với quốc phòng, về xuất khẩu và nhập khẩu, về tích lũy và tiêu dùng, v.v.. Các đồng chí chúng ta cũng rất tin tưởng, phấn khởi về việc Trung ương đặc biệt nhấn mạnh vị trí của cấp huyện đúng với tầm quan trọng của nó.

Qua nghiên cứu thảo luận về 10 nhiệm vụ và nhiệm vụ của một số ngành kinh tế đã thể hiện rõ Đảng ta quyết tâm sửa chữa những khuyết điểm trong 5 năm qua và đã đem lại cho chúng ta niềm tin tưởng mới vào việc thực hiện các mục tiêu mà Trung ương đã đề ra cho 5 năm tới và những năm 1980 của thập kỷ này. Đại hội cũng rất phấn khởi trước sự quan tâm của Trung ương đối với sự nghiệp phát triển văn hóa - xã hội với công tác giáo dục thanh thiếu niên và nhi đồng, đi đôi với kiên quyết tăng cường chuyên chính vô sản, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, khắc phục các biểu hiện tiêu cực và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Phần nghiên cứu và thảo luận dự thảo báo cáo về xây dựng Đảng, Đại hội hoàn toàn nhất trí với đánh giá của Trung ương về Đảng ta, một Đảng kiên cường, vững vàng về đường lối, đã lãnh đạo nhân dân ta vượt qua những thử thách nghiêm trọng, đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta tiếp tục tiến lên. Đại hội nhất trí với đánh giá của Trung ương về những khuyết điểm và những biểu hiện tiêu cực trong Đảng hiện nay và nhất trí thấy rằng phải đẩy mạnh hơn nữa công tác giáo dục tư tưởng gắn liền với xây dựng Đảng và tổ chức, xây dựng cơ chế tổ chức và đổi mới công tác cán bộ nhằm đáp ứng nhiệm vụ lãnh đạo kinh tế.

Đại hội đã không dừng lại ở nhận thức đường lối, chính sách chung mà đã một bước đi sâu suy nghĩ về việc vận dụng đường lối đó vào điều kiện cụ thể của một tỉnh miền núi, biên giới, có nhiều dân tộc đang trực tiếp đương đầu với kẻ thù. Phải trực tiếp chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, đặc biệt là chống âm mưu hoạt động gián điệp, chiến tranh tâm lý, lợi dụng bọn phản động trong các

dân tộc để phá hoại và chia rẽ giữa các dân tộc, chia rẽ quân dân và âm mưu phá hoại kinh tế. Trên cơ sở đó, Đại hội đã nhấn mạnh nhiệm vụ đề cao cảnh giác, tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh, đẩy mạnh sẵn sàng chiến đấu, tăng cường đoàn kết, nhất trí trong Đảng và trong nhân dân các dân tộc. Đại hội đã bám sát nội dung các văn kiện và với quan điểm đúng đắn, đã liên hệ với thực tế phong phú của địa phương và đã đóng góp nhiều ý kiến đề nghị bổ sung thêm, hoặc đề nghị sửa chữa những vấn đề cụ thể vào nội dung trong 2 văn kiện dự thảo của Ban Chấp hành Trung ương.

Những ý kiến quan trọng của Đại hội, Đoàn Chủ tịch đã tổng hợp sơ bộ và báo cáo trước Đại hội, sau đây Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ chịu trách nhiệm nghiên cứu và hoàn chỉnh để chính thức báo cáo lên Trung ương Đảng. Song, trong quá trình thực hiện và cơ sở tới Đại hội Đảng bộ tỉnh lần này, chúng ta đã thảo luận sôi nổi và hoàn toàn nhất trí một vấn đề lớn đề nghị Trung ương ghi thành một chính sách và biện pháp lớn là: Đặc biệt quan tâm vận động sức lực của cả nước nhất là của các ngành thuộc Trung ương để xây dựng các tỉnh miền núi, biên giới nơi đang trực tiếp đối đầu với kẻ thù, tiến lên vững mạnh toàn diện, nhất là về phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, phát huy thế mạnh của miền núi, mở mang mạnh mẽ giao thông vận tải, thông tin liên lạc, văn hóa - xã hội, ưu tiên cung cấp hàng hóa, vật tư bảo đảm đời sống và có chính sách đối với cán bộ, bộ đội và nhân dân miền núi, biên giới, ra sức củng cố quốc phòng và an ninh chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu (...). Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ chính thức báo cáo vấn đề này lên Trung ương và đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh ta sẽ chịu trách nhiệm đem đề nghị này của Đại hội lên báo cáo với Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng.

Đoàn Chủ tịch Đại hội đề nghị: Toàn thể Đại hội biểu thị sự nhất trí đối với các quan điểm, đường lối của Đảng, nhất trí tin tưởng vào sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn kính mến.

Kính thưa Đại hội.

Đại hội chúng ta cũng đã dành thời gian thích đáng để nghiên cứu một cách nghiêm túc Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 11 và kế hoạch nhà nước năm 1982, đã quán triệt tinh thần nghị quyết đó cùng với nội dung các văn kiện của Trung ương để thảo luận và bàn biện pháp tích cực thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy về nhiệm vụ và kế hoạch nhà nước năm 1982 của tỉnh, thiết thực lập thành tích chào mừng Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng. Đồng thời Đại hội chúng ta thể hiện đầy đủ quan điểm vì trách nhiệm và lợi ích chung của Đảng, đã nhất trí bầu 18 đồng chí tiêu biểu nhất của Đảng bộ đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng. Đó là biểu thị tập trung nhất tinh thần đoàn kết nhất trí của Đại hội, cũng như của toàn Đảng bộ, của toàn quân, toàn dân trong tỉnh đối với Đảng trong tình hình có nhiều thuận lợi, song cũng có nhiều khó khăn hiện nay. Đề nghị Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh tinh thần đoàn kết và nhất trí trao vinh dự và trách nhiệm cho Đoàn đại biểu tỉnh ta lên dự Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng.

Kính thưa Đại hội.

Sau 8 ngày làm việc với tinh thần thực sự phát huy dân chủ, phát huy truyền thống đoàn kết và ý chí chiến đấu kiên cường của Đảng, Đại hội lần thứ III (đợt 1) của Đảng bộ tỉnh ta đã thành công tốt đẹp, đã đạt được các yêu cầu do Trung ương đề ra. Có được sự thành công rực rỡ đó là nhờ sự lãnh đạo chặt chẽ và sáng suốt của Ban Chấp hành Trung ương, có sự cố gắng và thành công của Đại hội từ cấp cơ sở lên, và sự động viên mạnh mẽ của toàn quân, toàn dân trong tỉnh. Đại hội xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với Ban Chấp hành Trung ương, đứng đầu là đồng chí Lê Duẩn kính mến. Đại hội chính thức ghi nhận và nhiệt liệt biểu dương sự nỗ lực của các cấp, các ngành, của toàn dân, toàn quân trong tỉnh đã hăng hái thi đua sản xuất và chiến đấu, lập thành tích hướng về Đại hội.

Trong không khí trọng thể này và nhân dịp bước vào đầu năm mới, với nhiều sự kiện lịch sử trọng đại, Đại hội tha thiết mong rằng:

Các đồng chí đại biểu cũng như toàn Đảng bộ, giai cấp công nhân và nhân dân tập thể, các lực lượng vũ trang và an ninh nhân dân, các đồng chí đoàn viên và thanh thiếu niên trong tỉnh hãy phát huy truyền thống anh hùng, bất khuất và tinh thần tự lực, tự cường phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 11, lập thành tích cao nhất chào mừng Đại hội lần thứ V của Đảng. Trước hết và quan trọng hơn hết là tập trung phấn đấu và chế biến màu hoàn thành nhiệm vụ thu mua và sử dụng màu, hoàn thành mọi chỉ tiêu sản xuất đông - xuân, nhất là về sản lượng lương thực, kể cả lúa và màu, tận dụng mọi năng lực đẩy mạnh sản xuất thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu và đáp ứng yêu cầu trước mắt vừa từng bước phát huy thế mạnh của một tỉnh miền núi. Luôn luôn mài sắc và đề cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, kiên quyết đập tan chiến tranh phá hoại nhiều mặt (...), kiên quyết giữ vững trật tự an ninh, đấu tranh đẩy lùi kỳ được các biểu hiện tiêu cực. Dù có khó khăn gian khổ đến đâu, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh cũng nguyện đoàn kết, vững vàng tin tưởng, tất cả hướng về Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, một sự kiện lịch sử trọng đại trên con đường vẻ vang là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đem lại sự giàu mạnh cho đất nước, hạnh phúc cho nhân dân.

Thưa các đồng chí, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III (đợt 1) đã thành công tốt đẹp và kết thúc. Thay mặt Đoàn Chủ tịch Đại hội, tôi xin kính chúc sức khỏe toàn thể các đồng chí đại biểu, chúc mừng sự thành công rực rỡ của Đại hội.

Ngày 13-1-1982

BIÊN BẢN

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ III (đợt 1)

8g sáng ngày 6-1-1982: Khai mạc Đại hội

- Lễ chào cờ: cử Quốc tế ca và Quốc ca
- Đoàn Chủ tịch và thư ký lên làm việc (có danh sách riêng)
- Đồng chí Việt Hồng thay mặt Tỉnh ủy và Đoàn Chủ tịch tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu:
 - + Đồng chí Trần Quyết, Ủy viên Trung ương, Thứ trưởng Bộ Nội vụ
 - + Đồng chí Nguyễn Khai, Bộ trưởng Bộ Điện
 - + Đồng chí Bình Phương, Phó ban Tổ chức Trung ương
 - + Đồng chí Phạm Hưng, phái viên của Trung ương
 - + Đồng chí Đãi, Tình, chuyên viên của Trung ương
 - + Các đồng chí đại biểu của Sân bay, Z1
 - + Các đoàn đại biểu các Đảng bộ trong tỉnh.
- Đồng chí Dương Việt Tiến, Bí thư Tỉnh ủy đọc diễn văn khai mạc (có văn bản riêng).
- Đồng chí Trần Lục, Trưởng ban Kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo về tư cách đại biểu (có danh sách riêng).
- Đại biểu đã hoàn toàn nhất trí về tư cách của đại biểu và biểu quyết thông qua bằng giơ tay với 100% phiếu.
- Đồng chí Đức Minh thay mặt Tỉnh ủy và Chủ tịch đoàn báo cáo về những vấn đề mà Đại hội các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc đã tham gia thảo luận vào dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương sẽ trình ra Đại hội V (có biên bản chi tiết).

Chiều ngày 6-1-1982: Đọc nghiên cứu tài liệu và thảo luận ở tổ.

Sáng ngày 7-1-1982: Tiếp tục thảo luận tổ.

Chiều ngày 7-1-1982: Tiếp tục thảo luận tổ.

Sáng 8-1-1982: Đoàn Chủ tịch và các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp nghe đoàn Thư ký báo cáo kết quả thảo luận ở các tổ và đi đến thống nhất:

- Tổng hợp lại toàn bộ những vấn đề mà các tổ đã thảo luận

- Trình bày thêm một số vấn đề để làm sáng tỏ thêm, sâu thêm những phần thảo luận ở tổ (căn cứ vào Báo cáo chính trị và ý kiến của các đồng chí Bộ Chính trị đã phát biểu ở hội nghị trung cao cấp).

- Đưa ra thảo luận chung ở hội trường hai vấn đề lớn:

Một là: Về mục tiêu ổn định và cải thiện đời sống, tiến lên giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm gắn với tinh thần nỗ lực phấn đấu đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm của tỉnh và của huyện, thị trong 5 năm tới và những năm 80.

Hai là: Xây dựng các tỉnh miền núi biên giới có nhiều dân tộc tiến lên một cách toàn diện đáp ứng hai nhiệm vụ chiến lược và đề nghị Trung ương đặc biệt quan tâm giúp đỡ, có chính sách phát triển một cách toàn diện và ghi thành chính sách và biện pháp lớn thứ 11 trong Báo cáo chính trị (có báo cáo chi tiết riêng những vấn đề trên).

Chiều 8-1-1982:

- Đồng chí Dương Việt Tiến, Bí thư Tỉnh ủy trong Đoàn Chủ tịch báo cáo kết quả thảo luận về Dự thảo Báo cáo chính trị của Trung ương, nêu những vấn đề cần tập trung thảo luận.

- Các đại biểu phát biểu ở hội trường:

- + Đồng chí Nhữ, đoàn đại biểu thị xã Lào Cai

- + Đồng chí Hợp, Trưởng đoàn đại biểu Bát Xát

- + Đồng chí Xuyên, Trưởng đoàn đại biểu Bảo Thắng

- + Đồng chí Hỷ, Giám đốc Lâm trường Ngòi Lao phát biểu về vấn đề rừng

+ Đồng chí Bình Phương, Phó ban Tổ chức Trung ương phát biểu ý kiến về vấn đề làm thế nào để giải quyết vấn đề lương thực với nội dung:

- Vị trí của sản xuất lương thực
- Muốn có lương thực phải:

Kết hợp kinh nghiệm cổ truyền với khoa học mà có thể tiếp thu được.

Những chính sách khuyến khích cụ thể: bỏ nghĩa vụ còn lại thu mua thỏa thuận.

Thực hiện tốt vấn đề khoán sản phẩm đến người lao động (Chỉ thị 100).

Vấn đề vai trò lãnh đạo của các đảng bộ cơ sở phải được củng cố, chọn lọc một cách nghiêm túc.

- Công nghiệp tiêu dùng phải phát triển mạnh, thay đổi cách quản lý tức là: chỉ quản lý mấy vấn đề: số lượng, giá cả, lãi, còn giao cho xí nghiệp toàn quyền xây dựng.

- Ngoài ra, cần phát triển mạnh thủ công nghiệp. Tất cả những cái đó để có hàng đổi cho nhân dân thúc đẩy sản xuất phát triển.

Sáng 9-1-1982: Làm việc ở hội trường.

Đồng chí Lê Khay, Ủy viên Thường vụ trong Đoàn Chủ tịch báo cáo kết quả về việc thảo luận bản dự thảo báo cáo xây dựng Đảng sẽ trình tại Đại hội toàn quốc lần thứ V.

Chiều 9-1-1982: Đọc, nghiên cứu tài liệu ở tổ.

Sáng 10-1-1982: Thảo luận ở các tổ (Báo cáo xây dựng Đảng - Dự thảo Điều lệ).

Chiều 10-1-1982: Đoàn Chủ tịch, Thư ký họp nghe tình hình thảo luận và dự thảo báo cáo xây dựng Đảng và chuẩn bị ý kiến để báo cáo sơ kết phần này ở hội trường (có báo cáo cụ thể riêng).

Sáng 11-1-1982:

- Báo cáo sơ kết tình hình thảo luận về Dự thảo báo cáo xây dựng Đảng (Anh Việt Hồng, Phó Bí thư trong Đoàn Chủ tịch Đại hội trình bày).

- Đồng chí Dương Việt Tiến, Bí thư Tỉnh ủy trong Đoàn Chủ tịch báo cáo về Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 11 và bài phát biểu của đồng chí Lê Duẩn tại Hội nghị Trung ương lần thứ 11.

Chiều 11-1-1982: Đồng chí Việt Hồng, Phó Bí thư Tỉnh ủy trong Đoàn Chủ tịch trình bày nghị quyết về phương hướng nhiệm vụ kinh tế - xã hội 1982 của tỉnh.

Ngày 12-1-1982: Thảo luận nghị quyết của Tỉnh ủy.

3 giờ chiều lên Hội trường nghe tiêu chuẩn cấu tạo về đại biểu đi dự Đại hội lần thứ V.

Đồng chí Lê Khay giới thiệu tiêu chuẩn, cấu tạo về đại biểu đi dự Đại hội lần thứ V.

15 đại biểu: 2 công nhân, 5 dân tộc, 1 đặc biệt.

3 cán bộ cao cấp của Trung ương giới thiệu về ứng cử.

Gồm các đồng chí:

+ Trần Quyết, Ủy viên Trung ương, Thứ trưởng Bộ Nội vụ.

+ Phạm Khai, Bộ trưởng Bộ Điện.

+ Bình Phương, Phó ban Tổ chức Trung ương.

Nên bố trí: 9 đồng chí: Đảng - Chính quyền - Ban - Đoàn thể - huyện tuyến trước sau, ngành kinh tế, cơ sở.

Hướng sẽ thêm 2 công nhân, 3 dân tộc, 1 vị trí quan trọng

Mông - Dao - Thái (dân tộc).

Tổng số 15 đồng chí cộng thêm 3 Trung ương là 18 đồng chí chính thức và 1 dự khuyết. Tổng 19 đồng chí

Đại hội biểu quyết: đồng ý 18 đồng chí bằng giơ tay; đồng ý 1 đồng chí dự khuyết bằng giơ tay.

Đại hội hoàn toàn nhất trí 100%.

Sau đó các đoàn thảo luận, trao đổi.

Ngày 13- 1- 1982:

- Đại hội đã chia đoàn để mạn đàm trao đổi tiêu chuẩn, cơ cấu đoàn đại biểu.

- 12 giờ Đại hội đã tiến hành bỏ phiếu bầu đại biểu chính thức đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V.

Kết quả (có biên bản riêng).

Sau đó bầu đại biểu dự khuyết nhưng không có đồng chí nào quá bán do đó Đại hội quyết định sẽ không bầu đại biểu dự khuyết nữa.

Kết quả: Đại hội đề cử được 18 đồng chí đại biểu chính thức thay mặt cho Đảng bộ đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ V (có danh sách riêng).

16 giờ, đồng chí Dương Việt Tiến, Bí thư Tỉnh ủy thay mặt Đoàn Chủ tịch đọc diễn văn bế mạc Đại hội.

BIÊN BẢN

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ III (đợt 1) bầu cử đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V

Ngày 13-1-1982 tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ III (đợt 1) đã tiến hành bầu cử đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V.

Tổng số đại biểu được Trung ương phân bổ là 18 đồng chí.

Sau khi quán triệt về tiêu chuẩn, cơ cấu của đoàn đại biểu Đại hội tiến hành ứng cử và đề cử.

+ Về ứng cử có các đồng chí:

- | | |
|--------------|---------------|
| - Trần Quyết | - Bình Phương |
| - Phạm Khai | - Lê Khay |

+ Về đề cử có các đồng chí:

- | | |
|-------------------|--------------------|
| - Đỗ Khắc Cương | - Phạm Viết Nam |
| - Lý A Chài | - Tráng A Pao |
| - Dương Văn Đề | - Lò Văn Pâng |
| - Nguyễn Quý Đăng | - Nguyễn Kim Phong |
| - Nguyễn Ngọc Hồ | - Vũ Văn Sửu |
| - Hà Thiết Hùng | - Dương Việt Tiến |
| - Lê Huy Hợp | - Hồng Tân |
| - Phan Thị Hoa | - Nguyễn Đình Thái |
| - Trần Hào | - Nguyễn Văn Tung |
| - Trần Xuân Nam | |

Đại hội đã cử ra Ban kiểm phiếu gồm 19 đồng chí:

- 1- Đồng chí Phạm Kiểm, Trưởng ban
- 2- Đồng chí Nguyễn Quang Cường, Ủy viên
- 3- Đồng chí Hà Phú An, Ủy viên
- 4- Đồng chí Nguyễn Xuân Mùi, Ủy viên
- 5- Đồng chí Mai Ngọc Giao, Ủy viên
- 6- Đồng chí Nguyễn Thế Dũng, Ủy viên
- 7- Đồng chí Lê Tô, Ủy viên
- 8- Đồng chí Tạ Gia Thoại, Ủy viên
- 9- Đồng chí Nguyễn Văn Tuyên, Ủy viên
- 10- Đồng chí Vũ Văn Khoa, Ủy viên
- 11- Đồng chí Đỗ Trần Hợi, Ủy viên
- 12- Đồng chí Lộc Hoàng Bình, Ủy viên
- 13- Đồng chí Lương Xuân Mậu, Ủy viên
- 14- Đồng chí Nguyễn Mai Hồng, Ủy viên
- 15- Đồng chí Nguyễn Trọng Khang, Ủy viên
- 16- Đồng chí Nguyễn Đức Minh, Ủy viên
- 17- Đồng chí Nguyễn Quang Khải, Ủy viên
- 18- Đồng chí Vũ Ngọc Kỳ, Ủy viên
- 19- Đồng chí Nông Ngọc Tính, Ủy viên.

Ban kiểm phiếu đã phổ biến những nguyên tắc, thủ tục bầu cử trong Đảng, Đại hội tiến hành bầu cử:

Tổng số đại biểu chính thức có mặt lúc bầu là 324 đồng chí:

Số phiếu phát ra: 324 phiếu

Số phiếu thu về: 324 phiếu

Số phiếu hợp lệ là: 323 phiếu

Số phiếu không hợp lệ: 1 phiếu

Kết quả của số phiếu bầu cho từng đại biểu:

Đỗ Khắc Cường: 319 phiếu

Lý A Chài: 78 phiếu

Dương Văn Đề: 93 phiếu

Nguyễn Quý Đăng: 297 phiếu

Nguyễn Ngọc Hồ: 291 phiếu
 Hà Thiết Hùng: 319 phiếu
 Lê Huy Hợp: 241 phiếu
 Phan Thị Hoa: 317 phiếu
 Trần Hào: 100 phiếu
 Phạm Khai: 314 phiếu
 Lê Khay: 292 phiếu
 Trần Xuân Nam: 282 phiếu
 Phạm Việt Nam: 71 phiếu
 Tráng A Pao: 306 phiếu
 Lò Văn Pâng: 276 phiếu
 Nguyễn Kim Phong: 144 phiếu
 Bình Phương: 285 phiếu
 Trần Quyết: 323 phiếu
 Vũ Văn Sửu: 291 phiếu
 Dương Việt Tiến: 260 phiếu
 Hồng Tân: 320 phiếu
 Nguyễn Đình Thái: 313 phiếu
 Nguyễn Văn Tung: 280 phiếu

Căn cứ vào nguyên tắc, thủ tục bầu cử, các đồng chí có tên dưới đây trúng cử làm đại biểu chính thức đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V:

- | | |
|--------------------|----------------------|
| 1- Đỗ Khắc Cường | 10- Tráng A Pao |
| 2- Nguyễn Quý Đăng | 11- Lò Văn Pâng |
| 3- Nguyễn Ngọc Hồ | 12- Bình Phương |
| 4- Hà Thiết Hùng | 13- Trần Quyết |
| 5- Lê Huy Hợp | 14- Vũ Văn Sửu |
| 6- Phan Thị Hoa | 15- Dương Việt Tiến |
| 7- Phạm Khai | 16- Hồng Tân |
| 8- Lê Khay | 17- Nguyễn Đình Thái |
| 9- Trần Xuân Nam | 18- Nguyễn Văn Tung |

Việc bầu cử đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ III (đợt 1) đã tiến hành thật dân chủ, bảo đảm đúng nguyên tắc thủ tục Trung ương đã quy định và kết quả tốt đẹp.

Biên bản này làm thành 5 bản và đã thông qua Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ III (đợt 1).

T/M CHỦ TỊCH ĐOÀN ĐẠI HỘI

DƯƠNG VIỆT TIẾN

T/M BAN KIỂM PHIẾU

TRƯỞNG BAN
PHẠM KIỂM

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA TỈNH ỦY

Số 58-BC/TU, ngày 11-1-1982

Về tình hình công tác 1982

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ năm 1982 của tỉnh thời tiết có thuận lợi hơn năm 1981, nhưng về điều kiện để cung ứng phục vụ cho sản xuất và đời sống thì tiếp tục gặp nhiều khó khăn hơn: vốn xây dựng cơ bản, vốn trồng rừng giảm nhiều; vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải, nhiên liệu (than, xăng dầu, điện,...) thiếu nghiêm trọng; lương thực, tiền, hàng thường ngày căng thẳng; giá cả thị trường biến động lớn, đời sống cán bộ, công nhân viên khó khăn. Đi đôi với sản xuất, nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ biên giới, chống địch phá hoại nhiều mặt thường xuyên diễn biến hàng ngày, phải tập trung khá nhiều vật tư, hàng hóa và công sức để bảo đảm thắng lợi.

Tuy nhiên trong năm 1982, Trung ương Đảng và Nhà nước có nhiều chủ trương, chính sách được sửa đổi và cải tiến, nhất là trong quản lý kinh tế, trong phân phối lưu thông. Do có những chỉ thị, nghị quyết về các mặt của Trung ương soi sáng, cộng với sự nỗ lực phấn đấu của quần dân các dân tộc và sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất của các cấp, các ngành, nên các mặt công tác trong tỉnh đã thu được thắng lợi đáng kể, nhất là trên mặt trận sản xuất lương lương thực và có nhiều nhân tố mới tích cực, ngày càng phát triển, mặc dù bên cạnh đó còn nhiều nhược điểm, khuyết điểm tồn tại. Dưới đây là tình hình trên các mặt chủ yếu.

I. VỀ KINH TẾ- XÃ HỘI

1. Sản xuất nông-lâm nghiệp: Tuy có khó khăn về thiếu vật tư nông nghiệp (phân, thuốc thú ý, thuốc sâu,...) nhưng thời tiết năm nay thuận lợi, các huyện, thị và các ngành, các cơ sở đã phát huy tinh thần tự lực phấn đấu, cố gắng thực hiện kế hoạch, nhất là phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm. Trong các hợp tác xã, việc thực hiện chính sách khoán sản phẩm tiếp tục được mở rộng, uốn nắn những sai sót, các chính sách đòn bẩy của Nhà nước ban hành được phát huy, phong trào thâm canh (bón phân, cày bừa, thay giống mới, chống hạn, làm thủy lợi, trừ sâu, v.v.) có tiến bộ.

Từ những tác động trên đã thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển và thu được thắng lợi tương đối toàn diện. Các chỉ tiêu chính đều đạt và vượt mức kế hoạch và đều tăng hơn năm 1981 như: tổng diện tích gieo trồng cả năm được trên 125.300 ha tăng 7% so với 1981, trong đó diện tích lương thực được 113.392 ha tăng 3%. Diện tích màu, rau đậu các loại cũng đều tăng từ 1 đến 5%, cây công nghiệp ngắn ngày tăng 96,5%, đặc biệt cây đậu tương trồng được trên 4.200 ha, nhiều gấp 3 lần năm trước. Một số cây khác cũng đang được đẩy mạnh, như lạc, vừng, mía, nhất là bông, lanh tăng từ 38-78% so năm trước.

Năng suất, sản lượng cây trồng đều đạt khá, lúa vụ mùa qua đã đạt trên 26,23 tạ/ha, tăng 10,8% so với 1981, ngô đạt 9,8 tạ/ha tăng 1,1%, sắn đạt 115 tạ/ha tăng 1,2%.

Tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 235.000 tấn cả năm, tăng hơn năm trước 8,6%, trong đó thóc đạt 100.860 tấn, tăng 15,7%, màu đạt 94,200 tấn tăng..., so với kế hoạch Trung ương giao thì tổng sản lượng lương thực cần đạt (97,5%), là một năm đạt sản lượng cao nhất. Tuy nhiên còn khả năng thâm canh, tăng vụ và tăng diện tích, nhưng sự chuyển biến về các mặt này ở nhiều địa phương chưa mạnh và đồng đều. Việc phát triển lúa, ngô, sắn có cố gắng. Nhưng đối với khoai, đậu các loại, hoa quả chưa được coi trọng, nhất là việc chế biến

màu và đưa màu, đưa hoa quả vào bữa ăn và sử dụng trong công nghiệp còn rất yếu.

Về trồng rừng: Đã cố gắng trồng 3.150 ha, đạt kế hoạch. Việc quản lý bảo vệ rừng đang được chấn chỉnh và từng bước thực hiện chính sách giao đất, giao rừng cho hợp tác xã, gia đình bảo vệ kinh doanh. Song nạn phá rừng để lấy gỗ, và lấy củi, làm nương vẫn còn nhiều, nhất là các thị xã, thị trấn, ở những nơi bộ đội đóng quân và nơi còn du canh, du cư.

Về chăn nuôi: Nói chung vẫn tiếp tục phát triển và tăng khá so với 1981. Đàn trâu có 110.710 con, tăng hơn năm 1981 là 3,2%; bò 24.600 con tăng 6,7%; lợn 289.800 con tăng 7,3% (chủ yếu tăng ở khu vực tập thể và gia đình). Một số cơ sở trạm trại quốc doanh có chiều hướng giảm dần, việc lai tạo, gây giống và nhân giống nói chung còn yếu.

Công tác khoán sản phẩm trong nông nghiệp, tiếp tục được mở rộng ở 436 hợp tác xã, chiếm 77,2%, so với tổng số hợp tác xã (nhiều hơn năm 1981 158 hợp tác xã). Thông qua khoán sản phẩm, đã động viên nông dân phấn khởi sản xuất, tận dụng ruộng đất, tích cực thâm canh, tiết kiệm chi phí sản xuất. Đó chính là nhân tố quyết định, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp năm 1982 phát triển, đưa năng suất, sản lượng lên cao. Song trong công tác khoán quản còn bộc lộ các tồn tại, nhất là trong khâu quản lý và điều hành công việc trong hợp tác xã. Do đó còn phải thường xuyên kiểm tra, uốn nắn. Diện khoán chăn nuôi cũng như các ngành nghề khác chậm được mở rộng và chưa có kinh nghiệm.

2. Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp: Trong tình hình tiếp tục khó khăn về nguyên, nhiên liệu, vật tư, giá cả các cơ sở sản xuất đã cố gắng nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, khắc phục khó khăn để đẩy mạnh sản xuất, đưa giá trị sản lượng cả năm đạt 45,40 triệu đồng, đạt 36% kế hoạch và bằng năm 1981, trong đó quốc doanh đạt 74% kế hoạch, tiểu thủ công nghiệp lại đạt 106 kế hoạch. Một số cơ sở xí nghiệp quốc doanh đã tận thu nguyên liệu theo thời

vụ để sản xuất như Xí nghiệp đường rượu, hoa quả hộp xuất khẩu, bánh kẹo, v.v.. Một số sản phẩm quặng Apatít, cao lạnh, vật liệu xây dựng, lâm sản (gỗ, tre, nứa, củi) được phẩm, rượu, nước chấm, v.v. đạt và vượt kế hoạch cả năm. Nhưng nhiều sản phẩm quan trọng như cơ khí, giấy, mộc dân dụng, v.v. thì sản xuất thất thường, do thiếu nguyên liệu và do nguồn điện cung cấp không ổn định (mới tính đến đầu tháng 11-1982, số giờ mất điện của các xí nghiệp công nghiệp đã đến trên 1.200 giờ, nhiều ngành không có điện), vì vậy, nhiều cơ sở sản xuất cầm chừng, công nhân thiếu việc làm, năng lực sản xuất không được tận dụng. Mặt khác, mối quan hệ giữa sản xuất và lưu thông, giá cả chưa được giải quyết hợp lý, nên sản phẩm ít nhưng vẫn không tiêu thụ được, trong khi đó nông cụ, hàng hóa, phục vụ sản xuất và tiêu dùng vẫn thiếu.

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp tuy có chú ý hơn, nhưng phát triển vẫn chậm. Trong các hợp tác xã nông nghiệp chưa mở rộng kinh doanh ngành nghề tiểu công nghiệp.

3. Xây dựng cơ bản: Tổng số vốn đầu tư thực hiện được trên 13,9 triệu đồng (theo giá cũ) bằng 68,86 triệu (giá mới) đạt 100,1% kế hoạch, nhưng chỉ bằng 88% năm 1981. Do việc thông báo cấp vốn chậm, vật tư nguyên liệu (xi măng, gỗ, sắt, thép,...) thiếu, sự chỉ đạo thiếu chặt chẽ, nên 6 tháng đầu năm nhiều công trình phải thi công cầm chừng, kéo dài. Những tháng cuối năm tốc độ xây dựng được đẩy mạnh nên một số công trình thủy lợi (Mít Nội, Việt Thành, đê Yên Bái, Cẩm Nhân, Sín Chéng, v.v.) đã hoàn thành; một số tuyến đường, bến phà, cầu được thi công khẩn trương; một số công trình công nghiệp và dân dụng như trụ sở Sở Nông nghiệp, Ủy ban Kế hoạch..., Quân khu 2, trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh đã đưa vào sử dụng. Xí nghiệp sứ Bảo Lương, rạp hát ngoài trời được gấp rút thi công.

Tuy nhiên, công tác xây dựng cơ bản còn nặng tư tưởng ỷ lại về vốn Nhà nước, phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” mới có một vài huyện thực hiện, ở một vài công trình chưa thành phong trào rộng khắp. Chất lượng và năng suất lao động trong xây dựng cơ

bản vẫn còn thấp, thi công kéo dài, thiếu nguyên vật liệu tại chỗ, vật liệu không nung chưa được khai thác sử dụng.

4. Giao thông vận tải: Đã thực hiện được 672 ngàn tấn khối lượng hàng hóa, 17,3 triệu tấn/km, đạt 100,2% kế hoạch và vận chuyển trên 0,6 triệu người, với 29,7 triệu người/km, đạt 100% kế hoạch. Đó là sự cố gắng đáng kể trong điều kiện ô tô hỏng nhiều, thiếu phụ tùng sửa chữa, xăng dầu có hạn, tỉnh phải tự vận tải phần lớn hàng từ Trung ương lên,... Song, vận tải hàng cấp I đến chân hàng của tỉnh và hàng cho biên giới còn ít, vận tải thô sơ phát triển chậm, vận tải thủy chưa nhiều, vận chuyển hàng 2 chiều chưa cao (mới chỉ được 30-40%).

5. Công tác thông tin, bưu điện: Nhìn chung có cố gắng, đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh. Các tuyến liên lạc về biên giới đã được củng cố, song chất lượng của công tác bưu điện vẫn chưa cao chưa kịp thời, nên phần nào ảnh hưởng đến thông tin liên lạc.

6. Công tác lưu thông phân phối: Thu mua năm nguồn hàng địa phương có nhiều cố gắng.

Về lương thực: Thu mua tại địa phương đạt kết quả đáng kể và là năm đạt mức cao nhất từ trước đến nay, cả năm mức đạt 25.000 tấn (thóc 23.000 tấn, màu quy thóc 6.000 tấn) bằng 12% tổng sản lượng, đạt 110% kế hoạch Trung ương giao và bằng 115% năm 1981. Trong đó thu thuế vượt 3% mức nghĩa vụ vượt 24% giá khuyến khích, mua và trao đổi 2 chiều đạt 96% kế hoạch, v.v.. Song, về nhập lương thực của Trung ương cung cấp đến nay mới được 12.200 tấn/17.000 tấn kế hoạch, vì lương thực cung ứng cho tiêu dùng gặp nhiều khó khăn, cán bộ, công nhân viên và nhân khẩu ăn theo vẫn phải trả bằng tiền mỗi tháng 3 kg (trong 5 tháng).

Về thu mua nông sản, tăng hơn năm trước 85%, thịt lợn hơi được 1.600 tấn, tăng hơn năm 1981 là 3%; trâu, bò hơi tăng 25%, đỗ tương, tăng 230,7%, đậu các loại 164,2%, v.v. nhưng một số mặt hàng khác còn kém như cá tươi, rau, chè búp tươi, nước chấm, đường, mật, v.v.

không đạt kế hoạch. Giá trị thu mua nông sản thực phẩm chỉ đạt được 87,4% triệu đồng, bằng 95% kế hoạch.

Nhập hàng cấp I tăng hơn năm 1981, nhưng chưa đạt kế hoạch, vì vận tải khó khăn, nguồn hàng hóa không ổn định. Vì vậy tổng giá trị mua vào mới được 264 triệu đồng, bằng 95%. Có 8/12 mặt hàng chủ yếu đạt và vượt kế hoạch (như vải các loại, quần áo may sẵn, giấy viết học sinh, chiếu cái, xà phòng, muối, xe đạp và phụ tùng, v.v.).

Về bán ra: Vượt kế hoạch 10% và tăng hơn 1981 tới 72% về giá trị doanh số bán ra, trong đó lương thực quy gạo là 35,30 ngàn tấn. Tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất và đời sống, các mặt hàng cung cấp theo tiêu chuẩn định lượng cho cán bộ, công nhân viên vẫn thiếu, phải cấp bù bằng tiền. Một số khâu quản lý còn yếu, giao nhận còn nhiều phiền hà, vận chuyển còn hư hao mất mát, quản lý phân phối vẫn chưa thật chặt chẽ (kể cả về lương thực, thực phẩm và các mặt hàng khác). Giá cả thị trường “tự do” vẫn tăng vọt (gạo 13-14 đồng/kg), thịt lợn 75-85 đồng/kg, cá tươi 32-35 đồng/kg, trứng 2,5-3 đồng/quả). Do đó đời sống chung vẫn còn nhiều khó khăn, nhất là đối với cán bộ, công nhân viên và các lực lượng vũ trang.

7. Công tác thu mua và giao nộp hàng xuất khẩu, nhìn chung có cố gắng. Các mặt hàng mua vào và giao Trung ương đều đạt kế hoạch. Tổng giá trị giao hàng thực hiện được 111 triệu đồng, bằng 101% kế hoạch và gấp 3 lần so với năm 1981. Các mặt hàng chính như chè đen, quế thông, dưa hộp, đều đạt và vượt kế hoạch. Song một số mặt hàng vẫn không ổn định về nguồn tiêu thụ như măng trúc, thảo quả hạt có dầu, v.v..

Việc khai thác, quy vùng thu mua và quản lý hàng xuất khẩu nói chung chưa tốt, nắm nguồn hàng chưa chắc, tiềm năng, sản xuất và chế biến hàng xuất khẩu lớn nhưng chưa khai thác mạnh mẽ, rộng khắp.

8. Về thu chi ngân sách

Tổng thu ngân sách cả năm được 499 triệu đồng, gần đạt kế hoạch, trong đó thu ngân sách địa phương được 104 triệu đồng, thu Trung ương trợ cấp 395 triệu (chủ yếu là bù chi tới 320 triệu đồng).

Tình hình giao nộp ngân sách của các xí nghiệp địa phương rất chậm (khối công nghiệp đạt 51%, khối nông, lâm nghiệp đạt 46%). Thu tại địa phương chỉ đảm bảo được 20% nhu cầu chi. Tổng chi ngân sách 50 triệu đồng, trong đó chi bù giá tới 320 triệu đồng.

Thu tiền mặt cả năm 351,5 triệu đồng, đạt 04,7% kế hoạch. Chi tiền mặt tới 577,2 triệu đồng, bội chi tiền mặt tới 225 triệu đồng, vượt 9,9% kế hoạch, tăng 58,7% so với năm 1981.

9. Về văn hóa - xã hội

Công tác giáo dục được chú ý phát triển, triển khai tốt các lớp, thay sách giáo khoa theo chương trình cải cách giáo dục. Số học sinh mẫu giáo và các trường phổ thông tiếp tục tăng, chất lượng giáo dục ngày càng tiến bộ. Học sinh thi tốt nghiệp đạt khá. Một số trường trung học chuyên nghiệp của tỉnh đã được sáp nhập lại để tăng cường quản lý và nâng cao chất lượng đào tạo. Ngày các nhà giáo Việt Nam (20-11) được tổ chức tốt. Việc xây dựng cơ sở vật chất trường học, các nhà nhóm trẻ ở khu vực nông thôn có chuyển biến tốt.

Công tác thông tin, văn hóa, phát thanh, truyền thanh, báo chí: đã tập trung phục vụ nhiệm vụ chính trị ở địa phương, tổ chức nhiều đợt tuyên truyền sôi nổi về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III. Tổ chức ngày “Văn hóa các dân tộc biên giới” có nhiều tác dụng tốt, tổ chức có kết quả đợt tuyên truyền tháng hữu nghị Việt-Xô, nhân kỷ niệm 65 năm Cách mạng Tháng Mười Nga, 60 năm thành lập Liên Xô, 10 năm đánh thắng B.52 của giặc Mỹ.

Công tác y tế, thể dục thể thao được chú ý, về cơ bản không để xảy ra dịch bệnh lớn, đã triển khai việc thí điểm mổ đục nhân mắt xuống tuyến huyện đạt nhiều kết quả tốt.

Công tác thương binh-xã hội, bảo vệ bà mẹ trẻ em được đẩy mạnh. Đã tổ chức tốt việc vận động giúp đỡ đồng bào Nghệ Tĩnh khắc phục cơn bão số 7 và triển khai “năm quốc tế những người già” trong tỉnh.

Công tác khoa học-kỹ thuật, bước đầu được quan tâm đẩy mạnh. Một số chương trình nghiên cứu ứng dụng khoa học - kỹ thuật,

6 chuyên đề và một số đề tài nhằm sản xuất xi măng trắng, làm đường kính, v.v. phục vụ sản xuất và đời sống đã và đang được xem xét, kết luận và đưa vào thực hiện.

Tuy nhiên, tình hình các mặt công tác văn hóa, xã hội phát triển chưa mạnh mẽ, nông thôn, vùng cao, biên giới còn yếu, chưa thành phong trào quần chúng. Công tác tuyên truyền chống chiến tranh tâm lý, chống địch phá hoại nhiều mặt, đấu tranh giữa hai con đường, chống tiêu cực, bài trừ mê tín, dị đoan,... nói chung chưa chỉ đạo được sâu rộng và kịp thời, kết quả còn rất hạn chế.

(...)

III. CÔNG TÁC CHÍNH QUYỀN, DÂN VẬN, MẶT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ QUẦN CHÚNG

1. Về chính quyền: Trong năm việc xây dựng củng cố chính quyền các cấp được gắn liền với việc kiện toàn các cấp ủy Đảng, thông qua các đợt sinh hoạt chính trị, và Đại hội Đảng các cấp. Do đó bộ máy Ủy ban cơ sở và huyện, thị, đều được kiện toàn về số lượng và tăng thêm chất lượng, bảo đảm hoạt động có hiệu lực hơn trước trên các lãnh vực chỉ đạo sản xuất, thực hiện kế hoạch bảo vệ an ninh, sẵn sàng chiến đấu và đời sống nhân dân.

Tuy nhiên, công tác bồi dưỡng huấn luyện cán bộ chính quyền cơ sở còn yếu, nhiều nơi chính quyền cơ sở chưa phát huy được vai trò tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của cấp ủy đề ra. Nhìn chung ở cơ sở còn buông lỏng, hữu khuynh, không dám kiên quyết quản lý, trấn áp bọn tội phạm và giải quyết vi phạm. Bộ máy các ban, ngành cấp huyện tuy một vài huyện đã được kiện toàn từng bước theo tinh thần xây dựng cấp huyện, nhưng nhiều huyện vẫn thiếu cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Dân vận, Mặt trận, các đoàn thể quần chúng: Trong năm đã mở nhiều đợt sinh hoạt chính trị, giáo dục đoàn viên, hội viên, các tầng lớp quần chúng nhân dân các dân tộc, nhằm quán triệt và bàn

việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ V, nghị quyết của Đại hội Đảng bộ cơ sở, Đại hội huyện, thị đợt 2 và nhiệm vụ cụ thể của từng tổ chức đoàn thể, động viên quần chúng tích cực tham gia sản xuất, thực hiện kế hoạch nhà nước.

Các đoàn thể đã có những hình thức giáo dục, vận động quần chúng chuyên sâu hơn. Trong năm từ tỉnh đến cơ sở đã mở các hội nghị chuyên đề, hội nghị cán bộ cốt cán các dân tộc Mông, Dao, Giáy, Nùng, hội nghị đoàn kết quân-dân, mở hội truyền thống tuổi trẻ anh hùng bảo vệ Tổ quốc,... và tổ chức các đoàn đại biểu nhân dân, cán bộ các dân tộc vùng cao biên giới, đi tham quan các cơ sở kinh tế, quốc phòng ở địa phương và Trung ương và các tỉnh bạn. Việc làm đó đã có nhiều tác dụng tốt, nâng cao được nhận thức, nâng cao cảnh giác đối với kẻ thù, củng cố thêm lòng tin của quần chúng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự phát triển của đất nước, gây khí thế phấn khởi, tự hào dân tộc, thấy rõ sức mạnh của sự đoàn kết.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, củng cố tổ chức, bám sát nhiệm vụ chính trị để vận động quần chúng thi đua thực hiện các phong trào xây dựng “Tổ lao động xã hội chủ nghĩa”, “Sáng kiến, tiết kiệm” của công đoàn, phong trào “Ba xung kích làm chủ tập thể” của thanh niên, phong trào “Người phụ nữ với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” của Hội Phụ nữ, v.v. đều có những điển hình tốt, có tác dụng đẩy mạnh sản xuất, chiến đấu, chống tiêu cực và tổ chức đời sống.

Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân tập thể và Hội Phụ nữ đã động viên đoàn viên, hội viên tích cực tham gia thực hiện khoán sản phẩm, làm ruộng cao sản, trồng dâu nuôi tằm, trồng bông, trồng lanh dệt vải đạt kết quả tốt. Việc phối kết hợp công tác giữa tổ chức Đoàn thanh niên với ngành nông nghiệp, với ngành an ninh, quân sự bước đầu phát huy tác dụng tích cực.

Ban Dân vận và Mặt trận các cấp đã vận động các tầng lớp quần chúng và nhân dân các dân tộc, phát huy truyền thống, đoàn kết và trách nhiệm của mỗi thành viên trong Mặt trận đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ đất nước; Mặt trận đã tổ chức cuộc vận động chính

trị “Toàn quốc vì hòa bình và giải trừ quân bị”, “Năm quốc tế những người già”,... có ý nghĩa chính trị tốt.

Song tổ chức cơ sở chưa được củng cố, kiện toàn đều khắp, sinh hoạt của các đoàn thể chưa đều, chất lượng đoàn viên, hội viên nhìn chung còn yếu, phong trào quần chúng thi đua chưa được sôi nổi, đều khắp. Tinh thần làm chủ tập thể của quần chúng chưa được phát huy, nhất là trong lĩnh vực lưu thông phân phối, trong chống tiêu cực, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa.

IV. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

Công tác xây dựng Đảng năm 1982 được triển khai tập trung vào đợt sinh hoạt chính trị, mở Đại hội Đảng bộ các cấp đợt 1, đợt 2, và tổng kết công tác phát triển đảng viên, xây dựng nền nếp giữ gìn kỷ luật ở tổ chức cơ sở đảng.

Về giáo dục chính trị tư tưởng: Đã triển khai nhanh gọn, rộng khắp, đợt sinh hoạt chính trị “Nghiên cứu và bàn việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng” từ tỉnh đến cơ sở, đã cử 500 cán bộ xuống cơ sở để hướng dẫn, giúp đỡ tổ chức thực hiện, đợt sinh hoạt chính trị này. Đã có 100 số tổ chức cơ sở đảng và 85 số đảng viên tham gia sinh hoạt đợt sinh hoạt.

Tinh thần nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ V, đã từng bước quán triệt và thể hiện vào nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, vào các chương trình hành động cụ thể của từng đơn vị, địa phương cơ sở, các ngành, các đoàn thể. Nhìn chung đợt sinh hoạt chính trị đã đạt được các yêu cầu theo tinh thần Chỉ thị 04/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương đề ra. Song sự chuyển biến mới là bước đầu, còn một số đảng bộ cơ quan chuyển biến chậm, tổ chức hành động thực hiện ở một số nơi còn bị hạn chế nhiều.

Công tác tổ chức, xây dựng cơ sở đảng và kiện toàn cấp ủy được tiến hành thông qua việc mở Đại hội Đảng bộ các cấp. Đến nay, Đại hội cơ sở và huyện, thị đã hoàn thành, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần

thứ III, đợt 2 đang được triển khai khẩn trương theo tinh thần chỉ thị của Ban Bí thư. Kết quả Đại hội Đảng bộ cơ sở và huyện, thị là đã đánh giá được rõ hơn tình hình, xác định đúng thành tích, ưu điểm và tồn tại của từng đảng bộ, từ đó đề ra được phương hướng, nhiệm vụ phù hợp với đặc điểm đã chú ý phát huy thế mạnh của mỗi đảng bộ.

Việc kiện toàn cấp ủy cơ sở và huyện, thị đã thực hiện theo quy định của Chỉ thị số 02 và 55 của Trung ương, đảm bảo tiêu chuẩn, cấu tạo, tăng thêm số lượng và chất lượng, đưa thêm nhiều đồng chí có trình độ, năng lực, tuổi trẻ tham gia cấp ủy mới. Một số cấp ủy cũ phạm sai lầm, khuyết điểm và năng lực, sức mạnh hạn chế được thay đổi, phân công lại.

Về cấp ủy cơ sở (số liệu báo cáo của 13/21 đảng bộ trực thuộc), số mới đưa vào 1.014 đồng chí, trong đó nữ 106 đồng chí, chiếm 10,4%; dân tộc ít người 498 đồng chí, chiếm 49,1%. Số rút ra là 1.019 đồng chí, trong đó bí thư 157 đồng chí, chiếm 15,4%, thường vụ 105 đồng chí, chiếm 10,3% (có 86 trường hợp phạm sai lầm khuyết điểm, 220 năng lực tác dụng hạn chế, 2010 nghỉ hưu, chữa bệnh, 484 thuộc các lý do khác).

Về cấp ủy huyện, thị, số mới đưa vào 255 đồng chí, trong đó nữ 15, chiếm 5,8%, dân tộc ít người 90, chiếm 35,2%, thành phần công nhân 23, chiếm 9%, cán bộ dự bị 64, chiếm 25%. Số rút ra 248 đồng chí, trong đó nữ 15, chiếm 6%, dân tộc ít người 93, chiếm 73,5%, là thường vụ 82, chiếm 33% (lý do rút ra có 91 trường hợp phạm sai lầm khuyết điểm 54 đồng chí tác dụng hạn chế, 96 trường hợp điều chuyển về lý do khác, 7 đi học dài hạn).

Việc phân loại tổ chức cơ sở đảng, cấp ủy và đảng viên được tiến hành gắn với đợt sinh hoạt chính trị, tổng kết phát huy đảng và mở Đại hội Đảng bộ cơ sở. Kết quả phân loại như sau:

- Về tổ chức cơ sở đảng (theo báo cáo của 18/21 đảng bộ trực thuộc) có 724/729 cơ sở đã được phân loại, trong đó số đạt yêu cầu trong sạch, vững mạnh 176 bằng 25%, loại khá 448, chiếm 61,4%, loại yếu kém 100, chiếm 13,6%.

- Về đảng viên (theo báo cáo của 19/21 đảng bộ trực thuộc), có 22.509/23.144 đồng chí đã được phân loại, trong đó số đủ tư cách 21.670, chiếm 93,6%, số xuất sắc 4.343, chiếm 18,7%, số không đủ tư cách 910, chiếm 3,14%, trong đó có 200 trường hợp cần phải đưa ra khỏi Đảng, tỷ lệ 0,8%.

- Về cấp ủy cơ sở, đã có 2.605/2.687 đồng chí được phân loại, trong đó số hoàn thành tốt nhiệm vụ là 2.358 đồng chí, chiếm 87,7%, số xuất sắc 1.359, chiếm 50,6%, số hoàn thành nhiệm vụ ở mức bình thường 210, chiếm 7,8%, số không hoàn thành nhiệm vụ 37, chiếm 1,3%.

- Về cấp ủy huyện, thị (số liệu của 12/21 đơn vị) có 319/332 đồng chí được phân loại, trong đó số hoàn thành tốt nhiệm vụ 270, chiếm 81%, xuất sắc 111, chiếm 33%, số hoàn thành ở mức bình thường 29, chiếm 5,0%, số không hoàn thành nhiệm vụ là cá biệt.

Việc phát triển Đảng đến nay đã có 24.824 đảng viên được nhận thẻ, chiếm 91,1%, trong 853/849 tổ chức cơ sở đảng, còn 4 cơ sở đảng thuộc loại kém nát chưa được xét phát thẻ. Công tác tổng kết phát thẻ đã được tiến hành. Tỉnh ủy tiến hành xong đợt kiểm tra ở 5 đảng bộ thuộc huyện Yên Bình và Thị ủy Yên Bái, trưng dụng 38 cán bộ tham gia để rút kinh nghiệm triển khai ra toàn tỉnh vào đầu năm tới.

- Công tác phát triển Đảng (số liệu của 16-21 đảng bộ trực thuộc), có 312/697 tổ chức cơ sở làm công tác phát triển Đảng, chiếm 44,7% (trong đó có 123/234, chiếm 52,5% số cơ sở nông thôn), đã kết nạp được 733 đảng viên, trong đó nữ 144, chiếm 19,3%, dân tộc ít người 224, chiếm 30,5%, thành phần công nhân 130, chiếm 17,7%, ở nông thôn 255, chiếm 34%, là đoàn viên thanh niên 514, chiếm 70%, trình độ đại học 19, chiếm 2,5%, trung học 61, chiếm 8,3%. Tuy nhiên còn nhiều cơ sở đảng không kết nạp đảng viên. Số đảng viên mới được kết nạp chưa kịp thời bồi dưỡng chính trị, lý luận nên vai trò tác dụng còn bị hạn chế.

- Việc thi hành kỷ luật và xem xét đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng được tiến hành thường xuyên, thông qua các cuộc vận động sinh hoạt chính trị, thực hiện nhiệm vụ. Trong năm đã xử trí kỷ luật 434 trường hợp, chiếm 1,6 so với tổng số đảng viên và

so với năm trước giảm 232 vụ. Trong số 434 trường hợp bị thi hành kỷ luật, có 251 trường hợp khai trừ và đưa ra khỏi Đảng, chiếm 55%, so với số bị kỷ luật. Về nội dung sai phạm có 16 trường hợp phạm về chính trị, không chấp hành hoặc chấp hành sai đường lối, chính sách; 94 trường hợp tham ô, hối lộ, ăn cắp, làm ăn phi pháp, trù dập, ức hiếp quần chúng, 37 trường hợp thiếu trách nhiệm, bỏ nhiệm vụ, bỏ sinh hoạt đảng, 81 trường hợp kém ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức trách nhiệm, 15 trường hợp mất đoàn kết nội bộ, 51 trường hợp sinh hoạt bê tha, đồi trụy, 46 trường hợp trình độ giác ngộ chính trị quá thấp. Đã khôi phục quyền biểu quyết ứng cử, bầu cử cho 46 đảng viên bị kỷ luật lưu Đảng đã hết hạn. Song, việc xem xét kết luận một số vụ về kỷ luật và khiếu nại tố giác chưa kịp thời, còn kéo dài, nên tác dụng giáo dục cán bộ, đảng viên bị hạn chế.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt cán bộ và thực hiện chính sách tiền lương, hưu trí được tiến hành thường xuyên. Trong năm đã đưa đi học các lớp đào tạo, bồi dưỡng 631 cán bộ, trong đó học văn hóa là 62 đồng chí, trung học và đại học 170 đồng chí, chính trị trung cao cấp 66 đồng chí.

Đã đề bạt 371 cán bộ lãnh đạo, trong đó nữ 18 đồng chí, chiếm 4,0%, dân tộc ít người 67 đồng chí, chiếm 17,9%, đảng viên 324, chiếm 86,6%, tuổi dưới 35 là 104 đồng chí, chiếm 27,5%.

Tóm lại công tác xây dựng Đảng, tổ chức và cán bộ đã đạt nhiều kết quả, nhưng cũng còn một số cơ sở đảng và đảng viên yếu kém, nhưng chưa kiên quyết giải quyết. Việc lập quy hoạch, xác định chức năng nhiệm vụ làm thiếu tích cực, một số ban, ngành chưa được kiện toàn, biên chế còn công kênh, nặng nề, lề lối làm việc còn quan liêu, gây nhiều phiền hà trong công việc, tư tưởng của một số cán bộ, đảng viên vẫn nặng về vun vén cá nhân, lo việc riêng hơn việc chung. Tư tưởng hành chính bao cấp cũng còn khá nặng nề. Đời sống cán bộ, công nhân viên còn nhiều khó khăn, trong khi đó một số không ít cán bộ đảng viên vin vào đó để chạy theo việc riêng và nảy sinh các biểu hiện tiêu cực. Trong khi đó công tác quản lý, giáo dục lại chưa được tăng cường thường xuyên.

V. KẾT LUẬN, ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong năm 1982 tuy có thuận lợi, song cũng có nhiều khó khăn mới nảy sinh, nhưng được Trung ương ban hành một số chính sách, chế độ cải tiến trong sản xuất, phân phối lưu thông và quản lý, cộng với sự chuyển biến nhận thức đối với tình hình, nhiệm vụ của đợt sinh hoạt, quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ V của các cấp, các ngành và nhân dân trong tỉnh, nên tình hình mọi mặt của tỉnh ta đã tiếp tục phát triển có nhiều điển hình tốt, nhiều nhân tố mới xuất hiện, nhất là trong nông nghiệp, trong việc khai thác tiềm năng.

Thắng lợi đã đạt được trên các mặt công tác là đáng kể. Đó là biểu hiện sự cố gắng của toàn Đảng bộ và quân - dân các dân tộc tỉnh ta. Trong đó một số thắng lợi nổi bật là tăng sản lượng lương thực, gần đạt mức Trung ương giao và tăng khá so với năm 1981, huy động lương thực vào tay Nhà nước vượt kế hoạch Trung ương giao và là năm đạt mức cao nhất. Tình hình an ninh, chính trị được giữ vững, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu chống địch phá hoại và quấy rối, bảo vệ biên giới đạt nhiều kết quả, đoàn kết quân - dân có tiến bộ, một số vùng thực hiện quyền làm chủ tốt hơn, công tác xây dựng Đảng được đẩy mạnh và có tiến bộ. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành ngày càng sâu sát, cụ thể và rút được kinh nghiệm thực tế, nhất là trong lĩnh vực, điều hành và quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Những thắng lợi đạt được đang mở ra triển vọng tốt, tạo thế tháo gỡ khó khăn, vươn lên thực hiện tốt mọi nhiệm vụ năm 1983.

Tuy nhiên, trong năm qua trên từng lĩnh vực vẫn còn bộc lộ nhiều nhược điểm, khuyết điểm, tập trung nhất hiện nay là:

Tiềm năng, khả năng về đất đai, lao động, khoáng sản, lâm thổ sản, đặc sản còn nhiều nhưng nhiều cấp ủy, các ngành, các cấp chưa có chuyển biến mạnh mẽ theo tinh thần Nghị quyết 3 của Ban Chấp hành Trung ương. Việc chỉ đạo và tổ chức sản xuất, khai thác, sử dụng và vận dụng các biện pháp (kể cả về chính sách lưu thông,

phân phối, giá cả) còn chưa cụ thể, chưa tập trung vào những mũi nhọn. Do đó sản xuất phát triển chưa mạnh (kể cả sản xuất lương thực, thực phẩm, chế biến và sử dụng màu, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu) lưu thông, phân phối còn khó khăn; giá cả còn biến động lớn. Đời sống nông dân có được nâng lên về mặt thu nhập sản xuất, nhưng hàng tiêu dùng, thiết yếu còn thiếu nhiều. Đời sống cán bộ, công nhân viên, nhất là khu vực hành chính, sự nghiệp và bộ đội tiếp tục khó khăn, thu nhập thực tế giảm, công tác quản lý sản xuất, cơ chế hoạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa chuyển biến chưa mạnh, chưa đồng đều, còn bảo thủ, quan liêu, bao cấp nặng. Tình hình văn hóa-xã hội nói chung phát triển chưa đồng đều, giữa các vùng chất lượng còn yếu.

- Tình hình trật tự, an toàn xã hội, một số mặt có chiều hướng phát triển, công tác đấu tranh chống tiêu cực trong kinh tế và đời sống xã hội chưa chặn đứng được căn bản; nhiều vụ việc và hiện tượng tiêu cực còn tiếp tục phát triển. Công tác bảo vệ biên giới, cảnh giác với địch ở một số vùng còn yếu, có lúc, có nơi sơ hở, lỏng lẻo, công tác đấu tranh chống chiến tranh tâm lý, phá hoại kinh tế chưa mạnh, nắm tình hình địch cũng chưa sâu, chưa chắc.

- Tình hình cơ sở đảng, chính quyền và các tổ chức quần chúng một số nơi yếu và nói chung còn phải tiếp tục củng cố, để bảo đảm trong sạch, vững mạnh hơn nữa. Công tác kiện toàn tổ chức, các cấp, các ngành, sắp xếp lại các cơ sở kinh tế - văn hóa, xây dựng và kiện toàn cấp huyện, phân cấp quản lý cho huyện, thị còn nhiều khâu chưa được tích cực thực hiện.

Tình hình nhiệm vụ năm 1983 và từ nay đến năm 1985, đòi hỏi phải tích cực phát huy thắng lợi, ra sức và kiên quyết khắc phục các nhược điểm, khuyết điểm để thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ V, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ ba và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III (đợt 2) nhằm giành thắng lợi toàn diện, to lớn hơn nữa.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 1983, CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC QUÝ I NĂM 1983

Năm 1983 là năm bản lề của 5 năm 1980-1985, năm tiếp tục quán triệt nhận thức và tích cực hành động, thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng, cùng các chỉ thị, nghị quyết khác của Trung ương Đảng và Nhà nước đã ban hành, trước mắt là thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, cụ thể đối với trong tỉnh năm 1983 là năm phải thực hiện tốt các phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu trên các mặt công tác do Đại hội lần thứ III (đợt 2) của Đảng bộ tỉnh đề ra, là năm phải có một cao trào cách mạng lao động sản xuất, tiết kiệm, thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi.

Với tinh thần trên, trong khi chờ Nghị quyết Đại hội lần thứ III của tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đề ra phương hướng nhiệm vụ chung trong năm 1983, các cấp, các ngành phải:

1- Tập trung mọi khả năng, điều kiện, mọi lực lượng và mọi người ra sức và tận lực phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm, sản xuất hàng xuất khẩu, hàng tiêu dùng, coi đó là nhiệm vụ trọng tâm của mọi ngành phải thực hiện và phục vụ, trong đó phát triển sản xuất lương thực là hàng đầu và cấp bách nhất. Mức phấn đấu năm 1983 phải đạt được 240 ngàn tấn lương thực (kể cả thóc, ngô, khoai, sắn và các loại chất bột quy thóc).

2- Đi đôi với các mặt trên, phải đẩy mạnh chăn nuôi, nghề rừng, cây công nghiệp, cây đặc sản, cây ăn quả, đẩy mạnh phát triển công nghiệp và thủ công nghiệp nhất là hàng tiêu dùng, và hàng xuất khẩu, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải theo hướng kết hợp công - nông - lâm nghiệp ngay từ cơ sở sản xuất, khai thác mọi tiềm năng của địa phương và phát triển với tốc độ nhanh hơn trước, phải coi trọng và tập trung làm tốt công tác định canh định cư, phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước giao năm 1983.

3- Phấn đấu để lập lại trật tự trên mặt trận lưu thông phân phối, nắm được nhiều nguồn hàng vào tay Nhà nước, bảo đảm mức huy động được 3 vạn tấn lương thực và đẩy mạnh thu mua nông sản thực phẩm, hàng xuất khẩu, chiến đấu và đời sống, trước hết là đảm bảo các mặt hàng cung cấp theo tiêu chuẩn định lượng cho cán bộ, công nhân viên và lực lượng vũ trang tuyến 1. Tăng cường quản lý thị trường, giá cả, phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách và tiền mặt, chống lối làm ăn chạy theo cơ chế thị trường “tự do”.

4- Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa-xã hội phát triển đều khắp, chú trọng nông thôn, vùng cao, biên giới, gắn liền với củng cố, phát triển quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và xây dựng phát triển kinh tế, phục vụ sát và nhạy bén mọi nhiệm vụ chính trị trong từng thời gian.

5- Tăng cường củng cố và phát triển quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sắp xếp lại các cơ sở sản xuất, bộ máy, quản lý cho gọn nhẹ, hợp lý, tăng cường cán bộ cho cơ sở. Thực hiện đúng đắn Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương, đẩy mạnh việc tổ chức lại sản xuất và phân bổ lại lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp, thực hiện việc liên kết kinh tế. Tích cực củng cố, phát triển hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng. Tiếp tục xây dựng và tăng cường cấp huyện và phân cấp cho huyện. Kiên quyết cải tiến quản lý kinh tế, cải tiến công tác kế hoạch, chuyển mạnh sản xuất và kinh doanh hoạch toán có hiệu quả kinh tế, (...), tăng cường kiểm tra, kiểm soát.

6- Triển khai mạnh mẽ việc thực hiện Nghị quyết 03 của Bộ Chính trị và Quyết định 128 của Hội đồng Bộ trưởng, nhằm tăng cường bảo vệ an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội, bảo vệ tốt tài sản xã hội chủ nghĩa, sẵn sàng chiến đấu chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, bảo vệ vững chắc biên giới. Tăng cường xây dựng và củng cố các lực lượng, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, kiên quyết đấu tranh và chặn đứng các hiện tượng tiêu cực.

7- Tiếp tục xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, xây dựng và củng cố chính quyền, các đoàn thể quần chúng vững mạnh, phát huy vai trò làm chủ tập thể của quần chúng trên mọi lĩnh vực, trên cơ sở

đó, phát động và tạo thành phong trào thi đua sâu rộng, chi bộ, quần chúng hăng hái tham gia xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, thi đua cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật, thực hành tiết kiệm, nâng cao năng suất lao động, chống tiêu cực, thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, trước mắt là thực hiện tốt các nhiệm vụ và mục tiêu công tác của năm 1983.

B- NHIỆM VỤ VÀ CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC QUÝ I NĂM 1983

Quý I năm 1983 là mùa khô hanh, rét, lại là dịp Tết Nguyên đán Quý Hợi, vì vậy, các cấp, các ngành phải tranh thủ đẩy mạnh sản xuất, thu mua phân phối tốt và tăng cường quản lý các mặt (trị an, quân sự, bảo vệ chống địch phá hoại, thị trường, giá cả); đặc biệt chú trọng dịp Tết, trên từng mặt cần thực hiện tốt những công tác trọng tâm sau đây:

1. Về kinh tế - văn hóa

Tuyên truyền phổ biến nhằm quán triệt và thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, trên cơ sở đó, từng cấp, từng ngành, từng cơ sở kiểm điểm, đánh giá tình hình kinh tế - xã hội năm 1982, rà soát và xác định rõ hơn các nhiệm vụ, mục tiêu, biện pháp thực hiện kế hoạch năm 1983, trước hết là kế hoạch sản xuất lương thực, thực phẩm và phục vụ sản xuất nông - lâm nghiệp. Tiến hành sắp xếp lại một số cơ sở sản xuất, kinh doanh (xí nghiệp, nông - lâm trường, trang trại, công ty, cửa hàng, mạng lưới hoạt động, v.v.), đồng thời tiếp tục kiện toàn một số ban, ngành tỉnh, huyện (như ngoại thương, thủy sản, giáo dục chuyên nghiệp, ban định canh định cư và kinh tế mới, tổ chức quản lý ruộng xấu, v.v.). Tiếp tục xây dựng và tăng cường bộ máy ban, ngành huyện, thị, phân cấp quản lý cho huyện, thị. Tiếp tục củng cố cơ sở và tăng cường cán bộ xuống

cơ sở. Phát động thi đua thực hiện các nhiệm vụ và các chỉ tiêu kinh kế hoạch quý I năm 1983 trên từng mặt như sau:

a) *Nông - lâm nghiệp*: Hoàn thành tốt vụ sản xuất đông - xuân 1982-1983, đảm bảo diện tích và đẩy mạnh thâm canh tăng vụ các cây ngắn ngày và cây dài ngày, cây thuốc, cây đặc sản và trồng rừng cả trồng trọt và chăn nuôi, cả sản xuất và chế biến, lấy phát triển lương thực, thực phẩm, cây xuất khẩu là nhiệm vụ cấp bách nhất của mọi ngành, mọi người. Phải đẩy mạnh việc (...) trong hợp tác xã, đẩy mạnh phong trào khai hoang phục hóa, làm thủy lợi, thủy phân, chuẩn bị đủ giống, cây trồng, (...).

b) *Trong công nghiệp, thủ công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải*, tiến hành sắp xếp lại một số cơ sở sản xuất quốc doanh và xây dựng củng cố hợp tác xã đầu tư vốn và giải quyết kịp thời các điều kiện cho đảm bảo sản xuất, để tập trung đẩy mạnh sản xuất hàng công nghiệp, hàng xuất khẩu, hàng tiêu dùng, như sản xuất đồ mộc, đường, giấy, cao lanh, graphít tinh lọc, vật liệu xây dựng, khai thác gỗ, v.v.. Cần xác định rõ các công trình xây dựng cơ bản, trọng điểm để tập trung vốn đầu tư, nguyên vật liệu, lương thực. Kiên quyết khắc phục tình trạng phân tán tranh thủ mua (...), dứt điểm và đẩy nhanh tiến độ thi công, sớm đưa công trình vào sử dụng, như sứ, rạp hát ngoài trời, khách sạn, nhà máy chè, các tuyến đường biên giới và một số công trình thủy lợi, trạm trại nông nghiệp, trụ sở, nhà ở, v.v..

c) *Trong lưu thông phân phối, tài chính, tiền tệ, giá cả*

Phải tăng cường quản lý thị trường, giá cả, chống đầu cơ, buôn lậu, chú trọng dịp Tết, tổ chức và sắp xếp mạng lưới thương nghiệp kinh doanh, phát triển hợp tác xã mua bán, chuẩn bị đủ tiền và hàng phục vụ cho thu mua, ký kết hợp đồng hai chiều, sắp xếp lại và quản lý chặt chẽ thương nghiệp và dịch vụ cá thể, v.v. trên cơ sở đó phải thúc và đẩy mạnh thu mua lương thực, thực phẩm nông sản, đặc sản, hàng nông nghiệp địa phương, v.v. nhằm nắm được nhiều mặt hàng và hàng vào tay Nhà nước, chú trọng thu mua thực phẩm và phân phối hàng tốt. Trên cơ sở đó đẩy mạnh thu tiết kiệm, chi ngân sách,

tiền mặt, cung ứng vật tư và phân phối phục vụ kịp thời, đúng lúc cho sản xuất và đời sống, sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm đời sống nhân dân, trước mắt là cán bộ, công nhân viên, bộ đội và tuyến 1 trong dịp Tết.

d) *Trong văn hóa-xã hội*: Xây dựng và đẩy mạnh phong trào giáo dục, y tế, thể dục thể thao, thông tin, văn hóa, văn nghệ, truyền thanh, báo chí, thương binh xã hội trong tỉnh (chú trọng vùng cao, biên giới). Hướng tập trung vào tuyên truyền giáo dục quần chúng quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng, Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Trung ương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III. Trên cơ sở đó phục vụ đắc lực và nhạy bén, kịp thời cho sản xuất, tiết kiệm, chống chiến tranh tâm lý, chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch. Trong dịp Tết phải tăng cường tuyên truyền chống các tiêu cực, chống mê tín dị đoan, hủ tục, văn hóa đồi trụy, giáo dục ý thức tiết kiệm, chống ăn uống, tiêu phí tốn kém. Riêng đối với vùng cao, ngành giáo dục phải nguyên cứu sắp xếp lại hệ thống trường lớp phổ thông cơ sở cho phù hợp, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy duyệt và đề nghị Bộ Giáo dục quyết định.

2. Về an ninh và quân sự

Tập trung chỉ đạo chặt chẽ, triển khai mạnh mẽ, có hiệu lực việc thực hiện Nghị quyết 03 của Bộ Chính trị, theo kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra, trong đó chú trọng bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, cảnh giác và chống địch phá hoại các mặt, bảo vệ vững chắc biên giới. Sẵn sàng chiến đấu cao, kiên quyết chống các tiêu cực và chặn đứng các tai nạn, tệ nạn (nhất là dịp Tết). Tiến hành thành lập lãnh chỉ đạo (hoặc bộ phận chỉ đạo, theo dõi vùng biên giới) của tỉnh và các ngành.

Hoàn thành tốt đợt 1 tuyển quân, bảo đảm cả số và chất lượng.

Tăng cường quan hệ đoàn kết quân - dân, đoàn kết các lực lượng trong dịp Tết và triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng các lực lượng bộ đội tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế địa phương ở từng địa bàn và theo kế hoạch phương án thống nhất giữa địa phương với các đơn

vị đóng quân (như làm đường tuyến 1, làm thủy lợi, thủy điện, trồng rừng, trồng cây ăn quả,...).

3. Về xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng và công tác tổ chức cán bộ

Tiến hành tốt đợt kiểm tra chất lượng phát triển đảng viên. Trên cơ sở đó, tiếp tục xây dựng củng cố tổ chức cơ sở, nâng cao chất lượng đảng viên, tích cực phát triển đảng viên mới, và kiên quyết đưa ra khỏi Đảng số người không đủ tư cách thoái hóa, biến chất. Tổng kết và phân xếp loại đảng viên và Đảng bộ năm 1982, khắc phục những khuyết điểm tồn tại. Tích cực củng cố xây dựng Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, phát động các phong trào quần chúng trên các mặt hoạt động phù hợp với mỗi đoàn thể, nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1983.

Phát động phong trào học tập và phấn đấu xây dựng đảng bộ huyện, thị vững mạnh ở tất cả các huyện, thị. Tiếp tục xây dựng và kiện toàn huyện, thị thực hiện việc phân cấp quản lý cho huyện, thị theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Trung ương Đảng.

Các ban Tổ chức, Tuyên giáo, Kiểm tra, Kinh tế, Nông nghiệp của Đảng cần sớm đề ra chương trình, nhiệm vụ công tác năm 1983 trình Ban Thường vụ duyệt.

Tiến hành tốt việc bầu cử bổ sung Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện.

Tiếp tục và kiên quyết thực hiện việc tinh giản bộ máy biên chế hành chính theo Nghị quyết 16 của Hội đồng Bộ trưởng.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ

ĐỖ KHẮC CƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 40-TT/TU, ngày 29-1-1982

Về việc tổng kết công tác khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp

Thi hành Chỉ thị số 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, tỉnh ta đã và đang được triển khai rộng rãi ở hầu hết các huyện vùng thấp. Cho đến nay, toàn tỉnh đã có 286 hợp tác xã ở vùng thấp (80%) tiến hành khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động một số huyện vùng cao như: Sa Pa, Bắc Hà, v.v. bước đầu áp dụng hình thức khoán sản phẩm, đạt kết quả tốt.

Hình thức khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động động đã có tác dụng tích cực đối với việc phát triển sản xuất và tăng cường một bước củng cố hợp tác xã. Song vì là một vấn đề mới mẻ, phức tạp, lại cùng một lúc triển khai trên một phạm vi rộng, nên không thể tránh khỏi có những sai sót, lệch lạc khi thực hiện.

Để bảo đảm chấp hành nghiêm chỉnh chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng, đồng thời vận dụng sát hợp với điều kiện cụ thể ở một tỉnh miền núi Hoàng Liên Sơn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định tiến hành tổng kết công tác khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người

lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp, từ cơ sở trở lên. Mục đích tổng kết là: đánh giá một cách chính xác và khách quan những mặt tích cực, nhưng sai sót, lệch lạc trong quá trình vận dụng hình thức khoán mới. Trên cơ sở đó, có những chủ trương, phương hướng và nội dung cụ thể để phát huy những mặt tích cực, khắc phục những sai sót lệch lạc, tiếp tục đưa phong trào khoán sản phẩm ở tỉnh ta tiến lên một bước mới về chất lượng, thực sự biến hình thức khoán mới thành một nhân tố tích cực thúc đẩy sản xuất và tăng cường củng cố hợp tác xã, bảo đảm sản xuất phát triển, đồng thời tăng cường củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, theo hướng phát triển của một nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp.

Yêu cầu của đợt tổng kết này là: Nâng cao thêm một bước về nhận thức và ý thức chấp hành chỉ thị của Trung ương Đảng, quán triệt sâu sắc hơn nữa mục đích, nguyên tắc, phương hướng và nội dung cải tiến công tác khoán trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, tạo ra sự nhất trí cao từ trên xuống dưới về quan điểm, về phương pháp đánh giá tình hình, về phương hướng và nội dung tiếp tục nâng cao chất lượng khoán sản phẩm trong nông nghiệp, nhanh chóng hoàn thiện cơ chế khoán mới phù hợp với tình hình phong trào hợp tác xã ở tỉnh ta về trước mắt và trong thời gian tới.

Để đạt được mục đích, yêu cầu tổng kết như trên, Đảng đoàn chính quyền cùng với Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy và Sở Nông nghiệp giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo công tác này, vạch ra nội dung hướng dẫn cụ thể cho từng cấp, nhất là đối với cơ sở hợp tác xã, đồng thời quy định lịch thời gian tổng kết từ tỉnh đến cơ sở một cách chặt chẽ.

Về thời gian, cần bảo đảm xong trước ngày 30-2-1982 từ cơ sở trở lên.

Nhận được Thông tri này, yêu cầu các cấp, các ngành khẩn trương tiến hành tổng kết đạt chất lượng cao, góp phần tạo ra khí thế thi đua lao động sản xuất và tăng cường củng cố hợp tác xã ở tỉnh ta, thiết thực lấy thành tích chào mừng Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 43-TT/TU, ngày 2-2-1982

Về triệu tập hội nghị cán bộ cốt cán dân tộc Dao, Giáy, Nùng toàn tỉnh

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định triệu tập hội nghị cốt cán các dân tộc Dao, Giáy, Nùng toàn tỉnh, nhằm quán triệt về tinh thần và nhiệm vụ mới hiện nay. Để hội nghị đạt được kết quả tốt, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông tri triệu tập hội nghị thành phần và thời gian như sau:

1. Các huyện, thị có các dân tộc Dao, Giáy, Nùng cần lựa chọn một số đại biểu gồm các thành phần: Cán bộ cốt cán ở xã, nơi xen kẽ cũng cần chọn cử một số cán bộ cốt cán công tác ở xã, cán bộ thoát ly kể cả một số về hưu trí. Cụ thể huyện triệu tập..... đại biểu.... trong đó:

- Dân tộc Dao
- Dân tộc Giáy
- Dân tộc Nùng
- Cán bộ về hưu là (Dao, Giáy, Nùng)

Khi đi họp mỗi huyện tổ chức thành một đoàn đại biểu do đồng chí phó bí thư (hoặc Thường vụ) phụ trách Khối Dân vận làm trưởng đoàn.

2. Các ban, ngành tỉnh mời đồng chí thủ trưởng, hoặc thủ phó đến dự hội nghị.

3. Hội nghị làm việc từ ngày 22-3-1982 đến hết ngày 28-3-1982. Tại Hội trường Ủy ban nhân dân tỉnh. Nơi xa có mặt chiều ngày

21-3-1982. Các đại biểu là cán bộ thoát ly cần mang theo tem gạo để thanh toán. Các huyện, thị chịu trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ về sinh hoạt, ăn uống, chi phí cho các cán bộ xã từ khi tập trung đại biểu ở huyện, thị và đến tập trung ở tỉnh. Tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức phục vụ trong những ngày ở hội nghị.

4. Để chuẩn bị tốt hội nghị và mọi mặt, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban Tổ chức hội nghị, bao gồm các thành viên đã thoát ly phục vụ hội nghị cán bộ cốt cán dân tộc Mông trước đây. Ban Dân vận có trách nhiệm làm việc với các thành viên trong Ban Tổ chức để bàn bạc kế hoạch tiến hành, bảo đảm phục vụ cho hội nghị thu được kết quả tốt đẹp.

5. Kinh phí cho hội nghị do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp.

Nhận được Thông tri này, yêu cầu các cấp, các ngành khẩn trương chuẩn bị nhất là việc chuẩn bị động viên đại biểu về họp đúng thành phần đã quy định.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 41-TT/TU, ngày 14-2-1982

Về việc chuẩn bị nội dung Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III (đợt 2)

Thời gian qua, tỉnh ta đã tiến hành tốt Đại hội Đảng bộ các cấp đợt 1. Theo chủ trương của Trung ương, Đại hội đợt 2 của các Đảng bộ sẽ tiến hành từ tỉnh xuống cơ sở vào sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V. Để chuẩn bị tốt nội dung cho Đại hội Đảng bộ tỉnh đợt 2, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu Đảng đoàn, Ban cán sự các sở, ty, ban, ngành quanh tỉnh, các Huyện ủy, thị ủy và Đảng ủy trực thuộc tỉnh khẩn trương làm tốt một số việc sau:

1- Khẩn trương làm báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II gắn việc kiểm điểm thực hiện nghị quyết: Nghị quyết 6 của Trung ương, Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị và các chỉ thị, nghị quyết khác của Trung ương và của Tỉnh ủy. Báo cáo cần đạt được các yêu cầu sau đây:

- Phải quán triệt sâu sắc các văn kiện dự thảo của Ban Chấp hành Trung ương sẽ trình Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, nắm chắc thực tế của ngành và của đơn vị, đánh giá thật đúng mức những thắng lợi, ưu điểm, tiến bộ mới của đơn vị mình trong 2 năm 1980-1981 (có bản thống kê các số liệu đính kèm, kể cả phần quân sự, an ninh, công tác tổ chức, xây dựng Đảng, v.v. có so sánh tỷ lệ với các mục tiêu, nhiệm vụ của Đại hội tỉnh lần thứ II và với kế hoạch nhà

nước từng năm). Tùy theo vấn đề nổi bật nhất mà có sự so sánh với năm 1975.

- Kiểm điểm thật nghiêm túc, nêu rõ những khuyết điểm chính thuộc về mặt thực hiện các nhiệm vụ sản xuất, phân phối lưu thông, văn hóa xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng và các tổ chức chính quyền, đoàn thể quần chúng. Khẳng định rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những khuyết điểm đó (chú ý nêu rõ nguyên nhân chủ quan).

- Trên cơ sở quán triệt các quan điểm, đường lối, chủ trương của Trung ương đã nêu trong các báo cáo của Trung ương sẽ trình Đại hội V của Đảng để kiến nghị các chủ trương, các mục tiêu chính các biện pháp lớn của ngành, đơn vị mình để thực hiện trong 5 năm tới (1981-1985). Về chỉ tiêu có dự kiến đến hết năm 1985 và tính toán cụ thể mục tiêu phấn đấu thực hiện trong năm 1982 thể hiện tinh thần phấn đấu tự lực, tự cường cao trong việc khai thác khả năng tự có của mình là chính, chống tư tưởng ỷ lại, trông chờ, chống bao cấp, v.v.).

2- Các huyện, thị ủy, Đảng ủy Liên hiệp Xí nghiệp chè, Mỏ apatít và các ngành, ban của tỉnh đều phải làm báo cáo này, gửi lên Tỉnh ủy, chậm nhất là 30-2-1982 đã có ở Văn phòng Tỉnh ủy để nửa đầu tháng 3 các nhóm thuộc tiểu ban nội dung Đại hội dựng xong các báo cáo chuyên đề và tiếp đó làm báo cáo chung của Tỉnh ủy. Báo cáo cần viết thật ngắn gọn, dài nhất cũng chỉ 5 trang.

3- Tiểu ban nội dung chịu trách nhiệm giúp Tỉnh ủy chuẩn bị các báo cáo về các văn bản khác để phục vụ cho Đại hội. Trong quá trình chuẩn bị, ngoài việc nghiên cứu tổng hợp các báo cáo nói trên, tiểu ban nội dung có thể trực tiếp làm việc với các ngành, các huyện, thị, hoặc họp từng khối, các ngành để thảo luận những vấn đề quan trọng. Các ngành, các đơn vị có trách nhiệm cung cấp tư liệu và đóng góp tích cực theo yêu cầu của tiểu ban nội dung để tiểu ban hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Yêu cầu các đồng chí hết sức lưu ý thực hiện khẩn trương và nghiêm túc Thông tri này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 664-QN/TU, ngày 17-2-1982

Về việc giải thể Đảng bộ cơ sở Nông trường Lào Cai

- Căn cứ Điều 11 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Công văn số 136-SC/TU, ngày 10- 12- 1981 của Thị ủy thị xã Lào Cai đề nghị giải thể Đảng bộ Nông trường Lào Cai, vì nông trường này đã giải thể,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y đề nghị của Thị ủy thị xã Lào Cai giải thể Đảng bộ Nông trường Lào Cai.
2. Thị ủy thị xã Lào Cai và Ban chỉ ủy Chi bộ Nông trường Lào Cai có trách nhiệm giới thiệu sinh hoạt đảng cho các đảng viên ở Nông trường Lào Cai về các đảng bộ mới.
3. Đảng ủy Nông trường Lào Cai và Thị ủy thị xã Lào Cai căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 670-QN/TU, ngày 27-2-1982

Về việc sáp nhập cơ sở đảng

- Căn cứ vào Quyết định số 112- CP của Hội đồng Chính phủ về hợp nhất 2 xã Minh Tâm và Minh Quán;
- Xét đề nghị của Huyện ủy Trấn Yên;
- Căn cứ Điều 11 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y đề nghị của Huyện ủy Trấn Yên được sáp nhập các cơ sở đảng dưới đây.

- Sáp nhập 2 đảng bộ xã Minh Tâm và Minh Quân thành Đảng bộ xã Minh Quân, trực thuộc Đảng bộ Trấn Yên.

- Sáp nhập 2 chi bộ Ban Nông nghiệp huyện và Chi bộ Ban Kinh tế mới và Định canh định cư. Lấy tên là Chi bộ Ban Nông nghiệp huyện, trực thuộc Huyện ủy Trấn Yên.

2. Nhiệm vụ của tổ chức cơ sở của Đảng thực hiện theo Chương V Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Huyện ủy Trấn Yên và các cơ sở đảng có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 671-QN/TU, ngày 27-2-1982

Về việc tách cơ sở đảng

Xét yêu cầu nhiệm vụ công tác ở cơ sở;
Xét đề nghị của Thị ủy thị xã Yên Bái;
Căn cứ Điều 11 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y đề nghị của Thị ủy thị xã Yên Bái được tách và nâng cấp các cơ sở đảng dưới đây:

- Tách Chi bộ Công ty phục vụ công cộng có 12 đảng viên trước đây thuộc Đảng bộ Ủy ban nhân dân thị xã, nâng lên thành chi bộ cơ sở, lấy tên là Chi bộ Công ty phục vụ công cộng trực thuộc Thị ủy thị xã Yên Bái.

- Tách Chi bộ Ban Y tế - Thể dục thể thao thị xã trước đây thuộc Đảng bộ Ủy ban nhân dân thị xã, nâng lên thành chi bộ cơ sở, lấy tên là Chi bộ Ban Y tế - Thể dục thể thao trực thuộc Thị ủy Yên Bái.

- Tách chi bộ nhỏ Ban Khoa học - kỹ thuật trước đây thuộc Đảng bộ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, nâng lên thành chi bộ cơ sở, lấy tên là Chi bộ Ban Khoa học - kỹ thuật tỉnh trực thuộc Thị ủy thị xã Yên Bái.

2. Nhiệm vụ của các tổ chức cơ sở của Đảng thực hiện theo Chương V Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Thị ủy thị xã Yên Bái, các chi bộ có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 672-QN/TU, ngày 6-3-1982

Về việc bổ sung Ban Chấp hành Thị ủy

Căn cứ Chương II của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định;
Căn cứ đề nghị của Thị ủy Lào Cai và Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ công tác và khả năng cán bộ,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chỉ định bổ sung các đồng chí có tên sau đây vào Ban Chấp hành Thị ủy Lào Cai:

- Đồng chí Tô Ninh, Trung tá, Chỉ huy trưởng Thị đội Lào Cai.
- Đồng chí Bùi Anh Xuân, Đại uý, Trưởng Công an thị Lào Cai.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí Tô Ninh, Bùi Anh Xuân do Ban Chấp hành Thị ủy phân công.

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Thị ủy Lào Cai và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 674-QN/TU, ngày 6- 3- 1982

Về việc bổ sung Ban Chấp hành Huyện ủy

Căn cứ Điều 16 Chương II của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định;

Căn cứ đề nghị của Huyện ủy Mường Khương và Ban Tổ chức Tỉnh ủy;

Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ công tác và khả năng cán bộ,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chỉ định bổ sung các đồng chí có tên sau đây vào Ban Chấp hành Huyện ủy Mường Khương:

- Đồng chí Hà Cao Khải, Bí thư Đảng ủy Ban chỉ huy Quân sự huyện, Trung tá, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự huyện Mường Khương.

- Đồng chí Nguyễn Văn Ún, đảng viên chính thức thuộc Chi bộ Huyện Công an, Huyện Trưởng Công an Mường Khương.

2. Huyện ủy Mường Khương có trách nhiệm họp Ban Chấp hành Huyện ủy, dân chủ bầu cử các đồng chí Hà Cao Khải, Nguyễn Văn Ún vào Ban Thường vụ Huyện ủy theo nguyên tắc Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí có tên trên do Ban Chấp hành Huyện ủy phân công.

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Mường Khương và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 13- NQ/TU, ngày 8-3-1982

Về việc thành lập Tiểu ban xây dựng nghị quyết và chính sách khoa học và kỹ thuật của tỉnh

Để giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy chuẩn bị nội dung dự thảo báo cáo tổng hợp công tác khoa học, kỹ thuật và xây dựng Nghị quyết về chính sách khoa học - kỹ thuật của tỉnh, nhằm thực hiện Nghị quyết 37 của Bộ Chính trị về chính sách khoa học - kỹ thuật,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thành lập Tiểu ban chuẩn bị nội dung dự thảo Báo cáo tổng kết công tác khoa học - kỹ thuật 5 năm 1978-1980 và xây dựng dự thảo nghị quyết về chính sách khoa học - kỹ thuật của tỉnh, gồm có các đồng chí có tên dưới đây:

1- Bùi Hữu Bình, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Tiểu ban.

2- Tráng A Pao, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Tiểu ban thường trực.

3- Nguyễn Văn Lưu, Phó ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Phó Tiểu ban thường trực.

4- Ngô Trọng Mỹ, Phó ban Khoa học và kỹ thuật, Phó Tiểu ban thường trực.

5- Trần Hào, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh, Ủy viên.

6- Nguyễn Quý Đăng, Giám đốc Sở Nông nghiệp, Ủy viên.

7- Ngô Đình Kính, Giám đốc Sở Công nghiệp, Ủy viên.

8- Vũ Gia Khoan, Giám đốc Sở Lâm nghiệp, Ủy viên.

9- ... Lâm, Phó Giám đốc Sở Tài chính, Ủy viên.

10- Trần Đình Mai, Phó Trưởng Chi cục Thống kê, Ủy viên.

11- Trần Đình Phê, Trưởng Ty Lao động, Ủy viên.

12- Trần Văn Phúc, Phó Ty Giáo dục, Ủy viên.

13- Phan Trinh, Giám đốc Sở Y tế- Thể dục thể thao, Ủy viên.

Điều 2: Tiểu ban trên có nhiệm vụ hướng dẫn và đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện nghiêm chỉnh kế hoạch triển khai về chính sách kinh tế của tỉnh đã đề ra.

- Dự thảo báo cáo tổng kết 5 năm về công tác khoa học - kỹ thuật và những vấn đề chính sách, biện pháp nhằm phát triển công tác khoa học - kỹ thuật của tỉnh.

- Dự thảo nghị quyết về chính sách khoa học kỹ thuật của tỉnh.

Điều 3: Nhiệm vụ về lề lối làm việc do Tiểu ban họp phân công quy định.

- Các cấp, các ngành trong tỉnh có nhiệm vụ báo cáo đầy đủ và chính xác tình hình, số liệu thuộc phạm vi ngành quản lý theo yêu cầu của Tiểu ban dự thảo nghị quyết đúng thời gian quy định.

Điều 4: Các cấp, các ngành, ban và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 44-TT/TU, ngày 10-3-1982

**Triệu tập hội nghị tổng kết 1 năm khoán sản phẩm
trong các hợp tác xã nông nghiệp, tổng kết sản xuất
nông, lâm nghiệp năm 1981, sơ kết vụ đông - xuân
năm 1981-1982 và triển khai nhiệm vụ sản xuất nông,
lâm nghiệp năm 1982**

Để kịp thời đánh giá những mặt tích cực, những sai lệch và thống nhất nội dung, biện pháp phát huy mặt tích cực, uốn nắn những lệch lạc trong việc thực hiện Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, tổng kết vụ mùa và công tác lâm nghiệp năm 1981, sơ kết sản xuất đông - xuân và triển khai nhiệm vụ sản xuất vụ mùa và công tác lâm nghiệp năm 1982,

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định triệu tập hội nghị với những thành phần sau đây để bàn những nhiệm vụ nói trên.

a) Thành phần hội nghị:

Ở tỉnh: Các đồng chí trong Ban Chấp hành Tỉnh ủy; các đồng chí trưởng hoặc phó ty, ban, ngành; các cán bộ làm công tác quản lý hợp tác xã nông nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy.

Ở huyện: Đồng chí bí thư hoặc phó bí thư, chủ tịch, đồng chí Trưởng ban Nông nghiệp và các cán bộ làm công tác quản lý hợp tác xã, đồng chí Trưởng ban Tuyên huấn và mỗi huyện, thị cử 4 - 5 đồng chí chủ nhiệm hoặc bí thư ở những hợp tác xã làm tốt khoán sản phẩm (do Ban

Thường vụ huyện, thị lựa chọn). Các huyện, thị cần chọn đủ đại biểu xã và tạo điều kiện cho anh em về dự hội nghị đông đủ.

Các cơ quan: Phân xã Việt Nam thông tấn xã; phóng viên thường trú báo *Nhân dân* của Trung ương tại địa phương; Đài, báo *Hoàng Liên Sơn*.

b) Thời gian hội nghị:

- Thời gian: Hội nghị sẽ làm việc trong 5 ngày. Các đại biểu ở xa có mặt chiều ngày 28-3-1982 để 7 giờ 30 sáng ngày 29-3-1982 khai mạc.

- Địa điểm hội nghị: Tại Hội trường lớn của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Hội nghị này rất quan trọng về nội dung và khẩn trương về thời gian. Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các huyện, thị, ty, ban, ngành về dự hội nghị đông đủ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 696-QN/TU, ngày 16-3-1982

Về việc tách cơ sở đảng

- Xét yêu cầu nhiệm vụ công tác ở cơ sở;
- Xét đề nghị của Huyện ủy Bát Xát;
- Căn cứ Điều 11 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y đề nghị của Huyện ủy Bát Xát được tách các cơ sở đảng dưới đây:

- Tách Chi bộ Văn hóa - giáo dục thành 2 chi bộ cơ sở trực thuộc Huyện ủy Bát Xát, lấy tên là:

+ Chi bộ Giáo dục có 14 đảng viên.

+ Chi bộ Văn hóa thông tin có 5 đảng viên.

- Tách Chi bộ Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện thành 2 chi bộ cơ sở trực thuộc Huyện ủy Bát Xát, lấy tên là:

+ Chi bộ Ủy ban nhân dân huyện có 11 đảng viên.

+ Chi bộ Tổ chức Thương binh xã hội có 8 đảng viên.

- Tách Chi bộ Giao thông - công nghiệp thành 2 chi bộ cơ sở trực thuộc Huyện ủy Bát Xát, lấy tên là:

+ Chi bộ Giao thông Thủy lợi có 5 đảng viên.

+ Chi bộ Công nghiệp xây dựng có 7 đảng viên.

2. Nhiệm vụ của các tổ chức cơ sở của Đảng căn cứ vào Chương V Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Huyện ủy Bát Xát, các chi bộ có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

TRẦN ĐỨC MINH

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 13-CT/TU, ngày 20-3-1982

**Về việc tăng cường cải tiến công tác khoán,
mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động
và người lao động theo tinh thần Chỉ thị số 100
của Ban Bí thư Trung ương Đảng**

Thi hành Chỉ thị số 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, ngay từ vụ đông - xuân năm 1980-1981, tỉnh ủy đã có chủ trương chỉ đạo thí điểm một số hợp tác xã, đồng thời giao cho mỗi huyện chỉ đạo thí điểm từ 1 đến 3 hợp tác xã để rút kinh nghiệm. Từ kết quả ở các hợp tác xã điển hình của tỉnh và huyện sang vụ mùa năm 1981 hình thức khoán mới đã nhanh chóng được triển khai trên phạm vi rộng ở hầu hết các hợp tác xã ở vùng thấp bao gồm 3 loại hợp tác xã khá, trung bình và yếu kém, ở vùng cao hình thức khoán mới bước đầu đã được chỉ đạo thí điểm ở một số hợp tác xã khá.

Qua hai vụ sản xuất thực hiện hình thức khoán mới, nhất là sau vụ mùa năm 1981 được triển khai rộng rãi ở hầu hết các huyện vùng thấp ở tỉnh ta nhìn chung có thể khẳng định rằng: Hình thức khoán mới hoàn toàn phù hợp với tình hình các hợp tác xã của ta hiện nay, khi mà nền sản xuất về cơ bản vẫn ở trong tình trạng sản xuất nhỏ là phổ biến, lực lượng sản xuất chưa phát triển, công cụ sản xuất bằng

thủ công là chủ yếu, trình độ quản lý còn non yếu thì một biện pháp quản lý như hình thức khoán mới này nói lên một kiểu quan hệ sản xuất chỉ có thể thiết lập trên cơ sở đó, nhằm trước hết kết hợp một cách tốt nhất người lao động với tư liệu sản xuất, mặt khác thông qua đó mà khuyến khích hơn nữa người lao động quan tâm đến sản xuất và gắn bó với sản phẩm cuối cùng, đó làm một vấn đề tất yếu, hợp quy luật. Chính vì vậy mới chỉ trong một thời gian ngắn hình thức khoán mới đã nhanh chóng phát huy tác dụng và thể hiện rõ nét trên mặt tích cực sau đây:

1- Khoán sản phẩm thực sự đã thúc đẩy sản xuất phát triển và mở ra nhiều triển vọng về thâm canh tăng năng suất.

Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ghi: “Phương hướng chủ yếu để cải tiến công tác khoán trong hợp tác xã nông nghiệp là: khuyến khích hơn nữa lợi ích chính đáng của người lao động và làm cho mọi người tham gia các khâu trong quá trình sản xuất và quản lý hợp tác xã được thực sự gắn bó với sản phẩm cuối cùng do đó mà đưa hết nhiệt tình và khả năng ra lao động, sản xuất và xây dựng củng cố hợp tác xã”.

Thực tế cho thấy ở những hợp tác xã tiến hành khoán sản phẩm, người lao động đã thực sự quan tâm đến sản xuất, nhận thức được lợi ích của họ gắn bó với sản phẩm cuối cùng, do đó năng suất lao động tăng lên rõ rệt và sử dụng có hiệu quả mọi tiềm năng lao động dồi dào trong nông thôn, ruộng đất được tận dụng và sử dụng tốt hơn trước, chi phí vật chất và những vật tư kỹ thuật được tiết kiệm và sử dụng có hiệu quả hơn. Đó là những yếu tố quan trọng góp phần làm cho sản xuất phát triển và hiệu quả kinh tế cao hơn.

2- Khoán sản phẩm đã đẩy mạnh việc đưa nhanh những tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và sử dụng có hiệu quả những cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có của hợp tác xã.

Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp là sinh học, gắn liền với tự nhiên và trải rộng theo không gian và thời gian. Việc áp dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật là một vấn đề rất phức tạp và chỉ có thể

thành công khi nó trở thành phong trào quần chúng rộng rãi. Vì vậy thông qua hình thức khoán mới, trên cơ sở quan tâm đến sản xuất vì lợi ích thiết thân của mình mà người lao động mới quan tâm đến việc áp dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật như: tăng cường sử dụng giống mới có năng suất cao, phòng trừ sâu bệnh tích cực, bảo đảm thời vụ một cách chặt chẽ làm cỏ kỹ và nhiều lần, cấy dày nhỏ dảnh và nông tay...

Một số cơ sở vật chất và công cụ lao động của tập thể được bảo quản và sử dụng tốt hơn, ngoài ra người lao động còn tích cực mua sắm để tự trang bị như trâu, bò, công cụ cầm tay, sân phơi...

3- Thông qua hình thức khoán mới tạo cơ sở cho việc tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa ở nông thôn.

Phát triển sản xuất và củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới là hai vấn đề có quan hệ chặt chẽ và thúc đẩy lẫn nhau, sản xuất phát triển được xem như là nội dung của một quan hệ sản xuất mới, không thể có quan hệ sản xuất tốt mà nội dung sản xuất lại không phát triển, khoán sản phẩm trước hết làm cho sản xuất phát triển, bảo đảm kết hợp một cách hài hoà giữa ba lợi ích trong đó bảo đảm lợi ích chính đáng của người lao động, do đó ý thức làm chủ tập thể của người xã viên được nâng lên, giải quyết tốt nguyên tắc phân phối theo lao động và mối quan hệ giữa người với các loại tư liệu sản xuất. Trên cơ sở đó từng bước củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp.

Hình thức khoán mới được áp dụng vào các hợp tác xã ở tỉnh ta bước đầu đã thể hiện rõ nét một số mặt tích cực trong việc phát triển sản xuất và tăng cường củng cố hợp tác xã, song đồng thời cũng bộc lộ rõ một số khuyết nhược điểm trong quá trình chỉ đạo thực hiện, trong đó có những vấn đề có tính chất nghiêm trọng cần phải nhận thức cho hết để tiếp tục sửa chữa uốn nắn kịp thời đó là:

1- Chưa nắm vững mục đích, nguyên tắc, phương hướng và nội dung đang cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm phổ biến, có hiện tượng buông lỏng quản lý, thậm chí đã và đang có chiều hướng trượt dần sang khoán trắng.

Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ghi: “Căn cứ vào mục đích, nguyên tắc và phương hướng cải tiến công tác khoán nêu trên, cần hoàn chỉnh hơn nữa chế độ khoán có thưởng phạt công minh của hợp tác xã đối với đội sản xuất (khoán chi phí sản xuất, khoán công điểm, khoán sản lượng) đồng thời phải cải tiến mạnh mẽ các hình thức khoán của đội sản xuất đối với xã viên”.

Như vậy về cơ bản là toàn bộ công tác quản lý hợp tác xã nói chung và chế độ ba khoán nói riêng chưa có gì thay đổi. Vấn đề đặt ra là: cải tiến mạnh mẽ khâu khoán của đội sản xuất đối với xã viên. Do nhận thức chưa đầy đủ nên nhiều hợp tác xã đã buông lỏng quản lý, không bảo đảm sự điều hành của hợp tác xã đối với đội sản xuất không bảo đảm được sự điều hành giữa tập thể và người lao động quản lý các khâu trong quá trình sản xuất, nhiều hợp tác xã nhất là ở những hợp tác xã trung bình và yếu kém khoán trắng từ hợp tác xã đến tận người lao động hầu như toàn bộ các khâu, vai trò của đội sản xuất lu mờ và trở thành người đơn độc, chung chung. Đây là một vấn đề rất cơ bản, chính ở đây đã xuất hiện nhiều vấn đề tiêu cực như: tùy tiện thay đổi cơ cấu giống của hợp tác xã, tranh chấp nước, trâu, bò, nông cụ, sản phẩm thu hồi chậm, thậm chí không thu hồi được... Tình hình đó nếu không được khắc phục sẽ dẫn đến không bảo đảm thống nhất kế hoạch sản xuất, quản lý vật tư sản phẩm và phân phối trong hợp tác xã, quan hệ sản xuất sẽ không được củng cố và có thể nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp mới khó có thể lường hết được.

2- Một số cơ sở vật chất có tính chất xã hội hóa không được chú ý sử dụng và tăng cường.

Quan hệ sản xuất được thiết lập phải luôn luôn phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, song từ sản xuất nhỏ đi lên chúng ta vừa phải cùng một lúc xây dựng cả quan hệ sản xuất lẫn lực lượng sản xuất. Vì vậy, đi đôi với việc sử dụng những công cụ lao động thô sơ và những cơ sở vật chất nhỏ bé chúng ta phải chú ý tăng cường những công cụ và cơ sở vật chất - kỹ thuật nửa cơ khí, cơ khí và hiện đại có tính chất xã hội hóa cao nhằm tạo ra một sự hiệp tác và phân

công lao động mới theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Do nhận thức chưa sâu sắc vấn đề này nên một số cơ sở vật chất như thức ăn chăn nuôi... không được tổ chức sử dụng, bảo quản và tăng cường, thậm chí ở một số hợp tác xã đã và đang có hành động phân tán và hủy hoại những cơ sở vật chất, đó là hoàn toàn không đúng.

3- Khoán sản phẩm đang có tình trạng không thực hiện được phương hướng sản xuất, một số ngành đang có khuynh hướng giảm sút.

Sản xuất và kinh doanh ở hợp tác xã bao gồm những loại cây trồng và ngành nghề khác nhau, một vấn đề có tính nguyên tắc là: lao động ở ngành nghề nào thì phần thu nhập chủ yếu phải ở ngành nghề đó, song trong khoán sản phẩm vừa qua nhưng do chưa khoán được đồng bộ, mới chỉ tập trung vào cây lúa, trong khoán cây lúa thì hiện tượng ruộng đất chưa đều khá phổ biến, định mức chưa bảo đảm mối tương quan hợp lý giữa các loại cây trồng và ngành nghề khác nhau nên người lao động chỉ thích đổ xô về cây lúa. Do đó phương hướng sản xuất của hợp tác xã không bảo đảm, một số cây trồng và ngành nghề khác không được phát triển và đang có khuynh hướng giảm dần.

4- Tổng sản phẩm của hợp tác xã không nắm được chắc chắn ba lợi ích chưa được kết hợp hài hoà, một số chính sách ở nông thôn chưa được nghiên cứu và vận dụng thỏa đáng.

Một vấn đề rất phổ biến là chưa điều tra và định được năng suất và sản lượng một cách chính xác, đáng chú ý là năng suất giao khoán chưa có được một năng suất trung bình tiên tiến do đó người lao động có cơ sở đấu tranh kéo năng suất giao khoán thấp hơn năng suất trung bình nhiều năm chưa công bằng, hợp lý, và nói chung người lao động chỉ quan tâm đến lợi ích thứ ba của mình bằng phần vượt khoán, họ chưa nhận thức được lợi ích thứ ba của mình chủ yếu là ở phần thu nhập bằng công điểm từ hợp tác xã. Mặt khác các hợp tác xã cho thu hoạch về gia đình xã viên, công tác thống kê năng suất không nắm được chính xác, thậm chí còn đọng lại ở gia đình xã viên không thu hồi được khá phổ biến. Vì vậy công tác phân phối không bảo đảm quản lý chặt chẽ và thống nhất trong hợp tác xã.

Ngoài ra một số chính sách như: Chính sách đối với cán bộ xã và hợp tác xã, chính sách đối với gia đình thương binh, liệt sĩ, bộ đội, chính sách đối với người làm mẫu giáo, giữ trẻ, y tế, cửa hàng, v.v. chưa được nghiên cứu và vận dụng thích đáng trong khoán sản phẩm nên nhìn chung có khuynh hướng giảm sút, thậm chí có tình trạng hoang mang dao động.

Trên đây là một số vấn đề cơ bản rút ra trong quá trình thực tiễn chỉ đạo công tác khoán sản phẩm ở tỉnh ta trong 2 vụ sản xuất qua, cần tiếp đi sâu tổng kết rút kinh nghiệm nhằm phát huy những nhân tố tích cực, đồng thời kiên quyết khắc phục những nhược điểm, tiếp tục đưa phong trào khoán sản phẩm trong nông nghiệp ở tỉnh ta lên một bước mới về chất lượng. Để việc nghiên cứu và chỉ đạo công tác khoán sản phẩm được tập trung và thống nhất Ban Thường vụ Tỉnh ủy lưu ý một số vấn đề cơ bản sau đây:

1- Về nhận thức.

Cần làm cho các cấp, các ngành nhất là ở cơ sở hợp tác xã quán triệt sâu sắc hơn nữa Chỉ thị số 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Trên cơ sở đó nắm chắc mục đích, nguyên tắc, phương hướng và nội dung cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm trong nông nghiệp. Một mặt nâng cao ý thức chấp hành chỉ thị của Trung ương Đảng, mặt khác phải nghiên cứu và vận dụng sát hợp vào điều kiện cụ thể ở miền núi Hoàng Liên Sơn có nhiều vấn đề khác biệt so với miền xuôi như: sản xuất đa dạng, đất đai phân tán, trình độ quản lý còn non yếu, v.v..

Đồng thời còn nhấn mạnh rằng: Thực chất của hình thức khoán mới là vấn đề phân công lao động có kết hợp với vấn đề (...) hay suy cho cùng là vấn đề trả thù lao trong nông nghiệp nó chỉ có tác dụng như là một động lực mà thôi, tuyệt nhiên không thể coi việc áp dụng hình thức khoán mới là có thể giải quyết được toàn bộ mọi vấn đề trong việc phát triển sản xuất và củng cố hợp tác xã. Vì vậy, vấn đề có tính chất tổng quát là phải tiếp tục đi vào nâng cao chất lượng công tác tổ chức lại sản xuất và tăng cường cải tiến quản lý hợp tác xã theo tinh thần Nghị quyết 61- CP của Hội đồng Chính phủ. Có như vậy

mới có cơ sở bảo đảm đưa toàn bộ phong trào nông nghiệp tiến lên một nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa một cách căn bản.

2- Về nội dung

Qua thực tiễn áp dụng hình thức khoán mới 2 vụ sản xuất qua cho thấy vấn đề trọng tâm ở đây là vấn đề quản lý các khâu trong quá trình sản xuất. Nhận thức chưa đầy đủ nên việc (...) hiện tượng buông lỏng quản lý, giao hầu hết các khâu cho người lao động là hoàn toàn không đúng. Cần quán triệt sâu sắc hơn nữa nội dung cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đã ghi trong Chỉ thị 100 là tập trung cải tiến mạnh mẽ khâu khoán của đội sản xuất đối với nhóm và người lao động.

Như vậy là trách nhiệm của Ban quản trị hợp tác xã và đội sản xuất về cơ bản không có gì thay đổi mà còn phải được tăng cường hơn trước, nhằm bảo đảm thống nhất quản lý sản xuất, quản lý vật tư sản phẩm và quản lý phân phối trong hợp tác xã. Cần nhấn mạnh một nguyên tắc là: bất cứ một khâu nào kể cả khâu giao khoán cho người lao động cũng phải có sự chỉ đạo chặt chẽ của hợp tác xã và đội ngũ sản xuất.

+ Đối với hợp tác xã: Căn cứ vào phương hướng sản xuất, phải lên được toàn bộ kế hoạch sản xuất, cung ứng vật tư và phân phối sản phẩm trong hợp tác xã. Trên cơ sở đó mà phân bổ ruộng đất, lao động, vật tư, một cách chặt chẽ, đồng thời phải bảo đảm sự điều hành thống nhất từ trên xuống dưới và đến tận hộ gia đình xã viên.

+ Đối với đội sản xuất và người lao động: Là một đơn vị nhận khoán của hợp tác xã phải tổ chức tốt việc giao khoán, thanh toán khoán và cùng với hợp tác xã làm tốt công tác phân phối trong hợp tác xã, đồng thời phải trực tiếp điều hành các khâu cho tập thể đảm nhận, chỉ đạo chặt chẽ các khâu giao khoán cho người lao động cụ thể là:

- Khâu theo dõi: Cùng với hợp tác xã đảm nhận việc tu bổ bảo vệ và khai thác các công trình thủy lợi, bảo đảm việc điều hòa và phân phối nước hợp lý trong phạm vi toàn hợp tác xã và đội sản xuất.

- Khâu làm đất: Do đặc điểm đất đai của miền núi phân tán, trâu, bò nhiều, nên có thể giao người lao động đảm nhận song nhất thiết

tập thể quản lý và điều hành chặt chẽ sức kéo và nông cụ, đối với những hợp tác xã khá nhất thiết khâu làm đất do tập thể đảm nhận.

- Khâu giống: Đây là một khâu rất quan trọng vì vậy ở các hợp tác xã nhất thiết phải tổ chức và hình thành đội chuyên sản xuất giống cho các hợp tác xã, kiên quyết bảo đảm cơ cấu giống do hợp tác xã quy định và do tập thể đảm nhận việc xử lý, ngâm ủ, ra mống, tổ chức giao cho tập thể sau đó giao cho người lao động hoặc liên gia đình các lao động nhận khoán bảo quản và chăm sóc, cũng có thể giao nông, mống mạ cho người lao động hoặc liên gia đình các lao động nhận khoán tự gieo trên đất của đội làm sẵn. Trước mắt trong khi đội sản xuất phải tổ chức tốt việc tuyển chọn giống tốt ở ruộng đại trà và nhất thiết phải bảo quản tập thể và bảo đảm cơ cấu giống do hợp tác xã quy định.

- Khâu phân bón: Cùng với hợp tác xã phải quản lý và phân bổ phân vô cơ một cách kịp thời và chặt chẽ, đồng thời phải có kế hoạch điều hòa và chỉ đạo chặt chẽ việc sản xuất và chế biến phân hữu cơ trong đội sản xuất, bảo đảm yêu cầu thâm canh chung của toàn bộ hợp tác xã và của từng người lao động.

- Khâu phòng trừ dịch bệnh: Phải tổ chức tốt việc kiểm tra phát hiện và diệt trừ sâu bệnh, song đối với các loại vật tư như: Bình bơm, thuốc sâu nhất thiết phải được bảo quản và sử dụng tập thể, kiên quyết không phát thuốc sâu và bình bơm cho người lao động tự phun lấy.

- Khâu cấy và chăm sóc: Hai khâu này là giao khoán cho người lao động đảm nhận song đội sản xuất phải quản lý và chỉ đạo chặt chẽ lịch thời vụ, kỹ thuật cấy, làm cỏ, bón phân theo yêu cầu sinh trưởng của cây trồng, bảo đảm sự điều hành thống nhất và chặt chẽ quy trình kỹ thuật sản xuất.

- Khâu thu hoạch: Kinh nghiệm thực tế cho thấy nói chung tập thể phải đảm nhận khâu này, có như vậy mới nắm được chắc và thu hồi sản phẩm của hợp tác xã được kịp thời, tiến hành xử lý thưởng phạt và phân phối thống nhất. Riêng đối với hợp tác xã khá, làm ăn có nền nếp, ý thức người lao động tốt thì cũng có thể giao cho người lao động thu về gia đình, song hợp tác xã và đội sản xuất phải tổ chức nắm và thu hồi sản phẩm chính xác và nhanh gọn.

Đối với các loại ngành nghề khác như: Chăn nuôi cây công nghiệp, vôi, gạch có khá, v.v. tùy tính chất của các ngành sản xuất mà tiến hành khoán từng công đoạn hay đến sản phẩm cuối cùng đối với nhóm hoặc người lao động, song phải tích cực tiến hành khoán trên tất cả các loại ngành nghề một cách đồng bộ, để giữ vững và tạo ra sự phát triển sản xuất toàn diện trong hợp tác xã.

Tóm lại, việc phân chia giữa tập thể và người lao động quản lý các khâu của quá trình sản xuất là một sự kết hợp một cách chặt chẽ và hài hoà sao cho có lợi nhất, trong đó luôn luôn giữ vững sự hiệp tác và phân công xã hội chủ nghĩa của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

+ Tăng cường cơ sở vật chất- kỹ thuật trong hợp tác xã.

Trải qua một quá trình dài đi đôi với việc tăng cường và củng cố quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa ở nông thôn chúng ta đã có những tiến bộ quan trọng trong việc tăng cường trang bị những cơ sở vật chất - kỹ thuật trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, do đó đã góp phần tích cực vào việc đẩy mạnh sản xuất và tạo ra một sự phân công lao động mới ở nông thôn, tuy nhiên phải nhận rằng trong đó có những mặt chưa tốt như: trang bị chưa đồng bộ, chưa bảo đảm tính quy luật phổ biến trong nông nghiệp về sự kết hợp thô sơ với nửa cơ khí, cơ khí và hiện đại, chưa phù hợp với trình độ quản lý và quy mô hợp tác xã của ta hiện nay, v.v.. Những mặt nhược điểm đó vốn đã là tồn tại nên kém phát huy hiệu lực trong sản xuất và kinh doanh, ngày nay trong khoán sản phẩm đã lại càng được bộc lộ rõ nét.

Vì vậy, yêu cầu trước mắt và lâu dài việc tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật trong hợp tác xã nông nghiệp là một vấn đề rất quan trọng theo yêu cầu phát triển của một nền sản xuất lớn, song để khắc phục và phù hợp với tình hình hiện nay trong khoán sản phẩm cần phải rà xét lại cái gì cần thì phải tổ chức bảo quản, sử dụng và tiếp tục tăng cường, cái gì không phù hợp thì phải có kế hoạch cần chuyển hướng sang sử dụng vào việc khác, tuyệt đối không được phân tán và hủy hoại những cơ sở vật chất đã có.

3- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành.

Khoán sản phẩm trong nông nghiệp tuy là một biện pháp tổ chức và phân công lao động trong hợp tác xã song nó có tác dụng rất lớn đối với việc phát triển sản xuất và tạo ra tiền đề cho việc tiếp tục tăng cường củng cố hợp tác xã, trong tình hình hiện nay rõ ràng nó đang là một nhân tố mới nếu như được vận dụng tốt, song đồng thời nếu như không được nghiên cứu và vận dụng chặt chẽ nó cũng sẽ phát sinh nhiều vấn đề mới rất phức tạp.

Vì vậy các cấp ủy Đảng, chính quyền và các ngành có liên quan cần phải nhận thức cho hết và nghiêm chỉnh chấp hành mọi quy định của Trung ương Đảng, tăng cường sự lãnh đạo hơn nữa và phối hợp chặt chẽ với ngành nông nghiệp để làm tốt công tác này.

Đối với các đảng bộ huyện, thị và cơ sở phải coi việc lãnh đạo công tác khoán sản phẩm trong nông nghiệp là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Đảng bộ mình mà tăng cường sự lãnh đạo và giáo dục đảng viên gương mẫu chấp hành chỉ thị của Trung ương Đảng.

Nhận được Chỉ thị này các Huyện ủy, thị ủy cần tổ chức quán triệt rộng rãi đối với các đảng bộ ở nông thôn, đồng thời chỉ đạo chặt chẽ việc tổng kết rút kinh nghiệm và nội dung tiếp tục phát huy những mặt tích cực, kiên quyết khắc phục những sai sót lệch lạc. Đảng đoàn chính quyền cùng với Ban Nông nghiệp và Sở Nông nghiệp có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra và tiếp tục hướng dẫn cụ thể và thường xuyên báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DUƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA TỈNH ỦY

Số 36-BC/TU, ngày 25-3-1982

Kiểm điểm một năm thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về cải tiến công tác khoán trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp

Hơn một năm thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về cải tiến công tác khoán mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động, từ chỗ làm điểm đến việc mở diện đã qua 3 vụ sản xuất, từ 16 hợp tác xã của vụ đông - xuân năm 1980-1981 và 265 hợp tác xã vụ mùa 1981 đến 206 hợp tác xã vụ đông - xuân 1981-1982, mặc dầu bản thân cải tiến công tác khoán có những vấn đề mới và phức tạp, vận dụng thực hiện trong điều kiện sản xuất của miền núi có những đặc điểm riêng và các hợp tác xã cũng mới tập trung nhiều về khoán sản phẩm cây lúa. Chỉ trong một thời gian mở rộng khoán đến 80,6% số hợp tác xã ở vùng thấp là nhanh, mạnh, kết quả đạt được có nhiều mặt tốt và nhiều điểm làm tốt, song trong quá trình thực hiện không tránh khỏi có nhiều lệch lạc trong nhận thức, trong chỉ đạo thực hiện và trong những vấn đề quản lý cụ thể.

Để tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt các chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương tiến hành tổng kết kiểm điểm từ tỉnh đến cơ sở, đối chiếu với Chỉ thị 100-CT/TW và Thông tri 05 của Bộ Nông nghiệp cái gì đạt được, cái gì còn thiếu sót, nhằm phát huy mạnh mẽ những nhân tố tích cực, kiên quyết chỉ

đạo uốn nắn kịp thời những nhân tố lệch lạc, bảo đảm cải tiến công tác khoán với củng cố tốt quan hệ sản xuất, đưa sản xuất phát triển toàn diện, thực hiện tốt thâm canh, chuyên canh phát triển mạnh các ngành, nghề trong tỉnh từng bước đưa nông nghiệp từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

I. KHÁI QUÁT CHUNG PHONG TRÀO HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

Qua quá trình xây dựng và củng cố và qua các cuộc vận động cải tiến, quản lý, vận động tổ chức lại sản xuất vận động định canh định cư, vận động xây dựng pháo đài cấp huyện, và các cuộc vận động sản xuất đến nay toàn tỉnh đã có 713 hợp tác xã, thu hút 90,49% số hộ nông dân tham gia quy mô bình quân của một hợp tác xã có 115 hộ và 95 ha đất canh tác, vùng thấp bình quân có 199 hộ và 125 ha, vùng cao 45 hộ và 25 ha đất canh tác, toàn tỉnh có 110 hợp tác xã quy mô toàn xã. Đối chiếu với những tiêu chuẩn chung, tuy mức độ có khác nhau giữa các vùng và các huyện, nhưng qua phân loại đã có: khá và tiên tiến có 260 hợp tác xã chiếm 35%; trung bình có 285 hợp tác xã chiếm 38%; yếu kém có 198 hợp tác xã chiếm 27%.

Ở vùng thấp đã căn bản hoàn thành tổ chức lại sản xuất, phương hướng sản xuất, phương án kinh tế kỹ thuật, tổ chức lại các cây trồng và con gia súc đã được rà xét và thảo luận bàn bạc ở từng hợp tác xã, những nơi quy mô hợp tác xã quá to chưa đủ sức quản lý, nhưng đôi khi sản xuất nhiều lao động chưa phù hợp đã được chia lại, và đã hình thành các ban giúp Ban quản trị điều hành công việc chung. Đồng thời các chi, đảng bộ cơ sở đã gắn với việc phát thể để xác định rõ nhiệm vụ chính trị của từng đảng bộ và vai trò tiên phong gương mẫu của từng đảng viên. Từ đó hợp tác xã đã được củng cố thêm một bước công tác quản lý đang đi vào nền nếp. Sản xuất đang phát triển và có 183 hợp tác xã quản lý kinh doanh cây công nghiệp, chăn nuôi các ngành nghề khác và đã thu hút thêm 66,6% số hộ nông dân vào hợp tác xã.

Ở vùng cao gắn với cuộc vận động định canh định cư, vận động xây dựng pháo đài đã phục hồi lại 105 hợp tác xã ở 4 huyện Mường Khương, Bát Xát, thị xã Lào Cai, Bắc Hà bị tan vỡ do chiến tranh (...) gây ra, đồng thời đã củng cố lại 103 hợp tác xã ở các huyện Sa Pa, Than Uyên, Mường Chải, Trạm Tấu, từng bước đi vào thực hiện định canh định cư, đã xóa thêm 25 xã trắng trước đây chưa có hợp tác xã nay đã có và thu hút 15,1% số hộ nông dân vào hợp tác xã, mặc dầu trong tình hình đang có nhiều khó khăn, nhưng các huyện vùng cao đều có những hợp tác xã làm ăn khá, như Sâu Chua - Sa Pa; Bản Phố - Bắc Hà, Công Lực - Văn Yên; Suối Giàng, Suối Lương - Văn Chấn.

Tóm lại, phong trào hợp tác xã nông nghiệp trong tỉnh tuy còn nhiều mặt yếu, nhưng trước khi đi vào thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW đã bước đầu được củng cố đó là những nhân tố thuận lợi, và khi có thông báo của Trung ương, tỉnh đã chủ trương làm thử một số loại hình hợp tác xã: tiên tiến, trung bình, yếu kém ở các huyện về cải tiến công tác khoán để rút ra những kinh nghiệm và thấy hết hiện tại của tình hình trong điều kiện một tỉnh miền núi là:

1- Hoàng Liên Sơn đất đai nhiều, nhưng đất nông nghiệp ít, phần lớn là đất lâm nghiệp và có độ dốc từ 25 độ trở lên, trong đất nông nghiệp thì ruộng nước chỉ hơn 3 vạn ha canh tác, chỉ bằng 1/3 đất đai canh tác và chiếm hơn 50% sản lượng lương thực trong toàn tỉnh. Phương hướng sản xuất của các hợp tác xã cũng phản ánh giữa vùng cao và vùng thấp và giữa 5 vùng sản xuất trong tỉnh khác nhau, sản xuất hợp tác xã mang tính đa dạng, có nơi nhiều ruộng, có nơi ít ruộng, không có ruộng nước mà chỉ sản xuất trên nương rẫy, có nhiều hợp tác xã sản xuất theo chuyên canh trồng cây công nghiệp, chăn nuôi làm nghề rừng với các ngành nghề khác nhau, lại vừa sản xuất vừa xây dựng như gieo trồng, thủy lợi, trường học, trạm xá của nông thôn mới, do đất đai có nhiều nên ngoài phần sản xuất tập thể đất đai để làm riêng, nguồn thu nhập đó chỉ cho chúng ta việc cải tiến cách khoán mới đòi hỏi xuất phát từ phương hướng chung của từng vùng

từng loại hình hợp tác xã, phải chú ý đến tất cả các ngành trong sản xuất, nếu không sẽ dẫn đến được ngành này thì kém ngành khác và người xã viên làm rồi, làm ẩu để làm việc riêng vì khoán có vượt cũng chỉ được một phần, đi làm nương riêng được tất cả.

2- Do điều kiện ruộng nước có hạn, bản thân các hợp tác xã phải sản xuất kinh doanh, nhiều ngành nghề, nhiều loại sản phẩm như các loại màu cây công nghiệp ngắn và dài ngày, chăn nuôi tiểu và đại gia súc. Và làm các ngành nghề khác. Có nhiều hợp tác xã nguồn thu nhập các loại sản phẩm, các ngành nghề chiếm rất lớn như: Tân Thịnh 700 tấn chè/năm, Nghĩa Tâm nghề tiểu thủ công nghiệp thu 300.000 đồng/năm, các ngành nghề trên góp một phần rất lớn vào yêu cầu nông nghiệp phục vụ công nghiệp và xuất khẩu của tỉnh. Tình hình đó chỉ ra cho chúng ta thấy việc thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW trước tiên là khoán cây lúa, nhưng nhanh chóng phải tiến hành khoán sản phẩm các loại cây khác và ngành nghề, mới tạo ra được thế nông nghiệp phát triển toàn diện, mới tăng nhiều sản phẩm cho xã hội, phục vụ tốt các mặt đi lên và yêu cầu chung.

3- Về tổ chức sản xuất quản lý kinh doanh hạch toán của các hợp tác xã mới qua tổ chức lại sản xuất, phần lớn chưa thực hiện 3 khoán tốt cho đội sản xuất, chưa thực hiện được chế độ 5 công khai và thanh quyết toán kịp hằng năm, hàng vụ. Trình độ quản lý của cán bộ còn yếu cả về kinh tế và kỹ thuật, thậm chí có tình trạng thay đổi kinh nghiệm điều hành các định mức kinh tế - kỹ thuật, tổ chức nghiệm thu, giám sát từng khâu từng việc còn có ít nhất là việc khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động đòi hỏi công tác quản lý phải đề cao vai trò trách nhiệm sâu sát, tỉ mỉ. Nếu không dễ có khuynh hướng bỏ lỏng, buông trôi, và trượt xa khoán trắng một cách tự phát và hậu quả của nó chưa thể lường trước được.

4- Tổ chức cơ sở đảng nói chung còn yếu, nhận thức các chủ trương, đường lối của Trung ương có nơi có lúc phải chuyển biến dần trình độ đảng viên về vai trò và tính chất giai cấp công nhân còn thấp, bên cạnh đó cũng có không ít những người chưa tiên phong gương mẫu

do đó, trong quá trình thực hiện nêu chỉ đạo không chặt, không kiểm tra đôn đốc giúp đỡ từ cơ sở, không có biện pháp kiên quyết giải quyết những vấn đề phát sinh thì trong thực tế sẽ dễ nảy sinh những mặt, những người gây cản trở và nghe theo tính tư hữu của người nông dân, chỉ thiên một chiều về lợi ích của người lao động.

II. KIỂM ĐIỂM TÌNH HÌNH MỘT NĂM THỰC HIỆN CẢI CÁCH CÔNG TÁC KHOÁN

Quán triệt Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận thức là một vấn đề mới để động viên phong trào lao động sản xuất của nông dân xã viên trong các hợp tác xã để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp. Song, việc khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động cũng dễ phát sinh nhiều vấn đề về tư tưởng, quan điểm trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và có tác dụng đến nhiều mặt kinh tế và xã hội, nhất là giữa tích cực để chuyển sang những mặt tiêu cực tự phát, từ đó đã tổ chức nghiên cứu thảo luận trong Tỉnh ủy, các ngành và các cấp một số đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đích thân xuống những nơi làm điểm để xem xét thấy thực tế khẳng định thêm đối với các huyện trừ Mường Khương, Trạm Tấu, Mù Cang Chải (huyện vùng cao) mới tổ chức nghiên cứu trong cấp ủy Đảng và các ngành ở huyện. Còn tất cả các huyện đã tổ chức nghiên cứu thảo luận quán triệt và bàn kế hoạch thực hiện đến các cấp ủy Đảng cơ sở, nhất là các huyện vùng cao trọng điểm như Văn Chấn, Trấn Yên, Văn Yên, Lục Yên, Yên Bình, Bảo Yên, Văn Bàn, Bảo Thắng, thị xã Yên Bái, Lào Cai có 95% số cán bộ về xã hợp.

Ngoài việc làm quán triệt trong Đảng, các hợp tác xã các đoàn thể như Thanh niên, Phụ nữ, Hội liên hiệp Nông dân tập thể, Mặt trận Tổ quốc đã tổ chức hội nghị, tọa đàm ở các huyện, các xã để động viên giáo dục đoàn viên, hội viên tích cực tham gia thực hiện chủ trương cải tiến công tác khoán. Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy, Trường Đảng tỉnh

đã mở lớp tập huấn báo Đảng, Đài phát thanh đã dành nhiều chương trình tuyên truyền giáo dục về nội dung cải tiến công tác khoán, nêu lên những nơi làm tốt, những việc làm tốt và những nơi làm chưa tốt, những biểu hiện lệch lạc để giáo dục uốn nắn chung.

Đi đôi với việc làm quán triệt tinh thần nội dung của Chỉ thị 100-CT/TW chính quyền và ngành nông nghiệp đã điều hành tập huấn cho đông đảo đội ngũ cán bộ quản lý từ tỉnh, huyện, hợp tác xã và các đội trưởng, đội phó sản xuất về những vấn đề tập thể trong việc cải tiến công tác khoán đến nhóm lao động và người lao động, đồng thời sơ kết những điểm làm thủ để kịp thời giúp cho chỉ đạo thực hiện chung. Các huyện như: Trấn Yên, Văn Chấn, Văn Yên, Lục Yên, Yên Bình, thị xã Lào Cai, Yên Bái bảo đảm 100% cán bộ từ đội sản xuất trở lên được bồi dưỡng, huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Văn Bàn có từ 80% đến 90% cán bộ được bồi dưỡng. Riêng Than Uyên, Bát Xát, Sa Pa, Bắc Hà mở rộng đến đâu bồi dưỡng đến đó.

Trên cơ sở quán triệt chủ trương chung của Ban Bí thư Trung ương Đảng và nắm vững những quy định cụ thể về cải tiến công tác khoán, vụ mùa năm 1980 làm thí điểm ở một số hợp tác xã, đến vụ đông - xuân năm 1980-1981 đã mở rộng ra 46 hợp tác xã ở 11 huyện, thị, trong đó: có 21 hợp tác xã tiên tiến và khá, 20 hợp tác xã trung bình và 5 hợp tác xã yếu kém. Vụ mùa năm 1981 đã mở rộng khoán sản phẩm cây lúa trong 265 hợp tác xã. Trong đó có 20 hợp tác xã vùng cao, 245 hợp tác xã vùng thấp, 171 hợp tác xã tiên tiến và khá, 76 hợp tác xã trung bình, 18 hợp tác xã yếu kém. Vụ đông - xuân hiện nay mở rộng ra 286 hợp tác xã và ngoài cây lúa có 12 hợp tác xã khoán sản phẩm cây chè, 8 hợp tác xã khoán cây màu, 2 hợp tác xã khoán sản phẩm rau giống, 6 hợp tác xã khoán chăn nuôi, 7 hợp tác xã khoán ngành nghề như nung vôi, đốt gạch, ngói... diện tích giao khoán đạt 84,87% số lao động nhận khoán 78,7%.

Như vậy trong bước chuẩn bị để triển khai thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng chúng ta đã làm từ trên xuống dưới, từ trong Đảng đến quần chúng, làm từ điểm mở rộng

diện, và hơn một năm đã đưa 80% số hợp tác xã vùng thấp và một số hợp tác xã vùng cao cải tiến công tác khoán đến nhóm lao động và người lao động, đó làm một cố gắng đáng kể, tiến hành một cách nhanh, mạnh có chỉ đạo từ trên xuống nhất là các cấp ủy huyện trong thời kỳ đầu dành nhiều thời gian vào chỉ đạo công tác khoán sản phẩm và qua thực tế khoán ở các hợp tác xã những bản khoán trong nhận thức tư tưởng của cán bộ, đảng viên được sáng tỏ thêm. Trong tổng kết kiểm điểm một năm thực hiện, chúng ta đánh giá để tạo nên sự nhất trí cao, có chủ trương giải quyết kịp thời những lệch lạc, với thái độ trách nhiệm tiếp tục thực hiện tốt hơn về cải tiến công tác khoán trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

A. ĐÁNH GIÁ NHỮNG KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Cải tiến công tác khoán là một nội dung trong cơ chế quản lý của các hợp tác xã, và việc tiến hành khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động là động lực thúc đẩy phong trào quần chúng phấn khởi gắn trách nhiệm đến cùng trong sản xuất nhằm phát triển sản xuất nâng cao hiệu quả kinh tế... củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, không ngừng nâng cao thu nhập và đời sống của xã viên, tăng tích lũy của hợp tác xã, làm tròn nghĩa vụ và không ngừng tăng khối lượng nông sản cung ứng cho Nhà nước. Qua thực tế một năm đã chứng minh.

1- Trong điều kiện có khó khăn những hợp tác xã cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm, sản xuất vẫn phát triển, năng suất vẫn cao hơn, sản lượng tăng lên rõ rệt

Trải qua 2 vụ sản xuất của năm 1981 mặc dầu vật tư, kỹ thuật giảm nhiều, đông - xuân đều vụ rét, cuối vụ bị hạn, vụ mùa đầu vụ bị hạn và cả vụ bị sâu bệnh uy hiếp nghiêm trọng, nhưng sản xuất nông nghiệp tỉnh ta vẫn bảo đảm bình thường và vụ mùa năm 1981 nhiều huyện nhiều vùng vẫn thu hoạch khá, năng suất toàn tỉnh đạt

hơn 23 tạ/ha. Tất nhiên có nhiều yếu tố tác động, nhưng có nguyên nhân quan trọng là tác động mạnh mẽ của người lao động với hình thức khoán mới, đã tập trung sức mạnh tổng hợp của Nhà nước, tập thể, người lao động bằng nhiều biện pháp, vừa kết hợp kinh nghiệm của quần chúng với các loại hóa học để diệt trừ sâu bệnh, khắc phục thiên tai. Kết hợp khả năng vật tư kỹ thuật của Nhà nước với tinh thần tự lực tự cường của hợp tác xã và từng người xã viên để tạo ra kết quả trong sản xuất.

Vụ đông - xuân năm 1980-1981 trong bối cảnh của một vụ bị thiên tai sâu bệnh toàn tỉnh thu hoạch kém, năng suất thấp, nhưng theo số liệu thống kê 21 hợp tác xã cải tiến công tác khoán đều vượt cả diện tích, năng suất và tổng sản lượng, năng suất chung bình quân đạt 24,9 tấn, vượt năng suất kế hoạch 124,5%, vượt bình quân năng suất trong 3 năm 126%, Hợp tác xã Yên Hưng - Văn Yên năng suất đạt 32 tạ. Đội Đồng dè Hợp tác xã Báo Đáp năng suất bình quân đạt 37 tạ/ha.

Tổng sản lượng lương thực thu 2.673 tấn, tăng hơn kế hoạch giao khoán 329 tấn. Trong số lao động nhận khoán đã có 2.682 người bằng 65% đã vượt 412,9 tấn bình quân 1 người vượt 153 kg, có những người vượt cao như ông Diêm - Hợp tác xã Yên Hưng vượt 740 kg, ông Thao Hợp tác xã Mậu A vượt 400 kg. Trên cơ sở sản xuất đạt kết quả khá trong số 21 hợp tác xã đã làm 70% nghĩa vụ ổn định đối với Nhà nước của cả năm. Phần tích lũy hợp tác xã so với năm 1980 tăng lên 7,8 tấn và phân chia cho người lao động đã chiếm 56,8% trong tổng thu nhập và tăng hơn vụ đông - xuân năm 1980 là 24 tấn, mức ăn mỗi nhân khẩu tăng 3,8kg/tháng.

Vụ mùa năm 1981 có 265 hợp tác xã cải tiến công tác khoán, thực hiện trong điều kiện một vụ có nhiều khó khăn, sâu bệnh uy hiếp nghiêm trọng nhưng hợp tác xã và người lao động đã đưa hết sức mình tìm mọi cách khắc phục và đã giành thắng lợi, thống kê sơ bộ trong 253 hợp tác xã có 53.445 lao động nhận khoán vượt diện tích 14.931 ha và có 21.889 người vượt khoán 2.590 tấn, 8.518 người hớt khoán 535 tấn. Huyện Trấn Yên trong 43 hợp tác xã khoán sản phẩm đã phấn đấu lấy

hết diện tích 7.384 mẫu, năng suất so với kế hoạch giao khoán đã vượt 1 sào 14 kg (2 tạ/ha), sản lượng vụ mùa của hợp tác xã giao khoán vượt 1.042 tấn, có 69% số lao động nhận khoán vượt sản lượng mỗi người 166 kg, có hộ ở Hợp tác xã Xuân Thành vượt 1.000 kg. Hợp tác xã Báo Đáp vụ mùa năm 1981 so với vụ mùa năm 1980 tăng 60 tấn, tuy trong điều kiện có nhiều khó khăn đã sản xuất thêm diện tích 15,6 ha năng suất chung đạt 25,88 kg/ha. Sản lượng vẫn tăng 174 tấn, Hợp tác xã Xuân Giao tăng 18,6 lần. Huyện Yên Bình 28 hợp tác xã trong số 33 hợp tác xã cải tiến công tác khoán vụ mùa năm 1981 đã tận dụng mọi đất đai cấy tăng thêm diện tích 58 ha. Sản lượng trong các hợp tác xã giao khoán tăng hơn 250 tấn. Huyện Lục Yên có 39 hợp tác xã trong số 41 hợp tác xã cải tiến khoán là một huyện bị rầy nâu và bọ xít rất nặng nhưng năng suất vẫn tăng mỗi ha 154 kg, và sản lượng vụ mùa tăng lên 292 tấn. Huyện Văn Bàn chỉ có 18 hợp tác xã trong số 42 hợp tác xã cải tiến cách khoán mới, nhưng năng suất của 18 hợp tác xã đã tăng bình quân 140 kg/ha, sản lượng vượt 201 tấn, Hợp tác xã Văn Thượng vượt 10 tấn, Hợp tác xã Mường B vượt 16 tấn và cả hai hợp tác xã hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước nhanh nhất toàn huyện.

Trải qua hai vụ sản xuất không những các hợp tác xã tiên tiến, khá sản xuất được phát triển mà các hợp tác xã yếu kém thực hiện các khoán mới sản xuất cũng tăng lên như:

- Hợp tác xã Quyết Tiến (Lục Yên) trước đây xã viên thường bỏ sản xuất của tập thể chạy ra vùng hồ đánh bắt cá, hoặc phát nương làm riêng, nên ruộng của hợp tác xã thâm canh kém, năng suất chỉ đạt 60kg/sào. Năm 1981 giao khoán đến người lao động đã đưa năng suất lên 85kg/sào tăng 25 kg/1 sào, sản lượng tăng 12 tấn 520 kg...

- Hợp tác xã Xuân Lai (Yên Bình) là hợp tác xã chủ yếu của huyện, sản xuất sút kém, nghĩa vụ hằng năm thường không hoàn thành, năm 1981 khoán sản phẩm đến người lao động đã đưa từ năng suất 55 kg/sào lên 75 kg/sào tăng 20 kg/sào, sản lượng tăng từ 17.540 tấn, nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước hoàn thành đầy đủ và một hợp tác xã nhập kho nhanh của huyện.

- Hợp tác xã Chút (Văn Bàn) cấy vượt diện tích 2 ha, năng suất đạt 23 tạ/ha, tăng hơn năm 1980 1 tấn/ha, Hợp tác xã Mường B là hợp tác xã yêu cầu sản xuất hàng năm thường không đạt kế hoạch, năm 1981 đã cấy 55 ha tăng 3 ha sản lượng vượt 16 tấn.

- Hợp tác xã Mai Xuân (Bảo Yên) đã đưa năng suất từ 2.374kg/ha lên 2.502 kg/ha. Sản lượng tăng so với năm 1980 là 29.014 tấn, nghĩa vụ hoàn thành đầy đủ 25 tấn 900 kg và còn bán giá cao 2 tấn thóc cho Nhà nước.

Hiện nay các hợp tác xã đang đi vào kiểm kê quyết toán, nên số liệu chung chưa đầy đủ nhưng qua một số huyện và một số hợp tác xã đã chứng minh trong tình hình sản xuất nông nghiệp của tỉnh ta nói chung và các hợp tác xã cải tiến công tác khoán nói riêng, nhờ có chế độ khoán mới đã động viên được phong trào lao động, làm chủ gắn trách nhiệm đến cùng trong sản xuất. Đó là một nhân tố đã khắc phục mọi khó khăn, bảo đảm vụ mùa toàn tỉnh thu hoạch khá.

2. Đã huy động được một phong trào lao động của người dân xã viên sôi nổi tham gia sản xuất; hăng hái phấn khởi thực hiện cải tiến công tác khoán

Mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động thực sự đã thành nguyện vọng của quần chúng và đã huy động mọi khả năng lao động của nông dân xã viên thành phong trào lao động tự giác trong sản xuất của các hợp tác xã, ý thức trách nhiệm của người xã viên đã gắn với từng khâu của sản xuất, tăng thêm ngày, thêm giờ, thêm buổi huy động hết lao động nhân dôi, lao động ngoài tuổi quy định vào yêu cầu sản xuất lúa thời vụ khẩn trương, trước đây chỉ làm 2 buổi và 5-6 giờ trong ngày, nay đã làm 3 buổi và 10-12 giờ trong ngày.

Do gắn trách nhiệm cuối cùng với sản phẩm, người lao động đã làm với ý thức có năng suất, có chất lượng, những hiện tượng làm ẩu, làm dối, làm ít nghỉ nhiều, được đến đâu hay đến đó, cày lại, bừa dối, cấy trong bờ thì dày, giữa ruộng thì thưa để tính diện tích cấy to danh và đập mạ xuống bùn để tính bó mạ, bón phân chỉ đổ xung quanh bờ,

làm cỏ chỉ dùng chân khua cho đục nước, lúa chết không cấy dặm, bờ cỏ dặm không phát, nước cạn, sâu bệnh phát sinh đã có đội sản xuất lo... đã được khắc phục uốn nắn, mọi người đều lo toan trách nhiệm của mình, quản lý chăm sóc chu đáo những thửa ruộng đã nhận khoán với hợp tác xã, nét nổi bật trong cải tiến công tác khoán là khắc phục được hiện tượng dơ công, phóng điểm gây nghi ngờ thối mắc trong nội bộ hợp tác xã và cán bộ với xã viên.

Lao động được huy động, ý thức trách nhiệm được nâng lên, qua 2 vụ sản xuất đã bảo đảm kịp thời vụ, có nhiều nơi nhanh hơn trước từ 15-20 ngày, khắc phục hiện tượng mạ chờ ruộng, hiện tượng hằng năm có từ 3-4 ngàn hécta cấy sau thời vụ tốt nhất, thu hoạch nhanh gọn bớt lãng phí, tránh được tình trạng bỏ lúa lên mầm hoặc bị trôi đi như trước đây. Ngoài việc hoàn thành nhiệm vụ sản xuất tập thể giao, người xã viên cần thời gian làm thêm kinh tế phụ, làm hoa màu, chăm sóc phần ruộng, để tăng thêm thu nhập cho gia đình và sản phẩm cho xã hội.

3. Cải tiến công tác khoán đã đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và tạo ra những cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết cho yêu cầu sản xuất đòi hỏi

Trong thực tế kết quả sản xuất đã gắn liền với lợi ích người lao động và trách nhiệm người xã viên gắn với lợi ích chung của hợp tác xã và Nhà nước, nên mọi người đã quan tâm đến việc đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật kết hợp với kinh nghiệm làm ăn cổ truyền một cách tự giác trong sản xuất và người xã viên đòi hỏi hợp tác xã phải bảo đảm những điều kiện về cơ sở vật chất - kỹ thuật có tác động thiết thực, thúc đẩy sản xuất phát triển.

Vụ đông - xuân và vụ mùa năm 1981, vụ đông - xuân 1981-1982 đã chứng minh cách khoán mới và được chăm sóc tốt và bảo đảm đủ, đất được cày bừa nhiều lần (có nhiều nơi dùng bàn trang làm phẳng ruộng cấy như ruộng gieo mạ), giống được chọn lọc và mọi người muốn có giống năng suất cao; cấy dày hợp lý hơn trước, làm cỏ sạch bờ sạch

ruộng và nhiều lần, phân rải đều, đúng với từng thời kỳ sinh trưởng của cây lúa, sâu bệnh mọi người đều có trách nhiệm phát hiện và tìm mọi biện pháp diệt trừ (huyện Lục Yên quần chúng đã tập trung trong một thời gian bắt 1.700 kg bọ xít). Đáng lưu ý là vấn đề nước được đắp bờ kỹ làm bờ nhỏ, trong từng thửa ruộng bảo đảm độ nước đồng đều, những nơi bị hạn đã huy động phương tiện, sức lực của quần chúng giải quyết, khắc phục được tình trạng ỷ lại đầu máy bơm như trước đây.

Đi đôi với áp dụng các biện pháp kỹ thuật những cơ sở vật chất - kỹ thuật có tác dụng thiết thực đối với sản xuất được tăng cường công tác cải tạo đất được chú ý, sức kéo và công cụ thường nơi nào cũng tăng lên, 3 huyện Lục Yên, Yên Bình, Văn Yên đã tặng hàng ngàn con trâu, mua sắm thêm hàng vạn công cụ, giá trị tài sản cố định (riêng trâu cày), 2 huyện Lục Yên, Yên Bình tăng trên triệu đồng. Các công trình đầu mối thủy lợi hệ thống mương, máng được chăm sóc sửa chữa hơn trước.

Tình hình trên đã phản ánh trong sản xuất nông nghiệp của năm 1981 và vụ đông - xuân 1981-1982. Đồng thời cũng là cơ sở để chúng ta khẳng định, cải tiến công tác khoán nếu biết phát huy những nhân tố tích cực, chỉ đạo uốn nắn kịp thời những lệch lạc, thì việc ứng dụng các biện pháp khoa học - kỹ thuật càng tốt hơn, và cơ sở vật chất - kỹ thuật của hợp tác xã có điều kiện để tăng lên rõ rệt. Những suy nghĩ mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm người lao động và người lao động sẽ xói mòn cơ sở vật chất - kỹ thuật, sẽ được giải đáp một cách hiện thực.

4. Mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động đã tạo điều kiện tiếp tục củng cố quan hệ sản xuất và nâng thêm năng lực quản lý nhà nước

Xuất phát từ mục đích của hợp tác xã là phát triển sản xuất nhằm nâng cao đời sống cho xã viên, tăng thêm tích lũy cho tập thể và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước, qua một năm cải tiến công tác khoán, thực tế đã chứng minh dù là hợp tác xã tiên tiến, khá, trung bình

hoặc yếu kém, dù ở vùng thấp hay vùng cao, sản xuất đều phát triển (phần trên đã đánh giá) và trên cơ sở sản xuất phát triển thì hợp tác xã từng bước được củng cố, theo số liệu thống kê của 398 hợp tác xã của 10 huyện, có phong trào khoán rộng, số hợp tác xã tiên tiến và khá năm 1980 có 40,2%/năm 1981 lên 46,6%, hợp tác xã yếu kém năm 1980 từ 15% đã giảm xuống 10,8% và năm 1981 hộ nông dân đã vào thêm 6,6%.

Đã cải tiến công tác khoán, mà lợi ích thiết thực và trách nhiệm gắn bó với người lao động và khi kết quả được bù lại với công sức của mình, đã làm cho người xã viên gắn bó với hợp tác xã, tin tưởng phấn khởi hơn trước, những biểu hiện nghi kỵ cho làm nhiều không được ăn, cho làm nhiều không được ăn nhiều, hoặc những biểu hiện dựa dẫm vào nhau đã được giải quyết mỗi công việc được thảo luận bàn bạc dân chủ trong quần chúng. Ký kết hợp đồng giữa đội sản xuất với Ban quản trị, giữa đội sản xuất với người nhận khoán. Tạo mối quan hệ giữa cán bộ với xã viên được gắn bó hơn trước.

Cải tiến công tác khoán, có quan hệ đến toàn bộ công tác quản lý hợp tác xã, công tác kế hoạch, công tác hạch toán, phương án kinh tế, kỹ thuật, phải đáp ứng yêu cầu của cách khoán mới đòi hỏi phải sâu sát tính toán tỷ mỷ, cụ thể, bảo đảm dễ hiểu phân phối. Thực tế trong quá trình thực hiện chế độ khoán mới, các hợp tác xã đã rà xét lại quy mô đội để ổn định về tổ chức, kiểm kê lại trâu, bò, nông cụ lao động, ruộng đất, các cơ sở vật chất - kỹ thuật, đo đạc định hạng ruộng đất, tính toán sản lượng rừng thửa ruộng. Qua đó phát hiện thu hồi ruộng đất lấn chiếm, cân đối lao động cho cây lúa và các cây trồng, con gia súc, ngành nghề khác, tính toán rà xét các quy trình sản xuất, cả 8 khâu, cái nào khoán đến từng nhóm. Việc nào khoán đến người lao động, trâu, bò tổ chức chăn dắt và sử dụng sao cho mọi người đều có trách nhiệm và làm kịp thời vụ. Nhất là phải tính toán được phương án kế hoạch từ đầu vụ và tiếp tục rà xét khi sắp thu hoạch.

Như vậy là hàng loạt vấn đề đặt ra, cơ quan quản lý, người cán bộ quản lý phải am hiểu thực tế, phải nêu cao vai trò, trách nhiệm, phải

kiểm tra từng khâu, từng việc hằng ngày và qua đó bồi dưỡng hiểu biết thêm kinh nghiệm, làm cho đội ngũ cán bộ được trưởng thành thêm trong cách khoán mới.

Tóm lại, qua một năm thực hiện cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động, sản xuất được phát triển. Phong trào lao động có ý thức được đẩy lên, đưa khoa học - kỹ thuật vào sản xuất có tiến bộ, công tác quản lý và hợp tác xã khá được nâng lên, hợp tác xã yếu kém được giảm dần, kết quả đó có tác dụng rất quan trọng để khẳng định Chỉ thị 100-CT/TW là đúng đắn, chế độ khoán mới đưa ra phù hợp với nguyện vọng của quần chúng, dù vùng thấp hay vùng cao thực hiện đều kết quả, chúng ta hãy vững vàng quyết tâm làm tốt hơn để giành thắng lợi toàn diện.

B. NHỮNG KHUYẾT, NHƯỢC ĐIỂM TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

Một năm thực hiện Chỉ thị 100 về cải tiến công tác khoán trong hợp tác xã, thời gian so với hơn 15 năm cải tiến quản lý và hơn 5 năm tổ chức lại sản xuất thì còn ngắn. Hơn nữa bản thân công tác khoán thể hiện nhiều mặt trong công tác quản lý, trong sản xuất kinh doanh của hợp tác xã, thật sự là một vấn đề mới, có nhiều khó khăn phức tạp. Do đó trong tổ chức chỉ đạo, trong biện pháp thực hiện không tránh khỏi có những tồn tại, khuyết điểm, có những khuyết điểm mới phát sinh, song có những vấn đề do tồn tại từ trước chưa khắc phục hết. Và có những việc chưa làm tới nay mới thấy được. Dưới đây nêu những tồn tại chủ yếu:

1. Nhận thức những nội dung cơ bản của Chỉ thị 100 chưa thật thấu suốt trong các cấp ủy Đảng, các ngành và cơ sở

Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng đã chỉ ra 5 nguyên tắc cơ bản trong cải tiến công tác khoán, phải quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả tư liệu sản xuất. Phải tổ chức tốt việc quản lý và

điều hành lao động, phải có quy hoạch và kế hoạch phù hợp, phải nắm được sản phẩm để bảo đảm việc phân phối. Phải phát huy quyền tự chủ của hợp tác xã và quyền làm chủ của xã viên, đồng thời nêu ra những phương hướng chủ yếu, của cải tiến công tác khoán là khuyến khích, hơn nữa lợi ích của người lao động làm cho mọi người tham gia các khâu trong quá trình sản xuất, quản lý xã viên thực sự gắn bó với sản phẩm cuối cùng.

Song trong quá trình chỉ đạo thực hiện nhiều nơi, nhiều cán bộ chưa bám lấy nội dung, nguyên tắc, phương hướng chủ yếu của chỉ thị, nhận thức mỗi nơi mỗi cách, nói mỗi người một khác và cách làm cũng có một số nơi tùy tiện, trượt nội dung cơ bản, có nơi thực chất đã dẫn đến buông lỏng các tư liệu sản xuất như ruộng đất, sức kéo, phân bón, lao động không điều hành được cho yêu cầu sản xuất chung. Phổ biến chưa có kế hoạch hoặc kế hoạch muốn kéo xuống sản phẩm không ít hợp tác xã chưa thu hết và không ít số cán bộ, đảng viên đã dây dưa kéo dài, đồng thời nhận thức chưa thật sâu sắc, còn có những ý kiến khác nhau làm cho cơ sở cũng nhận thức khác nhau, thậm chí còn có những ý kiến chưa thật khách quan khi giải thích giữa mặt tích cực và tiêu cực, chưa biểu thị một cách dứt khoát giữa cái đúng với cái chưa đúng.

Một tình hình rất phổ biến hiện nay là muốn kéo sản lượng xuống, muốn hạ mức khoán thấp, chưa nhận thức một cách sâu sắc là cải tiến công tác khoán phải bảo đảm hài hoà ba lợi ích. Có nơi định sản lượng khoán theo mục tiêu kế hoạch, dẫn đến cao quá, xã viên không nhận, nhưng đại bộ phận định mức khoán thấp hơn bình quân năng suất 3-5 năm Hợp tác xã Tuy Lộc có loại ruộng tốt chỉ định khoán 50kg/sào, hoặc Đông Công, Báo Đáp 95 kg/sào mà những năm trước đã trên 100kg/sào, huyện Trấn Yên chỉ khoán 71 kg/sào tức là 18 tạ/ha, trong khi các năm là 20-22 tạ/ha. Khuynh hướng chung đang thiên về lợi ích của người lao động, (...) vụ mùa vừa qua có hộ tăng hơn 1.100 kg mà chỉ làm nhiệm vụ chăm sóc trong lúc đó tích lũy hợp tác xã không tăng và có nơi giảm, nghĩa vụ với Nhà nước đến hết tháng 2-1982

những huyện có phong trào, khoán rộng rãi chưa hoàn thành (Văn Yên còn 230 tấn, Trấn Yên còn 140 tấn).

Do nhận thức chưa sâu sắc, chưa thấy hết những vấn đề rất phức tạp và rất cụ thể, nên chưa đi sâu đi sát xem xét tỉ mỉ, kiểm tra phát hiện uốn nắn kịp thời, bố trí cán bộ đặt vấn đề chỉ đạo chặt chẽ từ trên xuống dưới, từ đầu đến cuối, chỉ nói cái hay mà chưa thấy những lệch lạc để uốn nắn, có những cán bộ đã quá nhấn mạnh những đặc điểm mà không gắn với những nguyên tắc cơ bản đã đề ra.

2. Chưa xác định ra mối quan hệ chặt chẽ giữa các khâu trong sản xuất và liên đới trách nhiệm giữa hợp tác xã, đội sản xuất với người lao động để tổ chức điều hành tốt

Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương đã nêu “Cần hoàn chỉnh chế độ 3 khoán” có thưởng, phạt của đội sản xuất. Đồng thời phải cải tiến mạnh các hình thức khoán của đội sản xuất đối với xã viên, đội sản xuất khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động.

Song trong thực tế một năm cải tiến công tác khoán, chúng ta chưa chú trọng làm tốt khâu “3 khoán” cho đội và chưa xác định rõ vai trò của đội sản xuất. Tình hình phổ biến hiện nay đội chỉ là nơi đốc đạo, chưa gắn trách nhiệm giữa đội sản xuất với hợp tác xã và người lao động nhận khoán có trách nhiệm về sản phẩm cuối cùng đối với hợp tác xã, có nơi hợp tác xã phải chia 3- 4 đoàn đi nghiệm thu thanh toán với từng hộ bị mất hết nhiều thời gian.

Do chưa “3 khoán” cho đội và xác định vị trí đội trong cải tiến công tác khoán chưa rõ, hầu hết các khâu sản xuất (từ làm mạ) đến người lao động nhận khoán làm. Tuy chưa xảy ra tình trạng manh mún, nhưng từ làm đất đến thu hoạch người lao động tự điều hành, tình hình đang nảy sinh người có điều kiện thì làm sớm, làm kỹ, người neo đơn thì làm dối làm sau, có nơi đã vắn công để cày, có người đã phải đi thuê người cày. Phân bón của ai bón ruộng nhà ấy, có nhiều người có ít lao động của hộ nào là hộ ấy ít điều hành vào công việc chung. Từng khâu trong sản xuất theo quy trình họ làm

đúng hay không đúng đội nào kiểm tra nghiệm thu từng khâu, và giám sát quy trình của từng việc, thậm chí có một vài nơi họ cấy giống gì cũng mặc, cuối vụ thu hoạch sản phẩm tăng lên nắm không chắc, những người hút cũng không có cơ sở để xem xét miễn giảm, thậm chí có một số hợp tác xã đã giao cả nghĩa vụ đối với Nhà nước cũng từng hộ làm.

Đây là một vấn đề đang đặt ra cho chúng ta đáng lưu ý là: Muốn thực hiện đúng đắn việc khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trước hết là cần tổ chức tốt sự hợp tác và phân công lao động trong hợp tác xã và trong đội sản xuất, mà Chỉ thị 100 đã nêu. Đồng thời hợp tác xã khoán trắng hay không khoán trắng cũng trên cơ sở đó để xem xét, không nên chủ quan, phải thật sự cầu thị (...).

3. Chưa gắn cải tiến công tác khoán với các nội dung quản lý hợp tác xã

Dù áp dụng hình thức khoán nào đều phải gắn với toàn bộ công tác quản lý của hợp tác xã như quản lý kế hoạch, quản lý quy trình sản xuất, quản lý cơ sở vật chất - kỹ thuật, quản lý tài chính và quản lý phân phối, đồng thời phải trên cơ sở kế hoạch sản xuất và phân phối để cải tiến công tác khoán.

Nhưng các hợp tác xã hiện nay phần lớn chưa có kế hoạch sản xuất hoặc có cũng trên đội xuống chưa chính xác và chưa toàn diện. Trình độ làm kế hoạch của các hợp tác xã còn thấp hiện tượng xác định năng suất sản lượng thường lấy mục tiêu 5 tấn/ha làm căn cứ có nơi dựa vào thực thu, những năm gần đây để cộng thêm 10%. Do đó chưa gắn được kế hoạch sản xuất của hợp tác xã với kế hoạch đội.

Sản xuất và kế hoạch gia đình xã viên, chưa gắn kế hoạch sản xuất với kế hoạch phân phối từ đầu năm, đầu vụ. Thậm chí có một số hợp tác xã khi thu hoạch chưa xong chưa dự kiến được sản lượng giao khoán nên xã viên đưa thóc về nhà chờ, do kế hoạch sản xuất chưa xây dựng tốt nên kế hoạch tài chính vốn của hợp tác xã để phục

vụ cho yêu cầu sản xuất, cho xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật đòi hỏi vốn tự có của hợp tác xã bỏ ra và vay vốn của Nhà nước đang lúng túng.

Về cơ sở vật chất của các hợp tác xã như sân phơi, nhà kho, nhà chế biến phân, chuồng chăn nuôi tập thể, các loại cây lâu năm... chưa gắn với cải tiến công tác khoán để phát huy những cơ sở sẵn có, đồng thời có kế hoạch tu sửa, bảo vệ, quản lý thêm. Một số nơi như Lục Yên, Văn Yên đang có tình trạng phá sân phơi, nhà kho chung đều hẹp lại cho từng hộ làm riêng.

Một vấn đề nữa là do chưa có kế hoạch phân phối từ đầu năm, đầu vụ chưa xác định được kết quả thu nhập của từng hộ, nên việc quản lý giao nộp sản phẩm một số khá lớn hợp tác xã còn gặp khó khăn, từ đó trong phân phối đang nảy sinh giữa hộ thừa và hộ thiếu, giữa người làm lúa thì có thóc ăn từ đầu vụ, người làm ngành nghề khác trồng cây công nghiệp thì đến tết chưa được thóc chia. Đáng lưu ý là những hộ gia đình yếu, neo đơn, các gia đình thương binh, liệt sĩ năm trong diện được điều hòa, có những hợp tác xã chưa tạo điều kiện giải quyết sớm, tâm lý cán bộ xã đang có biểu hiện lao vào nhận ruộng khoán để có thóc ăn, chờ vào điều hòa thì giá cả cao không đủ tiền mua.

Vấn đề nổi lên trong cách khoán mới là trình độ quản lý của cán bộ cả về kiến thức và trách nhiệm đòi hỏi bồi dưỡng nhiều nhưng mấy năm gần đây đã buông lỏng.

4. Khoán sản phẩm đối với cây lúa là đúng và cần thiết, nhưng chưa chú ý đúng mức để có biện pháp khoán cây trồng, con gia súc và ngành nghề khác

Phân đặc điểm ở trên đã nêu rõ, tỉnh ta ruộng nước chỉ chiếm 1/3 trong diện tích canh tác và sản lượng lúa chỉ chiếm 50% trong sản lượng lương thực trong toàn tỉnh, mà ưu thế lớn nhất trong hiện nay là cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng và các ngành nghề khác. Phương hướng của hợp tác xã cũng rất đa dạng, muốn phát triển sản xuất nông nghiệp một cách toàn diện, đưa nông nghiệp từ sản xuất

nhỏ lên sản xuất lớn, chúng ta cần khẳng định khoán sản phẩm cây lúa là cần thiết, nhưng không nhanh chóng mở rộng khoán các cây con và ngành nghề thì giá trị sản phẩm xã hội không có điều kiện tăng nhanh những yêu cầu của công nghiệp và xuất khẩu không giải quyết được.

Thực tế khoán sản phẩm các loại cây con và ngành nghề có những vấn đề phức tạp, có loại chu kỳ có sản phẩm dài ngày, có loại phải đi từ thời kỳ xây dựng cơ bản chưa có sản phẩm, có loại cá nhân người lao động không thể tạo ra được một sản phẩm cuối cùng; tuy trong vụ mùa đã có 35 hợp tác xã khoán các cây con và ngành nghề, nhưng mức độ đó là chậm, vì chưa nhận thức hết điều kiện sản xuất của địa phương, để sớm có chủ trương mở rộng khoán toàn diện, tạo ra những mô hình tốt về khoán các loại cây con, và ngành nghề. Do đó hiện đang phát sinh hai mâu thuẫn, người làm lúa thì phấn khởi, người làm cây con, cây công nghiệp, chăn nuôi và ngành nghề chưa yên tâm..., năng suất, sản lượng lúa có dấy lên nhưng cây công nghiệp, chăn nuôi ngành nghề đang dừng lại và có nơi tụt xuống. Người làm lúa được ăn thóc tốt, có thóc ăn từ khi thu hoạch khoán sản phẩm được thưởng 100% thóc được bán giá cao, thu nhập ngày công từ 5-9 đồng. Người làm ngành nghề không khi nào được thóc tốt, giá trị ngày công từ 2-3 đồng và có làm khoán vượt cũng chẳng được thưởng sản phẩm... trong khi đó có nhiều hợp tác xã chèn đến thời vụ, chưa đốn, chưa thu hoạch không đúng trật, đúng lúa, có nơi cở rậm hơn chè, các trại cây công nghiệp tập thể đang muốn tạo lại. Khuynh hướng chung hiện nay đang muốn lao vào nhận khoán sản phẩm cây lúa để có lương thực ăn. Ngoài những biểu hiện của các cây con, ngành nghề, nếu chúng ta không sớm mở rộng khoán sản phẩm một cách toàn diện, sẽ tác động đến tiêu cực khác như nhà trẻ, mẫu giáo và cả từng lớp các em đi học.

Do chưa mở rộng khoán toàn diện, nên vật tư phân bón cũng đang dồn vào cây lúa, các cây khác chưa đầu tư thỏa đáng và tổ chức hợp tác xã và phân công lao động trong hợp tác xã, trong đội sản xuất đang có khó khăn.

Điểm qua những nhược điểm và tồn tại trên chứng minh rất rõ, do nhận thức chưa thấu đáo, do biện pháp làm chưa bám chặt cơ sở, để kiểm tra, uốn nắn kịp thời do trình độ quản lý còn thấp và hiểu một cách đơn giản và do cán bộ, đảng viên chưa được tu dưỡng, rèn luyện về tính chất tiên phong gương mẫu của giai cấp công nhân, có người cho rằng thực hiện chế độ khoán mới cán bộ rất nhàn, và chi bộ đảng viên không lãnh đạo nông dân vẫn hăng hái làm.

Trong thực tế không đơn giản, vì cải tiến công tác khoán đòi hỏi vai trò lãnh đạo phải chặt chẽ, trách nhiệm người cán bộ, đảng viên phải nêu cao tính tiên phong gương mẫu phải được thể hiện rõ. Khuynh hướng muốn hạ thấp sản lượng, việc giao nộp sản phẩm không sòng phẳng, trước hết phải nói những nơi có hợp tác xã đó, đảng bộ không lãnh đạo, đảng viên không gương mẫu. Huyện Lục Yên có 7 hợp tác xã chưa nộp hết sản phẩm, có những cán bộ, đảng viên vận động quần chúng không nộp thóc cho Nhà nước mà đem về chia nhau, huyện Trấn Yên có 7 hợp tác xã và trăm đảng viên chưa sòng phẳng nộp sản phẩm. Có những đảng viên thuê thợ đến về làm cho gia đình, ngay hợp tác xã khá như Báo Đáp cũng có 6 tấn sản phẩm chưa thu được, huyện Văn Yên có 315 tấn sản phẩm dây dưa, chính những nơi đó hợp tác xã đó quần chúng đang chờ xem đảng viên nộp sản phẩm thì họ sẵn sàng.

Như vậy vai trò đảng bộ cơ sở và đảng viên có vị trí quan trọng trong cải tiến công tác khoán, nhưng chưa chăm lo giáo dục chính trị tư tưởng, chưa gắn việc thực hiện cách khoán mới để xem xét tư cách đảng viên và phân công đảng viên chịu trách nhiệm lãnh đạo trong các nhóm và người lao động thực hiện khoán mới, vai trò chi bộ chưa đấu tranh mạnh mẽ giữa cái đúng và cái sai, khắc phục những biểu hiện tiêu cực trong Đảng để thúc đẩy quần chúng thực hiện tốt những quy định chung.

Tóm lại, trong một năm thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương những kết quả đạt được là cơ bản, song đi vào cụ thể cũng còn có lắm vấn đề tồn tại phải có biện pháp uốn nắn, sở dĩ có những tồn tại do mấy nguyên nhân chính sau đây:

- Chưa thấy hết bản thân cải tiến công tác khoán liên quan đến nhiều mặt và phải giải quyết nhiều vấn đề cụ thể. Do đó lãnh đạo chỉ đạo chủ quan, buông lỏng, không kiểm tra chặt chẽ có biện pháp uốn nắn từng nơi từng việc kịp thời.

- Đội ngũ cán bộ quản lý yếu, không chăm lo bồi dưỡng đảng viên thiếu tinh thần gương mẫu. Việc tác động trực tiếp của các cấp các ngành vào cải tiến công tác khoán còn ít.

- Bản thân cơ quan quản lý cũng chưa nhận thức hết những vấn đề mới, lúng túng trong việc quy định và hướng dẫn những vấn đề cụ thể trong điều hành, trong quản lý và phân phối.

- Các điểm chỉ đạo không bám chặt từ đầu đến cuối và xây dựng thành các mô hình, thường xuyên sơ kết để chỉ đạo chung.

C. MỘT SỐ KINH NGHIỆM

Thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương, mới qua một năm cải tiến công tác khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động là một hình thức quản lý mới, với nhiều nội dung cụ thể và tiến hành trong một phạm vi rộng ở tất cả các hợp tác xã tiên tiến, khá, trung bình, yếu kém. Hơn nữa trong điều kiện sản xuất còn phụ thuộc vào thiên nhiên và trong một tỉnh cả công, nông, lâm nghiệp sản xuất có nhiều cây, con, ngành nghề khác nhau. Do đó có những vấn đề chưa thể kết luận sớm, ở đây chỉ nêu lên những việc trong thực tế đã chứng minh.

1. Dù khoán bằng hình thức nào và hợp tác xã thuộc loại khá hay yếu kém, nhưng trong thực tế cách khoán mới biết bám lấy mục đích và nội dung nguyên tắc cơ bản của Chỉ thị 100 làm gốc và Thông tư 05 của Bộ Nông nghiệp làm chỗ dựa, cấp ủy thực sự lãnh đạo chặt chẽ, cán bộ đề cao vai trò trách nhiệm, đảng viên thực sự gương mẫu, thì công tác khoán mới phát huy hết tác dụng rõ rệt, việc làm ít vấp phải thiếu sót, sản xuất phát triển khá, ba lợi ích bảo đảm hài hoà, người lao động thật sự phấn khởi. Ngược lại những nơi không nhận thức đầy

đủ, chủ quan tùy tiện thì vi phạm nhiều nhược, khuyết điểm thậm chí đi đến khoán trắng.

2. Bản thân cải tiến công tác khoán đó là một hình thức quản lý mới, thì nhận thức cần thiết và nhiệt tình hăng hái là quan trọng, nhưng không thể thay thế được những nội dung quản lý rất cụ thể, những chính sách có tác động, những quy trình sản xuất và định mức kinh tế - kỹ thuật và hàng loạt vấn đề phải tính toán. Trong thực tế đã phản ánh chỉ trong 8 khâu, và trong kế hoạch sản xuất trong phân phối đã có rất nhiều việc. Do đó, đòi hỏi chỉ đạo phải biết quản lý, phải đi sâu quản lý hạch toán kinh doanh và hiệu quả kinh tế mới thấy hết vấn đề, mới khách quan xem được chỗ nào sai, chỗ nào đúng nếu không sẽ phiến diện chỉ thấy cái được, mà chưa thấy trong cái được có cái thiếu sót.

3. Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động là hoàn toàn đúng đắn, nhưng nếu chỉ chú ý lợi ích vật chất mà xem nhẹ giáo dục chính trị và tư tưởng lại càng không đúng, vì nội dung công tác khoán mới có nội dung đấu tranh giữa hai con đường để giữ vững và phát huy mới đúng, kiên quyết đấu tranh với những tiêu cực và lệch lạc nảy sinh. Trong thực tế nhiều nơi đã không coi trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, nên tính tư hữu của người nông dân trong cán bộ, đảng viên đã lấn át để kéo lui lại sản lượng, họ chỉ biết được càng nhiều cho mình càng tốt, họ chỉ biết họ mà không biết đến mọi người, và mọi ngành nghề khác trong xã hội.

4. Việc phân phối trong hợp tác xã vấn đề chú ý đến người lao động là cần thiết, nhưng phải thể hiện được tính giai cấp của người Việt Nam ở nông thôn và thể hiện được dù là người lao động, thì dù làm việc gì thì phải được hưởng thụ bình đẳng như nhau, và dù khoán hình thức nào cũng phải có sự hợp tác lao động tương trợ lẫn nhau trong hợp tác xã.

Chúng ta không đồng tình cứ bình quân, cứ được dựa dẫm, ỷ lại, song cũng không nên cứng nhắc, ai làm cái gì hưởng cái đó thì trong sản xuất có thứ thiết thực cho cuộc sống, nhưng có thứ phải phục vụ

yêu cầu công nghiệp và xuất khẩu. Tình hình phân phối hiện nay đang có hiện tượng khoán cái gì hưởng cái đó, người làm lúa công cao, người làm ngành khác hưởng thấp. Tất nhiên có những việc phải nghiên cứu, những hiện tượng như vậy dù sớm hoặc muộn cũng có tác động tiêu cực, trong sản xuất và các hoạt động khác trong xã hội.

III. MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG ĐỂ TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÔNG TÁC KHOÁN TRONG HỢP TÁC XÃ

Đi vào từng vấn đề cụ thể, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho Đảng đoàn chính quyền và các cơ quan quản lý phải có kế hoạch hướng dẫn và chỉ đạo giải quyết, ở đây chỉ nêu lên mấy vấn đề lớn.

1. Phải tiếp tục làm cho các cấp, các ngành và từng cán bộ, đảng viên, xã viên nhận thức sâu sắc Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Trước hết là các huyện, các hợp tác xã phải tổ chức kiểm điểm một năm thực hiện chỉ thị, lấy những mục đích, nguyên tắc và yêu cầu của chỉ thị để soi rọi vào việc làm của từng huyện từng hợp tác xã, cái nào đúng, cái nào chưa đúng. Qua đó mà giáo dục để mọi người, mọi nơi phải tuân thủ những nguyên tắc chung mà Trung ương đã quy định. Và phải thấy đây là cuộc đấu tranh giữa hai con đường, một vấn đề có quan hệ đến quan điểm, đường lối nhìn nhận cái gì đúng cái gì lệch lạc.

Trên cơ sở quán triệt những nội dung cơ bản của chỉ thị, mỗi cấp, mỗi hợp tác xã và mỗi cán bộ, đảng viên phải đề cao trách nhiệm cái gì tốt tiếp tục phát huy, cái gì lệch lạc phải kiên quyết sửa; không ngại khó, bảo thủ để những lệch lạc kéo dài, các chi, đảng bộ cơ sở phải trực tiếp sửa và huyện phải kiểm tra chỉ đạo, các ngành quản lý phải hướng dẫn, kiên quyết không để cho những lệch lạc tiếp diễn, làm cho việc cải tiến công tác khoán bị những tiêu cực lấn át mặt tích cực.

2. Việc vận dụng các hình thức khoán, khoán cho nhóm, khoán cho người lao động, hoặc khoán việc, hợp tác xã phải thật sự nắm chắc các tư liệu sản xuất, và kiên quyết nắm cho được sản phẩm để phân

phối. Ruộng đất nhất thiết không chia đều cho hộ và nhân khẩu, mà trên cơ sở lao động làm lúa để tùy khả năng họ nhận khoán mà giao khoán, nơi tốt thì khoán cao, nơi xấu thì khoán thấp, nhất thiết không chia manh mún xa, gần, khó, dễ mỗi người một ít. Trâu, bò là hợp tác xã và đội sản xuất phải quản lý và điều hành chỉ giao cho từng nhóm chăn dắt sử dụng, cày bừa do đội điều khiển dứt khoát không chia trâu, bò cho từng hộ, phân bón là theo kế hoạch của hợp tác xã để từng đội quản lý và căn cứ vào từng cánh đồng, từng giống lúa và các cây trồng khác đội có trách nhiệm điều hành phân bón vào sản xuất chung, người lao động muốn bón thêm để có năng suất là tự tạo ra phân bón thêm, tránh kẻ có phân thì bón nhiều, thu hoạch vượt người không có phân cấy chạy mất ăn. Đối với giống là hợp tác xã phải thống nhất quản lý theo yêu cầu cơ cấu giống tốt, của hợp tác xã nhất thiết không để cho người lao động tự lo lấy giống, gieo cấy mạ, trong một cánh đồng nhiều loại cây trồng khác nhau.

Đối với sản phẩm cần nắm quản lý chặt chẽ, đây là một trong 5 nguyên tắc mà Chỉ thị của Ban Bí thư đã quy định, do đó hợp tác xã phải khoán sản phẩm cho từng đội (3 khoán) và đội phải nắm được sản phẩm của từng lao động khi hợp đồng nhận khoán, đến khi thu hoạch người lao động vượt hay không phải giao đủ sản lượng hợp đồng và ít nhất cũng phải giao 70% sản lượng nhận khoán trở lên. Muốn nắm được sản phẩm, cán bộ đội phải nghiệm thu thanh toán từng khẩu, giám sát từng quy trình và khi sắp thu hoạch phải đi giám sát từng quy trình giám định sản lượng của từng thửa, từng người lao động để gặt đến đâu chỉ đạo giao nộp sản phẩm đến đó.

Về mặt chỉ đạo phải thấy khoán trắng hay không là tư liệu sản xuất ai quản lý điều hành, sản phẩm ai nắm và chỉ đạo phân phối. Bởi vậy, phải chặt chẽ trên một số khâu: ruộng đất, trâu, bò, phân bón, giống và sản phẩm, có như vậy mới phát huy được ưu việt của cách khoán mới mà không làm xói mòn quan hệ sản xuất.

3. Muốn phát huy hơn nữa cải tiến công tác khoán, cần tạo mọi điều kiện để giải quyết kịp thời một số mặt trong công tác quản lý.

Trước hết là giúp hợp tác xã có kế hoạch hóa hàng năm và kế hoạch 5 năm, kế hoạch sản xuất phải gắn với kế hoạch tài chính và kế hoạch phân phối từ phương hướng của từng hợp tác xã và phải thể hiện trong phương hướng vùng kinh tế chung của toàn huyện, thể hiện được mục tiêu phấn đấu mỗi năm một tiến bộ của từng hợp tác xã và trên cơ sở kế hoạch của hợp tác xã phải có kế hoạch cho từng đội sản xuất và từng gia đình xã viên. Trong những năm trước mắt, kế hoạch phải thể hiện rõ mục tiêu giải quyết ăn, mặc của từng hợp tác xã và thể hiện từng nhiệm vụ của hợp tác xã đóng góp vào trong nhiệm vụ chung của huyện, của tỉnh và cả nước.

Đi đôi với việc lập kế hoạch phải đưa các hợp tác xã thực hiện được 3 khoán cho đội (khoán công, sản lượng, chi phí) chỉ có trên cơ sở hợp tác xã 3 khoán tốt cho đội mới thực hiện tốt việc mở rộng khoán sản phẩm cho nhóm lao động và người lao động. Những nơi đội sản xuất còn quá to cần xem xét điều chỉnh lại với quy mô trên dưới 60 lao động. Đồng thời củng cố lại các đội sản xuất chuyên canh giống cây công nghiệp, chăn nuôi hoặc ngành nghề để thực hiện phương án tổ chức lại sản xuất của từng hợp tác xã. Từng hợp tác xã phải có quy trình kỹ thuật và định mức lao động, định mức kinh tế và từng bước có phương án kinh tế để gắn công tác kế hoạch với hạch toán của từng hợp tác xã của từng ngành sản xuất. Từ đó làm cơ sở để kiểm tra việc thực hiện của từng đội sản xuất, từng người lao động. Đồng thời làm cơ sở xem xét hợp tác xã làm ăn có hiệu quả hay không? mức thu nhập của từng người và giá trị ngày công bằng tiền và bằng lương thực đến đâu để bố trí sản xuất và lao động một cách cân đối.

Từng hợp tác xã trên cơ sở kế hoạch phải có kế hoạch phân phối từ đầu năm, đầu vụ, để người lao động biết được kết quả thu nhập sơ bộ và thu hoạch đến đâu tạm ứng chia cho người lao động một cách hợp lý chống tránh đến khi thu hoạch từng hộ chưa biết mình được bao nhiêu để sử dụng hợp lý và hợp tác xã cũng chưa có cơ sở để thu hồi sản phẩm giao khoán.

Phải nhanh chóng tổ chức bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, nhất là đội trưởng, kế hoạch, tài vụ hợp tác xã, làm cho cán bộ nắm được những vấn đề cơ bản trong công tác quản lý, để hợp tác xã tự chủ động xây dựng kế hoạch và tự khắc phục được những tồn tại thì mới có cơ sở vững chắc.

Các hợp tác xã đã thực hiện cải tiến công tác khoán qua hai vụ, sản xuất, vấn đề cấp bách đặt ra là phải giúp hợp tác xã thanh toán gọn cách khoán mới, thực hiện chế độ thưởng phạt công minh, có thái độ dứt khoát đối với những người dây dưa giao nộp sản phẩm. Những trường hợp cố ý dây dưa cần có thái độ nghiêm khắc. Hợp tác xã phải thanh quyết toán công khai để tạo lòng tin cho quần chúng xã viên phấn khởi tiếp tục thực hiện cách khoán mới.

4. Đi đôi với khoán sản phẩm cây lúa, cần mở rộng khoán sản phẩm các loại cây trồng, con gia súc và ngành nghề khác

Khoán sản phẩm đối với cây công nghiệp, chăn nuôi và các ngành nghề có những đặc điểm riêng, cây công nghiệp ngắn ngày khác, cây công nghiệp dài ngày khác, các ngành nghề định mức sản lượng lại phụ thuộc nhiều vào yếu tố khác. Do đó, cải tiến công tác khoán đối với những vấn đề đòi hỏi phải chỉ đạo chặt chẽ và hướng dẫn cụ thể, có những loại khoán đến sản phẩm cuối cùng, có loại chỉ khoán từng công đoạn, hoặc từng công việc (theo hình thức khoán công).

Trước mắt từng loại cây con, từng ngành nghề muốn khoán cách gì cũng phải xây dựng cho được quy trình sản xuất, tiêu chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, trên cơ sở đó để sớm giúp hợp tác xã tính toán phân bổ được công lao động cho từng ngành sản xuất, định công cho từng đôi chày, từng ruộng mía, định mức kế hoạch như phân bón, làm cỏ mấy lần, mấy lượt và sản phẩm cả năm hoặc từng chát, từng lúa v.v., các ngành nghề như nung vôi, làm gạch, làm ngói..., việc nào nên khoán công, việc nào nên khoán từng công đoạn. Có như vậy mới tạo được điều kiện để sớm mở rộng khoán toàn diện tạo điều kiện đưa nhanh các loại sản phẩm tăng lên và cải tiến khoán mới đưa lại hiệu quả kinh tế.

Việc thưởng phạt đối với các cây công nghiệp và ngành nghề, cũng áp dụng như khoán cây lúa, nhưng sản phẩm vượt được thưởng 100% và người lao động được quyền sử dụng sản phẩm đó, Nhà nước muốn mua lại phải mua theo giá thỏa thuận, không được gò ép người xã viên phải nộp sản phẩm cả phần họ làm được.

Về phân phối, trong tình hình giá cả giữa hàng sản xuất và nông sản có khác nhau và việc kinh doanh của hợp tác xã cũng chưa hạch toán riêng được từng ngành. Bởi vậy giá trị ngày công bằng tiền của từng ngành còn phải xem xét để thu hẹp sự chênh lệch mối quan hệ giữa các ngành nghề với ngành trồng trọt. Song, về phân phối lương thực thì phải bảo đảm người làm ngành cũng phải được phân phối tương ứng với người làm lúa, không những về mức độ, mà cả về các loại sản phẩm nếp, tẻ, thóc tốt, xấu và khi làm lúa được phân phối thì người làm nghề khác nhau cũng được phân phối thóc kịp thời.

Để giải quyết tốt việc mở rộng khoán cây con và ngành nghề, Ban Nông nghiệp, Sở Nông nghiệp cùng với các huyện tạo ra những mô hình ở từng vùng, từng loại và kịp thời sơ kết từng hợp tác xã giúp cho việc chỉ đạo chung.

5. Cải tiến công tác khoán phải tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất của hợp tác xã. Hiện nay đang có tình hình là các cơ sở vật chất - kỹ thuật chưa được phát huy tác dụng trong chế độ khoán mới, có nơi có hiện tượng phân tán thành của riêng của xã viên

Chỉ thị 100 của Ban Bí thư đã nêu “Phải có kế hoạch sử dụng cơ sở vật chất - kỹ thuật qua hợp tác xã, không được vì khoán sản phẩm cho xã viên để làm lãng phí hư hỏng” bởi vậy về lâu dài, cần nghiên cứu, cần xây dựng cơ sở vật chất như thế nào cho phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất và chế độ khoán mới. Song trước mắt, cái gì phát huy tác dụng phải phát huy, cái gì chưa phát huy tác dụng phải tạo mọi điều kiện bảo vệ và tu sửa vì đây là tài sản, là vốn không chia của hợp tác xã. Kể cả các loại tư liệu sản xuất cũng chỉ được giao cho người

lao động sử dụng theo nhiệm vụ được phân công, không được phân tán thành sở hữu riêng.

Hướng xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện nay cũng phải tính toán những gì thích hợp phục vụ trước thì làm trước, cái gì chưa cấp thiết thì chưa làm. Nhưng đối với công trình thủy lợi, đầu mối là hệ thống mương máng; cơ sở sản xuất và bảo quản giống; cơ sở chế biến phân bón, cơ sở chế biến màu, cơ sở nung vôi, phương tiện vận tải (kể cả cơ giới và thô sơ), phương tiện phòng trừ sâu bệnh, nhà kho, sân phơi dù khoán cách nào cũng phải được xây dựng củng cố và tiếp tục phát huy tác dụng phục vụ cho yêu cầu phát triển sản xuất.

6. Tăng cường vai trò trách nhiệm từng cấp, từng ngành và cơ sở trong việc chỉ đạo công tác khoán

Trước hết là các đảng bộ cơ sở, Ban quản trị hợp tác xã, đội trưởng, đội phó sản xuất là nơi trực tiếp thực hiện cách khoán mới, phải tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo từng công việc cụ thể. Ban quản trị phải đi sâu vào kế hoạch, quản lý và điều hành các đội sản xuất giải quyết tốt những vấn đề giao khoán cho đội, các đội trưởng, đội phó phải nắm quy trình sản xuất định mức kinh tế, kỹ thuật, nắm chắc công việc làm đến đâu có trách nhiệm nghiệm thu xác nhận thanh toán để đối chiếu với định mức hợp đồng giao khoán, cái gì đạt, cái gì chưa đạt có thái độ xử lý công minh kịp thời trong từng công việc và đến khi thu hoạch.

Các huyện ủy, các ngành quản lý có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo hướng dẫn các cơ sở uốn nắn những sai lệch và làm tốt những vấn đề có quan hệ đến trách nhiệm của cấp mình, ngành mình. Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy phải tăng cường việc kiểm tra, giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp các ngành thực hiện đúng đắn tinh thần nội dung của Chỉ thị 100, Sở Nông nghiệp sớm ban hành những quy định cụ thể để hướng các cơ sở thực hiện tốt những vấn đề trong công tác quản lý nói chung và cải tiến công tác khoán riêng và phải chỉ đạo xây dựng một số mô hình từng vùng, từng loại hợp tác xã, từng ngành nghề giúp cho chỉ đạo chung.

Hơn một năm thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về cải tiến công tác khoán mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động. Đây là một hình thức quản lý mới lại tiến hành trong một thời gian ngắn, với một phạm vi rộng. Những kết quả đạt được có tác dụng quan trọng gây được chuyển biến trong quần chúng. Song tồn tại cũng còn nhiều và có những nơi, những việc nghiêm trọng và nhiều vấn đề thiếu sót về biện pháp có tính phổ biến, chúng ta cần thấy hết các đạt được, nhưng không chủ quan với những thiếu sót, qua lần tổng kết này tạo ra được một nhận thức đầy đủ, một chuyển biến rõ rệt, đưa cải tiến công tác khoán nâng cao. Hợp tác xã được củng cố tốt, và sản xuất được phát triển.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
DƯƠNG VIỆT TIẾN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY

Số 141-TB/TU, ngày 27-3-1982

Về việc biên soạn, xuất bản tài liệu truyền thống đoàn kết đấu tranh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của các dân tộc Mông, Dao, Giáy, Nùng

Ngày 27-3-1982, Thường trực Tỉnh ủy do đồng chí Trần Đức Minh, Ủy viên Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy chủ trì đã họp với một số ban, ngành: Dân vận, Ban Tuyên giáo, Ban Tài chính - quản trị, Ủy ban Mặt Trận Tổ quốc tỉnh và Ty Văn hóa thông tin bàn về việc biên soạn, xuất bản tài liệu truyền thống đoàn kết đấu tranh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của các dân tộc: Mông, Dao, Giáy, Nùng, nhằm mục đích: tuyên truyền giáo dục phát huy truyền thống đoàn kết và tinh thần đấu tranh cách mạng của nhân dân các dân tộc, cùng nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, (...).

Sau khi thảo luận về mục đích, yêu cầu, kế hoạch tiến hành, hội nghị đã nhất trí và phân công trách nhiệm thực hiện như sau:

1- Về biên soạn, do Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì và các ban Tuyên giáo, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Ty Văn hóa thông tin phối hợp và xuất bản, do Ty Văn hóa thông tin phụ trách.

Tỉnh ủy trưng tập đồng chí Lù Dín Siêng, đồng chí Trần Hùng và đồng chí Tả làm nhiệm vụ biên soạn do đồng chí Lù Dín Siêng chủ trì.

2- Về kinh phí, gồm có hai khoản:

- Chi về phục vụ cho quá trình hoạt động biên soạn, do ngân sách

Đảng cấp, văn phòng phẩm, hội họp, tọa đàm, xăng dầu, xe cộ, v.v..
Ban Dân vận lập dự trù với Ban Tài chính - quản trị Tỉnh ủy.

- Chi về xuất bản, do ngân sách chính quyền, Ty Văn hóa thông tin lập dự trù với Sở Tài chính - vật giá.

3- Về thời gian: Tháng 9-1982 biên soạn xong, tháng 12-1982 hoàn thành việc xuất bản.

4- Ban Tài chính - quản trị, Sở Tài chính - vật giá, Ủy ban Kế hoạch tỉnh theo chức năng xét cấp kinh phí, xăng dầu và các vật tư, phương tiện phục vụ cho việc biên soạn, xuất bản tài liệu được kết quả tốt, đúng thời gian.

Nhận được Thông báo này, các ban, ngành và các đồng chí cán bộ được Tỉnh ủy trưng tập tổ chức triển khai thực hiện với tinh thần khẩn trương tích cực.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 45-TT/TU, ngày 7-4-1982

Về việc phát huy kết quả hội nghị cán bộ cốt cán các dân tộc Dao, Giáy, Nùng toàn tỉnh

Hội nghị cốt cán dân tộc Dao, Giáy, Nùng toàn tỉnh họp từ ngày 22 đến 26-3-1982 đã đạt được kết quả tốt đẹp.

Để phát huy những kết quả đã đạt được và đẩy mạnh công tác dân tộc lên một bước, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp, các ngành, tiến hành một số việc dưới đây:

1- Các huyện, thị mở hội nghị đại biểu các dân tộc Dao, Giáy, Nùng (và Mông nếu chưa họp) toàn huyện, sau đó triển khai mở hội nghị ở xã (hoặc cụm xã) có các dân tộc đó. Huyện, thị nào ít dân tộc Dao, Giáy, Nùng thì chỉ mở hội nghị ở xã có các dân tộc đó. Hội nghị ở huyện, thị triệu tập mỗi xã từ 3- 5 đại biểu, cộng với số đại biểu đã đi dự hội nghị tỉnh về, có mời đại biểu các đơn vị quân đội đóng tại địa phương đến dự. Nội dung hội nghị ở huyện, thị và ở xã tương tự như sau:

- Báo cáo của huyện, thị về tình hình mọi mặt các dân tộc nói chung Dao, Giáy, Nùng nói riêng. Thời gian 5 năm qua và phương hướng nhiệm vụ công tác các dân tộc từ nay đến năm 1985.

- Phổ biến kết quả hội nghị dân tộc của tỉnh và như quyết tâm của ba đoàn đại biểu 3 dân tộc Dao, Giáy, Nùng ở hội nghị tỉnh. Qua đó động viên các dân tộc thực hiện quyết tâm đó, đồng thời đề ra chương trình hành động của huyện, thị, xã trên các mặt; đoàn kết, sản xuất,

chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ trị an, đoàn kết các dân tộc, đoàn kết quân, dân...

- Tổ chức giao ước kết nghĩa giữa các đại biểu các đơn vị quân đội đóng tại địa phương với huyện, xã, hợp tác xã.

- Phát động phong trào thi đua trong các dân tộc, lập thành tích chào mừng thắng lợi Đại hội lần thứ V của Đảng và chi bộ Đại hội đợt 2 các cấp bộ đảng trong tỉnh. Trước mắt thi đua sản xuất, hoàn thành kế hoạch 6 tháng đầu năm, bảo vệ an ninh trật tự biên giới và nội địa.

Thời gian hội nghị ở huyện, thị từ 2-3 ngày, ở xã độ 1 ngày. Kinh phí do ngân sách chính quyền tỉnh, huyện xét cấp trên cơ sở dự toán của Ban Dân vận Tỉnh ủy.

2- Ban Dân vận Tỉnh ủy có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện và cung cấp tài liệu cho huyện, thị và các cơ sở tiến hành. Kết quả thực hiện, các huyện, thị cần báo cáo lên tỉnh (qua Ban Dân vận Tỉnh ủy) trước ngày 15-6-1982. Ban Dân vận Tỉnh ủy tổng hợp báo cáo lên Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Dân tộc trước ngày 30-6-1982.

3- Các ban, ngành, giới ở tỉnh cần theo chức năng, nhiệm vụ của mình mà kiểm điểm, soát xét lại những công tác của ban, ngành đối với nhiệm vụ công tác dân tộc thời gian qua và đề ra chương trình kế hoạch thời gian tới. Trên cơ sở đó, chỉ đạo và tổ chức ngành mình từ tỉnh đến cơ sở thực hiện, có sự phối hợp chặt chẽ với Ban Dân vận Tỉnh ủy và các huyện, thị ủy. Báo cáo và chương trình kế hoạch của các ban, ngành phải gửi lên Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh (đồng gửi Ban Dân vận 1 bản) để tỉnh theo dõi và chỉ đạo chung. Trước mắt các ngành như Thương nghiệp, Lương thực, Giao thông vận tải, Y tế, Giáo dục, Văn hóa, Truyền thanh... cần phải cố gắng bảo đảm các mặt hàng thiết yếu cho nông thôn và thực hiện đúng tinh thần ưu tiên tuyến I biên giới, vùng cao (như: muối, dầu thấp sáng, thuốc chữa bệnh, vải mặc, nông cụ, lương thực cho bộ đội, cán bộ, công nhân viên, vận chuyển hàng hóa và hành khách, đài loa, báo chí, học hành...).

Nhận được Thông tri này các cấp, các ngành khẩn trương thực hiện và báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 716-QN/TU, ngày 21-4-1982

Về việc thành lập tổ chức cơ sở đảng

Căn cứ Điều 11 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định;

Căn cứ Quyết định số 184-BXD/TCCB ngày 11-2-1982 của Bộ Xây dựng về việc thành lập Xí nghiệp thi công cơ giới số 14 thuộc Liên hiệp các xí nghiệp thi công cơ giới đóng tại địa phương Hoàng Liên Sơn;

Xét đề nghị của Đảng ủy Liên hiệp các xí nghiệp thi công cơ giới thuộc Bộ Xây dựng về việc cho thành lập Chi bộ Xí nghiệp thi công cơ giới số 14,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y cho thành lập Chi bộ Xí nghiệp thi công cơ giới số 14 gồm 11 đảng viên. Tạm thời chỉ định Ban chỉ ủy gồm các đồng chí:

- Đồng chí Nguyễn Đức Cậy, Bí thư chi bộ.
- Đồng chí Trần Danh Thanh, chỉ ủy viên.
- Đồng chí Nguyễn Bá Khiên, chỉ ủy viên.

2. Chi bộ Xí nghiệp thi công cơ giới số 14 trực thuộc sự lãnh đạo của Huyện ủy Bảo Thắng, Ban chỉ ủy có trách nhiệm báo cáo đầy đủ tình hình đảng viên và nhiệm vụ chính trị của chi bộ với Huyện ủy Bảo Thắng.

- Nhiệm vụ của chi bộ căn cứ Điều 35, 36, 37 Chương V Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam để thực hiện.

3. Huyện ủy Bảo Thắng, Chi bộ Xí nghiệp thi công cơ giới số 14 và các đồng chí trong Ban chi ủy căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 46-TT/TU, ngày 22-4-1982

**Triệu tập hội nghị tổng kết cuộc vận động
xây dựng huyện, thị thành pháo đài vững mạnh
toàn diện năm 1981**

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định triệu tập hội nghị tổng kết cuộc vận động xây dựng huyện, thị thành pháo đài vững mạnh toàn diện năm 1981.

Thành phần hội nghị:

Ở huyện: Mỗi huyện, thị ủy cử 3 đồng chí, đồng chí bí thư, đồng chí trưởng ban quân sự và trưởng ban công an huyện, thị.

Một số cán bộ cơ sở được chuẩn bị báo cáo tại hội nghị

Ở tỉnh: Các đồng chí thủ trưởng các ban, ngành của tỉnh, các đồng chí bí thư Đảng ủy trực thuộc tỉnh, Ban chỉ đạo xây dựng huyện pháo đài đợt 2 và các đồng chí cán bộ tổng hợp giúp việc.

Thời gian: Hội nghị làm việc từ 7 h30 sáng ngày 4-5-1982 và kết thúc vào ngày 6-5-1982. Đại biểu huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc có mặt tại Nhà khách Ủy ban nhân dân tỉnh từ chiều ngày 3-5-1982 (các huyện Bảo Yên, Lục Yên, Văn Yên, Trấn Yên, Yên Bình tập trung tại Nhà khách Ban Tài chính - quản trị Tỉnh ủy).

Hội nghị này nhằm tổng kết cuộc vận động xây dựng huyện pháo đài trong năm qua đồng thời xác định phương hướng nhiệm vụ tiếp tục thời gian tới. Yêu cầu các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc các ngành của tỉnh về dự hội nghị đúng thành phần quy định.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 724-QN/TU, ngày 27-4-1982

Về việc giải thể Chi bộ cơ sở Trại thương binh

Căn cứ Điều 11 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 01-CV/TU, ngày 9-3-1982 của Thị ủy thị xã Yên Bái đề nghị giải thể Chi bộ cơ sở Trại thương binh tỉnh; vì số lượng đảng viên của chi bộ này chỉ còn 1 đồng chí,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y đề nghị của Thị ủy thị xã Yên Bái giải thể Chi bộ cơ sở Trại thương binh.
2. Thị ủy thị xã Yên Bái và Ban chi ủy Chi bộ Trại thương binh có trách nhiệm giới thiệu sinh hoạt cho đảng viên ở chi bộ Trại thương binh về sinh hoạt ở Đảng bộ mới.
3. Chi bộ Trại thương binh Tỉnh và Thị ủy thị xã Yên Bái căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 728-QN/TU, ngày 27-4-1982

Về việc thành lập cơ sở đảng

Căn cứ Điều 11 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
Căn cứ Quyết định số 30-TC/QĐ, ngày 10-1-1979 của Ủy ban
nhân dân Tỉnh Hoàng Liên Sơn;

Xét yêu cầu nhiệm vụ công tác ở cơ sở,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Thành lập Đảng ủy Công ty Thủy sản Hoàng Liên Sơn.
- Các chi bộ, đảng bộ trước đây trực thuộc các huyện, thị ủy, Yên
Bình, Lục Yên và Thị ủy thị xã Yên Bái nay đều thuộc về Đảng ủy
Công ty Thủy sản Hoàng Liên Sơn.

2. Đảng ủy Công ty Thủy sản Hoàng Liên Sơn là Đảng ủy cơ sở
trực thuộc Huyện ủy Yên Bình.

Đảng ủy Công ty Thủy sản có các chi bộ:

- Chi bộ Văn phòng công ty.
- Chi bộ Khai thác cá.
- Chi bộ Đội sản xuất lưới.
- Chi bộ Trạm cơ khí vật tư vận chuyển.
- Chi bộ Trạm chế biến.
- Chi bộ Trạm cá giống Đông Lý.

- Chi bộ Trạm cá giống Lòng Đáy
- Chi bộ Trạm cá giống Phú Thao.
- Chi bộ Xây dựng cơ bản.
- Chi bộ Trại chăn nuôi bò.

3. Thị ủy thị xã Yên Bái, Huyện ủy Yên Bình, Huyện ủy Lục Yên có trách nhiệm bàn giao các cơ sở đảng trước đây trực thuộc huyện, thị về Đảng ủy Công ty Thủy sản.

4. Thị ủy thị xã Yên Bái, Huyện ủy Yên Bình, Huyện ủy Lục Yên, Đảng ủy Công ty Thủy sản Hoàng Liên Sơn và các chi, đảng bộ trong Công ty Thủy sản Hoàng Liên Sơn căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 729-QN/TU, ngày 27-4-1982

Về việc sáp nhập cơ sở đảng

- Căn cứ Quyết định số 11-QĐ/TC, ngày 14-2-1982 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn, về việc sáp nhập Công ty Xây dựng thủy lợi I và Công ty Xây dựng thủy lợi II thành một công ty;
- Căn cứ Điều 11 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Xét đề nghị của Thị ủy thị xã Yên Bái;

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y đề nghị của Thị ủy thị xã Yên Bái, sáp nhập hai chi bộ cơ sở Công ty Xây dựng thủy lợi I và Công ty Xây dựng thủy lợi II thành một chi bộ lấy tên là Chi bộ Công ty Xây dựng thủy lợi I, đặt dưới sự chỉ đạo của Thị ủy thị xã Yên Bái.
2. Nhiệm vụ của tổ chức cơ sở của Đảng thực hiện theo Chương V Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.
3. Thị ủy thị xã Yên Bái và các cơ sở đảng có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 151-TB/TU, ngày 10-5-1982

Về việc hoãn biên soạn, xuất bản tài liệu truyền thống đoàn kết đấu tranh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của các dân tộc Mông, Dao, Giáy, Nùng

Vừa qua, Tỉnh ủy có giao trách nhiệm cho các Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo, Ban Tài chính - quản trị, Ủy Ban Kế hoạch tỉnh, Ty Văn hóa thông tin và Sở Tài chính - Vật giá; đồng thời trưng tập các đồng chí Lù Dín Siêng, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Trần Hùng và Lý Láo Tả cán bộ Ban Dân vận làm nhiệm vụ biên soạn để tiến hành ra tập sách nói trên.

Qua một thời gian thực hiện đã đạt được một số kết quả nhất định. Nhưng việc sưu tầm tài liệu qua thực tế, có nhiều khó khăn, khó đáp ứng được yêu cầu tập sách, đồng thời các ngành cũng đang có những việc phải tập trung hoàn thành.

Với lý do như trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông báo hoãn lại với việc biên soạn, xuất bản tập sách cho đến khi nào điều kiện cho phép, các ban, ngành và các đồng chí được trưng tập để làm việc sưu tầm, biên soạn tập sách; nay tiếp tục các công việc thực hiện theo chức trách nhiệm vụ như thường lệ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
DUƠNG VIỆT TIẾN**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 49-TT/TU, ngày 10-5-1982

Về việc tuyển chọn người vào lực lượng công an nhân dân tỉnh

Trong những năm qua, được sự lãnh đạo và quan tâm và giúp đỡ của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, ngành công an nhân dân tỉnh ta đã không ngừng lớn mạnh, song đứng trước yêu cầu và nhiệm vụ chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, tăng cường công tác bảo vệ, giữ gìn trật tự an ninh trong tình hình mới, đòi hỏi ngành công an tỉnh ta phải được tiếp tục tăng cường cả về số lượng và chất lượng.

Thực hiện Thông tri số 154, ngày 29-3-1982 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Quyết định số 54 của Hội đồng Bộ trưởng, ngành công an nhân dân được ưu tiên tuyển chọn những học sinh đã tốt nghiệp đại học và trung học chuyên nghiệp, công nhân trong các xí nghiệp công nghiệp để tăng thành phần công nhân trong công an nhân dân, học sinh phổ thông trong tuổi nghĩa vụ quân sự và cán bộ, chiến sĩ quân đội hoàn thành nghĩa vụ để bổ sung cho lực lượng công an nhân dân ở miền núi còn cần tuyển đủ số là con em các dân tộc trong chỉ tiêu phân bổ. Tiêu chuẩn tuyển chọn đã có quy định cụ thể của Bộ Nội vụ.

Để bảo đảm việc tuyển chọn đạt yêu cầu đề ra, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhắc các ngành, các cấp trong tỉnh.

- Hằng năm, căn cứ vào chỉ tiêu phân bổ, cần thực hiện ưu tiên cho việc tuyển chọn người bổ sung vào lực lượng công an nhân dân.

- Trước mắt tỉnh ta được phân bổ tuyển chọn 120 người vào công an nhân dân tỉnh, trong đó có 50 là công nhân công nghiệp, 20 là cán bộ, chiến sĩ đã hoàn thành nghĩa vụ, 50 là học sinh phổ thông. Yêu cầu các ngành, các cấp thực hiện ưu tiên cho việc tuyển chọn cho lực lượng công an nhân dân theo chỉ tiêu nói trên.

- Công an tỉnh Hoàng Liên Sơn cần có kế hoạch cụ thể, hướng dẫn tiêu chuẩn làm việc trực tiếp với các ngành có liên quan để bảo đảm việc tuyển chọn đạt kết quả tốt cả về số lượng và chất lượng.

Yêu cầu các đồng chí lưu ý thực hiện tốt Thông tri này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 153-TB/TU, ngày 19-5-1982

Về việc điều chỉnh phương hướng nhiệm vụ một số nông, lâm trường trong tỉnh

Trong phiên họp ngày 12-5-1982, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghe báo cáo tình hình và cho ý kiến về việc điều chỉnh phương hướng nhiệm vụ sản xuất của một số nông, lâm trường trong tỉnh. Tham dự họp có Đảng đoàn chính quyền tỉnh và các ban, ngành, Ủy ban Kế hoạch tỉnh, Sở Nông nghiệp, Sở Lâm nghiệp, Ban Kinh tế kế hoạch, Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy...

Sau khi nghe báo cáo đề nghị của Đảng đoàn chính quyền và các ngành chủ quản, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và cho ý kiến như sau:

1. Đối với các nông trường Bảo Yên, Phong Hải, Bảo Ái, Phú Xuân, Thanh Bình, Văn Hưng và Xí nghiệp chế biến thức ăn gia súc, cần tiếp tục nghiên cứu, lập lại quy hoạch và phương hướng sản xuất theo phương án kinh tế, kỹ thuật cụ thể để xét duyệt điều chỉnh, bảo đảm khi đã quyết định điều chỉnh, hoặc thay đổi phương hướng sản xuất là có căn cứ thực tiễn và khoa học hơn. Trước mắt hiện nay, các đơn vị cần củng cố tốt công tác tổ chức quản lý sản xuất và vận động cán bộ, công nhân khắc phục mọi khó khăn, hăng hái sản xuất, thực hành tiết kiệm. Trước hết tiếp tục chăm sóc, quản lý tốt những cây trồng và con gia súc hiện có, tuyệt đối không được thanh lý phá bỏ những

cây, con đã có, nhất là cây dài ngày, đồng thời phải tích cực phát triển những cây trồng ngắn ngày, có hiệu quả kinh tế ngay, đặc biệt là các cây lương thực, thực phẩm và cây dược liệu, cây tinh dầu ngắn ngày... để góp phần giải quyết khó khăn về lương thực, thực phẩm hiện nay và tăng thêm nguồn hàng, mặt hàng xuất khẩu.

Riêng Xí nghiệp chế biến thức ăn gia súc phải tiếp tục củng cố và đẩy mạnh sản xuất để bảo đảm sản xuất kinh doanh hạch toán có lãi.

2. Đối với 4 lâm trường phía bắc (Bắc Hà, Mường Khương, Bát Xát, Bảo Nhai), Ban Thường vụ nhất trí với đề nghị của Sở Lâm nghiệp chuyển 4 lâm trường này thành 4 trạm lâm sinh và lâm nghiệp. Nhiệm vụ chủ yếu của các trạm đó là ươm cây và giao cây, cung cấp cho các đơn vị bộ đội và hợp tác xã nông nghiệp trồng rừng. Số lượng công nhân mỗi trạm khoảng 50 người; số người còn lại, chuyển về bổ sung cho các lâm trường phía sau, hoặc giải quyết cho về địa phương sản xuất. Sở Lâm nghiệp phải chỉ đạo thực hiện phương án và trực tiếp quản lý các trạm này, khi các trạm hoạt động đi vào nền nếp thì sẽ chuyển giao cho các huyện quản lý.

3. Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao trách nhiệm Đảng đoàn chính quyền, Sở Nông nghiệp và Sở Lâm nghiệp nghiên cứu giải quyết từng trường hợp cụ thể theo tinh thần trên.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 768-QN/TU, ngày 26-5-1982

Về việc bổ sung và kiện toàn Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ của tỉnh

Căn cứ vào Chỉ thị số 79-CT/TW, ngày 3- 6- 1964 của Ban Bí thư Trung ương Đảng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 14-4-1975 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác bảo vệ sức khỏe cán bộ phiên họp ngày 13- 4- 1982 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Nay bổ sung và kiện toàn lại Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ của tỉnh gồm các đồng chí có tên sau đây:

1- Đồng chí Lê Khay, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy làm Trưởng ban.

2- Đồng chí Nguyễn Vĩnh, bác sĩ, Phó Giám đốc Sở Y tế - Thể dục thể thao, Bệnh viện Trưởng Bệnh viện tỉnh làm Phó ban thường trực.

3- Đồng chí Nông Thị Kim Hồng, Tỉnh ủy viên, Chánh thư ký Liên hiệp Công đoàn Tỉnh làm Ủy viên.

4- Đồng chí Nguyễn Đình Dương, Tỉnh ủy viên, Trưởng ty Thương nghiệp làm Ủy viên.

5- Đồng chí Đỗ Viết Sính, Tỉnh ủy viên, Trưởng Ty Thương binh xã hội làm Ủy viên.

6- Đồng chí Ngô Du, Giám đốc Sở Tài chính - vật giá làm Ủy viên.

7- Đồng chí Nguyễn Văn Mai, Phó Trưởng ban Tổ chức Ủy ban nhân dân tỉnh làm Ủy viên.

8- Đồng chí Triệu Kim Ngân, Phó Trưởng ty Lương thực làm Ủy viên.

Điều 2: Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh đặt dưới sự lãnh đạo chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Có nhiệm vụ theo dõi, quản lý nghiên cứu tổng hợp tình hình sức khỏe và công tác bảo vệ sức khỏe cán bộ theo đúng tinh thần nội dung Nghị quyết số 09-QN/TU, ngày 14-4-1978 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Kinh phí hoạt động của Ban sử dụng cả kinh phí của Đảng và chính quyền theo đúng chính sách của Đảng và Nhà nước quy định.

Điều 3: Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của từng ngành mà đề ra nhiệm vụ cụ thể, thực hiện tốt nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác bảo vệ sức khỏe cán bộ của tỉnh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 769-QN/TU, ngày 27-5-1982

Về việc tách và sáp nhập các cơ sở đảng

Căn cứ Quyết định số 152-CP của Hội đồng Chính phủ;
Căn cứ tính chất công tác của đơn vị cơ sở;
Xét đề nghị của Huyện ủy Bảo Thắng,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y đề nghị của Huyện ủy huyện Bảo Thắng được tách và sáp nhập các cơ sở đảng dưới đây.

- Tách số đảng viên ở Bộ phận Giao thông thuộc Chi bộ Ban Công nghiệp, sáp nhập với Chi bộ Ban Thủy lợi lấy tên là Chi bộ Ban Thủy lợi, đặt dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Bảo Thắng.

- Tách Chi bộ Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện thành 4 chi bộ cơ sở trực thuộc Huyện ủy Bảo Thắng là:

+ Chi bộ Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện 14 đảng viên.

+ Chi bộ Ban Tổ chức chính quyền có 10 đảng viên.

+ Chi bộ Ban Thanh tra nhân dân huyện có 6 đảng viên.

+ Chi bộ Ban Tài chính giá cả 4 đảng viên.

- Sáp nhập Chi bộ Xây dựng với Chi bộ Ban Công nghiệp trực thuộc Huyện ủy Bảo Thắng.

2. Nhiệm vụ tổ chức cơ sở của Đảng căn cứ vào Chương V Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam để thực hiện.

3. Huyện ủy huyện Bảo Thắng và các chi bộ có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 770-QN/TU, ngày 27-5-1982

Về việc tách cơ sở đảng

Căn cứ Điều 11 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
Căn cứ tính chất nhiệm vụ công tác của cơ sở;
Xét đề nghị của Huyện ủy Mường Khương,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y đề nghị của Huyện ủy huyện Mường Khương được tách và thành lập các cơ sở đảng dưới đây.

- Tách Đảng ủy cơ sở Dân Đảng huyện Mường Khương thành 2 chi bộ cơ sở đặt trực thuộc Huyện ủy Mường Khương là:

+ Chi bộ Văn phòng Huyện ủy, gồm số đảng viên của các cơ quan Văn phòng Huyện ủy, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo và Ban Kiểm tra Huyện ủy.

+ Chi bộ Dân vận, gồm số đảng viên của các cơ quan huyện, Hội Phụ nữ, Huyện Đoàn thanh niên, Hội đồng Nông dân tập thể, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Công đoàn huyện.

2. Nhiệm vụ của tổ chức cơ sở của Đảng thực hiện theo Chương V Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Huyện ủy huyện Mường Khương, các cơ sở đảng có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 771-QN/TU, ngày 27-5-1982

Về việc tách cơ sở đảng

Căn cứ Điều 11 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
Căn cứ tính chất nhiệm vụ công tác của cơ sở;
Xét đề nghị của Huyện ủy Lục Yên,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y đề nghị của Huyện ủy huyện Lục Yên tách Chi bộ Y tế hiệu thuốc thành 2 chi bộ cơ sở trực thuộc Huyện ủy Lục Yên là:
 - Chi bộ Y tế - Thể dục thể thao.
 - Chi bộ Hiệu thuốc.
2. Nhiệm vụ của tổ chức cơ sở của Đảng thực hiện theo Chương V Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.
3. Huyện ủy Lục Yên và các cơ sở đảng có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 772-QN/TU, ngày 27-5-1982

Về việc tách cơ sở đảng

Căn cứ Nghị quyết số 152-CP của Hội đồng Chính phủ;
Căn cứ tính chất nhiệm vụ công tác của cơ sở;
Xét đề nghị của Huyện ủy huyện Trại Tấu,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y đề nghị của Huyện ủy huyện Trại Tấu tách các cơ sở đảng dưới đây:

- Tách 7 đảng viên của Chi bộ Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, thành lập Chi bộ Ban Tổ chức chính quyền huyện, đặt dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Trại Tấu.

- Tách số đảng viên ở Bộ phận Văn hóa thông tin thuộc Chi bộ Văn hóa giáo dục để thành lập Chi bộ Văn hóa thông tin, đặt dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Trại Tấu.

2. Nhiệm vụ của tổ chức cơ sở của Đảng thực hiện theo Chương V Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Huyện ủy huyện Trạm Tấu và các cơ sở đảng có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

KẾ HOẠCH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 05-KH/TU, ngày 4-6-1982

Triển khai đợt sinh hoạt chính trị nghiên cứu và bàn việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng

Thực hiện Chỉ thị số 04, ngày 15-5-1982 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về mở đợt sinh hoạt chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định triển khai đợt sinh hoạt chính trị, nhằm làm cho toàn Đảng bộ tỉnh ta quán triệt các văn kiện của Đại hội và bàn việc thực hiện đầy đủ Nghị quyết của Đại hội lần thứ V và Nghị quyết của Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương, biến các nghị quyết của Đảng thành hiện thực cách mạng. Nội dung, yêu cầu và cách làm cụ thể của đợt sinh hoạt chính trị như sau:

I. YÊU CẦU CỦA ĐỢT SINH HOẠT CHÍNH TRỊ

Đợt sinh hoạt chính trị phải đạt được ba yêu cầu do Trung ương đề ra là:

a) Làm cho cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý ở các cấp, các ngành nhận thức thống nhất và nhất trí cao với nội dung cơ bản các văn kiện của Đại hội và Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương. Phê phán những quan điểm trái với đường lối, chính sách của Đảng.

b) Trên cơ sở đó, kiểm điểm sâu sắc tình hình phong trào ở địa phương, ngành, đơn vị cơ sở và công tác lãnh đạo của tổ chức đảng nơi đó, rút ra những bài học kinh nghiệm, tăng cường đoàn kết, nâng cao ý chí cách mạng tiến công, tinh thần trách nhiệm và năng lực công tác của cán bộ, đảng viên.

c) Đề ra được chương trình hành động thiết thực của địa phương, ngành và đơn vị cơ sở với những biện pháp có hiệu quả đã giải quyết những vấn đề cấp bách trước mắt về kinh tế, xã hội nhằm chấp hành thắng lợi các nghị quyết của Đại hội và Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương, khắc phục bằng được những sai lầm, khuyết điểm.

II. NỘI DUNG ĐỢT SINH HOẠT CHÍNH TRỊ

Để đạt được yêu cầu của Ban Bí thư Trung ương đề ra nội dung đợt sinh hoạt chính trị cho nghiên cứu quán triệt và làm tốt ba vấn đề sau đây:

a) Nghiên cứu nắm vững nội dung các văn kiện của Đại hội và Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương: Khẳng định đường lối của Đại hội IV là đúng đắn trên cơ sở đánh giá tình hình nước ta trong thời gian qua như Đại hội V đã kết luận; khẳng định những thắng lợi, thành tựu đã đạt được, thấy đúng mức thực trạng kinh tế, xã hội hiện nay và những nguyên nhân của tình hình đó; nhận thức rõ hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược ấy; hiểu rõ chặng đường đầu tiên, tính chất gay gắt và phức tạp trên tất cả các mặt của cuộc đấu tranh giữa ta và địch và cuộc đấu tranh giữa hai con đường; nhất trí với bốn mục tiêu và những chính sách lớn về kinh tế - xã hội. Đặc biệt là nội dung công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn trong chặng đường trước mắt, những nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 5 năm và những vấn đề kinh tế cấp bách, nắm vững nội dung cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý đã được cụ thể hóa trong các văn kiện của Đại hội, v.v..

b) Thảo luận góp ý kiến vào báo cáo kiểm điểm và dự kiến chương trình hành động của cấp ủy và của ngành làm cơ sở cho việc chuẩn bị báo cáo trước Đại hội Đảng bộ đợt 2. Báo cáo gồm các nội dung sau đây: Đánh giá tình hình phong trào, tình hình công tác của địa phương, ngành qua việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV kiểm điểm công tác lãnh đạo của cấp ủy Đảng, đề ra chương trình hành động của địa phương, ngành và đơn vị.

c) Mỗi đảng viên làm bản tự kiểm điểm nhằm nâng cao phẩm chất cách mạng và năng lực công tác của mình. Nội dung kiểm điểm tập trung vào các vấn đề nhận thức về thời cuộc và về đường lối, chính sách của Đảng, của mình thực hiện các nhiệm vụ công tác chính trong 5 năm vừa qua, và những vấn đề về phẩm chất cách mạng, căn cứ theo yêu cầu về phẩm chất và năng lực đảng viên đã được nêu ra trong báo cáo chính trị. Việc kiểm điểm cá nhân đảng viên cần thực hiện nghiêm túc, nội dung thiết thực và làm gọn.

III. THỜI GIAN TIẾN HÀNH VÀ CÁCH LÀM CỤ THỂ

1. Trong tháng 6-1982 Tỉnh ủy họp mở rộng để:

- Nghiên cứu quán triệt các chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương (về việc chuẩn bị và tiến hành Đại hội Đảng ba cấp (đợt 2) về đợt sinh hoạt chính trị nghiên cứu và bàn việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ V và về việc tổng kết phát huy đảng);

- Quyết định kế hoạch tiến hành đợt sinh hoạt chính trị ở trong tỉnh.

2. Sau Hội nghị lần thứ hai của Trung ương, tỉnh sẽ triệu tập hội nghị cán bộ để bồi dưỡng những quan điểm cơ bản của các nghị quyết Đại hội và Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương, thảo luận góp ý kiến vào báo cáo kiểm điểm và dự kiến chương trình hành động của Tỉnh ủy, và hướng dẫn nội dung và kế hoạch tổ chức đợt sinh hoạt chính trị, tổng kết phát huy đảng và tiến hành Đại hội Đảng ba cấp (đợt 2), thời gian hội nghị cán bộ tỉnh khoảng đầu tháng 7-1982.

3. Sau hội nghị cán bộ của tỉnh, các cấp ủy huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc chuẩn bị nội dung, nhất là phần báo cáo kiểm điểm và dự kiến chương trình hành động của địa phương, đơn vị mình, đồng thời chỉ đạo làm thí điểm một đảng bộ cơ sở đi trước một bước để rút kinh nghiệm phổ biến kịp thời trong hội nghị cán bộ huyện. Nội dung và cách làm hội nghị cán bộ huyện, thị tương tự như hội nghị cán bộ của tỉnh, có thêm phần phổ biến kinh nghiệm của điểm.

Các ngành cần có hội nghị cán bộ thảo luận chương trình hành động của ngành.

Thời gian tiến hành hội nghị cán bộ huyện, thị khoảng giữa tháng 7-1982.

4. Ở các đảng bộ cơ sở

Việc tiến hành đợt sinh hoạt chính trị ở đảng bộ cơ sở cần được bố trí kết hợp với việc tổng kết phát thể đảng và tiến hành Đại hội Đảng các cấp.

Nội dung và cách làm ở cơ sở như sau:

a) Tổ chức cho cán bộ, đảng viên đọc các văn kiện Đại hội. Tài liệu dùng là: Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng; Báo cáo chính trị; Báo cáo về phương hướng nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu về kinh tế và xã hội trong 5 năm (1981-1985) và những năm sau; Báo cáo về xây dựng Đảng.

- Cán bộ cao cấp, trung cấp, sơ cấp phải đọc toàn bộ các văn kiện trên.

- Cán bộ cơ sở và đảng viên phải đọc nghị quyết Đại hội và báo cáo chính trị.

Các chi bộ, đảng bộ cơ sở phải hoàn thành việc tổ chức đọc văn kiện cho toàn thể cán bộ, đảng viên xong trong tháng 7-1982. Trong quá trình đọc tài liệu cán bộ, đảng viên suy nghĩ nêu vấn đề và chuẩn bị ý kiến thảo luận sau khi được nghe giới thiệu những vấn đề cơ bản của nghị quyết Đại hội và nghị quyết hội nghị Trung ương.

b) Mở hội nghị toàn thể đảng viên từ 1-8-1982 trở đi: Nội dung hội nghị:

- Nghe truyền đạt và thảo luận những quan điểm cơ bản của các nghị quyết Đại hội và Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương (thời gian 2 ngày).

- Nghe và thảo luận báo cáo kiểm điểm và dự kiến chương trình hành động của Đảng bộ (thời gian từ 1 ngày đến 1/2 ngày).

- Phổ biến nội dung kiểm điểm cá nhân và thông qua bản kiểm điểm tự phê bình của cá nhân đảng viên ở chi bộ hoặc tổ đảng (thời gian tùy đảng viên nhiều ít từ 1 đến 2 ngày).

- Thông qua học tập quán triệt nghị quyết Đại hội và tư cách đảng viên, dựa vào kết quả sinh hoạt chính trị kiểm điểm từng đảng viên, để tiến hành tổng kết công tác phát triển đảng (thời gian 1 ngày).

c) Tiến hành Đại hội Đảng bộ cơ sở:

Sau khi hoàn thành đợt sinh hoạt chính trị và tổng kết phát triển đảng, mở Đại hội Đảng bộ cơ sở để:

- Thảo luận và bổ sung báo cáo và đề án Đại hội cấp trên. Nơi cần thiết thì bầu cử bổ sung hoặc bầu cử lại đại biểu đi dự Đại hội cấp trên.

- Chính thức thông qua báo cáo kiểm điểm và chương trình hành động của Đảng bộ.

- Bầu cử kiện toàn cấp ủy mới.

Thời gian Đại hội cơ sở kết thúc trước 25-8-1982 để kịp chuẩn bị Đại hội cấp huyện trong tháng 9-1982.

d) Tổ chức lấy ý kiến quần chúng vào nội dung và nhân sự cấp ủy.

- Xem trong thời gian tổ chức hội nghị đảng viên và Đại hội Đảng bộ, cần tổ chức lấy ý kiến quần chúng;

- Góp ý kiến vào báo cáo và chương trình hành động của cấp ủy, vào đề án Đại hội các cấp.

- Phê bình cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng các cấp.

Góp ý kiến vào việc lựa chọn giới thiệu cán bộ, đảng viên ưu tú tham gia các cấp của Đảng.

IV. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN CHÚ TRỌNG TRONG VIỆC LÃNH ĐẠO ĐỢT SINH HOẠT CHÍNH TRỊ

Đợt sinh hoạt chính trị lần này không phải để góp ý kiến vào các văn kiện của Trung ương mà là để nhận thức thống nhất và quán triệt đầy đủ các văn kiện đó. Nên việc tổ chức cho cán bộ, đảng viên đọc và suy nghĩ về các nghị quyết của Đại hội là rất cần thiết, cần lãnh đạo chặt chẽ và có kiểm tra chu đáo.

Để đợt sinh hoạt chính trị đạt được yêu cầu và nội dung như chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương đã đề ra, các cấp ủy phải trực tiếp chỉ đạo đợt sinh hoạt chính trị này. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Ban Tổ chức Tỉnh ủy có trách nhiệm giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi và kiểm tra việc triển khai đợt sinh hoạt chính trị này ở các địa phương và đơn vị trong tỉnh. Các ban khác của Đảng như Ban Kiểm tra, Nông nghiệp, Kinh tế - Kế hoạch, Nội chính, Dân vận, v.v. có trách nhiệm giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi và kiểm tra đợt sinh hoạt chính trị ở các ngành trong khối mình.

Các cấp ủy cần nghiên cứu nắm nội dung và cách làm trong kế hoạch này và chuẩn bị chu đáo các nội dung đã hướng dẫn trên để đợt sinh hoạt chính trị đạt được kết quả tốt. Mặt khác phải chú ý thường xuyên gắn chặt việc chỉ đạo đợt sinh hoạt chính trị này với việc đẩy mạnh các nhiệm vụ công tác trước mắt cấp bách nhất là đẩy mạnh sản xuất, thu mua, lưu thông phân phối, đời sống giữ vững an ninh, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ tốt biên giới. Sau mỗi bước công tác cần thường xuyên báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy đồng gửi Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy một bản để theo dõi tổng hợp.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN CHẤP HÀNH TỈNH ỦY

Số 14- NQ/TU, ngày 12-6-1982

**Về nhiệm vụ cấp bách trong việc đẩy mạnh thực hiện
kế hoạch năm 1982**

I. TÌNH HÌNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM

Trong những tháng qua, hưởng ứng phong trào thi đua yêu nước xã hội chủ nghĩa, lập thành tích chào mừng Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, cùng với việc tiếp tục thực hiện và phát huy những mặt tích cực trong các chính sách cải tiến quản lý sản xuất, nông nghiệp, sản xuất công nghiệp và phân phối lưu thông, các ngành, các cấp và các đơn vị cơ sở có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn, phấn đấu để thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1982, bước đầu đã đạt được một số thành tích:

- Về sản xuất nông nghiệp, trong tình hình thời tiết không thuận, rét kéo dài, có nơi bị hạn, mạ bị chết song diện tích lúa chiêm xuân đạt xấp xỉ kế hoạch và tăng gần 1% so với năm trước, nói chung các huyện trọng điểm lúa bảo đảm và vượt kế hoạch diện tích gieo cấy, các cây màu chính cũng khá hơn cùng kỳ năm trước như ngô tăng 0,2%; sắn tăng 2,2%. Việc làm cỏ, bón phân có cố gắng. Một số cây công nghiệp ngắn ngày như đỗ tương, bông, lanh phát triển khá. Chăn nuôi trâu, bò tăng từ 4-9% so với 1-4-1981 và xấp xỉ đạt kế hoạch cả năm.

- Trong sản xuất công nghiệp mặc dù có nhiều khó khăn về nguyên liệu, vật tư, điện và than, song đã giải quyết được một số nguyên liệu địa phương, cung ứng được một số vật tư kỹ thuật cho sản xuất những mặt hàng chủ yếu như nông cụ, vật liệu xây dựng, giấy... giá trị tổng sản lượng, tăng khoảng 8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó công nghiệp quốc doanh tăng khoảng 18%, nhóm A tăng 16%, một số mặt hàng như cày, bừa tăng 50%, gạch, ngói tăng khoảng 20%, khai thác than tăng gần 100%.

- Trong phân phối lưu thông đã phấn đấu thu mua lương thực vụ mùa vượt 10% kế hoạch nhà nước, riêng thu mua thóc vượt 13%, tiếp nhận hàng cấp I có cố gắng, ước đạt 45% kế hoạch, riêng tiếp nhận hàng nội thương đạt 60%, một số mặt hàng đạt khá như mỡ nước đạt 75%, giấy viết đạt 48%, muối đạt 43%, vận chuyển và cung cấp hàng cho tuyến biên giới đã được chú trọng, đạt kế hoạch bán ra 6 tháng cung cấp được một số hàng thiết yếu và hoàn thành việc cung cấp của năm trước, hoạt động thương nghiệp bước đầu mở rộng quan hệ trao đổi với các tỉnh bạn.

Tuy nhiên còn nhiều chỉ tiêu đạt thấp, trong đó có những chỉ tiêu quan trọng như diện tích mùa hạt kế hoạch gần 4.000 ha, nhiều cây màu thấp hơn cùng kỳ năm trước như khoai lang, khoai sọ, khoai, riềng..., các cây công nghiệp như chè, mía, trâu, vừng, lạc... đều thấp xa so với kế hoạch, chăn nuôi tuy có phát triển nhưng chất lượng giảm, nhất là trong khu vực quốc doanh do thiếu thức ăn và giống kém, dịch lợn xảy ra nhiều, số lợn chết chiếm khoảng 7% tổng đàn. Công tác chăm sóc và bảo vệ rừng còn nhiều mặt yếu, diện tích chăm sóc rừng ước đạt 16% kế hoạch trong khi đó tình hình đốt phá rừng làm lương thực vẫn không giảm, có nơi nghiêm trọng. Điều đáng chú ý là lúa chiêm phát triển kém do ít nắng, một số vùng bị sâu bệnh nặng và chủ yếu là số diện tích cấy sớm trở vào lúc rét bị lép, dự ước năng suất lúa đạt khoảng 16,5 tạ/ha bằng 71% kế hoạch năng suất và bằng 96% năng suất cùng kỳ năm trước, dự ước sản lượng thóc đạt khoảng 3 vạn tấn bằng 70% kế hoạch vụ và bằng 94% sản lượng cùng kỳ năm trước.

Sản xuất công nghiệp nói chung còn trì trệ, ước giá trị sản lượng quốc doanh đạt 37% kế hoạch, trong đó nhóm A đạt 39%, nhóm B đạt 33%, quốc doanh đạt 36%, thủ công nghiệp đạt 38% hàng tiêu dùng, sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu, còn để ứ đọng như hàng mộc, nông cụ... giá cả còn vướng mắc ảnh hưởng tới tiêu thụ. Xây dựng cơ bản chưa được chú trọng, thiếu vốn, nhiều công trình dở dang thi công gián đoạn, cầm chừng hoặc bỏ lửng, một số công trình quan trọng cần tập trung hoàn thành gọn đưa vào sử dụng nhưng thực hiện rất chậm như Xí nghiệp sứ, Trạm bơm Việt Thành... ước giá trị sản lượng xây dựng cơ bản đạt 25% kế hoạch, bằng 80% so với cùng kỳ năm trước. Giao thông vận tải tuy có cố gắng vận chuyển hàng ngoại tỉnh nhưng nhìn chung chưa đáp ứng yêu cầu, khối lượng vận tải đạt 32% kế hoạch, riêng vận tải đường thủy đạt 24%, tỷ lệ lợi dụng phương tiện, lợi dụng quãng đường đạt thấp.

Thu ngân sách ước đạt 27% kế hoạch, riêng phần Trung ương trợ cấp đạt 28%, chi ngân sách đạt 27% kế hoạch, riêng chi bù giá đạt 26%. Tiền mặt tiếp tục bội chi, vượt 30% kế hoạch bội chi 6 tháng.

Việc thu mua, nắm nguồn hàng đang là khâu yếu kém, hàng mua tại địa phương ước đạt 40 triệu đồng, bằng 21% kế hoạch, riêng hàng nông sản đạt khoảng 18%, mua và giao hàng xuất khẩu đạt 22%, tiếp nhận lương thực cấp I có nhiều khó khăn, bị động, đạt thấp. Hàng bán ra ước đạt 25% kế hoạch, riêng bán lương thực đạt 23%. Nói chung hoạt động thương nghiệp chuyển sang kinh doanh chưa kịp với tình hình và còn nhiều lúng túng, mạng lưới hợp tác xã mua bán và tổ chức thu mua chưa được củng cố và nâng lên, chưa làm chủ được thị trường và quản lý thị trường bị buông lỏng, chỉ số giá cả thị trường tự do tăng khoảng 2 lần so với cùng kỳ năm trước. Hàng xuất khẩu còn nhiều khả năng, nhưng chưa được coi trọng, tổ chức sản xuất, thu mua, khai thác, chế biến và quản lý hàng xuất khẩu còn phân tán, chồng chéo, thậm chí không làm, vốn ngoại tệ quá ít chưa thật sự góp phần tích cực vào việc giải quyết tình hình cấp bách hiện nay.

Đời sống nhân dân nhất là đời sống công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang gặp khó khăn lớn, lương thực cung cấp được khoảng 30% tiêu chuẩn, thực phẩm cung cấp được khoảng 11% nhu cầu, còn phần lớn mua ở thị trường tự do, tiền lương chỉ bảo đảm mức sống tối thiểu của bản thân cán bộ, công nhân viên, nên đời sống gia đình càng khó khăn gấp bội.

Tình hình trên, phản ánh tình hình chung của cả nước, mà nguyên nhân của nó như các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V đã phân tích có ảnh hưởng trực tiếp đối với địa phương trong việc cung cấp vật tư, hàng hóa không bảo đảm kế hoạch và không đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất và đời sống theo tiến độ, gay gắt nhất là cung cấp lương thực và điện. Những nguyên nhân chính là chưa tập trung vào giải quyết những mục tiêu chủ yếu, còn mang nặng tính phân tán, dàn đều: công tác quản lý còn nhiều trì trệ, quan liêu, bao cấp, chưa phát huy đầy đủ tinh thần tự lực, sáng tạo của các ngành, các cấp, và các đơn vị cơ sở, kế hoạch hóa thiếu căn cứ khoa học. Trách nhiệm và kỷ luật trên nhiều mặt không được giữ vững, như giao nông sản phẩm, thu nộp ngân sách, quản lý thị trường, kỷ luật lao động, nhất là trong phân phối, lưu thông đang diễn ra rất phức tạp. Tổ chức sắp xếp các cơ sở sản xuất kinh doanh và lao động chưa phù hợp với tình hình, không có việc làm năng suất lao động thấp, của cải xã hội làm ra ít, đã ảnh hưởng lớn đến thu nhập và đời sống của người lao động, mặt khác, chuyên chính vô sản và những nguyên tắc cơ bản về tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội, tính pháp chế trong kế hoạch hóa, việc đấu tranh ai thắng ai giữa hai con đường trên lĩnh vực tư tưởng và tổ chức bị buông lỏng, đã tác động tiêu cực nhiều mặt trong xã hội.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ CẤP BÁCH TRONG VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 1982

Trước tình hình hiện nay, nhiều nhiệm vụ đặt ra là cấp bách, nhưng vấn đề cấp bách và nóng bỏng nhất thể hiện nổi bật trong mọi

lĩnh vực là vấn đề lương thực (bao gồm cả sản xuất, thu mua, phân phối, chế biến...) và vấn đề lưu thông phân phối (bao gồm tiền, hàng, giá cả, cải tạo và quản lý thị trường, chống tiêu cực, đầu cơ, buôn lậu...). Dưới đây là những công tác cấp bách cụ thể cần phải khẩn trương giải quyết như sau:

1. Sắp xếp lại sản xuất kinh doanh và lao động

Mục tiêu của việc sắp xếp là bố trí lại các cơ sở sản xuất, kinh doanh và lao động phù hợp với điều kiện hiện có, tập trung điều kiện vật chất cho những mục tiêu cấp bách nhất, thu hẹp tình trạng mất cân đối và nâng cao hiệu quả kinh tế, phù hợp với phương hướng nhiệm vụ và kế hoạch kinh tế những năm tới, nhằm phát triển sản xuất phục vụ và bảo đảm tốt đời sống, củng cố và phát triển quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa.

a) Trong nông nghiệp:

- Tập trung cao độ vào nhiệm vụ hàng đầu là sản xuất lương thực, thực phẩm. Phấn đấu với mức độ cao nhất về sản xuất lương thực, cần phải tăng cường, thâm canh lúa nước và cố gắng khai hoang mở rộng diện tích lúa ở những nơi có điều kiện phát triển thêm diện tích và chú trọng thâm canh hoa màu tiến tới ổn định diện tích màu, với năng suất cao, chống xói mòn trên diện tích canh tác và hạn chế phát rừng làm nương dẫy. Đồng thời đẩy mạnh sản xuất để từng bước tự giải quyết nhu cầu thực phẩm, có biện pháp củng cố các vành đai thực phẩm ở khu vực tập trung dân cư, phát triển chăn nuôi gia súc ở cả ba khu vực, quốc doanh, tập thể và gia đình, chú trọng gia súc ăn cỏ và nuôi cá.

- Đẩy mạnh trồng cây công nghiệp và cây làm xuất khẩu, coi đó là biện pháp thiết thực để góp phần giải quyết tình hình cấp bách hiện nay và phát huy thế mạnh lâu dài của tỉnh miền núi. Cần củng cố và phát triển các vùng chuyên canh đối với cây chè, quế, mía, cây đặc sản, cây dược liệu, cây có dầu... bảo đảm thực hiện chính sách về cung cấp lương thực và hàng trao đổi để ổn định sản xuất vùng chuyên

canh, đồng thời có biện pháp phát triển và mở rộng trồng cây công nghiệp, cây dược liệu trong các cơ sở nông, lâm nghiệp quốc doanh, hợp tác xã nông nghiệp và trong nhân dân.

- Tiến hành soát xét lại phương hướng, quy hoạch và kế hoạch sản xuất của nông, lâm trường, trạm trại quốc doanh, bảo đảm việc đầu tư có hiệu quả thiết thực. Trước mắt, tiến hành ngay đối với các cơ sở đang bị thua lỗ, tình hình sản xuất sút kém như Nông trường Văn Hưng, Nông trường Bảo Yên, Nông trường sở Thanh niên, Phú Xuân, Phong Hải, Công ty Cơ giới nông nghiệp... và xác định nhiệm vụ các lâm trường, nông trường vùng biên giới.

- Mặt khác phải sớm tổng kết và hướng dẫn phương hướng phát triển kinh tế gia đình, nhất là vùng nông thôn trọng điểm hàng hóa và các thị xã, thị trấn, khu công nghiệp, khai thác tốt kinh tế vườn gia đình nhằm tăng nhanh nông sản hàng hóa giải quyết một phần khó khăn về lương thực, thực phẩm hiện nay.

b) Trong công nghiệp, xây dựng cơ bản và vận tải.

Sản xuất công nghiệp tập trung vào nông cụ, khai thác than, vật liệu xây dựng, sành sứ, thủy tinh chế biến nông sản, lương thực, thực phẩm, dược phẩm, khai thác và chế biến lâm sản. Có phương án đầu tư chiều sâu đối với những cơ sở có khả năng phát triển, có hiệu quả thiết thực như đường, rượu, giấy... đầu tư cải tạo mạng điện thị xã Yên Bái bảo đảm cung cấp ổn định cho các cơ sở quan trọng. Đồng thời, rà soát và xác định nhiệm vụ sản xuất đối với các xí nghiệp có khó khăn về nguyên liệu hoặc khó khăn về tiêu thụ như Xí nghiệp chế biến mì, màu (Hưng Khánh, Văn Bàn), Xí nghiệp nước đá, Xí nghiệp hoa quả hộp, nghiên cứu bố trí sản xuất lại các cơ sở quốc doanh phải hết sức coi trọng củng cố và phát triển hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp và nghề phụ gia đình ở thị xã, thị trấn và nông thôn.

c) Trong đầu tư vốn và chỉ đạo xây dựng cơ bản cần có biện pháp tiếp tục thi công gọn các công trình dở dang, tập trung hoàn thành các công trình trọng điểm như Xí nghiệp sứ, khai thác than, Trạm bơm Việt Thành, Thủy nông Mít Nai, Xí nghiệp chè hương và một số công

trình phúc lợi công cộng trong khu vực thị xã Yên Bái. Tiếp tục thi công các tuyến đường phía bắc, có phương án đầu tư để tăng cường vận tải thủy, đầu tư các bến cảng. Đối với những công trình đang chuẩn bị cần rà xét kỹ về hiệu quả và điều kiện xây dựng, những công trình phúc lợi công cộng cần thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” như bệnh viện, trường học... Về tổ chức lực lượng xây dựng cần tiếp tục nghiên cứu việc tổ chức sắp xếp hợp lý các công ty xây dựng thuộc các ty: Xây dựng, Giao thông vận tải, Thủy lợi, kể cả việc xem xét để có thể giảm bớt các tổ chức xây dựng trong ngành như Sở Công nghiệp, Sở Lâm nghiệp, Ty Thương nghiệp, nghiên cứu sáp nhập các tổ chức xây dựng cơ bản huyện (bao gồm giao thông, thủy lợi và xây dựng).

d) Trong giao thông vận tải cần tập trung phương tiện cho vận tải công cộng, rà soát và điều chỉnh bớt phương tiện chuyên dùng, phương tiện chủ lực. Có phương án về tăng cường đầu tư vận tải thủy, vận tải thô sơ, vận tải ở cấp huyện, nhất là những huyện trọng điểm.

đ) Trong thương nghiệp

Bên cạnh nhiệm vụ cung cấp các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống, việc sắp xếp tổ chức thương nghiệp nhằm bảo đảm yêu cầu mở rộng kinh doanh có hiệu quả kinh tế. Cần tăng cường tổ chức thương nghiệp cấp huyện, tăng cường công ty cấp 3, nghiên cứu sáp nhập tổ chức các công ty cấp 2 chủ yếu làm nhiệm vụ bán buôn, chấp nhận hàng cấp I để có lực lượng tăng cường tổ chức trao đổi hàng hóa ngoài tỉnh và tổ chức thu mua. Trước mắt nghiên cứu giảm bớt tổ chức công ty và cửa hàng mậu dịch kinh doanh thua lỗ, ít hàng hóa mà xét thấy có thể chuyển sang hình thức hợp tác xã như quốc doanh ăn uống, dịch vụ (cắt tóc, sửa chữa đồng hồ, xe đạp...) nếu còn để quốc doanh thì phải chấm dứt ngay tình trạng làm ăn thua lỗ.

e) *Sắp xếp lao động*: Thực hiện sắp xếp lại sản xuất kinh doanh, tinh giảm biên chế bộ máy hành chính sự nghiệp, bộ máy gián tiếp, tổ chức thu gọn hệ thống đào tạo để sắp xếp sử dụng hợp lý lao động. Đồng thời tạo thêm ngành nghề như làm lương thực, thực phẩm, xây

dựng nhà ở tăng cường lực lượng thu thuế, thu mua... để thu hút số lao động dôi ra, bảo đảm việc làm có năng suất và bảo đảm thu nhập cho người lao động. Cố gắng duy trì lao động kỹ thuật.

2. Về lương thực và thực phẩm

- Nhiệm vụ thu mua và cung cấp lương thực rất gay gắt và nặng nề, cần hết sức tập trung vào các mặt sản xuất, thu hoạch, phân phối, thu mua, cung cấp và tiết kiệm tiêu dùng lương thực.

+ Trước mắt làm nhanh gọn thu hoạch rạ chiêm - xuân, chuẩn bị đủ dụng cụ phương tiện và tập trung lao động vào thu hoạch. Có biện pháp bảo vệ mùa màng, đề phòng lũ lụt. Đồng thời đẩy mạnh sản xuất vụ mùa, cần có sự chỉ đạo ráo riết với tinh thần “lấy mùa bù đông - xuân” phấn đấu cấy hết diện tích, đúng thời vụ, bảo đảm kỹ thuật. Tiếp tục và đẩy mạnh trồng hoa màu trước mắt đẩy mạnh trồng rau màu vụ hè, tận dụng và mở rộng khai hoang thêm diện tích lúa, ngô để bù lại diện tích màu bị hại trong vụ đông - xuân. Phải thực hiện tốt các biện pháp thâm canh lúa và chăm sóc hoa màu, chuẩn bị chu đáo việc phục vụ sản xuất như giống, nông cụ, phân bón, bình bơm và thuốc trừ sâu, thủy lợi, vận tải...

+ Tổ chức đánh giá chính xác, và kịp thời năng suất và sản lượng thu hoạch vụ chiêm, xuân làm tốt phương án phân phối và thực hiện đầy đủ chế độ giao nông sản phẩm. Tăng cường mạng lưới thu mua đến từng cơ sở, có biện pháp và chính sách động viên việc giao nộp và bán lương thực với mức cao nhất, phấn đấu thu mua đạt và vượt mức kế hoạch. Đồng thời tiếp tục bám sát nguồn lương thực cấp I, cố gắng bảo đảm lương thực cung cấp ở mức tối thiểu trong khu vực Nhà nước. Ngoài ra, cần mua thêm hoa màu, đường mật, đậu, đỗ... và chế biến đưa vào bữa ăn để bù lượng tiêu dùng lương thực bằng gạo.

+ Làm tốt điều hòa lương thực cung cấp giữa các vùng, cố gắng bảo đảm lương thực ở các vùng trọng điểm cung cấp như thị xã Yên Bái, thị xã Lào Cai, Phố Lu... chú trọng bảo đảm cung cấp cho các cơ sở sản xuất nhất là các xí nghiệp chủ yếu, các cơ sở làm hàng tiêu

dùng và xuất khẩu quan trọng, các công trình trọng điểm, khai thác rừng và một số vùng chuyên canh... Quản lý chặt chẽ và triệt để tiết kiệm tiêu dùng lương thực, tăng cường quản lý thị trường bảo đảm tập trung việc thu mua lương thực vào tay Nhà nước.

+ Mặt khác cần thông qua việc tổ chức lại sản xuất nông, lâm nghiệp và công tác phân phối lưu thông nhằm khai thác thế mạnh và nông, lâm sản nhất là những đặc sản để xuất khẩu và trao đổi. Phấn đấu từng bước tự giải quyết nhu cầu thực phẩm.

+ Cần củng cố vành đai thực phẩm khu vực thị xã Yên Bái như vùng rau Tuy Lộc, các trại chăn nuôi, tăng cường quản lý và đẩy mạnh đánh bắt cá vùng hồ Thác Bà, chuẩn bị phương án xây dựng vành đai thực phẩm khu vực Mỏ apatít, đẩy mạnh chăn nuôi gia súc nhất là gia súc ăn cỏ, nuôi cá, chú ý bảo đảm giống, thức ăn cho chăn nuôi (nhất là chăn nuôi quốc doanh), phòng và trừ dịch bệnh, phòng và chống lũ lụt các hồ ao nuôi cá. Tiếp tục trồng đậu tương và trồng thêm vừng, lạc, đỗ, đậu các loại thích hợp với từng vùng. Đồng thời khuyến khích và tạo điều kiện tăng gia thực phẩm trong nhân dân nhất là công nhân viên, phát triển vườn rau gia đình, trồng cây ăn quả, ao thả cá, chăn nuôi gia cầm, lợn và gia súc ăn cỏ.

+ Đẩy mạnh thu mua thực phẩm, đề cao nghĩa vụ giao nộp và có biện pháp động viên nhân dân bán thực phẩm cho Nhà nước, tận thu mua hàng thực phẩm ngoài kế hoạch. Tổ chức chế biến và cung cấp thực phẩm, bảo đảm cung cấp thực phẩm thiết yếu cho công nhân viên.

3. Về sản xuất hàng tiêu dùng, bảo đảm điện và than

Đồng thời với việc cố gắng sản xuất nông cụ phục vụ nông nghiệp công nghiệp, và thủ công nghiệp cần làm tốt khai thác khả năng hiện có về nông, lâm sản, khoáng sản, từng bước vươn lên vững chắc, góp phần tích cực giải quyết hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, trước mắt tập trung vào những mặt sau đây:

- Đẩy mạnh khai thác than nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất vật liệu xây dựng, tạo thêm việc làm cho công nhân và có vật liệu xây

dùng để bán. Ngoài ra dùng than để cung cấp chất đốt cho các khu tập thể dân cư. Cần tiếp tục làm tốt công tác điều tra thăm dò, thiết kế khai thác than, tìm thêm mỏ than có chất lượng cao phục vụ sản xuất công nghiệp (cho xi măng, sứ và đúc nông cụ) và có thể dùng vào giải quyết hàng nhập.

- Đề nghị với Nhà nước về thống nhất tổ chức quản lý phân phối điện lưới và có phương án đầu tư cải tạo mạng điện khu vực thị xã Yên Bái bảo đảm cung cấp điện ổn định cho các cơ sở quan trọng, mặt khác cần có máy điện dự phòng và có phương án điều hòa phân phối điện hợp lý, có quy định mức dùng điện tối thiểu trong sinh hoạt và cắt giảm tiêu dùng điện đối với những hộ phân tán.

- Có kế hoạch cung cấp lương thực và giải quyết vận tải, cho khai thác lâm sản, nhất là khai thác gỗ, bảo đảm gỗ tốt cho sản xuất hàng mộc, đủ gỗ cho xây dựng, đủ nguyên liệu sản xuất giấy. Nâng cao chất lượng chế biến lâm sản như hàng mộc (chú trọng làm một số mặt hàng kỹ) hàng xuất khẩu, giấy viết... bảo đảm yêu cầu tiêu thụ có giá trị cao. Mặt khác, cần tổ chức tận thu các loại lâm sản dùng cho xuất khẩu, như nấm hương, mộc nhĩ, măng, song, mây... trong các nông, lâm trường, trong hợp tác xã và nhân dân.

Khai thác và chế biến dược liệu tăng thêm thuốc chữa bệnh và một phần dùng cho xuất khẩu.

- Củng cố và mở rộng chế biến nông sản thực phẩm như nước mắm, đậu phụ, đường mật, nước giải khát, chế biến màu...

Sớm hoàn thành xây dựng đưa Xí nghiệp sứ vào sản xuất, tiếp tục phát triển hàng thủy tinh, gốm, vôi, xi măng, vật liệu xây dựng dưới hình thức quốc doanh và tập thể đáp ứng yêu cầu cho sản xuất, xây dựng của Nhà nước, tập thể và bán cho tiêu dùng trong xây dựng của nhân dân.

Khuyến khích nhân dân sản xuất bông, lanh, tơ tằm và dệt vải tự giải quyết một phần nhu cầu về mặc.

4. Về giao thông vận tải

- Tập trung vào vận tải những hàng hóa chủ yếu có khối lượng lớn

phục vụ sản xuất, xây dựng, chiến đấu và đời sống như lương thực, thực phẩm, phân bón, hóa chất, than, lâm sản, vật liệu xây dựng... với sự phân công và thực hiện hợp đồng chặt chẽ. Xác định chân hàng ổn định và sử dụng với mức tối đa vận tải đường sắt và vận tải thủy. Tranh thủ tiếp nhận hàng cấp I và vận chuyển hàng cho tuyến biên giới trước mùa mưa lũ, đồng thời bảo đảm vận tải phục vụ sản xuất vụ mùa, phục vụ thu mua và phục vụ sản xuất đối với những cơ sở quan trọng.

- Đầu tư thêm phương tiện vận tải cho cấp huyện, chú trọng vận tải thô sơ. Tăng cường năng lực vận tải thủy (gồm phương tiện, bến, cảng), nghiên cứu đầu tư vận tải thủy đường dài để có điều kiện mở rộng quan hệ trao đổi hàng hóa và đầu tư phương tiện vận tải thủy, loại nhỏ phù hợp với các đường thủy trong tỉnh.

- Có phương án bảo đảm giao thông, thông tin liên lạc trong mùa mưa lũ, nhất là trên các tuyến chính. Bảo đảm giao thông ở các bến như Phố Lu, Bến Đền, Âu Lâu... để phòng địch phá hoại. Tiếp tục thi công nhanh các tuyến đường phía bắc.

- Quản lý và tiết kiệm trong vận tải, sử dụng hợp lý phương tiện, tăng cường vận chuyển hàng hai chiều, quản lý chặt chẽ và sử dụng tiết kiệm nhiên liệu.

5. Phân phối lưu thông, quản lý thị trường

Hoạt động thương nghiệp bao gồm cả nội thương và xuất khẩu phải có sự chuyển hướng mạnh mẽ sang kinh doanh góp phần quan trọng và thiết thực để gỡ tình hình kinh tế hiện nay. Do đó phải củng cố và tăng cường thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán để đẩy mạnh thu mua, nắm nguồn hàng và mở rộng kinh doanh.

6. Về nội thương

Đôn đốc thực hiện giao nộp sản phẩm trong các xí nghiệp quốc doanh bảo đảm giao đủ sản phẩm trong kế hoạch và phần sản phẩm ngoài kế hoạch theo quy định Nhà nước, phối hợp với chính quyền các

cấp bám sát cơ sở, đề cao nghĩa vụ bán sản phẩm cho Nhà nước theo giá chỉ đạo kết hợp với động viên nhân dân bán thực phẩm và các hàng nông sản theo giá kinh doanh. Đồng thời, tích cực mở rộng quan hệ kinh doanh với các tỉnh bạn và tranh thủ tiếp nhận hàng cấp I phấn đấu từng bước nâng quỹ hàng đối lưu bảo đảm trao đổi và nắm được phần lớn sản phẩm hàng hóa tiến tới làm chủ thị trường, bảo đảm cung cấp hàng thiết yếu cho bộ đội, cán bộ, công nhân viên và tích cực tham gia nhiệm vụ xuất khẩu, bảo đảm kinh doanh có lãi.

- Tổ chức tốt việc cung cấp hàng hóa đến người tiêu dùng nhất là cung cấp hàng thiết yếu cho bộ đội, cán bộ, công nhân viên và bảo đảm hàng trao đổi nhất là đối với các vùng chuyên canh. Chú trọng cung cấp hàng hóa cho tuyến biên giới và các vùng tập trung dân cư. Thực hiện tốt chính sách bù giá đối với mặt hàng không bảo đảm cung cấp theo định lượng cho cán bộ, công nhân viên.

- Trên cơ sở củng cố và tăng cường thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán làm tốt việc khai thác năm nguồn hàng địa phương, cần mở rộng hoạt động kinh doanh, hoạt động dịch vụ, mở thêm các cửa hàng bán lẻ, vật liệu xây dựng, lâm sản, chất đốt, cho nhân dân.

Về xuất khẩu:

- Có kế hoạch cho các ngành, các cấp và các đơn vị nông, lâm nghiệp quốc doanh sản xuất, khai thác và chế biến hàng xuất khẩu. Hướng lâu dài phải tích cực tổ chức sản xuất hình thành các vùng cây xuất khẩu chủ lực như: chè, quế, dược liệu cây và hạt có dầu, đặc sản khác và một số sản phẩm công nghiệp xuất khẩu như: sứ, giấy, dược phẩm, vật liệu xây dựng và một số khoáng sản có thể xuất được. Trước mắt tập trung vào khai thác thu mua lâm sản dưới dạng nguyên liệu như quế, chè, các loại thảo quả, nhóm dược liệu, tinh dầu thảo mộc, gừng, nghệ, măng khô, nấm hương, song mây, cần câu, gậy trúc, cật nữa, cật giang, rượu tam thất Bắc Hà... với giá trị hàng xuất khẩu tiểu ngạch và trao đổi với các tỉnh bạn khoảng 12 triệu đồng (ngoài kế hoạch đã giao đầu năm). Cần tổ chức thăm dò thị trường trong và

ngoài nước để xác định mặt hàng ổn định. Phấn đấu trong những năm tới phát triển hàng xuất khẩu bảo đảm nhiệm vụ giao nộp cho Trung ương và có khối lượng hàng xuất của địa phương ngày càng lớn, góp phần giải quyết kịp thời những yêu cầu cấp bách trong sản xuất và đời sống.

- Tổ chức tốt việc sản xuất, khai thác, thu mua và quản lý hàng xuất khẩu. Các ngành quản lý sản xuất kinh doanh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã có nhiệm vụ tổ chức và chỉ đạo các đơn vị cơ sở thực hiện sản xuất, khai thác hàng xuất khẩu, phấn đấu hoàn thành và vượt mức kế hoạch, bảo đảm nhiệm vụ giao nộp mọi sản phẩm xuất khẩu tập trung thành quỹ hàng xuất khẩu của tỉnh do Công ty Liên hiệp xuất khẩu quản lý và thực hiện nhiệm vụ xuất khẩu, theo kế hoạch tỉnh giao. Công ty Liên hiệp xuất khẩu có nhiệm vụ hướng dẫn sản xuất và khai thác hàng xuất khẩu bảo đảm chất lượng, cùng với ty thương nghiệp với các ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị bàn thống nhất về tổ chức, phân công thu mua trên các địa bàn, về ký hợp đồng giao nhận hàng, về thực hiện chính sách đối với người làm xuất khẩu và về biện pháp quản lý hàng xuất khẩu. Riêng đối với một số mặt hàng như quế (bao gồm cả các sản phẩm chế biến từ cây quế), sa nhân, cốt tinh thảo, nụ vối, thảo quả, gừng, nghệ, ớt khô, cánh kiến, dầu màng tang, tắc kè chuyển giao cho Công ty Liên hiệp xuất khẩu quản lý thu mua. Nói chung các hàng xuất khẩu và hàng trao đổi ngoại tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung quản lý bảo đảm việc xuất và nhập hàng có hiệu quả, riêng đối với những sản phẩm vượt mức kế hoạch và không thuộc diện hàng xuất khẩu, các ngành, các huyện, thị và các đơn vị cơ sở được sử dụng trao đổi ngoại tỉnh sau khi báo cáo thông qua Ủy ban nhân dân tỉnh về lượng hàng đem đổi cũng như kết quả nhận hàng trao đổi để việc điều hòa phân phối nói chung của tỉnh được hợp lý.

- Cần thực hiện tốt các mặt phục vụ công tác xuất khẩu, cố gắng bảo đảm cung cấp lương thực cho các vùng chuyên canh làm hàng xuất khẩu và bảo đảm hàng đổi lưu cho thu mua hàng xuất khẩu.

Chú trọng phát triển cây quế, giao cho Công ty Liên hiệp xuất khẩu phụ trách vùng quế từ đầu tư trồng, chăm sóc đến thu hoạch, quản lý sản phẩm cũng như bảo đảm thực hiện các chính sách đối với vùng quế, thu hoạch và chế biến sản phẩm về quế (kể cả tận thu cành, lá chế biến tinh dầu). Đối với cây chè, hạt có dầu, dược liệu và đặc sản khác phải củng cố và phát triển theo hướng thâm canh, tạo vùng tập trung, thực hiện đúng đắn các chính sách giá cả lương thực và đối lưu hàng công nghệ phẩm, phân bón cho người sản xuất. Thực hiện thống nhất về giá cả thu mua hàng xuất khẩu đi đôi với việc bảo đảm mặt hàng đối lưu.

- Về thu ngân sách và tiền mặt:

+ Tích cực thực hiện thu ngân sách đề cao nghĩa vụ giao nộp và triệt để khai thác mọi nguồn thu, tăng cường thu thuế công thương nghiệp và tận thu thuế nông nghiệp, kiên quyết chống thất thu. Đồng thời quản lý chặt chẽ và thực hiện tiết kiệm nghiêm ngặt các khoản chi. Cần nghiên cứu áp dụng chế độ kinh doanh, hạch toán, lấy thu bù chi đối với các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao và hoạt động khoa học - kỹ thuật khác như thu học phí, viện phí, thiết kế phí... để giảm bớt chi phí của Nhà nước và có vốn bảo đảm hoạt động. Mặt khác cần nghiên cứu điều chỉnh định mức vốn lưu động phục vụ sản xuất và kinh doanh của các đơn vị cơ sở.

+ Cố gắng giảm bội chi tiền mặt, chủ yếu bằng việc bảo đảm hàng hóa cung cấp theo định lượng cho công nhân viên, tiết kiệm chi tiền mặt với mức thấp nhất, hạn chế việc dùng nhiều tiền mặt mua hàng hóa. Đồng thời làm tốt việc thu tiền mặt nhất là trong khâu bán hàng, động viên gửi tiền tiết kiệm. Có biện pháp dành quỹ tiền mặt bảo đảm ổn định và phục vụ kịp thời nhiệm vụ thu mua, nhất là thu mua lương thực, hàng xuất khẩu, hàng đối lưu và hàng nông sản thực phẩm... Từng bước xây dựng quỹ tiền mặt phục vụ mở rộng kinh doanh thương nghiệp, mặt khác Ủy ban Kế hoạch cùng với Ty Xây dựng, Sở Lâm nghiệp bố trí một khối lượng lâm sản và vật liệu xây dựng cần thiết bán cho nhân dân để đáp ứng nhu cầu nhà ở và thu tiền mặt.

- Về tăng cường quản lý thị trường:

Một mặt tích cực phấn đấu bảo đảm Nhà nước nắm phần lớn hàng hóa làm chủ được thị trường, từng bước ổn định vật giá, đồng thời tăng cường lực lượng và trách nhiệm người làm công tác quản lý, phối hợp với chính quyền các cấp và động viên phong trào quần chúng bảo đảm quản lý chặt chẽ ngay từ gốc và các đầu mối giao thông đối với các mặt hàng quan trọng như đặc sản, hàng xuất khẩu, lương thực... cảnh giác và trừng trị kịp thời những phần tử xấu, phần tử địch dùng vật chất và tiền bạc vào moi hàng, phá hoại kinh tế và gây rối loạn nhất là các vùng biên giới, vùng đặc sản (quế, dược liệu...). Tổ chức phối hợp các ngành tiến hành chiến dịch quét mạnh bọn đầu cơ buôn lậu, bọn làm ăn phi pháp theo tinh thần Nghị quyết số 83 của Hội đồng Bộ trưởng.

III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ sản xuất kinh doanh trong điều hành và quản lý kinh tế. Các cấp, các ngành và các đơn vị cơ sở phải tuân theo kế hoạch thống nhất và ra sức phấn đấu với quyết tâm cao nhất để thực hiện các chỉ tiêu pháp lệnh của kế hoạch như giá trị tổng sản lượng, sản lượng sản phẩm hàng hóa... Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm, giao nộp ngân sách, thực hiện đúng đắn ba lợi ích: Nhà nước, tập thể và người lao động, tôn trọng tính tập trung thống nhất của các công cụ, giá cả, tài chính, tiền tệ, thống kê... để Nhà nước quản lý và điều hành có hiệu quả việc xây dựng và cải tạo nền kinh tế quốc dân. Đồng thời phát huy mạnh mẽ quyền chủ động, sáng tạo của các ngành, các cấp và các đơn vị cơ sở bảo đảm tính tự chủ trong sản xuất và kinh doanh, chủ yếu tập trung vào việc tìm nguyên vật liệu thay thế, tìm thêm việc làm, cải tiến hợp lý hóa tổ chức sản xuất, chủ động nghiên cứu đề xuất việc mở rộng sản xuất đúng hướng, bảo đảm kinh doanh có lãi.

2. Cải tiến công tác kế hoạch hóa bảo đảm tính hiện thực, có căn cứ khoa học. Cần tập trung làm tốt và sớm hoàn thành các chương trình khoa học - kỹ thuật có mục tiêu nhằm tìm cách khai thác và sử dụng có hiệu quả mọi khả năng hiện có của địa phương vào phát triển kinh tế, xã hội trong nhiệm vụ kế hoạch những năm tới. Đồng thời cần gắn ngay việc áp dụng các chương trình vào kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ cấp bách phù hợp với tình hình hiện nay, trước hết tập trung xác định cơ cấu bữa ăn để giải quyết có kết quả vấn đề lương thực, thực phẩm, xác định nhu cầu thị trường trong và ngoài nước để có kế hoạch khai thác và sản xuất, hàng trao đổi và hàng xuất khẩu có giá trị kinh tế, có hiệu quả, góp phần tích cực và kịp thời vào phục vụ các nhiệm vụ bức thiết về kinh tế và đời sống. Cùng với các chương trình khác như phương án bảo đảm điện và than, phương án sản xuất hàng tiêu dùng, phương án giao thông vận tải, phương án tổ chức sắp xếp và sử dụng lao động để xây dựng và thực hiện kế hoạch cuối năm đạt kết quả tốt.

3. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy thực hiện các nhiệm vụ cấp bách bảo đảm sự phối hợp đồng bộ và phân công trách nhiệm trên từng mặt công tác. Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh phải điều hành và phân công chủ trì, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ dưới đây:

- Về nhiệm vụ sắp xếp lại sản xuất kinh doanh và lao động: Các ngành quản lý sản xuất kinh doanh như nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, thương nghiệp, thủy lợi, cùng với các ngành quản lý tổng hợp tổ chức và rà soát có phương án sắp xếp sản xuất kinh doanh và lao động đối với các đơn vị cơ sở và các ngành chức năng phải lập phương án cụ thể, kể cả phương án cải tiến một số cơ chế trong sản xuất kinh doanh, tiền, hàng, giá cả... để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh duyệt vào tháng 7-1982.

- Về nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp: Ủy ban Kế hoạch, Sở Nông nghiệp, Sở Lương thực và Chi cục Thống kê cùng với Ủy ban nhân dân các huyện tổ chức đánh giá và nắm sát tình hình kết quả sản xuất vụ

đồng - xuân, chỉ đạo thu hoạch nhanh gọn và quản lý chặt chẽ phương án phân phối, giao nộp lương thực, đồng thời có kế hoạch và biện pháp cụ thể nhiệm vụ sản xuất vụ mùa. Bằng mọi biện pháp tập trung cao độ vào mặt trận sản xuất nông nghiệp phấn đấu hoàn thành kế hoạch nhà nước.

- Về nhiệm vụ thu mua: Các ngành có nhiệm vụ thu mua lương thực thương nghiệp, Công ty Liên hiệp xuất khẩu... làm việc với Ban Tổ chức tăng cường lực lượng thu mua ở tỉnh và ở huyện, tổ chức lực lượng kinh doanh ngoài tỉnh, củng cố và phát triển hợp tác xã mua bán, trước mắt bố trí mạng lưới trên các địa bàn tập trung vào thu mua lương thực vụ đông - xuân, nông sản thực phẩm, dược liệu, lâm sản... Đồng thời tổ chức quan hệ nắm thị trường ngoài tỉnh, cùng với Ủy ban Kế hoạch và các ngành liên quan xây dựng kế hoạch kinh doanh với các tỉnh bạn và xuất khẩu.

- Ủy ban Kế hoạch cùng với Sở Lương thực làm việc với các ngành quản lý sản xuất công nghiệp và xây dựng cơ bản về bảo đảm cung cấp lương thực cho các xí nghiệp quan trọng, cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng quan trọng và các công trình trọng điểm, bàn việc giải quyết lương thực cho các vùng chuyên canh.

- Về nhiệm vụ giải quyết lao động dôi ra: Ty Lao động và Ủy ban Kế hoạch phối hợp với các ngành liên qua làm việc với ngành chủ quản và Ủy ban nhân dân các huyện, thị về xác định biên chế sử dụng lao động trong tất cả các đơn vị sản xuất kinh doanh, các cơ quan hành chính sự nghiệp và phương án giải quyết số lao động dôi ra bảo đảm sử dụng lao động hợp lý, có hiệu quả thiết thực.

- Ủy ban Kế hoạch, Ty Xây dựng, Sở Công nghiệp, Sở Lâm nghiệp bàn việc tổ chức tự khai thác nguyên liệu địa phương phục vụ sản xuất và xây dựng, chủ yếu là nguyên liệu lâm sản.

- Sở Công nghiệp bàn cụ thể với các tổ chức liên quan về việc ổn định cung cấp điện, có phương án bảo đảm điện cho sản xuất, cùng với Ty Xây dựng và các ngành liên quan bàn nhiệm vụ đẩy mạnh khai thác than, phân công quản lý khai thác và tăng cường vận tải than.

- Ty Xây dựng cùng Ủy ban Kế hoạch và các ngành liên quan chuẩn bị kế hoạch phát triển và mở rộng sản xuất vật liệu xây dựng, kế hoạch và chính sách xây dựng nhà ở nhân dân.

- Sở Tài chính - vật giá cùng với Sở Công an và các ngành liên quan bàn nhiệm vụ quản lý thị trường, tổ chức chiến dịch truy quét mạnh bọn buôn lậu, phi pháp, bọn đầu cơ, bàn giải quyết chế độ động viên trách nhiệm người làm công tác quản lý thị trường, người làm thu mua.

4. Tổ chức quán triệt tinh thần nhiệm vụ cấp bách trong ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở và quần chúng nhân dân nhằm phát huy tinh thần làm chủ tập thể, ý thức tự lực, tự cường, động viên khả năng sáng tạo của quần chúng khắc phục khó khăn, tiếp tục phát động phong trào thi đua sôi nổi và tổ chức ký giao ước thi đua giữa các đơn vị, phấn đấu hoàn thành kế hoạch nhà nước năm 1982 và các năm sau.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 157-TB/TU, ngày 21-6-1982

Về việc thành lập tiểu ban chỉ đạo sơ kết việc xây dựng cấp huyện

Thực hiện Thông tri số 04-TT/TW, ngày 10-6-1982 của Ban Bí thư Trung ương về hướng dẫn sơ kết việc chỉ đạo điểm xây dựng cấp huyện, trong phiên họp ngày 19-6-1982 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định thành lập tiểu ban chỉ đạo sơ kết việc xây dựng cấp huyện, gồm các đồng chí:

1- Bùi Hữu Bình, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng tiểu ban.

2- Hoàng Kim Phấn, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là Ủy viên.

3- Lê Khay, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy làm Ủy viên.

Nhiệm vụ của tiểu ban thực hiện theo tinh thần Thông tri số 04, ngày 10-6-1982 của Ban Bí thư và căn cứ vào tình hình thực tiễn của tỉnh để hướng dẫn các ngành, các cấp tiến hành sơ kết và sử dụng các ban tham mưu kinh tế phục vụ cho việc sơ kết.

Vậy thông báo để các huyện, thị, các ban, ngành biết và tham gia vào công tác sơ kết đạt kết quả.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 790-QN/TU, ngày 8-7-1982

Về việc tách cơ sở đảng

Căn cứ Quyết định số 24, ngày 9- 1- 1980 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn về việc thành lập Công ty Xây dựng lâm nghiệp;
Căn cứ Điều 11 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
Xét đề nghị của Thị ủy thị xã Yên Bái,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y đề nghị của Thị ủy thị xã Yên Bái, tách Chi bộ Công ty Xây dựng lâm nghiệp khỏi Đảng ủy Sở Lâm nghiệp và nâng lên thành chi bộ cơ sở trực thuộc sự chỉ đạo của Thị ủy thị xã Yên Bái.
2. Nhiệm vụ của tổ chức cơ sở của Đảng thực hiện theo Chương 5 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.
3. Thị ủy thị xã Yên Bái và các chi bộ, đảng bộ có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 791-QN/TU, ngày 8-7-1982

Về việc thành lập cơ sở đảng

Căn cứ Quyết định số 287-CNTP/TCQL của Bộ Công nghiệp Thực phẩm về việc thành lập Bệnh viện khu vực Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần Phú;

Căn cứ Điều 11 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

Xét đề nghị của Đảng ủy Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần Phú,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y đề nghị của Đảng ủy Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần Phú, thành lập Chi bộ Bệnh viện Xí nghiệp liên hợp chè Trần Phú, Chi bộ Bệnh viện Xí nghiệp liên hợp chè Trần Phú đặt dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần Phú.

2. Nhiệm vụ của tổ chức cơ sở của Đảng thực hiện theo Chương V Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Đảng ủy Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần Phú và chi bộ có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 50-TT/TU, ngày 9-7-1982

Hướng dẫn kế hoạch và nội dung sơ kết công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện

Thi hành Thông tri 04-TT/TW, ngày 10-6-1982 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiến hành sơ kết công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định thành lập tiểu ban chỉ đạo sơ kết việc xây dựng cấp huyện giúp tỉnh tiến hành công tác này (Thông báo số 117-TB/TU, ngày 21-6-1982).

Để việc sơ kết đạt chất lượng tốt có tác dụng thi hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy hướng dẫn một số điểm sau đây:

I. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH SƠ KẾT

1. Ở tỉnh

Thông tri 04-TT/TW đã chỉ ra những nhiệm vụ cụ thể tỉnh ta phải tiến hành trong thời gian tới là:

- Sử dụng một số cán bộ lãnh đạo và cán bộ nghiên cứu của các ngành làm tham mưu trong việc điều tra, nghiên cứu, tổng hợp tình hình, xây dựng báo cáo chung của tỉnh, đồng thời có nhiệm vụ tiếp tục theo dõi giúp tỉnh chỉ đạo công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện.

- Nghiên cứu Thông tri 04-TT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng hướng dẫn kế hoạch và nội dung sơ kết thống nhất trong toàn tỉnh, đồng thời đề ra phương hướng nhiệm vụ của công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ở tỉnh ta trước mắt và trong những năm tới.

- Theo dõi và đôn đốc việc sơ kết công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ở các huyện, thị ủy và các ngành, chuẩn bị xúc tiến việc mở hội nghị sơ kết trong toàn tỉnh. Đi sâu nghiên cứu và xây dựng các huyện điển đại diện cho các loại hình huyện khác nhau để có cơ sở tiếp tục chỉ đạo hoàn chỉnh phương án xây dựng và tăng cường cấp huyện trong những năm tới ở tỉnh ta.

2. Đối với các huyện, thị ủy và các ngành

- Các huyện, thị ủy và các ngành cần quán triệt nội dung Thông tri 04-TT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng trong Ban Thường vụ và trong lãnh đạo ngành, lập Ban chỉ đạo chuyên trách giúp cấp ủy và lãnh đạo ngành sơ kết công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện do đồng chí phó bí thư thường trực Đảng làm trưởng ban, đồng chí thường vụ phó chủ tịch phụ trách nông nghiệp và đồng chí thường vụ trưởng ban tổ chức Đảng làm ủy viên. Các ngành của tỉnh cũng phải thành lập bộ phận chuyên trách công tác này do một đồng chí lãnh đạo sở, ty, ban, ngành phụ trách.

Ban chỉ đạo sơ kết công tác xây dựng và tăng cường cấp huyện cần nghiên cứu và trưng tập một số cán bộ có năng lực, am hiểu tình hình làm tham mưu giúp cấp ủy và lãnh đạo các ngành trong việc điều tra, nghiên cứu và tổng hợp tình hình, xây dựng báo cáo của đơn vị mình gửi về Văn phòng Tỉnh ủy và Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy theo thời gian quy định: đối với các Huyện ủy, thị ủy chậm nhất là ngày 30-7-1982, các ngành ở tỉnh chậm nhất là ngày 20-7-82.

II. NỘI DUNG SƠ KẾT CÔNG TÁC XÂY DỰNG HUYỆN VÀ TĂNG CƯỜNG CẤP HUYỆN

Căn cứ vào tình hình và nội dung Thông tri 04-TT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy hướng dẫn một số vấn đề cơ bản sau đây:

1. Vấn đề quy mô cấp huyện

Về quy mô cấp huyện: Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ hai khóa IV đã chỉ ra nền sản xuất lớn phải có một quy mô thích hợp song nhiều nơi quán triệt tinh thần này chưa đầy đủ nên tiến hành sáp nhập huyện, xã và hợp tác xã quá to, trong thực tế đã gây khó khăn cho việc tổ chức sản xuất và quản lý. Vì vậy chỉ ở những nơi có tình hình đó, trong dịp sơ kết này mới đặt vấn đề nghiên cứu tách ra hoặc điều chỉnh cho phù hợp.

Đối với tỉnh ta, vấn đề quy mô cấp huyện cũng có nhiều ý kiến bởi lẽ đặc điểm của tỉnh ta đất rộng, dân cư phân bố không đều, sản xuất đa dạng và hình thành nhiều vùng kinh tế khác nhau. Việc xác định quy mô cấp huyện đối với tỉnh ta là vấn đề phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu và chỉ có thể kết luận khi nào có những điều kiện chủ quan và khách quan cho phép. Vì vậy, vấn đề quy mô cấp huyện ở tỉnh ta trong dịp sơ kết này chưa có thể đặt ra một cách cụ thể mà trước mắt cần tập trung mọi cố gắng vào việc phấn đấu giải quyết vấn đề trọng yếu nhất hiện nay là vấn đề lương thực như Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng đã đề ra.

- Về phân loại huyện:

Như Thông tri 04-TT/TW đã chỉ rõ vấn đề cơ bản ở đây là: Căn cứ vào điều kiện và khả năng của từng nơi mà xác định và bố trí cơ cấu sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp kết hợp với công nghiệp theo tinh thần phấn đấu bảo đảm lương thực và tăng thêm sản phẩm hàng hóa.

Đối với cấp huyện, việc cấp thiết trong lúc này là phải tiến hành rà soát lại toàn bộ phương hướng sản xuất, bố trí lại cơ cấu kinh tế

trong đó cốt lõi là vấn đề lương thực xem cái gì đúng, cái gì chưa đúng; cần phải bổ sung cái gì cho phù hợp với điều kiện thực tế để phát huy triệt để mọi tiềm năng của địa phương mình.

2. Vấn đề quy hoạch

Tỉnh ta cho đến nay đã tiến hành quy hoạch tổng thể toàn tỉnh và từng huyện, một số huyện đã tiến hành quy hoạch đến tận hợp tác xã, hầu hết quy hoạch tổng thể của các huyện được Trung ương và tỉnh xét duyệt.

Vì vậy, trong đợt sơ kết này cần rà soát và tính toán lại phương án quy hoạch xem cái gì làm được, cái gì chưa làm được, cái gì mang lại hiệu quả kinh tế, cái gì phi kinh tế. Rút ra kết luận và bổ sung phương án quy hoạch cho hoàn chỉnh bảo đảm khai thác triệt để mọi tiềm năng của địa phương, đề ra phương hướng bước đi, biện pháp thiết thực để thực hiện phương án quy hoạch sản xuất, tổ chức đời sống, từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp kết hợp với công nghiệp và thủ công nghiệp trên địa bàn huyện trong năm 1982 và đến năm 1985. Phải lấy việc phấn đấu thực hiện quy hoạch sản xuất và tổ chức đời sống là nhiệm vụ cơ bản hàng đầu của công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện trong đó tiêu chuẩn để đánh giá chất lượng là “phấn đấu tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính”.

3. Vấn đề tổ chức sản xuất từ cơ sở gắn với công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện

Đây là nội dung rất quan trọng có tính chất quyết định và bảo đảm cho công tác quy hoạch được thực hiện bao gồm:

Các đơn vị sản xuất, hợp tác xã, các nông - lâm trường, các trạm trại và các cơ sở kinh tế - kỹ thuật khắc phục sản xuất.

Nội dung này cần đi sâu kiểm điểm, rút kinh nghiệm việc mở rộng sản xuất kinh doanh của tập thể, phát triển kinh tế gia đình đúng hướng, cải tiến tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng quá trình tổ chức sản xuất, bảo đảm hiệu quả kinh tế cao nhất, bảo đảm phục tùng và ăn khớp phương hướng sản xuất chung.

Cần đi sâu đánh giá việc thi hành Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, rút ra những mặt tích cực, khắc phục những sai sót, lệch lạc theo chủ trương uốn nắn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Chỉ thị 13-CT/TU, ngày 20-3-1982 nhằm không ngừng nâng cao chất lượng của công tác khoán sản phẩm, từng bước cải tiến và hoàn chỉnh cơ chế khoán, góp phần vào việc đẩy mạnh sản xuất và tăng cường củng cố hợp tác xã.

Cần tổng kết rút kinh nghiệm việc củng cố các đơn vị sản xuất yếu kém, tăng cường tổ chức cơ sở đảng, gắn sinh hoạt đảng với việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất, gắn việc tổng kết công tác phát thể đảng với việc củng cố tổ chức, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ chính trị.

4. Vấn đề phân cấp quản lý cho huyện

Từ ba nội dung trên đây, vấn đề phân cấp quản lý cho cấp huyện phải xuất phát từ yêu cầu của sản xuất và tổ chức đời sống mà tính toán và cân nhắc một cách kỹ càng; hiểu và nặng về phân cấp, tính giản biên chế, sáp nhập phòng, ban, coi nhẹ và không tập trung đi sâu vào nội dung kinh tế là sai với tinh thần chủ trương của Trung ương Đảng về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện.

Qua đợt sơ kết này phải rà soát lại một số vấn đề như: Tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật cho huyện, vấn đề phân cấp các đơn vị sản xuất kinh doanh, vấn đề kế hoạch hóa ở cấp huyện, vấn đề thu chi ngân sách, công tác cán bộ và bộ máy quản lý ở cấp huyện... Đánh giá tác dụng và hiệu quả kinh tế sau khi phân cấp, cần làm rõ vai trò lãnh đạo của cấp ủy, chức năng quản lý của chính quyền, vai trò tham gia quản lý của các đoàn thể quần chúng, hướng Huyện ủy đi vào thực sự chỉ đạo kinh tế theo quy hoạch sản xuất.

5. Những chủ trương, biện pháp nhằm tiếp tục tăng cường chỉ đạo công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện

Căn cứ vào bốn nội dung trên đây cần kiểm điểm rút ra những bài học kinh nghiệm, nên nêu được những vướng mắc, đề xuất được

những vấn đề mới nhằm bổ sung và làm rõ để có thể sớm ban hành những chính sách, những quy định cần thiết về quyền hạn và trách nhiệm của cấp huyện, mối quan hệ và lễ lối làm việc trên địa bàn huyện, tỉnh và Trung ương.

Những nội dung trên đây có mối quan hệ chặt chẽ với nhau đồng thời là những vấn đề cơ bản các cấp, các ngành cần nghiên cứu vận dụng nhằm thực hiện đúng tinh thần Thông tri 04-TT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Các ngành ở tỉnh cần đối chiếu với chức năng và nhiệm vụ của ngành mình với việc xây dựng và tăng cường cấp huyện mà tiến hành kiểm điểm và sơ kết.

Các huyện ủy, thị ủy và các ngành phải chỉ đạo thực hiện tốt Thông tri của Trung ương, lấy việc sơ kết công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện làm cơ sở cho việc xây dựng đề án công tác của các huyện, thị và ngành trong Đại hội vòng 2 kỳ này bảo đảm đúng yêu cầu và thời gian quy định.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 780-QN/TU, ngày 15-7-1982

Về việc tách và nâng cấp tổ chức cơ sở đảng

Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định;

Xét tính chất, nhiệm vụ, tình hình tổ chức hiện tại và đề nghị của Đảng bộ Mỏ apatít Lào Cai;

Sau khi đã có sự nhất trí giữa Thường vụ Tỉnh ủy và Ban cán sự Tổng cục Hóa chất,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y tách Đảng ủy, Bộ phận Xí nghiệp xây lắp Mỏ và Chi bộ nhỏ Ban Kiến thiết mở rộng Mỏ đang trực thuộc Đảng bộ Mỏ apatít Lào Cai nâng thành hai Đảng ủy cơ sở và chuyển giao về trực thuộc sự lãnh đạo của Thị ủy thị xã Lào Cai. Riêng Đảng bộ Mỏ apatít Lào Cai vẫn trực thuộc sự lãnh đạo của Tỉnh ủy như hiện nay.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức cơ sở đảng căn cứ vào Chương V Điều 33, 36, 37 Điều lệ Đảng để thực hiện.

3. Ban Chấp hành Đảng ủy hai Đảng bộ trên được giữ nguyên và được công nhận là cấp ủy viên chính thức của hai Đảng bộ cơ sở, vẫn tiếp tục hoạt động theo sự phân công của tập thể Ban Chấp hành.

- Những đồng chí cấp ủy viên trong hai Đảng bộ (Xí nghiệp xây lắp, Ban Kiến thiết mở rộng) hiện có một số đồng chí có cơ cấu ở Ban

Chấp hành Đảng ủy Mỏ, nay không tham gia nữa, chuyển về Đảng bộ để sinh hoạt và công tác.

- Đối với một số cấp ủy viên ở Đảng bộ Mỏ còn lại, vẫn đảm nhiệm trách nhiệm của Ban Chấp hành Đảng ủy Mỏ apatít như Đại hội đã bầu ra; riêng có một số đồng chí có dự kiến của cấp trên sẽ cho nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác... chỉ khi nào có quyết nghị hoặc thông báo chính thức công bố mới coi là hết trách nhiệm và được bàn giao để đi nhận nhiệm vụ khác.

- Ban Chấp hành Đảng bộ Mỏ apatít có nhiệm vụ chuẩn bị đầy đủ các thủ tục để sớm bàn giao hai Đảng bộ trên về Thị ủy Lào Cai.

- Thị ủy thị xã Lào Cai có nhiệm vụ tiếp nhận sự bàn giao và tiếp tục lãnh đạo cơ sở giữ vững truyền thống để phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

4. Ban Chấp hành Đảng bộ Mỏ, Ban Chấp hành Thị ủy thị xã Lào Cai và các đảng bộ có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 831-QĐ/TU, ngày 26-7-1982

Thành lập Ban chỉ đạo tổng kết công tác kinh tế của tỉnh

Thi hành Chỉ thị số 05, ngày 15-7-1982 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục tổng kết công tác kinh tế;

Căn cứ nhu cầu công tác và khả năng cán bộ tham gia tổng kết công tác kinh tế của tỉnh,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Nay chính thức thành lập Ban chỉ đạo tổng kết công tác kinh tế của tỉnh gồm các đồng chí sau đây:

1- Bùi Hữu Bình, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh, Trưởng ban.

2- Phạm Đình Nương, Trưởng ban Kinh tế - kế hoạch Tỉnh ủy, Phó ban Thường trực.

3- Trần Hào, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh, Phó ban.

4- Trần Đình Phê, Giám đốc Sở Lao động, Ủy viên.

5- Trần Đình Mai, Chi cục phó Chi cục Thống kê, Ủy viên.

Các ngành khác như: Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Công nghiệp,

Xây dựng, Tài chính, Ngân hàng, Thương nghiệp, Xuất khẩu, Lương thực, Giao thông, Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy sẽ phân công một đồng chí trong lãnh đạo là thành viên và một số cán bộ có khả năng tham gia tổng kết công tác kinh tế của tỉnh, do Ban chỉ đạo tổng kết mời họp và phân công. Những vấn đề lớn cần chia theo nhóm, có người phụ trách chuẩn bị chính.

2. Ban chỉ đạo tổng kết công tác kinh tế của tỉnh có nhiệm vụ giúp Tỉnh ủy

a) Nghiên cứu quán triệt đầy đủ tinh thần, nội dung Chỉ thị 05, ngày 15-7-1982 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và các văn bản hướng dẫn của Trung ương về tổng kết công tác kinh tế tại địa phương.

b) Có kế hoạch triển khai và hướng dẫn nội dung, yêu cầu cho các ngành có liên quan tham gia chuẩn bị tổng kết cho chu đáo.

c) Tổng hợp, biên tập có chất lượng những vấn đề cần tổng kết kỳ này theo chỉ thị của Ban Bí thư, bảo đảm tốt cả về nội dung và thời gian của Trung ương và tỉnh quy định.

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, các đồng chí trong Ban chỉ đạo tổng kết công tác kinh tế của tỉnh và các ngành có liên quan tham gia tổng kết thi hành Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 06-TT/TU, ngày 7-9-1982

**Về việc tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng
lực lượng công an nhân dân trong sạch và đẩy mạnh
phong trào Bảo vệ an ninh Tổ quốc và chuẩn bị
tổng kết cuộc vận động vào cuối năm 1982**

Qua 2 năm thực hiện Chỉ thị số 92 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Cuộc vận động xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh và đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc” các cấp ủy Đảng đã lãnh đạo các cấp, các ngành và lực lượng công an nhân dân làm được nhiều việc có kết quả tốt, tuy vậy việc tổ chức thực hiện ở một số ngành, địa phương có mặt kết quả bị hạn chế. Thi hành Công văn số 74-CV/TW, ngày 23-8-1982 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp các ngành tiến hành một số việc sau đây:

1- Kết hợp với việc mở Đại hội đợt 2 của Đảng bộ các cấp, tổ chức tốt kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết số 31, ngày 2-12-1980 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 07 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới và kết quả thực hiện Chỉ thị số 92 của Ban Bí thư, nội dung kiểm điểm cần nêu rõ những việc đã làm được, những việc tồn tại, nguyên nhân. Trên cơ sở đó, đối chiếu với nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự và xây dựng lực lượng công an nhân dân đã đề ra trong Nghị

quyết Đại hội lần thứ V của Đảng, để xác định rõ nhiệm vụ và chủ trương, biện pháp cho phù hợp với công tác này, trong nghị quyết Đại hội đợt 2 từ cơ sở đến huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc.

2- Để chuẩn bị và tiến hành tổng kết tốt cuộc vận động thực hiện Chỉ thị số 92 của Ban Bí thư các cấp ủy cần có kế hoạch tổ chức kiểm tra một số cơ sở đơn vị, nhất là các xã biên giới xung yếu, địa bàn có nhiều phức tạp về chính trị, trật tự xã hội, cơ sở đơn vị tập trung nhiều tài sản hàng hóa vật tư. Qua đó đánh giá kết quả cuộc vận động đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng và đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức an ninh nhân dân, tổ an toàn trong cơ quan, xí nghiệp, đánh giá kết quả xây dựng lực lượng công an phường, xã bảo vệ cơ quan xí nghiệp và lực lượng công an nhân dân huyện, thị xã trong sạch, vững mạnh, phát hiện những nhân tố mới động viên mạnh mẽ những gương người tốt việc tốt, tổ chức học tập có kết quả những kinh nghiệm hay của các đơn vị tiên tiến quyết thắng, các đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trên mặt trận bảo vệ an ninh trật tự. Những nơi còn yếu kém phải tập trung củng cố đạt cho được các yêu cầu đã đề ra trong Chỉ thị số 92 của Ban Bí thư và Nghị quyết 07 của Tỉnh ủy. Đồng thời có kế hoạch tổng kết cuộc vận động từ phường xã đến huyện, thị, cơ quan, xí nghiệp vào cuối năm 1982 đề ra phương hướng cụ thể để đưa việc xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh và đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc đi vào nền nếp, thường xuyên, hướng trước mắt làm ngay rõ nét chống được kẻ địch phá hoại nhiều mặt, chặn đứng các mặt tiêu cực, bảo vệ kỳ được tài sản xã hội chủ nghĩa.

Việc tổng kết phải tiến hành từ cơ sở trở lên mỗi huyện, thị phải chỉ đạo tổng kết ở một số xã, phường sau đó rút kinh nghiệm tổng kết ở các xã các phường khác và tổng kết ở huyện, thị, ban, ngành, xí nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy.

Trong tổng kết cần đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình đánh giá đúng thành tích ưu điểm, khuyết điểm, nhược điểm xác định rõ nguyên nhân trách nhiệm, nhất là trách nhiệm lãnh đạo của cấp ủy

thủ trưởng. Lựa chọn bình bầu và đề nghị khen thưởng những tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong cuộc vận động, cần chuẩn bị kỹ về nội dung để việc tổng kết đạt kết quả tốt, thiết thực.

3- Ban Nội chính Tỉnh ủy có trách nhiệm kiểm tra đôn đốc việc tổng kết cuộc vận động ở các ngành, các cấp. Ban Giám đốc Công an tỉnh có kế hoạch cụ thể hướng dẫn các cấp, các ngành thực hiện Thông tri này và có trách nhiệm tổng kết cuộc vận động trong lực lượng công an nhân dân đồng thời giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy chuẩn bị tổng kết cuộc vận động trong toàn tỉnh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 07-TT/TU, ngày 17-9-1982

**Về việc phát huy kết quả Đại hội cơ sở làm tốt Đại hội
Đảng bộ huyện, thị, Đảng bộ trực thuộc,
đẩy mạnh thi đua thực hiện kế hoạch nhà nước**

Đến nay Đại hội cơ sở và việc chuẩn bị nội dung và nhân sự Đại hội của các huyện, thị đã cơ bản xong, cần phát huy kết quả Đại hội cơ sở cả trước và sau khi mở Đại hội, các đảng bộ huyện, thị cần tập trung làm tốt một số việc sau đây:

1- Tiếp tục hoàn chỉnh tốt văn bản nội dung và chuẩn bị nhân sự Đại hội theo tinh thần của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tham gia ý kiến trong xét duyệt đối với các đảng bộ, đồng thời mở Đại hội do Ban Chấp hành các đảng bộ quyết định và báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy duyệt, tất cả phải làm Đại hội xong trong tháng 9-1982.

2- Tổng kết đánh giá kết quả đợt sinh hoạt chính trị, tổng kết công tác phát triển đảng, kết quả Đại hội cơ sở và tổng hợp ý kiến tham gia vào báo cáo kiểm điểm của Tỉnh ủy, của huyện, thị, Đảng ủy của toàn Đảng bộ theo đúng yêu cầu nội dung hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh, các đảng bộ gửi văn bản báo cáo này về Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước ngày 25-9-1982.

3- Mở đợt tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức (hội họp, đài phát thanh, báo chí), nêu những thành tích thắng lợi chung, những điển hình tiên tiến những đảng bộ trong sạch, vững mạnh và

những biểu hiện thiếu sót tồn tại, phải khắc phục và tiếp tục động viên khí thế cách mạng trong đảng viên quần chúng, đưa phong trào thực hiện các nhiệm vụ cách mạng giành thắng lợi mới vững chắc hơn.

4- Phát động đợt thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội huyện, thị, Đảng ủy và Đại hội Đảng bộ tỉnh nội dung và hướng phấn đấu của đợt thi đua nhằm hoàn thành tốt các nhiệm vụ kế hoạch nhà nước năm 1982. Tập trung vào các nhiệm vụ cấp bách các nhiệm vụ còn yếu kém của từng cơ sở nhằm đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống, chăm bón và bảo vệ lúa mùa, gieo trồng vụ thu và chuẩn bị đông - xuân, công tác xuất khẩu sản xuất hàng tiêu dùng, xây dựng cơ bản, thu mua lương thực thực phẩm, nông, lâm sản, công tác quân sự an ninh.

5- Tập trung và tăng cường cán bộ, giúp cơ sở tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác trong thời gian Đại hội đảng bộ hợp và chuẩn bị triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội, biến nghị quyết của Đảng thành hành động cách mạng thật sôi nổi của quần chúng.

Các đảng bộ cần bố trí phân công bộ phận chỉ đạo các mặt công tác, các cơ sở thường trực giải quyết kịp thời các yêu cầu về sản xuất, đời sống, trị an và sẵn sàng chiến đấu trong thời gian Đại hội đảng bộ hợp.

6- Đại hội hợp phải được bảo vệ an toàn tuyệt đối về mọi mặt đối với các huyện, thị giáp biên phải giữ bí mật tài liệu thời gian địa điểm họp Đại hội.

Yêu cầu các đảng bộ tổ chức thực hiện với tinh thần khẩn trương tích cực và thường xuyên báo cáo kết quả thi đua và báo cáo kết quả Đại hội về Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đồng thời gửi các phần báo cáo có quan hệ đến các ban Tổ chức, Tuyên giáo, Kiểm tra Tỉnh ủy để tổng hợp chung.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 08-TT/TU, ngày 22-9-1982

Về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đoàn và phong trào thanh niên hoạt động trong lĩnh vực kinh tế

Trong những năm qua, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ở tỉnh ta nói chung và Đoàn thanh niên trong các ngành kinh tế nói riêng, đã góp phần đáng kể thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ kinh tế và xã hội của kế hoạch nhà nước hằng năm của tỉnh ta. Tuy nhiên do chưa nhận thức đúng tầm quan trọng các phong trào hành động cách mạng của thanh niên trên mặt trận kinh tế nên sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự giúp đỡ và tạo điều kiện của các ngành, các cấp còn nhiều hạn chế.

Để góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng, Nghị quyết 14 của Tỉnh ủy về những nhiệm vụ kinh tế - xã hội cấp bách của tỉnh, đặc biệt là nhiệm vụ phát triển kinh tế năm 1982 và những năm 1982-1985, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh và các ngành trong tỉnh đã và đang ký kết, đẩy mạnh các chương trình phối hợp hoạt động phát triển kinh tế. Để tạo điều kiện cho Đoàn thanh niên và các cấp, các ngành thực hiện tốt các chương trình phối hợp đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy Đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể và Đoàn thanh niên thực hiện tốt những nhiệm vụ quan trọng và cấp bách sau:

1- Tăng cường lãnh đạo và tổ chức chặt chẽ công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đoàn viên thanh niên, giáo dục về đường lối, chính sách của Đảng về chủ nghĩa Mác - Lênin, nâng cao giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, làm cho thanh niên nhận thức đúng về tình hình nhiệm vụ, cách mạng hiện nay, nhằm tạo nên khí thế phấn khởi, hăng hái trong sản xuất, chiến đấu, học tập và xây dựng cuộc sống mới, khắc phục mọi biểu hiện tiêu cực trong thanh niên.

2- Lãnh đạo chặt chẽ Đoàn thanh niên thực hiện tốt khẩu hiệu hành động của mình “Thanh niên Hoàng Liên Sơn, xung kích phát triển kinh tế, ổn định đời sống, bảo vệ biên giới”.

Các cấp ủy Đảng đặc biệt là cấp ủy cơ sở cần có biện pháp cụ thể để thực hiện nghị quyết của tỉnh trong từng huyện, từng ngành, chỉ đạo chặt chẽ Đoàn thanh niên làm chương trình và thực hiện chương trình của thanh niên trong các hoạt động kinh tế, xã hội đối với từng nơi, coi đó là một nhiệm vụ thường xuyên của Đảng bộ đối với tổ chức đoàn.

3- Các cấp, các ngành nhất là ngành kinh tế tài chính, theo chức năng của ngành mình cần tạo điều kiện tốt và cùng với đoàn thanh niên thực hiện có hiệu quả chương trình kinh tế đã đề ra. Đặc biệt các ngành như: nông nghiệp, công nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp, giao thông, xây dựng, ngân hàng, lương thực, thương nghiệp phải cùng với Đoàn thanh niên ký kết các chương trình phối hợp hoạt động kinh tế. Trước mắt làm tốt các chương trình, giống lúa bảo vệ thực vật, làm thủy lợi, phân bón, chế biến màu, khoán sản phẩm, chế biến hàng xuất khẩu, hàng tiêu dùng, trồng rừng và bảo vệ rừng, thực hiện tiết kiệm.

4- Đoàn thanh niên phải đi vào hoạt động thiết thực phải hết sức coi trọng hiệu quả kinh tế, cần cải tiến lề lối làm việc, xây dựng kế hoạch cụ thể về nội dung, chương trình kinh tế của Đoàn. Từng cấp bộ Đoàn phải biết nắm kế hoạch chung của địa phương, đơn vị mà rút ra những nội dung then chốt trên mặt trận kinh tế của Đoàn phù hợp với khả năng, chức năng của Đoàn và thường xuyên thực hiện chế độ phản ánh, báo cáo, tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm.

5- Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Tỉnh Đoàn thanh niên cần phối hợp chặt chẽ cùng với các huyện, thị ủy xây dựng củng cố và kiện toàn bộ máy cấp huyện, thị Đoàn và cơ sở đoàn xã tăng cường cán bộ trẻ có nghiệp vụ quản lý và khoa học - kỹ thuật để Đoàn có đủ sức chỉ đạo hoạt động kinh tế của Đoàn.

Nhận được Thông tri này các cấp ủy Đảng và Tỉnh Đoàn thanh niên khẩn trương có kế hoạch triển khai thực hiện và thường xuyên báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 09-TT/TU, ngày 29-9-1982

Về việc chỉ đạo thực hiện chính sách khuyến khích trồng cây gây rừng, tổng kiểm tra và ngăn chặn tệ phá rừng

Rừng và nghề rừng có vị trí rất quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Thời gian qua được sự chỉ đạo tích cực của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp nghề rừng của tỉnh ta đã có những tiến bộ đáng kể.

Song những năm gần đây tài nguyên rừng tiếp tục bị tàn phá nghiêm trọng. Nguyên nhân do chưa nhận thức đầy đủ và thực hiện đúng đắn tinh thần Nghị quyết 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, do nhu cầu về chất đốt và gia dụng tăng lên đột ngột, công tác khoán quản trong hợp tác xã nông nghiệp làm chưa đồng bộ giữa các ngành nghề, không ít cá nhân tập thể dựa vào những nhu cầu trước mắt để phá rừng ngày càng nghiêm trọng. Nghề rừng trong hợp tác xã cũng như phong trào trồng cây gây rừng bị dừng lại. Việc giao đất, giao rừng cho huyện quản lý, hợp tác xã kinh doanh làm chưa mạnh và cũng chưa có những chính sách chế độ cụ thể thiết thực đáng để động viên mọi người, mọi tập thể tự giác tham gia thực hiện theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm.

Xuất phát từ lợi ích sống còn của nhân dân các dân tộc tỉnh ta, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có chủ trương và Thường trực Ủy ban

nhân dân tỉnh đã có kế hoạch triển khai việc tổng kiểm kê rừng bị tàn phá, nhằm giáo dục, uốn nắn và có biện pháp ngăn chặn, đồng thời tiến hành giao đất, giao rừng cho hợp tác xã, đơn vị bộ đội, cơ quan, xí nghiệp, trường học, hộ gia đình và có chính sách khuyến khích trồng rừng theo quy hoạch, kế hoạch, thực hiện việc quản lý bảo vệ rừng theo pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, đẩy mạnh công tác bảo vệ rừng và trồng rừng nhằm phủ xanh đồi trọc, từng bước đáp ứng những nhu cầu bức thiết phục vụ đời sống nhân dân, nguyên liệu cho công nghiệp, hàng hóa cho xuất khẩu, bảo vệ môi trường, môi sinh.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp, các ngành cần có kế hoạch chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện chủ trương và kế hoạch trên. Trước mắt cần làm tốt mấy việc chính sau đây:

1- Tổ chức phổ biến, học tập và thảo luận quán triệt nội dung chính sách khuyến khích trồng cây gây rừng, bảo vệ rừng, sản xuất nông, lâm kết hợp. Từ đó thực hiện tốt biện pháp giao đất, giao rừng cho hợp tác xã, đội sản xuất và đến người lao động theo kế hoạch hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Lâm nghiệp.

Để có kinh nghiệm chỉ đạo chung tỉnh cùng với huyện Trấn Yên, Văn Yên và Bảo Thắng chỉ đạo mỗi huyện một điểm; các huyện khác yêu cầu mỗi huyện chỉ đạo 1 xã và hợp tác xã để rút kinh nghiệm chỉ đạo mở rộng ra các xã và hợp tác xã trong huyện mình vào cuối năm.

2- Từng huyện cần kiểm điểm đánh giá tình hình lãnh đạo lâm nghiệp mấy năm qua và hiện nay, đặc biệt là tình hình tàn phá rừng do phát rừng trồng lúa và cây lương thực khác, không theo quy hoạch, kế hoạch, do khai thác lâm sản trái phép, vi phạm luật pháp bảo vệ rừng.

Phân loại các xã, các địa phương, các đơn vị vi phạm. Trên cơ sở đó các huyện có kế hoạch tổng kiểm tra, kiểm kê, kiểm soát để nắm tình hình phá rừng ở từng xã, từng hợp tác xã cho chính xác và có biện pháp giải quyết bằng nhiều hình thức thích đáng như: Giáo dục, dùng biện pháp kinh tế, hành chính và pháp luật, theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Lâm nghiệp hướng dẫn.

3- Công tác kiểm kê rừng bị tàn phá, có biện pháp giải quyết tệ nạn phá rừng với việc chỉ đạo thực hiện chính sách trồng rừng, bảo vệ rừng, giao đất, giao rừng, sản xuất nông, lâm kết hợp, phải gắn bó chặt chẽ với nhau, không tách rời nhau, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và sự chỉ đạo tập trung thống nhất của chính quyền các cấp. Các đảng viên ở cơ sở phải được giao nhiệm vụ cụ thể. Đảng viên phải gương mẫu lãnh đạo quần chúng thực hiện tốt. Cần xác định rõ việc giao đất, giao rừng cho hợp tác xã, gia đình, cơ quan, đơn vị là để sử dụng hợp lý tiềm năng tổng hợp, toàn diện của đất rừng. Do đó việc sản xuất ở các đất rừng được giao phải theo phương hướng, quy hoạch sản xuất về cây trồng của từng vùng, tập trung để tạo ra sản phẩm với khối lượng tập trung như trồng cây ăn quả, gắn với cây lấy củi, lấy gỗ, cây dược liệu kết hợp ngắn ngày với cây dài ngày, cây lương thực thực phẩm, cây nguyên liệu công nghiệp và xuất khẩu. Phải kiên quyết trồng rừng, không phá rừng để làm cây lương thực, thực phẩm.

4- Để giúp các cấp ủy Đảng và chính quyền thực hiện các nhiệm vụ trên, các cấp từ tỉnh đến huyện và xã cần thành lập Ban chỉ đạo, gồm các ngành:

Lâm nghiệp, Thống kê, Kế hoạch, Tài chính, Nông nghiệp, Lương thực, Thanh tra, Tòa án, Kiểm soát quân sự tham gia. Ở tỉnh, do đồng chí Thường vụ, Phó Chủ tịch phụ trách nông, lâm nghiệp làm trưởng ban. Ở huyện, thị và xã, phường do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị, xã, phường làm trưởng ban, ngành nông nghiệp làm phó ban thường trực.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA TỈNH ỦY

Số 56-BC/TU, ngày 30-9-1982

Báo cáo sơ kết xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện

Thi hành Thông tri 04, ngày, 10-6-1982 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc sơ kết công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện tại tỉnh Hoàng Liên Sơn gồm ba phần:

Phần thứ nhất

- Khái quát tình hình đặc điểm và những chủ trương, biện pháp trong quá trình chỉ đạo công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện.

Phần thứ hai

- Kiểm điểm những kết quả thu được và những thiếu sót tồn tại trong quá trình chỉ đạo công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện.

Phần thứ ba

- Những kết luận rút ra và một số vấn đề kiến nghị với Trung ương về công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện.

Phần thứ nhất
**KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH ĐẶC ĐIỂM
VÀ NHỮNG CHỦ TRƯỞNG, BIỆN PHÁP TRONG QUÁ TRÌNH
CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC XÂY DỰNG HUYỆN VÀ TĂNG CƯỜNG
CẤP HUYỆN CỦA TỈNH HOÀNG LIÊN SƠN**

**I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH ĐẶC ĐIỂM
TỈNH HOÀNG LIÊN SƠN**

Hoàng Liên Sơn là một tỉnh hợp nhất 3 tỉnh Yên Bái, Lào Cai, và phần lớn tỉnh Nghĩa Lộ. Với tổng diện tích đất đai tự nhiên là 1.484.000 ha chia làm 15 huyện và 2 thị xã. Dân số tính đến 31-12-1981 có 810.800 người, bao gồm 27 dân tộc anh em trong đó đông nhất là dân tộc Kinh tiếp là các dân tộc Tày, Mông, Thái, Dao, Nùng...

Từ khi hợp nhất 3 tỉnh nhìn chung tiềm lực kinh tế của tỉnh Hoàng Liên Sơn tăng lên đáng kể và toàn diện do có nguồn tài nguyên thiên nhiên rừng, đất phong phú với trữ lượng khai thác còn khá lớn như 6.992.000 m³ gỗ, 233.800.000 cây tre, vầu và nhiều loại lâm sản khác trong đó có những loại gỗ quý như: Pơ mu, lát hoa... có nhiều vùng có thể phát triển và mở rộng thành các vùng sản xuất chuyên canh và quy mô lớn như: Vùng cây công nghiệp chè; vùng cây có dầu như: trẩu, sủi lai; vùng cây nguyên liệu giấy sợi như: mỡ, bồ đề; vùng cây dược liệu như tam thất, thảo quả, đường quy, đỗ trọng; vùng cây đặc sản như quế, hạt rau giống; vùng cây ăn quả như: dưa, táo, lê, mận, đào; vùng chăn nuôi đại gia súc: trâu, bò, dê. Hoàng Liên Sơn là một tỉnh có nhiều nguồn tài nguyên khoáng sản quý như: Mỏ apatít, mỏ sắt, mỏ đồng, mỏ phan chì, mỏ thạch anh, mỏ cao lanh, mỏ than.. Trong đó có một số mỏ đã đi vào khai thác như apatít, phan chì, cao lanh.

Với những tiềm năng trên đây trong tương lai cho phép tỉnh Hoàng Liên Sơn có thể từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế công, nông lâm nghiệp, một cách toàn diện. Song, trước mắt với những đặc điểm

của một tỉnh miền núi, biên giới nhiều dân tộc, đặc biệt là trong bước đi ban đầu của quá trình vận động quy luật từ một nền sản xuất nhỏ tiến lên một nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đương đặt ra đối với tỉnh Hoàng Liên Sơn những khó khăn rất lớn như: đất đai, tự nhiên thì lớn song phần lớn là đất rừng, đất nông nghiệp chỉ có 198.830 ha (13,3%), trong đó đất trồng cây lương thực có 68.021 ha, riêng đất lúa chỉ có gần 30.000 ha ruộng nước. Mặt khác do đất rộng và phần lớn là đất đồi, núi nên địa hình bị phân cách mạnh và có độ dốc lớn, tình hình thời tiết, khí hậu và thủy văn diễn biến phức tạp do đó tạo ra nhiều vùng tiểu khí hậu khác nhau có đầy đủ đặc trưng của khí hậu nhiệt đới, ôn đới, giá lạnh vì vậy nó đã có tác động mạnh mẽ và gây ra không ít khó khăn trong quá trình sản xuất và thâm canh nông, lâm nghiệp nhất là nông nghiệp.

Là một tỉnh miền núi, có nhiều dân tộc, nền kinh tế và xã hội tuy đã có những bước tiến bộ đáng kể song về cơ bản vẫn ở trong tình trạng sản xuất nhỏ và mang nặng tính chất tự túc, tự cấp, tập quán canh tác còn lạc hậu, trình độ quản lý còn non kém; phong tục tập quán còn khác nhau giữa các dân tộc nhất là các dân tộc ở vùng cao còn rất lạc hậu, tình trạng du canh, du cư vẫn còn phổ biến ở một số dân tộc ở vùng cao.

Hoàng Liên Sơn là một tỉnh có tuyến biên giới với Trung Quốc với 5 huyện, thị và có chiều dài đường biên giới là 204 km. Chiến sự tháng 2-1979 (...) đã gây ra những tổn thất về kinh tế to lớn đối với tỉnh Hoàng Liên Sơn. Song, trước mắt và lâu dài đang đặt ra nhiều khó khăn trong việc bố trí và tổ chức sản xuất ở các huyện, thị biên giới bảo đảm sự kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng, bảo đảm bố phòng và an ninh biên giới vững chắc.

Tóm lại, từ khái quát tình hình đặc điểm cơ bản tỉnh Hoàng Liên Sơn trên đây nổi lên một vấn đề cơ bản là một tỉnh miền núi, biên giới có nhiều dân tộc. Trước mắt và lâu dài là một tỉnh thiếu lương thực do hạn chế bởi đất canh tác quá ít. Từ đó đặt ra cho tỉnh Hoàng Liên Sơn một nhiệm vụ rất khó khăn là phải tập trung mọi sự cố gắng vào

việc phấn đấu đến mức cao nhất để tự giải quyết phần lớn nhu cầu lương thực tại chỗ. Từng bước đưa vào thế mạnh của mình về phát triển cây công nghiệp, cây đặc sản, chăn nuôi và nghề rừng, tiến lên xây dựng cơ cấu kinh tế công, nông, lâm nghiệp theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Phấn đấu xây dựng tỉnh Hoàng Liên Sơn vững mạnh về kinh tế, bảo đảm tăng cường lực lượng quốc phòng và an ninh biên giới theo Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng đã đề ra.

II. NHỮNG CHỦ TRƯỞNG VÀ BIỆN PHÁP TRONG QUÁ TRÌNH CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC XÂY DỰNG HUYỆN VÀ TĂNG CƯỜNG CẤP HUYỆN

Từ năm 1976 thi hành Thông báo số 6 và Chỉ thị 208 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, 3 tỉnh cũ đã tiến hành lập Ban chỉ đạo xây dựng cấp huyện, tỉnh Nghĩa Lộ thành lập Ban chỉ đạo công tác xây dựng cấp huyện riêng để giúp Tỉnh ủy chỉ đạo công tác này, hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai giao cho Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy trực tiếp làm tham mưu giúp Tỉnh ủy chỉ đạo công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, 3 tỉnh cũ đã tiến hành quy hoạch tổng thể, tỉnh Yên Bái chọn huyện Trấn Yên, tỉnh Nghĩa Lộ chọn huyện Văn Chấn, tỉnh Lào Cai chọn huyện Bát Xát, Hội đồng Chính phủ đã chính thức phê duyệt quy hoạch tổng thể của 3 tỉnh cũ và 2 huyện Trấn Yên, Văn Chấn.

Dựa vào Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 19, 20 và 22 về việc đưa nền nông nghiệp miền Bắc từ một nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, tại 3 huyện điểm đã đi điều tra cơ bản, xác định phương hướng sản xuất và xây dựng phương án kinh tế, xã hội trên địa bàn huyện. Từ phương án kinh tế, xã hội tỉnh đã giúp các huyện điểm tiến hành làm thí điểm việc tổ chức lại sản xuất và cải tiến một bước công tác quản lý ở 3 hợp tác xã điểm. Huyện Trấn Yên thí điểm ở Hợp tác xã Báo Đáp, huyện Văn Chấn thí điểm ở Hợp

tác xã Chùa Cao, huyện Bát Xát thí điểm ở Hợp tác xã Bản Vược. Từ kết quả rút ra trong quá trình làm thử 3 tỉnh cũ đã triển khai ra một số hợp tác xã thuộc 3 huyện điểm và chuẩn bị mở hội nghị sơ kết rút kinh nghiệm để triển khai ra các huyện khác.

Đầu năm 1976 sau khi hợp nhất 3 tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã kịp thời chỉ đạo việc thống nhất phương án quy hoạch tổng thể của tỉnh Hoàng Liên Sơn bổ sung và điều chỉnh phương hướng sản xuất cho phù hợp với tình hình thực tế sau khi hợp nhất, đồng thời quyết định chọn huyện Văn Chấn duy trì là huyện điểm của tỉnh Hoàng Liên Sơn. Tiếp theo các huyện điểm khác, các huyện còn lại tỉnh đã chỉ đạo việc điều tra cơ bản, xác định phương hướng sản xuất và xây dựng phương án kinh tế, xã hội, bảo đảm ăn khớp với phương án quy hoạch tổng thể của tỉnh, hầu hết các phương án quy hoạch tổng thể của các huyện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt vào những năm 1977-1978.

Sau một quá trình làm thử việc tổ chức lại sản xuất từ cơ sở và trên địa bàn huyện tại 3 huyện điểm, năm 1976 sau khi có Nghị quyết 61-CP của Hội đồng Chính phủ, tỉnh Hoàng Liên Sơn đã kịp thời mở hội nghị sơ kết công tác tổ chức lại sản xuất và cải tiến một bước công tác quản lý hợp tác xã từ cơ sở và trên địa bàn huyện ở 3 huyện điểm và 3 hợp tác xã điểm, đồng thời quyết định triển khai công tác này rộng rãi trên phạm vi toàn tỉnh. Trong khoảng thời gian từ đầu năm 1976 đến cuối năm 1978 là thời kỳ công tác tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý hợp tác xã được triển khai đồng loạt và mạnh mẽ nhất.

Để kịp thời đúc rút kinh nghiệm và uốn nắn những sai sót, lệch lạc hướng các huyện và các hợp tác xã đi vào làm theo mô hình tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý hợp tác xã điểm, giữa năm 1978 tỉnh đã mở hội nghị sơ kết đợt triển khai rộng rãi này, sau hội nghị sơ kết nhiều hợp tác xã đã được tiếp tục triển khai, vào thời kỳ này hơn 60% hợp tác xã ở vùng thấp đã được tiến hành tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý hợp tác xã theo tinh thần Nghị quyết 61-CP của Hội đồng Chính phủ.

Cùng với việc tổ chức lại sản xuất từ cơ sở và trên địa bàn huyện, bộ máy quản lý nông, lâm nghiệp bước đầu đã được chú ý củng cố, tỉnh đã chú ý tăng cường nhiều cán bộ khoa học - kỹ thuật và quản lý kinh tế xuống cho cấp huyện, kể cả cán bộ lãnh đạo nhằm bổ sung thêm năng lực lãnh đạo và chỉ đạo kinh tế cho cấp huyện.

Tiếp theo Nghị quyết 61-CP, tháng 1-1978 Bộ Chính trị, Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 33 về việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện. Hội đồng Chính phủ ra Nghị quyết 33 về việc bổ sung nhiệm vụ và trách nhiệm của chính quyền nhà nước cấp huyện trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tiếp theo đó là Quyết định 139-CP và Thông tri hướng dẫn số 109 của Thủ tướng Chính phủ, đây là thời kỳ tăng cường cấp huyện và phân cấp quản lý cho cấp huyện. Tỉnh Hoàng Liên Sơn đã kịp thời thành lập Ban chỉ đạo, tập trung chỉ đạo huyện Văn Chấn để rút kinh nghiệm, đầu năm 1980 tỉnh đã mở hội nghị sơ kết tại huyện Văn Chấn và có chủ trương tiếp tục triển khai ra các huyện khác trong toàn tỉnh về chấn chỉnh tổ chức, sắp xếp lại biên chế, thành lập các phòng, ban và phân cấp quản lý tài chính, các đơn vị sản xuất kinh doanh cho cấp huyện, đến cuối năm 1980, đầu năm 1981 về cơ bản việc phân cấp quản lý và hình thành bộ máy quản lý mới ở cấp huyện đã làm xong.

Công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện theo các chỉ thị và nghị quyết của Trung ương Đảng và Chính phủ tại tỉnh Hoàng Liên Sơn đã trải qua một thời gian tương đối dài, nhìn chung Tỉnh ủy đã kịp thời có những chủ trương và biện pháp tích cực thực hiện từ việc làm thử ở các huyện điểm và hợp tác xã điểm đến việc mở rộng ra diện rộng, qua mỗi thời kỳ đều mở hội nghị sơ kết rút kinh nghiệm. Vì vậy bước đầu cũng đã thu được một số kết quả, góp phần vào việc phát triển sản xuất và tăng cường cấp huyện, song đây là một việc lớn rất mới mẻ và phức tạp, lại có quan hệ đến nhiều cấp, nhiều ngành, sự hiểu biết và năng lực vận dụng còn hạn chế, trong quá trình vận dụng thực hiện không tránh khỏi có những khuyết nhược điểm tồn tại, trong đó vấn đề cơ bản là những vấn đề kinh tế ở cấp huyện chưa

được làm rõ. Vì vậy làm cho cấp huyện chậm chuyển biến và chưa thoát ra khỏi tình trạng quản lý hành chính bao cấp.

Dưới đây sẽ đi sâu kiểm điểm trên một số vấn đề cơ bản theo tinh thần Thông tri số 04, ngày 10-6-1982 của Ban Bí thư Trung ương Đảng tại tỉnh Hoàng Liên Sơn.

Phần thứ hai

KIỂM ĐIỂM NHỮNG KẾT QUẢ THU ĐƯỢC VÀ NHỮNG THIẾU SÓT TỒN TẠI TRONG QUÁ TRÌNH CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC XÂY DỰNG HUYỆN VÀ TĂNG CƯỜNG CẤP HUYỆN

Căn cứ vào tinh thần Thông tri số 04, ngày 10-6-1982 của Ban Bí thư Trung ương Đảng báo cáo này đi sâu kiểm điểm trên một số vấn đề cơ bản sau đây:

I. VỀ QUY MÔ VÀ PHÂN LOẠI HUYỆN

Quy mô huyện hợp lý là cơ sở để tiến hành tổ chức sản xuất và từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Đối với tỉnh Hoàng Liên Sơn do đặc điểm của một tỉnh miền núi đất rộng, dân cư phân bố không đều và hình thành nhiều vùng sản xuất khác nhau, vấn đề quy mô cấp huyện vốn đã là vấn đề có nhiều ý kiến và chưa có cơ sở đi đến thống nhất bởi là có nhiều căn cứ để xem xét và tính toán quy mô cấp huyện như: Đất đai, dân số, lao động, dân tộc và tập quán canh tác... Song, căn cứ vào nghị quyết Đại hội Đảng và Chỉ thị 33 của Bộ Chính trị về xây dựng huyện trở thành một đơn vị kinh tế nông, lâm, công nghiệp thì vấn đề cơ bản là vấn đề kinh tế, nói đến kinh tế trước hết là vấn đề đất đai, tài nguyên, dân số và lao động trên địa bàn huyện.

Thực tiễn thời gian qua cho thấy một trong những vấn đề cơ bản để phát triển kinh tế và xây dựng cấp huyện về nhiều mặt phải bảo

đảm có sự phù hợp nhất định về dân số và đất đai tự nhiên trên địa bàn huyện. Trong 15 huyện (trừ 2 thị xã) của tỉnh Hoàng Liên Sơn đang có sự chênh lệch quá lớn về dân số giữa các huyện và so với đất đai tự nhiên của từng huyện. Ngoài huyện Văn Chấn có quy mô trên 1.000 km² và trên 100.000 nhân khẩu, với quy mô này huyện Văn Chấn có đủ điều kiện để đi vào tổ chức sản xuất và từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện một cách thuận lợi. Còn lại một số huyện như Trấn Yên, Văn Yên, Lục Yên, Bảo Thắng, Bắc Hà, Yên Bình có dân số từ 5 đến 6 vạn người và có quy mô đất đai tự nhiên từ 600-1.000 km². Các huyện còn lại như Mường Khương, Văn Bàn, Than Uyên, Sa Pa, Bát Xát có số dân vài ba vạn người thậm chí có huyện như Trạm Tấu, Mù Cang Chải có số dân trên 1 vạn người. Như vậy quy mô cấp huyện của tỉnh Hoàng Liên Sơn sớm nổi lên một số huyện đất đai tự nhiên thì lớn song dân số thì thấp và quá thấp, với số dân vài vạn người không đủ lao động để phân bổ vào các ngành sản xuất, phát triển kinh tế, khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú như cây công nghiệp, cây đặc sản, chăn nuôi và nghề rừng vẫn là thế mạnh của các huyện miền núi. Mấy năm qua cùng với huyện Văn Chấn, một số huyện như Trấn Yên, Văn Yên, Yên Bình... với số dân 5 đến 6 vạn người trong đó có bổ sung thêm một lực lượng lao động khá lớn từ các tỉnh miền xuôi lên đã đi vào phân công lại lao động trên địa bàn huyện, bước đầu thực hiện tốt phương hướng sản xuất theo phương án quy hoạch đã đề ra; kết quả mang lại rõ nét là ở những huyện này đã hình thành được một số vùng sản xuất chuyên canh như: chè, quế, cây nguyên liệu giấy sợi. Chăn nuôi và ngành nghề bước đầu đã được phát triển. Còn lại các huyện khác với dân số thấp, số lao động ít ỏi việc phân bổ lao động vào các ngành sản xuất gặp khó khăn, sản xuất nhìn chung đi vào thế độc canh và còn mang nặng tính chất sản xuất tự nhiên, sản phẩm hàng hóa không đáng kể.

Vì vậy, vấn đề quy mô cấp huyện đối với tỉnh Hoàng Liên Sơn là một tỉnh miền núi vốn thiếu lương thực đặt ra những vấn đề chưa có cơ sở để kết luận trong tình hình khó khăn về lương thực trên phạm

vi cả nước. Cho nên trước mắt trong dịp sơ kết này đối với tỉnh Hoàng Liên Sơn xác định tạm thời bằng lòng với quy mô như hiện nay để tập trung mọi sự cố gắng vào việc phấn đấu giải quyết vấn đề lương thực và thực phẩm, một nhiệm vụ cấp bách của toàn Đảng, toàn dân ta trong lúc này như Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng đã vạch ra. Quá trình xây dựng và phát triển kinh tế của tỉnh Hoàng Liên Sơn cùng với quá trình tiến triển đi lên của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, những điều kiện khách quan và chủ quan cho phép, mới có cơ sở để xem xét và tính toán một cách dứt khoát và toàn diện quy mô cấp huyện của tỉnh Hoàng Liên Sơn.

Trước mắt căn cứ vào tinh thần Thông tri 04, ngày 10-6-1982 của Ban Bí thư Trung ương Đảng cần tiến hành phân loại huyện nhằm chỉ rõ những điều kiện và khả năng của từng huyện, làm cơ sở cho phương hướng đầu tư và giúp các huyện phấn đấu thực hiện phương án quy hoạch đã đề ra.

Vì vậy, căn cứ vào đặc điểm của tỉnh Hoàng Liên Sơn là một tỉnh miền núi, biên giới, nhiều dân tộc đồng thời căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế những năm qua đối với tỉnh Hoàng Liên Sơn xác định cơ sở để tiến hành phân loại huyện là phải bảo đảm phục vụ cho cả ba yêu cầu kinh tế, chính trị và quốc phòng, cụ thể phân ra 3 loại huyện như sau:

1- Loại huyện vùng cao: bao gồm các huyện:

Sa Pa, Trạm Tấu, Mù Cang Chải.

Đặc điểm của loại huyện này về mặt kinh tế nói chung là kém phát triển trong đó lương thực rất hạn chế do đất đai canh tác có hạn, trình độ sản xuất thấp kém, sản phẩm hàng hóa không đáng kể. Các huyện này chỉ chiếm 7,2% về diện tích và 5,2 về sản lượng lương thực của toàn tỉnh, về thu ngân sách cũng nổi lên là những huyện có mức thu nhập rất thấp, năm 1981 trong tổng số thu ngân sách tại các huyện là 23.781.000 thì ở 3 huyện này đạt 517.000 đồng bằng 2,1%.

Về chính trị và quốc phòng thuần túy là vùng cao dân tộc ít người, dân cư thưa thớt. Trình độ chính trị còn thấp, tập quán canh tác và

phong tục lạc hậu còn rất nặng nề, địa hình đồi núi hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn.

Từ những đặc điểm trên đây nổi lên những nhiệm vụ của loại huyện này là:

Về mặt kinh tế: Trước mắt tập trung mọi sự cố gắng vào nhiệm vụ phấn đấu về lương thực bằng cách tận dụng mọi diện tích để phát triển lương thực, đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất lúa, chú trọng mở rộng diện tích màu, phấn đấu đến mức cao nhất nhu cầu lương thực tại chỗ. Đi đôi với vấn đề lương thực lâu dài phải từng bước đi vào thực hiện phương án quy hoạch trong việc đẩy mạnh trồng cây công nghiệp, cây đặc sản, chăn nuôi và nghề rừng, phấn đấu có sản phẩm hàng hóa nhất là hàng hóa xuất khẩu.

Về chính trị và quốc phòng: Chú trọng đẩy mạnh công tác chính trị, tư tưởng và văn hóa, đặc biệt là cải tạo phong tục tập quán lạc hậu ở vùng cao. Trên cơ sở đó nâng dần trình độ chính trị, giác ngộ về chủ nghĩa xã hội của nhân dân các dân tộc vùng cao. Công tác quốc phòng và an ninh, tập trung vào việc củng cố cơ sở đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, giữ vững trật tự trị an, phát hiện phòng, chống biệt kích, thám báo, và ngăn ngừa bạo loạn của kẻ địch.

2. Các huyện vùng cao biên giới: bao gồm các huyện, thị.

Bát Xát, Mường Khương, Bắc Hà, Bảo Thắng và thị xã Lào Cai.

Đặc điểm nổi bật đối với các huyện này là vấn đề quốc phòng và an ninh biên giới. Về kinh tế cũng mang những đặc trưng của các huyện vùng cao nói chung như: nhiều dân tộc, mật độ dân số thấp, kinh tế kém phát triển, lương thực thiếu do hạn chế bởi đất đai canh tác có hạn, 5 huyện này chỉ chiếm 27% về diện tích và 21% về tổng sản lượng lương thực của toàn tỉnh. Về thu ngân sách 5 huyện này đạt 3.991.000 bằng 16% so với tổng số thu của các huyện trong tỉnh.

Từ những đặc điểm trên đây nổi lên những nhiệm vụ của các huyện này là.

Về kinh tế: Về nhiệm vụ phấn đấu bảo đảm vấn đề lương thực tương tự như các huyện vùng cao, nghĩa là phải phấn đấu đến mức cao nhất bằng cách khai thác triệt để mọi khả năng nhằm tự túc tại chỗ một phần lớn về nhu cầu lương thực. Đồng thời, từng bước đi vào phát huy thế mạnh ở vùng này trong việc trồng các loại cây công nghiệp, cây đặc sản, cây ăn quả, nhanh chóng tạo ra các vùng sản xuất chuyên canh có quy mô lớn, phấn đấu tăng nhanh sản phẩm hàng hóa nhất là hàng hóa xuất khẩu, cần đặc biệt chú trọng công tác lâm nghiệp ở vùng này với nhiệm vụ bảo vệ rừng tự nhiên, phủ nhanh đồi trọc nhằm bảo vệ đầu nguồn và phục vụ cho quốc phòng.

Về chính trị và quốc phòng:

Đối với các huyện này có một vị trí đặc biệt quan trọng trong việc phòng thủ giữ gìn an ninh biên giới. Vì vậy, công tác chính trị phải được đặc biệt coi trọng việc nâng cao nhận thức về chính trị cho nhân dân các dân tộc, nhận rõ kẻ thù, tăng cường đoàn kết dân tộc, tuyệt đối tin tưởng vào đường lối đối nội và đối ngoại của Trung ương Đảng và Chính phủ. Để làm tốt việc đó phải tập trung củng cố cơ sở đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, thực sự làm trong sạch nội bộ, phát hiện và phòng, chống bọn biệt kích, cần đặc biệt chú ý việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dân quân tự vệ và công an nhân dân ở vùng này, bảo đảm phối hợp chặt chẽ với lực lượng chủ lực trong việc bố phòng và thế trận, khi tình huống chiến tranh xảy ra.

3. Loại huyện vùng thấp

Bao gồm các huyện, Bảo Yên, Văn Bàn, Than Uyên, Lục Yên, Yên Bình, Trấn Yên, Văn Yên, Văn Chấn và thị xã Yên Bái.

Đặc điểm nổi bật của các huyện này nói chung là kinh tế phát triển bao gồm cả sản xuất nông, lâm nghiệp, công nghiệp và thủ công nghiệp cũng như các ngành sản xuất khác. Về sản xuất lương thực 9 huyện này chiếm 66,6% về diện tích và 73,8% về sản lượng lương thực của toàn tỉnh, 89% giá trị tổng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp của toàn tỉnh, về hàng hóa đóng góp với Nhà nước gần 82% sản lượng thóc

và tuyệt đại bộ phận các sản phẩm hàng hóa khác như: gỗ tròn, chè búp, quế, trâu, bò cày kéo... Trước mắt 9 huyện này gồm có nhiều khả năng đi vào thâm canh tăng năng suất để đưa nhanh sản lượng lương thực của toàn tỉnh lên, bảo đảm cung cấp phần lớn nhu cầu lương thực của toàn tỉnh. Trong tương lai cũng ở vùng này có đủ điều kiện để đi vào phát huy thế mạnh trong việc tổ chức và kinh doanh, phát triển chăn nuôi, đặc biệt là phát triển và mở rộng các vùng sản xuất chuyên canh cây công nghiệp, cây đặc sản có giá trị kinh tế và xuất khẩu lớn. Mặt khác 9 huyện này nhìn chung về quan hệ sản xuất, năng lực quản lý và phong tục tập quán tiến bộ hơn so với 2 vùng nói trên.

Từ những đặc điểm trên đây nổi lên những nhiệm vụ của vùng này là:

- Về kinh tế:

Do có những điều kiện thuận lợi nên ở vùng này phải phấn đấu có một cơ cấu kinh tế toàn diện, trước hết về lương thực phải đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất cả lúa và màu phấn đấu nâng cao sản lượng lương thực, bảo đảm và quyết định nhu cầu lương thực tại chỗ của toàn tỉnh. Đi đôi với sản xuất và kinh doanh lâm nghiệp, nhất là ở vùng huyện có kinh tế rừng lớn, bảo đảm nâng cao hiệu quả kinh tế của sản xuất và kinh doanh nghề rừng bao gồm cả trồng rừng và bảo vệ rừng, khai thác một cách hợp lý đồng thời tích cực thực hiện việc mở rộng các vùng sản xuất chuyên canh cây công nghiệp, cây đặc sản quy mô lớn như: chè, quế, nguyên liệu giấy sợi, trâu, cây ăn quả như: dứa, chuối tiêu... phấn đấu tăng nhanh sản phẩm hàng hóa, nhất là hàng hóa xuất khẩu. Đẩy mạnh chăn nuôi đại, tiểu gia súc ở cả 3 khu vực quốc doanh, tập thể, gia đình xã viên, trong đó chú trọng đẩy mạnh chăn nuôi gia đình xã viên, bảo đảm cung cấp về cơ bản nhu cầu thực phẩm của toàn tỉnh.

Cùng với sản xuất nông, lâm nghiệp từng bước xây dựng và phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp, trên địa bàn các huyện, thị theo hướng công nghiệp gắn với nguyên liệu tại chỗ, công nghiệp và thủ công nghiệp phục vụ việc chế biến nông, lâm sản.

- Về chính trị và quốc phòng:

Đối với vùng này sự nghiệp xây dựng kinh tế phải bảo đảm hậu phương vững mạnh để chi viện cho tuyến I về sức người, sức của. Vì vậy, công tác chính trị và tư tưởng phải luôn luôn quán triệt và xây dựng trên tinh thần đó, để làm được việc đó trước hết phải tăng cường củng cố cơ sở đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng vững mạnh trên cơ sở đó tăng cường củng cố quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, tăng cường củng cố lực lượng dân quân tự vệ và công an nhân dân thực sự trong sạch, vững mạnh.

Tóm lại, căn cứ vào đặc điểm tỉnh Hoàng Liên Sơn và tình hình thực tiễn những năm qua, việc phân các huyện ra 3 loại trên đây nhằm xác định rõ những nhiệm vụ cơ bản và trước mắt của mỗi vùng, phục vụ cho ba yêu cầu kinh tế, chính trị, quốc phòng.

II. KIỂM ĐIỂM VIỆC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

Qua một thời gian phấn đấu thực hiện phương hướng sản xuất theo phương án quy hoạch đã đề ra gắn liền với công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, dưới đây sẽ đi vào kiểm điểm trên một số vấn đề cơ bản như sau:

1. Về sản xuất lương thực

Là một tỉnh miền núi vốn thiếu lương thực ngay từ đầu năm 1976. Quán triệt tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ hai khóa IV, tỉnh Hoàng Liên Sơn đã kịp thời chuyển mạnh sang sản xuất màu, ở các huyện như Than Uyên, Văn Bàn, Văn Yên, Bảo Yên... Tỉnh đã chỉ đạo khai hoang hàng loạt cánh đồng màu tập trung ở hầu hết các huyện đã nhanh chóng đưa sản lượng màu quy thóc từ 58.020 tấn (1976) lên 103.781 tấn (1980), góp phần vào việc tăng sản lượng lương thực của toàn tỉnh. Đó là một chủ trương kịp thời phù hợp với điều kiện của một tỉnh miền núi.

Mấy năm qua là những năm thiên tai liên tiếp xảy ra, vật tư của Nhà nước cung cấp có hạn, lại thêm sự tàn phá bởi cuộc chiến tranh (...). Song do sự quyết tâm chỉ đạo của các cấp, các ngành, sự nỗ lực của giai cấp nông dân tập thể nên đã khắc phục mọi khó khăn, hạn chế thiên tai địch họa gây ra, phấn đấu giữ vững và tăng cường thêm sản lượng lương thực đáng kể từ 17.797 tấn lương thực quy thóc năm 1976 lên 233.831 tấn lương thực quy thóc năm 1980, trong đó riêng thóc từ 119.217 tấn năm 1976 lên 130.000 tấn năm 1980. Bảo đảm tự giải quyết một phần lớn nhu cầu lương thực tại chỗ.

Tuy nhiên, kiểm điểm lại nhiệm vụ phấn đấu bảo đảm vấn đề lương thực những năm qua của tỉnh Hoàng Liên Sơn thấy rằng nổi lên một số vấn đề như sau:

So với phương án quy hoạch đến năm 1980 tổng sản lượng lương thực quy thóc là 146.680 tấn đạt 88%. Trong đó, riêng thóc là 138.000 tấn đạt 94%. Tuy so với năm 1975 tăng hơn 80.000 tấn lương thực, quy thóc song trong đó chủ yếu là màu, trong màu chủ yếu là sắn, riêng thóc tăng hơn so với năm 1975 trên 10.000 tấn song chủ yếu là thóc nương. Điều đáng chú ý là năng suất lúa còn rất thấp và giảm sút, vụ đông - xuân toàn tỉnh giảm từ 21,6 tạ xuống 19,6 tạ năm 1980, vụ mùa giảm từ 25 tạ năm 1976 xuống 24,1 tạ năm 1980, nếu tính chung cả năm thì năng suất lúa giảm từ 20 tạ năm 1976 xuống 19,7 tạ năm 1980. Đến năm 1980 toàn tỉnh chỉ có 3.942 ha lúa ruộng, đạt năng suất 5 tấn/1 ha cả năng so với tổng diện tích gieo cấy đạt 7,8%. Do tình hình năng suất thấp nên sản lượng lúa của tỉnh Hoàng Liên Sơn những năm qua tăng chậm điều đó còn nói lên chưa đúng đường lối phát triển nông nghiệp của Đảng là vấn đề "thâm canh" đồng thời chỉ ra khả năng tăng năng suất lúa của các huyện còn rất lớn và không đồng đều giữa các huyện.

Nguyên nhân của tình hình năng suất thấp và phát triển chậm trong những năm qua trước hết là về nhận thức, chưa quán triệt sâu sắc tinh thần nghị quyết của Trung ương Đảng về vấn đề lương thực, trong đó chưa thấy hết vai trò nhiệm vụ của cấp huyện trong

việc phấn đấu giải quyết vấn đề lương thực còn có tư tưởng ỷ lại và trông chờ vào cấp trên. Mặt khác sự chỉ đạo còn buông lỏng thiếu tập trung, sự đầu tư còn quá thấp, chưa tương xứng với yêu cầu phát triển nông nghiệp, đáng chú ý là công tác chỉ đạo và sự đầu tư còn rải đều, chưa thật tập trung vào các vùng trọng điểm lúa. Năm 1980 trong tổng số chi ngân sách địa phương là 76.496.000 đồng, chỉ cho sự nghiệp kinh tế là 4.463.000 đồng trong đó nông nghiệp (kể cả định canh và định cư và kinh tế mới) chỉ có 834.000 đồng thủy lợi phục vụ nông nghiệp có 197.000 đồng. Theo số liệu Ngân hàng Nhà nước trong 5 năm 1976-1980 tỷ lệ đầu tư cho vay ngắn hạn và dài hạn khu vực tập thể hợp tác xã chỉ bằng 10% với khu vực quốc doanh, đáng chú ý là cho vay ngắn hạn trong khu vực hợp tác xã giảm sút từ năm 1977 trở lại đây. Vì cơ sở vật chất phục vụ cho thâm canh rất nghèo nàn.

Tóm lại, căn cứ vào phương án quy hoạch và tình hình thực hiện nhiệm vụ phấn đấu bảo đảm lương thực của tỉnh Hoàng Liên Sơn thời gian qua cho thấy nổi lên một vấn đề cơ bản là lương thực đang rất khó khăn nhất do hạn chế bởi đất đai làm cây lương thực rất hạn chế, trình độ thâm canh ở miền núi còn quá thấp. Vì vậy cần đổi lương thực trước mắt năm 1982 và đến năm 1985 toàn tỉnh còn thiếu như sau:

Cần đổi lương thực năm 1982 và đến năm 1985.

Cân đổi (thiếu)	1982	1983	1984	1985
Toàn tỉnh thiếu (quy gạo)	33.824	36.893	38.800	40.820
Nếu trừ lực lượng vũ trang	15.324	18.839	20.800	22.820
Nếu trừ cả lực lượng kinh tế do Trung ương quản lý	7.384	8.839	8.800	9.420

Cho nên trước mắt và lâu dài nhiệm vụ phấn đấu về lương thực đối với tỉnh Hoàng Liên Sơn luôn luôn đặt ra với một yêu cầu hết sức cấp thiết. Trong Đại hội vòng 2 của tỉnh và các huyện, thị kỳ này vấn

đề lương thực sẽ được thảo luận làm rõ và thống nhất các chủ trương và biện pháp trong thời gian tới, coi đó là một trong các nhiệm vụ kinh tế cơ bản và hàng đầu, phải tập trung mọi sự cố gắng vào việc khai thác triệt để mọi khả năng với một tinh thần tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính phấn đấu đến mức cao nhất nhu cầu lương thực tại chỗ, góp phần tích cực vào việc cân đối lương thực của cả nước.

2. Vùng sản xuất chuyên canh

Trong việc phấn đấu thực hiện những mục tiêu kinh tế theo phương án quy hoạch đã đề ra trên địa bàn huyện mấy năm qua, đi đôi với việc phấn đấu về lương thực, một số cây công nghiệp, cây đặc sản đã được chú ý phát triển, bước đầu đã hình thành một số vùng sản xuất chuyên canh có quy mô lớn và mang lại hiệu quả kinh tế rõ nét, góp phần vào việc tăng thêm nguồn hàng xuất khẩu.

a) Vùng sản xuất chuyên canh chè:

Là một cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao, ngay từ năm 1970 tại 2 tỉnh Yên Bái và Nghĩa Lộ cũ đã xác định là một loại cây công nghiệp chủ lực, sau khi hợp nhất 3 tỉnh trong phương án quy hoạch của tỉnh Hoàng Liên Sơn cũng lại một lần nữa xác định vị trí chiến lược của các loại cây công nghiệp này và đề ra chỉ tiêu phấn đấu đến khi định hình phương án quy hoạch tổng thể diện tích chè toàn tỉnh lên 20.000 ha. Trong đó đến năm 1980 sẽ đưa 15.420 ha vào thu hoạch và cho sản lượng chè búp 94.700 tấn.

Qua một thời gian phấn đấu đến năm 1980 toàn tỉnh đã trồng được 9.671 ha trong đó quốc doanh trồng được 3.102 ha, hợp tác xã trồng được 6.569 ha, sản lượng chè búp tươi đạt 12.970 tấn, trong đó quốc doanh 7.226 tấn, hợp tác xã 5.740 tấn, đáng chú ý là trên địa bàn huyện đã tổ chức và thực hiện tốt phương hướng sản xuất, bảo đảm ăn khớp với phương hướng sản xuất của tỉnh. Một số vùng sản xuất chuyên canh thuộc các huyện Văn Chấn, Trấn Yên, Văn Yên, Yên Bình và thị xã Yên Bái đã thể hiện rõ nét mục tiêu kinh tế này. Huyện Văn Chấn là huyện có diện tích chè lớn nhất 2.457 ha và thị xã Yên

Bái 396 ha. Cho đến nay diện tích chè của toàn tỉnh đã đạt gần 50% phương án quy hoạch.

Với số chè trồng được chủ yếu vào năm 1970-1975 khi mà Nhà nước bổ sung cho một lực lượng lao động khá lớn từ các tỉnh miền xuôi lên đưa vào các vùng kinh tế mới Văn Chấn, Trấn Yên, Văn Yên mặt khác cũng vào thời kỳ này được Nhà nước cung cấp cho một số lương thực khá lớn. Đó là hai yếu tố thúc đẩy tốc độ hình thành vùng sản xuất chuyên canh chè nhanh.

Tuy nhiên, việc phát triển chè một số năm gần đây nhất là từ năm 1980 là tình hình lương thực không đủ cung cấp cho vùng sản xuất chuyên canh chè, nhất là ở những hợp tác xã có quy mô chè lớn, phương hướng sản xuất chủ yếu là kinh doanh chè vốn là những hợp tác xã thiếu lương thực, mặt khác do tình hình cung cấp vật tư của Nhà nước có hạn, chính sách giá cả tuy mới được sửa đổi, song vẫn còn là một vấn đề phải tiếp tục nghiên cứu, kể cả chính sách lương thực. Ví dụ tại Nông trường Nghĩa Lộ cứ bán 3 kg chè thì mua được 1 kg lương thực, Nông trường Liên Sơn bán 1,8 kg chè mua được 1kg lương thực. Trong khi đó, ở khu vực hợp tác xã với 6.569 ha chè chiếm 65% về diện tích và 45% về sản lượng chè của toàn tỉnh thì như Hợp tác xã Chùa Cao (Văn Chấn) năm 1981 bán 13 kg chè mới mua được 1 kg lương thực, Hợp tác xã Tân Thịnh và Hợp tác xã Nghĩa Sơn (Văn Chấn) bán 8 kg chè mới mua được 1 kg lương thực.

Vì vậy, nhìn chung năng suất và sản lượng chè ở khu vực hợp tác xã thấp và đang có chiều hướng giảm sút, năm 1981 Hợp tác xã Chùa Cao, Văn Chấn bán cho Nhà nước 381.241 kg chè búp, 6 tháng đầu năm 1982 mới bán được 110.000 kg.

Tóm lại, do tình hình lương thực khó khăn nên đã và đang là những khó khăn trong việc ổn định, giữ vững và phát triển vùng sản xuất chuyên canh chè theo phương án quy hoạch đã đề ra trên địa bàn các huyện.

b) Vùng chuyên canh cây đặc sản.

Dựa vào điều kiện tự nhiên, cùng với cây chè tỉnh Hoàng Liên

Sơn còn xác định được một số cây công nghiệp, có dầu và cây đặc sản khác như:

- Vùng trầu, sỏ, lai:

Theo phương án quy hoạch đến năm định hình (2000) sẽ đưa tổng diện tích trầu lên 22.700 ha, sỏ 7.500 ha, lai 3.000 ha và đưa vào thu hoạch năm 2000 trầu 17.000 ha, sỏ 5.850 ha, lai 2.050 ha. Cho sản lượng trầu 49.152 tấn, sỏ 40.950 tấn, lai 13.500 tấn.

Kiểm điểm lại mấy năm nay toàn tỉnh đã trồng được 2.270 ha trầu, và cho sản lượng trung bình 200 tấn/năm trong đó nông trường 492 ha, còn lại là của hợp tác xã, chủ yếu là huyện Văn Chấn 817 ha, Trấn Yên 228 ha, Sa Pa 249 ha, Mường Khương 350 ha, toàn tỉnh trồng được 3.216 ha sỏ và cho sản lượng trung bình 300 tấn/năm. Trong đó, nông trường 1.082 ha còn lại là hợp tác xã, chủ yếu là huyện Yên Bình 1.855 ha, Lục Yên 215 ha, toàn tỉnh trồng được 1.538 ha lai và cho sản lượng trung bình 100 tấn/năm. Trong đó nông trường 122 ha, còn là của hợp tác xã, chủ yếu là huyện Văn Bàn 610 ha, Bảo Yên 467 ha, Lục Yên 305 ha.

Nhìn chung trên địa bàn huyện đã cố gắng đi vào chỉ đạo thành các vùng sản xuất chuyên canh cây công nghiệp, cây đặc sản có quy mô lớn theo phương án quy hoạch đã đề ra. Việc hình thành vùng sản xuất tập trung 3 loại cây này chủ yếu là khu vực hợp tác xã. Trong đó chủ yếu là những hợp tác xã vùng cao, vùng định canh định cư và vùng kinh tế mới, những năm trước đây được Nhà nước cung cấp lương thực nên tốc độ phát triển khá nhanh, giờ đây do tình hình lương thực không đủ để cung cấp nên hầu hết chững lại, mặt khác 3 loại cây này nhất là sỏ và lai về mặt khoa học chưa có kết luận dứt khoát về khả năng ra quả để có quy trình sản xuất hoàn chỉnh, nhìn chung có nhận xét rằng: khi mở rộng từ vườn gia đình ra sản phẩm đại trà thì khả năng ra quả ít, thậm chí có cây không có quả, vì vậy cho đến nay toàn tỉnh đã trồng được trên 7.000 ha trầu, sỏ, lai mà sản lượng thu được không đáng kể, trong khi đó đã phải đầu tư một số khá lớn về tiền và gạo vào các vùng chuyên canh 3 loại cây này, chủ trương của tỉnh trước mắt tạm chưa phát triển

thêm, chủ yếu đi vào bảo vệ, chăm sóc và tiếp tục theo dõi nghiên cứu để nhanh chóng rút ra kết luận rồi sẽ có chủ trương về việc tiếp tục phát triển hay chuyển hướng thay thế 3 loại cây này.

- Vùng cây đặc sản khác:

Trong phương án quy hoạch của tỉnh Hoàng Liên Sơn cũng đã chỉ rõ một số cây đặc sản khác như:

+ Hạt rau giống: Su hào 120 ha sản lượng 96 tấn, bắp cải 100 ha, sản lượng 60 tấn.

+ Một số cây dược liệu: Xuyên khung 300 ha sản lượng 360 tấn; bạch truật 450 ha sản lượng 247 tấn; tam thất 50 ha sản lượng 7 tấn; đỗ trọng 700 ha sản lượng 90 tấn.

+ Một số cây ăn quả như: Dứa 2.000 ha sản lượng 27.000 tấn; cam 500 ha sản lượng 6.480 tấn; táo, lê, mận, đào 1.000 ha sản lượng 11.400 tấn.

Hầu hết các loại cây này đều được bố trí ở các huyện biên giới, phía bắc, cho đến nay nhìn chung so với phương án quy hoạch thực hiện chưa được bao nhiêu, dứa 1.123 ha, đào, mận 236 ha, su hào, bắp cải giống 107 ha, các loại cây dược liệu 169 ha, nhìn chung sản phẩm hàng hóa chưa đáng kể, vùng sản xuất tập trung chưa hình thành. Nguyên nhân chủ yếu là ở những vùng này thuộc vùng cao biên giới, nói chung là thiếu lương thực, giao thông vận tải chưa phát triển, quan hệ sản xuất còn non yếu, thêm vào đó cuộc chiến tranh tháng 2-1979¹ càng làm cho việc tổ chức sản xuất vùng chuyên canh các loại cây này gặp khó khăn và kém phát triển.

Riêng cây quế quy hoạch đến năm 1995 sẽ đưa diện tích quế của toàn tỉnh lên 15.000 ha trong đó quốc doanh 3.000 ha, hợp tác xã 6.000 ha, và gia đình xã viên 6.000 ha, được bố trí ở 3 huyện Văn Yên, Văn Chấn, và phía nam huyện Văn Bàn là một loại cây đặc sản có giá trị kinh tế cao nhất là xuất khẩu, nhìn chung việc hình thành vùng quế đã rõ nét và đang có chiều hướng phát triển tốt, hiện tại hàng năm đã có hàng trăm tấn quế thanh và tinh dầu quế xuất khẩu.

1. Một số từ chúng tôi thêm vào - BT.

c) Vùng cây nguyên liệu giấy sợi.

Được bố trí ở 3 huyện Yên Bình, Lục Yên và Bảo Yên với tổng diện tích tự nhiên toàn vùng là 212.750 ha, quy hoạch đất rừng và trồng rừng là 65.900 ha (30,9%), riêng chỉ tiêu trồng 2 loại cây nguyên liệu giấy sợi mỡ và bồ đề là 50.000 ha trong đó 40.000 ha bồ đề và 10.000 ha cây mỡ. Đến năm 1980 toàn vùng đã trồng được 18.250 ha (36,5%) trong đó là bồ đề 15.497 ha (38,7%), mỡ 2.754 ha (27,5%). Việc phấn đấu thực hiện chỉ tiêu trồng hai loại cây này được đẩy mạnh từ khi hợp nhất tỉnh, nhất là sau khi có chủ trương của Trung ương xây dựng nhà máy sợi tổng hợp ở tỉnh Hoàng Liên Sơn.

Với số diện tích cây nguyên liệu giấy sợi trồng được bao gồm 3 lâm trường quốc doanh và các hợp tác xã thuộc 3 huyện Yên Bình, Bảo Yên, Lục Yên. Vì vậy tốc độ phát triển khá nhanh, song đến nay nhà máy sợi chưa có, một số khá lớn bồ đề đã đến tuổi khai thác. Vì vậy, vấn đề cơ bản được đặt ra đối với từng vùng chuyên canh cây nguyên liệu giấy sợi là có tiếp tục duy trì phương hướng hai loại cây này hay chuyển hướng trồng cây khác, điều đó tùy thuộc vào chủ trương của Trung ương trong việc xây dựng nhà máy sợi tổng hợp hoặc là xác định khả năng tiêu thụ hai loại cây này. Về phía địa phương, căn cứ vào điều kiện đất đai, khí hậu xác định việc bố trí hai loại cây này trên địa bàn 3 huyện là phù hợp.

3. Vấn đề nông, lâm kết hợp trên địa bàn huyện

Một trong những yêu cầu cơ bản của sản xuất nông nghiệp ở miền núi là phải bảo đảm kết hợp chặt chẽ với lâm nghiệp, điều đó có ý nghĩa chiến lược về kinh tế và môi trường. Những năm qua tỉnh Hoàng Liên Sơn đã chú trọng đẩy mạnh công tác này trên cả 3 khu vực quốc doanh, hợp tác xã và gia đình xã viên, bước đầu đã mang lại một số kết quả trong việc trồng rừng, bảo vệ đầu nguồn, khai thác lâm sản và phát triển lương thực. Một trong những vấn đề cơ bản là đã tiến hành quy hoạch sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn các huyện, tuy còn nhiều vấn đề, song bước đầu cũng

đã xác định được ranh giới giữa đất nông nghiệp và đất lâm nghiệp, quy hoạch được các loại rừng và đất rừng, như rừng tái sinh, rừng khai thác, rừng đầu nguồn, rừng trồng mới... Trên cơ sở đó tạo điều kiện cho các đơn vị, xí nghiệp nông, lâm trường và hợp tác xã đi vào tổ chức sản xuất, vì vậy theo hướng nông, lâm kết hợp. Tại huyện Văn Yên đồng bào Dao thuộc xã Viễn Sơn với công thức (lúa, quế), (lúa, sắn) vừa bảo đảm trồng cây đặc sản có giá trị kinh tế vừa tích cực giải quyết lương thực, tại huyện Trấn Yên Hợp tác xã Tân Đồng đã coi sản xuất và kinh doanh lâm nghiệp là một ngành sản xuất chính, một nguồn thu quan trọng của hợp tác xã, trong 3 năm 1978- 1981 hợp tác xã đã khai thác bán cho Nhà nước 150 mét khối gỗ, 600 tấn nguyên liệu giấy, hàng ngàn mét khối củi, trồng mới hàng chục ha rừng bảo vệ trên 1.600 hec ta rừng tự nhiên, giữ nước phục vụ cho thâm canh lúa ruộng, đời sống của xã viên bảo đảm và mỗi ngày một nâng cao, liên tục hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước. Tại huyện Văn Chấn Hợp tác xã Nghĩa Sơn, phương hướng sản xuất chính là trồng chè nhưng đã biết trồng xen canh cây trẩu bảo đảm tăng thêm độ ẩm cho cây chè có năng suất cao, tăng thêm nguồn thu nhập cho hợp tác xã.

Tuy nhiên công tác nông, lâm nghiệp kết hợp là một vấn đề phức tạp cả về chiều sâu và quy mô rộng lớn. Vì vậy nó cũng đang là một công tác còn tồn tại nhiều khuyết nhược điểm như trong công tác lâm nghiệp mới chỉ chú ý nhiều đến khu vực quốc doanh, còn coi nhẹ khu vực hợp tác xã và gia đình xã viên, một số điển hình về công tác lâm nghiệp và nông, lâm kết hợp ở khu vực hợp tác xã và gia đình xã viên còn mang tính chất lẻ tẻ, chưa có tính phổ biến và trở thành phong trào quần chúng rộng rãi. Do đó trong công tác lâm nghiệp và nông lâm kết hợp chưa có chiều sâu và chưa bảo đảm có cơ sở vững chắc, vai trò của cấp huyện chưa vươn lên trong việc quản lý quy hoạch cũng như chỉ đạo sản xuất lâm nghiệp và sự kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp trên địa bàn huyện.

4. Vấn đề phát triển công nghiệp và thủ công nghiệp trên địa bàn huyện

Quá trình xây dựng và phát triển kinh tế ở tỉnh Hoàng Liên Sơn đi đôi với sản xuất nông lâm nghiệp, công nghiệp và thủ công nghiệp bước đầu cũng đã có những bước phát triển.

Toàn tỉnh có 55 xí nghiệp trong đó có 51 xí nghiệp do địa phương quản lý.

3 cơ sở năng lượng nhiên liệu, 13 cơ sở cơ khí, 2 cơ sở hóa chất, 22 cơ sở sành sứ, thủy tinh chế biến lâm sản; 11 cơ sở chế biến lương thực, thực phẩm; 1 cơ sở dệt da may mặc, 1 cơ sở in văn hóa phẩm, 4 cơ sở công nghiệp khác.

Đến năm 1980 giá trị tổng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp của toàn tỉnh đạt 86.825.000 đồng trong đó Trung ương quản lý 41.460.000 đồng, tỉnh quản lý 22.207.000 đồng, huyện quản lý 23.158.000 đồng, trong số huyện quản lý công nghiệp quốc doanh 6.318.000 đồng, thủ công nghiệp 16.840.000 đồng, vấn đề là phát triển công nghiệp và thủ công nghiệp trên địa bàn huyện theo chủ trương của Trung ương Đảng và Chính phủ nhằm từng bước xây dựng và tạo ra cho cấp huyện được một cơ cấu kinh tế nông, lâm, công nghiệp. Đối với tỉnh Hoàng Liên Sơn nhìn chung còn rất chậm, công nghiệp và thủ công nghiệp trên địa bàn huyện còn rất nhỏ bé, trong 51 xí nghiệp do địa phương quản lý có 17 xí nghiệp giao cho huyện quản lý, phổ biến ở mỗi huyện chỉ có 1 xưởng cơ khí, một vài huyện có xưởng chế biến màu nhỏ bé. Vì vậy, có thể nói rằng công nghiệp và thủ công nghiệp trên địa bàn huyện chưa có những bước phát triển đáng kể đặc biệt là chưa bảo đảm đi đúng đường lối của Đảng về việc xây dựng công nghiệp và thủ công nghiệp trên địa bàn huyện gắn với nguyên liệu tại chỗ; công nghiệp và thủ công nghiệp trên địa bàn huyện chưa tạo ra mối liên hệ chặt chẽ với nông, lâm nghiệp một cách khách quan.

Trước yêu cầu của sự nghiệp phát triển kinh tế nói chung trước hết là phục vụ cho nông nghiệp phát triển thì vai trò của công

nghiệp và thủ công nghiệp trên địa bàn huyện có vị trí đặc biệt quan trọng. Đối với tỉnh Hoàng Liên Sơn là một tỉnh miền núi nên sản xuất rất đa dạng, có nhiều nguồn nhiên liệu đáp ứng cho nhu cầu phát triển công nghiệp và thủ công nghiệp, chỉ tính riêng chế biến lương thực thì toàn tỉnh hằng năm có sản lượng sản trên 20 vạn tấn rơm rạ hầu hết trên các huyện, đó là nguồn nguyên liệu rất lớn phục vụ cho công nghiệp chế biến, ngoài ra còn có rất nhiều sản phẩm cây lương thực, cây công nghiệp, và cây đặc sản khác, đó là nguồn nguyên liệu rất phong phú bảo đảm cho công nghiệp và thủ công nghiệp trên địa bàn huyện phát triển phục vụ sản xuất, đời sống và xuất khẩu.

5. Vấn đề quốc phòng và an ninh trên địa bàn huyện

Trước âm mưu và hành động chiến tranh của bọn phản động (...) và các thế lực hiếu chiến đối với nước ta, là một tỉnh miền núi, biên giới nhiều dân tộc công tác quốc phòng và an ninh luôn luôn được đặt ra với một yêu cầu hết sức cấp thiết.

Vì vậy căn cứ vào các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng xuất phát từ đặc điểm của tỉnh Hoàng Liên Sơn những năm qua Tỉnh ủy đã đặc biệt quan tâm chú trọng công tác này và đã có nhiều chủ trương, biện pháp tăng cường công tác quốc phòng và an ninh trên tất cả các vùng đặc biệt là vùng cao biên giới, trong đó tập trung vào việc chỉ đạo xây dựng theo quan điểm “Chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân” của Đảng, nhằm trước hết tăng cường củng cố cơ sở đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng vững mạnh, nâng cao giác ngộ cách mạng và tinh thần cảnh giác của quần chúng trên cơ sở xây dựng lực lượng quốc phòng và an ninh trên địa bàn huyện và cơ sở.

Trên địa bàn các huyện và cơ sở lực lượng quốc phòng và an ninh đã được chú ý tăng cường về mặt tổ chức, nhiều cán bộ có năng lực và phẩm chất chính trị tốt đã được bổ sung nắm giữ công tác quan trọng này, nhất là những vùng xung yếu, công tác huấn luyện và xây dựng

lực lượng dân quân tự vệ được đẩy mạnh. Vì vậy trong tháng 2-1979, các tiểu đoàn bộ đội địa phương của các huyện Văn Bàn, Văn Chấn, Trấn Yên, và thị xã Lào Cai... đã kịp thời nhận lệnh và tham gia vào cuộc chiến đấu (...), góp phần vào thắng lợi vĩ đại của cả nước, (...).

Từ các huyện trên tuyến biên giới cho đến các huyện sâu trong nội địa tỉnh đã chỉ đạo việc thống nhất thể trận liên hoàn giữa các tuyến và các huyện.

Đối với các huyện biên giới có vị trí đặc biệt quan trọng trong công tác quốc phòng và an ninh, từ tháng 4-1981 đến tháng 2-1982 tỉnh đã tập trung 1.690 cán bộ có năng lực và phẩm chất chính trị tốt tham gia vào cuộc vận động xây dựng pháo đài huyện vững mạnh, cuộc vận động này được tiến hành ở tất cả các xã và các huyện, thị biên giới. Nhằm phát động quần chúng xây dựng thể trận chính trị, quân sự, an ninh, kinh tế, hậu cần và đời sống vững mạnh trên địa bàn liên hoàn của từng xã, từng huyện và các huyện kế cận, bảo đảm chống lại có hiệu quả mọi hành động phá hoại của địch và sẵn sàng chiến đấu khi có tình huống xảy ra.

Tuy nhiên công tác quốc phòng và an ninh trên địa bàn huyện, nhất là các huyện biên giới nổi lên một số vấn đề sau đây.

- Xuất phát từ đặc điểm về tự nhiên, kinh tế và xã hội của một tỉnh miền núi nên vấn đề cơ bản của công tác chính trị và tổ chức có thể nói rằng nhìn chung còn rất yếu nhất là ở các xã và các huyện biên giới. Chưa làm chủ được vùng giáp biên, kẻ địch còn thường xuyên quấy phá, và khống chế. Qua phân loại 53 cơ sở đảng thuộc 5 huyện, thị biên giới thì số cơ sở vững mạnh chỉ chiếm 24,5%, thông kê đảng bộ trong dịp sơ kết phát thể đảng viên thì số đảng viên thực sự tiên phong gương mẫu là 47,3%, còn lại là khá từng mặt hoặc yếu kém, trong 117 tổ chức chính quyền chỉ có 28,8% là vững mạnh, trong 127 tổ chức quần chúng thì có 33,8% vững mạnh... Điều đó đang đặt ra yêu cầu của việc củng cố cơ sở đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng hết sức cấp thiết và coi đó là cơ sở bảo đảm cho việc xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh vững mạnh trên địa bàn huyện và cơ sở.

- Công tác quốc phòng và an ninh vững mạnh là một trong những yêu cầu của việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện. Do đó có mối quan hệ chặt chẽ với tất cả các mặt công tác ở cấp huyện trong đó cơ bản là vấn đề quy hoạch huyện cụ thể là:

+ Vấn đề bố trí sản xuất và dân cư trên địa bàn huyện đang đặt ra nhiều vấn đề phải nghiên cứu do đặc điểm ở miền núi, gần đây do tác động của cuộc chiến tranh tháng 2-1979 nhìn chung trên địa bàn huyện, nhất là các huyện vùng cao biên giới đang có sự không đồng đều giữa các huyện và trên địa bàn một huyện tình hình di dân đang phát triển, gây ra tình trạng không ổn định về mặt sản xuất và dân cư, nhiều vùng rộng lớn ở giáp biên bị bỏ trống không sản xuất, và không có dân cư trú. Vì vậy việc xây dựng lực lượng quốc phòng và an ninh, công tác bố phòng gặp khó khăn.

+ Trên địa bàn các huyện biên giới và một số huyện kế cận vẫn bố trí sản xuất và dân cư trên địa bàn huyện bao gồm nhiều lực lượng. Vì vậy phương án quy hoạch đang đặt ra vấn đề và đòi hỏi phải có sự thống nhất, bảo đảm sự kết hợp giữa kinh tế và quốc phòng, giữa kinh tế tập thể và kinh tế quốc doanh, giữa nông nghiệp và lâm nghiệp và công nghiệp trên địa bàn huyện.

6. Vấn đề tổ chức đời sống nhân dân trên địa bàn huyện

Một trong những yêu cầu của việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện là tổ chức đời sống nhân dân trên địa bàn huyện.

Đối với tỉnh Hoàng Liên Sơn là một tỉnh miền núi, biên giới nhiều dân tộc vấn đề tổ chức đời sống nhân dân trên địa bàn huyện bao gồm rất nhiều vấn đề rộng lớn cả về đời sống vật chất, tinh thần và văn hóa. Những năm trước đây huyện mới chỉ làm chức năng quản lý hành chính, quản lý sản xuất. Từ khi có chủ trương về xây dựng huyện, nhất là từ năm 1979 bước đầu huyện mới chỉ làm chức năng quản lý phân phối lưu thông và tổ chức đời sống nhân dân trên địa bàn huyện.

Trước hết về lương thực, huyện đã chủ động và làm tốt công tác phân phối và điều hòa lương thực đối với khu vực kinh tế hợp tác xã,

bảo đảm đúng chính sách và nguyên tắc phân phối theo lao động, đồng thời bảo đảm phân phối lương thực đúng chính sách ở khu vực do Nhà nước quản lý.

Đối với vấn đề lương thực việc cung cấp hàng hóa cho nhân dân trên địa bàn huyện cũng đã có những bước chuyển biến đáng kể, mạng lưới thương nghiệp và hợp tác xã mua bán được mở rộng. Đặc biệt là huyện đã làm tốt việc kết hợp giữa thu mua nông, lâm sản với việc cung cấp hàng hóa cho nhân dân, hình thức trao đổi hàng hóa theo hợp đồng hai chiều do huyện làm trọng tâm và trực tiếp mang lại những kết quả rất tích cực, thông qua đó nhận thức về nghĩa vụ của nhân dân đối với Nhà nước được nâng lên. Ngành thương nghiệp tạo ra cơ sở trong việc chủ động thu mua năm nguồn hàng. Bước đầu hình thành quá trình sản xuất và phục vụ sản xuất lưu thông phân phối ở khu vực nông thôn rộng lớn. Tính từ năm 1975 đến năm 1980 ngành thương nghiệp đã bán hàng hóa cho nhân dân bình quân 1 lao động từ 280 đồng lên 377 đồng bằng 134,5%. Ngược lại cũng từ năm 1975 đến năm 1980 bình quân 1 lao động nông thôn đã bán nông sản cho Nhà nước từ 99 đồng năm 1975 lên 214 đồng bằng 216%. Riêng huyện Văn Chấn năm 1980 đã thu mua với tổng giá trị 7,8 triệu đồng trong đó hàng hóa nông sản là 6,4 triệu đồng và công nghiệp thủ công nghiệp trị giá 1,4 triệu đồng. Mặt hàng chủ yếu bao gồm 3.550 tấn lương thực, 260 tấn thịt lợn hơi, 2.700 tấn chè búp, 30 tấn vỏ dứa, 25 tấn quế, 40 tấn hạt trâu, 1.250 con lợn giống, 3.000 mét khối gỗ trâu, 3.000 cây bừa, 1,9 triệu viên ngói gạch, 1.100 tấn vôi cục....

Với số hàng hóa mua được ngoài phần cung cấp cho nhu cầu tại chỗ trên địa bàn huyện, còn điều cho tỉnh với giá trị 2,5 triệu đồng và xuất khẩu 1,8 triệu đồng. Trong khi đó huyện đã được cung cấp vật tư, hàng hóa với giá trị 9,2 triệu đồng bao gồm 1.300 tấn phân hóa học, 325 tấn xăng dầu và một số hàng hóa thiết yếu khác. Vì vậy, tổng mức luân chuyển hàng hóa có tổ chức trên địa bàn huyện Văn Chấn năm 1980 lên đến 16.728.000 đồng, trong đó thương nghiệp quốc doanh 14.678.000 đồng, hợp tác xã mua bán 2.050.000 đồng.

Đi đôi với việc tổ chức đời sống vật chất các mặt khác trên địa bàn huyện cũng đã có những mặt tiến bộ như học hành, đi lại, chữa bệnh và giải trí... Đến nay hầu hết các huyện đã có bệnh viện, có huyện có một vài phân viện (Văn Chấn), có trường cấp III và hầu hết các xã vùng thấp có trường cấp II, ở vùng cao hầu hết đã có trường cấp I. Bình quân cứ 5.350 người dân có 1 bác sĩ, 190 người dân có 1 giường bệnh và 4,5 người dân có 1 người đi học. Một số huyện như Văn Chấn, Văn Bàn, Mường Khương, Lục Yên... đã có rạp chiếu bóng. Việc đi lại của nhân dân bước đầu cũng đã được cải thiện, hầu hết các huyện đã có đường ô tô về tỉnh, nhiều huyện có đường ô tô đến nhiều xã trong huyện. Đáng chú ý là cùng với việc đưa thêm lao động vào các vùng kinh tế mới và tổ chức lại sản xuất bước đầu đã hình thành các cụm dân cư mới, ví dụ trên địa bàn huyện Văn Chấn đã có 33.000 dân cư trú trên 4 thị trấn công nghiệp và nông, lâm trường.

Tuy nhiên, vấn đề tổ chức đời sống nhân dân trên địa bàn huyện nhất là đối với các huyện vùng cao biên giới còn có rất nhiều khó khăn, giao thông vận tải đi lại khó khăn, phong tục tập quán lạc hậu còn rất nặng nề, trình độ sản xuất còn thấp kém. Trước mắt còn nhiều vấn đề phải giải quyết, song đó là một vấn đề phức tạp và rộng lớn, chỉ có thể làm tốt khi nào toàn bộ phương án quy hoạch được thực hiện trên địa bàn huyện, trong đó vấn đề sản xuất là cơ bản nhất.

III. CÔNG TÁC Củng Cố VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT CỦA CÁC CƠ SỞ HẠ TẦNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

Việc củng cố và tổ chức sản xuất của các cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện bảo đảm và quyết định việc thực hiện phương án quy hoạch đồng thời nó là nội dung cơ bản của công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện bao gồm khu vực kinh tế hợp tác xã, nông, lâm trường, trạm trại và các cơ sở phục vụ sản xuất khác.

1. Khu vực kinh tế hợp tác xã sản xuất nông nghiệp

Kinh tế hợp tác xã chiếm một vị trí chủ yếu và quyết định phương án kinh tế ở cấp huyện.

Năm 1976 sau khi hợp nhất 3 tỉnh có 870 hợp tác xã, quá trình tổ chức lại sản xuất sáp nhập một số hợp tác xã đến năm 1979 toàn tỉnh có 639 hợp tác xã, từ năm 1980 bắt đầu tách ra một số hợp tác xã quá to không phù hợp với trình độ quản lý, cho đến nay toàn tỉnh có 742 hợp tác xã. Với 742 hợp tác xã có 250 hợp tác xã tiên tiến và khá (33%); còn lại là trung bình và yếu kém, trong đó yếu kém 202 hợp tác xã (27%); trong 742 hợp tác xã có 406 hợp tác xã vùng cao (55%); còn lại là hợp tác xã vùng thấp. Quy mô hợp tác xã quá nhiều lần điều chỉnh đến nay bình quân ở vùng thấp 194 hộ, 143 ha canh tác và 404 lao động Ở vùng cao có quy mô 45 hộ, 40 ha canh tác và 112 lao động.

Quá trình xây dựng củng cố và phát triển hợp tác xã cho đến nay nhìn chung phong trào về cơ bản giữ vững, từng bước có những tiến bộ, nhất là từ năm 1976 thực hiện theo tinh thần Nghị quyết 61-CP của Hội đồng Chính phủ, sản xuất và kinh doanh ở hợp tác xã bước đầu đã có những tiến bộ, ngoài lúa đã chú trọng đẩy mạnh sản xuất màu, trồng cây công nghiệp, cây đặc sản, chăn nuôi, nghề rừng và một số ngành nghề khác, thu nhập mỗi ngày một nâng lên, giữ vững đời sống quần chúng, tích cực hoàn thành phần đóng góp nghĩa vụ đối với Nhà nước. Gần đây thi hành Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động bước đầu đã thu được một số kết quả, người lao động đã thực sự quan tâm đến sản xuất do đó năng suất lao động tăng lên, sử dụng triệt để mọi nguồn lực lao động tiềm tàng trong nông thôn, đất đai và một số loại tư liệu sản xuất khác được sử dụng tốt hơn. Hàng thừa khoán mới bước đầu được áp dụng vào miền núi phù hợp với trình độ quản lý và trình độ phát triển lực lượng sản xuất hiện tại nên đã phát huy tác dụng tích cực đối với sản xuất và thâm canh. Vai trò của cấp ủy Đảng và chính quyền đã có những chuyển biến trong lĩnh vực lãnh đạo kinh tế, nội dung sinh hoạt đảng ở cơ sở từng bước đã gắn với

nhệm vụ sản xuất, chuyển hầu hết chi bộ Đảng trực tiếp lãnh đạo đơn vị đội sản xuất.

Tuy nhiên, vấn đề củng cố tổ chức và tổ chức sản xuất ở cơ sở hợp tác xã là một vấn đề rất phức tạp và đang tồn tại nhiều vấn đề, cho đến nay phong trào hợp tác xã đã trải qua một thời gian khá dài song nhìn chung chuyển biến chậm và chưa thoát ra khỏi tình trạng trì trệ, kéo dài, sản xuất và kinh doanh ở hợp tác xã về cơ bản vẫn là sản xuất nhỏ, năng suất thấp, đến năm 1980 trên địa bàn huyện 85% số lao động tập trung vào trồng trọt nghề rừng chỉ có 18%, chăn nuôi 0,73%, ngành nghề khác 5%. Điều nói lên sản xuất và kinh doanh của hợp tác xã vẫn trong phạm vi rất nhỏ hẹp. Vì vậy đến năm 1980 giá trị một ngày công trong hợp tác xã mới chỉ đạt ở 0,86 đồng và 1,1 kg thóc.

Riêng đối với vùng cao với 406 hợp tác xã đã chiếm 55% số hợp tác xã toàn tỉnh song nhìn chung quan hệ sản xuất còn rất non yếu, ở nhiều nơi hợp tác xã chỉ là hình thức sản xuất vẫn ở thể độc canh, năng suất thấp. Đặc biệt là ở các huyện vùng cao biên giới do điều kiện sản xuất khó khăn, thiếu đất làm cây lương thực, lại thêm sự tác động của cuộc chiến tranh tháng 2-1979 nên tình hình hợp tác xã bố trí sản xuất không ổn định, tình trạng du canh du cư trong phạm vi tỉnh và ngoài tỉnh khá phổ biến, đang là một khó khăn lớn trong việc ổn định dân cư, hợp tác xã và sản xuất ở vùng cao.

Kinh tế gia đình xã viên là một bộ phận kinh tế quan trọng song chưa có những chuyển biến đáng kể, ở một số nơi đã và đang có chiều hướng phát triển không đúng hướng, tình trạng phá rừng làm nương rẫy khá phổ biến và gây tác hại nghiêm trọng trong việc bảo vệ nguồn nước và gây cháy rừng, lễ tế đã xuất hiện tư tưởng 2 bát úp làm một, làm ruộng khoán chỉ là đủ mức khoán, để dành thời gian làm lúa, ngô riêng.

Tóm lại, trình độ quản lý kinh tế còn non yếu đang là trở ngại trong việc tổ chức sản xuất và kinh doanh ở hợp tác xã kể cả vùng thấp và vùng cao, hình thức khoán mới tuy bước đầu được vận dụng đã phát huy tác dụng tích cực trên một số mặt, song áp dụng vào miền núi có nhiều đặc điểm khác biệt đối với miền xuôi nên đã và đang nảy

sinh nhiều vấn đề, trong đó cơ bản là do trình độ quản lý còn non yếu nên hiện tượng buông lỏng quản lý dẫn đến khoán trắng khá phổ biến, việc thực hiện phương hướng sản xuất và tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật của tập thể đang có chiều hướng giảm sút. Vai trò lãnh đạo và mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và hợp tác xã chưa phân định rõ ràng; có nơi Đảng làm thay chính quyền và hợp tác xã, ngược lại có nơi vai trò lãnh đạo của Đảng và chính quyền lu mờ và chỉ đạo chung chung.

Sự lãnh đạo và chỉ đạo của cấp huyện đối với cơ sở hợp tác xã vẫn chưa thoát ra khỏi tình trạng hành chính, chưa thực sự đi vào những vấn đề kinh tế và kỹ thuật, đặc biệt là chưa thực sự đi sâu chỉ đạo theo phương hướng quy hoạch đã đề ra trên địa bàn huyện.

2. Khu vực nông, lâm trường, trạm trại

Trên địa bàn huyện ngoài kinh tế hợp tác xã còn có các hệ thống khác nông, lâm trường, trạm trại bao gồm 7 nông trường trực thuộc Sở Nông nghiệp, 20 lâm trường trực thuộc Sở Lâm nghiệp, 7 trạm bảo vệ thực vật trong đó có 5 trạm thuộc huyện, 2 trạm tỉnh và trạm Trung ương, 1 trạm thú y tỉnh, 2 cơ sở nhân giống lợn cấp I, 3 cơ sở nhân giống lợn cấp II, và 2 trạm truyền tinh lợn ngoại.

Ngoài ra trên địa bàn một số huyện Văn Chấn, Thanh Yên còn có một số nông trường trực thuộc Trung ương.

Đây là những cơ sở kinh doanh và phục vụ xã hội chủ nghĩa được tổ chức và hình thành trong quá trình phấn đấu thực hiện phương hướng sản xuất theo phương án quy hoạch đã đề ra. Nhìn chung đã góp phần tích cực việc tạo ra các vùng sản xuất chuyên canh trên địa bàn các huyện, bước đầu có sản phẩm hàng hóa đóng góp cho Nhà nước. Tại huyện Văn Chấn với 3 nông trường quốc doanh chuyên trồng chè cùng với hàng chục hợp tác xã chuyên canh chè đã nhanh chóng hình thành vùng sản xuất chuyên canh cây công nghiệp chè có giá trị kinh tế cao, hàng năm đã cung cấp hàng vạn tấn chè búp cho nhà máy chè trên địa bàn huyện. Các lâm trường quốc doanh đã

đóng vai trò chủ yếu trong việc trồng rừng, bảo vệ rừng, khai thác lâm sản trong năm 1976-1980 đã trồng được 51.500 ha rừng. Giá trị tài sản rừng của toàn tỉnh là 43.899.000 đồng, cơ sở vật chất trị giá 68.553.000 đồng, 5 năm đã khai thác cung cấp cho Nhà nước 531.258 m³ gỗ tròn và nhiều loại sản phẩm khác trị giá 74.750.000 đồng, tích lũy cho Nhà nước 46.356.600 đồng.

Tuy nhiên việc củng cố và tổ chức sản xuất của sở nông, lâm trường, trạm trại nổi lên một số vấn đề tồn tại là:

- Đối với các nông, lâm trường quốc doanh:

Trừ các nông trường chuyên trồng chè là những nông trường phương hướng sản xuất rõ nét, quá trình sản xuất và kinh doanh đã mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực, còn lại 7 nông trường như: Trần Phú, Phong Hải, Thanh Niên, Văn Hưng, Bắc Hà, Thanh Bình, Bảo Yên phương hướng sản xuất của các nông trường này là chủ yếu trồng cây công nghiệp (lai, sỏ), cây ăn quả (dứa) kết hợp trồng cây lương thực và chăn nuôi bò, lợn, riêng Nông trường Bảo Yên phương hướng sản xuất chủ yếu là chăn nuôi trâu sữa (Mura). Cho đến nay phương hướng sản xuất nhìn chung chưa rõ, cây công nghiệp sỏ, lai không có quả, cây dứa chưa dứt khoát, chủ trương đầu tư vốn của Trung ương trâu sữa phát triển kém, cây lương thực hạn chế bởi đất đai canh tác có hạn. Vì vậy trải qua một thời gian quá dài, nhìn chung hầu hết các nông trường chưa có lãi, trong khi đó có nông trường đã đầu tư quá nhiệm vụ thiết kế về lương thực tự túc được rất ít, hằng năm 7 nông trường này chỉ sản xuất tự túc được 250 tấn thóc, trong khi đó yêu cầu phải cung cấp cho 5.855 công nhân (chưa kể nhân khẩu ăn theo) trừ phần tự túc Nhà nước phải cung cấp 1.120 tấn lương thực/năm. Vì vậy, trước mắt phải tiến hành rà soát lại phương hướng nhiệm vụ của 7 nông trường này, nhằm bổ sung hoặc chuyển hướng nhiệm vụ một cách chính xác, đồng thời nghiên cứu và kiện toàn bộ máy lãnh đạo và quản lý của tất cả các nông trường, bảo đảm quá trình sản xuất và kinh doanh phải mang lại hiệu quả kinh tế nhanh nhất.

- Đối với các lâm trường quốc doanh:

Một trong những tồn tại cơ bản của các lâm trường quốc doanh là hầu hết trực thuộc tỉnh, việc sản xuất và kinh doanh chưa thật sự gắn bó với hợp tác xã trên địa bàn huyện, hiện tượng tranh chấp đất đai giữa lâm trường và hợp tác xã còn phổ biến đáng chú ý là việc sử dụng đất đai có chỗ chưa hợp lý, có nhiều vùng đất đai đáng giao cho hợp tác xã quản lý và kinh doanh lợi hơn thì lâm trường làm, thậm chí lâm trường phát cả vào đất bằng phẳng lẽ ra có thể dành lại để làm cây lương thực, việc bảo vệ và chăm sóc rừng chưa tốt, chỉ tính từ năm 1979 đến 6 tháng đầu năm 1982 số rừng bị cháy là 10.811 ha. Vai trò của cấp huyện chưa được thực sự vươn lên trong việc quản lý quy hoạch trên địa bàn huyện nói chung và quản lý lâm nghiệp nói riêng. Bản thân các lâm trường còn nặng về kinh doanh đơn thuần, chưa tích cực và chủ động gắn bó và đóng vai trò đầu tàu gương mẫu giúp đỡ hợp tác xã cùng phát triển và kinh doanh lâm nghiệp trên địa bàn huyện theo phương án quy hoạch đã đề ra.

- Đối với các trạm trại, phục vụ

Đây là những cơ sở vật chất rất quan trọng để huyện có thể nắm và tác động vào các cơ sở kinh tế hạ tầng, song nhìn chung những cơ sở này mới được thành lập, trang thiết bị còn rất nghèo nàn, nên chưa có thể phát huy tác dụng tích cực đối với sản xuất và quản lý kinh tế trên địa bàn huyện.

Tóm lại, việc củng cố và tổ chức sản xuất của các cơ sở kinh tế hạ tầng còn rất yếu, hiệu quả của sản xuất và kinh doanh chưa cao, thậm chí còn bị thua lỗ, mối quan hệ giữa kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác xã và các cơ sở trạm trại phục vụ trên địa bàn huyện chưa chặt chẽ, và bảo đảm khép kín theo phương án quy hoạch tổng thể trên địa bàn huyện.

IV. VẤN ĐỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ CHO CẤP HUYỆN VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ Ở CẤP HUYỆN

Quá trình thực hiện phương án quy hoạch trên địa bàn huyện theo tinh thần Thông báo số 6 và Chỉ thị 208 của Ban Bí thư Trung ương Đảng cũng là quy trình công tác xây dựng huyện và tăng cường

cấp huyện về mặt tổ chức và bộ máy nhất là từ khi có Chỉ thị 33 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Nghị quyết số 33 của Hội đồng Chính phủ đã kịp thời đáp ứng yêu cầu của công tác chỉ đạo cấp huyện.

Tháng 4-1978 thi hành các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng và Chính phủ, Ban chỉ đạo của tỉnh đã đề ra kế hoạch tiến hành thí điểm việc phân cấp quản lý và xây dựng bộ máy quản lý cấp huyện tại huyện Văn Chấn, sau khi có Quyết định 139-CP và Thông tư hướng dẫn 109 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn đã ra quyết định thành lập tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn nhằm rút kinh nghiệm để triển khai ra các huyện khác. Cuối năm 1980 tỉnh đã tổ chức hội nghị sơ kết công tác xây dựng huyện tại huyện Văn Chấn và có kế hoạch triển khai công tác phân cấp và tổ chức bộ máy cấp huyện trên phạm vi toàn tỉnh. Cuối năm 1981 việc phân cấp quản lý cho cấp huyện về tổ chức bộ máy ở cấp huyện của tỉnh Hoàng Liên Sơn cơ bản làm xong.

Đến nay toàn tỉnh đã phân cấp cho huyện 110 đơn vị bao gồm: Nông nghiệp 14 đơn vị, công nghiệp 14 đơn vị, xây dựng 16 đơn vị, giao thông 7 đơn vị, thủy lợi 4 đơn vị, văn hóa thông tin 10 đơn vị, y tế 7 đơn vị, thương nghiệp 10 đơn vị, tài chính 17 đơn vị. Bộ máy ở cấp huyện đã được nghiên cứu sắp xếp theo tổ chức 16 phòng ban. Nhìn chung quá trình phân cấp quản lý và xây dựng bộ máy quản lý ở cấp huyện đã mang lại một số tác dụng tích cực trong việc tổ chức sản xuất, lưu thông phân phối và tổ chức đời sống nhân dân trên địa bàn huyện, nhận thức về vai trò và trách nhiệm của cấp ủy Đảng chính quyền, và các ngành ở huyện đã nâng lên một cách rõ rệt, nhiều huyện bước đầu đã chủ động đi vào tính toán và tích cực phát huy thế mạnh ở địa phương mình trong sản xuất và tổ chức đời sống, tích cực tạo thu ngân sách và giám sát nguồn thu ngân sách.

Ví dụ: Thu ngân sách tại huyện năm 1979 là 1.522.000 đồng, năm 1980 là 12.474.000 đồng, năm 1980 tăng lên 23.781.000 đồng, tuy nhiên việc phân cấp quản lý và tình hình tổ chức bộ máy ở cấp huyện nổi lên một số vấn đề sau đây:

Nhận thức về vấn đề phân cấp quản lý cho cấp huyện chưa thật sự quán triệt theo tinh thần Chỉ thị số 33 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 33 của Hội đồng Chính phủ là phải xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ sản xuất và những vấn đề kinh tế ở cấp huyện mà đặt vấn đề phân cấp. Vì vậy về việc phân cấp quản lý vừa qua làm còn vội vàng, thiếu tính toán và chưa đồng bộ, cho nên hiệu quả sau khi phân cấp còn bị hạn chế, thậm chí còn gây trở ngại cho sản xuất và quản lý ở cấp huyện. Đi đôi với việc phân cấp thì vấn đề chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cấp huyện chưa được quy định rõ ràng, nhất là trong lĩnh vực quản lý kinh tế, về tổ chức bộ máy của cấp huyện theo tổ chức 16 phòng ban qua một thời gian cho thấy không hợp lý và tỏ ra kém phát huy tác dụng, thực sự vẫn công kênh và chưa thoát ra khỏi tình trạng hành chính.

Tóm lại, việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện trở thành một đơn vị kinh tế, nông, lâm công nghiệp một cấp kế hoạch toàn diện theo chủ trương của Trung ương Đảng và Chính phủ thì vấn đề tổ chức bộ máy ở cấp huyện đang đặt ra rất nhiều vấn đề phải được kịp thời nghiên cứu và đáp ứng, nhằm mau chóng tạo ra cho cấp huyện có cơ sở thoát ra khỏi tình trạng hành chính bao cấp và vươn lên làm chủ quy hoạch trên địa bàn huyện.

Phần thứ ba

NHỮNG KẾT LUẬN RÚT RA VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ KIẾN NGHỊ VỚI TRUNG ƯƠNG VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG HUYỆN VÀ TĂNG CƯỜNG CẤP HUYỆN

Công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện theo chủ trương của Trung ương Đảng và Chính phủ tại tỉnh Hoàng Liên Sơn trải qua một thời gian tương đối dài, bước đầu đã đạt được một số kết quả trong việc phát triển sản xuất thực hiện phương án quy hoạch lưu thông phân phối và tổ chức đời sống nhân dân trên địa bàn huyện. Song nhìn chung công tác này còn tiến triển chậm, kết quả lại chưa đạt theo yêu cầu như các chỉ thị và nghị quyết của Trung ương đã đề

ra, đáng chú ý là những vấn đề về kinh tế ở cấp huyện chưa được làm rõ và có những chuyển biến đáng kể.

Trên cơ sở kiểm điểm những ưu, khuyết, nhược điểm trong quá trình thực hiện việc xây dựng cấp huyện và tăng cường cấp huyện trong thời gian qua bước đầu rút ra một số vấn đề, đồng thời có một số vấn đề kiến nghị với Trung ương như sau:

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ RÚT RA TỪ THỰC TIỄN Ở HOÀNG LIÊN SƠN VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG HUYỆN VÀ TĂNG CƯỜNG CẤP HUYỆN

1. Xây dựng cơ cấu kinh tế ở cấp huyện

Cơ cấu kinh tế ở cấp huyện được hình thành từ điều kiện tự nhiên ở cấp huyện. Vì vậy, trước hết là quyết định hơn hết là công tác quy hoạch phải làm tốt, trong công tác quy hoạch phải xác định chính xác phương hướng sản xuất chuyên môn hóa và kinh doanh tổng hợp, ví dụ: Lương thực là một vấn đề có tính chất chiến lược chung, ở mỗi huyện dựa vào điều kiện tự nhiên của mình phải xác định được ngành sản xuất chuyên môn hóa có tính chất mũi nhọn và các ngành sản xuất kinh doanh tổng hợp khác. Ngoài quy hoạch tổng thể của cấp huyện phải làm tốt quy hoạch thiết kế xí nghiệp đến tận cơ sở, sản xuất và quy hoạch của các ngành trên địa bàn huyện bảo đảm ăn khớp và thống nhất trên quy hoạch tổng thể ở cấp huyện.

2. Những điều kiện để huyện có thể tổ chức và chỉ đạo tốt quy hoạch trên địa bàn huyện

a) Về cơ sở vật chất - kỹ thuật ở cấp huyện nhìn chung còn rất nghèo nàn nhất là cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ sản xuất hầu như chưa có gì, vì vậy bản thân cấp huyện chưa có được những điều kiện vật chất trong tay để có thể tác động vào các cơ sở kinh tế hạ tầng trong quá trình sản xuất kinh doanh thực hiện phương án quy hoạch trên địa bàn huyện.

b) Về phân cấp quản lý cho cấp huyện: Nói rằng phân cấp cho cấp huyện, song chưa đồng bộ hệ thống kế hoạch chưa được đổi mới, toàn bộ vốn vật tư hầu như vẫn do tỉnh và các ngành của tỉnh nắm và chi phối làm cho cấp huyện chưa có thể chủ động trong việc quản lý kế hoạch vật tư vốn...

c) Chức năng và nhiệm vụ quyền hạn của chính quyền Nhà nước ở cấp huyện. Đây là một vấn đề rất phức tạp có liên quan đến toàn bộ cơ chế quản lý chung từ Trung ương xuống đến địa phương trong tình hình hiện nay ở cấp huyện chưa được rõ ràng và cụ thể. Vì vậy làm cho cấp huyện chưa thật sự vươn lên là người làm chủ quy hoạch trên địa bàn huyện.

3. Công tác lãnh đạo và mối quan hệ giữa ngành và cấp ở huyện

Thực tiễn thời gian qua cho thấy công tác lãnh đạo và chỉ đạo của tỉnh và của bản thân cấp huyện chưa sâu và chưa tập trung vào công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, chưa quán triệt sâu sắc chủ trương của Trung ương Đảng và Chính phủ về việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện như Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng và Chỉ thị 33 của Bộ Chính trị là “Lấy huyện làm địa bàn trọng yếu” để thực hiện ba nhiệm vụ chiến lược về sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất và hoàn thiện quan hệ sản xuất nhằm đưa nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đối với các ngành của tỉnh nhìn chung chưa thực sự đi sâu và có những chuyển biến đáng kể trong việc tạo điều kiện giúp các huyện, hầu hết quy hoạch ngành ở cấp huyện chưa được xây dựng. Đặc biệt là mối quan hệ giữa ngành và cấp chưa rõ, đang là trở ngại và gây cho huyện nhiều khó khăn trong việc thực hiện phương án quy hoạch, trên địa bàn huyện đang diễn ra tình trạng nhiều người làm chủ.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ KIẾN NGHỊ VỚI TRUNG ƯƠNG

Qua thực tiễn công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện tại tỉnh Hoàng Liên Sơn bước đầu đã rút ra một số vấn đề kiến nghị với Trung ương như sau:

1. Về quy mô cấp huyện

Thực tiễn cho thấy cấp huyện phải có một quy mô nhất định về đất đai tự nhiên và dân số mới có đủ điều kiện để từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế phát triển văn hóa và xây dựng lực lượng quốc phòng an ninh.

Đối với tỉnh Hoàng Liên Sơn đang có sự chênh lệch quá lớn về dân số giữa các huyện và so với đất đai tự nhiên của một huyện, ngoài huyện Văn Chấn có quy mô trên 100 m², trên 100.000 nhân khẩu, các huyện còn lại nhìn chung đất đai còn lớn dân số thì thấp, một số huyện có số dân 4,5 vạn dân, phổ biến vài ba vạn dân, thậm chí hơn 10.000 dân. Điều đặc biệt là đất đai tự nhiên rộng, song phần lớn là đồi núi, đất đai canh tác rất hạn chế.

Vì vậy đề nghị với Trung ương nghiên cứu và cho ý kiến về quy mô cấp huyện ở miền núi nhằm tạo cơ sở cho các huyện ở miền núi đi vào xây dựng kinh tế phát triển văn hóa và củng cố quốc phòng nhất là các huyện vùng cao biên giới.

2. Về xác định huyện trọng điểm ở miền núi

Xác định huyện trọng điểm nhằm xác định hướng đầu tư phát triển kinh tế và xây dựng lực lượng quốc phòng an ninh.

Đối với đồng bằng hằng năm trên địa bàn một huyện có thể dư thừa 5,6 tấn thóc, song ở miền núi là do đất đai làm cây lương thực có hạn nhưng lại có thể mạnh về cây công nghiệp và đặc sản, chăn nuôi và nghề rừng, hằng năm có thể trên địa bàn 1 huyện cung cấp cho Nhà nước hàng ngàn tấn chè búp, hàng vạn m³ gỗ và nhiều sản phẩm hàng hóa khác. Mặt khác đối với các huyện biên giới còn có vị trí quốc phòng và an ninh.

Vì vậy đề nghị với Trung ương nghiên cứu và xác định tiêu chuẩn huyện trọng điểm ở miền núi nhằm bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế và tăng cường củng cố quốc phòng.

3. Về vấn đề lương thực

Miền núi nói chung là thiếu lương thực, song lại có nhiều sản

phẩm hàng hóa khác. Vì vậy đề nghị với Trung ương nghiên cứu chính sách lương thực ở miền núi nhất là chính sách lương thực đối với vùng sản xuất chuyên canh cây công nghiệp, cây đặc sản, đối với vùng định canh định cư và vùng kinh tế mới nhằm ổn định dân cư phát triển sản xuất theo phương hướng sản xuất đã được đề ra.

4. Đối với các huyện biên giới

Xuất phát từ yêu cầu phát triển kinh tế và phòng thủ biên giới đề nghị với Trung ương và Bộ Quốc phòng nghiên cứu và có chủ trương về quy hoạch thống nhất trên địa bàn huyện, nhằm bảo đảm cho việc kết hợp tốt giữa kinh tế với quốc phòng sắp xếp dân cư và thế trận chiến đấu liên hoàn giữa các lực lượng trên tuyến biên giới.

5. Về quản lý theo ngành và vùng lãnh thổ

Trên địa bàn huyện có kinh tế Trung ương, kinh tế tỉnh và kinh tế huyện tất cả đều nằm trong một quy hoạch tổng thể trên địa bàn huyện, đề nghị với Trung ương nghiên cứu và có những quy định cụ thể trong việc quản lý kế hoạch vốn đầu tư và các loại vật tư kể cả các loại chính sách và mối quan hệ giữa các loại kinh tế trên địa bàn huyện, bảo đảm sự thống nhất và mối quan hệ chặt chẽ trong quá trình thực hiện phương án kinh tế trên địa bàn huyện. Dừng đối với một số đơn vị kinh tế Trung ương đề nghị nghiên cứu và nên giao cho huyện quản lý và xét thấy những đơn vị kinh tế này không có vị trí quan trọng nằm trong chiến lược kinh tế của Trung ương như: Nông trường Than Uyên đóng trên địa bàn huyện Than Uyên.

6. Vấn đề tổ chức bộ máy và chính sách đối với cán bộ ở miền núi và cấp huyện

Thực tiễn cho thấy việc sáp nhập và thành lập các phòng, ban theo Quyết định 139-CP còn rất cồng kềnh và tỏ ra kém phát huy tác dụng. Đề nghị với Trung ương nghiên cứu và sớm có hướng dẫn cụ thể

nhằm cải tiến và nâng cao hiệu lực lãnh đạo và chỉ đạo của các phòng, ban ở cấp huyện về vị trí chức năng và quyền hạn của chính quyền nhà nước cấp huyện, mối quan hệ giữa ngành và cấp ở cấp huyện cũng cần được nghiên cứu và làm rõ, đồng thời có những quy định cụ thể, nhất là trong lĩnh vực quản lý kinh tế. Về chính sách đối với cán bộ ở miền núi nói chung và ở cấp huyện nói riêng bao gồm: lương, các loại phụ cấp, thâm niên, hưu trí, nghỉ phép... cũng đề nghị với Trung ương nghiên cứu và bổ sung nhằm tạo điều kiện cho cán bộ yên tâm và phấn khởi phục vụ lâu dài ở miền núi và cấp huyện.

Chủ trương công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện đã được đặt ra từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V lại một lần nữa khẳng định chủ trương tiếp tục tăng cường hơn nữa công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện, coi đó là một khâu then chốt nhằm đưa nông nghiệp một bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong những năm 1980.

Với những kết quả thu được về công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện ở tỉnh Hoàng Liên Sơn một phần đã chứng minh chủ trương của Trung ương đồng thời những khuyết, nhược điểm tồn tại cho thấy trước mắt đang đặt ra rất nhiều vấn đề phải giải quyết.

Trong thời gian tới cùng với việc sắp xếp lại nền sản xuất xã hội và cải tiến cơ chế quản lý từ Trung ương đến cơ sở công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện sẽ có cơ sở phát triển và đạt theo như yêu cầu các chỉ thị và nghị quyết của Trung ương Đảng và Chính phủ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC

ĐỖ KHẮC CƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 15-NQ/TU, ngày 15-10-1982

**Về vấn đề đoàn kết trong nội bộ Tỉnh ủy
và phân phối một số hàng hóa, vật tư chưa đúng
trong thời gian vừa qua**

Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp từ ngày 6-12-1982 để chuẩn bị Đại hội Đảng toàn tỉnh, khóa III (vòng 2), nghe báo cáo kết quả Đại hội các cấp và ý kiến tham gia vào dự thảo báo cáo chung của tỉnh và phê bình Tỉnh ủy. Ban Thường vụ nhận thấy những ý kiến của Đại hội cơ sở, Đại hội huyện về đánh giá tình hình trong 5 năm và nhiệm kỳ vừa qua về phương hướng mục tiêu 1983-1985 về sự lãnh đạo chung của Tỉnh ủy và cá nhân các đồng chí Tỉnh ủy là đúng đắn, xây dựng với trách nhiệm cao. Những ý kiến đó sẽ được bổ sung vào hai bản dự thảo báo cáo để xin ý kiến Ban Chấp hành Tỉnh ủy và trình Đại hội. Song qua phê bình của Đại hội cơ sở có hai vấn đề là: Sự đoàn kết trong nội bộ Ban Chấp hành Tỉnh ủy và phân phối một số hàng hóa vật tư (lốp, xích, lốp xe đạp, vật liệu xây dựng) vừa qua chưa đúng, nên đã và đang gây ảnh hưởng không tốt trong nội bộ Đảng và trong dư luận quần chúng. Ban Thường vụ Tỉnh ủy thấy cần có nghị quyết nhằm giải quyết tốt hai vấn đề trên trước khi bước vào Đại hội Đảng bộ toàn tỉnh (vòng 2) khóa III.

I. Vấn đề đoàn kết trong nội bộ Tỉnh ủy, đây là vấn đề lớn mà toàn Đảng bộ quan tâm. Ban Thường vụ Tỉnh ủy khẳng định rằng: Từ ngày hợp nhất 3 tỉnh đến Đại hội Đảng toàn tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ II sự đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ nhất là trong Ban Chấp hành đã được quan tâm giữ gìn tốt. Sức mạnh của đại đoàn kết đã được phát huy trong xây dựng và phát triển kinh tế địa phương, trong cuộc chiến đấu (...) và khắc phục những hậu quả sau chiến tranh 17-2-1979.

Song trong quá trình giải quyết những công việc chung, nhất là việc xem xét bố trí kỷ luật cán bộ, xem xét các vụ kiểm tra chống tiêu cực, phân phối sử dụng hàng hóa, xây dựng nhà ở, cầu đường... có đồng chí còn chủ quan, giản đơn, nôn nóng, thô bạo, thiếu dân chủ tập thể, không tôn trọng chờ đợi trao đổi lấy ý kiến nhau nên trong một số thường vụ, nhất là các đồng chí trong thường trực để ý nghi ngờ, thiếu tin nhau.

Việc dự kiến phân công lại đồng chí phụ trách công tác tổ chức Đảng, phân công thường vụ phụ trách các vùng trong Hội nghị Chấp hành ngày 13-1-1981 không được bàn bạc trong thường vụ, thường trực để làm cho quan hệ giữa các đồng chí thường trực tăng thêm sự nghi ngờ, thiếu tin lẫn nhau, trong thường trực và một số thường vụ, chấp hành ngày càng sâu sắc, kéo dài.

Những hiện tượng thiếu đoàn kết đó đã và đang gây ra những tác hại:

1- Uy tín của Ban Chấp hành, nhất là uy tín của Ban Thường vụ bị giảm sút.

2- Trong sinh hoạt dân chủ thiếu cởi mở, thoải mái, chân thành, việc nói thẳng, nói thật, nói hết vì lợi ích chung bị hạn chế.

3- Thiếu nhất trí cao trên một số vấn đề đánh giá cán bộ, phân phối, chống tiêu cực.

4- Việc chấp hành một số nghị quyết của tập thể không được triển khai nghiêm túc và triệt để.

5- Do những thiếu sót của lãnh đạo không được ngăn chặn, giải quyết kịp thời, một số cán bộ lãnh đạo, đảng viên các ngành ở tỉnh, huyện đã đem ra bàn tán và luồn những ý kiến cá nhân, phản ánh

những thông tin thiếu chính xác cho lãnh đạo làm cho sự nghi ngờ trong nội bộ tăng thêm, gây tâm lý cục bộ, chia rẽ, tỉnh nọ, tỉnh kia trong đội ngũ cán bộ.

6- Lợi dụng những sơ hở trên một số cán bộ xấu, bất mãn, phần tử cơ hội, kích động chia rẽ, làm những điều phi pháp không đúng chế độ chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Nguyên nhân những hiện tượng mất đoàn kết trên là do:

a) Một số ít đồng chí trong thường vụ, thường trực còn biểu hiện cá nhân chủ nghĩa, thiếu chân tình, tôn trọng và đánh giá lẫn nhau nên đã vi phạm vào nguyên tắc, chế độ là việc dân chủ tập thể.

b) Trên một số mặt công việc chung, khi giải quyết thiếu chú ý đến đặc điểm của tỉnh mới hợp nhất, có tuyến biên giới, nên làm cho tình hình thêm phức tạp.

c) Một số ngành, ban tham mưu cho Tỉnh ủy, trên một số việc chưa tốt làm cho tình hình thêm lộn xộn, mỗi nghi ngờ trong nội bộ ngày càng sâu sắc hơn.

d) Khi xảy ra những hiện tượng thiếu đoàn kết, bí thư và cả bộ phận thường trực còn tránh né, không tự giác nhận khuyết điểm tìm cách giải quyết. Ban Chấp hành Tỉnh ủy, nhất là các đồng chí thường vụ chưa kiên quyết đấu tranh phân rõ đúng sai giải quyết kịp thời, trong khi đó những hiện tượng tiêu cực bên ngoài xã hội tác động vào làm cho nội bộ càng thêm rối.

Những biểu hiện thiếu đoàn kết thống nhất trên không phải do không nhất trí với nhau về đường lối, quan điểm, chủ trương, công tác lớn mà trong giải quyết một số vấn đề cụ thể, do ý thức, tác phong thái độ do chế độ, nguyên tắc làm việc không được thực hiện đầy đủ. Thực tế tình hình vừa qua có thể rút ra những bài học lớn cho Ban Thường vụ, Chấp hành và toàn Đảng bộ là:

- Đoàn kết thống nhất là một truyền thống của Đảng, bảo vệ sự đoàn kết nhất trí trong Đảng là trách nhiệm của mọi đảng viên. Nhất là trong bối cảnh một tỉnh mới hợp nhất là tuyến đầu trong việc đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ địch. Chúng ta

phải luôn cảnh giác tỉnh táo với những phần tử cơ hội và âm mưu chia rẽ của địch. Phải thường xuyên giáo dục cho toàn Đảng tinh thần đoàn kết nhất trí trên nguyên tắc đường lối chính sách của Đảng “Bảo vệ sự đoàn kết nhất trí như bảo vệ con người của mắt mình” đấu tranh khắc phục những tư tưởng bản vị, cục bộ, tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi và các hiện tượng chia rẽ làm suy yếu đến đoàn kết.

- Hai là, đối với các đồng chí thường vụ và cán bộ lãnh đạo chủ chốt các ngành, các cấp trước những biểu hiện làm suy yếu đến sự đoàn kết phải đứng vững trên trách nhiệm của mình là hạt nhân lãnh đạo, hạt nhân của sự đoàn kết nhất trí.

- Ba là, đoàn kết thống nhất phải dựa trên cơ sở đường lối, chính sách nguyên tắc của Đảng. Muốn đoàn kết nhất trí thì các nguyên tắc chế độ làm việc của Đảng phải thực hiện nghiêm chỉnh triệt để. Những hiện tượng vi phạm nguyên tắc chế độ, giản đơn đều có hại đến sự đoàn kết.

Để khắc phục sớm và triệt để những hiện tượng thiếu đoàn kết thống nhất trên, ngoài việc tiến hành tự phê bình và phê bình từ Ban Chấp hành Tỉnh ủy đến đảng viên thường, Tỉnh ủy cần xây dựng chế độ làm việc khoa học, dân chủ theo đúng nguyên tắc của Đảng. Cơ chế đó thu thập và sử dụng thông tin chính xác, tăng cường chất lượng sinh hoạt của Ban Thường vụ và Ban Chấp hành. Tạo mọi điều kiện để từng đồng chí thường vụ, chấp hành nắm được tình hình chung. Đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình trong Ban Chấp hành và nội bộ Thường vụ, kiện toàn ngay các cơ quan tham mưu trọng yếu như: Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Ủy ban nhân dân, Ban Tổ chức Đảng, chính quyền, Ủy ban Kế hoạch để giúp Tỉnh ủy và Thường vụ lãnh đạo và chỉ đạo chung được chính xác, kịp thời.

II. VẤN ĐỀ PHÂN PHỐI HÀNG HOÁ, VẬT TƯ

Việc phân phối hàng hóa, vật tư thời gian vừa qua gây dư luận không tốt là:

a) Việc phân phối hàng hóa (xích, lốp, lốp xe đạp).

Trong tình hình hàng hóa, vật tư khan hiếm, đời sống cán bộ, nhân dân có khó khăn, việc phân phối xích, lốp, lốp xe đạp, quạt điện (1981) cho cán bộ có mức lương từ 90 đồng trở lên là một sai lầm, Ban Thường vụ không chủ trương mà do Ban tham mưu đề xuất, truyền đạt sai, khi phát hiện Ban Chấp hành và Thường vụ Tỉnh ủy đã có chủ trương đình chỉ và đã nghị quyết sửa chữa. Song việc triển khai của Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân còn chậm trễ, chưa ra những văn bản cần thiết, đây là thiếu sót về chấp hành nghị quyết của tập thể, các đồng chí trong Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng chí phụ trách ngành thương nghiệp cần nghiêm túc kiểm điểm trước Ban Chấp hành.

Để sửa chữa thiếu sót trên, chấp hành nghị quyết của Ban Chấp hành Tỉnh ủy, Đảng đoàn chính quyền tỉnh, đồng chí Giám đốc Sở Thương nghiệp, Chánh Thư ký Công đoàn tỉnh cần có văn bản hướng dẫn trừ những hàng hóa phân phối (xích, lốp, lốp xe đạp) vào tiêu chuẩn cung cấp 3 năm (1981- 1983) của những cán bộ đã lấy; giải thích cho mọi người hiểu chủ trương đúng đắn của tỉnh.

b. Việc bán vật liệu xây dựng (gỗ, gạch, ngói, xi măng).

Do tình hình biên giới phải chuyển địa điểm tỉnh lỵ và hậu quả của cuộc chiến tranh 17-2-1979, Nhà nước lại không có đủ vốn giải quyết nhà ở cho cán bộ, công nhân, viên chức, cuối năm 1980 Ban Thường vụ Tỉnh ủy có nghị quyết bán cung cấp nguyên liệu làm nhà cho cán bộ, công nhân viên, cán bộ về hưu và giao cho Đảng đoàn chính quyền hướng dẫn thực hiện. Đến nay Ban Thường vụ xem xét lại đều thấy nghị quyết đó là đúng đắn chính xác.

Thực hiện nghị quyết của Ban Thường vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành cung cấp vật tư đã cụ thể hóa việc phân phối vật liệu xây dựng một phần, song chưa cụ thể về đối tượng được ưu tiên, mức bán cho từng đối tượng, v.v. đó là một sơ hở lớn. Tình hình đó đã dẫn đến số lượng vật tư bán phân phối ra quá với khả năng Nhà nước có, nhất là khi có dư luận tăng giá, một số cán bộ đi mua “chạy giá”, một số tuy

đã có nhà cửa tốt, đang ở tập thể vừa mới tuyển dụng vào cơ quan v.v. đã lợi dụng xin mua. Có người mua 2-3 lần, đem phiếu vật tư đi bán kiếm lời, v.v. gây dư luận xấu trong nhân dân.

Nguyên nhân khuyết điểm trên là do:

1- Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Công văn 242 hướng dẫn các ngành quản lý cung ứng vật liệu đã cụ thể hóa được mức độ. Nhưng những vấn đề cơ bản chưa quy định rõ như: thứ tự ưu tiên cấp, mức cấp cho từng đối tượng, v.v..

2- Các ngành cấp phiếu, cung cấp vật tư (Ủy ban Kế hoạch, Lâm nghiệp, Xây dựng) các ngành quản lý tổng hợp khi có hiện tượng “chạy giá” không kịp thời báo cáo xin chủ trương tỉnh, trái lại đã cấp phiếu xuất bán quá khả năng vật tư Nhà nước cố gây rối trong quản lý và sản xuất.

3- Lãnh đạo các ngành, các cơ quan không kiểm tra xem xét cán bộ Nhân viên cơ quan mình xin mua vật liệu. Phó mặc cho văn phòng ký đơn xin cấp vật tư nên có hiện tượng một người được cấp 2- 3 lần, hoặc không cần cũng xin, v.v. sinh ra lợi dụng buôn bán.

Để sửa những thiếu sót trên, Ban Thường vụ chủ trương:

a) Thông qua sinh hoạt đảng, sinh hoạt cơ quan cần kiểm điểm làm rõ những người lợi dụng, xin cấp nhiều lần, buôn bán kiếm lời, phải kiểm điểm nghiêm khắc, có hình thức kỷ luật thích đáng và thu hồi giá trị hiện vật theo giá bảo đảm kinh doanh.

b) Ai lấy vật liệu quá mức 242 của Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn phải trả thêm tiền theo giá bảo đảm kinh doanh phần quá mức.

c) Số vật tư còn tồn đọng cần có kế hoạch thanh toán gọn theo giá thành xuất xưởng không bù lỗ.

d) Các đồng chí có trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện việc phân phối vật tư, cần nghiêm túc kiểm điểm những khuyết điểm trước Ban Chấp hành Tỉnh ủy, trong chi bộ Đảng, lãnh đạo cơ quan, ngành mình phụ trách.

Để nghị quyết Thường vụ được chấp hành nghiêm chỉnh triệt để, Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh cần có kế hoạch triển

khai khẩn trương theo đúng tinh thần Nghị quyết này. Ba ban xây dựng Đảng (Tổ chức, Tuyên huấn, Kiểm tra) có kế hoạch kết hợp với việc kiểm tra tư cách đảng viên và sinh hoạt đảng cuối năm, góp phần tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội Đảng toàn tỉnh lần thứ III sẽ đề ra.

Nghị quyết này được phổ biến toàn văn trong Đảng bộ các cơ quan (tỉnh, huyện), các xí nghiệp trong tỉnh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 10-TT/TU, ngày 18-10-1982

**Về việc kỷ niệm lần thứ 60 ngày thành lập
Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết
và kỷ niệm lần thứ 65 Cách mạng Tháng Mười vĩ đại**

Năm nay, cùng với nhân dân Liên Xô và toàn thể nhân dân tiến bộ, chúng ta hết sức vui mừng phấn khởi hướng về hai ngày lịch sử quan trọng.

- Kỷ niệm lần thứ 60 ngày thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết.

- Kỷ niệm lần thứ 65 Cách mạng Tháng Mười vĩ đại.

Cách mạng Tháng Mười Nga, cuộc cách mạng vô sản đầu tiên thành công trên một phần sáu trái đất đã chặt đứt mắt xích yếu nhất trong sợi dây chuyên đế quốc chủ nghĩa, mở ra một thời đại mới, thời đại sụp đổ của chủ nghĩa tư bản và thời đại thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Từ đó đến nay, chủ nghĩa cộng sản đã trở thành lẽ sống, niềm hy vọng của nhân dân lao động khắp lục địa.

Cách mạng Tháng Mười thắng lợi ở nước Nga đã có ảnh hưởng quyết định đối với vận mệnh của các quốc gia và dân tộc trên trái đất.

Ý nghĩa quốc tế của Cách mạng Tháng Mười còn ở chỗ nó đã nêu lên cho tất cả những người cách mạng trên thế giới một mẫu mực kiệt xuất về chiến lược và sách lược tiến hành cách mạng.

Trong lịch sử loài người chưa có một sự kiện lớn nào có một ý nghĩa quốc tế lớn lao như cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại.

Cách mạng Tháng Mười đã thức tỉnh các dân tộc phương Đông đồng thời mở đường cho chủ nghĩa Mác - Lênin đến với nhân dân Việt Nam.

Lý luận và thực tiễn của Cách mạng Tháng Mười đã giúp cho những người cách mạng Việt Nam thấy con đường giải phóng của dân tộc mình phải gắn liền với cách mạng vô sản toàn thế giới.

Sau khi Cách mạng Tháng Mười thắng lợi, ngày 30-10-1922 Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết, Nhà nước công nông đầu tiên trên thế giới đã được thành lập.

Việc thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết là một trong những thành quả vĩ đại nhất của Cách mạng Tháng Mười, là biểu tượng sinh động của những tư tưởng vĩ đại và chính sách dân tộc đúng đắn của Đảng Cộng sản và Nhà nước Liên Xô, là sự kiện lịch sử có ý nghĩa quốc tế to lớn trong cuộc đấu tranh của loài người vì bình đẳng và hữu nghị giữa các dân tộc.

Sáu mươi năm tồn tại và phát triển của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết là bằng chứng hùng hồn về thắng lợi to lớn của chính sách dân tộc leninist. Trên cơ sở phát triển một cách toàn diện và đồng bộ về kinh tế và xã hội, trình độ của các dân tộc Liên Xô đã không ngừng được củng cố ở các nước trên thế giới trong thời gian qua đã lập lên những thành tích kỳ diệu trong việc phát triển toàn diện và đồng đều của các dân tộc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô quang vinh, nhân dân Liên Xô đã đoàn kết chặt chẽ và tận tình giúp đỡ nhau bằng những nỗ lực phi thường, đã anh dũng vượt qua mọi khó khăn gian khổ, đánh thắng thù trong, giặc ngoài xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội phát triển, làm cho Liên Xô trở thành một nước xã hội chủ nghĩa hùng cường, tấm gương sáng về con đường cách mạng theo chủ nghĩa Mác - Lênin. Ngày nay, Liên Xô đang tiến mạnh

vào giai đoạn xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản, là thành trì vững chắc của hòa bình, chỗ dựa tin cậy cho cuộc đấu tranh cách mạng của các dân tộc trên thế giới.

Với ý nghĩa to lớn của hai ngày kỷ niệm lịch sử quan trọng đó, thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định tổ chức kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết và kỷ niệm lần thứ 65 Cách mạng Tháng Mười vĩ đại trong phạm vi tỉnh Hoàng Liên Sơn như sau:

1. Phương châm

Tổ chức kỷ niệm cần tiến hành rộng rãi, trọng thể, thiết thực, gắn với động viên toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội V và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp vừa họp.

2. Những biện pháp cụ thể

Tổ chức đợt hoạt động Hữu nghị Việt - Xô chào mừng hai ngày kỷ niệm với những hình thức sau đây:

Tuyên truyền: Tiến hành một đợt tuyên truyền sâu rộng trong toàn tỉnh từ nay đến hết năm 1982:

Giới thiệu cho nhân dân các dân tộc trong tỉnh hiểu rõ ý nghĩa lịch sử to lớn của Cách mạng Tháng Mười vĩ đại và của việc thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết, thành quả rực rỡ của chủ nghĩa Mác - Lênin, của chính sách dân tộc Lêninnít của Đảng và Nhà nước Xôviết, những thành tựu của nhân dân Liên Xô trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, sự phát triển về mọi mặt của các nước cộng hòa trong Liên bang Xôviết, những kinh nghiệm quý báu, những gương chiến đấu và lao động quên mình của nhân dân Liên Xô, chính sách đối ngoại yêu chuộng hòa bình của Đảng và Nhà nước Liên Xô.

- Gắn với việc quán triệt và thực hiện các nghị quyết của Đại hội lần thứ V của Đảng, đợt tuyên truyền này nhằm nâng cao lòng tin của nhân dân các dân tộc trong tỉnh vào đường lối đối nội, đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, tăng cường tình hữu nghị và hợp tác toàn

diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, làm cho mọi người thấy rõ sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn, có hiệu quả trên tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa của nhân dân Liên Xô đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, tăng cường tình đoàn kết chiến đấu với các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Động viên mọi người phát huy mọi khả năng lao động sáng tạo, thi đua thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ do Đại hội V và Đại hội các cấp. Trước mắt thực hiện thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1982, lập thành tích kỷ niệm trọng thể lần thứ 65 Cách mạng Tháng Mười vĩ đại và chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III (đợt 2). (Tài liệu tuyên truyền dựa theo đề cương Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy cung cấp cho các cơ sở).

a) Tổ chức các buổi nói chuyện:

- Báo cáo viên nói theo đề cương Ban Tuyên giáo tỉnh cung cấp.
- Nơi có chuyên gia Liên Xô công tác có thể mời chuyên gia dự buổi nói chuyện.
- Mời các đồng chí đã có dịp sang thăm hoặc công tác, học tập tại Liên Xô kể chuyện lại.

b) Báo Hoàng Liên Sơn, Đài Phát thanh Hoàng Liên Sơn và các đài truyền thanh trong tỉnh:

Tuyên truyền rộng rãi, có hệ thống về Liên Xô, đưa tin về những hoạt động kỷ niệm của các địa phương, các cơ sở trong tỉnh.

c) Các huyện, thị và những cơ sở có chuyên gia Liên Xô công tác tổ chức triển lãm ảnh về Liên Xô trong khoảng thời gian từ đầu tháng 11 đến 30-12-1982.

d) Tổ chức 2 tuần lễ phim Liên Xô:

Trong dịp kỷ niệm 65 năm Cách mạng Tháng Mười.

Trong dịp kỷ niệm 60 năm thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết.

đ) Tổ chức triển lãm sách Liên Xô:

Sở Văn hóa thông tin và Công ty Phát hành sách Hoàng Liên Sơn tổ chức việc triển lãm số hình ảnh và thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội và thành tích chống phátxít, chống đế quốc, ủng hộ phong trào cách mạng thế giới của Liên Xô.

e) Ngành văn hóa thông tin có những cụm cổ động, những tranh ảnh, khẩu hiệu áp phích tuyên truyền về Liên Xô trong thời gian hai ngày kỷ niệm.

3. Tổ chức đợt thi đua Hữu nghị Việt - Xô từ ngày 1-1-1982 đến 31-12-1982. (Nội dung thi đua Ban Thi đua tỉnh có hướng dẫn cụ thể).

4. Chúc mừng chuyên gia Liên Xô:

Các cơ sở có chuyên gia Liên Xô làm việc có hình thức chúc mừng, thăm hỏi chuyên gia (kể cả chuyên gia hết thời hạn công tác đã trở về Liên Xô).

5. Tiếp, gặp gỡ bạn:

Các cơ sở có chuyên gia Liên Xô đang công tác tổ chức gặp mặt thân mật với các đồng chí chuyên gia.

6. Tổ chức mítting kỷ niệm 60 năm thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết (do Đảng đoàn Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc tỉnh phối hợp tổ chức).

7. Tham dự các hình thức tổ chức của bạn:

Nhân dịp này các đoàn chuyên gia có những hình thức hoạt động kỷ niệm, các cơ quan hữu quan, các cơ sở có bạn công tác cần chủ động giúp bạn tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm. Nếu bạn mời ta cử đại biểu tham dự.

Về chỉ đạo: Các cấp ủy Đảng, chính quyền phải chỉ đạo chặt chẽ, tổ chức tốt công tác tuyên truyền giáo dục và các hoạt động kỷ niệm báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đồng gửi Ban Tuyên giáo và Ủy ban Mặt trận tỉnh để tổng hợp báo cáo lên trên.

T/M. BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 11-TT/TU, ngày 29-10-1982

Về việc vận động giúp đỡ đồng bào tỉnh Nghệ Tĩnh khắc phục cơn bão số 7

Cơn bão số 7 vừa qua đã gây thiệt hại rất nghiêm trọng trong phạm vi 5 huyện của tỉnh Nghệ Tĩnh. Hiện nay, nhân dân tỉnh Nghệ Tĩnh đang gặp rất nhiều khó khăn do hậu quả cơn bão gây ra, trong đó việc giải quyết đời sống và ổn định sản xuất.

Với tinh thần “Nhiều điều phải lấy giá gương” nhân dân các dân tộc tỉnh ta vốn có truyền thống và tình cảm thương yêu đùm bọc giúp đỡ lẫn nhau khi gặp khó khăn, lá lành đùm lá rách.

Vì vậy, Tỉnh ủy đã quyết định phát động cuộc vận động rộng khắp trong toàn tỉnh nhằm động viên toàn Đảng bộ và quân dân các dân tộc trong tỉnh ra sức đẩy mạnh sản xuất, tăng năng suất lao động và triệt để tiết kiệm trong tiêu dùng để góp phần giúp đỡ đồng bào Nghệ Tĩnh khắc phục khó khăn do hậu quả cơn bão số 7 gây ra.

Thực hiện chủ trương trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp, các ngành làm tốt một số việc sau:

1- Phát động một phong trào sâu rộng trong quần chúng nhân dân, vận động mọi người tự nguyện ủng hộ, giúp đỡ thiết thực đồng bào Nghệ Tĩnh.

- Vận động tiết kiệm tiêu dùng, chủ yếu là dành một phần lương thực để ủng hộ theo hướng chính là:

+ Đối với những lao động phi nông nghiệp, cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước, các lực lượng vũ trang mỗi người tiết kiệm dành 1 kg gạo để giúp đỡ bà con.

+ Đối với những hộ nông dân sản xuất nông nghiệp, vận động mỗi hộ gia đình ủng hộ từ 10 kg thóc trở lên.

Căn cứ vào hướng dẫn trên, các huyện, thị, các ngành, các đơn vị tính số lượng sẽ đạt được và khẩn trương điện báo cáo tổng số về Ban chỉ đạo tỉnh trước ngày 5-11-1982.

2- Thành lập Ban chỉ đạo cuộc vận động ở tỉnh và các huyện, thị để chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Thành phần Ban chỉ đạo gồm có:

- Ủy ban nhân dân;
- Các đoàn thể quần chúng;
- Ngành lương thực;
- Ngành thương binh - xã hội;
- Ban Dân vận và Mặt trận;
- Ban Tuyên giáo;
- Ngành tài chính.

Do Ủy ban nhân dân và Mặt trận làm trưởng, phó ban.

3- Thời gian thực hiện cuộc vận động trong 2 tháng 11 và 12 năm 1982. Nhưng đây là yêu cầu cấp bách nên càng nhanh gọn và xong sớm thì tốt.

4- Các ngành thông tin, báo chí, truyền thanh cần tổ chức tuyên truyền sâu rộng cuộc vận động này.

Thông tri này cần được khẩn trương triển khai để thực hiện và báo cáo kết quả kịp thời về Ban Thường vụ Tỉnh ủy, do Ban chỉ đạo tỉnh tổng hợp chung.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 12-TT/TU, ngày 29-10-1982

**Về việc phát động phong trào thi đua thực hiện
các nhiệm vụ và kế hoạch nhà nước quý IV và năm 1982,
lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh
lần thứ III (đợt 2)**

Qua sơ kết 9 tháng, nhiều mặt công tác trong tỉnh đã đang đạt được những kết quả tốt, những nhân tố mới đang được phát huy, phong trào đang có chuyển biến tốt. Đại hội Đảng cơ sở, huyện, thị vừa qua đã tạo ra khí thế mới. Đại hội Đảng bộ tỉnh đang được tích cực chuẩn bị để họp vào thời gian tới. Đây là một cuộc sinh hoạt chính trị lớn của Đảng bộ, thực sự tạo ra khí thế phấn khởi cách mạng trong Đảng và nhân dân tỉnh ta hiện nay, nhiệm vụ công tác và các chỉ tiêu kế hoạch năm 1982 còn có mặt khá nặng và cấp bách phải có sự nỗ lực và sáng tạo trong phấn đấu thực hiện mới hoàn thành được. Nhất là trong công nghiệp, xây dựng, vận tải, lưu thông phân phối và chăm lo đời sống nhân dân. Tỉnh ủy đã họp đánh giá sơ bộ tình hình 9 tháng và đề ra nhiệm vụ công tác quý IV năm 1982.

Để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương: Phát động phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III (đợt 2) trong toàn Đảng bộ và quân - dân trong tỉnh nhằm hoàn thành tốt nhất một số công tác lớn và cấp bách như sau:

1- Tập trung mọi lực lượng tổ chức tốt lao động, chuẩn bị tốt các điều kiện để thu hoạch lúa màu, thu hoạch, chế biến màu nhanh gọn, tránh hao phí. Quản lý chặt chẽ bảo đảm làm tốt, làm nhanh, khâu phân phối ăn chia trong các hợp tác xã và giao nộp đầy đủ nghĩa vụ lương thực, thực phẩm, các chỉ tiêu nông, lâm sản khác đối với Nhà nước xong gọn trong tháng 12-1982.

2- Đẩy mạnh gieo trồng, chăm sóc các loại cây trồng (rau, màu) vụ đông, khẩn trương trồng cây công nghiệp, kiểm tra, chuẩn bị các điều kiện để làm tốt vụ chiêm xuân, giải quyết kịp thời vấn đề giống tốt, phân, nông cụ, thủy lợi, thuốc trừ sâu... phục vụ cho thâm canh. Chủ động giải quyết giống, thức ăn và cơ sở vật chất cho chăn nuôi, phòng, chống dịch bệnh, chống rét và tích trữ thức ăn cho gia súc vụ đông, có biện pháp chỉ đạo phát triển gia súc nhất là trâu, bò sinh sản trong vụ đông.

3- Có quy hoạch và tích cực chăm sóc kiên quyết bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng trong mùa khô hanh, ươm gieo cây con để chủ động giống trồng rừng mùa xuân. Thực hiện tốt kế hoạch kiểm kê tình hình phá rừng, triển khai nhanh kế hoạch giao đất, giao rừng cho hợp tác xã, cơ quan, các gia đình để kịp chuẩn bị điều kiện kinh doanh ngay từ đầu năm 1983.

4- Giải quyết khó khăn cụ thể của từng cơ sở, giúp cơ sở đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp..., chú trọng các mặt hàng tiêu dùng, các loại công cụ phục vụ sản xuất, chế biến màu và nông, lâm thổ sản, hàng xuất khẩu, khai thác gỗ, sản xuất nguyên vật liệu xây dựng... Cung cấp nhanh các nguyên vật liệu theo kế hoạch, tranh thủ mùa khô đẩy mạnh tốc độ thi công những công trình trọng điểm về xây dựng cơ bản (đường giao thông, công trình thủy lợi và các công trình khác). Tổ chức tốt việc vận chuyển hàng hóa, hành khách, ưu tiên trước hết là lương thực, thực phẩm, vật tư sản xuất, hàng của nội, ngoại thương, bảo đảm cho sản xuất, thu mua, sẵn sàng chiến đấu, phục vụ đời sống (chú ý tuyến I).

5- Chỉ đạo chặt chẽ và tập trung việc thu mua nhập kho lương thực, thực phẩm, nông, lâm thổ sản. Phải dành riêng một khối lương

thực, hàng hóa, tiền và tập trung lực lượng các ngành lưu thông phân phối của tỉnh, huyện để thực hiện việc này; đồng thời tăng cường quản lý thị trường, nhất là lương thực, hàng xuất khẩu và các hàng hóa do Nhà nước quản lý, cấm buôn bán trái phép. Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, thu mua, quản lý hàng hóa, các ngành có trách nhiệm phải cố gắng bảo đảm cung cấp đúng theo kế hoạch các hàng hóa, vật tư cho sản xuất, cố gắng cung cấp đủ tiêu chuẩn định lượng cho các đối tượng; thanh toán xong tem phiếu năm 1982 cho bộ đội, cán bộ, công nhân viên.

Cần vận động thực hiện tiết kiệm, chống chi dùng lãng phí, nhất là về lương thực, thực phẩm.

6- Luôn luôn nâng cao cảnh giác, tiếp tục xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang và an ninh.

Tập trung chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, nhất là phá hoại về kinh tế, chiến tranh tâm lý và chiến tranh gián điệp của địch. Chống các tệ nạn tiêu cực xã hội, thực hiện tốt Nghị quyết 123 của Hội đồng Bộ trưởng, bảo đảm giữ vững và làm tốt an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ biên giới, đập tan mọi âm mưu của địch.

7- Phát huy kết quả đợt sinh hoạt chính trị, Đại hội Đảng cơ sở và huyện, thị và lập thành tích chào mừng Đại hội tỉnh, tổ chức các đợt thi đua với mục tiêu cụ thể, thi đua thực hiện nghị quyết Đại hội, biến nghị quyết của Đảng thành hành động thiết thực của quần chúng, trong từng ngành, từng đơn vị, từng đoàn thể quần chúng. Chỉ đạo chặt chẽ và hoàn thành tốt việc kiểm tra công tác phát triển đảng viên, đưa người không đủ tư cách ra khỏi Đảng. Tiếp tục xây dựng và kiện toàn tổ chức, củng cố chi bộ yếu kém, giáo dục và giải quyết bộ phận đảng viên yếu kém, nâng cao chất lượng đảng viên, giữ gìn bí mật nội bộ và kỷ luật phát ngôn, tăng cường đoàn kết nội bộ, xây dựng nền nếp, kiểm tra giữ gìn kỷ luật, giữ đúng định kỳ sinh hoạt đảng. Thực hiện tốt việc sắp xếp, tinh giản biên chế cơ quan hành chính sự nghiệp.

8- Vận động toàn dân tích cực ủng hộ bà con Nghệ Tĩnh vừa bị cơn bão số 7 tàn phá bằng tăng năng suất lao động, thực hiện vượt mức kế hoạch và tiết kiệm trong tiêu dùng. Vấn đề này Tỉnh ủy sẽ có chỉ thị cụ thể riêng. Nhưng các đoàn thể, các ngành, các cấp cần tiến hành vận động ngay.

Thông tri này cần được triển khai đến chi bộ, đảng bộ cơ sở, hằng tuần, hằng tháng báo cáo kết quả thi đua về Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Ban Thi đua tỉnh và các đoàn thể quần chúng, các ban của Đảng khẩn trương tổ chức hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Thông tri này và có báo cáo hằng tháng gửi về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ

NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 950-QN/TU, ngày 30-10-1982

**Về việc thành lập Ban chỉ đạo cuộc vận động giúp đỡ
đồng bào Nghệ Tĩnh khắc phục hậu quả cơn bão số 7**

Cơn bão số 7 đã gây nhiều thiệt hại rất nghiêm trọng cho Tỉnh Nghệ Tĩnh. Tỉnh ủy đã có Thông tri số 11, ngày 29-10-1982 về việc phát động quần chúng tự nguyện ủng hộ giúp đỡ đồng bào Nghệ Tĩnh khắc phục hậu quả;

Để bảo đảm chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt chủ trương trên,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thành lập Ban chỉ đạo cuộc vận động của tỉnh gồm các đồng chí sau:

- 1- Đồng chí Giàng A Páo, Trưởng ban Dân vận làm Trưởng ban.
- 2- Đồng chí Lương Quyết Định, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Phó ban.
- 3- Đồng chí Lê Như Sứ, Ủy viên thư ký Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó ban Thường trực.
- 4- Đồng chí Hà Đình In, Thư ký vụ Ủy ban nhân dân tỉnh, Thư ký.
- 5- Đồng chí Đỗ Viết Sính, Thương binh - xã hội, Ủy viên.
- 6- Đồng chí Ngô Du, Sở Tài chính, Ủy viên.

- 7- Đồng chí Triệu Kim Ngân, Sở Lương thực, Ủy viên.
8- Đồng chí Đặng Luy, Công đoàn, Ủy viên.
9- Đồng chí Nguyễn Văn Lưu, Ban Tuyên giáo, Ủy viên.
10- Đồng chí Phan Thị Hoa, Tỉnh hội Phụ nữ, Ủy viên.
11- Đồng chí Vũ Văn Sửu, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy viên.
12- Đồng chí Bàn A Hàn, Hội Nông dân tập thể, Ủy viên.
Điều 2: Thường trực của Ban chỉ đạo đặt tại Ủy ban nhân dân tỉnh.
Điều 3: Các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA TỈNH ỦY

Số 46-BC/TU, ngày 3-11-1982

Kết quả Đại hội Đảng bộ cơ sở đợt 2

Thực hiện Chỉ thị số 02, ngày 8-5-1982 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiến hành Đại hội Đảng các cấp đợt 2, Tỉnh ủy có Kế hoạch số 03, ngày 4-6-1982 hướng dẫn những công việc chuẩn bị và tiến hành Đại hội đợt 2 theo những yêu cầu, nội dung chỉ thị của Trung ương.

Đại hội Đảng bộ cấp cơ sở đợt 2 có tầm quan trọng đặc biệt đối với việc tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, biến nghị quyết chung của Đảng vào thực tế sinh động ở từng tổ chức cơ sở của Đảng, đánh giá đúng tình hình, đề ra nhiệm vụ, chỉ tiêu, biện pháp phù hợp với khả năng của các tổ chức cơ sở; chọn cử ra các Ban đảng ủy, chi ủy có năng lực phẩm chất, có tinh thần chiến đấu cao, bảo đảm lãnh đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của từng tổ chức cơ sở đảng. Tính đến 20-9-1982 hầu hết các tổ chức cơ sở trong toàn tỉnh đã tiến hành đạt kết quả, cụ thể như sau:

1. Công tác chuẩn bị

Công tác chuẩn bị Đại hội là cả một quá trình công phu, chuẩn bị tốt về mọi mặt đã là cơ bản của kết quả. Sau đại hội các cấp đợt một, thực hiện Chỉ thị 113 của Ban Bí thư Trung ương, trong kế hoạch tiến

hành Tỉnh ủy đã đề cập, hướng cho các huyện, thị và tổ chức cơ sở đi ngay vào công việc chuẩn bị cho Đại hội các cấp đợt 2.

Từ tháng 6-1982 công tác chuẩn bị được tiến hành tập trung và gấp rút hơn, theo tinh thần Chỉ thị 02 của Ban Bí thư Trung ương, các cơ sở tiến hành chuẩn bị gắn với sinh hoạt chính trị, gắn với tổng kết phát thể đảng viên, theo một số kế hoạch thống nhất của Tỉnh ủy.

a) *Được quán triệt Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V*, có sự chỉ đạo chặt chẽ của cấp ủy huyện, thị hướng dẫn tổ chức cơ sở đi sâu đánh giá kết quả, tồn tại 5 năm qua, nhất là nhiệm kỳ Đại hội vừa qua, tìm rõ được nguyên nhân kết quả, tồn tại đưa vào Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V, dựa vào báo cáo dự thảo của tỉnh, của huyện, thị. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của cơ sở đề ra nhiệm vụ phấn đấu trong 5 năm tới, trước mắt là năm 1983. Nhìn chung báo cáo kiểm điểm và phương hướng nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đã xác định đúng vị trí, đánh giá đúng tình hình, thấy được thực trạng về mọi mặt của cơ sở, đề ra những nhiệm vụ biện pháp thiết thực, tìm ra được tiềm năng, đồng thời khai thác hết khả năng đất đai, lao động vật tư, nguyên liệu, chỉ ra được rõ mục tiêu phấn đấu với tinh thần cách mạng tiến công, nhất là những chỉ tiêu hành động, nhằm đáp ứng yêu cầu trước mắt như ăn, mặc, hàng tiêu dùng, xuất khẩu... phát huy rõ hơn tinh thần tự lực tự cường, thấy rõ hơn trách nhiệm của tổ chức cơ sở đảng.

Ngay trong khi chuẩn bị nội dung cho Đại hội gắn với sinh hoạt chính trị các cơ sở đều có liên hệ tình hình của đơn vị mình, phát động mạnh mẽ phong trào hành động cách mạng, tập trung giải quyết cấy mùa, làm nghĩa vụ lương thực vụ chiêm, bán thực phẩm, tuyển quân đợt 2. Các cơ sở sản xuất kinh doanh phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch quý III, chuẩn bị cơ sở để phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm 1982, giải quyết mạnh những hiện tượng tiêu cực ngoài xã hội phong trào hành động đã có kết quả thiết thực, chung toàn tỉnh lúa cấy vượt kế hoạch, thu mua lương thực vụ chiêm vượt chỉ tiêu Trung ương giao, thu mua thực phẩm cũng là quý cao nhất so với những quý

trước, vào quân đợt 2 năm 1982 vượt chỉ tiêu kế hoạch chăm bón lúa và hoa màu có tiến bộ, các mặt hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội ở các cấp nói chung đều có chuyển biến, tạo lên khí thế phấn khởi trong toàn Đảng, toàn dân trong Đảng bộ.

b) Chuẩn bị nhân sự được tiến hành chu đáo, chặt chẽ, gắn với sinh hoạt chính trị, tổng kết phát thể đảng viên, tiến hành phê bình và tự phê bình, phân loại xác định tư cách đảng viên.

Các cấp ủy từ huyện, thị đến cơ sở đều thống nhất với sự chỉ đạo chung của tỉnh, chuẩn bị tốt nhân sự phải trên cơ sở tự phê bình và phê bình của đảng viên, của cấp ủy; qua phân loại, xác định tư cách đảng viên, những vấn đề vướng mắc đối với từng cấp ủy, với từng đảng viên, những vấn đề phải được làm rõ, kết luận. Ngay từ đầu các huyện, thị chỉ đạo những cơ sở điểm, được tiến hành chặt chẽ theo tinh thần trên, rồi mới thăm dò trong Đảng, và ngoài quần chúng để tìm chọn những đảng viên có năng lực, phẩm chất chuẩn bị cho kiện toàn cấp ủy.

Qua tổng kết phát thể đảng, phân loại, xác định tư cách đảng viên theo báo cáo của 15 huyện, thị phân loại đảng viên có 16.800-16.500 đảng viên đủ tư cách bằng 55,7% trong đó có 3.055 đảng viên đạt xuất sắc bằng 93%, đảng viên cần xem xét về tư cách có 700 bằng 43% trong đó có 562 đảng viên để lại xem xét giúp đỡ, giáo dục; còn 138 đảng viên đã qua giáo dục, giúp đỡ nhưng không sửa chữa tiến bộ nay cần đưa ra khỏi Đảng. Đối với những đảng viên cấp ủy có vướng mắc quần chúng, đảng viên thắc mắc, đề nghị qua tổng kết phát thể, tự phê bình và phê bình phân loại đảng viên đều đã được làm rõ, giải đáp những thắc mắc, dị nghị của đảng viên, quần chúng, giúp đỡ cho việc tìm chọn những đảng viên có năng lực, phẩm chất, dự kiến dựa vào cấp ủy mới một cách thuận lợi.

Sau khi tự phê bình và phê bình phân loại đảng viên, cấp ủy dự kiến nhân sự, tổ chức thăm dò ý kiến của quần chúng tốt, thăm dò đảng viên trong đảng bộ bằng cách bỏ phiếu, tín nhiệm, kể cả những đồng chí cấp ủy cũ, đảng viên, quần chúng, tham gia cụ thể để lại

trong cấp ủy hoặc đưa ra có lý do rõ ràng. Huyện, thị ủy xem xét, nghiên cứu lựa chọn, dự kiến những đảng viên được đảng viên, quần chúng tín nhiệm, có năng lực, bổ sung kiện toàn cấp ủy.

2. Xét duyệt của cấp ủy cấp trên

Căn cứ lịch tiến hành chung của tỉnh, các huyện, thị, Đảng ủy đều có kế hoạch cụ thể, chỉ đạo tập trung, phân công cấp ủy và cán bộ xuống giúp đỡ từng cơ sở tiến hành các công việc chuẩn bị. Ban Thường vụ huyện, thị, Đảng ủy tập trung lần lượt xét duyệt trực tiếp về nội dung và nhân sự cho từng cơ sở.

Huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc khi duyệt đã nghe cụ thể kết quả sinh hoạt chính trị, tổng kết phát huy đảng, đánh giá mạnh, yếu của cơ sở, nhiệm vụ và chỉ tiêu phấn đấu tới và duyệt từng trường hợp nhân sự, dự kiến kiện toàn cấp ủy, từ đó cho ý kiến sát thực với từng cơ sở, khắc phục tình trạng xét duyệt hình thức, qua loa, đại khái. Từ đó cơ sở nâng thêm trách nhiệm trước Đảng bộ, huyện, thị nắm hiểu sâu thêm về tình hình cơ sở, nắm được thực trạng điều kiện, khả năng đội ngũ cấp ủy đảng viên của từng cơ sở, tạo nên sự thống nhất cao giữa cơ sở và huyện, thị, giữa cấp ủy cơ sở với đảng viên và quần chúng trong Đảng bộ; từ đó những nhiệm vụ chỉ tiêu đề ra ngay trong chuẩn bị đã có sự đồng tình của đảng viên và quần chúng, bảo đảm cơ sở vững chắc và gây thêm được niềm tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng.

3. Tiến hành họp Đại hội

Đại hội là hình thức sinh hoạt cao nhất trong Đảng, là một lần đánh giá sâu, đúng về mọi mặt của tổ chức đảng.

Đại hội các đảng bộ cơ sở lần này vừa quán triệt các nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ V, vừa tham gia bổ sung báo cáo chính trị của tỉnh, huyện, thị, nhất là thảo luận và quyết định về mọi mặt của Đảng bộ cả về kinh tế, chính trị, trị an, văn hóa - xã hội, tìm ra chỉ tiêu sát đúng, bước đi phù hợp của Đảng bộ. Vì vậy, khí

thế đi vào Đại hội ngay trong quá trình chuẩn bị cho đến lúc họp Đại hội trong Đảng và ngoài quần chúng đều thể hiện hào hứng, phấn khởi và tin tưởng.

Nói chung Đại hội các cơ sở tiến hành họp từ 2-3 ngày phát huy cao sự tập trung, sáng tạo bảo đảm dân chủ thật sự kể cả trong thảo luận, đánh giá tình hình, quyết định nhiệm vụ và lựa chọn bầu cử cấp ủy mới.

Do đó quá trình chuẩn bị chu đáo, nội dung chương trình làm việc của Đại hội gọn, nhẹ và có chất lượng, thực sự có ý nghĩa chính trị đặc biệt sinh hoạt cao nhất của Đảng, không hình thức, lãng phí.

Về cấp ủy cơ sở, kết quả Đại hội đã lựa chọn, bầu cử những đảng viên ưu tú nâng cao chất lượng và năng lực của cấp ủy. Theo số liệu của 9 huyện, thị có 375 đảng bộ cơ sở đã bầu ra 1.745 đảng ủy, chi ủy viên, số lượng tăng từ 15-20% so với cấp ủy cũ. Chất lượng cấp ủy mới của cơ sở trẻ hơn, tuổi đời bình quân giảm từ 1 đến 1,5 tuổi so với cấp ủy cũ, có nơi hạ tuổi đời bình quân 36 tuổi giảm 4 tuổi so khóa trước như Bảo Yên phần lớn đưa tuổi đời bình quân xuống dưới 40 tuổi, trên 65% cấp ủy viên cũ được tín nhiệm bầu lại tham gia cấp ủy, trên 34% cấp ủy viên mới được bổ sung, phần lớn là đảng viên trẻ, có năng lực đã tăng cường trình độ, năng lực cao hơn trước, cơ cấu được bố trí phù hợp với nhiệm vụ của cơ sở, đặc biệt về phẩm chất của cấp ủy được Đại hội các cơ sở lựa chọn kỹ.

Đồng thời qua kiện toàn cấp ủy cơ sở đã rút ra 369 đảng ủy viên, chi ủy viên (số hiện rút ra trong 7 huyện, thị) trong đó có 142 đồng chí do tuổi già sức yếu, 25 đồng chí năng lực hạn chế, 61 đồng chí có sai phạm phẩm chất, 20 đồng chí bỏ nhiệm vụ và 92 đồng chí không bố trí cơ cấu và chuyển công tác, 6 trong 6 huyện thay 55 bí thư (Văn Bàn thay 2, Yên Bình thay 9, Văn Chấn thay 17, Trấn Yên thay 11, Lục Yên thay 7, Bảo Yên thay 9).

Trong thời gian ngắn lại triển khai nhiều việc lớn, nhưng sự chỉ đạo của Tỉnh ủy tập trung đề ra kế hoạch, lịch tiến hành từng việc, từng thời gian cụ thể. Các huyện, thị từ thực tế điều kiện của từng

cơ sở đã chỉ đạo sát sao, vừa đẩy mạnh nhiệm vụ chính trị trước mắt, vừa tiến hành tốt sinh hoạt chính trị, tiến hành Đại hội Đảng đạt kết quả tốt cả về nội dung và nhân sự kiện toàn ban chấp hành Đảng ủy, chi ủy, bảo đảm tốt các yêu cầu, nội dung Đại hội đợt 2 của tổ chức cơ sở.

Song còn những thiếu sót, khuyết điểm một số cơ sở chuẩn bị chưa tốt, nội dung chính trị dài dòng, không thiết thực, mục tiêu kế hoạch, biện pháp không cụ thể, một số cơ sở chưa tạo được khí thế của quần chúng, việc tuyên truyền cho Đại hội chưa sâu rộng, những nhiệm vụ trọng tâm trước mắt, một số nơi chưa được phát động mạnh mẽ thực hiện.

Việc chuẩn bị nhân sự và tiến hành Đại hội kiện toàn cấp ủy, một số nơi còn biểu hiện bảo thủ, chủ quan, một vài nơi những vướng mắc của cấp ủy nhất là cán bộ chủ chốt chưa được làm rõ, trong bầu cử còn biểu hiện gò bó, chưa làm tốt khâu thăm dò tín nhiệm, một số ban Đảng ủy, chi ủy chưa bảo đảm tăng cường về chất lượng. Chính do sự chủ quan, một số trường hợp dự kiến là chủ chốt, bầu cử không trúng, trong Đại hội chưa được thảo luận kỹ do vậy có cơ sở bầu 2, 3 lần vẫn không bầu đủ số lượng cấp ủy Đại hội đã quyết định.

Thậm chí có nơi công tác chuẩn bị chưa tốt, những vấn đề vướng mắc của cán bộ chủ chốt không được làm rõ, đi vào Đại hội đảng viên có nhiều ý kiến, cấp ủy không giải đáp được, Đại hội đã họp trừ bị rồi phải giải tán, không nói rõ lý do, vi phạm nguyên tắc dân chủ và gây thêm những ấn tượng trong đảng viên và quần chúng, đối với sự chỉ đạo của cấp ủy cơ sở và cấp ủy cấp trên.

Đến nay còn 28 cơ sở chưa tổ chức đại hội (thị xã Yên Bái 26) trong đó có 1 cơ sở do yêu cầu công tác nên phải tổ chức đại hội sau. Huyện Lục Yên còn 2 cơ sở xã trung tâm và Chi bộ Xây dựng.

4. Một số vấn đề rút ra qua Đại hội các đảng bộ cơ sở

Nhiều đảng bộ cơ sở tiến hành Đại hội đạt kết quả và chất lượng

tốt là do quán triệt sâu sắc ý nghĩa, mục đích, yêu cầu, xác định đúng vị trí quan trọng của Đại hội Đảng bộ cơ sở.

Được trang bị thêm đường lối, chủ trương, qua tổ chức tốt sinh hoạt chính trị, quán triệt các nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V; sự chỉ đạo của cấp ủy cấp trên chặt chẽ, đã căn cứ tình hình cụ thể của từng nơi, gợi ý, hướng dẫn cho từng cơ sở đánh giá đúng thực trạng tình hình đề ra nhiệm vụ sát đúng, khởi động tinh thần tự lực, tự cường phát huy hết tiềm năng, khả năng sẵn có của cơ sở, chủ động giải quyết khó khăn, với những mục tiêu, kế hoạch, biện pháp sát đúng, nên đã tạo được khí thế cách mạng của đảng viên, của quần chúng ngay trong bước chuẩn bị.

Về nhân sự tuy đã có sự chuẩn bị từ trước song qua sinh hoạt chính trị, qua tự phê và phê bình làm rõ những vấn đề vướng mắc của cấp ủy, đảng viên có thái độ tiếp thu sửa chữa nghiêm túc, thì dù có khuyết điểm nhưng đảng viên, quần chúng vẫn tín nhiệm. Ngược lại những vướng mắc không được làm rõ, thái độ tiếp thu sửa chữa không nghiêm túc dù có năng lực mấy không thể có sự tín nhiệm của đảng viên, quần chúng (huyện Văn Yên chỉ đạo xã Mậu A đã thấy rõ vấn đề này) hoặc như phường Hồng Hà thị xã Yên Bái chưa tập trung làm tốt những vấn đề vướng mắc của cấp ủy, đảng viên, nên Đại hội không thể tiến hành được thuận lợi.

Một số vấn đề đặc biệt quan trọng trong chỉ đạo của cấp ủy cấp trên và bản thân của cấp ủy cơ sở trong quá trình chuẩn bị và trong Đại hội phải thật sự đề cao, dân chủ, lắng nghe ý kiến của đảng viên, quần chúng, chống tư tưởng bảo thủ, hẹp hòi, thành kiến, đồng thời có thái độ dứt khoát và coi đó là bình thường trong việc bổ sung vào cũng như rút ra khỏi cấp ủy.

Một số cơ sở có thiếu sót, khuyết điểm, Đại hội kết quả chất lượng không cao, chưa bảo đảm đầy đủ các yêu cầu chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh do chưa nghiêm túc thực hiện những yêu cầu, nội dung kế hoạch của tỉnh, của huyện từ việc quán triệt các Nghị quyết Đại hội V không sâu, tổng kết phát huy, phân loại đảng viên không chặt chẽ, cũng chính là công tác chuẩn bị không chu đáo.

Nhiều cơ sở có quá trình công phu chuẩn bị, khi họp Đại hội đã tạo được khí thế phấn khởi, tư tưởng từ trong Đảng tạo thêm sức mạnh của sự đoàn kết trong Đảng, là cốt lõi của phong trào cách mạng, là cơ sở biến nghị quyết Đại hội thành hiện thực hành động cách mạng của quần chúng.

5. Công việc tiếp tục sau đại hội của Đảng bộ cơ sở

Kết quả Đại hội mới là kết quả bước đầu, để phát huy kết quả đó cần tiếp tục làm tốt những việc:

- Từ nghị quyết Đại hội cần tiếp tục tuyên truyền cho quần chúng quán triệt một cách sâu sắc, biến nghị quyết của Đảng bộ thành tâm tư nguyện vọng hiện thực của quần chúng.

Các huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc cần giúp cho các cấp ủy cơ sở có kế hoạch cụ thể tổ chức thực hiện nghị quyết. Trước mắt tập trung chỉ đạo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch còn lại trong năm 1982 của cơ sở, đồng thời có kế hoạch chuẩn bị chu đáo cho việc thực hiện nhiệm vụ năm 1983, tổ chức và chỉ đạo tốt hành động cách mạng thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội, lập thành tích chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III, đợt 2.

- Các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc cần hướng dẫn cho tất cả cấp ủy cơ sở nghiên cứu thảo luận để quán triệt, nắm vững chức năng nhiệm vụ và trách nhiệm của cấp ủy, xây dựng cấp ủy viên rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cấp ủy viên chế độ sinh hoạt. Mối quan hệ và lề lối làm việc của cấp ủy trên mọi lĩnh vực hoạt động, bảo đảm cho sự chỉ đạo của cấp ủy thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ mà Đại hội đã quyết định.

- Huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc cần đôn đốc các cơ sở tiếp tục xem xét giải quyết những vấn đề còn tồn tại trong Đại hội chưa giải quyết xong. Nhất là những vấn đề còn vướng mắc của cấp ủy, đảng viên, xem xét, kết luận tư cách đảng viên, tiếp tục phát huy kết quả phát triển đảng viên, phát huy thắng lợi của Đại hội, đẩy mạnh phong trào xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

- Các huyện, thị cần chỉ đạo hoàn thành Đại hội chi, Đảng bộ cơ sở còn lại và tập trung lực lượng giải quyết những nơi yếu kém.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 15-CT/TU, ngày 7-11-1982

Tăng cường lãnh đạo thực hiện những biện pháp cấp bách bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa và giữ gìn trật tự an toàn xã hội

Trong 2 năm qua, thực hiện Nghị quyết 31 của Bộ Chính trị các Chỉ thị 81, 108, 92 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Nghị quyết số 07 và các Chỉ thị 06, 09 của Tỉnh ủy, nhìn chung công tác đấu tranh chống âm mưu địch và các bọn tội phạm bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa và giữ gìn trật tự an toàn xã hội ở địa phương đã có nhiều chuyển biến và đạt được nhiều kết quả; đã đấu tranh ngăn chặn hoạt động phá hoại của địch và các bọn tội phạm, mở đợt tấn công bọn buôn lậu, truy quét bọn lưu manh, đã hạn chế một phần các hành động xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, tính mạng và tài sản của công dân; đã đấu tranh khắc phục từng bước các biểu hiện tiêu cực trong quản lý kinh tế và xã hội, thiết thực phục vụ cho sản xuất, chiến đấu, xây dựng và bảo vệ địa phương.

Tuy nhiên tình hình diễn biến từng lúc, từng nơi và cho đến nay còn rất phức tạp có những vụ việc nghiêm trọng, kẻ địch không ngừng tiến hành kiểu chiến tranh phá hoại ta trên nhiều mặt với những thủ đoạn mới rất tinh vi, nham hiểm và tàn bạo, chúng tăng cường chiến tranh gián điệp chiến tranh tâm lý, gắn liền với phá hoại kinh tế. Bọn đầu cơ buôn lậu lợi dụng những sơ hở hoạt động ráo riết từ biên giới

đến nội địa. Bọn gian thương dùng mọi thủ đoạn móc nối với những phần tử xấu trong nội bộ để moi rút hàng hóa và sử dụng các loại phương tiện vận tải của Nhà nước để chuyên chở hàng lậu, tình hình kinh doanh dịch vụ trái phép phát triển, có những quán hàng, cửa hiệu là nơi cư trú, tiêu thụ chứa chấp bọn lưu manh, buôn lậu, bọn tội phạm hình sự. Bọn lưu manh côn đồ chúng kết lại thành ổ nhóm hoạt động rất táo bạo và trắng trợn, trộm cắp, giết người, cướp của, hăm hiếp gây tâm lý lo sợ, trong nhân dân, vũ khí súng đạn, thuốc nổ, chất độc bảo quản không chặt chẽ nên bị mất trộm và sử dụng trái phép, tệ tham ô, hối lộ, lãng phí và trộm cắp tài sản Nhà nước, tài sản tập thể còn xảy ra nghiêm trọng, việc chấp hành các chế độ nguyên tắc quản lý bảo vệ, vận chuyển, phân phối còn tùy tiện, mặt khác lợi dụng sơ hở trong việc thực hiện các chính sách giá cả, kế hoạch ba, ba lợi ích, khoán sản phẩm để chúng lấy cắp vật tư, hàng hóa...

Các tệ nạn xã hội như cờ bạc, mê tín dị đoan, tai nạn giao thông, gây gỗ đâm đánh nhau còn xảy ra phức tạp.

Tình hình trên đây không những gây thiệt hại về người, về của, ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, đồng thời đã làm hoen ố phẩm chất cách mạng, tha hóa một bộ phận cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, thanh thiếu niên, gây tâm trạng lo lắng trong quần chúng, ảnh hưởng đến niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền.

Nguyên nhân khách quan của tình hình, biểu hiện rõ tính chất gay go, phức tạp, của cuộc chiến tranh giai cấp giữa hai con đường, kẻ địch lợi dụng những khó khăn trong sản xuất và đời sống để phá ta. Những nguyên nhân chủ yếu là cấp ủy và chính quyền, thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể quần chúng từ tỉnh đến cơ sở chưa nhận thức sâu sắc và mất cảnh giác trước những âm mưu phá hoại nhiều mặt của địch; chưa thấy rõ tính chất gay go của cuộc chiến tranh giữa hai con đường nên đã buông lỏng chuyên chính vô sản, buông lỏng những nguyên tắc, chế độ quản lý kinh tế, quản lý xã hội, tùy tiện trong việc chấp hành Nghị định 217 về 4 chế độ, chưa nắm sâu và sự diễn biến của tình hình, chưa có các biện pháp tích cực và toàn diện để phòng

ngừa và đấu tranh kiên quyết chống tội phạm, chưa tích cực và phát huy sức mạnh tổng hợp từ cơ sở đi đôi với trấn áp tội phạm, kịp thời mạnh mẽ và nghiêm khắc, đúng mức, chưa phối hợp đồng bộ các biện pháp trong cuộc đấu tranh phòng, chống xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Để đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện Nghị quyết 31 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 81, 108 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết 128, ngày 2-8-1982 của Hội đồng Bộ trưởng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ thị các cấp, các ngành tăng cường chỉ đạo thực hiện tốt yêu cầu nhiệm vụ và các biện pháp cấp bách dưới đây nhằm bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Về yêu cầu nhiệm vụ:

1- Phải tổ chức quản lý chặt chẽ và bảo vệ nghiêm ngặt phòng, chống phá hoại của địch với hiệu quả cao, kiên quyết chặn đứng mọi hành vi xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, trong từng ngành, từng địa phương, từng đơn vị cơ sở. Trước hết là các vật tư chiến lược phục vụ sản xuất, chiến đấu và đời sống, đấu tranh khắc phục bằng được tệ tham ô, hối lộ, trộm cắp, lãng phí tài sản xã hội chủ nghĩa, nhất là ở các ngành, các cơ sở kinh tế và quốc phòng.

2- Đẩy mạnh các biện pháp, phòng ngừa không để xảy ra các vụ gây rối, đấu tranh làm giảm hẳn các vụ việc xảy ra, nhất là các trọng án giết người, cướp của, đánh nhau, hãm hiếp buôn lậu, triệt phá các ổ nhóm lưu manh, trộm cắp nhằm bảo vệ vững chắc an ninh trật tự trên tất cả các địa bàn toàn tỉnh. Thực hiện nhiệm vụ yêu cầu trên đây là cuộc đấu tranh rất gay go, phức tạp cả trong nội bộ và ngoài xã hội, đòi hỏi phải phát động mạnh mẽ và tổ chức quần chúng tham gia, đồng thời phải chấp hành rất nghiêm ngặt pháp luật và kỷ luật. Các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở cần chỉ đạo tiến hành các biện pháp dưới đây:

a) Trước hết các cấp ủy, Ủy ban nhân dân, thủ trưởng các ban, ngành, các cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường, trạm trại, trường học, bệnh viện, cửa hàng... tập thể lãnh đạo phải kiểm điểm

đánh giá và tổ chức cho đảng viên, cán bộ, công nhân viên liên hệ thật sâu sắc việc chấp hành Chỉ thị 81, 108 của Ban Bí thư Trung ương, Nghị quyết số 07, Chỉ thị số 09 của Tỉnh ủy, gắn liền kiểm điểm việc thực hiện 4 chế độ trách nhiệm của Nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 217, ngày 8-6-1979. Cần đánh giá đúng mức những mặt đã làm tốt, những tồn tại và nguyên nhân. Trên cơ sở đó mà biểu dương khen thưởng những đơn vị, cá nhân có nhiều thành tích và xử lý thật nghiêm minh những cá nhân vi phạm, thông qua việc kiểm điểm mà xây dựng bổ sung các chế độ, nội quy thường xuyên tổ chức kiểm tra bắt buộc, mọi người phải thực hiện nghiêm túc, nhằm xoá bỏ mọi sơ hở trong công tác quản lý, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa.

b) Cấp ủy, thủ trưởng từng đơn vị, từng ngành phải kiểm tra, soát xét đội ngũ cán bộ, công nhân viên, có kế hoạch tiến hành thuần khiết nội bộ, kiên quyết điều chuyển những người không có đủ tiêu chuẩn chính trị, phẩm chất đạo đức, đã có tiền án, tiền sự và đầu cơ trục lợi, vi phạm tham ô, hối lộ, móc ngoặc hoặc trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa ra khỏi các bộ phận quan trọng, các bộ phận có liên quan đến tài sản Nhà nước, trước hết cần soát xét những cán bộ quản lý ở cơ sở, số mà quần chúng đang có nhiều ý kiến, đội ngũ thủ kho, thủ quỹ, kế toán, cung ứng vật tư, bảo vệ, lái xe, thủy thủ, các nhân viên bán hàng (kể cả cửa hàng trưởng, cửa hàng phó). Đánh giá từng người thật khách quan và chính xác để biểu dương người tốt, việc tốt điều chuyển những người không đủ tin cậy. Tiến hành việc này cấp ủy và thủ trưởng các ngành, các cơ quan phải trao đổi với cơ quan tổ chức, cơ quan công an tham gia.

c) Các cấp ủy, các ngành phải nghiên cứu quán triệt Chỉ thị số 111-CT/TW và Chỉ thị số 07-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương, lãnh đạo triển khai sâu rộng trên cán bộ, công nhân viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, nhận thức sâu sắc và chấp hành nghiêm chỉnh các Pháp lệnh trừng trị tội hối lộ, Pháp lệnh trừng trị bọn đầu cơ buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, Pháp lệnh bảo vệ rừng, Pháp lệnh xét giải quyết đơn thư khiếu nại và tố giác. Trên cơ sở quán triệt

các pháp lệnh và vận động quần chúng chấp hành, đồng thời cổ vũ quần chúng phát hiện, tố cáo và đấu tranh ngăn chặn mọi hành vi.

Dưới sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân, các lực lượng công an nhân dân, quân đội, tài chính, nội thương, ngoại thương, quản lý thị trường phải có kế hoạch phối hợp chặt chẽ các lực lượng, các biện pháp mở thành chiến dịch chống buôn lậu vùng biên giới và nội địa. Kiên quyết ngăn chặn hoạt động của bọn đầu cơ buôn lậu trên tất cả các luồng lách, các phương tiện chuyên chở, mặt khác phải tiến hành kiểm tra đăng ký kinh doanh dịch vụ thật nghiêm ngặt, kiên quyết xử lý những phần tử làm hàng giả kinh doanh trái phép, những nơi chứa chấp bọn lưu manh, buôn lậu, bọn người có hành vi móc nối vào nội bộ trong việc tuần hàng Nhà nước ra thị trường và ăn cắp tài sản xã hội chủ nghĩa bằng các hình thức phi pháp.

Đồng thời với việc khẩn trương triển khai kế hoạch giao rừng cho hợp tác xã, cá nhân xã viên, Chi cục Kiểm lâm cùng với chính quyền cơ sở tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm những vi phạm tài nguyên rừng theo pháp lệnh đã quy định, nhằm ngăn chặn tình trạng đốt phá rừng.

d) Thông qua tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 92 của Ban Bí thư Trung ương phát động quần chúng đẩy mạnh phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc thật sâu sắc ở các cơ sở, kết hợp chặt chẽ, đồng bộ liên hoàn giữa trong nội bộ cơ quan, xí nghiệp với quần chúng nhân dân ở phường, xã. Nội dung nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nâng cao cảnh giác cách mạng và ý thức trách nhiệm của quần chúng thực hiện tốt công tác phòng ngừa đấu tranh chống địch phá hoại, chống các bọn tội phạm hình sự, chống mọi hành vi xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo vệ trật tự an toàn xã hội, khắc phục các biểu hiện tư tưởng bàng quan, không dám đấu tranh, thông qua phong trào quần chúng Đảng ủy và thủ trưởng từng cơ quan, đơn vị phải thu thập xác minh kết luận những tin tức, hiện tượng quần chúng cung cấp, nghiên cứu chấn chỉnh chế độ nội quy quản lý và bảo vệ chặt chẽ, mặt khác xử lý nghiêm các vi phạm.

đ) Lực lượng công an nhân dân phối hợp với quân đội và các ngành nắm vững các loại đối tượng hình sự, rà soát từng tên, phân loại chính xác, mở đợt truy quét bọn lưu manh chuyên nghiệp, bọn côn đồ hung hãn cầm đầu các ổ nhóm trộm cướp, kiên quyết truy tố những tên nguy hiểm trước pháp luật, những phần tử đủ tiêu chuẩn cho đi tập trung cải tạo, loại chưa đáng tập trung cải tạo thì cưỡng bức lao động hoặc cải tạo tại chỗ.

e) Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, có kế hoạch cụ thể phối hợp với các đơn vị thuộc quân đoàn, quân khu đóng ở địa phương và lực lượng công an nhân dân kiểm tra và bổ sung các phương án bảo vệ các kho vũ khí, thuốc nổ, chất cháy, chất độc, tổ chức bảo vệ nghiêm ngặt, lựa chọn bố trí người canh gác bảo vệ cẩn mật nhằm phòng, chống các phần tử xấu trong nội bộ lấy cắp đem ra ngoài bán, chống bọn tội phạm từ bên ngoài lọt vào lấy cắp hoặc phá hoại, mặt khác phối hợp giải quyết triệt để số bộ đội đảo ngũ theo tinh thần Nghị quyết 90 của Hội đồng Bộ trưởng và nghị định của Bộ Quốc phòng đối với bộ đội xuất ngũ không chịu về địa phương, lang thang ở tuyến I kiên quyết đưa về giao chính quyền nơi cư trú quản lý, đối với các phần tử sa đọa, biến chất phạm tội phải kiên quyết xử lý.

g) Sở Lao động tỉnh đoàn thanh niên phối hợp với các ngành xem xét các biện pháp giải quyết công việc làm cho số học sinh, số thanh niên, lao động ở các thị xã chưa có việc làm, cơ quan công an nghiên cứu lập kế hoạch tổ chức khu lao động để cưỡng bức những người có sức lao động lang thang sống bằng các nghề phi pháp.

Sở Y tế - Thể dục thể thao phối hợp với cơ quan công an đưa những người bị bệnh tâm thần, hủi, tàn tật vào các cơ sở điều trị không để họ lang thang trên đường phố.

h) Đối với các vụ trộm cắp tham ô, hối lộ, lãng phí... gây tác hại đến tài sản xã hội chủ nghĩa xảy ra ở đơn vị nào, Đảng ủy, thủ trưởng đơn vị đó phải chịu trách nhiệm cùng với cơ quan điều tra khẩn trương kết luận, tùy theo mức độ mà vận dụng điều tra khẩn trương kết luận, tùy theo mức độ mà vận dụng các hình thức xử lý thích đáng, không được để dây dưa, trì trệ.

Các ngành Thanh tra, Viện Kiểm sát, Công an, Tòa án cùng Ban Nội chính Tỉnh ủy rà soát hệ thống lại các vụ phạm pháp nhất là các trọng án về kinh tế và trị an xã hội mà chưa kết luận, chưa xử lý, cần phối hợp giữa các ngành nội chính khẩn trương kết luận và nghiêm trị bọn tội phạm.

Ủy ban nhân dân tỉnh cần có kế hoạch cụ thể để chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện Nghị quyết 128 của Hội đồng Bộ trưởng và Chỉ thị này, mở hội nghị triển khai trong tháng 11-1982. Để giúp Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp làm Trưởng ban Chỉ đạo 79 cùng với tập thể Ban chỉ đạo có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện.

Lực lượng công an nhân dân và quân đội nhân dân là lực lượng nòng cốt trong cuộc đấu tranh phòng, chống xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa chống bọn tội phạm hình sự, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, vì vậy Ban Giám đốc Công an tỉnh và Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh phải có kế hoạch hiệp đồng với phương án sát hợp để hướng dẫn tiến hành.

Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh có kế hoạch hướng dẫn các đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt Nghị quyết 128 và chỉ thị của Tỉnh ủy, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh trong nội bộ quân đội, đồng thời phối hợp với lực lượng công an nhân dân và các ngành trong cuộc đấu tranh chống các bọn tội phạm bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa và trật tự an toàn xã hội.

Các ngành Thanh tra, Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân hướng dẫn cán bộ, nhân viên toàn ngành phát huy chức năng, kiên quyết đấu tranh chống lại mọi hành vi xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, phục vụ nhiệm vụ giữ vững trật tự an ninh địa phương, lực lượng thanh tra các ngành, các huyện, thị phải tăng cường để đáp ứng là đội ngũ xung kích trong cuộc đấu tranh khắc phục các biểu hiện tiêu cực, các đoàn thể quần chúng Thanh niên, Công đoàn, Phụ nữ, Mặt trận có kế hoạch giáo dục, vận động đoàn viên, hội viên phát huy vai trò làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nếp sống mới, con người mới,

tích cực tham gia phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh chống mọi vi phạm, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, giữ gìn trật tự xã hội, Tỉnh Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phải coi Chỉ thị này là một nội dung quan trọng trong cuộc vận động tuổi trẻ xung kích bảo vệ an ninh (biên giới và nội địa).

Ban Tuyên giáo, Sở Văn hóa thông tin, Sở Giáo dục, báo, đài có kế hoạch tuyên truyền giáo dục cổ vũ quần chúng các dân tộc trong tỉnh, thanh thiếu niên, học sinh ở các trường tích cực tham gia khắc phục các biểu hiện tiêu cực, xây dựng nếp sống mới, con người mới xã hội chủ nghĩa.

Đảng ủy, chi bộ cơ sở, phải gắn việc chấp hành Chỉ thị này là một trong các nội dung kiểm tra tư cách đảng viên.

Ban Nội chính Tỉnh ủy có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị này và 3 tháng 1 lần hệ thống báo cáo với Thường trực Tỉnh ủy.

Chỉ thị này được phổ biến đến tập thể huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc, các ban Đảng Đoàn, Ban cán sự các ngành ở tỉnh và các đảng bộ, chi bộ cơ sở.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 983-QN/TU, ngày 10-11-1982

**Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Xí nghiệp
liên hiệp chè Trần Phú**

Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ Xí nghiệp liên hiệp chè Trần Phú khóa II ngày 27-10-1982 và Biên bản bầu cử Ban Thường vụ Đảng ủy;

Căn cứ Điều 16 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Xí nghiệp liên hiệp chè Trần Phú khóa II gồm các đồng chí có tên sau đây:

- | | |
|---------------------|-----------------------|
| 1- Hoàng Minh Sánh | Bí thư Đảng ủy |
| 2- Nguyễn Kim Phong | Phó Bí thư |
| 3- Bùi Thọ Vực | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 4- Sa Hữu Nông | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 5- Hà Văn Gia | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 6- Nguyễn Văn Xuân | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 7- Nguyễn Văn Phẩm | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 8- Nguyễn Thị Bảo | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 9- Nguyễn Thị An | Ủy viên Ban Chấp hành |

10- Trần Viết Hợp	Ủy viên Ban Chấp hành
11- Vũ Đức Lễ	Ủy viên Ban Chấp hành
12- Quách Sỹ Nghiên	Ủy viên Ban Chấp hành
13- Lê Khắc Phú	Ủy viên Ban Chấp hành
14- Nguyễn Huy Soạn	Ủy viên Ban Chấp hành
15- Phạm Anh Tuấn	Ủy viên Ban Chấp hành
16- Nguyễn Thị Thìn	Ủy viên Ban Chấp hành
17- Bùi Việt Chi	Ủy viên Ban Chấp hành
18- Nguyễn Đình Đua	Ủy viên Ban Chấp hành
19- Đỗ Quốc Giao	Ủy viên Ban Chấp hành
20- Lê Ngọc Khôi	Ủy viên Ban Chấp hành
21- Hoàng Đình Phát	Ủy viên Ban Chấp hành
22- Phạm Hồng Thuy	Ủy viên Ban Chấp hành
23- Hà Đức Thuận	Ủy viên Ban Chấp hành

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ Xí nghiệp liên hiệp chè Trần Phú và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 984-QN/TU, ngày 10-11-1982

Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy

Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ Công an tỉnh Hoàng Liên Sơn khóa III, ngày 22-9-1982 và Biên bản bầu cử Ban Thường vụ Đảng ủy ngày 23-9-1982;

Căn cứ Điều 16 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Công an nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn khóa III gồm các đồng chí có tên sau đây:

- | | |
|---------------------|-----------------------|
| 1- Phan Tất Mạnh | Bí thư Đảng ủy |
| 2- Nguyễn Đức Tĩnh | Phó bí thư Đảng ủy |
| 3- Dương Châu Sa | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 4- Hà Tuất | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 5- Nguyễn Duy Nhữ | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 6- Nguyễn Công Thuý | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 7- Vũ Nguyên Xá | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 8- Lê Duyệt | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 9- Nguyễn Thị Nhân | Ủy viên Ban Chấp hành |
| 10- Vũ Cao | Ủy viên Ban Chấp hành |

11- Lê Khắc Nhu	Ủy viên Ban Chấp hành
12- Nguyễn Văn Việt	Ủy viên Ban Chấp hành
13- Lê Hồng	Ủy viên Ban Chấp hành
14- Bùi Sao	Ủy viên Ban Chấp hành
15- Lê Kim Lâm	Ủy viên Ban Chấp hành

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ Công an nhân dân tỉnh và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 985-QN/TU, ngày 10-11-1982

Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy

Xét biên Bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ Mở apatít Lào Cai khóa XIII và Biên bản bầu cử Ban Thường vụ Đảng ủy ngày 3-10-1982;

Căn cứ Điều 16 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Mở apatít Lào Cai khóa XIII gồm các đồng chí có tên sau đây:

- | | |
|---------------------|----------------------------------|
| 1- Nguyễn Huy Ứng | Bí thư Đảng ủy |
| 2- Nguyễn Kế | Phó Bí thư Đảng ủy |
| 3- Đỗ Quang Chiểu | Phó Bí thư Đảng ủy |
| 4- Trần Xuân Nam | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 5- Trần Tử Trí | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 6- Trần Thị À | Ủy viên chính thức Ban Chấp hành |
| 7- Nguyễn Đức Chiến | Ủy viên chính thức Ban Chấp hành |
| 8- Lý Bá Diên | Ủy viên chính thức Ban Chấp hành |
| 9- Nguyễn Văn Hoà | Ủy viên chính thức Ban Chấp hành |
| 10- Nguyễn Khuyến | Ủy viên chính thức Ban Chấp hành |
| 11- Nguyễn Văn Mạnh | Ủy viên chính thức Ban Chấp hành |

12- Nguyễn Xuân Nguyên	Ủy viên chính thức Ban Chấp hành
13- Nguyễn Hữu Ngư	Ủy viên chính thức Ban Chấp hành
14- Dương Văn Phẩm	Ủy viên chính thức Ban Chấp hành
15- Nguyễn Mạnh Phương	Ủy viên chính thức Ban Chấp hành
16- Hồ Văn Toán	Ủy viên chính thức Ban Chấp hành
17- Nguyễn Đức Việt	Ủy viên chính thức Ban Chấp hành
18- Nguyễn Quốc Việt	Ủy viên chính thức Ban Chấp hành
19- Vũ Thị Ngẩn	Ủy viên chính thức Ban Chấp hành

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành Đảng bộ phân công.

3. Đảng ủy Mở apatít và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 986-QN/TU, ngày 10-11-1982

Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Chấn

- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Chấn khóa II và Biên bản bầu cử Ban Thường vụ Huyện ủy ngày 2-10-1982;
- Căn cứ Điều 16 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Chấn khóa II gồm các đồng chí có tên sau đây:

- | | |
|----------------------|------------------------------|
| 1- Nguyễn Đức Thịnh | Bí thư Huyện ủy |
| 2- Hà Phú An | Phó Bí thư Thường trực Đảng |
| 3- Nguyễn Văn Thùy | Phó Bí thư phụ trách kinh tế |
| 4- Mai Đình Sắc | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 5- Hoàng Công Dung | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 6- Lò Văn Đông | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 7- Đồng Văn Ngịch | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 8- Hoàng Cường | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 9- Hà Ngoan | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 10- Nguyễn Huy Hảo | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 11- Nguyễn Trung Lợi | Ủy viên Ban Thường vụ |

12- Nguyễn Cao Bằng	Ủy viên chính thức
13- Lò Văn Chương	Ủy viên chính thức
14- Tống Minh Đăng	Ủy viên chính thức
15- Trần Thanh Hải	Ủy viên chính thức
16- Phạm Minh Hồng	Ủy viên chính thức
17- Lò Văn Hương	Ủy viên chính thức
18- Bàn Phúc Hứng	Ủy viên chính thức
19- Lê Xuân Khoát	Ủy viên chính thức
20- Trương Ngọc Liên	Ủy viên chính thức
21- Hoàng Lộc Nhung	Ủy viên chính thức
22- Hà Ngoan	Ủy viên chính thức
23- Ngô Thị Ỏn	Ủy viên chính thức
24- Hà Đình Phong	Ủy viên chính thức
25- Phạm Tiến Sỹ	Ủy viên chính thức.
(...)¹.	

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

1. bản gốc thiếu trang - BT.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 987-QN/TU, ngày 10-11-1982

Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Than Uyên

Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Than Uyên khóa IX và Biên bản bầu cử Ban Thường vụ Huyện ủy ngày 5-10-1982;

Căn cứ Điều 16 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Than Uyên khóa IX gồm các đồng chí có tên sau đây:

- | | |
|--------------------|-----------------------|
| 1- Lê Văn Cung | Bí thư Huyện ủy |
| 2- Mai Ngọc Giao | Phó Bí thư Huyện ủy |
| 3- Lò Xuân Pằng | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 4- Lò Văn Chứa | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 5- Nguyễn Văn Thọ | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 6- Nguyễn Xuân Đạc | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 7- Lý Văn Chài | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 8- Lê Quý Thoa | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 9- Lò Văn Đanh | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 10- Vũ Ngọc Cừ | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 11- Lê Thị Vân | Ủy viên Ban Thường vụ |

12- Lò Xuân Ứn	Ủy viên Ban Chấp hành
13- Hoàng Thị Sài	Ủy viên Ban Chấp hành
14- La Đức Đan	Ủy viên Ban Chấp hành
15- Nguyễn Văn Nhiều	Ủy viên Ban Chấp hành
16- Trần Đức Miễn	Ủy viên Ban Chấp hành
17- Lò Văn Pành	Ủy viên Ban Chấp hành
18- Nguyễn Hữu Cảnh	Ủy viên Ban Chấp hành
19- Phạm Khắc Thành	Ủy viên Ban Chấp hành
20- Nguyễn Quốc Khải	Ủy viên Ban Chấp hành
21- Trần Đình Hòa	Ủy viên Ban Chấp hành
22- Tòng Văn Muôn	Ủy viên Ban Chấp hành
23- Nguyễn Văn Thân	Ủy viên Ban Chấp hành
24- Lò Văn Pâng	Ủy viên Ban Chấp hành
25- Phùng Văn Hậu	Ủy viên Ban Chấp hành
26- Lò Văn Ban	Ủy viên Ban Chấp hành
27- Lò Văn Lốt	Ủy viên Ban Chấp hành
28- Vũ Hồng Nhị	Ủy viên Ban Chấp hành
29- Lưu Tuấn Võ	Ủy viên Ban Chấp hành
30- Đinh Xuân Yên	Ủy viên Ban Chấp hành
31- Lò Văn Pâng	Ủy viên Ban Chấp hành
32- Vũ Văn Điện	Ủy viên dự khuyết
33- Trịnh Văn Đình	Ủy viên dự khuyết.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Than Uyên và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA TỈNH ỦY HOÀNG LIÊN SƠN

Số 988-QN/TU, ngày 10-11-1982

Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mù Cang Chải

Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mù Cang Chải khóa X ngày 1-10-1982 và Biên bản bầu cử Ban Thường vụ Huyện ủy ngày 4-10-1982;

Căn cứ Điều 16 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mù Cang Chải khóa X gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Sùng A Chơ, Bí thư Huyện ủy
- 2- Sùng Nhà Chu, Phó Bí thư Thường trực Đảng
- 3- Nguyễn Đức Cương, Phó Bí thư kinh tế
- 4- Giàng Sáy Sinh, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Nguyễn Văn Tuyền, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Mùa Sống Già, Ủy viên Ban Thường vụ
- 7- Sùng A Lu, Ủy viên Ban Thường vụ
- 8- Thảo Khoa Kỹ, Ủy viên Ban Thường vụ
- 9- Nguyễn Công Minh, Ủy viên Ban Thường vụ
- 10- Vàng Nữ Câu, Ủy viên chính thức

- 11- Giàng A Gia, Ủy viên chính thức
- 12- Hoàng Văn Lồng, Ủy viên chính thức
- 13- Trần Minh Lộc, Ủy viên chính thức
- 14- Đào Thị Dung, Ủy viên chính thức
- 15- Giàng A Giao, Ủy viên chính thức
- 16- Nguyễn Huy Đồng, Ủy viên chính thức
- 17- Lê Đức Vinh, Ủy viên chính thức
- 18- Lý Súa Tính, Ủy viên chính thức
- 19- Giàng A Chinh, Ủy viên chính thức
- 20- Sùng A Tủa, Ủy viên chính thức
- 21- Sùng A Lênh, Ủy viên chính thức
- 22- Giàng Mào Sỏ, Ủy viên chính thức
- 23- Giàng Pua Dinh, Ủy viên chính thức
- 24- Sùng A Tằng, Ủy viên chính thức
- 25- Mùa A Phong, Ủy viên chính thức
- 26- Phạm Hải Đô, Ủy viên dự khuyết
- 27- Vàng Xú Rùa, Ủy viên dự khuyết.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mù Cang Chải và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 989-QN/TU, ngày 10-11-1982

Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Trạm Tấu

Xét biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Trạm Tấu khóa VII ngày 2-10-1982 và biên bản bầu cử Ban Thường vụ Huyện ủy ngày 2-10-1982;

Căn cứ Điều 16 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Trạm Tấu khóa VII gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Sùng A Chấng, Bí thư Huyện ủy
- 2- Hoàng Thân, Phó Bí thư
- 3- Đào Triệu, Ủy viên Ban Thường vụ
- 4- Giàng A Sú, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Đinh Công Sủng, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Phan Duy Khương, Ủy viên Ban Thường vụ
- 7- Lò Văn Ảnh, Ủy viên Ban Thường vụ
- 8- Lường Văn Tồi, Ủy viên Ban Thường vụ
- 9- Vũ Văn Khả, Ủy viên Ban Thường vụ
- 10- Giàng Thị Tòng, Huyện ủy viên chính thức

- 11- Hoàng Văn Nhân, Huyện ủy viên chính thức
- 12- Trần Đình Sét, Huyện ủy viên chính thức
- 13- Hoàng Ngọc Khang, Huyện ủy viên chính thức
- 14- Trần Văn Hùng, Huyện ủy viên chính thức
- 15- Vàng A Súa, Huyện ủy viên chính thức
- 16- Mùa A Ly, Huyện ủy viên chính thức
- 17- Trần Xuân Cai, Huyện ủy viên chính thức
- 18- Hảng A Páo, Huyện ủy viên chính thức
- 19- Hồ Vảng Lồng, Huyện ủy viên chính thức
- 20- Sùng Dúa Tu, Huyện ủy viên chính thức
- 21- Mùa Gà Tu, Huyện ủy viên chính thức
- 22- Mùa A Sùng, Huyện ủy viên chính thức
- 23- Lò Văn Đính, Huyện ủy viên chính thức
- 24- Lò Văn Muôn, Huyện ủy viên chính thức
- 25- Đinh Văn Lăn, Huyện ủy viên chính thức
- 26- Lò Văn Sùm, Huyện ủy viên chính thức
- 27- Giàng A Vàng, Huyện ủy viên chính thức.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Trăm Tấu và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 990-QN/TU, ngày 10-11-1982

Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Yên Bình

Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Yên Bình khóa XIV ngày 30-9-1982 và Biên bản bầu cử Ban Thường vụ Huyện ủy ngày 30-9-1982;

Căn cứ Điều 16 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Yên Bình khóa XIV gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Lý Trung Thuộc, Bí thư Huyện ủy
- 2- Tiêu Đức Hội, Phó Bí thư Thường trực Đảng
- 3- Nguyễn Quang Chiêu, Phó Bí thư kinh tế
- 4- Lương Đoàn Kết, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Phạm Thế Dưỡng, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Ma Ngọc Hội, Ủy viên Ban Thường vụ
- 7- Đinh Vĩnh Phong, Ủy viên Ban Thường vụ
- 8- Lộc Hoàng Bín, Ủy viên Ban Thường vụ
- 9- Nguyễn Văn Trà, Ủy viên Ban Thường vụ
- 10- Cù Minh Tài, Ủy viên Ban Thường vụ
- 11- Hứa Xuân Báo, Ủy viên Ban Thường vụ

- 12- Trần Minh Tiến, Huyện ủy viên chính thức
- 13- Lương Thị Bối, Huyện ủy viên chính thức
- 14- Trần Đình Thúc, Huyện ủy viên chính thức
- 15- La Quý Bao, Huyện ủy viên chính thức
- 16- Lê Tiến Nam, Huyện ủy viên chính thức
- 17- Lương Công Hồ, Huyện ủy viên chính thức
- 18- Đào Duy Vượng, Huyện ủy viên chính thức
- 19- Vũ Tuyên, Huyện ủy viên chính thức
- 20- Nguyễn Đức Lộc, Huyện ủy viên chính thức
- 21- Nguyễn Xuân Quán, Huyện ủy viên chính thức
- 22- Lương Thị Đảm, Huyện ủy viên chính thức
- 23- Trần Đức Hải, Huyện ủy viên chính thức
- 24- Vương Thị Dư, Huyện ủy viên chính thức
- 25- Hoàng Ngọc Chung, Huyện ủy viên chính thức
- 26- Trương Ngọc San, Huyện ủy viên chính thức
- 27- Nguyễn Công Thành, Huyện ủy viên chính thức
- 28- Hoàng Tương Lai, Huyện ủy viên chính thức
- 29- Lê Đức Khu, Huyện ủy viên chính thức
- 30- Hoàng Đình Tước, Huyện ủy viên chính thức
- 31- Lương Hữu Tư, Huyện ủy viên chính thức
- 32- Chu Quang Phú, Huyện ủy viên chính thức
- 33- Lý Ngọc Thanh, Huyện ủy viên chính thức
- 34- Hứa Công Chính, Huyện ủy viên dự khuyết
- 35- Cao Văn Độ, Huyện ủy viên dự khuyết.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Yên Bình và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 991-QN/TU, ngày 10-11-1982

Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Yên

Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Yên khóa VII ngày 30-9-1982 và Biên bản bầu cử Ban Thường vụ Huyện ủy ngày 30-9-1982;

Căn cứ Điều 16 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Yên khóa VII gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Nguyễn Xuân Tư, Bí thư Huyện ủy
- 2- Nguyễn Xuân Mùi, Phó Bí thư kinh tế
- 3- Nguyễn Xuân Thành, Phó Bí thư Thường trực Đảng
- 4- Đinh Huệ, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy
- 5- Đinh Công Thế, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy
- 6- Lê Thanh Hà, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy
- 7- Trần Văn Tỵ, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy
- 8- Trần Thìn, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy
- 9- Hà Như Trù, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy
- 10- Hoàng Trọng Soạn, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy
- 11- Hoàng Quyết Trí, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy
- 12- Vũ Viết Trường, Huyện ủy viên chính thức

- 13- Mai Văn Nhị, Huyện ủy viên chính thức
- 14- Lương Văn Sơn, Huyện ủy viên chính thức
- 15- Vũ Văn Lung, Huyện ủy viên chính thức
- 16- Nguyễn Văn Dũng, Huyện ủy viên chính thức
- 17- Nguyễn Thị Bình, Huyện ủy viên chính thức
- 18- Nguyễn Văn Khay, Huyện ủy viên chính thức
- 19- Lê Toàn Định, Huyện ủy viên chính thức
- 20- Nguyễn Ngọc Hiếu, Huyện ủy viên chính thức
- 21- Nguyễn Văn Tú, Huyện ủy viên chính thức
- 22- Hoàng Xuân Lộc, Huyện ủy viên chính thức
- 23- Đặng Kim Huyện, Huyện ủy viên chính thức
- 24- Nguyễn Kim Viết, Huyện ủy viên chính thức
- 25- Hoàng Văn Bàn, Huyện ủy viên chính thức
- 26- Hoàng Văn Tình, Huyện ủy viên chính thức
- 27- Hoàng Văn Nhật, Huyện ủy viên chính thức
- 28- Phạm Ngọc Dinh, Huyện ủy viên chính thức
- 29- Triệu Văn Thật, Huyện ủy viên chính thức
- 30- Hoàng Ngọc Linh, Huyện ủy viên chính thức
- 31- Hoàng Đình Văn, Huyện ủy viên chính thức
- 32- Ngô Ngọc Chu, Huyện ủy viên chính thức
- 33- Nguyễn Hữu Hoàng, Huyện ủy viên chính thức
- 34- Nguyễn Văn Hân, Huyện ủy viên dự khuyết
- 35- Hoàng Huy Cận, Huyện ủy viên dự khuyết.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Yên và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 992-QN/TU, ngày 10-11-1982

Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Trấn Yên

Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Trấn Yên khóa XIII ngày 4-10-1982 và Biên bản bầu cử Ban Thường vụ Huyện ủy ngày 5-10-1982;

Căn cứ Điều 16 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Trấn Yên khóa XIII gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Nguyễn Kỳ, Bí thư Huyện ủy
- 2- Nguyễn Kệ, Phó Bí thư Thường trực Đảng
- 3- Vũ Ngọc Kỳ, Phó Bí thư kinh tế
- 4- Nguyễn Hội, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Nguyễn Văn Ca, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Nguyễn Thanh Tài, Ủy viên Ban Thường vụ
- 7- Trương Quốc Thái, Ủy viên Ban Thường vụ
- 8- Trừ Ngọc Công, Ủy viên Ban Thường vụ
- 9- Hán Văn Vượng, Ủy viên Ban Thường vụ
- 10- Trần Cương, Ủy viên Ban Thường vụ
- 11- Nguyễn Hữu Long, Ủy viên Ban Thường vụ.
- 12- Phạm Hoanh, Ủy viên Ban Chấp hành

- 13- Phạm Văn Hiền, Ủy viên Ban Chấp hành
- 14- Lê Thị Vĩnh, Ủy viên Ban Chấp hành
- 15- Lê Văn Tình, Ủy viên Ban Chấp hành
- 16- Nguyễn Văn Minh, Ủy viên Ban Chấp hành
- 17- Nguyễn Văn Tình, Ủy viên Ban Chấp hành
- 18- Lê Hồng Vân, Ủy viên Ban Chấp hành
- 19- Nguyễn Văn Khánh, Ủy viên Ban Chấp hành
- 20- Mai Văn Thông, Ủy viên Ban Chấp hành
- 21- Phan Đăng Hạng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 22- Trần Phúc, Ủy viên Ban Chấp hành
- 23- Đinh Lệnh Khái, Ủy viên Ban Chấp hành
- 24- Lê Dâng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 25- Trần Vương, Ủy viên Ban Chấp hành
- 26- Lê Văn Là, Ủy viên Ban Chấp hành
- 27- Lương Văn Bấn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 28- Trần Công Ký, Ủy viên Ban Chấp hành
- 29- Bô Xuân Kế, Ủy viên Ban Chấp hành
- 30- Dương Đức Khoa, Ủy viên Ban Chấp hành
- 31- Phan Như Thìn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 32- Nguyễn Văn Dân, Ủy viên dự khuyết
- 33- Thiều Sáu, Ủy viên dự khuyết
- 34- Lưu Phong Thanh, Ủy viên dự khuyết
- 35- Nguyễn Văn Dụng, Ủy viên dự khuyết.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Trấn Yên và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 993-QN/TU, ngày 10-11-1982

Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên

Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên khóa VII ngày 30-9-1982 và Biên bản bầu cử Ban Thường vụ Huyện ủy ngày 1-10-1982;

Căn cứ Điều 16 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên khóa VII gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Lê Quang Nghiệp, Bí thư Huyện ủy
- 2- Nguyễn Thế Dũng, Phó Bí thư phụ trách kinh tế
- 3- Hứa Tiến Đạt, Phó Bí thư Thường trực công tác Đảng
- 4- Địch Ngọc Lâm, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Hoàng Tiến Ngật, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Đỗ Lê Ngôn, Ủy viên Ban Thường vụ
- 7- Nguyễn Văn Nham, Ủy viên Ban Thường vụ
- 8- Cao Trần Phúc, Ủy viên Ban Thường vụ
- 9- Phùng Ngọc Đức, Ủy viên Ban Thường vụ
- 10- Hoàng Phú, Ủy viên Ban Thường vụ
- 11- Triệu Kim Cương, Ủy viên Ban Thường vụ

- 12- Hoàng Xuân Bách, Huyện ủy viên chính thức
- 13- Hoàng Quang Chua, Huyện ủy viên chính thức
- 14- Nguyễn Văn Cự, Huyện ủy viên chính thức
- 15- Hoàng Đình Giong, Huyện ủy viên chính thức
- 16- Nguyễn Bá Hạp, Huyện ủy viên chính thức
- 17- Phạm Văn Hùng, Huyện ủy viên chính thức
- 18- Nguyễn Khắc Lại, Huyện ủy viên chính thức
- 19- Hoàng Văn Lãng, Huyện ủy viên chính thức
- 20- Nguyễn Văn Mịch, Huyện ủy viên chính thức
- 21- Nông Văn Nha, Huyện ủy viên chính thức
- 22- Hoàng Thị Phú, Huyện ủy viên chính thức
- 23- Hoàng Văn Phương, Huyện ủy viên chính thức
- 24- Phạm Hồng Quế, Huyện ủy viên chính thức
- 25- Hoàng Văn Rường, Huyện ủy viên chính thức
- 26- Vi Lam Sơn, Huyện ủy viên chính thức
- 27- Trần Quyết Tiến, Huyện ủy viên chính thức
- 28- Nguyễn Quang Tất, Huyện ủy viên chính thức
- 29- Lý Minh Trang, Huyện ủy viên chính thức
- 30- Nguyễn Hồng Vệ, Huyện ủy viên chính thức
- 31- Lục Văn Vạn, Huyện ủy viên chính thức
- 32- Lư Đình Xương, Huyện ủy viên chính thức
- 33- Trịnh Công Hùng, Huyện ủy viên chính thức.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 994-QN/TU, ngày 10-11-1982

Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lục Yên

- Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lục Yên khóa XIII ngày 8-10-1982 và Biên bản bầu cử Ban Thường vụ Huyện ủy ngày 10-10-1982;

- Căn cứ Điều 16 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lục Yên khóa XIII gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Cù Văn Ngân, Bí thư Huyện ủy
- 2- Nông Đức Hành, Phó Bí thư Thường trực Đảng
- 3- Nguyễn Công Doanh, Phó Bí thư kinh tế
- 4- Hoàng Kim Sinh, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Hoàng Đình Bất, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Hoàng Ngọc Niên, Ủy viên Ban Thường vụ
- 7- Vũ Đăng Khoa, Ủy viên Ban Thường vụ
- 8- Trần Ước, Ủy viên Ban Thường vụ
- 9- Hoàng Chung, Ủy viên Ban Thường vụ
- 10- Hoàng Đình Cẩm, Ủy viên Ban Thường vụ
- 11- Đặng Hữu Tiên, Ủy viên Ban Thường vụ
- 12- Nguyễn Văn Thảo, Ủy viên chính thức

- 13- Bàn Phúc Đức, Ủy viên chính thức
- 14- Hoàng Văn Hoà, Ủy viên chính thức
- 15- Vi Thị Ninh, Ủy viên chính thức
- 16- Hoàng Ngự, Ủy viên chính thức
- 17- Nông Ngọc Tĩnh, Ủy viên chính thức
- 18- Lý Kim Thỏ, Ủy viên chính thức
- 19- Nguyễn Đức Thuỳ, Ủy viên chính thức
- 20- Trần Thị Thiệp, Ủy viên chính thức
- 21- Ngô Vinh Thuyết, Ủy viên chính thức
- 22- Bùi Ngọc Nhâm, Ủy viên chính thức
- 23- Vi Xuân Ngoan, Ủy viên chính thức
- 24- Lê Vinh Quang, Ủy viên chính thức
- 25- Hoàng Minh Tân, Ủy viên chính thức
- 26- Triệu Trung Cao, Ủy viên chính thức
- 27- Hoàng Chí Tĩnh, Ủy viên chính thức
- 28- Sầm Văn Tờ, Ủy viên chính thức
- 29- Hoàng Đình Đô, Ủy viên chính thức
- 30- Hoàng Văn Minh, Ủy viên chính thức
- 31- Nguyễn Văn Cát, Ủy viên chính thức
- 32- Hoàng Đình Ất, Ủy viên chính thức
- 33- Nông Khánh Thiện, Ủy viên chính thức
- 34- Hoàng Sơn Thiết, Ủy viên dự khuyết
- 35- Hoàng Văn Mộc, Ủy viên dự khuyết.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lục Yên và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 995-QN/TU, ngày 10-11-1982

Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa

Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa khóa XIV ngày 30-9-1982 và Biên bản bầu cử Ban Thường vụ Huyện ủy ngày 1-10-1982;

Căn cứ Điều 16 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa khóa XIV gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Nguyễn Ngọc Xá, Bí thư Huyện ủy
- 2- Nguyễn Trọng Khang, Phó Bí thư Thường trực Đảng
- 3- Nguyễn Chí Hướng, Phó Bí thư kinh tế
- 4- Má A Châu, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Trần Đức Khoa, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Trần Dền, Ủy viên Ban Thường vụ
- 7- Trang Hồng Chính, Ủy viên Ban Thường vụ
- 8- Đoàn Hữu Đài, Ủy viên Ban Thường vụ
- 9- Sùng A Chính, Ủy viên Ban Thường vụ
- 10- Đoàn Thị Mai Liên, Ủy viên Ban Chấp hành
- 11- Lý Phù Chứ, Ủy viên Ban Chấp hành

- 12- Thào Thị Say, Ủy viên Ban Chấp hành
- 13- Phạm Đệ, Ủy viên Ban Chấp hành
- 14- Giàng Thị Ví, Ủy viên Ban Chấp hành
- 15- Nguyễn Văn Quyên, Ủy viên Ban Chấp hành
- 16- Vàng Sáo Sàng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 17- Giàng A Pháy, Ủy viên Ban Chấp hành
- 18- Lý A Páo, Ủy viên Ban Chấp hành
- 19- Hâu A Vảng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 20- Sùng A Khoa, Ủy viên Ban Chấp hành
- 21- Nguyễn Văn Lung, Ủy viên Ban Chấp hành
- 22- Phùng Tràn Phỉ, Ủy viên Ban Chấp hành
- 23- Chảo Đào Lây, Ủy viên Ban Chấp hành
- 24- Lù Quang Sèn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 25- Nguyễn huy Thuấn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 26- Bùi Huy Kha, Ủy viên Ban Chấp hành
- 27- Phạm Hàm, Ủy viên Ban Chấp hành
- 28- Lưu Thế Thịnh, Ủy viên dự khuyết
- 29- Lý Văn Chương, Ủy viên dự khuyết

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 996-QN/TU, ngày 10-11-1982

Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn

Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn khóa XII ngày 8-10-1982 và Biên bản bầu cử Ban Thường vụ Huyện ủy ngày 8-10-1982;

Căn cứ Điều 16 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn khóa XII gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Dương Xuân Cương, Bí thư Huyện ủy
- 2- Hoàng Đình Tom, Phó Bí thư Thường trực Đảng
- 3- Tạ Duy Hiên, Phó Bí thư kinh tế
- 4- Lê Lưu Lộc, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Phạm Quyển, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Hà Ngọc Đông, Ủy viên Ban Thường vụ
- 7- Hoàng Ngọc Kim, Ủy viên Ban Thường vụ
- 8- Hoàn Đình Ngam, Ủy viên Ban Thường vụ
- 9- Nguyễn Kim Quy, Ủy viên Ban Thường vụ
- 10- Nguyễn Ngọc Khương, Huyện ủy viên chính thức
- 11- Dương Như Quýnh, Huyện ủy viên chính thức

- 12- Hoàng Tuấn Khanh, Huyện ủy viên chính thức
- 13- Hoàng Minh Thiết, Huyện ủy viên chính thức
- 14- Nguyễn Văn Kiều, Huyện ủy viên chính thức
- 15- Hà Đức Miêu, Huyện ủy viên chính thức
- 16- Giàng A Sè, Huyện ủy viên chính thức
- 17- Giàng A Vàng, Huyện ủy viên chính thức
- 18- Hà Văn Viên, Huyện ủy viên chính thức
- 19- Bàn Tiến Huyện, Huyện ủy viên chính thức
- 20- Lý A Chài, Huyện ủy viên chính thức
- 21- Phạm Đức Thuận, Huyện ủy viên chính thức
- 22- Phạm Thanh Mậu, Huyện ủy viên chính thức
- 23- Lương Xuân Tùng, Huyện ủy viên chính thức
- 24- Hà Xuân Kiến, Huyện ủy viên chính thức
- 25- Triệu Thị Đông, Huyện ủy viên chính thức
- 26- Ma Đức Tôn, Huyện ủy viên chính thức
- 27- Nguyễn Công Toàn, Huyện ủy viên chính thức
- 28- Lương Xuân Liên, Huyện ủy viên dự khuyết
- 29- Hoàng Đình Xuân, Huyện ủy viên dự khuyết.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 997-QN/TU, ngày 10-11-1982

Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng

Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng khóa XIX ngày 25-9-1982 và Biên bản bầu cử Ban Thường vụ Huyện ủy ngày 25-9-1982;

Căn cứ Điều 16 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng khóa XIX gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Nguyễn Đức Xuân, Bí thư Huyện ủy
- 2- Phạm Văn Tú, Phó Bí thư Thường trực Đảng
- 3- Lương Văn Mậu, Phó Bí thư kinh tế
- 4- Hà Văn Nền, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Lương Tiến Nùng, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Hoàng Văn Hào, Ủy viên Ban Thường vụ
- 7- Nguyễn Bá Lại, Ủy viên Ban Thường vụ
- 8- Mai Văn Điện, Ủy viên Ban Thường vụ
- 9- Ngô Viết Lợi, Ủy viên Ban Thường vụ
- 10- Nguyễn Văn Khiêm, Ủy viên Ban Thường vụ
- 11- Trịnh Văn Lang, Huyện ủy viên chính thức
- 12- Nguyễn Hữu Quế, Huyện ủy viên chính thức

- 13- Hoàng Xuân Đình, Huyện ủy viên chính thức
- 14- Mai Thị Bích, Huyện ủy viên chính thức
- 15- Hà Duy Chất, Huyện ủy viên chính thức
- 16- Nguyễn Tuấn Quyết, Huyện ủy viên chính thức
- 17- Nguyễn Thị Tền, Huyện ủy viên chính thức
- 18- Trịnh Văn Thanh, Huyện ủy viên chính thức
- 19- Nguyễn Đức Cách, Huyện ủy viên chính thức
- 20- Vũ Văn Nhi, Huyện ủy viên chính thức
- 21- Phạm Viết Nam, Huyện ủy viên chính thức
- 22- Phạm Khắc Khang, Huyện ủy viên chính thức
- 23- Trần Văn Hò, Huyện ủy viên chính thức
- 24- Nguyễn Ngọc Thanh, Huyện ủy viên chính thức
- 25- Nguyễn Văn Vày, Huyện ủy viên chính thức
- 26- Đào Trọng Tiến, Huyện ủy viên chính thức
- 27- Phạm Văn Cháp, Huyện ủy viên chính thức
- 28- Nguyễn Văn Sơn, Huyện ủy viên chính thức
- 29- Trần Hải Tuyền, Huyện ủy viên chính thức
- 30- Vàng Văn Dền, Huyện ủy viên chính thức
- 31- Bàn Tiến Phương, Huyện ủy viên chính thức
- 32- Đặng Văn Sinh, Huyện ủy viên chính thức
- 33- Đỗ Trọng Thuần, Huyện ủy viên dự khuyết
- 34- Vi Văn Kiếu, Huyện ủy viên dự khuyết.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 998-QN/TU, ngày 10-11-1982

Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai

Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai khóa II ngày 30-9-1982 và Biên bản bầu cử Ban Thường vụ Huyện ủy ngày 1-10-1982;

Căn cứ Điều 16 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai khóa II gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Trần Văn Nhữ, Bí thư Thị ủy
- 2- Nguyễn Văn Tích, Phó Bí thư Thường trực Đảng
- 3- Nguyễn Nghĩa Vụ, Phó Bí thư kinh tế
- 4- Hà Văn Hiền, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Bùi Anh Xuân, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Quảng Trung Cầm, Ủy viên Ban Thường vụ
- 7- Bùi Văn Khương, Ủy viên Ban Thường vụ
- 8- Hoàng Hải Nhi, Ủy viên Ban Thường vụ
- 9- Đỗ Văn Tích, Ủy viên Ban Thường vụ
- 10- Trần Quý Tỵ, Ủy viên Ban Thường vụ
- 11- Đặng Thế Tường, Ủy viên Ban Thường vụ

- 12- Trương Văn Ký, Thị ủy viên chính thức
- 13- Nguyễn Văn Yên, Thị ủy viên chính thức
- 14- Đỗ Trọng Chính, Thị ủy viên chính thức
- 15- Trần Thị Sen, Thị ủy viên chính thức
- 16- Bùi Hữu Dị, Thị ủy viên chính thức
- 17- Phạm Văn Đường, Thị ủy viên chính thức
- 18- Nguyễn Ngọc Hiếu, Thị ủy viên chính thức
- 19- Vũ Văn Thi, Thị ủy viên chính thức
- 20- Nguyễn Văn Hựu, Thị ủy viên chính thức
- 21- Nguyễn Như Vân, Thị ủy viên chính thức
- 22- Lương Ngọc Sìn, Thị ủy viên chính thức
- 23- Đặng Tuấn, Thị ủy viên chính thức
- 24- Liễu Viết Xuân, Thị ủy viên chính thức
- 25- Đặng Thị Hợi, Thị ủy viên chính thức
- 26- Mai Xuân Đạm, Thị ủy viên chính thức
- 27- Hà Cao Phẩm, Thị ủy viên chính thức
- 28- Trần Văn Bổng, Thị ủy viên chính thức
- 29- Trần Kỳ, Thị ủy viên chính thức
- 30- Vũ Tràng Tãi, Thị ủy viên chính thức
- 31- Hoàng Săm, Thị ủy viên chính thức
- 32- Bùi Công Quảng, Thị ủy viên chính thức
- 33- Nguyễn Thiện Thuật, Thị ủy viên chính thức.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 999-QN/TU, ngày 10-11-1982

Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Hà

Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Hà ngày 30-9-1982 và Biên bản bầu cử Ban Thường vụ Huyện ủy ngày 1-10-1982;
Căn cứ Điều 16 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Hà khóa II gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Tráng A Pao, Bí thư Huyện ủy
- 2- Trần Văn Luân, Phó Bí thư Thường trực Đảng
- 3- Lê Tô, Phó Bí thư kinh tế
- 4- Giàng Seo Sầu, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Mai Văn Chín, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Giàng Seo Phử, Ủy viên Ban Thường vụ
- 7- Bùi Quốc Cân, Ủy viên Ban Thường vụ
- 8- Phạm Cao Thế, Ủy viên Ban Thường vụ
- 9- Hà Đức Long, Ủy viên Ban Thường vụ
- 10- Ma Văn Tình, Ủy viên Ban Thường vụ
- 11- Phạm Trọng Kỳ, Ủy viên Ban Thường vụ
- 12- Phạm Văn Vành, Ủy viên Ban Chấp hành
- 13- Nguyễn Văn Phòng, Ủy viên Ban Chấp hành

- 14- Lý Seo Sùng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 15- Giàng Thị Mỹ, Ủy viên Ban Chấp hành
- 16- Lý Thị Phìn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 17- Sùng Chấn Phù, Ủy viên Ban Chấp hành
- 18- Bùi Quang Ủy, Ủy viên Ban Chấp hành
- 19- Đặng Văn Chạy, Ủy viên Ban Chấp hành
- 20- Trần Nguyên, Ủy viên Ban Chấp hành
- 21- Đặng Văn Lắm, Ủy viên Ban Chấp hành
- 22- Trần Chí Thi, Ủy viên Ban Chấp hành
- 23- Lý Seo Páo, Ủy viên Ban Chấp hành
- 24- Lê Mạnh Cung, Ủy viên Ban Chấp hành
- 25- Hoàng Seo Cấu, Ủy viên Ban Chấp hành
- 26- Đặng Đình Cương, Ủy viên Ban Chấp hành
- 27- Sùng A Nhà, Ủy viên Ban Chấp hành
- 28- Lâm Văn Sường, Ủy viên Ban Chấp hành
- 29- Giàng Seo Xi, Ủy viên Ban Chấp hành
- 30- Lù Xuân Quang, Ủy viên Ban Chấp hành
- 31- Nguyễn Danh Trừ, Ủy viên Ban Chấp hành
- 32- Cu Seo Chính, Ủy viên Ban Chấp hành
- 33- Lâm Văn Bảg, Ủy viên Ban Chấp hành
- 34- Vàng Văn Bẫy, Ủy viên dự khuyết
- 35- Nguyễn Xuân Quý, Ủy viên dự khuyết.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Hà và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 1000-QN/TU, ngày 10-11-1982

Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương

Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương khóa XV ngày 2-10-1982 và Biên bản bầu cử Ban Thường vụ Huyện ủy ngày 4-10-1982;

Căn cứ Điều 16 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương khóa XV gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Phạm Giảng, Bí thư Huyện ủy
- 2- Trần Ngọc Tín, Phó Bí thư Thường trực Đảng
- 3- Hoàng Sín Hoà, Phó Bí thư kinh tế
- 4- Nguyễn Đình Xanh, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Nguyễn Văn Ún, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Lý Thái Chương, Ủy viên Ban Thường vụ
- 7- Phạm Ngọc Sửu, Ủy viên Ban Thường vụ
- 8- Cư Chấn Hoà, Ủy viên Ban Thường vụ
- 9- Phan Chấn Dũng, Ủy viên Ban Thường vụ
- 10- Lý Seo Chúng, Ủy viên chấp hành chính thức

- 11- Vàng Cồ Chấn, Ủy viên chấp hành chính thức
- 12- Nguyễn Văn Đạt, Ủy viên chấp hành chính thức
- 13- Trần Đình Dũng, Ủy viên chấp hành chính thức
- 14- Si Thị Quý, Ủy viên chấp hành chính thức
- 15- Quách Xuân Tá, Ủy viên chấp hành chính thức
- 16- Ma Seo Sênh, Ủy viên chấp hành chính thức
- 17- Nguyễn Hữu Đa, Ủy viên chấp hành chính thức
- 18- Thèn Chấn Mìn, Ủy viên chấp hành chính thức
- 19- Si Văn Dền, Ủy viên chấp hành chính thức
- 20- Sùng Pao Sấn, Ủy viên chấp hành chính thức
- 21- Nguyễn Danh Hoan, Ủy viên chấp hành chính thức
- 22- Vương Ngọc Cồ, Ủy viên chấp hành chính thức
- 23- Nguyễn Đình Vững, Ủy viên Ban Chấp hành chính thức
- 24- Tráng Seo Vư, Ủy viên Ban Chấp hành chính thức
- 25- Vàng Thanh Phừ, Ủy viên Ban Chấp hành chính thức
- 26- Phạm Văn Hãn, Ủy viên Ban Chấp hành chính thức
- 27- Đặng Quang Tuyên, Ủy viên Ban Chấp hành chính thức
- 28- Nùng Chấn Phìn, Ủy viên dự khuyết
- 29- Lùng Sử Sáng, Ủy viên dự khuyết.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

KẾ HOẠCH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 10-KH/TU, ngày 10-11-1982

Kiểm tra chất lượng công tác phát thẻ đảng viên

Theo báo cáo của các huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc thì các cơ sở đảng trong toàn tỉnh đã tổng kết xong công tác phát thẻ đảng viên. Nhìn chung qua tổng kết từng cơ sở đều đánh giá được ưu điểm, khuyết điểm sau phát thẻ, phân loại được đảng viên và đề ra các biện pháp để tiếp tục nâng cao chất lượng đảng viên, xây dựng Đảng bộ vững mạnh, trong sạch.

Tuy nhiên, cũng còn không ít nơi do việc chỉ đạo tổng kết thiếu chặt chẽ, xít sao; việc phê bình, tự phê bình của đảng viên thiếu nghiêm túc dẫn đến làm lướt không đạt yêu cầu của Trung ương và tỉnh đề ra. Thậm chí có nơi không tổng kết theo tinh thần Thông tri số 09 của Ban Bí thư. Do vậy sau tổng kết nhiều cơ sở còn yếu kém, nội bộ mất đoàn kết, kém hiệu lực chiến đấu. Việc phân loại nhiều trường hợp thiếu chính xác; bộ phận đảng viên thật sự không đủ tư cách chưa kiên quyết đưa ra khỏi Đảng. Còn một số đảng viên có nhiều dị nghị của quần chúng về phẩm chất nhưng không thăm tra làm rõ mà thường để gác lại hoặc bỏ qua không xem xét mà vẫn xếp loại đủ tư cách đảng viên.

Từ tình hình trên và thi hành chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương về kiểm tra việc tổng kết công tác phát thẻ đảng viên của tổ chức cơ sở, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định tiến hành kiểm tra, đánh giá

chất lượng công tác phát thể và tổng kết công tác phát thể đảng viên ở tất cả các cơ sở trong toàn tỉnh, trước khi tỉnh tổng kết công tác này.

Để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung, Tỉnh ủy sẽ chỉ đạo kiểm tra trước một số cơ sở.

Việc kiểm tra đánh giá chất lượng công tác phát thể đảng viên phải bảo đảm theo các yêu cầu, nội dung kế hoạch sau đây:

I. VỀ YÊU CẦU KIỂM TRA

1. Tiếp tục nâng cao hơn nữa ý thức Đảng, tinh thần phấn đấu cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật của đảng viên và đoàn kết nội bộ trong Đảng. Tiếp tục thúc đẩy một bước cao hơn thực hiện cuộc vận động xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

2. Đánh giá đúng thực chất đội ngũ đảng viên sau khi đã phát thể để có chính sách, biện pháp giáo dục, xử lý đúng đắn trong công tác đảng viên nhằm sàng lọc cho đội ngũ đảng viên thật trong sạch, đảng viên thật sự đủ tư cách.

Phát hiện những sai sót, lệch lạc trong việc xem xét, đánh giá phân loại tư cách đảng viên để tỉnh và cấp ủy cấp trên cơ sở rút kinh nghiệm, uốn nắn, bổ khuyết.

3. Đánh giá đúng chất lượng hoạt động của cơ sở đảng. Thấy rõ những mặt mạnh, mặt yếu kém tồn tại để có biện pháp tiếp tục nâng lên.

Để thực hiện các yêu cầu trên, ở tỉnh, Ban Thường vụ sẽ trực tiếp chỉ đạo kiểm tra trước một số cơ sở để rút kinh nghiệm. Các ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy có trách nhiệm cùng phối hợp giúp cấp ủy chỉ đạo việc kiểm tra này.

Ở các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc Ban Thường vụ cũng phải chỉ đạo riêng vài ba cơ sở để có kinh nghiệm chỉ đạo chung.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Kiểm tra sự hoạt động của tổ chức đảng trên các mặt chủ yếu là: nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng; giáo dục, rèn luyện đảng

viên; lãnh đạo chính trị tư tưởng; lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị (sản xuất, chiến đấu, tổ chức đời sống quần chúng...); chống tiêu cực xã hội...

Trên cơ sở đó, đánh giá ưu, khuyết điểm việc phân loại tổ chức đảng.

2. Kiểm tra đánh giá đội ngũ đảng viên

- Xem xét chất lượng phân loại đảng viên để phát thể.

- Đánh giá chất lượng đảng viên từ khi nhận thẻ đến nay có ưu, khuyết điểm và tiến bộ gì.

- Tìm hiểu xem xét việc phân xếp loại đối với từng đảng viên một để có kết luận chất lượng phân loại đảng viên của cơ sở. (phân theo tinh thần Thông tri 09 của Ban Bí thư Trung ương; nội dung xem xét, tư cách đảng viên có hướng dẫn kèm theo kế hoạch này).

Từ ba nội dung trên đánh giá chất lượng đội ngũ đảng viên hiện nay.

3. Trên cơ sở kiểm tra đánh giá việc phân loại đảng viên, thấy rõ mặt mạnh, mặt yếu đề ra chủ trương, biện pháp để tiếp tục nâng cao chất lượng đảng viên và tổ chức cơ sở. Tiếp tục xem xét, sàng lọc đội ngũ đảng viên, có biện pháp kiên quyết đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Cần chú ý xem xét kết luận những đảng viên có chức, có quyền, đảng viên trực tiếp quản lý vật tư, hàng hóa có sai phạm hoặc quần chúng tố giác là phạm khuyết điểm.

Đối với một số đảng viên đã đưa ra khỏi Đảng, nếu thấy cần thiết cũng nên xem xét kiểm tra lại.

III. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH

1. Ở tỉnh và huyện, thị

- Thành lập Ban chỉ đạo kiểm tra chất lượng phát thể đảng viên và tổng kết công tác phát thể đảng viên.

- Trưng tập cán bộ đi làm.

- Chuẩn bị nội dung và tổ chức huấn luyện nghiệp vụ cho cán bộ đi làm. Đối với huyện, thị xã sẽ bồi dưỡng cho cả cán bộ chủ chốt cơ sở (bí thư, thường trực Đảng).

- Chọn điểm, chỉ đạo kiểm tra (nên có cơ sở mạnh, khá, yếu kém, đại diện cho các lĩnh vực hoạt động của địa phương như: cơ sở xã, xí nghiệp, lưu thông phân phối, vùng cao, vùng thấp).

2. Ở cơ sở

Quá trình tiến hành sẽ chia làm 3 bước.

Bước 1: Làm quán triệt yêu cầu, nội dung của việc kiểm tra chất lượng phát thẻ đảng viên và tổng kết công tác phát thẻ.

- Tổ chức cho đảng viên và quần chúng nghiên cứu nắm lại một cách chắc chắn, đầy đủ nội dung tiêu chuẩn phân loại đảng viên.

- Nắm tình hình cơ sở về:

+ Kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị.

+ Thực trạng phân loại cơ sở và đảng viên.

+ Tự đánh giá, nhận xét mạnh, yếu của cơ sở.

Bước 2:

- Tiến hành kiểm tra:

+ Nghe đảng viên báo cáo và ý kiến quần chúng phản ánh, góp ý.

+ Gặp cá nhân đảng viên.

- Tổng hợp ý kiến tham gia phê bình đảng viên của đảng viên và quần chúng.

- Lập danh sách đảng viên và dự kiến phân loại sau khi đã xem xét, kết luận.

- Họp Đảng bộ để:

+ Phân tích ưu, khuyết điểm của đảng viên, tổ chức cơ sở.

+ Xác định tư cách đảng viên bằng phiếu kín.

+ Tự xếp loại đảng bộ.

+ Đánh giá kết quả kiểm tra trên các nội dung chủ yếu.

- Tình hình mạnh, yếu của cơ sở từ sau khi phát thẻ đảng đến nay.

- Việc phân loại đảng viên trước đây của cơ sở đúng sai thế nào.

- Kết luận tư cách đảng viên. Kết luận rõ số đảng viên không đủ tư cách, phải đưa ngay ra khỏi Đảng; số đảng viên tiếp tục xem xét để kết luận tư cách đảng viên.

Bước 3:

- Tổng hợp, tu chỉnh báo cáo.
- Kiến nghị với huyện, tỉnh về công tác đảng viên và củng cố cơ sở.

3. Điểm kiểm tra của tỉnh

a) Điểm kiểm tra: Để có kinh nghiệm chỉ đạo tốt đợt kiểm tra chất lượng phát thẻ đảng viên và tổng kết công tác phát thẻ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định lấy 5 tổ chức cơ sở đảng sau đây làm điểm kiểm tra trước:

- 1- Đảng bộ xã Đại Đồng, huyện Yên Bình;
- 2- Đảng bộ xã Tân Hương, huyện Yên Bình;
- 3- Đảng bộ Lâm trường huyện Yên Bình;
- 4- Đảng bộ Công ty Thương nghiệp huyện Yên Bình;
- 5- Đảng bộ Xí nghiệp Đường - rượu thị xã Yên Bái.

b) Về cán bộ đi kiểm tra: Mỗi điểm kiểm tra gồm 1 tổ cán bộ có từ 3 đến 4 đồng chí (trưng tập cán bộ ở các cơ quan Khối Đảng và Khối Dân).

Điểm kiểm tra thuộc huyện, thị nào thì huyện, thị đó cùng cử cán bộ tham gia đi kiểm tra.

c) Thời gian kiểm tra:

Làm trong khoảng từ 10 đến 15, trong tháng 11- 1982.

d) Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với Ban Kiểm tra, Tuyên giáo để trưng tập cán bộ đi làm.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy chịu trách nhiệm chính (các ban khác tham gia) giúp Tỉnh ủy theo dõi, tổng hợp chung và báo cáo kết quả kiểm tra 5 điểm trên với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BIÊN BẢN HỘI NGHỊ BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Ngày 13-11-1982

1. Có mặt các đồng chí: Đức Minh, Trần Lục, Lê Khay, Phạm Kham, Tráng A Pao, Lê Đình Tịch, Đỗ Khắc Cường, Bùi Hữu Bình, Việt Tiến, Việt Hồng, Hà Thiết Hùng.

- Cán bộ Ban Tổ chức Trung ương có: Đồng chí Tô Thế Bằng, Vụ trưởng, đồng chí Đài, chuyên viên.

2. Đồng chí Hà Thiết Hùng, Bí thư Tỉnh ủy tuyên bố chương trình cuộc họp:

a) Phổ biến một số nghị quyết về cán bộ của Ban Bí thư.

b) Nghe tiểu ban nhân sự báo cáo về dự kiến nhân sự Tỉnh ủy khóa III.

c) Bàn về một số việc điều động, bố trí cán bộ.

Hội nghị nhất trí chương trình do đồng chí Hà Thiết Hùng đưa ra, và cử đồng chí Hùng chủ trì hội nghị, đồng chí Cường ghi biên bản.

3. Đồng chí Tô Thế Bằng: Báo cáo và truyền đạt một số ý kiến của Ban Tổ chức Trung ương và Nghị quyết của Ban Bí thư.

- Để đồng chí Dương Việt Tiến nghỉ hưu.

- Điều động đồng chí Việt Hồng về Ban Nông nghiệp Trung ương.

- Theo nguyện vọng của một số đồng chí tuổi đã cao đã có đơn xin hưu (đồng chí Đức Minh, đồng chí Páo...), Ban Tổ chức Trung ương nhất trí với tỉnh để các đồng chí hưu theo chế độ chính sách.

4. Đồng chí Lê Khay thay mặt tiểu ban nhân sự báo cáo dự kiến nhân sự Ban Chấp hành Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn khóa III.

Số rút ra do đi học dài hạn: Đồng chí Tung, Mường Khương, đồng chí Quốc, Lục Yên.

Số đến tuổi nghỉ hưu đồng chí Việt Tiến, Giàng A Páo, Vi Thị Hoá, Trần Đức Minh.

Số đồng chí Trung ương điều: Đồng chí Việt Hồng.

Số đồng chí không tham gia cấp ủy do tuổi cao, hoặc không có cơ cấu và đơn vị đã có người tham gia cấp ủy, nhưng vẫn tham gia công tác: đồng chí Lê Như Sủ, Dương Xuân Cương, Lương Quyết Định, Lê Khay, Mông Văn Thín, Giàng Sái Sinh, Lê Văn Cung, Đỗ Viết Sính, Nguyễn Đình Túc, Vũ Gia Khoa.

Số còn lại tham gia cấp ủy: Hà Thiết Hùng, Đỗ Khắc Cương, Hoàng Kim Phấn, Trần Lục, Phạm Kham, Bùi Hữu Bình, Bàn A Hàn, Kiều Việt Nguyên, Lê Đình Tịch, Ngô Đình Kính, Hà Đình Khiêm, Trần Hào, Lê Huy Hợp, Hà Hữu Hổ, Lý Trung Thuộc, Bùi Mạnh Hùng, Xuân Tư, Nguyễn Chí Đăng, Nguyễn Đình Dương, Đỗ Tuế, Hán Văn Đô, Nguyễn Văn Kỷ, Nông Thị Kim Hồng, Vũ Văn Sửu, Nguyễn Ngọc Xá, Nguyễn Đức Xuyên, Tráng A Pao.

Số mới Ban nhân sự giới thiệu:

1- Đồng chí Hùng Tân (Văn Quân), Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh.

2- Lý Sào Chúng (Mông), Mường Khương.

- Thảo A Cháng, Sa Pa (dự bị).

3- Mai Hồng, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy.

4- Phan Thị Hoa, Phụ nữ tỉnh.

5- Trần Quyết, Lâm nghiệp.

6- Phạm Xuân Trường, Lâm nghiệp.

7- Nguyễn Tấn Duyệt, Công nghiệp.

8- Lê Văn Kinh; Chu Ngọc Thoan, Xây dựng.

9- Nguyễn Thắng, Bát Xát.

10- Nguyễn Văn Tích, Lào Cai.

11- Phạm Văn Giảng, Mường Khương.

12- Mai Ngọc Giao, Than Uyên.

13- Đinh Huệ, Văn Yên.

- 14- Tiêu Đức Hội, Yên Bình.
- 15- Nguyễn Đức Thịnh, Văn Chấn.
- 16- Sùng A Chơ, Mù Cang Chải.
- 17- Hoàng Đình Tom, Văn Bàn.
- 18- Lê Như Lộc, Văn Bàn.
- 19- Nông Đức Hành, Lục Yên.
- 20- Nguyễn Viết Hội, Thị xã Yên Bái.
- 21- Nguyễn Kế, Mỏ apatít.

5. Ý kiến tham gia của các đồng chí Thường vụ:

- Đồng chí Cương: Nhất trí số rút ra, nghỉ hưu, số mới nói chung nhất trí: so sánh đồng chí Chúng và đồng chí Cháng đề nghị đồng chí Chúng; giữa đồng chí Kinh, đồng chí Thoan đề nghị để đồng chí Kinh vì đồng chí Kinh là kiến trúc sư, người địa phương đã được đề bạt lâu, ở Ty Lâm nghiệp, so sánh đồng chí Quyết có nhiều mặt trội hơn đồng chí Trường, đồng chí Quyết trở thành phần công nhân, đồng chí Trường có nhiều vấn đề Đảng phải xem xét. Ở thị xã Lào Cai nên để đồng chí Nhữ Bí thư tham gia Tỉnh ủy, điều động đồng chí Tích về Trưởng Tổ chức chính quyền thì không đảo lộn, hơn nữa đồng chí Nhữ tham gia cấp ủy tăng thêm cơ cấu công nhân. Chỗ phụ nữ chị Hoa có phân lịch sử cần nghiên cứu thêm, huyện Văn Bàn giữa đồng chí Tom và đồng chí Lộc thì đồng chí Tom tín nhiệm cao hơn.

- Đồng chí Bình, nhất trí với ý kiến đồng chí Cương phân tích và phân tích thêm những nhược điểm đồng chí Thoan, phân tích thêm vấn đề lịch sử đồng chí Tom và đề nghị đưa đồng chí Tom vào cấp ủy.

Về phần cá nhân: Đồng chí Bình đề nghị xin rút khỏi Ban Chấp hành khóa tới và nghỉ hưu.

- Đồng chí Tráng A Pao: Nhất trí với phương án đồng chí Khay trình bày, riêng số mới ở lâm nghiệp giữa đồng chí Quyết và đồng chí Trường đề nghị đưa đồng chí Quyết có nhiều mặt hơn, ở xây dựng giữa đồng chí Kinh và đồng chí Thoan, đồng chí Kinh có nhiều mặt tốt hơn đề bạt Phó Ty lâu biết quản lý... giữa đồng chí Chúng và đồng chí Cháng nên để đồng chí Chúng, Mường Khương; đồng chí Chúng sôi

nổi, thông minh, tuy đời ông đồng chí Chúng theo phỉ vác súng đúng 11 năm, đời bố con theo phỉ nhưng không có tội ác, không vào loại sui tra. Ở thị xã Lào Cai để đồng chí Nhữ vào Tỉnh ủy, đưa đồng chí Tích về Ban Tổ chức chính quyền lâu dài hơn.

- Đồng chí Lục: Ở Văn Bàn nên để đồng chí Tom tham gia nhưng phải xem xét vấn đề lịch sử thêm.

- Chỗ Phụ nữ tỉnh đề cử đồng chí Hoa, tuy lịch sử có một số vấn đề nhưng đã rõ.

- Ở công đoàn cũng nên xem xét chị Nông Thị Hồng vì năng lực hạn chế, nguyện vọng 2-3 năm nữa cũng xin nghỉ hưu.

- Đồng chí Đức Minh: Nhất trí như phương án. Riêng Văn Yên so sánh đồng chí Xuân Tư với đồng chí Huệ nên để đồng chí Xuân Tư vì đồng chí Huệ yếu sức khỏe hơn đồng chí Xuân Tư.

- Đồng chí Việt Tiến: Công tác tổ chức nên dứt khoát, ai trên 50 tuổi nên nghiên cứu kỹ cho nghỉ, không tham gia, để ai điều ai nên dứt khoát.

- Đồng chí Hà Thiết Hùng kết luận hội nghị nhất trí.

- Chỗ đồng chí Việt Tiến, Việt Hồng thực hiện theo nghị quyết của Trung ương, các đồng chí đều phấn khởi, quá trình có khó khăn, thường trực nghiên cứu giúp đỡ chính sách.

- Theo đề nghị của đồng chí Bình, Thường vụ sẽ nghiên cứu có thể không tham gia Ban Chấp hành Tỉnh ủy nhưng sẽ bố trí công tác, hoặc để đồng chí nghỉ.

- Số đồng chí đưa vào cấp ủy kỳ này, nói chung cần xác minh lại lý lịch (kể cả số cũ nếu chưa xác minh) kết luận và xác minh những dư luận, đơn khiếu tố về những hiện tượng tiêu cực.

- Qua ý kiến các đồng chí phát biểu và thống nhất: Ở lâm nghiệp đưa đồng chí Trần Quyết vào danh sách giới thiệu vào cấp ủy, ở xây dựng đưa đồng chí Kinh vào danh sách giới thiệu cấp ủy, ở Văn Bàn đưa đồng chí Tom làm Bí thư và vào danh sách cấp ủy tỉnh; ở thị Lào Cai hội nghị nhất trí để đồng chí Nhữ làm Bí thư tham gia Tỉnh ủy, và điều động đồng chí Tích, Phó Bí thư về làm Trưởng ban Tổ chức chính

quyền, ở Văn Yên nên để đồng chí Xuân Tư làm Bí thư tham gia Tỉnh ủy vì sức khỏe đồng chí Xuân Tư khá hơn đồng chí Huệ; ở Phụ nữ tỉnh đồng chí Hoá nghỉ hưu nhất trí giới thiệu đồng chí Hoa, ở Công đoàn tỉnh để chị Hồng tham gia khóa nữa, đồng chí Chúng tham gia Tỉnh ủy, đồng chí Cháng về Phó chánh án Tòa án nhân dân tỉnh chuẩn bị thay đồng chí Phạm Toàn.

6. Phân công và điều động một số cán bộ theo yêu cầu mới

- Đồng chí Đỗ Khắc Cường về Thường trực Tỉnh ủy thay đồng chí Việt Hồng đi nhận công tác khác.

- Cử đồng chí Cường làm Trưởng ban Nội dung Đại hội III và bổ sung vào Ban nhân sự.

- Đồng chí Kiều Việt Nguyên, Giám đốc Sở Thủy lợi về Văn phòng Tỉnh ủy, tham gia Ban Nội dung vẫn là Thường trực Ban Nội dung.

- Đồng chí Lê Huy Hợp về Trưởng ban Tuyên huấn thay đồng chí Đức Minh nghỉ hưu.

- Cử đồng chí Bàn A Hàn, Phó ban Dân vận về Thường trực Ban Dân vận và dân tộc để đồng chí Páo nghỉ hưu.

- Ngoài trách nhiệm Phó Chủ tịch, phân công đồng chí Tịch kiêm Trưởng ban Dân vận - dân tộc.

- Đồng chí Hà Hữu Hổ về Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia bộ phận Thường trực Ủy ban và phụ trách Khối Công nghiệp cùng với đồng chí Tịch.

- Cử đồng chí Duyệt, Quyền Giám đốc Sở Công nghiệp thay đồng chí Kính đi học Liên Xô.

- Cử đồng chí Kinh, Quyền Giám đốc Sở xây dựng thay đồng chí Hổ về Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cử đồng chí Châu, Quyền Giám đốc Sở Thủy lợi thay đồng chí Nguyên về Văn phòng Tỉnh ủy.

- Cử đồng chí Thăng, Quyền Bí thư Bát Xát thay đồng chí Hợp.

- Điều động đồng chí Túc về tỉnh, cử đồng chí Hội Quyền Bí thư, xem xét giữa đồng chí Đức hoặc Hợp làm Chủ tịch Ủy ban thị xã Yên Bái.

7. Kiện toàn Ủy ban nhân dân tỉnh

Hội nghị Thường vụ nhất trí cử bổ sung vào Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đồng chí Đỗ Khắc Cường, Ủy viên Thường vụ, Chủ tịch.
- Đồng chí Hà Hữu Hổ, Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch.
- Đồng chí Lý Sèo Chúng, Phó Chủ tịch.
- Đồng chí Lý Trung Thuộc, Tỉnh ủy, Ủy viên thư ký.

Văn phòng làm văn bản báo cáo với Ban Bí thư đề nghị Ban Bí thư chuẩn y. Mặt khác đồng chí Hà Thiết Hùng sẽ báo cáo với Nhà nước xin ý kiến bầu bổ sung Hội đồng nhân dân hoặc Nhà nước chỉ định đặc cách.

8. Kiện toàn Ban nhân sự

Để tạo điều kiện cho đồng chí Khay sau Đại hội có thể chuyển công tác khác, Thường vụ nhất trí bổ sung đồng chí Khiêm vào tiểu ban nhân sự, đồng chí Đỗ Khắc Cường vào Ban Nhân sự.

Giao cho Thường trực Tỉnh ủy có kế hoạch triển khai Nghị quyết này.

Thư ký

Đỗ Khắc Cường

Chủ tọa

Hà Thiết Hùng

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 49-BC/TU, ngày 14-11-1982

Về kết quả Đại hội các đảng bộ huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc đợt 2

Nhằm nâng cao chất lượng lãnh đạo của các tổ chức đảng, đem lại hiệu quả thiết thực trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, thực hiện nghị quyết của các đảng bộ, Đại hội Đảng bộ các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc đợt 2 được tiến hành sau khi hoàn thành tốt việc triển khai sinh hoạt chính trị, tổng kết phát triển đảng viên, Đại hội các đảng bộ cơ sở.

Quá trình chuẩn bị và tiến hành Đại hội các huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc, cũng chính là quá trình chỉ đạo thực hiện ba việc lớn nêu trên, làm tốt ba việc đó cũng chính là chuẩn bị tốt cho Đại hội các huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc.

Đến nay 30-10-1982 các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc đã tiến hành đạt kết quả Đại hội đợt 2, kết quả đó có quá trình chuẩn bị và tiến hành Đại hội cụ thể như sau:

1. Công tác chuẩn bị

Trên cơ sở quán triệt quán triệt sâu sắc các nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ V, nắm vững tình hình thực tế của địa phương căn cứ vào nhiệm vụ chung của tỉnh, nhiệm vụ cụ thể của từng huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc, tiến hành tự phê bình và phê bình từ đó chuẩn bị

thật tốt về nội dung và nhân sự cho Đại hội huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc, theo một yêu cầu chung của Trung ương và tỉnh đề ra.

a) Chuẩn bị về nội dung:

Được quán triệt các nghị quyết của Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, nắm vững những nhiệm vụ chung, những mục tiêu và những biện pháp thực hiện huyện, thị, Đảng ủy đã tập trung sự chỉ đạo của cấp ủy vào công việc chuẩn bị về nội dung cho Đại hội. Dự thảo báo cáo kiểm điểm, xây dựng nhiệm vụ tới, đề ra những mục tiêu kế hoạch cho cả 5 năm, trước mắt là nhiệm vụ năm 1983. Nhiều huyện, thị có suy nghĩ sâu, đánh giá đúng tình hình, đề ra nhiệm vụ biện pháp sát, khai thác những khả năng, khơi động lại những nghề truyền thống, phát huy thế mạnh của từng huyện.

Nội dung báo cáo, đề án nhiều huyện, thị chuẩn bị được chu đáo, ngắn gọn, có chất lượng như Văn Bàn, Bảo Yên, Văn Chấn, Yên Bình, Bát Xát, Lào Cai, Trấn Yên... đã từ đất đai, tài nguyên lao động và cơ sở vật chất - kỹ thuật sẵn có của huyện, đề ra mục tiêu phấn đấu theo phương hướng kinh tế kết hợp nông, lâm, công nghiệp và thành những pháo đài vững mạnh bảo vệ Tổ quốc, một sự chuyển biến rõ trong chuẩn bị nội dung Đại hội, các huyện, thị, Đảng ủy lần này là đã dựa vào khả năng, đặc điểm từng nơi, phát huy được thế mạnh cây, con ở từng huyện, phát triển sản xuất nông nghiệp, đồng thời phát huy những ngành, nghề tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp truyền thống, có những biện pháp thực hiện phù hợp, dựa vào sức mình là chính, không trông chờ, ỷ lại vào cấp trên. Đồng thời thấy rõ hơn nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng phải đặc biệt quan tâm củng cố xây dựng cả về tổ chức, đảng viên và công tác cán bộ, bảo đảm cho yêu cầu lãnh đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

b) Chuẩn bị nhân sự kiện toàn cấp ủy, ngay sau đại hội các cấp đợt 1, các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc đã chủ động đi vào xem xét, suy nghĩ chuẩn bị nhân sự.

Dựa vào yêu cầu nhiệm vụ, dựa vào quy hoạch cán bộ, các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc đã quán triệt sâu tinh thần Chỉ thị 02 và

Chỉ thị 55 của Ban Bí thư, cân nhắc kỹ từng cấp ủy viên đương chức, xem xét kỹ từng trường hợp cán bộ dự bị đề xuất lên phương án kiện toàn cấp ủy, nhiều nơi đã đề xuất 2- 3 phương án, nhất là bố trí Ban Thường vụ và những cương vị chủ chốt ở huyện, thị.

Những cấp ủy viên cũ và cán bộ dự bị dự kiến bổ sung cấp ủy kỳ này, có vấn đề vướng mắc các huyện, thị đã chủ động xem xét thẩm tra, xác minh kết luận.

Đồng thời chuẩn bị tốt kiểm điểm sự hoạt động, lãnh đạo chỉ đạo của Ban Chấp hành, đánh giá đúng ưu, khuyết điểm về mặt chủ trương, biện pháp tổ chức chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ; tác phong, phẩm chất đạo đức của cấp ủy...

Tất cả nội dung chính trị, nhân sự và báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc đều có kế hoạch đưa xuống các tổ chức cơ sở tham gia, bổ sung, riêng về nhân sự tổ chức tốt việc thăm dò sự tín nhiệm của đảng viên, quần chúng bên dưới, ngay ở huyện, thị, Đảng ủy tổ chức tốt thăm dò trong cán bộ chủ chốt cơ sở, các ngành, ban, thăm dò sự tín nhiệm của Hội đồng nhân dân... bằng cách bỏ phiếu tín nhiệm hoặc tham gia ý kiến trực tiếp.

Thông qua ý kiến tham gia của cơ sở, sự tín nhiệm của cán bộ, đảng viên, quần chúng bên dưới, các huyện, thị, Đảng ủy tiếp thu nghiên cứu, bổ sung kịp thời vào nội dung chính trị. Nghiên cứu xem xét những vấn đề đảng viên quần chúng phát hiện mới trong số được dự kiến và phát hiện thêm những nhân tố mới tham gia cấp ủy khóa này. Cũng qua đó cấp ủy, huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc nắm sâu thêm cán bộ, đồng thời khai thác thêm sự sáng tạo của đảng viên, quần chúng đóng góp vào nhiệm vụ chung của huyện, thị.

Việc xét duyệt của tỉnh về nội dung và nhân sự Đại hội huyện, thị, Đảng ủy ngay từ khi triển khai Chỉ thị 02, 04 của Ban Bí thư Trung ương, sau hội nghị cán bộ của tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã phân công từng đồng chí đi sát chỉ đạo, giúp đỡ từng huyện, thị, đồng thời trưng tập cán bộ, làm phái viên giúp tỉnh theo dõi, chỉ đạo trực tiếp các Ban xây dựng Đảng của tỉnh cũng đã tập trung với chức năng của

mình vào việc thực hiện nhiệm vụ này. Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã cùng Ban Thường vụ huyện, thị, Đảng ủy chuẩn bị kỹ nhân sự, bằng các hình thức làm việc tập thể và gặp gỡ từng đồng chí cân nhắc kỹ càng trong việc dự kiến bố trí, sắp xếp nhất là các đồng chí chủ chốt của từng huyện, thị từ đó giúp cho việc xét duyệt của tỉnh đối với từng huyện được thuận lợi.

Tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã trực tiếp duyệt 9 huyện, thị, còn lại 12 đơn vị, Ban Thường vụ phân ra làm hai bộ phận duyệt.

Nói chung các huyện, thị có sự chuẩn bị chu đáo, chỉ đạo của tỉnh được chặt chẽ nên việc xét duyệt nội dung, nhân sự được nhanh chóng. Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến cụ thể đối với từng nơi, nêu lên những vấn đề lớn đối với từng huyện, thị, hướng chỉ cho huyện, thị suy nghĩ sâu, kỹ trong bước đi lên và các làm ăn kinh tế với điều kiện sẵn có đất đai, tài nguyên, lao động, cơ sở vật chất - kỹ thuật của từng huyện, thị. Bảo đảm vững chắc cho phát triển kinh tế toàn diện kết hợp chặt chẽ nông, lâm, công nghiệp, kết hợp kinh tế với quốc phòng, kết hợp Nhà nước với nhân dân cùng làm, bảo đảm cho xây dựng cấp huyện từng bước vươn lên vững chắc về kinh tế, thành pháo đài vững mạnh bảo vệ Tổ quốc, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược mà Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng đề ra thành hiện thực sinh động ở từng huyện, thị...

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có sự thống nhất cao với các huyện, thị trong việc chọn lựa, bố trí cấp ủy, ngay trong chuẩn bị và xét duyệt của tỉnh đều thể hiện sự chuyển biến nhận thức mới kiện toàn cấp ủy, chú ý trẻ hóa, tăng cường chất lượng, bảo đảm sự kế thừa của cấp ủy các huyện, thị, đổi mới sự phân công bố trí cấp ủy, bảo đảm cho tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức đảng.

2. Cùng với sự chuẩn bị nội dung, nhân sự các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc đã chú ý chỉ đạo phát động mạnh mẽ phong trào thi đua cách mạng trong đảng viên, quần chúng tập trung hoàn thành nhiệm vụ trước mắt, cấy màu, làm nghĩa vụ lương thực, thực phẩm, tuyển quân... đối với các cơ sở xã. Đẩy mạnh sản xuất tiêu thụ sản

phẩm, phục vụ nhu cầu sản xuất, đời sống trong các ngành, các cơ sở sản xuất kinh doanh hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch quý III, lập thành tích chào mừng Đại hội các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc, tạo nên khí thế phấn khởi, tin tưởng, hành động sôi nổi trong Đảng và ngoài quần chúng.

3. Tiến hành Đại hội

Đại hội các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc nói chung đều làm việc từ 4- 5 ngày, với nội dung đã được chuẩn bị chu đáo, thảo luận quyết định báo cáo kiểm điểm đánh giá thành tích. Khuyết điểm tồn tại trong 5 năm qua, chủ yếu là nhiệm kỳ Đại hội vừa qua của Đảng bộ; thảo luận quyết định nhiệm vụ 5 năm 1981-1985. Trước mắt là nhiệm vụ năm 1983; thông qua báo cáo kiểm điểm của tập thể Ban Chấp hành Đảng bộ; thảo luận bổ sung dự thảo báo cáo và đề án nhiệm vụ của tỉnh; dân chủ bầu cử Ban Chấp hành mới của Đảng bộ; một số nơi còn tiến hành bầu cử bổ sung đại biểu đi dự Đại hội tỉnh.

Đến nay có 21/21 huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc đã tiến hành kết quả Đại hội:

Kết quả Đại hội các huyện, thị được thể hiện sự tập trung trí tuệ, trách nhiệm của các đại biểu, dân chủ bàn bạc và quyết định đúng đắn từng vấn đề lớn theo yêu cầu, nội dung của Đại hội. Nhìn chung Đại hội đại biểu các huyện, thị, Đảng ủy đánh giá đúng thành tích về kinh tế, về phát triển sản xuất, bảo đảm đời sống quần chúng, trật tự trị an, sẵn sàng chiến đấu tất cả những mặt hoạt động đó là sự trưởng thành của các đảng bộ, trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn của những năm qua trên nhiều mặt, song đều vượt qua và đạt được thành tích đáng kể, Đại hội các huyện, thị cũng đánh giá cao kết quả của công tác tổ chức xây dựng Đảng, củng cố tổ chức cơ sở thực hiện phong trào phấn đấu theo yêu cầu trong sạch, vững mạnh, nâng cao chất lượng đảng viên, tiến hành có chất lượng công tác phát triển đảng viên; kiện toàn tổ chức, tăng cường công tác cán bộ... Kết quả công tác tổ chức xây dựng Đảng chính là yếu tố quyết định thắng lợi của các nhiệm

vụ chính trị, cũng chính là ý thức chấp hành và thực hiện nghiêm túc những chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh thành nếp suy nghĩ và hành động của cấp ủy, của cán bộ, đảng viên thành hành động cách mạng của quần chúng.

Đại hội các huyện, thị, Đảng ủy cũng đã nghiêm túc chỉ ra những mặt khuyết nhược điểm, những mặt yếu kém của Đảng bộ, thấy rõ những nguyên nhân của khuyết điểm tồn tại nhất là phát triển kinh tế, quản lý kinh tế do nguyên nhân sâu xa của tư tưởng hành chính bao cấp, trông chờ, ỷ lại cấp trên; cơ chế quản lý, điều hành chậm được đổi mới, chưa phát động mạnh mẽ động lực cách mạng, tinh thần tự lực, tự cường trong Đảng bộ và quần chúng nhân dân; công tác xây dựng Đảng chuyển biến chưa đáp ứng kịp với yêu cầu nhiệm vụ, năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng, còn nhiều non kém, chất lượng và vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên chưa được nâng cao đúng với nhiệm vụ và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên.

Về phương hướng nhiệm vụ tới Đại hội các huyện, thị, Đảng ủy đều thảo luận nhất trí và quyết tâm cao, với bất cứ hoàn cảnh, điều kiện nào cũng phấn đấu thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược “Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”. Tăng cường cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu đập tan cuộc chiến tranh nhiều mặt của kẻ thù; khai thác triệt để những tiềm năng của địa phương phát huy mọi khả năng sẵn có, phát triển mạnh mẽ kinh tế - xã hội, với phương hướng kết hợp chặt chẽ nhịp nhàng, toàn diện nền kinh tế cân đối, nông, lâm, công nghiệp trên địa bàn huyện, đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, bảo đảm cân đối về lương thực, từng bước ổn định trên từng huyện, phát triển mạnh và khởi động lại những ngành nghề tiêu thụ, công nghiệp truyền thống của quần chúng, tạo ra nhiều hàng hóa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và tăng nhanh xuất khẩu.

Đại hội huyện, thị đã thảo luận quyết định sát đúng những chỉ tiêu, những biện pháp, thể hiện lên trách nhiệm cao, trước Đảng bộ,

trước nhu cầu của quần chúng, đặc biệt là sự chuyển biến rõ trong Đại hội đảng bộ các huyện, thị là tinh thần vượt trội tự lực, tự cường, đưa vào sức mình, từ đất đai, tài nguyên, lao động, cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có quyết tâm đi lên từng bước vững chắc.

Từ phương hướng nhiệm vụ chính trị, Đại hội các huyện, thị, Đảng ủy đã dân chủ lựa chọn, bầu cử Ban Chấp hành của Đảng bộ, bảo đảm số lượng, tăng cường thêm chất lượng. Về số lượng có 1 số huyện, thị tăng hoặc giảm so với trước nơi thấp là 27 cấp ủy viên, nơi nhiều là 35 cấp ủy viên, chung 17 huyện, thị, Đại hội đã bầu cử 545 huyện, thị ủy viên bằng số lượng cấp ủy khóa trước.

Cơ cấu, chất lượng của cấp ủy phân tích ở 15/27 huyện, thị tuổi đời bình quân 41,2 tuổi, tuổi đời bình quân dưới 40 tuổi, có Yên Bình 39, Mường Khương 39,5 tuổi, bình quân tuổi đời còn khá cao là Bảo Thắng 44,2 tuổi, Lào Cai 43,7 tuổi; dân tộc ít người 44%, trực tiếp sản xuất 32,3% đặc biệt trình độ cấp ủy khóa này được tăng cường hơn so với khóa trước; văn hóa cấp III khóa này có 47,17% cũ là 41,9%, khoa học - kỹ thuật 40,8% khóa cũ là 28,8%, số cấp ủy mới được bổ sung phần lớn là lực lượng trẻ, có trình độ, hầu hết là cán bộ dự bị và đã được thử thách, đào tạo qua thực tế sản xuất, công tác từ cơ sở.

Trong kiện toàn cấp ủy huyện, thị lần này tỉnh đã điều động tăng cường cho huyện 3 đồng chí xuống bổ sung vào cấp ủy. Riêng Thường vụ các huyện, thị ủy được chú ý kiện toàn, nhiều cán bộ trẻ, khỏe, có trình độ năng lực, chất lượng Ban Thường vụ huyện, thị ủy được tăng cường hơn trước. Đồng thời đã rút ra 240 đồng chí huyện, thị ủy viên, trong đó... nghỉ hưu trí,... đồng chí do yêu cầu chuyển công tác,... đồng chí do năng lực hạn chế, 17 đồng chí có sai phạm phẩm chất, đạo đức, không đủ tín nhiệm của đảng viên, quần chúng; Trong số rút ra có 72 đồng chí là thường vụ huyện, thị ủy, trong đó có 3 đồng chí có sai phạm về phẩm chất.

Cơ cấu và số chất lượng, cấp ủy huyện, thị, Đảng ủy lần này được các đại hội huyện, thị, Đảng ủy dân chủ lựa chọn kỹ, Ban Chấp hành mới của Đảng bộ các huyện, thị, Đảng ủy nói chung bảo đảm đúng

tiêu chuẩn của cấp ủy viên như Chỉ thị 55; 02 của Ban Bí thư quy định, tiêu biểu cho sự đoàn kết thống nhất, tập trung trí tuệ của Đảng bộ, bảo đảm cho yêu cầu lãnh đạo, tổ chức thực hiện mọi nhiệm vụ mà đại hội các huyện, thị, Đảng ủy đã quyết định. Đồng thời có sự kế thừa liên tục của cấp ủy huyện, thị những khóa tới.

Thực hiện các nguyên tắc, thủ tục Đại hội từ việc bầu cử đại biểu từ cơ sở đến việc lãnh đạo điều hành Đại hội, làm việc nguyên tắc, thủ tục mà Trung ương đã quy định, thể hiện được tinh thần tập trung, dân chủ, bảo đảm đầy đủ ý nghĩa đặc biệt sinh hoạt chính trị cao nhất của các đảng bộ huyện, thị, Đảng ủy.

Cán bộ, đảng viên là đại biểu Đại hội các huyện, thị, Đảng ủy đều là những cán bộ, đảng viên tiêu biểu của các tổ chức cơ sở về Đại hội đều xác định đúng trách nhiệm đóng góp, xây dựng, góp phần thành công của Đại hội.

Sau đại hội đảng bộ các huyện, thị, Đảng ủy đạt kết quả tốt đẹp, Ban Chấp hành mới của các đảng bộ huyện, thị đã họp lần thứ nhất để nghiên cứu vị trí, trách nhiệm của từng cấp ủy viên và Ban Chấp hành các đảng bộ huyện, thị, Đảng ủy đã dân chủ bầu cử ra bí thư, các phó bí thư và ủy viên Ban Thường vụ. Đồng thời đều đã phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của từng cấp ủy viên; nắm bắt ngay nhiệm vụ lãnh đạo theo chức năng, trách nhiệm được tập thể cấp ủy phân công.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, việc phân công cấp ủy lần này được đổi mới, tăng thêm cấp ủy, nhất là tăng thêm ủy viên thường vụ công tác bên Đảng, nhằm nâng cao trách nhiệm chỉ đạo toàn diện của tổ chức đảng, đồng thời bảo đảm sự cấu tạo của cấp ủy đối với các lĩnh vực công tác, thể hiện được yêu cầu trách nhiệm lãnh đạo của cấp ủy đối với cơ cấu kinh tế trên lãnh thổ, tăng cường lãnh đạo văn hóa, quốc phòng, trị an và công tác lãnh đạo đối với các đoàn thể quần chúng; bảo đảm cho sự lãnh đạo tập thể của cấp ủy, đáp ứng cấp thiết của việc lãnh đạo, xây dựng cấp huyện có cơ cấu kinh tế nông, lâm, công nghiệp, đáp ứng yêu cầu xây dựng cấp huyện thành pháo đài chiến đấu vững mạnh.

Trong một thời gian lại triển khai nhiều việc, các huyện, thị, Đảng ủy đã tập trung sự chỉ đạo cụ thể, lồng, gắn các nhiệm vụ vừa chỉ đạo đẩy mạnh nhiệm vụ chính trị trước mắt vừa tiến hành tốt sinh hoạt chính trị, Đại hội các tổ chức cơ sở đảng, chuẩn bị tốt và tiến hành đạt kết quả Đại hội các huyện, thị, Đảng ủy, thực hiện tốt cả nội dung chính trị và kiện toàn cấp ủy, bảo đảm các yêu cầu, nội dung Đại hội đợt 2 của cấp huyện, thị.

Song còn những thiếu sót khuyết điểm nội dung báo cáo và đề án nhiệm vụ còn tới 6 đơn vị huyện, thị chuẩn bị chưa được sâu sắc, đánh giá chưa thật sát, đúng, nhiệm vụ đề ra chỉ tiêu, khả năng phấn đấu và biện pháp thực hiện chưa phù hợp với thực tế, chưa thiết thực với vị trí, đặc điểm của đơn vị mình; báo cáo đi sâu vào kiểm điểm, chưa nêu rõ ưu, khuyết và nguyên nhân của nó còn dài dòng, thiếu trọng tâm, chưa thực chất.

Về nhân sự, kiện toàn cấp ủy, quá trình chuẩn bị cũng là quá trình đấu tranh chống tư tưởng bảo thủ ở một vài nơi; có nơi chuẩn bị không sâu, nắm cán bộ không chắc, tiến hành bầu cử khác xa với dự kiến ban đầu.

Nhận thức, kiện toàn cấp ủy huyện, thị lần này một số huyện chưa chuyển kịp với yêu cầu mới, còn lúng túng trong việc lựa chọn nhất là tìm cương vị phó bí thư kinh tế, lại thiếu sự chủ động, nên một số nơi còn biểu hiện gượng ép, tuổi đời bình quân của cấp ủy nhiều nơi chưa được giảm, còn số ít trường hợp cấp ủy có vướng mắc, đề nghị chưa được tập trung làm rõ, tín nhiệm thấp.

Về thực hiện các nguyên tắc, thủ tục nói chung chưa thực hiện tốt, không khí Đại hội hồ hởi phấn khởi, song có nơi nắm và vận dụng thực hiện các nguyên tắc thủ tục chưa chắc, dân chủ trong thảo luận quyết định nhiệm vụ và bầu cử cấp ủy một số nơi còn khía cạnh gò ép, thiếu tế nhị trong việc điều hành của chủ tịch đoàn. Ngoài nội dung chính, một số báo cáo tham luận có nơi không được thông qua trước, chất lượng không tốt, mất thời gian, hình thức tổ chức đại hội có nơi rườm rà không thiết thực.

4. Một số vấn đề rút ra qua Đại hội các huyện, thị, Đảng ủy

- Huyện, thị là một cấp kế hoạch cụ thể, không thể vạch ra những nhiệm vụ chung, mà còn phải đề ra những mục tiêu, phấn đấu, những chỉ tiêu hành động, những biện pháp sát đúng bảo đảm cho những chỉ tiêu kế hoạch thành hành động thực tế của các tổ chức cơ sở, của mọi cán bộ, đảng viên và quần chúng; biến Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng vào mọi tổ chức của đảng, vào mọi cán bộ, đảng viên và quần chúng, thể hiện lên nội dung chính trị Đại hội của cấp huyện, thị sát đúng với thực tế.

- Qua Đại hội cấp huyện, thị lần này, nói chung các huyện, thị đã chuẩn bị tốt thể hiện rõ vị trí của một cấp kế hoạch cụ thể, sát đúng với thực tế của từng nơi, song cũng còn một vài nơi chưa đạt yêu cầu nội dung chính trị của Đại hội. Do sự chuẩn bị chưa được chu đáo, thiếu sự điều tra để rút ra những chỉ tiêu nhiệm vụ sát đúng, trong Đại hội còn nhiều ý kiến băn khoăn, chưa thể hiện rõ quyết tâm đưa các chỉ tiêu, nhiệm vụ thành hiện thực.

Việc chuẩn bị cho Đại hội là cả một quá trình công phu, phải tập trung khá nhiều công sức vào chỉ đạo thực hiện những công việc chuẩn bị, nhất là nội dung và nhân sự, phân tiến hành thăm dò, tranh thủ ý kiến bên dưới, bảo đảm cho sự chuẩn bị của cấp ủy huyện, thị thực tế khách quan, phát huy được nhiều trí tuệ trong Đảng bộ, bản thân cấp ủy huyện, thị phải nắm thật vững tình hình, đặc điểm, khả năng, phải nắm thật chắc đội ngũ cán bộ của cấp mình để đề xuất những phương án chính xác. Đòi hỏi trách nhiệm rất cao trong công tác chuẩn bị, vừa qua một vài nơi nhân sự chưa được chuẩn bị chặt chẽ, chu đáo, thực tế kết quả còn chưa đúng với sự chuẩn bị ban đầu.

Sự nhận thức chuyển biến chưa kịp thời với yêu cầu mới, nhằm tăng cường khả năng, tổ chức thực hiện công tác Đảng, công tác quần chúng bảo đảm cho nghị quyết Đại hội của Đảng bộ và chỉ thị, nghị quyết cấp trên triển khai được thuận lợi. Do vậy có sự đổi mới việc phân công, bố trí cấp ủy, nhất là thường vụ cấp ủy, đây là yêu cầu mới,

sau đại hội huyện, thị ở một số nơi, ở một số đồng chí còn có những băn khoăn, ít phấn khởi.

Một số vị trí chủ chốt của cấp ủy mới được kiện toàn ở một số nơi cũng còn có ý băn khoăn, lo lắng với trách nhiệm, khả năng đảm đương nhiệm vụ. Bản thân những đồng chí đó cần phải có sự cố gắng cao với trách nhiệm của mình, nhưng về cơ bản tập thể cấp ủy phải có sự thống nhất, đoàn kết, cùng nhau tạo lên sức mạnh tập thể vững, giúp đỡ những đồng chí mới, hoặc nhiệm vụ mới vươn lên, làm nòng cốt trong phong trào và đội ngũ cán bộ.

Trình độ nhận thức về công tác tổ chức xây dựng Đảng, nắm các nguyên tắc, thủ tục của cán bộ, đảng viên được nâng lên cao hơn trước, bảo đảm yêu cầu tập trung, dân chủ trong Đại hội, sự chỉ đạo của cấp ủy cũng như việc điều hành thực hiện nội dung Đại hội của chủ tịch đoàn Đại hội, phải nhạy bén. nắm vững nguyên tắc và rất tế nhị, bảo đảm được tinh thần tập trung, dân chủ, không khí đại hội phấn khởi, thoải mái, tránh những hiện tượng gây căng thẳng trong Đại hội, chỉ vì tác phong hoặc cách làm việc của chủ tịch đoàn không tế nhị.

5. Một số việc cần tiếp tục sau đại hội

Kết quả Đại hội cũng mới chỉ là kết quả bước đầu, phát huy kết quả do các huyện, thị, Đảng ủy cần làm tốt một số việc:

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng thắng lợi Đại hội các huyện, thị, Đảng ủy làm cho các cơ sở, mọi đảng viên quán triệt đầy đủ nghị quyết Đại hội, phát động mạnh mẽ phong trào thi đua thực hiện nghị quyết của Đại hội. Biến nghị quyết Đại hội các huyện, thị thành hành động cách mạng của đảng viên và quần chúng, trước mắt tập trung phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 1982 còn lại.

- Ban Chấp hành Đảng bộ các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc, tổ chức quán triệt đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm chung của cấp ủy và từng cấp ủy viên, phân công rõ nhiệm vụ cho từng cấp ủy viên, xây dựng cụ thể chế độ sinh hoạt, phương pháp lãnh đạo, lề lối

làm việc, phát huy đầy đủ sức mạnh tập thể, cá nhân phụ trách, dân chủ, đoàn kết trong Ban Chấp hành Đảng bộ.

- Nghiên cứu kỹ để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và sự hoạt động, thực hiện nhiệm vụ về chỉ đạo kinh tế do đồng chí phó bí thư kinh tế phụ trách.

- Tiếp tục giải quyết những vấn đề về công tác cán bộ, đối với những đồng chí cấp ủy cũ rút ra bảo đảm đầy đủ chính sách đối với các đồng chí nghỉ hưu, bố trí phù hợp công tác cho số đồng chí rút ra do năng lực, đồng thời, giải quyết dứt điểm đối với những đồng chí có vấn đề mắc mớ phẩm chất.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGỌC HỒ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH TỈNH ỦY

Số 50-BC/TU, ngày 19-11-1982

Kính gửi: Ban Bí thư Trung ương Đảng

Ban Chấp hành Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn họp từ ngày 16 đến 27-10-1982 để chuẩn bị Đại hội Đảng bộ toàn tỉnh khóa III, và kiểm điểm từng cá nhân các đồng chí Tỉnh ủy cuối khóa.

Dưới sự hướng dẫn và giúp đỡ của các ban Trung ương, Ban Tổ chức, Ban Kiểm tra, Văn phòng Ban Bí thư, đặc biệt là sự giúp đỡ của đồng chí Hoàng Kiên, Phó ban Kiểm tra Trung ương, hội nghị đã đạt được kết quả cao so với yêu cầu đề ra, vấn đề tự phê bình và phê bình trong nội bộ được thực hiện dân chủ, nghiêm túc, chân thành, những hiện tượng mất đoàn kết nội bộ ở một số đồng chí thường vụ, chấp hành được đưa ra đấu tranh phê phán.

Sự mất đoàn kết của một số ít đồng chí trong Chấp hành khóa II vừa qua là do:

- Một số ít đồng chí trong Thường trực, trong Thường vụ Tỉnh ủy còn biểu hiện cá nhân chủ nghĩa, thiếu tôn trọng và đánh giá lẫn nhau nên đã vi phạm vào nguyên tắc, chế độ làm việc dân chủ tập thể.

- Trên một số công việc chung khi giải quyết thiếu chú ý đến đặc điểm của tỉnh hợp nhất có tuyến biên giới.

- Một số ban, ngành trên một số vấn đề làm tham mưu cho Tỉnh ủy chưa tốt.

- Việc đấu tranh phê bình trong nội bộ Thường vụ chấp hành còn ít, thiếu thường xuyên nghiêm túc.

- Những biểu hiện thiếu đoàn kết thống nhất không phải do không nhất trí với nhau về đường lối, quan điểm chủ trương, công tác lớn mà trong giải quyết một vấn đề cụ thể do ý thức thái độ, nguyên tắc làm việc không thực hiện đầy đủ.

Sự thiếu đoàn kết thống nhất của một số ít đồng chí trong Ban Chấp hành đã làm cho uy tín của Tỉnh ủy bị giảm sút, sức mạnh của tập thể bị suy yếu, các nghị quyết của tập thể không được triển khai nghiêm túc.

- Trong hội nghị Ban Thường vụ đã nghiêm túc kiểm điểm những khuyết điểm và sự lãnh đạo của mình, tổng kết rút ra những bài học cho bản thân từng đồng chí và cho Ban Chấp hành khóa tới.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn xin báo cáo kết quả Hội nghị kiểm điểm Ban Chấp hành và xin chỉ thị của Ban Bí thư.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
HÀ THIẾT HÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 1063-QN/TU, ngày 27-11-1982

Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Yên Bái

Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Yên Bái khóa XI ngày 30-9-1982 và Biên bản bầu cử Ban Thường vụ Thị ủy ngày 2-10-1982;

Căn cứ Điều 16 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Yên Bái khóa XI gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Nguyễn Đình Túc, Bí thư
- 2- Trần Hữu Súc, Phó Bí thư Thường trực Đảng
- 3- Đỗ Trần Hội, Phó Bí thư kinh tế
- 4- Nguyễn Viết Hội, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Nguyễn Đình Đức, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Nguyễn Văn Hưởng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 7- Nguyễn Tất Toàn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 8- Đặng Ngọc Lương, Ủy viên Ban Chấp hành
- 9- Chu Văn Tuệ, Ủy viên Ban Chấp hành
- 10- Nguyễn Đức Giới, Ủy viên Ban Chấp hành
- 11- Trần Đức Lợi, Ủy viên Ban Chấp hành
- 12- Phạm Văn Bình, Ủy viên chính thức

- 13- Nguyễn Văn Bình, Ủy viên chính thức
- 14- Nguyễn Đăng Dong, Ủy viên chính thức
- 15- Đặng Xuân Hải, Ủy viên chính thức
- 16- Nguyễn Thị Nga, Ủy viên chính thức
- 17- Nguyễn Thị Nguyên, Ủy viên chính thức
- 18- Lương Xuân Quý, Ủy viên chính thức
- 19- Nguyễn Văn Sam, Ủy viên chính thức
- 20- Nguyễn An Thắng, Ủy viên chính thức
- 21- Lê Thanh, Ủy viên chính thức
- 22- Nguyễn Thi, Ủy viên chính thức
- 23- Dương Đình Uông, Ủy viên chính thức
- 24- Nguyễn Đình Viên, Ủy viên chính thức
- 25- Nguyễn Thanh Bình, Ủy viên chính thức
- 26- Nguyễn Tiến Cơ, Ủy viên chính thức
- 27- Đinh Tiến Đang, Ủy viên chính thức
- 28- Nguyễn Thượng Hiền, Ủy viên chính thức
- 29- Lê Văn Kinh, Ủy viên chính thức
- 30- Nguyễn Ngọc Phan, Ủy viên chính thức
- 31- Cao Trọng Trinh, Ủy viên chính thức
- 32- Đinh Trọng Tường, Ủy viên chính thức
- 33- Tạ Khắc Thịnh, Ủy viên chính thức
- 34- Hoàng Nhiệm, Ủy viên chính thức
- 35- Nguyễn Sỹ Vượng, Ủy viên chính thức.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Yên Bái và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
ĐỖ KHẮC CƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 1064-QN/TU, ngày 27-11-1982

Chuẩn y Ban Chấp hành Huyện ủy Bát Xát

Xét Biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bát Xát khóa XIV ngày 27-9-1982 và Biên bản bầu cử Ban Thường vụ Thị ủy ngày 16-11-1982;

Căn cứ Điều 16 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bát Xát khóa XIV gồm các đồng chí có tên sau đây:

- 1- Lê Huy Hợp, Bí thư
- 2- Nguyễn Đức Thắng, Phó Bí thư Thường trực Đảng
- 3- Đào Mạnh Cơ, Phó Bí thư kinh tế
- 4- Nguyễn Đình Chiến, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Nguyễn Văn Dũng, Ủy viên Ban Thường vụ
- 6- Vũ Ngọc Chương, Ủy viên Ban Chấp hành
- 7- Tẩn Dín Siểu, Ủy viên Ban Chấp hành
- 8- Sùng A Sài, Ủy viên Ban Chấp hành
- 9- Phan Thanh Trường, Ủy viên Ban Chấp hành
- 10- Hà Viên, Ủy viên Ban Chấp hành
- 11- Trần Duần, Ủy viên Ban Chấp hành

- 12- Hồ Đông Kỳ, Ủy viên Ban Chấp hành
- 13- Tạ Ngọc Phiêu, Ủy viên Ban Chấp hành
- 14- Vũ Đình Động, Ủy viên Ban Chấp hành
- 15- Vũ Văn Phương, Ủy viên Ban Chấp hành
- 16- Lý Thị Phụng, Ủy viên Ban Chấp hành
- 17- Hoàng A Sĩ, Ủy viên Ban Chấp hành
- 18- Phùng Văn Chấn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 19- Tấn Sài Sin, Ủy viên Ban Chấp hành
- 20- Tráng A Páo, Ủy viên Ban Chấp hành
- 21- Sùng A Sinh, Ủy viên Ban Chấp hành
- 22- Vũ Đình Hoàn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 23- Trần Văn Ái, Ủy viên Ban Chấp hành
- 24- Nguyễn Văn Hải, Ủy viên Ban Chấp hành
- 25- Lương Đức Hoà, Ủy viên Ban Chấp hành
- 26- Nguyễn Văn Hiền, Ủy viên Ban Chấp hành
- 27- Trần Quang Phấn, Ủy viên Ban Chấp hành
- 28- Lò A Phin, Ủy viên Ban Chấp hành
- 29- Đặng Văn Châm, Ủy viên Ban Chấp hành
- 30- Tráng A Sa, Ủy viên Ban Chấp hành
- 31- Dương Đức Khoa, Ủy viên Ban Chấp hành
- 32- Nguyễn Văn Tuyên, Ủy viên dự khuyết
- 33- Phạm Đình Tài, Ủy viên dự khuyết.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí trong Ban Thường vụ và Ủy viên Ban Chấp hành do tập thể Ban Chấp hành phân công.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bát Xát và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
ĐỖ KHẮC CƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 1066-QN/TU, ngày 30-11-1982

Về việc kiểm tra công tác tài chính Đảng và chế độ quản lý tài sản của Ban Tài chính - Quản trị Tỉnh ủy

Xét tình hình việc thực hiện công tác tài chính Đảng và việc thực hiện chế độ quản lý tài sản của Ban Tài chính - Quản trị Tỉnh ủy;

Căn cứ vào kiến nghị của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương tại Công văn số 229-NS/TCQT, ngày 19-10-1982;

Căn cứ vào Nghị quyết của Ban Thường vụ ngày 13-11-1982,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

1. Nay giao cho Ủy Ban kiểm tra Tỉnh ủy căn cứ theo chức năng đã quy định tại các Chương VI và Chương X của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, để tiến hành việc kiểm tra mọi việc về thực hiện công tác tài chính Đảng và việc thực hiện chế độ quản lý tài sản của Ban Tài chính - Quản trị Tỉnh ủy, kể từ ngày thành lập Ban Tài chính - Quản trị Tỉnh ủy đến nay.

2. Việc tiến hành công tác kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đối với cơ quan Ban Tài chính - Quản trị Tỉnh ủy cũng như mọi hoạt động của cơ quan Ban Tài chính - Quản trị Tỉnh ủy trong thời gian tiến hành kiểm tra phải được tiến hành song song không được nặng mặt này, nhẹ mặt kia.

3. Thời gian tiến hành kiểm tra từ một tháng đến một tháng rưỡi. Sau kết thúc cuộc kiểm tra, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy phải có báo cáo kết luận về các vấn đề kiểm tra, kể cả các ý kiến đề nghị biểu dương những việc làm tốt, ý kiến đề nghị xử lý về những vi phạm về công tác tài chính Đảng và công tác quản lý tài sản của Đảng của Ban Tài chính - Quản trị Tỉnh ủy.

4. Ban Tài chính - Quản trị Tỉnh ủy và Ủy Ban kiểm tra Tỉnh ủy có trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
ĐỖ KHẮC CƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA TỈNH ỦY

Số 52-BC/TU, ngày 30-11-1982

Kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy (khóa II)

Trong báo cáo chung tình hình 5 năm 1976-1980 và nhiệm kỳ Đại hội tỉnh từ năm 1980 đến nay của Đảng bộ tỉnh đã đánh giá: Trên các mặt công tác, mặc dù phải khắc phục nhiều khó khăn chồng chất và phức tạp, đều đã đạt được những thắng lợi đáng kể, nhất là về chiến đấu bảo vệ biên giới, phát triển sản xuất lương thực, ổn định đời sống nhân dân. Bên cạnh đó, cũng còn nhiều tồn tại, có mặt còn trì trệ, nghiêm trọng. Những tồn tại đó có phần do khó khăn khách quan, nhưng phần chính là do sự lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành còn có nhiều thiếu sót trong đó có phần thuộc sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy.

Tỉnh ủy xin tự phê bình, kiểm điểm các ưu khuyết điểm của mình trong nhiệm kỳ qua như sau:

I. LÃNH ĐẠO VÀ CHỈ ĐẠO CÁC MẶT CÔNG TÁC

Tuy có nhiều khó khăn, nhưng Tỉnh ủy đã luôn luôn quán triệt nhận thức quan điểm, đường lối của Đảng, không ngừng nêu cao tinh thần trách nhiệm, nghiêm chỉnh chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng và Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II, bảo đảm các nhiệm vụ công tác đạt kết quả và giành nhiều thắng lợi.

Trên lĩnh vực xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa, Tỉnh ủy đã kịp thời quán triệt các Nghị quyết 4, 5, 6 của Trung ương, Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, đã đề ra các nghị quyết và kế hoạch của tỉnh để thực hiện. Trong chỉ đạo thực hiện, Tỉnh ủy và Ban Thường vụ luôn luôn lấy mục tiêu sản xuất lương thực, thực phẩm làm nhiệm vụ hàng đầu, đồng thời chú ý chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu và bảo đảm đời sống nhân dân. Nhờ vậy, sản lượng lương thực, thực phẩm và các mặt sản xuất công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, lưu thông phân phối, tài chính tiền tệ, văn hóa - xã hội, nói chung tiếp tục phát triển. Riêng về lương thực đã cố gắng sản lượng mỗi năm một tăng, năm 1982 ước đạt kế hoạch của Trung ương giao (trên 234.100 tấn/235.000 tấn kế hoạch). Việc huy động lương thực cũng có cố gắng trong chỉ đạo thực hiện, nên vụ chiêm năm 1982 đã đạt mức cao nhất từ trước tới nay (8.700 tấn), khả năng vượt mức Trung ương giao cả năm (26.000 tấn).

Đối với nhiệm vụ an ninh, quốc phòng, bảo vệ biên giới, chống địch phá hoại nhiều mặt, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy có nhiều ưu điểm nổi bật. Do nhận thức ngày càng rõ tình hình và âm mưu địch, Tỉnh ủy đã có những chủ trương, kế hoạch và biện pháp đẩy mạnh công tác an ninh, quân sự địa phương, tổ chức sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, liên tục mở các đợt vận động “Bảo vệ an ninh Tổ quốc”, xây dựng pháo đài huyện, thị vững mạnh (trọng điểm là vùng biên giới), coi trọng công tác dân tộc, dân vận củng cố cơ sở đảng, chính quyền, lực lượng dân quân tự vệ, gắn với xây dựng thế trận và hành lang bảo vệ, với sản xuất và tổ chức lại dân cư vùng giáp biên giới... Từ đó, dân quân trong tỉnh đã củng cố đánh thắng cuộc chiến tranh (...) gây ra ở vùng biên giới ngày 17-2-1979 và sau đó đã thường xuyên chiến đấu (...) chống cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt, giữ vững an ninh chính trị, an toàn xã hội trong tỉnh. Tình hình mọi mặt của ta ở vùng biên giới ngày càng tiến bộ.

Công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy được coi trọng thường xuyên, gắn với chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Do đó các cơ sở đảng, chính quyền và đoàn thể ngày càng được củng cố. Công tác phát triển đảng viên đã hoàn thành nhanh, gọn và đúng tiến hành kiểm tra và tổng kết. Đội ngũ cán bộ cốt cán các cấp, các ngành được bồi dưỡng và kiện toàn cả về số lượng và chất lượng qua các kỳ Đại hội Đảng các cấp.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm trên, Tỉnh ủy trước hết là Ban Thường vụ Tỉnh ủy tự kiểm điểm thấy có những khuyết điểm chính trong sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với các nhiệm vụ như sau:

- Chỉ đạo việc quy hoạch cụ thể về đất đai, tiềm năng, tài nguyên, để có phương án kinh tế và kỹ thuật cụ thể xây dựng, phát triển công, nông, lâm nghiệp, lâm còn chậm. Vì vậy; chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện kế hoạch nhà nước hàng năm chưa có căn cứ khoa học, còn nặng về chủ quan, đề ra nhiều chỉ tiêu cao nên không đạt được.

- Sự chỉ đạo của Tỉnh ủy đối với thâm canh, tăng vụ củng cố quan hệ sản xuất mới trong nông, lâm nghiệp, cải tiến quản lý, tổ chức lại sản xuất trong các ngành, chưa cụ thể có mặt còn trì trệ. Vốn, vật tư, lực lượng cán bộ các ngành chưa tập trung vào vùng trọng điểm thâm canh lúa, màu và các mục tiêu mũi nhọn đề ra. Do đó năng suất cây trồng bị giảm hoặc tăng không mạnh, kể cả lúa, màu, ngô, đậu, chè... Tình hình chặt phá rừng vẫn xảy ra nghiêm trọng, do việc chỉ đạo phát triển sản xuất lương thực thiếu quy hoạch cụ thể. Công tác khoanh nuôi, giao đất, giao rừng cho hợp tác xã và nhân dân làm chậm, thiếu sự tập trung chỉ đạo. Sản xuất và chế biến hàng xuất khẩu chưa mạnh, lương thực, hàng tiêu dùng ngân sách do Trung ương tiếp trợ ngày càng tăng (một phần do nhu cầu của bộ đội và cơ sở công nghiệp của Trung ương tại địa phương lớn). Lưu thông, phân phối chưa bảo đảm cho sản xuất và phục vụ đời sống. Đời sống nông dân có được cải thiện nhưng đời sống bộ đội, cán bộ, công nhân viên ngày càng khó khăn, giá cả tiếp tục tăng, tiền lương thực tế giảm.

Công tác an ninh quốc phòng, quân sự địa phương, sự chỉ đạo của Tỉnh ủy cũng còn một số mặt yếu, nên kết quả đạt được còn bị hạn chế. Cơ sở chính trị, xây dựng và củng cố phòng tuyến biên giới, làm chủ đường biên; chủ động tiến công địch, chống chiến tranh tâm lý và phá hoại kinh tế của địch, v.v. đều còn những điểm yếu. Công tác đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực cũng chưa có sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung đúng mức, nên tình hình chưa có chuyển biến cơ bản.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy đối với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, xây dựng Đảng và công tác tổ chức cán bộ có lúc, có việc còn thiếu kịp thời, thiếu sâu sắc, cụ thể. Việc chỉ đạo giảm nhẹ biên chế hành chính, sắp xếp lại các ngành, các cơ sở sản xuất chưa tích cực. Công tác bố trí, sắp xếp cán bộ có trường hợp còn chấp vá, cục bộ, thiếu theo quy hoạch toàn diện, cụ thể. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cũng chưa mạnh, nhất là đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc địa phương, cán bộ nữ, cán bộ cơ sở.

Nguyên nhân của những khuyết điểm tồn tại trên thể hiện ở một số điểm như sau:

Tập thể lãnh đạo của Tỉnh ủy nói chung bảo đảm tốt nhưng về mặt cá nhân phụ trách còn yếu, không đồng đều trong mỗi đồng chí cấp ủy viên. Các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy đề ra đều có trên các mặt, nhưng việc lãnh đạo thực hiện còn chung chung, thiếu phương án và biện pháp cụ thể. Nhận thức của Tỉnh ủy đối với các vấn đề, có trường hợp chưa đồng nhất giữa các đồng chí khi chỉ đạo thực hiện.

Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện còn nhiều thiếu sót. Có vấn đề thiếu nghị quyết chuyên sâu nên khó cho đồng chí phụ trách thực hiện. Trong chỉ đạo thực hiện thiếu tập trung mọi lực lượng (vốn, vật tư, cán bộ...) của các ngành vào các việc trọng tâm và các trọng điểm, nên không tạo được sự chuyển biến mạnh (như chỉ đạo thâm canh, chỉ đạo xây dựng cơ bản, lưu thông phân phối...).

Công tác kiểm tra, đôn đốc của Ban Thường vụ và Ban Thường trực Tỉnh ủy còn thiếu sâu sát, thiếu kiên quyết, dễ kéo dài. Việc kiện toàn các bộ môn tham mưu của Tỉnh ủy làm chậm, chỉ đạo sự hoạt

động của các ban phục vụ cho cấp ủy cũng chưa được quan tâm, do đó vai trò, tác dụng của một số ban chưa được phát huy.

II. QUAN ĐIỂM, LẬP TRƯỜNG, PHẨM CHẤT ĐẠO ĐỨC, TÁC PHONG CỦA CÁC ĐỒNG CHÍ TRONG TỈNH ỦY

1. Về mặt nhận thức tư tưởng

Tuyệt đại đa số các đồng chí trong Tỉnh ủy đều nắm vững chủ trương, đường lối của Trung ương, thể hiện quan điểm, tư tưởng vững vàng, nhất trí, tuyệt đối tin tưởng vào đường lối đối nội, đối ngoại và các chủ trương, chính sách của Đảng, tuyệt đối tin tưởng vào Ban Chấp hành Trung ương do đồng chí Lê Duẩn đứng đầu. Ý thức chấp hành các chỉ thị, nghị quyết Trung ương nghiêm túc, khẩn trương và có ý thức tổ chức kỷ luật.

Các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy và Tỉnh ủy viên phụ trách ngành, khối địa phương nói chung có tinh thần trách nhiệm, tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết của cấp ủy và chỉ thị, nghị quyết cấp trên.

Tuy nhiên trong tình hình thực tế xã hội đang có những phức tạp, có một số việc lại thiếu dân chủ, trao đổi, bàn bạc nên một số vấn đề còn có nhận thức khác nhau. Những vấn đề này xảy ra phần lớn là trong vấn đề đánh giá cán bộ, bố trí, đề bạt, nâng lương, đầu tư vốn, phân phối hàng hóa, vật tư và trong việc tổ chức thực hiện nghị quyết, v.v.. Việc phát huy vai trò cá nhân phụ trách trong khi chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ của một số đồng chí phụ trách ngành, khối địa phương cũng chưa được đầy đủ. Nhiều chủ trương công tác đã được bàn bạc và có sự phân công cụ thể nhưng thường thực hiện chậm trễ, kém kết quả.

Tư tưởng cục bộ, bản vị ngành, địa phương của các đồng chí trong Tỉnh ủy cũng còn thể hiện ở trên một số công việc. Nhiều việc thiếu sự chủ động phối hợp, kết hợp chưa thấy toàn diện...

2. Về chấp hành nguyên tắc chế độ làm việc, tác phong công tác

Việc thực hiện các nguyên tắc và chế độ quy định, Tỉnh ủy đã có nhiều ưu điểm, đồng thời cũng còn một số thiếu sót, chưa thực hiện được như quy định.

Về mặt đoàn kết nhất trí, phân công các đồng chí trong Tỉnh ủy có ý thức giữ gìn đoàn kết nội bộ và có trách nhiệm đấu tranh đoàn kết trong ngành, trong địa phương mình phụ trách. Các nghị quyết của Tỉnh ủy hoặc của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra các chủ trương công tác, đều được dân chủ bàn bạc có sự nhất trí của tập thể.

Tuy việc khi thực hiện và giải quyết công việc cụ thể do có việc còn thiếu dân chủ, do nhận thức vấn đề chưa đầy đủ, sự phản ánh hiện tượng bên ngoài có cái bị xuyên tạc, cũng có một số cán bộ, đảng viên và quần chúng cơ hội vụ lợi, đã phản ánh sai lệch bản chất của hiện tượng vào nội bộ Tỉnh ủy, nên trong một số đồng chí Tỉnh ủy và trong Ban Thường vụ cũng có lúc biểu hiện không đoàn kết, còn hiểu lầm nhau, đố kỵ nhau, có lúc kém phần khởi và từ đó sự cộng tác với nhau có phần thận trọng, dè dặt.

Việc tự phê bình và phê bình trong Tỉnh ủy còn ít, chưa làm thường xuyên, tự phê bình chưa sâu, phê bình góp ý nhau có lúc còn rụt dè, e ngại, sợ hiểu lầm, nên thiếu kịp thời, thiếu chân thành. Trách nhiệm đấu tranh giữ vững đoàn kết còn yếu và cũng có biểu hiện cục bộ cá nhân chủ nghĩa của một số đồng chí trong Tỉnh ủy ở một số ngành, một số địa phương.

Sinh hoạt của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy được duy trì nói chung là đều đặn.

Trong chỉ đạo thực hiện các công việc đều có sự phân công đồng chí phụ trách, những việc quan trọng đã lập ra Ban chỉ đạo hoặc bộ phận chuyên trách, giúp việc và huy động cán bộ để tiến hành.

Sự làm việc của Tỉnh ủy, của Ban Thường vụ và Thường trực có chương trình công tác hằng quý, hằng năm, hằng tuần, hằng tháng để chỉ đạo thực hiện. Trong điều hành công việc đã khắc phục phần

lớn tình trạng bao biện giữa việc của Đảng và chính quyền, đề cao vai trò chính quyền trong lãnh đạo cụ thể về kinh tế, xã hội hàng ngày. Mối quan hệ công tác giữa Thường trực Tỉnh ủy với Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh, giữa các đồng chí trong Thường vụ nói chung là tốt. Tuy vậy, cũng còn có việc thiếu chặt chẽ, ăn khớp. Trong Thường trực Tỉnh ủy có việc khi đồng chí này đi vắng về lại không được phổ biến do đó khi nghe báo cáo và giải quyết công việc đã xảy ra không thống nhất với nhau.

Việc phát huy vai trò cá nhân phụ trách của một số đồng chí trong Tỉnh ủy cũng chưa cao, đóng góp vào sự lãnh đạo chỉ đạo chung của Tỉnh ủy còn ít, còn ỷ lại vào Ban Thường vụ và bộ phận Thường trực Tỉnh ủy. Việc phát huy chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cũng chưa mạnh. Có vấn đề thuộc Nhà nước trực tiếp lãnh đạo và thực hiện, nhưng quy định chưa rõ, nên còn có việc gây sự vụ trong điều hành của bộ phận Thường trực Tỉnh ủy hoặc các cơ quan bên Đảng.

Sinh hoạt của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ tuy có đều nhưng có việc nội dung chuẩn bị chưa sâu và nói chung chưa giữ được trước các văn bản dự thảo cho các đồng chí dự họp, có việc bộ phận Thường trực Tỉnh ủy chưa bàn kỹ trước khi đưa ra tập thể quyết định nên phải bàn đi bàn lại nhiều lần.

Công tác chỉ đạo trọng điểm và xây dựng, phát huy, điển hình mở rộng diện làm được ít. Tác phong sâu sát cơ sở, sâu sát quần chúng của một số đồng chí trong Tỉnh ủy còn yếu, còn quan liêu. Có đồng chí ít xuống cơ sở.

3. Về phẩm chất đạo đức cách mạng

Nói chung các đồng chí trong Tỉnh ủy đều nêu cao đạo đức cách mạng, giữ gìn phẩm chất tốt đẹp của người cán bộ, đảng viên bản thân gương mẫu và giáo dục gia đình chấp hành chính sách, pháp luật. Nhiều đồng chí giữ gìn và phát huy lối sống liêm khiết, giản dị, quần chúng, được cán bộ, đảng viên và quần chúng tin yêu.

Tuy nhiên, do hoàn cảnh xã hội đang có phức tạp trong công tác đang có nhiều khó khăn, đời sống chung có khó khăn, tập thể lại thiếu đấu tranh, giúp đỡ nên cũng có một số đồng chí trong Tỉnh ủy băn khoăn lo lắng về đời sống gia đình, về sức khỏe, về chế độ, chính sách đãi ngộ, về vị trí nhiệm vụ công tác, thiếu an tâm phấn khởi công tác.

Một số đồng chí vừa qua có một số đơn tố giác của cán bộ và quần chúng về mặt này, mặt khác, Ban Thường vụ đã tiến hành xem xét và kết luận.

III. KẾT LUẬN VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT HUY ƯU ĐIỂM, SỬA CHỮA KHUYẾT ĐIỂM

Trong nhiệm kỳ qua từ năm 1980 đến nay sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy đã có nhiều cố gắng và ưu điểm song cũng còn một số khuyết điểm thiếu sót. Có khuyết điểm thiếu sót thuộc chung Tỉnh ủy chịu trách nhiệm, trước hết là Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy, có khuyết điểm cũng còn thuộc về bộ phận và từng đồng chí trong Tỉnh ủy phụ trách khối, ngành, địa phương.

Để phát huy ưu điểm nghiêm túc sửa chữa khuyết điểm, Tỉnh ủy đề ra phương hướng thực hiện của mình như sau:

1- Trên cơ sở bản nghị quyết về chức năng, chế độ làm việc của Tỉnh ủy đã có và theo sự hướng dẫn của Trung ương sắp tới, sẽ bổ sung và xây dựng lại để thực hiện, nhằm phấn đấu đưa chế độ làm việc của Tỉnh ủy đi vào nguyên tắc chặt chẽ, nền nếp.

2- Trong việc chấp hành các nguyên tắc của Đảng, từng đồng chí trong Tỉnh ủy trước hết phải kiên quyết giữ vững và nghiêm chỉnh thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Trong việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết phải có sơ kết, tổng kết và thường kỳ sinh hoạt của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ phải kiểm điểm rút kinh nghiệm.

3- Phải nâng cao tinh thần tự phê bình và phê bình của mỗi đồng chí trong Tỉnh ủy, lấy tự phê bình là chính và phát huy tinh

thần phê bình mạnh dạn, thật thà, đồng chí của tập thể. Mỗi khi phát hiện một vấn đề gì về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và về đạo đức, phẩm chất của cá nhân trong Tỉnh ủy cần được nghiên cứu kết luận và góp ý kịp thời, khi chưa có kết luận rõ ràng, cần tránh những hiện tượng suy diễn phiến diện.

4- Từng đồng chí Tỉnh ủy phải luôn luôn nêu cao đạo đức cách mạng liêm khiết, chí công vô tư, luôn luôn coi trọng cải tiến tác phong công tác và chăm chỉ học tập, thực hiện chế độ định kỳ xuống cơ sở để kiểm tra, đôn đốc, nắm tình hình và giúp đỡ cơ sở. Phải ra sức chống tư tưởng cục bộ, chống tác phong quan liêu, xa thực tế, xa quần chúng.

Phải đẩy mạnh đấu tranh phê bình và tự phê bình để tăng cường đoàn kết nội bộ. Tất cả các đồng chí trong Tỉnh ủy và các cấp, các ngành đều có trách nhiệm giữ gìn đoàn kết nhất trí nội bộ, trên cơ sở đường lối, chính sách của Đảng và nghị quyết của cấp ủy phải luôn luôn cảnh giác, tỉnh táo đề phòng kẻ địch xuyên tạc phần tử cơ hội và kẻ xấu kích động, gây mất đoàn kết nội bộ.

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 231-TB/TU, ngày 3-12-1982

Về Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với việc thành lập Sở Tư pháp và hệ thống cơ quan Tư pháp trong tỉnh

Ngày 1-12-1982, Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghiên cứu Thông tri số 142-TT/TW, ngày 30-11-1982 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Nghị định số 143-HDBT, ngày 22-11-1982, Thông tư số 08-TT, ngày 6-11-1982 của Bộ Tư pháp quy định và hướng dẫn việc thành lập tổ chức bộ máy cơ quan Tư pháp từ Trung ương đến địa phương, đồng thời đã nghe báo cáo và phương án đề nghị tổ chức bộ máy và nhân sự Sở Tư pháp và hệ thống cơ quan tư pháp trong tỉnh do Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Tổ chức Tỉnh ủy trình bày.

Sau khi nghiên cứu, nghe báo cáo và thảo luận Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nhất trí quyết nghị như sau:

1. Tiến hành thành lập Sở Tư pháp: Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý thống nhất các công việc về tư pháp trong toàn tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo về mặt chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Tư pháp.

Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Sở Tư pháp, thực hiện theo quy định hướng dẫn của Bộ Tư pháp, do Ủy ban nhân dân tỉnh vận dụng quyết định.

Biên chế tổ chức của Sở Tư pháp, lúc đầu thành lập có từ 15-20 cán bộ, công nhân viên, sau đó dần dần tăng cường bổ sung theo yêu cầu phát triển của nhiệm vụ.

Bộ máy tổ chức Sở Tư pháp bước đầu hình thành như sau:

- Giám đốc và 2 phó giám đốc, về nhân sự cụ thể là: Điều động và đề bạt đồng chí Dương Quý Mậu, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, giữ chức Giám đốc; đồng chí Dương Châu Sa, Thiếu tá, Phó ban Chỉ huy cảnh sát nhân dân thuộc Công an tỉnh giữ chức Phó Giám đốc và điều động đồng chí Nguyễn Nhân Trí, Phó Văn phòng Tỉnh ủy sang giữ chức Phó Giám đốc.

- Các phòng thuộc sở sẽ dần dần thành lập các phòng nghiệp vụ chuyên môn từng mặt công tác, trước mắt thành lập 3 phòng.

Văn phòng (kể cả hành chính, quản trị...) điều động và đề bạt đồng chí Hoàng Hữu Nhân, kiểm sát viên, phụ trách Phòng Xét xử dân sự Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh giữ chức Chánh Văn phòng.

- Phòng Nghiên cứu, tuyên truyền giáo dục và hướng dẫn thi hành pháp luật: Điều động đồng chí Nguyễn Thế Hưng, Trưởng phòng Xét xử phúc thẩm Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, sang giữ chức Trưởng phòng.

- Phòng Tổ chức đào tạo cán bộ và quản lý tòa án: Điều động và đề bạt đồng chí Vũ Trọng Chiến, thẩm phán, phụ trách tổ chức Tòa án nhân dân tỉnh giữ chức Trưởng phòng.

Ngoài số cán bộ đã quyết định như trên số cán bộ, công nhân viên khác của biên chế Sở Tư pháp, cần điều động từ các ngành thuộc Khối Nội chính (Tòa án, Kiểm sát, Công an...) để bổ sung, đồng thời tiếp nhận một số học sinh đã tốt nghiệp ở Trường Pháp lý Trung ương và một số ở ngành khác, nhưng phải bảo đảm chất lượng và tiêu chuẩn đối với từng công việc cụ thể. Do Ban Giám đốc Sở Tư pháp nghiên cứu thực hiện hoặc đề nghị tỉnh quyết định, theo đúng sự phân cấp quản lý cán bộ của Tỉnh ủy.

2. Về hệ thống cơ quan tư pháp huyện, thị xã và cơ sở

Trước mắt trong quý I năm 1983 tiến hành thành lập Ban Tư

pháp ở một số huyện, thị với số biên chế tổ chức bước đầu 3-4 người, sau dần dần bổ sung, tăng cường thêm theo yêu cầu của nhiệm vụ phát triển và dần dần thành lập Ban Tư pháp ở các huyện, thị và ở cơ sở, hoàn thành vào cuối năm 1983.

3. Căn cứ thông báo này, Đảng đoàn chính quyền tỉnh ra quyết định thành lập tổ chức bộ máy và quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Sở Tư pháp, đồng thời bố trí trụ sở, phương tiện và các điều kiện cho Sở Tư pháp cũng như tiến hành các thủ tục về mặt Nhà nước, để Sở Tư pháp sớm hình thành và đi vào hoạt động. Thời gian sắp xếp thành lập sở, cố gắng làm xong căn bản trong năm 1982 để sang quý I năm 1983 sở này bắt đầu hoạt động được.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
ĐỖ KHẮC CƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA TỈNH ỦY

Số 53-BC/TU, ngày 4-12-1982

Tổng kết về đợt sinh hoạt chính trị nghiên cứu và bàn việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng

I. TÌNH HÌNH ĐẶC ĐIỂM CHUNG VÀ QUÁ TRÌNH CHUẨN BỊ TRIỂN KHAI ĐỢT SINH HOẠT CHÍNH TRỊ.

Thi hành các Chỉ thị 02 và 04 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chủ trương triển khai đợt sinh hoạt chính trị thật khẩn trương với tinh thần “Vừa thực hiện tốt đợt sinh hoạt chính trị, vừa tiến hành tốt việc mở Đại hội đợt 2 vừa thực hiện tốt mọi nhiệm vụ, hoàn thành mọi chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 1982 trong mỗi ngành, mỗi cấp”.

Ngay từ đầu tháng 6-1982, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp bàn và thông qua kế hoạch chỉ đạo triển khai đợt sinh hoạt chính trị, sau đó đã tổ chức hội nghị bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ chủ chốt các huyện, thị và xung quanh tỉnh về nội dung và hướng dẫn kế hoạch thực hiện đợt sinh hoạt chính trị.

Kế hoạch chỉ đạo thực hiện đã nhấn mạnh phải gắn chặt ba nội dung: Quán triệt Nghị quyết Đại hội V, tổng kết phát huy đảng viên và mở Đại hội cơ sở (đợt 2), cũng như phải bảo đảm các công tác thường xuyên trước mắt.

Tỉnh ủy đã đưa dự thảo báo cáo kiểm điểm đánh giá tình hình các mặt công tác của tỉnh từ Đại hội IV đến nay, đề ra phương hướng, nhiệm vụ và chương trình hành động trong nhiệm kỳ tới và báo cáo tự phê bình và phê bình của Tỉnh ủy trong nhiệm kỳ qua xuống Đại hội Đảng bộ lấy ý kiến đảng viên, chuẩn bị cho Đại hội tỉnh lần thứ III (đợt 2). Đồng thời phân công các đồng chí trong Tỉnh ủy theo dõi giúp đỡ các huyện, thị, Đảng ủy và (...), trên 500 cán bộ của tỉnh và các huyện, thị thành lập các đoàn kiểm tra và các tổ công tác tăng cường xuống các đảng bộ cơ sở ở các xã vùng cao và các đảng bộ còn yếu kém để giúp đỡ việc tiến hành đợt sinh hoạt chính trị.

II. ĐÁNH GIÁ NHỮNG KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC CỦA ĐỢT SINH HOẠT CHÍNH TRỊ

Theo kế hoạch chỉ đạo của Tỉnh ủy các nơi trong tỉnh đã khẩn trương tiến hành và vận dụng nhiều hình thức khá phong phú bảo đảm cho đợt sinh hoạt chính trị triển khai nhanh gọn và đạt được yêu cầu chất lượng. Cấp ủy Đảng từ tỉnh tới các cơ sở, nhất là các đồng chí chủ chốt trong các cấp ủy đã trực tiếp truyền đạt nội dung các văn kiện và chỉ đạo đợt sinh hoạt chính trị, nên đợt sinh hoạt chính trị đã hoàn thành gọn từ đầu tháng 7 đến cuối tháng 8-1982. Toàn tỉnh đạt 100% số đảng bộ cơ sở, với trên 85% số đảng viên tham gia... Nơi xong sớm nhất vào ngày 16-8-1982 như thị xã Lào Cai và huyện Yên Bình; còn các huyện, thị khác đều hoàn thành cơ bản vào ngày 25 - 26-8-1982 theo đúng thời gian quy định của tỉnh. Số đảng viên không tham gia được chủ yếu là các đồng chí già yếu, ốm đau và một số ít đi công tác vắng.

Căn cứ vào yêu cầu và nội dung đợt sinh hoạt chính trị nhìn chung đã đạt được nhiều kết quả tốt cả về mặt nâng cao nhận thức, quán triệt nghị quyết liên hệ, kiểm điểm đánh giá tình hình trong từng địa phương, đơn vị và đề ra được chương trình hành động thiết thực cụ thể như:

Tỉnh ủy đã mở hội nghị rộng rãi tới các cán bộ chủ chốt ở các ban, ngành xung quanh tỉnh các huyện, thị, các đảng ủy trực thuộc và các cán bộ được trưng tập đi làm báo cáo viên giúp các cơ sở. Hội nghị này có gần 300 người dự, thời gian 5 ngày với các nội dung như: Quán triệt tinh thần cơ bản Nghị quyết Đại hội V, Nghị quyết 13 của Tỉnh ủy về việc giải quyết những nhiệm vụ cấp bách trước mắt, phổ biến dự thảo báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ và đề án của Tỉnh ủy, hướng dẫn kế hoạch và bàn cách tiến hành cụ thể mở đợt sinh hoạt chính trị, tổng kết phát huy đảng viên và mở Đại hội (đợt 2) ở cấp cơ sở và cấp huyện, thị.

Hội nghị đã nhất trí cao với Nghị quyết Đại hội V, có nhiều ý kiến tham gia vào các văn kiện dự thảo của Tỉnh ủy, thấy rõ trách nhiệm của mình cũng như ngành cấp mình đối với việc thực hiện nghị quyết của Đại hội, quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, đi sâu chỉ đạo làm tốt đợt sinh hoạt chính trị. Từ 20 đến 30-7-1982 các huyện, thị và Đảng ủy đã khẩn trương họp Ban Chấp hành hoặc Ban Thường vụ phân công, chuẩn bị nội dung, tiến hành trước 1 hoặc 2 đảng bộ cơ sở để rút kinh nghiệm và mở hội nghị bồi dưỡng cán bộ gồm từ 120 đến 140 đồng chí, đơn vị ít như huyện Trạm Ấu, Mù Cang Chải có trên 60 đồng chí dự.

Ở cơ sở cán bộ, đảng viên đều hoàn toàn nhất trí với những quan điểm cơ bản của nghị quyết Đại hội như: Về việc đánh giá tình hình, xác định hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng và nước ta trong giai đoạn mới, những phương hướng, biện pháp và chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội. Một số ý kiến còn tồn tại trong kỳ thảo luận dự thảo các văn kiện Đại hội nay đều được giải đáp, tạo ra sự nhất trí cao với nghị quyết. Ý thức trách nhiệm của các cấp ủy, của từng cán bộ đảng viên cũng có nhiều chuyển biến và nâng cao hơn trước.

Đáng chú ý là đợt sinh hoạt chính trị được gắn với Đại hội Đảng bộ đợt 2 nên đã gắn với việc thảo luận bàn bạc nhiệm vụ cụ thể của từng địa phương, đơn vị, xây dựng chương trình hành động thiết thực, quyết tâm thực hiện vượt mức kế hoạch nhà nước. Hướng trọng tâm

và cấp bách trước mắt của tỉnh ta hiện nay là ra sức khắc phục mọi khó khăn, phát huy tính chủ động sáng tạo, đẩy mạnh sản xuất vụ mùa, vụ thu đông, làm tốt các nhiệm vụ, thường xuyên nâng cao cảnh giác sẵn sàng chiến đấu, giữ vững an ninh chăm lo đời sống về mọi mặt cho nhân dân và cán bộ, công nhân, viên chức. Nhiều ý kiến tham gia thảo luận trong đó có khá nhiều ý kiến tốt, xây dựng đã được bổ sung vào các đề án và phương hướng nhiệm vụ kinh tế - xã hội, hoặc chương trình hành động của các đảng bộ cơ sở và các địa phương đơn vị trong năm 1983, và những năm tới để phát huy việc khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

Nhiều đảng bộ cơ sở thuộc các huyện Văn Chấn, Văn Yên, Văn Bàn, Bảo Yên, Trấn Yên, Lục Yên, Bảo Thắng... đề ra được nhiều biện pháp tích cực để tiến lên giải quyết tốt vấn đề lương thực, đẩy mạnh trồng bông, lanh, dâu tằm, để vươn lên bảo đảm tự túc một phần vải mặc. Các huyện Yên Bình, Lục Yên, Trấn Yên, Văn Chấn có nhiều phong trào thi đua đẩy mạnh sản xuất, gieo cấy đạt và vượt diện tích lúa mùa và hoàn thành tốt các nghĩa vụ về lương thực, thực phẩm, nghĩa vụ quân sự. Điển hình như Đảng bộ Yên Bình, trong đợt sinh hoạt chính trị đã mở chiến dịch thu đông lập công dâng Đảng, chăm sóc tốt lúa mùa để bảo đảm năng suất cao, hoàn thành nghĩa vụ lương thực vụ mùa mà còn bán thêm cho Nhà nước trên 100 tấn thóc theo giá thóc thỏa thuận, vận động gửi được 300.000 đồng tiết kiệm, hoàn thành công trình cầu Thác Ông, bảo đảm tốt công tác an ninh chính trị. Chỉ trong có 4 ngày Đảng bộ xã Yên Hưng - Văn Yên đã huy động gần 200 lao động đào và vận chuyển gần 4.000 m³ đất đá bị mưa lũ sạt lở, bảo đảm làm mương đưa nước về tưới tiêu cho lúa mùa được kịp thời.

Do nhận thức được nâng lên tư tưởng được chuyển biến nhiều đồng chí đã đi sâu, nói lên được nhiều vấn đề thực tiễn khá phong phú và sâu sắc, chứng minh làm sáng tỏ những vấn đề quan điểm cơ bản của nghị quyết. Một số đồng chí đã tự liên hệ nói lên được cả những nhận thức không đúng của bản thân mình trước đây đối với nghị quyết như: Về mặt đánh giá tình hình hiểu tách rời từng thắng lợi một cách riêng

biệt, không thấy được mối quan hệ liên quan khăng khít giữa những thắng lợi đó với nhau, nên không thấy hết được những thắng lợi và ý nghĩa to lớn của những thắng lợi đó. Một số đồng chí chỉ nhìn vào một số mặt khó khăn trong đời sống và kinh tế hiện nay, đem so sánh với thời kỳ những năm 1959-1960 một cách mơ hồ, phiến diện để đi đến chỗ hoài nghi thiếu nhất trí với những thành tựu trên mặt trận kinh tế và văn hóa, giáo dục. Có đồng chí còn băn khoăn, suy nghĩ về vấn đề đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô có ảnh hưởng gì đến nền độc lập tự chủ về kinh tế và chính trị của ta không? (...).

Nhiều đồng chí tuy nhất trí với nghị quyết, khẳng định mọi đường lối, chủ trương và biện pháp, chính sách trong nghị quyết đề ra là rất đúng đắn và rất sáng tạo, nhưng trong tâm tư, suy nghĩ vẫn cứ băn khoăn lo lắng thiếu tin tưởng vào việc tổ chức thực hiện. Vì tình hình kinh tế và đời sống của ta hiện nay có nhiều khó khăn gay gắt quá, một số đồng chí ở các huyện, thị giáp biên giới và vùng cao có nhiều suy nghĩ băn khoăn bi quan, lo lắng cho tỉnh ta là một tỉnh miền núi biên giới, vùng cao có nhiều khó khăn, vừa qua ít được Trung ương ưu tiên đầu tư, các chính sách cụ thể đối với miền núi cũng chưa được rõ ràng, quần chúng và cán bộ, đảng viên thiếu yên tâm phấn khởi nay khó tạo ra được sự chuyển biến mạnh để thực hiện nghị quyết.

Tóm lại, nhìn chung đợt sinh hoạt chính trị của tỉnh ta từ khi triển khai đến nay đi vào kết thúc bước đầu đã thu được kết quả trên nhiều mặt về tổ chức chỉ đạo cũng được nhanh, gọn. Kết quả này có ý nghĩa rất quan trọng là cơ sở, là nguồn gốc để tạo ta nhiều nhân tố tích cực để hoàn thành mọi nhiệm vụ tiến lên đấu tranh khắc phục đẩy lùi mọi biểu hiện tiêu cực.

Trong sinh hoạt chính trị chúng ta còn phải nâng cao tinh thần trách nhiệm, suy nghĩ cách làm ăn mới, và trong đó mỗi cán bộ, đảng viên những nhận thức không đúng và những quan điểm sai trái với đường lối, chính sách của Đảng đều được liên hệ kiểm điểm đưa ra phân tích phê phán khắc phục một bước tư tưởng ỷ lại trông chờ, hoài nghi bi quan, thiếu tin tưởng vào việc tổ chức thực hiện thắng lợi nghị quyết...

Mặt khác cũng qua đợt sinh hoạt chính trị này còn thúc đẩy làm tốt công tác tổng kết phát thể đảng viên và tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi để tiến hành tổ chức mở Đại hội Đảng bộ các cấp (đợt 2) thành công tốt đẹp.

III. NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN TỒN TẠI VÀ NHỮNG KINH NGHIỆM RÚT RA TRONG VIỆC CHỈ ĐẠO ĐỢT SINH HOẠT CHÍNH TRỊ

1. Những vấn đề còn tồn tại

Đợt sinh hoạt chính trị trong tỉnh tuy đã thu được nhiều kết quả tốt nhưng bên cạnh những kết quả đó cũng còn một số khuyết, nhược điểm dưới đây:

- Về tổ chức chỉ đạo một số nơi chuẩn bị nội dung chưa tốt, nắm các yêu cầu chưa vững, thực hiện ba nội dung trong đợt sinh hoạt chính trị kỳ này, một số nơi cũng chưa tốt, một số đảng bộ chỉ đạo còn nặng về mặt truyền đạt nội dung quan điểm nghị quyết, coi nhẹ việc đi sâu liên hệ kiểm điểm và đề ra chương trình hành động. Trong kiểm điểm có nơi tinh thần đấu tranh phê bình và tự phê bình yếu, còn thể hiện né tránh không dám nói thẳng, bao nhiêu khuyết điểm đều đổ cho khách quan, hoặc tại trên, tại dưới, tại ngành này, ngành khác... Tư tưởng làm qua loa, đại khái, không theo đúng hướng dẫn trong kế hoạch của tỉnh đã đề ra cũng còn thể hiện trong một số chi, đảng bộ, nên kết quả bị hạn chế, chất lượng không cao.

- Về mặt nhận thức tư tưởng, bên cạnh những vấn đề cơ bản đã nhất trí với nghị quyết nhưng đi sâu vào những vấn đề cụ thể cũng còn những vấn đề cần phải tiếp tục giải quyết, cụ thể như:

+ Trong nhiều địa phương, đơn vị vẫn còn thể hiện tâm tư, băn khoăn lo lắng, làm sao biến nghị quyết đó thành hiện thực được, thực chất còn hoài nghi tổ chức thực hiện nghị quyết.

Thấy những vấn đề khó khăn về đời sống và kinh tế hiện nay tình hình tiêu cực ngày một phát triển tuy đã được giải thích thấy rõ tình hình nguyên nhân và phương hướng biện pháp khắc phục, nhưng tình

hình này vẫn còn ám ảnh tương đối nặng nề trong tư tưởng cán bộ, đảng viên, nhất là liên hệ vào tình hình địa phương, một tỉnh miền núi, biên giới, vùng cao có nhiều khó khăn thì lại càng bị quan, lo lắng.

+ Tâm tư băn khoăn của nhiều đảng bộ cơ sở, nhất là những đảng bộ thuộc cơ sở sản xuất sau khi quán triệt nghị quyết tư tưởng được phát động có nhiều chuyển biến suy nghĩ mới và cách làm ăn mới để khai thác mọi tiềm năng thế mạnh của địa phương đơn vị mình, nhưng lại lo sợ các ngành ở trên thiếu quan tâm đầu tư tiền vốn giúp đỡ hoặc các chế độ chính sách quy định của Nhà nước cũng chưa được cụ thể rõ ràng, sẽ gây ra nhiều trở ngại khó khăn khi thực hiện.

+ Lẽ tẻ trong một vài cơ sở đảng cũng có một số ít đảng viên, cán bộ vẫn thể hiện tư tưởng thiếu tin vào nghị quyết, số đảng viên này phần lớn là đạo đức phẩm chất kém, có nhiều biểu hiện thoái hóa biến chất, cá biệt có đồng chí đảng viên (...) biểu hiện rõ thái độ thiếu tin nghị quyết.

2. Những kinh nghiệm rút ra trong việc chỉ đạo

Qua tình hình các mặt ưu, khuyết điểm về đợt sinh hoạt chính trị của tỉnh ta đã tổng kết trên đây chúng ta rút ra một số kinh nghiệm trong việc chỉ đạo này như sau:

- Vấn đề quán triệt nắm vững yêu cầu và mối quan hệ gắn bó giữa các yêu cầu đó của đợt sinh hoạt chính trị để chỉ đạo thực hiện. Kinh nghiệm đợt sinh hoạt này rõ ràng nơi nào quán triệt được và đi sâu chỉ đạo thực hiện đầy đủ các yêu cầu đó thì đều đạt hiệu quả cao, ngược lại địa phương đơn vị nào nắm không vững thì kết quả đều bị hạn chế; một số đơn vị vừa qua chỉ đạo đi sâu, chỉ đạo làm tốt việc truyền đạt nghị quyết, dừng lại ở yêu cầu nhận thức, coi nhẹ hoặc không làm tốt các yêu cầu khác như kiểm điểm, phê bình, tự phê bình và đề ra chương trình hành động.

- Vấn đề đi sâu chuẩn bị nội dung và coi trọng việc mở hội nghị bồi dưỡng nội dung và hướng dẫn chương trình kế hoạch đợt sinh hoạt chính trị cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt của tỉnh và trong các ngành, các cấp là có ý nghĩa hàng đầu.

- Việc chỉ đạo tập trung dứt điểm theo một kế hoạch chung, thống nhất trong toàn tỉnh, với thời gian nhất định và gắn chặt ba nội dung sinh hoạt chính trị, tổng kết phát thể đảng và mở Đại hội các cơ sở đợt 2 cũng làm cho các nội dung đó đạt chất lượng cao và thúc đẩy lẫn nhau cùng hoàn thành nhanh gọn.

- Vấn đề đi sâu chỉ đạo trực tiếp của các cấp ủy là một yếu tố rất quan trọng nhất là các đồng chí lãnh đạo chủ chốt trong cấp ủy, vai trò tham mưu của các ban chủ yếu là 2 ban Tuyên giáo, Tổ chức và Văn phòng của các cấp ủy.

- Vấn đề chỉ đạo thí điểm làm thử bước đầu để rút kinh nghiệm kịp thời phổ biến khi chỉ đạo chung có nhiều tác dụng tốt.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
ĐỖ KHẮC CƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 1140-QN/TU, ngày 25-12-1982

**Về chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra
của Đảng ủy Công an tỉnh**

Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định;

Xét Biên bản Hội nghị ngày 23-9-1982 của Ban Chấp hành Đảng ủy Công an tỉnh Hoàng Liên Sơn bầu cử Ủy ban Kiểm tra;

Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an tỉnh gồm 3 đồng chí:

- Bùi Sao, Trưởng ban
- Hoàng Ngà, Ủy viên
- Đỗ Thanh Đồng, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng ủy Công an tỉnh, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
ĐỖ KHẮC CƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 1141-QN/TU, ngày 25-12-1982

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra
của Huyện ủy huyện Trấn Yên**

Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định;

Xét Biên bản Hội nghị ngày 5-10-1982 của Ban Chấp hành Huyện ủy huyện Trấn Yên bầu cử Ủy ban Kiểm tra;

Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Trấn Yên gồm 5 đồng chí:

- Nguyễn Thanh Tài, Trưởng ban
- Nguyễn Văn Cư, Phó Trưởng ban
- Nguyễn Văn Huê, Ủy viên
- Nguyễn Ca, Ủy viên
- Đào Thanh Địch, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Trấn Yên, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
ĐỖ KHẮC CƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 1142-QN/TU, ngày 25-12-1982

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra
của Huyện ủy huyện Sa Pa**

Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định;

Xét Biên bản Hội nghị ngày 1-10-1982 của Ban Chấp hành Huyện ủy huyện Sa Pa bầu cử Ủy ban Kiểm tra;

Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Sa Pa gồm 5 đồng chí:

- Má A Châu, Trưởng ban
- Trần Minh Tuyến, Phó Trưởng ban
- Nguyễn Duy Bào, Ủy viên
- Đoàn Hữu Đài, Ủy viên
- Dương Thị Xuân, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
ĐỖ KHẮC CƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 1143-QN/TU, ngày 25-12-1982

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra
của Huyện ủy huyện Văn Chấn**

Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định;

Xét Biên bản Hội nghị ngày 2-10-1982 của Ban Chấp hành Huyện ủy huyện Văn Chấn bầu cử Ủy ban Kiểm tra;

Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Văn Chấn gồm 5 đồng chí:

- Đồng Văn Nghịch, Trưởng ban
- Hoàng Sinh, Phó Trưởng ban
- Lò Văn Đông, Ủy viên
- Hoàng Tiến Ôn, Ủy viên
- Lý Tiến Phày, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Chấn, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
ĐỖ KHẮC CƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 1144-QN/TU, ngày 25-12-1982

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra
của Thị ủy thị xã Lào Cai**

Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định;

Xét biên bản Hội nghị ngày 1-10-1982 của Ban Chấp hành Thị ủy thị xã Lào Cai bầu cử Ủy ban Kiểm tra;

Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai gồm 5 đồng chí:

- Trần Quý Ty, Trưởng ban
- Phạm Văn Sơn, Phó Trưởng ban
- Đỗ Văn Tích, Ủy viên
- Nguyễn Văn Hựu, Ủy viên
- Đào Minh Kha, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
ĐỖ KHẮC CƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 1145-QN/TU, ngày 25-12-1982

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra
của Huyện ủy huyện Lục Yên**

Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định;

Xét Biên bản Hội nghị ngày 9-10-1982 của Ban Chấp hành Huyện ủy huyện Lục Yên bầu cử Ủy ban Kiểm tra;

Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Lục Yên gồm 3 đồng chí:

- Nguyễn Văn Thảo, Trưởng ban
- Hoàng Kim Sinh, Ủy viên
- Hoàng Thị Việt, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lục Yên, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
ĐỖ KHẮC CƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 1146-QN/TU, ngày 25-12-1982

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra
của Huyện ủy huyện Yên Bình**

Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định;

Xét Biên bản Hội nghị ngày 30-9-1982 của Ban Chấp hành Huyện ủy huyện Yên Bình bầu cử Ủy ban Kiểm tra;

Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Yên Bình gồm 5 đồng chí:

- Ma Ngọc Hội, Trưởng ban
- Nguyễn Kim Chung, Phó ban
- Phạm Thị Dương, Ủy viên
- Nguyễn Hải Ngự, Ủy viên
- Nguyễn Văn Mậu, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Yên Bình, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
ĐỖ KHẮC CƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 1147-QN/TU, ngày 25-12-1982

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra
của Huyện ủy huyện Bắc Hà**

Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định;

- Xét Biên bản Hội nghị ngày 1-10-1982 của Ban Chấp hành Huyện ủy huyện Bắc Hà bầu cử Ủy ban Kiểm tra;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bắc Hà gồm 5 đồng chí:

- Phạm Cao Thế, Trưởng ban
- Lê Trung Hoà, Phó Trưởng ban
- Bùi Quốc Cân, Ủy viên
- Lý Thị Phin, Ủy viên
- Giàng Seo Tếnh, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Hà, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
ĐỖ KHẮC CƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 1148-QN/TU, ngày 25-12-1982

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra
của Đảng ủy Mỏ apatít**

Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định;

Xét biên bản Hội nghị ngày 4-10-1982 của Ban Chấp hành Đảng ủy Mỏ apatít bầu cử Ủy ban Kiểm tra;

Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Mỏ apatít gồm 3 đồng chí:

- Trần Tử Trí, Trưởng ban
- Đỗ Quang Chiến, Ủy viên
- Lê Xuân Kiềm, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng bộ Mỏ apatít, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
ĐỖ KHẮC CƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 1149-QN/TU, ngày 25-12-1982

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra
của Huyện ủy huyện Bảo Yên**

Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định;

Xét Biên bản Hội nghị ngày 1-10-1982 của Ban Chấp hành Huyện ủy huyện Bảo Yên bầu cử Ủy ban Kiểm tra;

- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bảo Yên gồm 5 đồng chí:

- Cao Trần Phúc, Trưởng ban
- Nguyễn Văn Phúc, Ủy viên
- Nguyễn Thị Chế, Ủy viên
- Nguyễn Văn Nhan, Ủy viên
- Đinh Xuân Thiều, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
ĐỖ KHẮC CƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 1150-QN/TU, ngày 25-12-1982

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra
của Huyện ủy huyện Than Uyên**

Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định;

- Xét Biên bản Hội nghị ngày 6-10-1982 của Ban Chấp hành Huyện ủy huyện Than Uyên bầu cử Ủy ban Kiểm tra;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Than Uyên gồm 5 đồng chí:

- Lò Văn Danh, Trưởng ban
- Phạm Văn Tơ, Phó Trưởng ban
- Lò Văn Chứa, Phó Trưởng ban
- Ma Thị Dọn, Ủy viên
- Diêu Thị Sâm, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Than Uyên, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
ĐỖ KHẮC CƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 1151-QN/TU, ngày 25-12-1982

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra
của Huyện ủy huyện Văn Yên**

Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định;

Xét Biên bản Hội nghị ngày 30-9-1982 của Ban Chấp hành Huyện ủy huyện Văn Yên bầu cử Ủy ban Kiểm tra;

Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Văn Yên gồm 5 đồng chí:

- Hà Như Trù, Trưởng ban
- Vũ Văn Hồi, Phó Trưởng ban
- Vũ Xuân Hộ, Ủy viên
- Trần Ty, Ủy viên
- Nguyễn Thanh Tùng, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Yên, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
ĐỖ KHẮC CƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 1152-QN/TU, ngày 25-12-1982

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra
của Đảng ủy Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp
chè Trần Phú**

Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định;

Xét Biên bản Hội nghị ngày 28-10-1982 của Ban Chấp hành Đảng ủy Xí nghiệp liên hợp chè Trần Phú bầu cử Ủy ban Kiểm tra;
Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần Phú gồm 5 đồng chí:

- Phan Anh Tuấn, Trưởng ban
- Lê Hữu Mệnh, Phó Trưởng ban
- Nguyễn Thị An, Ủy viên
- Nguyễn Văn Thực, Ủy viên
- Đoàn Sinh Thiêng, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng ủy Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần Phú, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
ĐỖ KHẮC CƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 1153-QN/TU, ngày 25-12-1982

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra
của Huyện ủy huyện Mường Khương**

Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định;

Xét Biên bản Hội nghị ngày 4-10-1982 của Ban Chấp hành Huyện ủy huyện Mường Khương bầu cử Ủy ban Kiểm tra;

Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Mường Khương gồm 3 đồng chí:

- Phạm Văn Hân, Trưởng ban
- Lý Thái Chương, Ủy viên
- Lễn Tơ Lềng, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
ĐỖ KHẮC CƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 1154-QN/TU, ngày 25-12-1982

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra
của Huyện ủy huyện Văn Bàn**

Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định;

Xét Biên bản Hội nghị ngày...1982 của Ban Chấp hành Huyện ủy huyện Văn Bàn bầu cử Ủy ban Kiểm tra;

Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Văn Bàn gồm 5 đồng chí:

- Hoàng Minh Thiết, Trưởng ban
- Bùi Văn Quảng, Phó Trưởng ban
- Hoàng Xuân Phát, Ủy viên
- Hà Xuân Liễn, Ủy viên
- Phạm Quyền, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
ĐỖ KHẮC CƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 1155-QN/TU, ngày 25-12-1982

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra
của Huyện ủy huyện Mù Cang Chải**

Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định;

Xét Biên bản Hội nghị ngày 2-10-1982 của Ban Chấp hành Huyện ủy huyện Mù Cang Chải bầu cử Ủy ban Kiểm tra;

- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Mù Cang Chải gồm 3 đồng chí:

- Mùa Sống Già, Trưởng ban
- Hoàng Văn Lồng, Ủy viên
- Sùng A Lu, Ủy viên.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mù Cang Chải, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
ĐỖ KHẮC CƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 1156-QN/TU, ngày 25-12-1982

**Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra
của Đảng ủy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh**

Căn cứ vào Điều 38 Chương VI Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định;

Xét Biên bản Hội nghị ngày 6-10-1982 của Ban Chấp hành Đảng ủy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh bầu cử Ủy ban Kiểm tra;

Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh gồm 5 đồng chí:

- Nguyễn Cồ, Trưởng ban.
- Đinh Ưa, Phó Trưởng ban
- Nguyễn Quang Thử, Ủy viên
- Hoàng Văn Hiếu, Ủy viên
- Phòng Xuân Cư, Ủy viên

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí nói trên (Điều 1) có trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ
ĐỖ KHẮC CƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 1157-NQ/TU, ngày 25-12-1982

Về việc thành lập Phân hội hữu nghị Việt - Xô tỉnh Hoàng Liên Sơn

Căn cứ vào Điều 11 Chương III Điều lệ Hội hữu nghị Việt - Xô về hệ thống tổ chức của Hội;

Căn cứ đề nghị của Ban trụ bị thành lập Phân hội hữu nghị Việt - Xô tỉnh;

Theo hướng dẫn của Ban Đối ngoại Trung ương Đảng và Trung ương Hội hữu nghị Việt - Xô,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Nay thành lập Phân hội hữu nghị Việt - Xô tỉnh Hoàng Liên Sơn với tư cách là một đoàn thể quần chúng, là một thành viên trong Mặt trận Tổ quốc tỉnh.

Điều 2: Nhiệm vụ của Phân hội theo như Điều lệ của Hội hữu nghị Việt - Xô Trung ương quy định.

Điều 3: Chỉ định Ban Chấp hành Phân hội lâm thời gồm các đồng chí sau:

1- Lê Đình Tịch, Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch.

2- Kiều Việt Nguyên, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch.

3- Lê Huy Hợp, Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch, kiêm thư ký.

4- Hoàng Văn Diệm, Phó Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Ủy viên.

5- Nông Thị Kim Hồng, Tỉnh ủy viên, Chánh thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh, Ủy viên.

6- Phan Thị Hoa, Phó Hội trưởng Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Ủy viên.

7- Vũ Văn Sửu, Tỉnh ủy viên, Bí thư Tỉnh Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy viên.

8- Trần Nam, Giám đốc Sở Văn hóa thông tin, Ủy viên.

9- Bàn A Hàn, Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội đồng Nông dân tập thể tỉnh, Ủy viên.

10- Đỗ Bá Nghị, Giám đốc Nhà máy Thủy điện Thác Bà, Ủy viên.

11- Nguyễn Kế, Giám đốc mỏ apatít Lào Cai, Ủy viên.

12- Nguyễn Kim Phong, Giám đốc Liên hiệp Xí nghiệp chè Trần Phú, Ủy viên.

Điều 4: Ban Chấp hành Phân hội hữu nghị Việt - Xô tỉnh lâm thời có trách nhiệm đề ra chương trình hoạt động và chuẩn bị mọi mặt, tiến tới mở Đại hội Phân hội để quyết định nhiệm vụ cụ thể trong thời gian tới và bầu Ban Chấp hành chính thức của Phân hội.

Điều 5: Đảng đoàn chính quyền tỉnh ra quyết định hợp thức hóa về mặt nhà nước về tổ chức Phân hội này.

Điều 6: Ban Chấp hành Phân hội lâm thời, các cơ quan và các đồng chí có tên trong Ban Chấp hành Phân hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết nghị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ

ĐỖ KHẮC CƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

ĐIỀU LỆ HỘI HỮU NGHỊ VIỆT - XÔ

(Do Đại hội đại biểu toàn quốc Hội hữu nghị Việt - Xô
thông qua ngày 11-11-1980)

Chương I

TÊN HỘI- MỤC ĐÍCH- HOẠT ĐỘNG

Điều 1: Tên hội gọi là Hội hữu nghị Việt - Xô

Điều 2: Hội hữu nghị Việt - Xô là tổ chức quần chúng rộng rãi của nhân dân Việt Nam, mục đích của Hội là củng cố và phát triển không ngừng tình hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Liên Xô, tăng cường tình đoàn kết chặt chẽ giữa nhân dân hai nước Việt - Xô trong sự nghiệp đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội và bảo vệ hòa bình thế giới.

Điều 3: Nhiệm vụ của Hội hữu nghị Việt - Xô là:

- Tuyên truyền giới thiệu với nhân dân Việt Nam về lịch sử, văn hóa, đời sống và những thành tích, kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản và đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới của nhân dân Liên Xô. Thúc đẩy việc học tập và áp dụng những kinh nghiệm tiên tiến về mọi mặt của nhân dân Liên Xô để phấn đấu cho một nước Việt Nam hòa bình thống nhất, độc lập dân chủ và giàu mạnh.

- Giới thiệu với nhân dân Liên Xô về lịch sử, văn hóa, đời sống và công cuộc đấu tranh xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà của nhân dân Việt Nam.

Điều 4: Để thực hiện mục đích và nhiệm vụ trên đây, Hội hữu nghị Việt - Xô sẽ tiến hành những công tác sau đây:

- Đặt quan hệ thường xuyên và chặt chẽ với Hội hữu nghị Xô- Việt và các hội hữu nghị và liên lạc văn hóa với nước ngoài của các nước Cộng hòa liên bang Xôviết trong Liên Xô để trao đổi kinh nghiệm công tác nhằm đẩy mạnh hoạt động của nhau.

- Khuyến khích và giúp đỡ các cơ quan, đoàn thể, tổ chức văn hóa, khoa học, giáo dục, thể dục thể thao, các nhà máy xí nghiệp, nông trường, hợp tác xã và các nhà hoạt động văn hóa, khoa học giáo dục, nghệ thuật Việt Nam đặt quan hệ hữu nghị trao đổi thư từ, sách báo tài liệu và kinh nghiệm với các tổ chức, các nhà máy, xí nghiệp, nông trường và các cá nhân tương tự ở Liên Xô.

- Kỷ niệm những ngày lễ, những ngày kỷ niệm lớn, các nhà văn hóa khoa học, nghệ thuật của nhân dân Liên Xô.

- Tổ chức khuyến khích và giúp đỡ mở những lớp tiếng Nga cho nhân dân Việt Nam.

- Xuất bản sách báo, tài liệu, tranh ảnh giới thiệu Liên Xô phổ biến rộng rãi những tác phẩm chính trị, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, nghệ thuật, tranh ảnh của Liên Xô trong các cơ quan đoàn thể và các tổ chức quần chúng nhân dân Việt Nam.

- Tổ chức những cuộc nói chuyện, báo cáo, triển lãm, chiếu phim, hoà nhạc, biểu diễn nghệ thuật giới thiệu Liên Xô.

- Tổ chức các đoàn đại biểu sang thăm Liên Xô và mời các đoàn đại biểu Liên Xô sang thăm Việt Nam.

Chương II

HỘI VIÊN- ĐIỀU KIỆN VÀO HỘI- NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA HỘI VIÊN

Điều 5: Tất cả các đoàn thể nhân dân, các tổ chức văn hóa, khoa học, giáo dục, các trường học, nhà máy xí nghiệp, nông trường, hợp tác xã, đơn vị bộ đội... tán thành tôn chỉ, mục đích của Hội, làm đơn xin vào Hội và sau khi được Ban Chấp hành của Hội đồng ý thì sẽ được gia nhập Hội. Những đoàn thể và các tổ chức đó sẽ thành hội viên tập

thể của Hội và mỗi đoàn viên trong các đoàn thể và tổ chức đó sẽ là một hội viên của Hội.

Điều 6: Mỗi hội viên có nhiệm vụ:

- Chấp hành Điều lệ và các nghị quyết của Hội, tích cực tham gia mọi hoạt động của Hội nhằm củng cố và phát triển tình hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân hai nước Việt - Xô.

- Giới thiệu Liên Xô với mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam, giới thiệu và thúc đẩy việc học tập và áp dụng những kinh nghiệm quý báu về mọi mặt của nhân dân Liên Xô trong các ngành kiến thiết của nhân dân Việt Nam.

- Giữ gìn sự đoàn kết nhất trí giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Liên Xô.

- Tuyên truyền rộng rãi mục đích, tôn chỉ và Điều lệ của Hội trong nhân dân để thu hút ngày một nhiều hội viên mới và mở rộng phạm vi hoạt động của Hội.

Điều 7: Mỗi hội viên có quyền:

- Bầu cử và ứng cử các cơ quan của Hội.

- Tham gia thảo luận, góp ý kiến và quyết định mọi công tác của Hội, nhận xét và phê bình về các công tác của các cấp lãnh đạo của Hội.

Điều 8: Hội viên nào hoạt động trái với Điều lệ của Hội, làm mất uy tín Hội sẽ tùy theo lỗi nặng nhẹ mà bị phê bình, cảnh cáo hoặc đưa ra khỏi Hội.

Chương III

HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 9: Cơ quan cao nhất của Hội hữu nghị Việt - Xô là Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội.

Đại hội thảo luận báo cáo công tác của Ban Chấp hành, thông qua hoặc sửa đổi Điều lệ của Hội, thông qua những nghị quyết về các công tác lớn của Hội và bầu ra Ban Chấp hành của Hội.

Điều 10: Ban Chấp hành Trung ương Hội lãnh đạo mọi hoạt động và công tác của Hội giữa hai kỳ Đại hội, Ban Chấp hành của Hội cử ra chủ tịch, các phó chủ tịch và thư ký của Hội để phụ trách công tác hằng ngày của Hội giữa hai kỳ họp của Ban Chấp hành.

Điều 11: Ở các khu, tỉnh, thành lập ra các khu, tỉnh, thành Hội hữu nghị Việt - Xô, để lãnh đạo công tác của Hội ở các khu, tỉnh, thành bầu ra các ban chấp hành của các khu, tỉnh, thành, Hội.

Điều 12: Các xí nghiệp, nhà máy, nông trường, hợp tác xã, cơ quan trường học, đơn vị bộ đội thì thành lập chi hội và cử ra một ban phụ trách gồm chi hội trưởng, chi hội phó, một thư ký và một số ủy viên để lãnh đạo công tác của chi hội. Những chi hội cơ sở sẽ do các tổ chức của Hội ở khu, tỉnh, thành lãnh đạo. Chi hội hữu nghị Việt - Xô ở Hà Nội và những khu, tỉnh và thành phố chưa có tổ chức của Hội thì trực thuộc sự lãnh đạo của Trung ương Hội.

Điều 13: Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành và Ban phụ trách của các cấp quy định như sau:

- Ban Chấp hành Trung ương Hội 4 năm bầu lại một lần.
- Ban Chấp hành khu, tỉnh, thành Hội 3 năm bầu lại một lần.
- Ban phụ trách các chi hội 2 năm bầu lại một lần nhưng tùy theo điều kiện ở các chi hội có thể 1 năm bầu lại một lần.

Điều 14: Sinh hoạt của các cấp:

- Ban Chấp hành Trung ương Hội 6 tháng họp một lần, khu, tỉnh, thành Hội 4 tháng họp một lần.

- Các ban phụ trách chi hội không có sinh hoạt riêng, mà lấy sinh hoạt thường xuyên ở tổ chức cơ sở mình làm sinh hoạt thường xuyên của chi hội. Trong những buổi họp thường xuyên này, chi hội trưởng sẽ phối hợp với các tổ chức để đề ra những công tác của chi hội làm một trong những công tác của tổ chức cơ sở.

- Các cá nhân hội viên riêng lẻ ở địa phương nào sẽ do ban chấp hành của Hội hoặc Ban phụ trách chi hội ở nơi đó triệu tập họp để thảo luận và thực hiện những công tác của hội giao cho.

Điều 15: Lễ lối làm việc của Hội là thông qua và phối hợp với các cơ quan lãnh đạo của các cơ quan, đoàn thể nhân dân và các tổ chức đã

tham gia vào Hội để thực hiện công tác của Hội. Hội phối hợp các cơ quan tuyên huấn, báo chí, phát thanh, thông tấn, xuất bản của các ngành chính quyền, Đảng, quân đội, đoàn thể và các tổ chức văn hóa, khoa học giáo dục,... để tuyên truyền giới thiệu Liên Xô với nhân dân Việt Nam.

Điều 16: Các cơ quan các cấp của Hội do dân chủ bầu ra. Các tổ chức của Hội ở địa phương có nhiệm vụ chấp hành nghị quyết và báo cáo cho Trung ương Hội và các tổ chức bầu ra mình. Trung ương Hội có nhiệm vụ thường xuyên theo dõi giúp đỡ thiết thực công tác cho các tổ chức của Hội ở địa phương.

Các tổ chức của Hội có quyền tự giải quyết những vấn đề thuộc địa phương mình, nhưng không được trái với Điều lệ và những nghị quyết của cấp trên.

Chương IV

QUỸ CỦA HỘI

Điều 17: Tiền quỹ của Hội gồm có:

- Sự ủng hộ tự nguyện của các hội viên và các cá nhân cảm tình với Hội.

- Số thu nhập về xuất bản và các cuộc liên hoan do Hội tổ chức.

Điều 18: Ban Chấp hành và Ban phụ trách các cấp Hội có nhiệm vụ quản lý tiền quỹ của Hội.

Chương V

SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 19: Bản Điều lệ này chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội mới có quyền sửa đổi.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

MỤC LỤC

- <i>Chú dẫn của Nhà xuất bản</i>	7
- <i>Lời giới thiệu</i>	9
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1417-NQ/TU, ngày 1-9-1980, về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng	11
- Quyết nghị của Ban Thường vụ tỉnh ủy, số 1418-NQ/TU, ngày 1-9-1980, về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng	12
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 75-TT/TU, ngày 10-9-1980, hướng dẫn thảo luận báo cáo về tình hình và nhiệm vụ của Đảng bộ tỉnh tại Đại hội tỉnh lần thứ II	13
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1428-NQ/TU, ngày 11-9-1980, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra huyện Bát Xát	16
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1430-NQ/TU, ngày 12-9-1980, về việc chuyển giao đại biểu đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II	17
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1430-NQ/TU, ngày 12-9-1980, về việc hợp nhất hai đoàn đại biểu Đảng bộ Công an vũ trang (cũ) và Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh thành một đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II	19
- Kế hoạch của Tỉnh ủy, số 08-KH/TU, ngày 19-9-1980, tiến hành đợt sinh hoạt chính trị quán triệt thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ II	21
- Chương trình làm việc của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II	25

- Diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu lần thứ II Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn, từ ngày 22-9-1980 đến 24-9-1980 (Do đồng chí Dương Việt Tiến, Bí thư Tỉnh ủy đọc)	28
- Biên bản, ngày 24-9-1980, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Hoàng Liên Sơn lần thứ II	32
- Biên bản, ngày 24-9-1980, Đại hội Đảng bộ Hoàng Liên Sơn lần thứ II (Từ ngày 22-9-1980 đến 24-9-1980)	40
- Danh sách đại biểu dự thính (kèm theo biên bản Đại hội)	45
- Biên bản, Hội nghị lần thứ I Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa II	46
- Diễn văn bế mạc Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn	50
- Điện văn của đại hội đại biểu lần thứ II Đảng bộ Hoàng Liên Sơn	54
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 01-QN/TU, ngày 29-9-1980, về việc tách và nâng cấp cơ sở đảng	57
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 02-QN/TU, ngày 29-9-1980, về việc tách và nâng cấp cơ sở đảng	59
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ngày 4-10-1980, về chức năng nhiệm vụ, chế độ công tác và lễ lối làm việc của Tỉnh ủy	61
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 06-TB/TU, ngày 10-10-1980, về vấn đề cải tiến chế độ khoán trong các hợp tác xã nông nghiệp	85
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Tỉnh ủy, ngày 10-10-1980, về công tác quản lý tổ chức và cán bộ	89
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 19-QN/TU, ngày 14-10-1980, về thành lập chi bộ cơ sở	108
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 02-QN/TU, ngày 20-10-1980, về nhiệm vụ và chương trình công tác quý IV năm 1980	109

- Thông báo của Ban Chấp hành Tỉnh ủy, số 05-TB/TU, ngày 21-10-1980, về kỳ họp thứ hai của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa II) 116
- Thông báo của Tỉnh ủy, số 07-TB/TU, ngày 29-10-1980, Quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ và Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn 120
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 02-CT/TU, ngày 31-10-1980, về lãnh đạo thực hiện tốt công tác động viên tuyển quân đợt 2 năm 1980 121
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 10-TB/TU, ngày 4-11-1980, về cuộc họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 25-10-1980 124
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 45-QN/TU, ngày 5-11-1980, công nhận Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai 129
- Quyết nghị của ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 56-QN/TU, ngày 10-11-1980, chuẩn y chỉ tiêu huấn luyện năm 1981 của Trường Đảng tỉnh 131
- Công văn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 92-CV/TU, ngày 12-11-1980 133
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 54-QN/TU, ngày 12-11-1980, về việc thành lập Hội chữ thập đỏ tỉnh Hoàng Liên Sơn 134
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 55-QN/TU, ngày 12-11-1980, về việc sáp nhập Ban Nghiên cứu lịch sử Tỉnh ủy vào Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy 136
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 57-QN/TU, ngày 13-11-1980, về việc hợp nhất Ban Dân vận - Mặt trận, Ban Dân tộc và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh thành Ban Dân vận và Mặt trận tỉnh Hoàng Liên Sơn 138

- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 60-QN/TU, ngày 15-11-1980, về việc chỉ định Ban Dân vận và Mặt trận tỉnh 140
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 01-TT/TU, ngày 18-11-1980, tiến hành tổng kết công tác xây dựng Đảng 142
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 02-TT/TU, ngày 25-11-1980, triệu tập hội nghị nghiên cứu cải cách giáo dục 144
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 03-TT/TU, ngày 2-12-1980, về việc tổng kết công tác năm 1980 146
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 05-TT/TU, ngày 25-12-1980, về kiểm điểm việc thực hiện chính sách dân tộc và tổng kết phong trào hợp tác xã tiên tiến vùng cao 149
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 24-TB/TU, ngày 26-12-1980, về kết quả làm việc giữa Ban Thường vụ và Ban chỉ đạo tỉnh với Đảng ủy Mỏ apatít 152
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 30-TB/TU, ngày 29-12-1980, về việc phân công các đồng chí trong Ban chỉ đạo phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc phụ trách từng khu vực 154
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 182-QN/TU, ngày 31-12-1980, về việc thành lập tổ chức cơ sở đảng 156
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 183-QN/TU, ngày 31-12-1980, tách và thành lập tổ chức cơ sở đảng 158
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 184-QN/TU, ngày 31-12-1980, tách và thành lập tổ chức cơ sở đảng huyện Mường Khương 160
- Báo cáo của Tỉnh ủy, số 05- BC/TU, ngày 4-1-1981, tổng kết công tác kiện toàn tổ chức cấp huyện, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và củng cố cơ sở đảng theo tiêu chuẩn trong sạch và vững mạnh của huyện Văn Chấn 162
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 489-QN/TU, ngày 6-1-1981, công nhận Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần Phú 189

- Báo cáo của Tỉnh ủy, số 07- BC/TU, ngày 10-1- 1981,
kiểm điểm việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng
từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV đến nay 191
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 08-TT/TU,
ngày 16-1-1981, về việc kỷ niệm lần thứ 51 ngày thành
lập Đảng Cộng sản Việt Nam 3-2-1930 - 3-2-1981 223
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Tỉnh ủy (khóa II), số 06-
NQ/TU, ngày 19-1-1981, về phương hướng nhiệm vụ
kinh tế và xã hội trong tỉnh năm 1981 226
- Thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ (khóa II), số 39-
TB/TU, ngày 19-1-1981, về kết luận của Hội nghị lần
thứ ba Ban Chấp hành Đảng bộ (khóa II) 249
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 214-QN/TU,
ngày 10-2-1981, về việc thành lập Ban kiện toàn tổ
chức tỉnh 254
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 216-QN/TU,
ngày 10-2-1981, về việc thành lập tổ chức cơ sở đảng 256
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 217-QN/TU,
ngày 10-2-1981, về việc tách và nâng cấp tổ chức cơ sở đảng 257
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 218-QN/TU,
ngày 11-2-1981, về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế
xây dựng trụ sở Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn 259
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 219-QĐ/TU,
ngày 13-2-1981, về việc thành lập Ban chỉ đạo cải tiến
công tác khoán trong hợp tác xã nông nghiệp 261
- Kế hoạch của Tỉnh ủy, số 01-KH/TU, ngày 13-2-1981,
thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư về “Cải
tiến công tác khoán, “mở rộng khoán sản phẩm đến
nhóm lao động và người lao động” trong hợp tác xã
nông nghiệp” 263
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 228-NQ/TU,
ngày 25-2-1981, thành lập Ban chỉ đạo bầu cử Quốc hội
và Hội đồng nhân dân tỉnh 269

- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 231-NQ/TU, ngày 28-2-1981, chỉ định bổ sung Ban chỉ đạo bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh 271
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 09-TT/TU, ngày 2-3-1981, về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị 65-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác nuôi dạy trẻ 273
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 10-TT/TU, ngày 3-3-1981, về việc tổ chức đợt sinh hoạt chính trị học tập và thi hành Hiến pháp mới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 276
- Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 02- KH/TU, ngày 5-3-1981, triển khai Nghị quyết số 31 của Bộ Chính trị và nghị quyết của Tỉnh ủy về nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới 281
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 237-QN/TU, ngày 16-3-1981, về việc thành lập Ban chỉ đạo tổng kết kinh tế 5 năm 291
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 04-CT/TU, ngày 26-3-1981, tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “Phát huy bản chất tốt đẹp nâng cao sức mạnh chiến đấu” của lực lượng vũ trang nhân dân trong 2 năm 1981-1982 293
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 238-QN/TU, ngày 28-3-1981, về việc tặng thưởng cho báo Hoàng Liên Sơn 301
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 245-QN/TU, ngày 1-4-1981, chỉ định bổ sung cấp ủy 302
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 12-TT/TU, ngày 2-4-1981, về việc tổng kết công tác định canh định cư 12 năm (1969-1980) 304
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 247-QN/TU, ngày 03-4-1981, về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng pháo đài quân sự huyện 307

- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 249-QN/TU, ngày 8-4-1981, chỉ định bổ sung ủy viên Thường vụ Ban Chấp hành Đảng bộ Mỏ apatít 311
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 51-TB/TU, ngày 8-4-1981, về một số quyết nghị của hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy 312
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 251-QN/TU, ngày 9-4-1981, thành lập Chi bộ cơ sở Trường Trung học kinh tế 315
- Đề cương của Tỉnh ủy, số 14-TT/TU, ngày 10-4-1981, kiểm tra thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ chín và Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư ở các huyện vùng thấp tỉnh Hoàng Liên Sơn 316
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 13-TT/TU, ngày 11-4-1981, về việc tiếp tục lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa VII và Hội đồng nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn khóa III 321
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 52-TB/TU, ngày 18-4-1981, về việc phân công cán bộ 324
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 54-TB/TU, ngày 18-4-1981, quy định về chế độ báo cáo trong đợt vận động xây dựng pháo đài quân sự 326
- Báo cáo của Tỉnh ủy, số 15-BC/TU, ngày 24-4-1981, sơ kết sau gần một năm thực hiện một số chủ trương và biện pháp của Trung ương về công tác biên giới (5-1980 - 4-1981) 329
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 266-QN/TU, ngày 15-5-1981, về việc tách, sáp nhập và nâng cấp thành lập cơ sở đảng 344
- Báo cáo của Tỉnh ủy, số 17- BC/TU, ngày 15-5-1981, sơ kết thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Cải tiến công tác khoán, “mở rộng khoán sản

phẩm đến nhóm lao động và người lao động” trong hợp tác xã nông nghiệp” của tỉnh Hoàng Liên Sơn	346
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 267-QN/TU, ngày 15-5-1981, về việc tách và nâng cấp thành lập cơ sở đảng	363
- Quyết nghị của Ban thường vụ tỉnh ủy, số 268-QN/TU, ngày 15-5-1981, về việc tách và thành lập cơ sở đảng	365
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 275-QN/TU, ngày 2-6-1981, về việc thành lập Ban cán sự	367
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 276-QN/TU, ngày 2-6-1981, về việc chỉ định trưởng Ban cán sự	369
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 277-QN/TU, ngày 2-6-1981, về việc chỉ định Đảng đoàn	370
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 278-QN/TU, ngày 2-6-1981, về việc thành lập Ban cán sự	372
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 06-CT/TU, ngày 11-6-1981, về tăng cường công tác lãnh đạo cải tiến công tác khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp	374
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 19-TT/TU, ngày 15-6-1981, tiếp tục thực hiện Kế hoạch 09-KH/TU, ngày 8-12-1980 về tổng kết phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc	379
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 323-QN/TU, ngày 20-7-1981, về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng	382
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 324-QN/TU, ngày 20-7-1981, về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng	383
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 325-QN/TU, ngày 20-7-1981, về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng	385
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 326-QN/TU, ngày 20-7-1981, về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng	387
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 327-QN/TU, ngày 20-7-1981, về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng	389

- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 328-QN/TU, ngày 20-7-1981, về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng 391
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 329-QN/TU, ngày 20-7-1981, về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng 393
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 330-QN/TU, ngày 20-7-1981, về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng 395
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 331-QN/TU, ngày 20-7-1981, về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng 397
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 332-QN/TU, ngày 20-7-1981, về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng 399
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 333-QN/TU, ngày 20-7-1981, về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng 401
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 334-QN/TU, ngày 20-7-1981, về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng 403
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 335-QN/TU, ngày 20-7-1981, về việc sáp nhập tổ chức cơ sở đảng 405
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 343-QN/TU, ngày 5-8-1981, công nhận Ban Chấp hành Đảng bộ Xi nghiệp liên hợp chè Trần Phú 407
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 21-TT/TU, ngày 14-8-1981, về việc bồi dưỡng cán bộ chủ chốt xã 409
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 07-CT/TU, ngày 25-8-1981, về việc tập trung chỉ đạo sản xuất nông nghiệp khắc phục thiên tai, chăm bón, quyết tâm giành vụ năm 1981 thắng lợi 412
- Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 03-KH/TU, ngày 31-8-1981, tiến hành đợt sinh hoạt nâng cao phẩm chất cộng sản cho cán bộ, đảng viên 416
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 359-QN/TU, ngày 1-9-1981, về việc bổ sung và kiện toàn Ban 79 423
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 08-CT/TU, ngày 1-9-1981, về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong trường học 425

- Báo cáo của Tỉnh ủy, số 21-BC/TU, ngày 4-9-1981, tình hình thực hiện Quyết định 25, 26 và 64 của Hội đồng Chính phủ về ba phần kế hoạch khoán sản phẩm trong công nghiệp thực hiện giao nộp sản phẩm cho Nhà nước 429
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 363-QN/TU, ngày 4-9-1981, về việc tách và nâng cấp tổ chức cơ sở đảng 436
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 09-CT/TU, ngày 8-9-1981, về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ đấu tranh chống tiêu cực 438
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 85 TB/TU, ngày 8-9-1981, về việc xét duyệt và đề nghị thưởng Huân chương Lao động hạng Ba cho những đơn vị và cá nhân thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn, đã có thành tích xuất sắc trong năm 1980 442
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 10-TTTU, ngày 10-9-1981, về việc lãnh đạo cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn 444
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 372-QN/TU, ngày 11-9-1981, thành lập Ban chỉ đạo bầu cử Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã và tương đương của Tỉnh ủy 447
- Thông tri của Ban Thường vụ tỉnh ủy, số 35-TT/TU, ngày 15-9-1981, về việc kiện toàn bộ máy dân vận ở các huyện, thị ủy và cơ sở 449
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 390-QN/TU, ngày 19-9-1981, về việc thành lập Ban chỉ đạo “Xây dựng cấp huyện thành pháo đài vững mạnh” đợt 2 453
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 392-QN/TU, ngày 22-9-1981, về việc phân công Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Trưởng ban Tổ chức 456
- Báo cáo của Tỉnh ủy, số 24-BC/TU, ngày 29-9-1981, tình hình thực hiện Chỉ thị 112 của Ban Bí thư Trung ương Đảng 458

- Thông báo của Thường trực Tỉnh ủy, số 96-TB/TU, ngày 9-10-1981, về việc phân công chuẩn bị triển khai Nghị quyết về chính sách khoa học - kỹ thuật của Bộ Chính trị 467
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 97 TB/TU, ngày 10-10-1981, về một số chủ trương biện pháp thúc đẩy sản xuất, thu mua nhằm hoàn thiện tốt nhiệm vụ kế hoạch quý IV và cả năm 1981 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy 469
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 12-CT/TU, ngày 20-10-1981, về việc khẩn trương giải quyết số lao động dôi ra trong các cơ quan, xí nghiệp nhà nước thuộc địa phương quản lý 471
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 421-QN/TU, ngày 20-10-1981, về việc chỉ định Đảng đoàn 474
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 422-QN/TU, ngày 20-10-1981, về việc chỉ định Trưởng ban cán sự 476
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 423-QN/TU, ngày 20-10-1981, về việc chỉ định Ban cán sự 477
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 426-QN/TU, ngày 20-10-1981, chỉ định bổ sung cấp Ủy viên Đảng ủy Quân sự tỉnh 479
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 427-QN/TU, ngày 20-10-1981, giải thể tổ chức cơ sở đảng 481
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 428-QN/TU, ngày 20-10-1981, về sáp nhập cơ sở đảng 482
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 429-QN/TU, ngày 20-10-1981, về tách và nâng cấp tổ chức cơ sở đảng 484
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 430-QN/TU, ngày 20-10-1981, về thành lập tổ chức cơ sở đảng 486
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 29-TT/TU, ngày 20-10-1981, về việc thực hiện xây dựng nền nếp giữ gìn kỷ luật ở tổ chức cơ sở đảng 488

- Thông báo của Thường trực Tỉnh ủy, số 99-TB/TU, ngày 30-10-1981, về hội nghị công nghiệp bàn về một số biện pháp tích cực để khắc phục những khó khăn chủ yếu nhằm đẩy mạnh sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và sản xuất vật liệu xây dựng và xây dựng trong những tháng cuối năm 1981	491
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 492-QN/TU, ngày 6-11-1981, công nhận bổ sung Ủy ban Kiểm tra huyện Bắc Hà	495
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 499-QN/TU, ngày 20-11-1981, chỉ định bổ sung Ban cán sự Đảng	496
- Nghị quyết của Tỉnh ủy, số 10-NQ-TU, ngày 7-12-1981, về chương trình hành động lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng các cấp và Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng	497
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 36-TT/TU, ngày 18-12-1981, về việc củng cố và tăng cường công tác của Hội y học cổ truyền dân tộc Việt Nam trong giai đoạn mới	502
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 588-QN/TU, ngày 19-12-1981, về việc thành lập Ban trừ bì và các tiểu ban Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III	504
- Báo cáo của Tỉnh ủy, số 31- BC/TU, ngày 31-12-1981, về tình hình các mặt công tác năm 1981	511
- Kế hoạch của Tỉnh ủy, số 01-KH/TU, ngày 3-1-1981, về đợt vận động đẩy mạnh an ninh chính trị, trật tự xã hội, tăng cường quản lý thị trường	527
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Tỉnh ủy, số 11-NQ/TU, ngày 5-1-1982, về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế và xã hội năm 1982	534
- Diễn văn, Tổng kết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III (đợt 1) (6-1-1982 đến 13-1-1982)	555
- Biên bản, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ III (đợt 1)	561

- Biên Bản, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ III (đợt 1) bầu cử đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V 566
- Báo cáo của Tỉnh ủy, số 58-BC/TU, ngày 11-1-1982, về tình hình công tác 1982 570
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 40-TT/TU, ngày 29-1-1982, về việc tổng kết công tác khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp 591
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 43-TT/TU, ngày 2-2-1982, về triệu tập hội nghị cán bộ cốt cán dân tộc Dao, Giáy, Nùng toàn tỉnh 594
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 41-TT/TU, ngày 14-2-1982, về việc chuẩn bị nội dung Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III (đợt 2) 596
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 664-QN/TU, ngày 17-2-1982, về việc giải thể Đảng bộ cơ sở Nông trường Lào Cai 599
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 670-QN/TU, ngày 27-2-1982, về việc sáp nhập cơ sở đảng 600
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 671-QN/TU, ngày 27-2-1982, về việc tách cơ sở đảng 602
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 672-QN/TU, ngày 6-3-1982, về việc bổ sung Ban Chấp hành Thị ủy 604
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 674-QN/TU, ngày 6-3-1982, về việc bổ sung Ban Chấp hành Huyện ủy 605
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 13-NQ/TU, ngày 8-3-1982, về việc thành lập Tiểu ban xây dựng nghị quyết và chính sách khoa học và kỹ thuật của tỉnh 607
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 44-TT/TU, ngày 10-3-1982, triệu tập hội nghị tổng kết 1 năm khoán sản phẩm trong các hợp tác xã nông nghiệp, tổng kết sản xuất nông, lâm nghiệp năm 1981, sơ kết vụ đông - xuân

năm 1981-1982 và triển khai nhiệm vụ sản xuất nông, lâm nghiệp năm 1982	609
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 696-QN/TU, ngày 16-3-1982, về việc tách cơ sở đảng	611
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 13-CT/TU, ngày 20-3-1982, về việc tăng cường cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động theo tinh thần Chỉ thị số 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng	613
- Báo cáo của Tỉnh ủy, số 36-BC/TU, ngày 25-3-1982, kiểm điểm một năm thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về cải tiến công tác khoán trong hợp tác xã sản xuất nông nghiệp	623
- Thông báo của Thường trực Tỉnh ủy, số 141-TB/TU, ngày 27-3-1982, về việc biên soạn, xuất bản tài liệu truyền thống đoàn kết đấu tranh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của các dân tộc Mông, Dao, Giáy, Nùng	652
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 45-TT/TU, ngày 7-4-1982, về việc phát huy kết quả hội nghị cán bộ cốt cán các dân tộc Dao, Giáy, Nùng toàn tỉnh	654
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 716-QN/TU, ngày 21-4-1982, về việc thành lập tổ chức cơ sở đảng	657
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 46-TT/TU, ngày 22-4-1982, triệu tập hội nghị tổng kết cuộc vận động xây dựng huyện, thị thành pháo đài vững mạnh toàn diện năm 1981	659
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 724-QN/TU, ngày 27-4-1982, về việc giải thể Chi bộ cơ sở Trại thương binh	661
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 728-QN/TU, ngày 27-4-1982, về việc thành lập cơ sở đảng	662
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 729-QN/TU, ngày 27-4-1982, về việc sáp nhập cơ sở đảng	664

- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 151-TB/TU, ngày 10-5-1982, về việc hoãn biên soạn, xuất bản tài liệu truyền thống đoàn kết đấu tranh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của các dân tộc Mông, Dao, Giáy, Nùng 665
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 49-TT/TU, ngày 10-5-1982, về việc tuyển chọn người vào lực lượng công an nhân dân tỉnh 666
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 153-TB/TU, ngày 19-5-1982, về việc điều chỉnh phương hướng nhiệm vụ một số nông, lâm trường trong tỉnh 668
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 768-QN/TU, ngày 26-5-1982, về việc bổ sung và kiện toàn Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ của tỉnh 670
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 769-QN/TU, ngày 27-5-1982, về việc tách và sáp nhập các cơ sở đảng 672
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 770-QN/TU, ngày 27-5-1982, về việc tách cơ sở đảng 674
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 771-QN/TU, ngày 27-5-1982, về việc tách cơ sở đảng 676
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 772-QN/TU, ngày 27-5-1982, về việc tách cơ sở đảng 677
- Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 05-KH/TU, ngày 4-6-1982, triển khai đợt sinh hoạt chính trị nghiên cứu và bàn việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng 679
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Tỉnh ủy, số 14- NQ/TU, ngày 12-6-1982, về nhiệm vụ cấp bách trong việc đẩy mạnh thực hiện kế hoạch năm 1982 685
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 157-TB/TU, ngày 21-6-1982, về việc thành lập tiểu ban chỉ đạo sơ kết việc xây dựng cấp huyện 703

- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 790-QN/TU, ngày 8-7-1982, về việc tách cơ sở đảng 705
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 791-QN/TU, ngày 8-7-1982, về việc thành lập cơ sở đảng 706
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 50-TT/TU, ngày 9-7-1982, hướng dẫn kế hoạch và nội dung sơ kết công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện 708
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 780-QN/TU, ngày 15-7-1982, về việc tách và nâng cấp tổ chức cơ sở đảng 714
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 831-QĐ/TU, ngày 26-7-1982, thành lập Ban chỉ đạo tổng kết công tác kinh tế của tỉnh 716
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 06-TT/TU, ngày 7-9-1982, về việc tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch và đẩy mạnh phong trào Bảo vệ an ninh Tổ quốc và chuẩn bị tổng kết cuộc vận động vào cuối năm 1982 718
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 07-TT/TU, ngày 17-9-1982, về việc phát huy kết quả Đại hội cơ sở làm tốt Đại hội Đảng bộ huyện, thị, Đảng bộ trực thuộc, đẩy mạnh thi đua thực hiện kế hoạch nhà nước 721
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 08-TT/TU, ngày 22-9-1982, về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đoàn và phong trào thanh niên hoạt động trong lĩnh vực kinh tế 723
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 09-TT/TU, ngày 29-9-1982, về việc chỉ đạo thực hiện chính sách khuyến khích trồng cây gây rừng, tổng kiểm tra và ngăn chặn tệ phá rừng 726
- Báo cáo của Tỉnh ủy, số 56-BC/TU, ngày 30-9-1982, báo cáo sơ kết xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện 729

- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 15-NQ/TU, ngày 15-10-1982, về vấn đề đoàn kết trong nội bộ Tỉnh ủy và phân phối một số hàng hóa, vật tư chưa đúng trong thời gian vừa qua 768
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 10-TT/TU, ngày 18-10-1982, về việc kỷ niệm lần thứ 60 ngày thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết và kỷ niệm lần thứ 65 Cách mạng Tháng Mười vĩ đại 775
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 11-TT/TU, ngày 29-10-1982, về việc vận động giúp đỡ đồng bào tỉnh Nghệ Tĩnh khắc phục cơn bão số 7 780
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 12-TT/TU, ngày 29-10-1982, về việc phát động phong trào thi đua thực hiện các nhiệm vụ và kế hoạch nhà nước quý IV và năm 1982, lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III (đợt 2) 782
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 950-QN/TU, ngày 30-10-1982, về việc thành lập Ban chỉ đạo cuộc vận động giúp đỡ đồng bào Nghệ Tĩnh khắc phục hậu quả cơn bão số 7 786
- Báo cáo của Tỉnh ủy, số 46-BC/TU, ngày 3-11-1982, kết quả Đại hội Đảng bộ cơ sở đợt 2 788
- Chỉ thị của Ban thường vụ tỉnh ủy, số 15-CT/TU, ngày 7-11-1982, tăng cường lãnh đạo thực hiện những biện pháp cấp bách bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa và giữ gìn trật tự an toàn xã hội 797
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 983-QN/TU, ngày 10-11-1982, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Xí nghiệp liên hiệp chè Trần Phú 805
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 984-QN/TU, ngày 10-11-1982, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy 807

- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 985-QN/TU, ngày 10-11-1982, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy 809
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 986-QN/TU, ngày 10-11-1982, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Chấn 811
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 987-QN/TU, ngày 10-11-1982, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Than Uyên 813
- Quyết nghị của Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn, số 988-QN/TU, ngày 10-11-1982, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mù Cang Chải 815
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 989-QN/TU, ngày 10-11-1982, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Trạm Tấu 817
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 990-QN/TU, ngày 10-11-1982, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Yên Bình 819
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 991-QN/TU, ngày 10-11-1982, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Yên 821
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 992-QN/TU, ngày 10-11-1982, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Trấn Yên 823
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 993-QN/TU, ngày 10-11-1982, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Yên 825
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 994-QN/TU, ngày 10-11-1982, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Lục Yên 827
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 995-QN/TU, ngày 10-11-1982, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa 829

- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 996-QN/TU, ngày 10-11-1982, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Văn Bàn 831
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 997-QN/TU, ngày 10-11-1982, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng 833
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 998-QN/TU, ngày 10-11-1982, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai 835
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 999-QN/TU, ngày 10-11-1982, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Hà 837
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1000-QN/TU, ngày 10-11-1982, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương 839
- Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 10-KH/TU, ngày 10-11-1982, kiểm tra chất lượng công tác phát thể đảng viên 841
- Biên bản Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ngày 13-11-1982 846
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 49-BC/TU, ngày 14-11-1982, về kết quả Đại hội các đảng bộ huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc đợt 2 852
- Báo cáo của Ban Chấp hành Tỉnh ủy, số 50-BC/TU, ngày 19-11-1982 864
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1063-QN/TU, ngày 27-11-1982, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Yên Bái 866
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1064-QN/TU, ngày 27-11-1982, chuẩn y Ban Chấp hành Huyện ủy Bát Xát 868
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1066-QN/TU, ngày 30-11-1982, về việc kiểm tra công tác tài chính

Đảng và chế độ quản lý tài sản của Ban Tài chính - Quản trị Tỉnh ủy	870
- Báo cáo của Tỉnh ủy, số 52-BC/TU, ngày 30-11-1982, kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy (khóa II)	872
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 231-TB/TU, ngày 3-12-1982, về Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với việc thành lập Sở Tư pháp và hệ thống cơ quan Tư pháp trong tỉnh	881
- Báo cáo của Tỉnh ủy, số 53-BC/TU, ngày 4-12-1982, tổng kết về đợt sinh hoạt chính trị nghiên cứu và bàn việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng	884
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1140-QN/TU, ngày 25-12-1982, về chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra của Đảng ủy Công an tỉnh	892
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1141-QN/TU, ngày 25-12-1982, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra của Huyện ủy huyện Trấn Yên	893
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1142-QN/TU, ngày 25-12-1982, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra của Huyện ủy huyện Sa Pa	895
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1143-QN/TU, ngày 25-12-1982, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra của Huyện ủy huyện Văn Chấn	897
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1144-QN/TU, ngày 25-12-1982, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra của Thị ủy thị xã Lào Cai	899
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1145-QN/TU, ngày 25-12-1982, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra của Huyện ủy huyện Lục Yên	901
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1146-QN/TU, ngày 25-12-1982, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra của Huyện ủy huyện Yên Bình	902

- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1147-QN/TU, ngày 25-12-1982, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra của Huyện ủy huyện Bắc Hà 904
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1148-QN/TU, ngày 25-12-1982, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra của Đảng ủy Mỏ apatít 906
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1149-QN/TU, ngày 25-12-1982, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra của Huyện ủy huyện Bảo Yên 907
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1150-QN/TU, ngày 25-12-1982, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra của Huyện ủy huyện Than Uyên 909
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1151-QN/TU, ngày 25-12-1982, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra của Huyện ủy huyện Văn Yên 911
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1152-QN/TU, ngày 25-12-1982, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra của Đảng ủy Xí nghiệp liên hợp công - nông nghiệp chè Trần Phú 913
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1153-QN/TU, ngày 25-12-1982, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra của Huyện ủy huyện Mường Khương 915
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1154-QN/TU, ngày 25-12-1982, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra của Huyện ủy huyện Văn Bàn 916
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1155-QN/TU, ngày 25-12-1982, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra của Huyện ủy huyện Mù Cang Chải 918
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1156-QN/TU, ngày 25-12-1982, chuẩn y danh sách Ủy ban Kiểm tra của Đảng ủy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh 919

- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 1157-NQ/TU, ngày 25-12-1982, về việc thành lập Phân hội hữu nghị Việt - Xô tỉnh Hoàng Liên Sơn 921
- Điều lệ Hội hữu nghị Việt - Xô (do Đại hội đại biểu toàn quốc Hội hữu nghị Việt - Xô thông qua ngày 11-11-1980) 923

Chịu trách nhiệm xuất bản

Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung

ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
ThS. NGUYỄN MINH

Biên tập nội dung:	PHẠM THỊ HUỆ
Trình bày bìa:	MINH TRANG
Chế bản vi tính:	SONG HIẾU
Sửa bản in:	PHẠM THỊ HUỆ - LAN ANH
Đọc sách mẫu:	LÊ HỒNG SƠN

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

6/86 Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội

ĐT: 080.49221 Fax: 080.49222

Email: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn

VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ
TOÀN TẬP
12
(1980 - 1982)